

TÙ QUÂN - DƯƠNG HẢI



LỊCH SỬ KỸ NỮ

CAO TỰ THANH dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lịch sử kỹ thuật

Dịch từ nguyên bản Hoa văn **Kỹ nữ sứ**,
Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1995

Tử Quân, Dương Hải

Lịch sử kỹ nữ

Cao Tự Thành dịch

Nhà xuất bản TRẺ

Mục lục

* Lời người dịch	7
* Lời nói đầu	11
I. Định nghĩa và diễn biến về tên gọi của kỹ nữ	11
II. Phân loại và phân hạng kỹ nữ	20
* Chương 1. Lịch sử nghề kỹ nữ	44
I. Nguồn gốc của nghề kỹ nữ	44
II. Sự phát triển của nghề kỹ nữ	49
III. Sự phồn vinh của nghề kỹ nữ	66
IV. Sự cực thịnh của nghề kỹ nữ	105
V. Sự suy vong của nghề kỹ nữ	121
* Chương 2. Nguồn gốc của kỹ nữ	131
I. Tù nhân	131
II. Sung công	134
III. Buôn người	139
* Chương 3. Kỹ viện	143
I. Danh xưng, đẳng cấp và cách cục của kỹ viện	143
II. Quy củ và tiếng lóng trong kỹ viện	153
III. Nhân viên trong kỹ viện	165
* Chương 4. Phương thức tiếp khách của kỹ nữ	173
I. Phương thức tiếp khách của kỹ nữ	173
II. Việc Buộc lược của kỹ nữ	184
* Chương 5. Gió trăng kỹ viện	189
I. Bí quyết tiếp khách của kỹ nữ	189
II. Bí quyết trong phòng của kỹ nữ	196

III. Chế độ hàng ngày của kỹ nữ	200
IV. Những lối lừa gạt của kỹ nữ	205
* Chương 6. Sinh hoạt thường ngày của kỹ nữ	209
I. Sinh hoạt thường ngày của kỹ nữ	209
II. Phục sức và trang điểm của kỹ nữ	213
III. Bài tri trong phòng kỹ nữ	228
* Chương 7. Tôn giáo, tín ngưỡng và tập tục của kỹ nữ	235
I. Tổ sư gia và thần bảo hộ của kỹ nữ	235
II. Tôn giáo, tín ngưỡng, mê tín và kiêng kỵ của kỹ nữ	244
III. Kỹ nữ với phong tục tập quán	250
* Chương 8. Tài hoa và công lao của kỹ nữ	262
I. Kỹ nữ với ngữ ngôn văn học	263
II. Kỹ nữ với âm nhạc ca múa	278
III. Kỹ nữ với nghệ thuật thư họa	290
IV. Kỹ nữ với các bộ môn khác	294
* Chương 9. Số phận bi thảm của kỹ nữ	302
I. Cái chết êm thắm của kỹ nữ	302
II. Nỗi thống khổ của kỹ nữ	310
III. Lối thoát của kỹ nữ	320

Lời người dịch

Nghề kỹ nữ, gái thanh lâu là một hiện thực mặt trái, một chỉ báo nêu lòng về hiện trạng cơ hàn và khuynh hướng suy thoái của xã hội. Trong sự phân hóa xã hội không thể tránh khỏi bắt nguồn từ việc chuyển qua kinh tế thị trường và mở cửa hiện nay, Việt Nam cũng đang đứng trước thực trạng nhức nhối này. Nhưng khác với nhiều quốc gia, pháp luật Việt Nam không thừa nhận hoạt động mại dâm mua bán thân xác và chà đạp nhân phẩm của con người bất kể dưới hình thức nào, nên hiện tượng mại dâm ở Việt Nam hiện nay mang trong nó những vấn đề về kinh tế, văn hóa - lối sống cũng như quản lý xã hội cần được quan tâm tìm hiểu.

Nhìn từ phương diện kinh tế, mại dâm là một hoạt động dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu tình dục của con người. Xã hội luôn luôn có một bộ phận nhu cầu tình dục không được đáp ứng trong gia đình và bằng gia đình, và bất kể nhu cầu ấy có chính đáng tức phù hợp với luân lý và pháp luật hay không thì nó vẫn là một nhu cầu có thật, nên để giải quyết nhu cầu này một cách "lương thiện", nhiều người cả đàn ông lẫn đàn bà phải bỏ tiền ra để mua sự đáp ứng từ các dịch vụ mại dâm. Chính nhu cầu tự nhiên này đã khiến nghề mại dâm có một sức sống bệnh hoạn nhưng dai dẳng, bắng chứng là nó đã tồn tại nhiều ngàn năm nay và thâm nhập vào nhiều hoạt động dịch vụ khác như bán bia, bán café, cắt tóc, massage. Bên cạnh đó, cần nhấn mạnh rằng khác với mọi động vật mà hoạt động tình dục chỉ nhằm chức năng duy trì giống nòi, hoạt động tình dục của con người mang tính giải trí nhiều hơn tinh thiết yếu, nên nhu cầu tình dục của con người cũng phát triển theo với sự tăng trưởng về kinh tế và mức sống cũng như không lạ gì mà trong thực tế chuyện mua dâm thường chỉ là khâu Z trong quy trình truy hoan của

một số kẻ có tiền. Mặt khác nhìn chung sự thỏa mãn yêu cầu tự nhiên này thường được thực hiện một cách tự phát, nhưng chính vì vậy mà mại dâm luôn có quan hệ với văn hóa và lối sống. Chẳng hạn có thể coi việc các thiếu nữ nhà nghèo ở đồng bằng sông Cửu Long đang chạy theo (hoặc bị ép tham gia) phong trào lấy chồng người Đài Loan để "đổi đời" và giúp đỡ gia đình về thực chất là một hành vi mại dâm. Một số nữ sinh con nhà giàu không may nghiện ma túy có lúc vã độ phải hiến thân để đổi lấy vài bì, đó cũng là hành vi mại dâm. Hoặc giả (xin lỗi giới sư phạm) nếu chẳng may một ông thầy nào đó dùng điểm số để ép sinh viên nữ phải hiến thân, thì từ phía nữ sinh ấy đó cũng là một hành vi mại dâm dù rằng không tự nguyện. Đồng thời, tính chất giải trí trong hoạt động tình dục của con người đã cung cấp nhiều chủ đề cho hoạt động mại dâm từ các thanh lâu cổ điển tới "công nghiệp tình dục" hiện đại với đủ thứ sản phẩm nghe nhìn, đủ kiểu chiều lòng Thượng đế. Còn từ phía những người thực hiện dịch vụ ấy mà nhìn, thì mại dâm là một loại doanh nghiệp gần như không cần vốn đầu tư cơ bản hay chi phí đào tạo. Ai có khả năng sinh hoạt tình dục đều có thể bán dâm. Nhưng đây là một công việc khổ sai, một nghề nghiệp hạ cấp, nên trong thực tế thì kỹ nữ thường chỉ được coi là loại tiện dân hay công dân loại hai - hầu như không có gái mại dâm nào nhờ tới pháp luật và công lý bảo vệ họ thoát khỏi sự bóc lột ngược đãi của đám lưu manh, chủ chứa. Ngăn chặn tệ nạn mại dâm do đó phải bắt đầu từ việc cô lập việc mại dâm, hạn chế mối liên hệ giữa nó với xã hội và cắt đứt sự liên hệ của nó với xã hội đen... Có lẽ chính vì chưa chú ý tới điều này nên trong mươi năm nay, mặc dù dư luận đã nhiều lần lên tiếng cũng như chính quyền đã có nhiều nỗ lực ngăn chặn, nạn mại dâm với các biến tướng của nó vẫn ngày càng lan rộng và đến hiện nay thì đã đạt tới mức báo động với tình hình "trẻ hóa" hay sự gia tăng một cách đột biến tỷ lệ số người nghiện ma túy và nhiễm HIV trong đội ngũ gái mại dâm. Ngoài ra, là một trong năm tệ nạn xã hội (Ngũ độc) lâu đời và phổ biến nhất trong lịch sử loài người, cũng như bốn tệ nạn ăn mày, cờ bạc, lưu manh và thuốc phiện - ma túy, nghề mại dâm có một khả năng thích ứng rất cao với hoàn cảnh, nên nạn mại dâm hiện nay còn phát triển theo hướng có quan hệ ngày càng mật thiết với những yếu kém về năng lực và sự tha

hóa về phẩm chất của nhiều cá nhân trong bộ máy nhà nước, trở thành một thách đố đối với hệ thống quản lý xã hội. Cho nên để ngăn chặn tệ nạn mại dâm một cách hữu hiệu thì một trong các công việc phải làm là nghiên cứu những nguồn gốc phát sinh, điều kiện tồn tại và quy luật phát triển của nghề mại dâm nói chung và của tệ nạn mại dâm nói riêng.

Kỹ nữ sử (Lịch sử kỹ nữ) của Từ Quân và Dương Hải, Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1995 là một công trình nghiên cứu về nghề kỹ nữ ở Trung Quốc theo định hướng khoa học ấy. Ngoài **Lời nói đầu** có thể coi như Chương mở đầu, sách gồm chín chương **Lịch sử nghề kỹ nữ**, **Nguồn gốc của kỹ nữ**, **Kỹ viện**, **Phương thức tiếp khách của kỹ nữ**, **Gió trăng kỹ viện**, **Sinh hoạt thường ngày của kỹ nữ**, **Tôn giáo tín ngưỡng và tập tục của kỹ nữ**, **Tài hoa và công nghiệp của kỹ nữ**, **Số phận bi thảm của kỹ nữ**. Trên phương diện nhìn nhận nghề kỹ nữ từ góc độ cấu trúc xã hội, mặc dù các cứ liệu được khảo sát và dẫn chứng trong quyển sách chủ yếu lấy từ lịch sử Trung Quốc, công trình này vẫn có những giá trị tổng kết chung nhất định, và vì vậy cũng là một tác phẩm bổ ích không những với người đọc Trung Quốc mà còn cả với người đọc Việt Nam. Dĩ nhiên trong con mắt của những người đọc cầu toàn thì quyển sách vẫn còn một số khiếm khuyết, chẳng hạn dường như các tác giả cố né tránh thực trạng mại dâm và chính sách đối với nghề mại dâm của nhà nước Trung Quốc hiện nay, nhưng đây cũng là một nạn đề chung của các nước đang phát triển, khi vũng xoáy kinh tế hàng hóa đã hút một bộ phận cư dân xuống đáy vực của cơ chế thị trường...

Nhiều năm nay, khoa học xã hội Trung Quốc phát triển mạnh theo hướng hệ thống hóa và tổng kết truyền thống văn hóa và tiến trình lịch sử của đất nước như một sự chuẩn bị về tri thức và tinh thần cho việc cất cánh của quốc gia này trong thời gian tới. Quyển **Kỹ nữ sử** cùng các quyển **Lưu manh sử**, **Khất cái sử**, **Đổ bác sử** trong Tủ sách Trung Quốc xã hội dân tộc sử tùng thư của Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã viết về các tệ nạn xã hội như lưu manh, ăn mày, cờ bạc vừa là sự thể hiện sinh động vừa là sự phản ánh

trung thành đường hướng ấy. Cho nên là một người đọc sách, chúng tôi cũng dịch quyển sách này với chút ít ngâm ngữ “Trông người mà ngẫm đến ta”...

Lời nói đầu

I. Định nghĩa và diễn biến về tên gọi của kỹ nữ

1. Định nghĩa kỹ nữ

"Kỹ nữ" là một danh từ, trong con mắt của người hiện nay thì thường kết hợp làm một với việc bán dâm, như *Tử hải giải thích* "Kỹ nữ là phụ nữ bị ép bức bán dâm trong xã hội cũ". Nhưng nhìn từ lịch sử phát triển của nghề kỹ nữ ở Trung Quốc thì đó là một cách giải thích rất sai lầm.

Nhìn từ từ nguyên, kỹ nữ hoàn toàn không phải là phụ nữ lấy việc bán dâm làm nghề nghiệp, mà vốn làm việc ca múa. Như *Thuyết văn giải tự* nói "Kỹ là vật dùng nhỏ của phụ nữ". Đoàn Ngọc Tài chú "Nay tục thường dùng chữ kỹ", Trương Tập thời Ngụy giải thích Kỹ là "gái đẹp". *Thiết văn* của Lục Pháp Ngôn thời Tùy nói "Kỹ là nữ nhạc". Các sách *Chinh tự thông*, *Khang Hy tự điển* về sau cũng giải thích Kỹ là "nữ nhạc".

Nữ nhạc thời cổ thường dùng chỉ phụ nữ dung mạo xinh đẹp, giỏi ca múa âm nhạc. Như *Quản tử*, *Khinh trọng giáp* nói "Vua Kiệt ngày xưa có ba vạn nữ nhạc, sáng ra tấu nhạc vang tối đường cái". *Điêm thiết luận*, *Lực canh* nói "Thời vua Kiệt nữ nhạc đầy cung, áo xiêm thêu thủa lộng lẫy. Cho nên Y Doân qua đời lâu năm, thì sau cùng nữ nhạc làm mất nước".

Lại chữ Kỹ (*nữ + chi*) thời cổ dùng thông với các chữ Kỹ (*nhân + chi*), Kỹ (*thủ + chi*)⁽¹⁾. Như *Tân Đường thư*,

(1) *Khang Hy tự điển* giải thích chữ Kỹ như sau "Lại như *Chinh vận* giải thích là ý kỹ thiết, âm kỹ, nghĩa cũng như thế".

Nguyên Tái truyện "Danh xu dị kỹ (kỹ = nhân + chi), tuy cấm trung bất đệ" (Kỹ nữ danh kỹ, tuy trong cung cấm cũng không xa). *Thư, Thái thê* viết "Vô tha kỹ (kỹ = thủ + chi)" (Không có tài gì khác). *Thích văn* "Vốn cũng dùng làm chữ kỹ (nhân + chi)". Chữ Kỹ ở đây chính là chỉ tài nghệ của kỹ nữ trong âm nhạc vũ đạo và các môn nghệ thuật giải trí, Kỹ (nhân + chi) là kỹ năng ca múa và người luyện tập những kỹ năng ấy.

Chữ Kỹ (*nữ + chi*) và Kỹ (*nhân + chi*) thời cổ còn dùng thông với các chữ Xương (*nữ + xương*), Xương (*nhân + xương*), cũng chỉ phụ nữ theo làm việc ca múa nghệ thuật. Như *Hậu Hán thư*, *Lương Ký truyện* "Trong phủ đệ có nhiều xương kỹ, đánh chuông thổi sáo, ca hát rộn rã". *Cựu Đường thư*, *Thiên Trúc quốc truyện* nói "Trăm họ thích nhạc, nhà có xương kỹ".

Ngoài ra, từ tình hình sử dụng từ Kỹ nữ sớm nhất mà nhìn thì cũng dùng chỉ phụ nữ làm nghề ca múa nghệ thuật. Như *Hậu Hán thư*, quyển 64 *Lương Thống truyện phụ Lương Ký* viết "Nhân đi trên đường, bắt kỹ nữ về hầu". *Hậu Hán thư*, quyển 72, *Tế Nam An vương Khang truyện* chép "Lúc (Lưu) Thố làm Thái tử, thích kỹ nữ đánh trống thổi sáo Tống Nhuận, sai thầy thuốc Trương Tôn gọi tới".

Từ đó có thể thấy, ý nghĩa đầu tiên và ý nghĩa hiện đại của từ "kỹ nữ" khác nhau rất xa, là chỉ một loại phụ nữ chủ yếu theo làm việc nghệ thuật âm nhạc ca múa để mua vui cho người khác, bán dâm hoàn toàn không phải là nghề chính của họ.

Ý nghĩa hiện đại của từ "kỹ nữ" chủ yếu là chỉ loại thị kỹ (kỹ nữ ở thành thị) đem bán thân xác của mình đánh đổi lấy tiền của khách chơi. Nó manh nha từ thời Đường Tống, định hình trong thời Minh Thanh. *Tạ Triệu Chiết* thời Minh trong *Ngũ tap trả* nói "Hiện nay kỹ nữ đầy rẫy thiên hạ, ở các đô hội lớn có tới hàng ngàn hàng vạn, còn ở các châu nhỏ

huyện xa thường thường cũng có. Suốt ngày dựa cửa đón khách, bán dâm để sống, sinh kế tới mức ấy, kể cũng đáng thương!". Đúng là hiện tượng ấy từ giữa thời Minh trở đi rất thịnh hành, mới khiến "bán dâm" đồng nghĩa với "kỹ nữ".

Tóm tắt những điều nói trên, chúng ta có thể thấy sự phát triển của nghề kỹ nữ đại khái trải qua ba giai đoạn: 1. Giai đoạn bán nghề là chủ yếu (từ Hạ Thương đến Ngụy Tấn Nam Bắc triều), 2. Giai đoạn coi trọng cả nhan sắc lẫn tài nghệ (thời Tùy Đường Tống Nguyên), 3. Giai đoạn bán dâm là chủ yếu (từ thời Minh Thanh đến trước khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa). Vì thế, chúng ta có thể định nghĩa về khái niệm kỹ nữ như sau, tức: kỹ nữ là loại phụ nữ đưa nhan sắc và tài nghệ của mình ra bán để lấy tiền.

2. Phạm vi của kỹ nữ

Phạm vi kỹ nữ, có thể phân chia theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng.

Trước hết, từ mức độ bán dâm của kỹ nữ mà nhìn thì có thể chia làm hai loại nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Kỹ nữ về nghĩa hẹp là lấy tiền bạc làm mục đích, công khai bán nhan sắc và tài nghệ của mình để làm thỏa mãn xác thịt cho người khác. Nhưng kỹ nữ theo nghĩa rộng còn bao gồm rất nhiều biến tướng của kỹ nữ, như kỹ nữ phục vụ các quán cà phê ở Thương Hải thời cận đại, chiêu đãi viên nữ ở những nơi giải trí phục vụ massage, tuy không công khai bán thân, nhưng phần lớn ngầm lấy việc bán dâm làm nghề phụ.

Thứ hai, từ việc bán dâm của kỹ nữ mà nhìn cũng có thể chia làm hai loại nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Kỹ nữ theo nghĩa hẹp chỉ sự trao đổi tình tiền trong khái niệm truyền thống lấy tính giao làm nội dung. Còn kỹ nữ theo nghĩa rộng bao quát những hành vi cung cấp các dịch vụ tình dục cho khách chơi, như Gái bia ôm (Tam bồi nữ lang) ngày nay

chính thuộc loại này.

3. Tên gọi của kỹ nữ

Tên gọi của kỹ nữ rất nhiều, không thể kể hết. Sau đây chỉ kể qua một số loại thường gặp.

1. Thần nữ. Vốn xuất từ bài *Thần nữ phú* và *Cao Đường phú* của văn gia Tống Ngọc nước Sở thời Chiến quốc. *Thần nữ phú* có câu "Phù hà thần nữ chi giao lệ hề, hàm âm dương chi ác súc" (Thần nữ sao mà xinh đẹp chừ, gom âm dương mà điểm trang). Bài tựa *Cao Đường phú* nói "(Hoài vương) mộng thấy một cô gái nói: Thiếp là gái Vu Sơn, làm khách Cao Đường, nghe vua tới chơi Cao Đường, xin hầu chăn gối. Vua bèn ân ái với nàng". Người sau dựa theo đó gọi kỹ nữ là Thần nữ, như Lý Thương Ân thời Đường có câu thơ "Thần nữ sinh nhai nguyên thị mộng, Tiểu cô cù xử bắn vô lang" (Thần nữ sinh nhai là mộng ảo, Tiểu nương ăn ở chẳng chồng con)⁽²⁾.

2. Dạ dộ nương. *Nhạc phủ thi tập*, quyển 49, *Dạ dộ nương* "Dạ lai mạo sương tuyết, Thần khứ lý phong ba. Tuy đắc tư vi tình, Nại nùng thân khổ hà" (Tuyết sương đêm gấp bước, Sóng gió sáng rời chân, Tuy được chút tình nghĩa, Mà chuốc khổ vào thân).

3. Phong thanh phụ nhân. Lưu Sùng Viên nhà Nam Đường thời Ngũ đại trong *Kim hoa tú* quyển thượng viết "Cao Yến công (Biền) lúc ở Hoài Nam, làm Tri huyện Giang Dương, có em trai lấy một Phong thanh phụ nhân làm ca cơ trong nhà". Lại như Vương Đặng thời Tống trong *Đường ngũ lâm* quyển 7 viết "(Ngưu Tăng Nhụ nói với Đỗ Mục): Nếu có Phong thanh phụ nhân liếc nhìn, có thể đưa về nhà, dùng để họ đi trong đêm một mình".

(2) Lý Nghĩa Sơn thi tập, quyển 5, Vô đê nhi.

4. Đinh lão. Một cách xưng hô khinh bạc đối với kỹ nữ, là tiếng lóng trên giang hồ từ thời Tống Nguyên trở đi. *Nam từ tự lục* của Từ Vị thời Minh "Đinh lão là hồn danh của kỹ nữ". *Kim Lăng lục viện thi ngũ* "Các cô nương nhỏ gọi là Đinh lão". *Tinh thế hăng ngôn* quyển 31 "Nàng là người đứng đầu trong giới phong lưu ở hai kinh, tên Vương Thiến, chính là Đinh lão mà Trương Viên ngoái nhắc tới".

5. Khổ hải nhân. *Liêu Trai chí dị. Bành Hải Thu* "Ông đứng vì kẻ phong trần mà vứt bỏ, nên tha thứ bao dung cho Người trong biển khổ (Khổ hải nhân) này".

6. Tiêu thư. *Đào Chu tân lục* "Thị lang bộ Lai Trần Ngạn Tu có thị cơ gọi là Tiêu thư, ốm yếu nhiều bệnh". *Di kiêm tam chí kỹ*, quyển 4, *Phó Cửu Lâm tiêu thư* "Phó Thất lang là người Kỳ Xuân. Con thứ hai của y gọi là Phó Cửu, hai mươi chín tuổi, thích chơi bời, thường làm ăn chung với kỹ viện, lại dan díu với nhạc kỹ là Lâm tiêu thư".

7. Tiểu nương. Lý Hạ thời Đường trong *Ca thi biên. Lạc khu Chân Châu* viết "Chân Châu tiểu nương hạ Thanh quách, Lạc uyển hương phong khí chước chước" (Chân Châu tiểu nương xuống Thanh Quách, Lạc uyển gió thơm hơi rực rực). Bài *Tranh* của Nguyên Chẩn trong *Tài diệu tập* quyển 5 viết "Cấp huy vũ phá thôi Phi Yến, Mạn trực ca từ lộng Tiểu nương" (Khua mau điệu múa xô Phi Yến, Đàn chậm lời ca gheo Tiểu nương). Bài từ *Nam ca tử, Quách Tiểu nương đạo trang* của Hướng Tử Yên thời Tống viết " Dao lâm ngọc thụ xuất phong trần, Bất thị dã thảo nhàn hoa, Đẳng nhàn xuân" (Rừng dao cây ngọc ruồi phong trần, Không phải hoa đồng cỏ nội, Đẹp tinh xuân). *Kim tiền kỹ* màn 1 "Chính là người tiểu nương xinh đẹp yêu, là tiên chủ chứa yêu". *La Lý lang* màn 1 "Tiền ca hát là mỗi khi uống rượu đùa giỡn cùng Tiểu nương, có đàn xướng theo hồn". *Tục Tiểu nương ca* của Nguyên Hiếu Văn có câu "Xướng đắc tiểu nương tương kiến khúc, Bất giải ly hương khứ quốc tình"(Tiểu nương hát khúc ca ra mắt,

Quên hết niềm riêng nhớ cố hương).

8. Tiếu bát đầu. Thời Tống Nguyên, dân gian gọi kỹ nữ hát rong là "Tiếu bát đầu". Như *Khốc hàn đình* màn 3 "Vừa không có nàng xinh đẹp nào đưa người rước khách, vừa không có Tiểu bát đầu nào son nồng phấn nhạt, vừa không có đại hàng thủ nào múa giỏi hát hay".

9. Vương mẫu. Một tên gọi của quan kỹ thời Tống Nguyên. *Khốc hàn đình* của Tiết Tử "Ta từng làm Vương mẫu ba năm, bây giờ đã nạp đủ tiền cho quan, đi lấy chồng".

10. Phong trần. Phong trần ở thời Tống Nguyên dùng chỉ kỹ viện, cũng dùng chỉ kỹ nữ. Liễu Vĩnh trong bài *Thiếu niên du* nói "Tâm tính ôn nhu, Phẩm lưu cao nhã, Bất xứng tại phong trần" (Tâm tính dịu dàng, phẩm hạnh cao nhã, không đáng ở chốn phong trần). *Hậu thôn thi thoại* của Lưu Khắc Trang viết "Kỹ nữ Biện Châu là Thái Nô... Phan Tử Tiện đề bức tranh truyền thần của nàng rằng: Kẻ phong trần trong niên hiệu Gia Hựu cũng thế, mới nhiều làm sao!". *Cửu phong trần* màn 3 "Muội tử, cô thử xem ta trăng gió cựu phong trần".

11. Thủ biếu. *Sự lâm quảng ký tục tập*, quyển 8, *Ỷ đàm thi ngũ* nói "Biểu là phụ nữ, Dụng biểu là sai khiến phụ nữ. Thủ biếu là ca kỹ, thiếu nữ gọi là Ngũ giác biểu".

12. Sinh. Thời Tống gọi kỹ nữ là Sinh⁽³⁾, như *Mặc trang mạn lục*, quyển 8 "Trong niên hiệu Chính Hòa, kỹ viện ở Biện Kinh rất thịnh, mà hai danh kỹ Lý Sư Sư, Thôi Niệm Nguyệt nổi tiếng một thời... danh tiếng lừng lẫy trong nước. Lý sinh là mòn đệ lại càng xinh đẹp... Trong niên hiệu Tinh

(3) Từ Sĩ Loan, *Tống diêm*, quyển 6 "Gọi kỹ nữ là sinh, không biết bắt đầu từ lúc nào. Từ Hồng Đình trong *Tục Bản sự thi* chép bài *Thương Chu sinh* của Trung lang Viên Hoằng Đạo, dưới nhan đề chú thích: Người đất Ngò gọi kỹ nữ là sinh, đại khái bắt đầu từ thời Tống".

Khang, Lý sinh và đồng bối là Triệu Nguyên Nô và bọn Viên Dao, Vũ Chấn đá cầu thối sáo đăng ký vào nhà ấy. Lý sinh lưu lạc tới Chiết Trung”.

13. Hàng viện. *Lương Châu đệ thất*, Kỹ môn đình của Chu Đình Ngọc “Quả thật chưa từng thấy Hàng viện thứ thiệt, tuy là kẻ nữ lưu ngụ ở đường hoa ngõ liễu, còn ai nhò nhoi hèn hạ hơn”.

14. Hoa dán. *Tống Nguyên hý văn tập dật*. Lý Uyển phục lục xướng “Môn đình này khó tự chọn, rơi vào đó thì lại làm Hoa dán”. *Thanh lâu tập*, quyển 2, Lý Định Nô viết “Phàm kỹ nữ lấy mực chấm nốt ruồi trên mặt gọi là Hoa dán”.

15. Hoa nương. Mai Nghiêu Thần trong *Hoa nương ca* viết “Hoa nương thập nhị nồng ca vũ, Tịch thậm thanh danh cư Nhạc phủ” (*Hoa nương* mười hai biết ca múa, *Tiếng tăm* lẫy lừng nơi Nhạc phủ). *Nam thôn chuyết canh lục*, quyển 14, *Phụ nữ viết nương* “Phụ nữ ca xướng gọi là Hoa nương”.

16. Hoa cô. *Dạ hành thuyền*, *Hồi ngộ* của Chu Đình Ngọc “Nhược thị tự gia không tàng bình, Mộng táp liêu đình, Hoa cô bất trọng Nữ nao khinh, Nhiệm thùy kiến canh” (Nếu như riêng mình cứ nín hơi, Mộng rắc tai bời, Hoa cô không trọng Nữ nao khinh, Mặc ai sụt sùi).

17. Đệ tử. *Khốc hàn đình* màn 1 “Hàng ngày ở trong kỹ viện say mê một đệ tử đưa người cửa trước rước người cửa sau”. *Tạ Thiên Hương* màn 1 “Nếu mua được người xinh đẹp thì cho vào chỗ Lâm Lão Lai mà gọi là Đệ tử”. *La Lý lang* màn 3 “Đem gia tài tiêu pha bừa bãi, chiếm ca cơ nuôi đệ tử, ta lời ngay ăn trái tai”.

18. Kỹ đệ. Thời Tống Nguyên dùng từ Đệ tử gọi kỹ nữ với ý khinh rẻ, còn có cách nói dùng liền hai từ Biểu tử, Kỹ đệ với khẩu khí khinh bạc. *Đô thành kỹ thăng*, *Tiểu tú chép* “Các hàng rượu ở Thiên phủ đến trước tiết Hàn thực thì bán

ruou nóng, trước sau tiết Trung thu thì hán ruou mới. Tất cả đều dùng Kỹ đệ cưỡi ngựa trang sức theo loại hạng ba... kèn trống ầm ī kéo tới phủ lỵ". *Kinh bản thông tục tiểu thuyết*, Tây sơn nhất quật quý "Uống thêm một chén, ta sẽ đi với ngươi. Chúng ta qua nhà Kỹ đệ ở đường Cửu Lý Tùng núi Đà Hiến ngủ lại một đêm".

19. Biểu tử. Cũng gọi là Biểu (*biểu = nữ + biểu*) tử, chỉ kỹ nữ. *Thế sự thông khảo*, quyển 1, *Nhân vật* của Lục Khu Văn thời Minh "Biểu tử. Biểu là áo ngoài, ý nói kỹ nữ không phải vợ trong nhà, chỉ làдан dív tạm bợ bên ngoài" *Khúc Giang tri* màn 2 "Cũng vì ta nhất thời bị ma làm mờ mắt, mới rơi vào tay con Biểu tử ấy".

20. Thư thư. *Phong quang hảo*, màn 4 "Thư thư từ khi chia tay tới giờ vẫn khỏe, ta nhớ nàng muôn chết".

21. Khoa tử. *Cứu phong trần* màn 3 "Không cần hỏi là Khoa tử tư hay quan kỳ, khi nào có khách tốt tới quán trọ của ông thì ông cứ tới gọi tôi". *Bách hoa đinh* màn 2 "Ta vớ được một á Khoa tử, tên là Ma bắt suông".

22. Phấn đầu. *Thế sự thông khảo* của Lục Khu Văn thời Minh "Phấn đầu là gọi kỹ nữ, ý nói lấy phấn thoa lên mặt". *Kim tuyến tri* màn 2 "Nay lại vớ được một á Phấn đầu, còn lấm lì hơn cả ta". *Trần Châu điêu mê* màn 1 "Hai người chúng ta chẳng có việc gì quan trọng, cứ lê cái chân chó tới nhà Phấn đầu Loan Vương uống rượu". *Kim Bình Mai* hồi 15 "Lời tục có câu "Con em tốt không chơi một á Phấn đầu, Phấn đầu cũng không tiếp một lão già".

23. Phấn đoàn nhi. *Hồng tú hài, Hồ thương* của Trương Khă Cửu "Cưỡi ngựa Thanh ty ngọc diện, ca Kim lù Phấn đoàn nhi, Biết đời người phải hành lạc vậy". Lại như *Tiểu đào hồng, Hồ thương hòa Lưu Thời Trung* viết "Tam huyền ngọc chỉ, Sóng câu thảo tự, Đề tặng Phấn đoàn nhi" (Ba dây ngón ngọc, Đề hài chữ thảo, Đề tặng Phấn đoàn nhi).

24. Yên nguyệt. *Tạ Thiên Hương* màn 4 "Ngươi không chịu Yên nguyệt rời lâu kim điện các, Ta thì sợ bọn trộm hoa và đám nhà giàu". *Lưu Hàng thủ* màn 3 "Ba trăm năm giữ gìn mộ cổ, hai mươi năm Yên nguyệt hây còn".

25. Yên hoa. *Thủy hử truyện* hồi 32 viết "Chỉ vì giết một con đàn bà trong đám Yên hoa, mà lại gây ra sự khổ cực thế này".

26. Phù hoa lăng nhị. *Nhất chi hoa, Tặng Ngọc Di Xuân* của Thang Thức "Ngươi nói là hoa trôi nhụy nổi (Phù hoa lăng nhị), chứ nàng phải là cỏ lạ hoa thơm". *Phấn Diệp Nhi, Tặng kỵ* của Lan Sở Phương "Hoa trôi nhụy nổi ta đã từng thấy nhiều, không giống cái nghiệp báo phong lưu này".

27. Nao nhi. *La Lý lang* màn 3 "Đem gia tài tiêu pha bữa bã, chiếm Nao nhi nuôi đệ tử". *Tạ Thiên Hương* màn 1 "Trước kia gach tên những người biết đàn không biết hát, mới biết đó là một ả Nao nhi câm". *Đông Pha mộng* màn 4 "Cô vốn không phải là một Nao nhi trong kỹ viện, có thể làm đệ tử Phật môn của ta".

28. Nao nhi (*nao = nǚ + nhu*). *Chiết quế lệnh, Vấn Mã Ngôi* của Vương Hoa "Xem ngươi kìa, Rất mực phong lưu lăng tử, Dáng vẻ giống Nao nhi tuấn mỹ đa tình"

29. Hiệp tà, cũng viết là Hiệp tà (*tà = dư + dấu*), tức kỹ nữ. Cố nhạc phủ có bài *Trường An hữu Hiệp tà hành* thuật việc bọn thiếu niên chơi bời, vì thế lấy đó để chỉ kỹ nữ. Lại như Thẩm Đức Phù thời Minh trong *Vạn Lịch dã hoạch biên ngoại di*, quyển 4, *Thần tiên, Thần danh ngộ xung* chép về phong tục của kỹ nữ ở hai kinh nam bắc thời Minh nói "Gần đây các nhà Hiệp tà phần nhiều thờ hình Quan Tráng mục, tội trộm cho rằng đó là làm nhục bậc chính thần. Sau mới biết là không phải. Đó là thần Bạch Mi, râu dài mặt đẹp, cưỡi ngựa cầm đao, hơi giống hình Quan công. Nhưng mày trắng mà mắt đỏ, ở kinh sư cãi cọ mà chửi người ta là "Quân

mày tráng mắt đỏ" là vô cùng căm hận thù ghét, dù biết sự ty tiện. Hiệp tà kiêng kỵ điều đó, bèn giả danh Quan hầu. Kỹ nữ ở kỹ viện lúc bắt đầu ngủ với khách, át cùng khách thè thót lạy thần ấy, sau đó định tình. Nam bắc hai kinh đều như thế".

II. Phân loại và phân hạng kỹ nữ

1. Phân loại kỹ nữ

Chủng loại kỹ nữ rất nhiều, chỉ riêng quyển *Hoàng oanh nhi* của nhà văn nổi tiếng thời Minh Phùng Mộng Long đã kể ra Vũ kỹ, Lão kỹ, Giáo kỹ, Sáu kỹ, Bàn kỹ, Hàng kỹ, Trường kỹ, Thủ kỹ, Thốc kỹ, Đà kỹ, Phì kỹ, Si kỹ, Phú kỹ, Nhiêu kỹ, Ủy kỹ, Minh kỹ, Sang kỹ, Sửu kỹ, Cổ kỹ, Ưu kỹ, Thủ kỹ, Bệnh kỹ, Tham kỹ, Bần kỹ, Túy kỹ, Thuỷ kỹ, Kiềm kỹ, Chuyết kỹ, Câu kỹ, Đố kỹ, Đào kỹ, Dựng kỹ, Ma kỹ, Thôn kỹ, Á kỹ, Đà kỹ, Bả kỹ, Diểu kỹ, Toàn kỹ, Dâm kỹ vân vân hơn bốn mươi loại⁽⁴⁾. Nếu kể thêm những sử sách khác, còn có thể nêu thêm hàng loạt tên gọi khác như Mỹ kỹ, Nhạc kỹ, Ca kỹ, Thổ kỹ, Cung kỹ, Quan kỹ, Gia kỹ, Thị kỹ, Tăng kỹ, Danh kỹ, Oai kỹ, Quý kỹ, Lưu kỹ... Nói chung kỹ nữ trong lịch sử Trung Quốc có thể phân loại theo mười tiêu chí sau đây:

1. Tiêu chí nghề nghiệp. Lấy đối tượng làm nghề kỹ nữ làm tiêu chí, có thể chia ra Cung kỹ, Doanh kỹ, Quan kỹ, Gia kỹ, Thị kỹ, Tăng kỹ...

Cung kỹ chỉ nữ nghệ nhân ca múa chuyên nghiệp trong cung đình. Tên gọi còn có Cung thiếp, Cung oa, Cung nga... Nhiệm vụ của bọn họ chủ yếu là diễn xuất các tiết mục văn nghệ lúc hoàng đế tiến hành lễ tết, thịnh hội, điển lễ và cung

(4) Phùng Mộng Long, *Hoàng Sơn mè*, Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1989.

cấp các hoạt động giải trí thường nhật cho hoàng đế, tất cả không hầu hạ chăn gối.

Doanh kỵ, còn gọi là Quân kỵ, là kỵ nữ đặt trong quân doanh, chủ yếu cung cấp khoái lạc cho tướng sĩ. Như *Hán Vũ ngoại sử* nói "Hán Vũ đế bắt đầu đặt ra Doanh kỵ, để dải ngô các tướng sĩ không vợ". Từ thời Đường Tống trở đi Doanh kỵ cũng ra ngoài hành nghề, cũng thường tiếp dãi quan văn. *Nghiêu Sơn đường ngoại kỷ* viết "Thời Đường Tống các quan Quận thú mới tới đáo nhiệm, Doanh kỵ đều ra khỏi địa giới nghênh đón, đến khi đã thôi giữ chức vẫn thư từ qua lại, thân thiết như người quen".

Quan kỵ là kỵ nữ nhạc tịch thuộc quan lại địa phương. Như *Dụ thế minh ngôn* quyển 17 nói "Vốn triều Tống có quy củ này, phàm các nhà xướng hộ trong nhạc tịch, gọi là Quan kỵ, Quan phụ, có yến công tiệc tư thì tùy ý điểm danh gọi tới hầu hạ". Nhiệm vụ chủ yếu của họ là cung cấp lạc thú cho trưởng quan ở địa phương, phải biểu diễn các tiết mục văn nghệ ca vũ âm nhạc trong những yến tiệc do quan phủ mở ra để dải khách..., cũng thường hầu tiệc mời rượu, tất cả không ngủ hầu. Tên gọi thì ngoài Quan kỵ ra còn có Công kỵ, Quan xướng, Quan nô, Quan tỳ, Quan liễu, Tịch kỵ, Tịch xướng, Quan thân, Quan sứ phụ nhân, Phủ kỵ, Ấp kỵ, Châu kỵ, Huyện kỵ...

Gia kỵ là kỵ nữ tư gia nuôi dưỡng trong nhà. Vì Gia kỵ phần lớn đều là con gái xinh đẹp khéo ca múa, giỏi nhiều nghề, giỏi âm nhạc, nên còn gọi là Gia nhạc. Như câu trong bài *Bồi Đông Tuyền học sĩ phiếm hồ* của Trương Trợ "Thuyền đầu tài gia nhạc, Trúc lý trú hành trù" (Bếp ăn đun giữa trú; Gia nhạc chờ đầu thuyền). Ngoài ra, Gia kỵ còn có danh xưng là Gia cơ, Thị cơ, Thị kỵ, Cơ thi...

Thị kỵ, lại gọi là Thương kỵ, là chỉ kỵ nữ ở đô thị nhập tịch, họ công khai phục vụ thanh sặc cho khách chơi, để lấy

sự thù lao bằng tiền bạc vật chất.

2. *Tiêu chí địa phương*. Cái gọi là tiêu chí địa phương, chính là lấy quê quán của kỹ nữ làm tiêu chí. Nó xuất hiện cùng với sự nảy sinh của kỹ nữ ở thành thị, cũng theo sự phát triển của kỹ nữ ở thành thị mà phát triển. Ban đầu, người ta theo địa phương của kỹ nữ phân chia tương đối lỏng lẻo, như Nam kỹ, Bắc kỹ. Nhưng đến thời Đường Tống, theo sự phát triển và phồn vinh của nghề kỹ nữ, đặc điểm về địa phương của kỹ nữ càng lúc càng nổi rõ lên, đã xuất hiện các tên gọi Thục kỹ, Hàng kỹ, Ngô kỹ, Dương kỹ, Kinh kỹ... Đến thời Minh Thanh, địa phương của kỹ nữ càng được phân chia chi tiết hơn. *Thanh bì loại sao* của Từ Kha chia kỹ nữ theo địa phương thành 25 loại như kỹ nữ Kinh sư, kỹ nữ Thiên Tân, kỹ nữ Khai Phong, kỹ nữ Trịnh Châu, kỹ nữ Phụng Thiên, kỹ nữ Lan Châu, kỹ nữ Sơn Đông đại đạo, kỹ nữ Thanh Giang, kỹ nữ Tô Châu, kỹ nữ Thượng Hải, kỹ nữ Giang Minh, kỹ nữ Dương Châu, kỹ nữ Hàng Châu, kỹ nữ Vu Hồ, kỹ nữ Nam Xương, kỹ nữ Trùng Khánh, kỹ nữ Hán Khẩu, kỹ nữ Sa Thị, kỹ nữ Phúc Châu, kỹ nữ Hạ Môn, kỹ nữ Triều Gia, kỹ nữ Ngô Châu, kỹ nữ Nam Hương, kỹ nữ Trường Sa...⁽⁵⁾

Trong kỹ nữ ở các địa phương kể trên thì Dương Châu, Tô Châu, Nam Kinh, Hàng Châu, Thành Đô, Quảng Châu, Khai Phong là nổi tiếng nhất.

Kỹ nữ Thành Đô từ thời Đường đã nổi tiếng trên đời. Tiết Dao xinh đẹp tài hoa nổi tiếng khắp Tây Xuyên, vì thế có tiếng khen "Thục xuất tài phụ" (Đất Thục sinh ra phụ nữ tài năng)⁽⁶⁾. Người thời Tống cũng nói "Ca kỹ đất Thục giỏi

(5) Từ Kha, *Thanh bì loại sao*, quyển 11, *Ngô kỹ loại*, Trung Hoa thư cục, 1986.

(6) *Giám giới lục*.

văn thơ, đại khái là di phong của Tiết Đào”⁽⁷⁾. Vì kỹ nữ đất Thục tài sắc siêu quần nên làm ăn rất khá, khiến văn nhân mê đắm, phong khí này đến thời Tống đạt tới mức cuồng thịnh. Tống Phí trong *Thành Đô yến du ký* nói “Trò yến du ở Thành Đô rất thịnh, đứng đầu Tây Thục. Đại khái đất rộng của giàu, tục thích vui chơi, phàm quan Thái thú cuối năm mở tiệc, ngựa xe tấp nập, kiệu hoa lộng lẫy, ca kỹ tấu nhạc, ra vào nườm nượp. Bọn diễn trò bốn phương đủ trò ảo thuật theo thứ tự ra diễn mua vui cho chúng dân. Có ngày Tuế suất, nói là tục cũ. Đến hôm ấy thì sĩ nữ chen chúc, y phục lộng lẫy, dùn già dắt trẻ ra đường đi chơi, có kẻ bày ghế ngồi trong đình rộng để chờ người xem, gọi là ghế mời (Yêu sàng), mà gọi Thái thú là Khách quý (Yêu đầu)”.

Kỹ nữ Hàng Châu, gọi tắt là Hàng kỹ, bắt đầu nổi tiếng từ khi Bạch Cư Dị, Nguyên Chẩn thời Đường nổi nhau làm quan ở Chiết Giang. Bạch Cư Dị trong bài *Nghê thường vũ y ca* nói “Di trấn Tiên Đường đệ nhị niên, Thủ hưu tâm tình vẫn ty trúc. Linh lung không hầu tạ hảo tranh, Trần sủng tất lật trầm bình sinh” (Tiền Đường tới trấn đã hai năm, Mới có tâm tình hỏi tơ trúc. Không hầu lóng lánh họa đàn tranh, Tất lật ngân nga át tiếng sênh) lưu luyến kỹ nữ Hàng Châu giỏi ca múa, khéo ứng đối. Đến thời Bắc Tống, kỹ nữ Hàng Châu còn nổi tiếng hơn cả thời Đường. Tân Quan có câu thơ “Tây Hồ thủy hoạt đa kiều nương” (Tây Hồ nước loáng nhiều người đẹp). Mà Tô Đông Pha lúc giữ chức Thái thú Hàng Châu cũng càng kề hông dựa lục, “sớm tối gặp gỡ, mệt mỏi về việc ứng thù, lại gọi kỹ nữ Hàng Châu là Địa ngực rượu thịt (Tứu thực địa ngực)”⁽⁸⁾. Dương thời Hoàng Đình Kiên trong bài tựa *Tái họa Nguyên Lễ Xuân hoài thập thủ* có nói “Tiền Đường là một đô hội ở Giang Đông, gió mây trăng hoa,

(7) Chu Mật, *Tè Đông dã ngũ*, quyển 11, *Thục xướng tú*.

(8) Chu Hàm, *Bình Châu khả dàn*, quyển 3.

không biết có bao nhiêu ca phường, dáng vẻ thoát đổi thoát thay, khiến kẻ thiếu niên say mê quên về". Thời Nam Tống tiếng tăm kỹ nữ Hàng Châu càng lẫy lừng, đương thời có lời khen là Biển sắc đẹp (Sắc hải)⁽⁹⁾. Kỹ nữ Hàng Châu sắc đẹp tài nghệ kiêm toàn, khiến văn nhân sĩ đại phu như say như ngây, tiêu hồn lạc phách, chìm đắm vào đó, gọi là lên thiên đường, vui vẻ không nghĩ tới chuyện khác. Hùng Tiến Đức thời Nguyên có bài *Trúc chi từ* như sau "Kim tỏa oa biển mã não pha, Tranh tự nùng gia xuân tối đa. Hồ điệp mǎn viên phi bất khứ, Hảo hoa hồng đáo tiên xuân la" (Mã não bên vàng núi dựa nhà, Tranh xuân nhiều ít với nhà ta, Bướm đẹp đầy vườn bay chẳng dứt, Hoa hồng đẹp tới nhuộm màn là).

Danh tiếng kỹ nữ Tô Châu bắt đầu phổ biến từ thời Đường. Mỹ kỹ Chân Nương nổi tiếng một thời, người đương thời ví với Tô Tiểu Tiếu ở Tiền Đường, các thi nhân Bạch Cư Dị, Lý Thân, Trương Hựu, Lý Thương Ân đều có thơ ca tụng nàng. Mà Bạch Cư Dị ưa thích kỹ nữ Tô Châu, càng khiến sắc đẹp của gái Ngô nổi tiếng trong thiên hạ. Trong bài *Úc cựu du thi* Bạch Cư Dị nói "Giang Nam cựu du phàm kỹ xứ, Tự trung tối ức Ngô Giang ôi. Lý Quyên Trương Thái nhất trường mộng, Chu Ngũ Ân Tam quy dạ dài" (Một cõi Giang Nam chơi khắp chốn, Mà sao nhớ nhất đất Ngô Giang, Lý Quyên Trương Thái thành cơn mộng, Chu Ngũ Ân Tam xuống suối vàng). Đến thời Tống, tiếng tăm Thuyền nương (Cô nương trên thuyền) Tô Châu lưu truyền khắp cả nước, chế độ thuyền vẽ Ngô Môn ngày càng hoàn bị. Điều đó thơ văn của những người như Tô Đông Pha đã miêu tả rất tường tận chi tiết, ở đây không cần kể rườm. Đến thời cận đại, nghề kỹ nữ ở Tô Châu bắt đầu suy giảm, địa vị ấy do Thương Hải thay thế. *Ngô Môn họa phảng tục lục* nói "Trước đây lúc Thuyền nương có tiền thì buộc thuyền vào lầu cạnh sông, bàn

(9) Hồ Tử, *Thiều Khê ngư ẩn tùng thoại*.

ghế sạch sẽ, bút mực đầy đủ. Những ngày giao tiết xuân thu, trang điểm xong lên thuyền, chiều tối thả neo, lên lầu ăn tiệc, rót rượu gẩy đàn giống hệt kẻ khuê các, gặp gió mưa không ra cửa, lúc đông rét hè nóng gọi cả ngàn lần cũng không ra, nay thì không được như thế. Ngõ liễu đường hoa gấp gẽ, cũng có mối cảm xúc thịnh suy trong chớp mắt". Nhưng thanh giá của kỹ nữ Tô Châu vẫn không hề sút giảm, di phong vẫn còn.

Nghề kỹ nữ ở Dương Châu đến thời Đường vô cùng hưng thịnh, *Dương Châu mông ký* của Vu Nghiệp người đương thời viết "Dương Châu là nơi thăng địa. Mỗi khi chiều tối, trên lầu kỹ viện thường có hàng vạn ngọn đèn lồng bọc sa, sáng rực trên không... Trong hẻm Cửu lý tam thập bộ châu ngọc lóng lánh, trông như cõi tiên". Đến thời Tống nghề kỹ nữ ở Dương Châu đã từ thịnh thành suy, không sao sánh với Tô Châu. Đến thời Minh nghề kỹ nữ ở Dương Châu lại quật khởi lần nữa, Ngựa gầy (Sấu mā) ở Dương Châu nổi tiếng khắp thiên hạ. Tạ Triệu Chiết trong *Ngũ tạp trở* nói "Duy Dương ở giữa thiên hạ, sông ngòi hồ đầm đẹp đẽ nên con gái phần nhiều xinh đẹp, mà thắm thiết ôn nhu, cử chỉ dịu dàng. Cho nên vì khí sông chầm nhiều, cũng là do khí đẹp un đúc ra, các nơi khác không sao bằng được, chính vì như thế. Nhưng người Dương Châu quen coi đó là hàng lạ, buôn bán đồng nữ các nơi, cho ăn mặc đẹp đẽ, dạy các môn thư họa cầm kỳ để đòi giá cao, gọi là Ngựa gầy (Sấu mā)". Thời Thanh nghề kỹ nữ ở Dương Châu vẫn duy trì được tình trạng phồn vinh, như Ngô Lan Từ trong bài tựa sách *Dương Châu cổ xuy từ* nói "Các kỹ viện trong thành ở quận, hàng đêm thắp mây vạn ngọn đèn, son phấn lụa là đứng đầu thiên hạ". Dương thời có các tên gọi như Ô riêng (Tư khoa tử), Cửa khép hờ (Bán khai môn), Bến Tô Châu (Tô tân), Bến Dương Châu (Dương tân). Lại đem nghề nghiệp phổ biến ra khắp nơi trên toàn quốc, làm hình thành Bang Dương Châu (Dương bang) thế lực hùng mạnh.

Nghề kỹ nữ ở Nam Kinh hưng khởi từ thời Lục triều, cực thịnh vào thời Minh. Tiên Khiêm Ích trong bài *Kim Lăng Đỗ Tịch thi tự* nói "Thiên hạ thái bình, kinh thành tráng lệ. Người làm quan khoe chốn Tiên đô, kẻ du sĩ nhận miền Lạc thô". Tào Đại Chương trong *Tần Hoài sĩ nữ biểu* nói "Đương thời phấn son hương xa, phi thủy uyên ương, hai mươi bốn lầu bày ra ở chợ Tần Hoài mà không ai ghi lại sự đẹp đẽ". Nghề kỹ nữ ở Nam Kinh thời Thanh về mặt phồn vinh hoàn toàn không sánh được với thời Minh. Châu Tuyền cư sĩ trong *Tục Bản Kiều tạp ký* nói "Nghe các bậc phụ lão ở Kim Lăng nói: Hà phòng trên sông Tần Hoài trước nay là nhà ở của kỹ nữ, bấm đốt ngón tay mà tính chẳng qua chỉ có vài nhà, cũng ít khi thấy mở tiệc đón khách. Nhưng trong mươi năm nay cửa cửa là hoa, nhà nhà tựa ngọc, chơi bời không ngày nào vắng. Mùa hè hai năm Bính thân Đinh dậu (Càn Long năm thứ 41, 42) lại còn quá hơn. Từ cầu Nam Môn tới cửa Đông Thủy, đèn lửa du thuyền nối đuôi nhau như dàn kiến không ngót. Trên dưới Hà phòng đèn được sáng rực như ban ngày. Các nhà danh kỹ mở tiệc lớn từ trưa đến khuya, khách khứa đầy tiệc, rượu trong chén không bao giờ cạn. Đại khái một ngày cũng phải tốn tới ngàn vàng. Đúng là ao chàm phong lưu, lâu dài trăng gió".

3. Tiêu chí nghề nghiệp. Lấy sự phân công hoặc tài nghề trong nghề nghiệp của kỹ nữ làm tiêu chí thì có thể chia ra Ca kỹ, Nhạc kỹ, Vũ kỹ, Thi kỹ, Từ kỹ, Âm kỹ, Cầu kỹ, Ưu kỹ, Thằng kỹ.

Ca kỹ chỉ loại kỹ nữ lấy ca hát làm tài năng chủ yếu. Như bài nhạc phủ *Hà thủy bộ tập*, *Nghĩ khinh bạc thiên* của Lương Hà Tốn thời Nam Tống viết "Xướng nữ yểm ca phiếm, Tiểu nương khai song chức" (Kỹ nữ quạt ca che, Tiểu nương song chức mở). Thời Tống có một loại kỹ nữ hạng cuối ca hát trong тử điểm. Như *Đông Kinh mộng hoa lục*, quyển 2, *Âm thực quả tử chép* "Lại có kỹ nữ hạng cuối, không gọi mà tới,

ca hát trước tiệc, nhất thời tặng một ít tiền thì đi, gọi là Khách lùi (Trát khách), cũng gọi là Đánh mâm rượu (Đá tưu tọa)". Lược đầu (Du thủy sơ) chỉ ca kĩ. *Phong quang hảo*, màn 1 "Tọa thượng nhược hữu Nhất điểm hồng, Đầu sao chỉ khí thịnh thiên chung. Tọa thượng nhược vô Du thủy sơ, Phanh long bào phượng tổng thành hư" (Trên tiệc nếu có Nhất điểm hồng, Người như đầu lớn đựng ngàn thùng. Trên ghế nếu không Du thủy sơ, Rồng xào phượng nấu thay thành không).

Nhạc kĩ còn gọi là Nhạc xướng (*xướng = nǚ + xuong*), Nhạc xướng (*xuong = nhân + xuong*), chỉ kĩ nữ sở trường về việc biểu diễn âm nhạc. *Lữ thi Xuân thu*, Cổ nhạc viết "Đến Chuyên Húc... sai Tiên Tiên làm Nhạc xướng, Tiên Nhưng dọn dẹp giường chiếu, lấy đuôi đập vào bụng, tiếng kêu ình ình". Lại như *U nhàn cổ xúy* chép Nguyên Hòa con Nguyên Tái tặng Khang Côn Luân mười người nhạc kĩ "Trước có Đoàn Hòa thượng giỏi đàn tỳ bà, sáng tác ra điệu *Tây Lương Châu*, Côn Luân xin mà không cho, đến lúc ấy đem một nửa ban nhạc kĩ tặng mới truyền lại cho điệu ấy. Nói điệu Lương Châu chính là nó". Ở đây lại có thể chia nhỏ thành Kỹ nữ gảy tỳ bà (Tỳ bà kỹ), Kỹ nữ thổi sáo (Xuy địch kỹ), Kỹ nữ thổi tiêu (Phẩm tiêu kỹ), Tất lật kỹ (Kỹ nữ thổi kèn), Kỹ nữ đánh dàn cầm (Cầm kỹ) vân vân, về sau trở thành từ để gọi chung các kỹ nữ làm việc biểu diễn ca múa, âm nhạc hoặc khôi hài và tạp kỹ.

Thanh kỹ chỉ các vũ nữ ca cơ trong cung đình hay gia đình quý tộc thời cổ. Vương Chuóc thời Tống trong *Bích kê man chí*, Tự nói "Từ hè qua thu, ở rất gần nhà Vương Hòa Tiên, Trương Tề Vọng, đều có thanh kỹ, hàng ngày bày rượu làm vui với nhau". Cũng viết là thanh kỹ (*kỹ = nhân + kỹ*). *Tân Đường thư*, Thái Bình công chúa truyện "Cấp cho thanh kỹ ngang với thiên tử".

Ẩm kỹ chỉ kỹ nữ giỏi việc bồi rượu. Như *Bắc lý chí* nói "Ẩm kỹ trong kinh đô, tên thuộc giáo phường. Phàm các quan trong triều họp mặt ăn tiệc, thì phải mượn các ty tào đứng ra đặt tiệc, sau đó mới đưa họ tới chỗ khác". Trong loại kỹ nữ này những người biết Tịch cù (Quy cù trong tiệc) là hạng nhất. Họ không những túu lượng hơn người mà còn ứng đối lanh lẹ, kiến thức phong phú, biết tùy cơ ứng biến. *Thương chính* nói "Phàm uống rượu thì cử một người làm Lục sự để ràng buộc người trong tiệc, lại gọi là Quăng Lục sự. Phàm ai làm trái túu lệnh thì Quăng Lục sự sẽ trói lại, cấm lá cờ phía trước, nói ông Mỗ làm sai túu lệnh". Cái gọi là Quăng Lục sự ở đây chính là Tịch cù, còn gọi là Túu cù hoặc Quăng sứ, đều thịnh hành ở thời Đường. Thương chính tức đời sau gọi là túu lệnh, Túu cù chính là người Giám lệnh. Thời Đường có rất nhiều danh kỹ sở trường môn này. Như *Yên hoa lục* nói "Kỹ nữ Giáng Chân và Trịnh Cử Cử thay phiên làm Tịch cù, khoan nghiêm đều đắc thể". *Bắc lý chí* nói Du Lạc Chân "Cũng là Tịch cù thời bấy giờ, rất giỏi sắp xếp".

4. Tiêu chí đạo đức. Lấy đạo đức luân lý và đạo đức nghề nghiệp của kỹ nữ làm tiêu chí, thì có thể chia ra các loại lương kỹ, nghĩa kỹ, hiệp kỹ, ác kỹ, gian kỹ, bẩn kỹ.

Nghĩa kỹ chỉ kỹ nữ có tiết tháo, giữ tiết nghĩa. Như *Nghĩa xướng truyện* do Chung Cương soạn có chép về một kỹ nữ ở Trường Sa "Tuy lưu lạc trong chốn phong trần nhưng là người dịu dàng có tiết nghĩa. Trước đã hẹn ước với Thiếu Du, đóng cửa tạ khách, chỉ ở với một bà già. Quan phủ có triệu tới thì từ chối, quan không cho, sau đó nàng tới, thề không phụ Thiếu Du". Sau khi nghe tin Tần Quan chết, nàng lập tức "mặc tang phục đi phó tang, đi mấy trăm dặm, gặp ở quán trọ... Lúc đưa tang nầm phục lên quan tài, vật vã mấy lần, gào lớn một tiếng rồi đứt hơi". Người sau khen là "hâm mộ tài năng của Thiếu Du mà sau cùng giữ lời, lấy thân mà thờ,

cam lòng chết theo, không vì việc kẻ mất người còn mà chia cách, có thể gọi là nghĩa xướng vây”⁽¹⁰⁾. Ngoài ra Kiều Trần, Trương Hồng Hồng thời Đường, Thụy Khanh đất Sở thời Ngũ đại, kỹ nữ Hàng Châu Tiết Hy Đào, kỹ nữ Đài Loan Nghiêm Nhụy thời Tống, Phàn Sụ Chân, Mao Tích Tích thời Nguyên, Phùng Điện Thúy, Vương Kiều Nhi thời Minh đều là những nghĩa kỹ nổi tiếng trong lịch sử.

Ác kỹ, gian kỹ, bần kỹ, yêu kỹ, bát kỹ đều là loại kỹ nữ phẩm hạnh xấu xa, thủ đoạn tàn ác, làm điều bậy bạ. Họ cứ có lợi là làm, không từ điều gì, không chọn thủ đoạn. Như *Tục Hải thương phồn hoa mộng hồi* 27 nói “Túy Nguyệt Lâu vốn là một kỹ nữ tinh ranh, lúc Lý Hy luôn miệng đòi cưới, đã dự liệu chuyện này ắt không xong, vì vậy nên ép y phải thề thốt đủ điều, dốc lòng đợi đến ngày tiết nhật, lừa y thanh toán, cầm Tiền cuộc trong tay rồi sê nói chuyện”.

5. *Tiêu chí tương mạo*. Lấy tướng mạo bên ngoài của kỹ nữ làm tiêu chí có thể chia ra các loại Mỹ kỹ, Xú kỹ, Trường kỹ, Ủy kỹ, Phì kỹ, Sáu kỹ, Kỹ nữ bàn chân to, Kỹ nữ bàn chân nhỏ, Bạch kỹ, Hắc kỹ cho tới Manh kỹ, Á kỹ, Thốc kỹ, Đà kỹ, Ma kỹ, Bì kỹ.

Mỹ kỹ chỉ kỹ nữ dung mạo xinh đẹp. Các đối đồi với vẻ đẹp của kỹ nữ thì yêu cầu khác nhau nhưng có hai đặc trưng chủ yếu: một là phải có vẻ đẹp tự nhiên, như người xưa nói là “Da thịt như ngọc”, “trắng như mỡ đồng”, “da trắng như tuyết”, “tay như búp măng”, “mắt đen lay láy”, hai là phải nhỏ nhắn xinh xắn, như “tươi tắn sáng sủa”, “lưng ong thon thả”, “nở nang gợi tình”, “dung mạo xinh tươi”.

Xú kỹ chỉ kỹ nữ dung mạo xấu xí. *Hoàng oanh nhi, Xú kỹ* “Sinh tựu diện bì hoàng, Hậu yên chi bất nại trang, Vô diêm Mô Mẫu tranh ta tượng. Sàng miên bán trương, Lê khuynh lưỡng hàng. Má nhi yếu đả vô tiền bối, Vấn khung

(10) Mai Bình Tộ, *Thanh né liên hoa kỹ*, quyển 5, *Nghĩa xướng truyện*.

thương, Nga mi trăn thủ, Hà bất khiển vi xương (xương)" (Sinh ra da mặt vàng, Phấn dày không tiếc điểm trang. Không duyên có đức như Mô Mẫu. Lẻ loi nửa giường, Lê rơi hai hàng. Mẹ dâu muốn đánh không tiền gậy, Hồi trời xanh, Mặt hoa da phấn, Sao không bắt thay nàng).

Trường kỵ chỉ kỵ nữ vóc dáng cao lớn. *Hoàng oanh nhi*, *Trường kỵ* "Ngưỡng diện nghệ đa kiều, Xuất lan phòng tu chiết yêu. Tường đồ lộ xuất như hoa mạo, Bất thị cung trang hoàn cao, Dã bất thị tú hài đê cao. Báu như trát tường nhân phong đảo, Đôi ba tiêu, Thái Hồ thạch bạn hữu cá nữ Tào Giao" (Ngửa mặt thấy cũng xinh, Ra phòng loan phải cúi lưng. Bên tường nhô mặt đẹp, Không phải cung trang búi tóc cao, Cũng không phải đế hài thêu cao. Lạy xiêu người tường gió khua đồ, Trước gốc chuối, cạnh hòn non bộ giống cây sào).

Ủy kỵ chỉ kỵ nữ thấp hơn người thường. *Hoàng oanh nhi*, *Ủy kỵ* "Loa hoàn quán cung trang, Xích ngũ quần tảo địa trường, Lưỡng tầng cao đê oải triền thượng. Tiêu Nghiêu kỳ phòng, Thủ nho phổi song. Sàng gian bán đoạn ôi khâm trưởng, Chẩm biện sương phong tình bất giãm, Túng ủy hữu hà phường" (Tóc búi lối cung trang, Quần thước rưỡi còn dài, Hai tầng cao thấp buộc không thẳng. Tiêu Nghiêu sánh cùng, Hè lùn xứng đôi. Trên giường nửa đoạn thừa chấn chiếu, Bên gối phong tình chẳng giảm, Lùn thấp có hè chi).

Phì kỵ chỉ kỵ nữ thân thể to béo. *Hoàng oanh nhi*, *Phì kỵ* "Xúc đầu trường bánh hanh, Bộ man san, Sùy phong nghênh bán song, Già khước ngô đồng ảnh, Đế nhi bách cân, Đỗ nhi bách cân, Nha sàng áp đảo tần tần oải. Nhục khanh khanh, Trừ phi Di Lặc, Phương nhận thị khinh doanh" (Cỗ rụt mặt bánh bành, Bước dùng dùng, Đón gió đứng bên song, Bóng rợp tựa ngô đồng, Đùi nặng trăm cân, Bụng nặng trăm cân, Giường ngà đè lùn dần lệch. Thịt trùng trùng, Chỉ ông Di Lặc, Mới coi là hưng ong).

Sáu kỹ chỉ kỹ nữ thân thể ốm yếu. *Hoàng oanh nhi*, Sáu kỹ "Nhược chất bất thăng y, Sạ lâm phong thể dục phi. La lan khoan thoái nghi vô túy, Hoa dung bán suy, Liễu yêu bán suy, Ngạnh ba ba bị lý thiêm khô quỷ. Thắc tình cù, đình đình cốt lập, Kham tác Thẩm lang thê" (Thân yếu không mang nổi áo, Ra gió muối bay đi. Bắp dùi nhẹ bỗng ngờ không túy, Mắt hoa nửa suy, Lưng mềm nửa suy, Cứng quèo quèo trong chăn như quỷ đói. Quá chùng gầy, xương nhô cục cục, Nên làm vợ anh gầy).

Thốc kỹ chỉ kỹ nữ trọc đầu. *Hoàng oanh nhi*, Thốc kỹ "Vân hoàn dì toàn hy, Hiểu lai trang thanh xạ môi, Thoa đầu kim phụng trâm biên trụy. Kết nhi thị giả đích, Tỳ nhi dã thị giả đích, Dục bàn long phụng hôn vô kế, Nhập Chiêu đê, Sắc không không sắc nhất dạng Tỳ khâu ni" (Mái tóc chỉ lưa thưa, Sáng điểm trang hương xạ bay, Đầu trâm dáng phụng nghiêng nghiêng chúc. Búi tóc là giả, Độn tóc cũng giả, Muốn vẩy long phụng không sao được, Vào trong chùa, Sắc không không sắc giống hệt Tỳ khâu ni).

Đà kỹ chỉ kỹ nữ lưng gù. *Hoàng oanh nhi*, Đà kỹ "Bối tống nhục sơn tiêm, Nghiêm tăng ni, Hướng Phật tham, Ma đâu đâu khuất kiên oa bạn, Nghênh lang thái khiêm, Tống lang thái khiêm, Xuân giao xá thủy thiên phương tiện. Vũ vân cam, Chẩm biến tú nhục tàm tàm áp thành đàm" (Núi thịt mọc trên lưng, Giống sư lạy Phật trước thềm, Vai nhô đâu thấp cổ rụt xuống, Đón chàng rất khiêm, Tiễn chàng rất khiêm, Lễ xuân vái lạy càng thêm tiện. Lúc mây mưa, Tấm nệm dưới lưng lõm xuống như cái đầm).

Manh kỹ chỉ kỹ nữ mù mắt. *Hoàng oanh nhi*, Manh kỹ "Tự tiêu bá minh thương, Hạnh sư truyền, Kỳ lưỡng trường, Tỳ bà tiêu quản kiêm thanh xương. An gia khẩu lương, Thê thân nhiệm phòng, Chu ban tận kháo nô thân thượng. Giăng từ trường, Bách gia tiêu thuyết, Chiến quốc dữ Tàn Đường" (Từ nhỏ mất đã hư, Được thầy truyền, Có sở trường, Tỳ bà

tiêu sáo kiêm ca hát. Yên nhả đủ lương, Gởi thân thuê phòng, Chuyên gì cũng chỉ em lo lắng. Chốn thư trường, Bách gia tiểu thuyết, Chiến quốc với Tân Đường).

Á kỵ chỉ kỵ nữ cảm điếc không nói chuyện được. *Hoàng oanh nhi*, Á kỵ nói "Ý tịch tiểu vô hoan, Tống thiên kim, Nhất khúc nan, Sinh ca không náo lân cơ quán. Không hầu nhi chỉ ám đàn, Tỳ bà nhi chỉ ám đàn, Cường tương gia bản tùy nhân án. Giá Câu lan, Nhĩ túng cô lão, Phiên tác nhiễu lương khan" (Trên tiệc sắc không tươi, Dẫu ngàn vàng, Khó một lời, Đàn ca luồng rộn nơi ca quán. Không hầu thầm đàn, Tỳ bà thầm đàn, Guặng cầm phách bản theo người gõ. Trong lâu xanh, Khách chơi tai điếc, Sẽ nghe vương vấn trên rường).

Ma kỵ chỉ kỵ nữ mặt rõ. *Hoàng oanh nhi*, Ma kỵ "Tú các tiêu thuyền quyền, Hận triêu triêu, Hại phấn tiền, Bàng nhi loạn phác lè hoa phiến. Thiên quyền vạn quyền, Bất phương bất viễn, Thủy khu mãn phiếm thanh bì diện. Chiếm hoa diền, Phồn tinh cung nguyệt, Điểm phá kính trung thiên" (Trong gác tựa thuyền quyền, Xót cho mua phấn tốn tiền, Tùng mảnh hoa lê rơi lá tả, Ngàn hang trăm lỗ, Không tròn không vuông, Nước đọng tràn trề da mặt tái. Cài hoa tai, Sao dày chầu nguyệt, Phá nát bóng trong gương).

Bì kỵ chỉ kỵ nữ thot chân. *Hoàng oanh nhi*, Bì kỵ "Trich cục bộ nan kiều, Cầm quần lan, Mẫn địa tảo, Họa đường chỉ xích hành nan đáo. Tẩu thời tiết thể dao, Lập thời tiết thoái kiều, Dạng nǎng bồ bắc Hàm Đan đạo. Yếu phong tao, Phượng hài nhất chỉ tu thảo đế nhi cao" (Tập tành khó yêu kiều, Quần lan quẹt đất rào rào, Sành đường gang tắc khó đi tới. Đi lắc lắc, Đứng nhón nhón, Hàm Đan đường ấy biết làm sao. Muốn phong tao, Phượng hài một chiếc phải độn đế cho cao).

Diểu kỵ chỉ kỵ nữ chột mắt. *Hoàng oanh nhi*, Diểu kỵ "Tiểu miến hận đa ô, Ý môn nhi, Bán yểm phi, Sinh lai chỉ

nhắn thường như thuy. Giá nhất biên thị y, Na nhất biên thi y, Doanh doanh thu thủy hồn vô đỗi. Hại tương tư, Ngũ canh san châm thanh lệ nhất hàng thùy" (Cười liếc hận cho đời, Cửa song mở một cánh thôi, Trước nay một mắt thường như ngủ. Nhìn bên kia cũng thế, Nhìn bên này cũng thế, Long lanh ánh mắt buồn lẻ loi. Khổ tương tư, Năm canh bên gối lệ thăm một hàng rơi).

6. Tiêu chí tuổi tác. Theo tuổi tác của kỹ nữ có thể chia làm lão kỹ và xu kỹ.

Lão kỹ có hai nghĩa, một chỉ những kỹ nữ tuổi lớn ngọc mờ, hai chỉ kỹ nữ có tuổi nghề cao, đây là nói về loại trước. *Hoàng oanh nhi, Lão kỹ* "Sủu hủy tố hành tàng, Thỉnh tam phiên, Bất xuất phòng, Bán chân bán giả trang mô dạng. Túu thôi phạ thường, Hào thôi lại thường, Oa tiền lanh phạn tương trà thang. Hiếu phì dương, Minh triêu thời thoái, Sàm khẩu uống tư lường" (Xấu xí phải làm màu, Mời mấy phen, Không ra phòng, Nửa như ra vẻ nửa như thận, Rượu đã chán chường, Thịt cũng chán chường, Trước nồi cơm nguội rươi trà suông. Thích dê non, Sáng ra lui bước, Liếm mép nghi thèm thuồng). Từ đó có thể thấy sinh hoạt của kỹ nữ già rất cực khổ.

Xu kỹ chỉ kỹ nữ chưa thành niên, còn gọi là Ấu kỹ, đều từ mười sáu tuổi trở xuống, chưa Phá qua. Như *Cửu vī quy hồi* 19 viết "Nguyên Ngưỡng Chính gọi một kỹ nữ nhỏ ra cuộc, tên Tiểu Viên Viên, tuổi chỉ mới mười lăm, nhỏ nhắn nhất bọn, xinh đẹp vô song, mọi người đều khen sau này nhất định sẽ rất xinh đẹp".

7. Tiêu chí hoạt động. Lấy phương thức hoạt động kinh doanh của kỹ nữ làm tiêu chí, có thể chia làm loại **Tọa kỹ** (kỹ nữ cố định) và **Lưu kỹ** (kỹ nữ lưu động).

Tọa kỹ chỉ kỹ nữ bán dâm trong kỹ viện hay tại nhà cố định, như Kỹ nữ trong nhà (Trú gia kỹ nữ) chính là một

trong loại này. Lưu ký chỉ những kỹ nữ lưu động bên ngoài buôn bán xác thịt, biểu diễn tài nghệ. Như Nhị Thập Sinh thời **Thanh** trong *Thập chúa xuân ngữ*, *Quán dư* nói "Kỹ nữ lưu động ở Tô Hàng có ke tới quán ca hát, phần lớn ngu ở các hẻm Tam Pháp Khanh, Sa Ni nhai sau chợ, gọi là Đường danh. Cũng gọi là Hát rong (Du xướng), như danh kỵ Thiệu Kim Ngọc ở kinh sư chép trong *Danh sơn tàng*, *Liệt nữ kỵ chính* là một kỵ nữ Hát rong.

8. Tiêu chí chính trị. Lấy mối quan hệ với quyền lực chính trị của kỹ nữ làm tiêu chí thì có thể chia làm hai loại lớn là Công kỹ và Tư kỹ. Công kỹ vốn chỉ kỹ nữ thuộc quan, trong đó loại cung đốn lạc thú cho nhà vua gọi là Cung kỹ, cung đốn lạc thú cho quan lại gọi là Quan kỹ, cung đốn lạc thú cho tướng sĩ gọi là Doanh kỹ. Về sau người ta gọi chung những kỹ nữ đóng thuế cho quan, khai trương doanh nghiệp là Công kỹ. Như ở Thượng Hải thời trước, Công kỹ có thể chia làm hơn mươi loại như Trường tam, Yêu nhị, Hàm nhục trang, Trí kỹ, Đường tử ngoại quốc.

Tư kỹ, theo tên xét nghĩa là chỉ kỹ nữ tư nhân. Trong đó gồm các kỹ nữ được nhà quý tộc hay người có tiền nuôi dưỡng gọi là Gia kỹ, không đóng thuế cho chính quyền, không có bằng hiệu kinh doanh gọi là Ám kỹ, Dã kỹ. Về tên gọi rất nhiều, chủ yếu có Tư xướng, Tư oa tử, Tư quật tử, Thổ kỹ, Tư khoa tử vân vân. Như *Cố kim tiểu thuyết* quyển 3 viết "Nguyên người này là ca kỹ ăn danh, lại gọi là Tư oa tử, là không ăn lương của quan". Lại như *Đào Am mộng ức*, quyển 4 *Nhị thập tứ kiều phong nguyệt* nói "Không lệ thuộc vào quan, ở nhà bán dâm gọi là Thổ kỹ, tục gọi là Tư oa tử". Như **Canh suông** (Thang bạch, còn gọi là Thảng bạch, Thảng bài), **Cửa khép hờ** (Bán khai môn), **Nhà riêng** (Tư môn đầu), **Gái đồng quê** (Phao cương nữ lang) trong kỹ nữ ở Thượng Hải thời trước đều thuộc loại Tư kỹ. Ngoài ra **Gái bán chè** (Thang nữ) bán dâm trong các quán chè, **Gái bưng cơm** (Phạn thịnh

nữ) bán dâm trong các quán trọ, Gái phòng trà (Trà ốc nữ) bán dâm trong các quán trà, Gái hầu rượu bán dâm trong các túu lâu, Gái gội đầu (Tẩy đầu nữ) bán dâm trong các hiệu cắt tóc vân vân, cũng đều thuộc loại kĩ nữ lén lút bán dâm.

9. Tiêu chí tiền bạc. Căn cứ vào tài sản của cá nhân kĩ nữ, có thể chia làm hai loại lớn là phú kĩ và bần kĩ. Phú kĩ là chỉ kĩ nữ có nhiều tài sản. Họ đều là danh kĩ tài sắc hơn người, sống cuộc đời ăn sung mặc sướng. *Hoàng oanh nhi*, *Phú kĩ* nói "Tuấn vũ thả điêu tường, Hữu kim thoa thập nhị hàng. Sơn hào hải bài phương trượng, Gia tân mân đường. Phụng vẫn phụng thương. Khinh xao đòn bắn đê thanh xướng. Giá phố trương. Mê hồn trận thế, hưởng dụng tiếm hầu vương" (Chạm cột lại sơn rường, Có thoa vàng mười hai hàng. Sơn hào hải vị bày trong sảnh, Tân khách đầy thêm. Đũa nhắc chén bưng. Nhẹ khua phách bắn ngân nga khẽ. Khéo hư trương. Mê hồn trận thế, hưởng thụ quá hầu vương)

Bần kĩ là chỉ loại kĩ nữ không có của cải gì, sinh sống vật vã, cả ngày lo lắng vì sinh kế. *Hoàng oanh nhi*, *Bần kĩ* nói "Mi tỏa úc nan khai, Bố vi quần, Kinh tác phu, Hồng la trưởng lý Chung Quỳ ngựa. Đinh đương đích bất lai, Hứa mề đích bất lai, Lai đích huyền tựu vô diêm phụ. Tháp nha sơ, Tự Côn phong tuyết, Thùy bạn ẩm mao sài" (Mày nhíu mài da nhăn, Vải làm quần, Da tựa gai, Trong trường lụa hồng ma quỷ ngũ. Khách giàu không vào, Khách nghèo không vào. Vào thì chán ngán người không đẹp. Giắt lược ngà, Côn Luân gió tuyết, Cùng ai uống rượu trong lều).

10. Tiêu chí tổ chức. Lấy hình thái tổ chức của kĩ nữ làm tiêu chí thì có thể chia làm các loại kĩ nữ Bán đứt (Đoạn trưởng kĩ nữ), kĩ nữ Gán nợ (Áp trưởng kĩ nữ), kĩ nữ Trừ nợ (Khốn trưởng kĩ nữ), và kĩ nữ Tự do (Tự gia kĩ nữ).

Kĩ nữ Bán đứt còn gọi là Sáo nhân, Thảo nhân hoặc kĩ nữ không kỳ hạn, là chỉ con nhà nghèo bị cha mẹ anh em

bán vào kỹ viện hoặc bị bọn buôn người bán cho kỹ viện làm kỹ nữ. Vì văn tự bán mình nằm trong tay chủ chứa kỹ viện, nên họ cũng như Tôn Hành Giả bị dán bùa, đã không được tự do, mà cả sự sống chết cũng chỉ còn cách dựa vào mệnh trời, thường bị chủ chứa kỹ viện ngược đãi, đánh đập, tất cả đều do chủ chứa sắp xếp và quản thúc. Ngoài ra kỹ nữ bán đứt còn có rất nhiều quy củ, thứ nhất là không được để dành tiền riêng, cho dù vòi vĩnh được chút ít tiền của khách, chủ chứa cũng lục soát lấy đi, thậm chí ném nhét vào gấu áo, để hài một vài tờ sao phiếu cũng bị chủ chứa lục soát. Cuộc sống của họ là bi thảm nhất trong các kỹ nữ.

Loại kỹ nữ Gán nợ còn gọi là kỹ nữ có khế ước, là một loại kỹ nữ mại dâm gán nợ cho kỹ viện. Họ và chủ chứa có khế ước, theo đó lấy được một số tiền, lấy mình để thế chấp, làm kỹ nữ ở kỹ viện trong một thời gian nhất định. Thời gian này có thể từ ba tới mười năm. Trong khế ước ấy thì cũng giống như kỹ nữ bán đứt, phải tùy ý chủ chứa kỹ viện quản thúc và sắp xếp, không được tự do về mặt thân thể. Trong khế ước kiểm được bao nhiêu tiền thì phải nhất loạt giao hết cho chủ chứa. Chủ chứa chỉ phụ trách sinh hoạt phí tối thiểu và tiền thuế cho kỹ nữ. Hết khế ước, thì được tự do. Nếu chưa hết khế ước cũng có thể chuộc mình. Có thể nói đây là một loại kỹ nữ có tính chất nửa tự do.

Kỹ nữ Trừ nợ còn gọi là Người làm Trừ nợ (Khổn trưởng lõa kế)⁽¹¹⁾, Kỹ nữ Trừ dần (Thoái trưởng kỹ nữ), là loại kỹ nữ vì nghèo mà phải đem thân thể gán cho kỹ viện để trừ nợ. Kỹ nữ Trừ nợ lập khế ước với chủ chứa kỹ viện, do chủ chứa bó tiền ra, gọi là Đói đương, trong khế ước quy định

(11) *Hải thượng hoa my ảnh hồi 2* "Còn có một nhà Đường tử ở đường Bàn Cờ, vừa mới tới đây, có một Khổn trưởng lõa kế, tên Lý Tú Hồng, cũng là người Tô Châu, nay mươi sáu tuổi, dáng vẻ rất xinh đẹp, đôi bàn chân nhỏ dài bốn tấc, tiền bao một quý là hai mươi đồng Tây dương".

thời gian bán dâm trong kỹ viện, có trách nhiệm trích từ thu nhập trả tiền cho kỹ viện. Họ được đái ngộ khá hơn kỹ nữ Bán đứt, kỹ nữ Trừ nợ rất nhiều, trừ khoản "tiền chính" (tức tiền bồi tiếp khách chơi uống rượu, uống trà và ngủ qua đêm) phải chia bốn sáu hoặc ba bảy với chủ chứa, những khoản "tiền lẻ" (tức những tiền bạc, nữ trang mà khách chơi tặng thêm) thì thuộc về mình, chủ chứa không được chiếm lấy. Ngoài ra loại kỹ nữ Trừ nợ hàng tháng theo lệ được nghỉ hai hoặc bốn ngày, có kỹ viện còn cho phép được về thăm nhà.

Kỹ nữ Tự do là loại kỹ nữ tự do thân thể, như không có chồng, có thể tự mình làm chủ, hoàn lương lấy chồng, người khác không được can thiệp. Thu nhập của họ trong kỹ viện đều chia bốn sáu với chủ chứa, nên còn được gọi là Người làm chia phần (Phân trưởng lõa kế)⁽¹²⁾. Nhưng những chi phí về son phấn, quần áo, thuốc men thì kỹ nữ phải tự lo lấy, còn chi phí ăn uống thì chủ kỹ viện chịu.

Ngoài bốn loại trên, còn có các loại kỹ nữ gọi là kỹ nữ Tự tính (Tự hồn kỹ nữ), kỹ nữ Làm ăn lớn (Đại hoạt kỹ nữ), kỹ nữ Làm ăn nhỏ (Tiểu hoạt kỹ nữ), kỹ nữ theo ngày (Chiếu thiên kỹ nữ). Kỹ nữ Tự tính mượn phòng của chủ kỹ viện hoặc doanh nghiệp khác để làm ăn, thu nhập mỗi ngày chia theo tỷ lệ bốn sáu, chủ chứa được sáu phần, nếu có những chi phí bất thường thì đôi bên bàn bạc. Kỹ nữ Làm ăn lớn cũng thuê phòng của chủ chứa làm ăn, việc ăn ở do chủ chứa phụ trách, thu nhập mỗi ngày của kỹ nữ chủ chứa lấy bốn phần, ngoài ra những phí tổn khác thì tự lo. Kỹ nữ Làm ăn nhỏ là chỉ kỹ nữ thuê phòng của kỹ viện để làm ăn, chỉ trả tiền

(12) *Hải thương hoa my* ản hồi 7 "Tôi ở đây nói là chia tiền chứ là trả tiền góp mà hành nghề. Lúc tôi ở Thanh Giang đã cầm bán hết nữ trang quần áo. Bây giờ mỗi ngày phải trả tiền góp tiền trà nước, tiền thuê nữ trang, tiền son phấn, lại phải hút mấy ngao thuốc phiện, ở nhà hàng ngày cứ đòi tiền. Tôi vừa tới đây chưa lâu, cũng không có người khách quen nào, bảo tôi làm sao có tiền mà đưa?".

phòng, còn chuyện khác thì không liên quan gì với kỹ viện. Kỹ nữ Theo ngày là theo những ngày nhất định tới thuê phòng của kỹ viện, thu nhập hàng ngày chia bốn sáu, những phí tổn khác hai bên chia đôi.

Ngoài mười tiêu chí nói trên còn có thể căn cứ vào việc kỹ nữ Phá qua (phá trinh) hay chưa mà chia thành Thanh quán nhân và Hồng quán nhân⁽¹³⁾ hoặc Tiểu tiên sinh và Đại tiên sinh, theo tiêu chí kỹ nữ có mắc bệnh hoa liễu hay không mà chia thành Hàng trong (Thanh thủy hóa) và Hàng đục (Hồng thủy hóa), vân vân.

2. Đẳng cấp của kỹ nữ

Kỹ nữ trong lịch sử Trung Quốc, có thể căn cứ vào tiêu chí nhất định mà chia làm thứ bậc cao thấp. Theo truyền thống mọi người thường lấy tiêu chí về tài sắc của kỹ nữ mà chia làm ba hạng là hạng trên, hạng giữa và hạng dưới. Nhưng lối phân loại như thế rất không rõ ràng, rất không khoa học, vì cùng là kỹ nữ nhưng còn chia ra Quan kỹ và Tư kỹ, có chia ra Phú kỹ và Tài kỹ vân vân, chúng ta rất khó nói họ thuộc vào loại nào. Cho nên đối với việc phân hạng kỹ nữ chúng ta cần suy nghĩ tới nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới việc phân hạng thứ bậc (như dung mạo, tài nghệ, thân phận, giàu nghèo) để xác định một số tiêu chí tổng hợp.

Từ lịch sử mà nhìn thì tiêu chí phân hạng kỹ nữ qua các đời rất không thống nhất. Đầu tiên người ta lấy nhan sắc của kỹ nữ làm tiêu chí phân loại chủ yếu. Như Phù Kiên nhà Tiền Tần phá được đất Nghiệp, ban cho đại tướng Vương Mãng "mỹ thiếp năm người, kỹ nữ hạng trên mươi người, kỹ

(13) Thanh quán nhân là chỉ kỹ nữ nhỏ tuổi chưa từng giữ khách ngủ lại, họ "bán nghề không bán thân", Hồng quán nhân là chỉ kỹ nữ đã tiếp khách bán dâm, đã mất trinh.

nữ hạng vừa ba mươi tám người”⁽¹⁴⁾. Rõ ràng lúc bấy giờ việc phân loại kỹ nữ lấy nhan sắc làm chủ, tài nghệ là thứ hai.

Đến thời Đường, tiêu chí phân loại kỹ nữ của mọi người có sự thay đổi lớn, lấy tài nghệ làm chủ, nhan sắc là thứ hai, thân phận là thứ ba. Lấy việc phân loại kỹ nữ trong giáo phuường ở cung đình làm ví dụ, thì đều lấy khả năng ca múa làm tiêu chí, người giỏi gọi là Tiên đầu nhân (hoặc Nội nhân), thường được biểu diễn ca múa trước mặt hoàng đế, nên “Nội nhân đeo ngọc bội hình con cá, cung nhân thì không được”⁽¹⁵⁾. Kỹ nữ Bắc lý ở Trường An cũng chia ra như vậy, như danh kỹ nổi tiếng Giáng Chân “Giỏi khôi hài, khéo ca múa. Thường làm Tịch cù, nghiêm khắc khoan hòa đều dắc thế. Về dung mạo cũng bình thường nhưng dịu dàng không xấu xí, những người tài giỏi đương thời coi trọng, nhờ thế mà có thanh giá”⁽¹⁶⁾. Trịnh Cử Cử “Dáng mạo không đẹp, nhưng có khí chất, khéo trò chuyện, cũng được các bậc triều sĩ yêu thích”⁽¹⁷⁾. Trương Trú Trú “Lúc nhỏ thông minh, giỏi âm luật”⁽¹⁸⁾. Từ đó có thể thấy xã hội thời Đường rất chú trọng tới tài nghệ của kỹ nữ. Những người hát hay múa giỏi đứng đầu, “trò chuyện hài hước” là thứ hai, “thạo âm luật” là bậc dưới nữa, “ngủ lại và ăn uống” là hạng chót. Mà dung mạo của kỹ nữ trong con mắt của mọi người đã trở thành không đáng để ý. Từ ghi chép trong sử sách đương thời mà nhìn, thì kỹ viện thời Đường phân chia đẳng cấp kỹ nữ cũng thế. Như nhà mẹ hờ Dương Diệu Nhi có mấy kỹ nữ, “người đứng đầu là Lai Nhi, tự Bồng Tiên, dung mạo không có gì đẹp, rặng khẽo, nhưng lanh lợi khéo ăn nói, trò chuyện có duyên... Lấy sự thông minh lanh lợi hấp dẫn khách khứa hơn hẳn các kỹ nữ khác, thu lợi rất nhiều. Người thứ hai là Băng Nhi, tự Tề Khanh, xấp xỉ như Lai Nhi, không có tài gì khác, người kế nữa là Nghênh Nhi, đã không xinh đẹp, lại vụng ăn nói,

(14) *Thập lục quốc Xuân thu, Tiên Tân lục*.

(15) (16) (17) (18) *Tôn Khải, Bắc lý chí*.

nhiều lần ăn nói sỗ sàng làm phật ý tân khách. Người kế nũa tên Quế Nhi, nhỏ tuổi nhất, cũng khá xấu xí, nhưng kính trọng Lai Nhi, giỏi việc lấy lòng"⁽¹⁹⁾.

Thời Tống Nguyên xã hội trong việc phân loại kỹ nữ thì **nhấn mạnh** tiêu chí sắc tài. Sắc đẹp tài nghệ kiêm toàn là kỹ nữ hạng nhất, đương thời gọi là Thượng sảnh hàng thủ, Thượng sảnh giác thủ hoặc Hoa khôi. Họ là Đầu nhân trong Quan kỹ, lúc biến diễn ca múa trong quan sảnh thường đứng ở hàng đầu. Như *Thanh bình sơn đường thoại bản*, *Tao Bá Minh thổ khám tang kỹ* viết "Có một kỹ nữ tên Tạ Tiểu Nga, hai mươi mốt tuổi, dáng vẻ thiên kiều bách my, là Thượng sảnh hàng thủ". *Tuyên Hòa di sự* viết " Người đẹp này là Hàng thủ bậc nhất ở kinh sư, đứng đầu các nhà Yên hoa trong hai kinh, họ Lý tên Sư Sư". *Thanh sam lè* màn 1 "Tiểu tự H'ng Nô, sinh tính thông minh, rất giỏi đàn tỳ bà, là Giác kỹ nổi tiếng ở kinh sư". *Thanh lâu tập* cũng thường dùng từ "Sắc nghệ lưỡng tuyệt" để khái quát về my lực của các danh kỹ, như khen danh kỹ ở kinh sư Tao Nga Tú "phú tính thông minh, sắc tài đều tuyệt vời", Chu Nhân Ái "tài sắc kiêm toàn", Sư Sư Nghi "sắc đẹp ca múa đều nổi bật", Vương Ngọc Đới, Phùng Lục Lục, Vương Tạ Yến, Vương Đình Yến, Chu Thú Đầu "đều tài sắc lưỡng tuyệt" vân vân. Ngoài ra tiêu chí khí chất cũng được mọi người nhắc tới, như *Thanh lâu tập* nói Lý Kiều Nhi "dung mạo xinh đẹp, khí độ nhàn nhã, người đương thời gọi là Tiểu thiên nhiên. Rất giỏi các môn tạp kịch". Thiên Nhiên Tú "Thần thái phong nhã, có dáng vẻ như gió lướt trong rừng. Tài sắc đều hơn người, giỏi diễn các vở khuê oán, đương thời tôn xưng là người đứng đầu". Trương Mãng Nhi "dung mạo phong cách nổi tiếng một thời, giỏi tạp kịch Hoa đán". Lý Chân Đồng "sắc tài không ai sánh được, cử chỉ ôn nhã, lời lẽ dịu dàng, rất có phong thái kẻ khuê các".

(19) *Bắc lý chí, Dương Diệu Nhi.*

Hỷ Ôn Nhu "dung mạo xinh đẹp mà cử chỉ ôn nhu. Nổi tiếng ở vùng Hoài, Chiết lâu ngày vẫn không suy giảm" vân vân. Từ lời miêu tả của Hạ Đình Chi, có thể thấy tiêu chí về kỹ nữ hạng nhất trong con mắt của người thời Nguyên. Ngoài việc dung mạo và tài nghệ đều đầy đủ còn nhấn mạnh tới khí chất bất phàm của họ về "ý khí", "phong thái", "cử chỉ", át phải kết hợp một cách hoàn mỹ cả ba yếu tố ngoại hình, tài nghệ và khí chất. Căn cứ tiêu chí ấy, người thời Tống Nguyên chia kỹ nữ làm mấy hạng dưới đây: Tài sắc kiêm toàn là hạng nhất, có tài nghệ là hạng hai, chỉ có sắc đẹp là hạng ba.

Thời Tống Nguyên tài nghệ vẫn được đặt trên nhan sắc, vẫn chiếm vị trí hàng đầu. Tài nghệ của kỹ nữ thời Tống thì lấy việc đề vịnh làm hàng đầu, trò chuyện khôi hài là thứ hai, tài nghệ của kỹ nữ thời Nguyên thì lấy việc đàn hát ca múa làm hàng đầu, trò chuyện khôi hài là thứ hai. Như *Thanh lầu tập* bình thuật về kỹ nữ đương thời đều lấy tài nghệ làm chủ còn nhan sắc là thứ hai. Hỷ Xuân Cảnh "Nhan sắc không bằng người trung bình, nhưng tài nghệ nổi tiếng một thời", Chu Cẩm Tú "tuy nhan sắc không bằng người trung bình, nhưng tài cao vượt lên trên dám kỹ nữ", Hòa Đang Đang "Tuy dung mạo không đẹp, nhưng tài nghệ rất giỏi", Trần Tư Tích "mặt mũi xấu xí nhưng giỏi đàn hát, giọng ca dịu dàng như mây trời", Chu Liêm Tú "người lùn thấp", mù hai mắt, nhưng "Về tạp kịch thì độc bội hiện nay". Vương Ngọc Mai "Vóc dáng thấp lùn nhưng giọng hát trong trẻo", "giỏi hát Man từ, cũng rất giỏi tạp kịch" vân vân. Đủ thấy kỹ nữ có tài không có sắc vào thời Nguyên vẫn có thể nổi tiếng, mà kỹ nữ chỉ có sắc đẹp lúc bấy giờ rất khó bước vào hàng đứng đầu.

Thời Minh Thanh, người ta thường căn cứ vào tài tình sắc nghệ để phân chia đẳng cấp phẩm hạng kỹ nữ. Như năm Thiên Khai thứ 1 Phan Chi Hăng viết quyển *Kim Lăng kỹ*

phẩm chia ba mươi hai danh kĩ làm bốn loại để phẩm bình: thứ nhất là Phẩm chất, người có khuôn phép là hơn, thứ hai là Thanh vận, người có phong nghi là hơn, thứ ba là Tài nghệ, người có tài năng là hơn, thứ tư là Nhan sắc, người có sắc đẹp là hơn. Nhưng từ sự phẩm bình của giới khách chơi là danh sĩ lúc bấy giờ chúng ta vẫn có thể thấy nhan sắc đã trở thành tiêu chí quan trọng để đánh giá kĩ nữ của người đương thời, chiếm vị trí chủ đạo.

Việc phân loại đẳng cấp kĩ nữ ở Thượng Hải thời cận đại, "thứ nhất phải có tư cách, thứ hai phải tinh thông việc thù tiếp, mà hai chữ sắc nghệ có thể không nói tới"⁽²⁰⁾. Nói tóm lại có thể chia thành mấy loại dưới đây:

1. Nữ hiệu thư. Nữ hiệu thư còn gọi là Từ sứ, là kĩ nữ Thư ngự, là loại có đẳng cấp cao nhất trong kĩ nữ, tất cả đều tài sắc kiêm toàn, bán nghề không bán thân, chỉ kể chuyện đàn hát, mời rượu đóng kịch cho khách thưởng thức, không công khai giữ khách ngủ lại.

2. Trưởng tam. Kĩ nữ Trưởng tam so với Nữ hiệu thư thấp hơn một bậc, họ cũng là kĩ nữ hạng sang, người ta gọi là Quán nhân hoặc Tiên sinh. Họ cũng giống Nữ hiệu thư, lấy bảng hiệu "bán nghề không bán thân" để đề cao thân giá, nhưng hiện tượng giữ khách ngủ lại qua đêm cũng là thường thấy. Cuối thế kỷ XIX Tứ đại Kim cương nổi tiếng một thời ở đất Hộ là Lâm Mặc Ngọc, Kim Tiểu Bảo, Trương Thư Ngọc, Lục Lan Phân chính là kĩ nữ Trưởng tam.

3. Yêu nhị. Kĩ nữ Yêu nhị thuộc kĩ nữ hạng vừa, phần lớn là kĩ nữ Bán mình hay kĩ nữ Trù nợ. Vì họ Ra cuộc thì phải trả hai đồng, nên có tên như thế.

4. Gà lẻ (Dâ kê). Kĩ nữ Gà lẻ thuộc loại kĩ nữ hạng thấp, có thể chia làm hai loại, tức Gà lẻ ở nhà và Gà lẻ phố

(20) *Nhan gian địa ngục*, hồi 16.

thông. Địa vị và thân giá của loại trước cao hơn loại sau, lúc bình thời chỉ thù tiếp mấy người khách quen. Mà sinh hoạt của kỹ nữ Gà lè phổ thông thì thê thảm hơn rất nhiều, "Đêm hôm khuya khoắt, mưa gió tuyết sương còn phải đứng trên đường, nếu không tìm được khách còn bị chủ chứa đánh dập tàn nhẫn. Cho dù có khách thì những kẻ tới đó đều là loại người hạ lưu, rất dễ mắc bệnh dương mai, loét cổ tử cung, thế nào cũng phải mất mạng"⁽²¹⁾.

5. Bàn định (Định bằng). Bàn định là kỹ nữ bậc thấp nhất ở Thượng Hải. Khách chơi chỉ cần bỏ ra ba hào là có thể được tiếp giữa ban ngày ban mặt, tục gọi là Đóng định (Đá định). Loại kỹ nữ này phần lớn xấu xí không sao chịu nổi, lúc ăn nên làm ra mỗi ngày phải tiếp khoảng hơn mươi vị khách.

Ngoài Thượng Hải, kỹ nữ ở các nơi Cáp Nhĩ Tân, Bắc Kinh, Khai Phong cũng chia làm bốn năm hạng. Như kỹ nữ ở Cáp Nhĩ Tân chia thành năm hạng, hạng đầu gọi là Bài tọa, hạng hai hạng ba đều gọi là Hạ xứ, hạng tư gọi là Mại môn tử, hạng năm là Lão má đường. Nói chung loại Bài tọa ở Cáp Nhĩ Tân tương tự loại Trường tam ở Thượng Hải, Mại môn tử thì tương tự loại Hoa yên quán ở Thượng Hải, Lão má đường đều là loại phụ nữ trung niên, là nơi tìm vui của tầng lớp dưới⁽²²⁾.

Đương nhiên đẳng cấp của kỹ nữ hoàn toàn không phải là nhất thành bất biến. Theo với sự thay đổi về tuổi tác, tiền bạc và thán xác của kỹ nữ, đẳng cấp của kỹ nữ cũng sẽ phát sinh những thay đổi tương ứng. Nói chung, thời gian từ đẳng cấp cao rơi xuống đẳng cấp thấp, nếu gặp may hoặc có thủ đoạn cao cường thì có thể giữ được bảy tám năm, thậm chí hơn mười năm, nhưng tuyệt đại đa số chỉ có thể duy trì được trong năm ba năm.

(21) *Nhân gian địa ngục*, hồi 16.

(22) *Tục Hải thượng phồn hoa mộng*, tập 3, hồi 33.

Chương 1

Lịch sử kỹ nữ

I. Nguồn gốc của nghề kỹ nữ

1. Sự manh nha của nghề kỹ nữ

Trương Mẫn Duân tiên sinh cho rằng "Phải tìm kiếm nguồn gốc của việc mại dâm trong lịch sử xã hội. Trong thời kỳ mông muội, loài người trải qua giai đoạn quẩn hôn, quyết không có sự tồn tại của hiện tượng mại dâm, thời đại trước đó tức giai đoạn loạn hôn và tính giao không theo quy củ thì càng không thể nói về sự tồn tại của việc mại dâm. Theo đó dù biết mại dâm là hiện tượng phát sinh trong thời kỳ sau... Có điều trong thời kỳ ấy cũng có thể có những thực tế ngoại lệ tương tự việc mại dâm. Ví dụ một cô gái vì không đủ cái ăn cái mặc, bèn khuất thân với đàn ông trong tập đoàn để đánh đổi cái ăn, trong thời kỳ tư liệu sinh hoạt còn thiếu thốn cũng thường có hiện tượng như vậy. Về sau bước vào xã hội thị tộc phụ hệ, tài sản riêng và hôn nhân một vợ một chồng đã bắt đầu manh nha, mặt khác vì có sự xuất hiện nô lệ, nghề mại dâm cũng theo đó gia tăng, đây không phải là hiện tượng khó hiểu. Trong xã hội thị tộc, bị chủng tộc khác tấn công bắt làm tù binh, trở thành nô lệ, trong đó cũng có phụ nữ, là giai cấp nô lệ bị đè nén. Sau đó trong thị tộc gia trưởng phụ hệ xuất hiện chế độ một chồng nhiều vợ. Lúc chế độ một vợ một chồng bắt đầu nảy sinh, các tộc trưởng, tù trưởng, tăng lữ có quyền lực đều chọn hình thức một chồng nhiều vợ. Một bộ phận nữ nô lệ chưa được chọn vào hàng thê |

thiếp, lại có ý thức bán thân để đổi lấy lợi ích, đó cũng là sự thật dễ hiểu. Không chỉ giới hạn trong các nô lệ, ngay một bộ phận phụ nữ thuộc tầng lớp dưới của thị tộc cũng có khuynh hướng ấy. Cho dù trong hoàn cảnh khai hóa của loài người ngày nay không coi trọng sự trinh tiết trước khi kết hôn, phụ nữ chưa kết hôn phần nhiều dựa vào việc bán thân để có tiền bạc lấy chồng, phụ nữ bán xứ ở Nam Dương cũng có nhiều người như thế. Hiện tượng này về sau vì sản xuất phát triển, vật đổi vật đơn thuần đã phát triển tới giai đoạn thương phẩm hóa và trao đổi hàng tiền, việc bán thân lại càng xuất hiện rõ ràng, trở thành thị trường xác thịt. Trong thời đại ấy, đúng vào thời kỳ sùng bái sinh thực khí đang thịnh hành, cho rằng hành vi tính giao là một loại khoái lạc thần bí, từ chế độ quân hòn tự do tiến vào chế độ một vợ một chồng, đàn ông đột nhiên bị chế độ ấy ràng buộc, nên mượn vật chất để đổi lấy thân xác của phụ nữ, đó cũng là một sự thật dễ hiểu. Lúc đầu là cưỡng ép hoặc có ý thức, nhưng cũng có thể ngẫu nhiên xuất hiện hành vi "chế độ kỹ nữ" (Haeterism), trong một thời gian dài, về sau dần dần trở thành nghề mại dâm bình thường⁽¹⁾.

Luận điểm này của Trương tiên sinh có đủ sức thuyết phục khiến người ta tin tưởng. Trong quá khứ, giới học thuật thường cho rằng kỹ nữ ở Trung Quốc bắt đầu từ Vu xướng (Đồng bóng)⁽²⁾. Trong thực tế, cách nói ấy khiến người ta ngờ vực. Trước hết, lập luận ấy xuất phát từ điểm giống nhau về việc giới ca múa của nữ vu và kỹ nữ về sau, nhưng lại bỏ qua việc phụ nữ đời sau làm kỹ nữ cơ bản vì lý do kinh tế và

(1) Trương Mẫn Duân biên dịch, *Tình khoa học* (Khoa học tình dục), Thượng Hải thời đại thư cục, 1950, tr. 139 -140.

(2) Có thể lấy Trung Quốc xướng kỹ sử của Vương Thư Nô tiên sinh làm đại biểu cho đặc điểm này, ông đoán định nghề kỹ nữ ở Trung Quốc bắt nguồn từ nữ vu thời Ân Thương, lại gọi thời đại ấy là "thời đại Vu xướng".

chính trị bức bách. Thứ nữa, sự suy lý và những luận cứ mà phái ấy dùng để chứng minh cũng không đứng vững được. Luận điểm ấy rõ ràng chịu ảnh hưởng của cái gọi là "Mại dâm tôn giáo" của học giới Tây phương, không phù hợp với tình hình Trung Quốc. Về việc này các ông Trương Mẫn Duân, Vũ Chu từng nói rõ trong các công trình của họ, ở đây không thuật lại⁽³⁾.

Nói thật chính xác, thì sự xuất hiện của nghề kỹ nữ ở Trung Quốc có quan hệ chặt chẽ với sự xuất hiện chế độ tư hữu của xã hội thị tộc, và lại sau khi chế độ một vợ một chồng hình thành, xã hội bị hạn chế nhất định trong việc hôn nhân tình dục, sau khi mọi người có quan niệm luân lý về trinh tiết và khoái lạc xác thịt. Lúc bấy giờ một số thủ lĩnh bộ lạc và tộc trưởng thiểu số lợi dụng chức quyền, trong quá trình phân phối sản phẩm nội bộ và trao đổi sản phẩm bên ngoài biến một số tài sản tập thể thành của mình, lương thực, tiền bạc và nô lệ đều thành một bộ phận quan trọng trong tài sản của họ, từ đó làm cơ sở vật chất cho sự滋生 sinh của nghề kỹ nữ.

Đồng thời cũng cần chỉ ra rằng sự sản sinh của nghề kỹ nữ còn có quan hệ với quan niệm về tính dục của người nguyên thủy. Trong thời kỳ xã hội phụ hệ, quan hệ tình giao giữa nam nữ ngoài nhu cầu sinh con đẻ cái, còn xuất hiện nhu cầu tình dục. *Thi kinh*, *Nhi nam*, *Thảo trùng* có miêu tả "Diệc ký cẩn thượng, Ngã tâm tặc giáng... Ngã tâm tặc duyệt... Ngã tâm tặc dì" (Đến khi thấy mặt... Thì lòng ta yên... Thì lòng ta đẹp... Thì lòng ta mừng) có quan hệ với tâm lý khoái cảm tình dục đã xuất hiện từ thời nguyên thủy. Nhưng trong chế độ một vợ một chồng, quan hệ tình giao

(3) Xem thêm Trương Mẫn Duân biên dịch, *Tính khoa học* tr. 141-145 và Vũ Chu, *Trung Quốc kỹ nữ sinh hoạt sử* (Lịch sử sinh hoạt của kỹ nữ Trung Quốc) tr. 32-42.

giữa nam nữ đã có sự hạn chế nhất định, sự loạn luân bị cấm đoán, đàn ông trong sinh hoạt tình dục không được làm như ý mình, nhất định phải nghĩ tới lợi ích của tập thể và xã hội.

Sự诞生 của chế độ tư hữu và xuất hiện của quan niệm tình dục rõ lại là dùng tiền bạc hoặc những quyền lực, thủ đoạn khác để mua sự hiến thân của phụ nữ, sau cùng dẫn tới sự xuất hiện của nghề mại dâm. Chế độ xướng kỹ là sản phẩm của thời đại văn minh, so với cách thức quần hôn tạp giao trong thời đại mông muội, đã man thi tiến bộ hơn rất nhiều. "Từ bè ngoài mà nhìn, chế độ xướng kỹ là một quan hệ mua bán, là một hành vi tinh giao có hình thức khé ước bão hiểm, nó không chịu sự sai khiến và lăng nhục ngoài khé ước và tiền bạc. Nó không những tiến bộ hơn chế độ quần hôn, chế độ nhiều vợ nhiều chồng, chế độ hôn nhân cướp đoạt, mà rõ ràng cũng tiến bộ hơn chế độ một vợ nhiều chồng mà đàn ông nếu không dùng tiền bạc hay của cải thì là cậy vào quyền lực, đẳng cấp mặc ý chiếm hữu phụ nữ"⁽⁴⁾.

2. Thời đại kỹ nữ nô lệ

Kỹ nữ nô lệ là đặc điểm rõ ràng nhất của nghề kỹ nữ thời Hạ Thương. Trong thời kỳ này, không những bậc thiên tử là kẻ thống trị tối cao có hàng ngàn hàng vạn "nữ nhạc", "xướng ưu", mà trong nhà các chư hầu và sĩ đại phu cũng nuôi dưỡng một số lượng lớn các "nô lệ trên giường", đó đều là tiền thân của loại cung kỹ và gia kỹ trong lịch sử kỹ nữ Trung Quốc.

Từ tư liệu sử sách mà nhìn, cung kỹ đã xuất hiện từ thời nhà Hạ. Lưu Hướng thời Hán trong *Liệt nữ truyện*, *Hạ Kiệt Muội Hỷ truyện* chép:

(4) Đới Vĩ, *Trung Quốc hôn nhân tinh ái sử cáo* (Lược sử hôn nhân và tình yêu ở Trung Quốc), Đông phương xuất bản xã 1992, tr. 45.

"Vua Kiệt bỏ lễ nghĩa, gian dâm phụ nữ, tìm mỹ nữ đưa vào hậu cung, thu gom xướng ưu, bọn lùn làm hề, bọn con hát biết trò lả, gom lại trong phòng. Chế ra dâm nhạc, ngày đêm cùng Muội Hỷ và cung nữ uống rượu không lúc nào nghỉ, đặt Muội Hỷ lên gối, nói gì cũng nghe. Dâm loạn vô đạo, mặc tình xa xỉ, làm ao rượu có thể đi thuyền... Có người say quá chết đuối ở đó, Muội Hỷ thích thú lấy đó làm trò vui".

Lại như *Quán tử, Khinh trọng* chép:

"Vua Kiệt ngày xưa có ba vạn nữ nhạc, tiếng đàn hát rộn rã vang ra tận đường, không ai không mặc quần áo thêu thùa... Vua Kiệt không lo lắng gì tới thiên hạ, chỉ lo nhã nhạc yến ấm với nữ nhạc".

Từ đó có thể thấy cung kỹ từ lúc vừa xuất hiện đã thể hiện xu thế phát triển thịnh vượng, phản ánh bản chất dâm loạn vô độ của giai cấp thống trị.

Giống như nhà Hạ, vua cuối cùng của nhà Thương là Đế Tân tức Ân Trụ vương, cũng là một ông vua tàn bạo hiếu sắc dâm loạn. *Sử ký, Ân bản kỷ* miêu tả Đế Tân nói:

"Thích rượu chè và dâm nhạc, say mê phụ nhân. Yêu Đát Ký, Đát Ký nói là nghe theo. Vì thế sai Sư Quyên chế ra khúc nhạc dâm loạn mới, điệu múa Bắc lý, khúc nhạc Phi phi. Đánh thuế nặng để thêm tiền trong Lộc Dài, đầy thóc trong Cự Kiều. Lại thu gom những chó ngựa vật lạ, xây dựng cung thất. Mở rộng dài ta thượng uyển ở Sa Khâu, bắt nhiều chim thú cho vào đó. Khinh mạn quý thần. Tụ họp nữ nhạc ở Sa Khâu, lấy rượu làm ao, treo thịt làm rừng, sai nam nữ khóa thân đuổi nhau trong đó, uống rượu suốt đêm".

Từ đó chúng ta hoàn toàn có thể tưởng tượng ra cảnh tượng thịnh vượng cung kỹ như mây thời Thương.

Thời Hạ Thương, tuy tình hình chư hầu sỉ đại phu sử dụng kỹ nữ nô lệ kì ông được ghi nhiều trong sử sách, nhưng chúng ta vẫn có thể thông qua giáp cốt văn và tư liệu khảo cổ để nhìn thấy một phần.

Trong giáp cốt văn khai quật được trong di chỉ khảo cổ thời Ân ở An Dương, chúng ta thường thấy những chữ "hề", "quả", "bế". Theo sự khảo cứu của các chuyên gia, những chữ ấy có quan hệ với kỹ nữ nô lệ. Như chữ "thiếp" trong giáp cốt văn là chỉ nô nô lệ. Quách Mạt Nhược tiên sinh giải thích rằng "Thiếp là nô nô, Hựu thiếp thời Tố Ất đại khái chỉ các nô nô dùng làm vật tế thần"⁽⁵⁾. Lại từ tình hình gieo quẻ để phân biệt thứ tự thê và thiếp của các quý tộc chủ nô mà nhìn, thì "thiếp" rõ ràng là gia kỹ không còn gì phải nghi ngờ, ý nghĩa gần với chữ "thiếp" trong cơ thiếp đời sau. Vì thế có học giả gọi đó là "nô lệ trên giường"⁽⁶⁾. Tôi cho rằng cách nói ấy rất chính xác.

Chữ "quả" trong giáp cốt văn cũng chỉ gia kỹ. Triệu Kỳ thời Hán trong *Mạnh tử chú* nói "Quả là thị nữ được sủng ái, là loại người nhỏ mọn được yêu thương".

Ngoài ra từ nhân phụ nữ dưới thời Thương và vợ, thiếp, hề, cơ, phụng, á, bế của nô lệ cũng có một bộ phận lớn trở thành "nô lệ trên giường" của quý tộc chủ nô, hoặc gọi là gia kỹ.

II. Sự phát triển của nghề kỹ nữ

Từ thời Xuân thu Chiến quốc đến thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, là thời kỳ phát triển mạnh của nghề kỹ nữ trong lịch sử Trung Quốc. Trong thời kỳ này, sự phát triển của

(5) *Ân khế tuy biến*, Khoa học Xuất bản xã, 1965, tr. 218.

(6) Diêu Hiếu Toại, *Thương đại dịch phù lỗ* (Tù binh thời Thương), *Cổ văn tự nghiên cứu*, tập 1, Trung Hoa thư cục, 1979.

nghề kỹ nữ có mấy đặc điểm như sau: một là Cung kỹ vẫn thịnh hành không suy, hai là Gia kỹ dần dần phổ biến, ba là Doanh kỹ bắt đầu xuất hiện và lưu hành, bốn là Thị kỹ (kỹ nữ ở đô thị) vẫn trong tình trạng không phát triển lắm.

1. Nghề kỹ nữ thời Xuân thu Chiến quốc

Thời Xuân thu Chiến quốc kể thống trị tối cao ở các nước phần lớn nổi tiếng hoang dâm vô độ. Họ ngoài việc lợi dụng đặc quyền có nhiều vợ để chiếm đoạt phụ nữ, còn thường chiếm hữu nhiều cung kỹ để phục vụ dâm lạc. *Mạnh tử*, *Tận tâm* nói "Thực tiễn phương trượng, thị thiếp số bách nhân". Triệu Kỳ thời Hán chú "Thị thiếp đông tới vài trăm người". *Mặc tử*, *Tử quá* nói "Các vua ngày nay đều nuôi dưỡng cung kỹ. Nước lớn thì hàng ngàn, nước nhỏ thì vài trăm". Như "(Tề) Tương công, lầu cao ao rộng, say đắm tưu sắc. Chỉ lo săn bắn rong chơi, không lo quốc chính, khinh bỉ kẽ sỉ, chỉ trọng đàn bà, chín phi sáu tần, tỳ thiếp vài ngàn, ăn món ngon vật lạ, mặc lụa là gấm vóc, mà quân lính đói rét, nhung mā xếp sau chuyện vui chơi, binh sĩ lo sau việc tỳ thiếp, con hát và bọn làm hề thì trọng mà các bậc đại phu hiền tài thì khinh nên quốc gia không thịnh vượng"⁽⁷⁾. Lúc Tề Cảnh công cầm quyền cũng hoang dâm vô sỉ, "tay trái ôm tay phải khoác"⁽⁸⁾. Sở Trang vương lên ngôi, "say mê thanh sắc, tay trái khoác Tần cơ, tay phải ôm Triệu nữ"⁽⁹⁾. Ngụy vương lúc yến ẩm, có "gái Sở múa phía trước, gái Ngô ca phía sau, gái Triệu đánh dàn sắt bên trái, gái Tần đánh dàn tranh bên phải"⁽¹⁰⁾. Thái Thánh hầu "tay trái ôm thiếp trẻ, tay phải

(7) *Quản tử*, *Tiểu khuông thiên*.

(8) *Án tử Xuân thu*.

(9) *Ngô Việt Xuân thu*, quyển 1.

(10) *Hoàng Hiến*, *Thiên Lộc các ngoại sử*, quyển 4.

khoác Bé nǚ⁽¹¹⁾. Ngô vương Phù Sai lại càng gái đẹp dây hậu cung, có "cung kĩ mấy ngàn người"⁽¹²⁾.

Số lượng kĩ nữ trong nhà các chư hầu sì đại phu cũng không kém gì quốc vương. Như đại phu Công Lương Hăng Tử nước Vệ trong nhà "phụ nữ mặc áo gấm thêu có mấy trăm người"⁽¹³⁾, kĩ nữ tỳ thiếp trong nhà Bình Nguyên quân nước Triệu cũng có mấy trăm người⁽¹⁴⁾.

Đương thời có một số thương nhân giàu có cũng bắt đầu nuôi dưỡng gia kĩ, như Sứ ký. *Lữ Bất Vi* truyện nói "Lữ Bất Vi lấy một ca kĩ tuyệt sắc giỏi múa ở Hàm Đan, biết đã có mang. Từ Sở sang nhà Bất Vi, nhìn thấy đem lòng say mê, nhân đứng dậy chúc thọ mà xin. Bất Vi nghĩ giận mình đã vì Từ Sở phá hết gia sản, muốn dùng món lạ để câu, bèn dâng vợ. Người vợ giấu chuyện mình đã có mang, đến dù tháng sinh con là Chính. Từ Sở bèn lập nàng làm phu nhân". Từ đó có thể thấy mẹ của Tân Thủy Hoàng là mỹ kĩ do đại thương nhân Dương Địch Lữ Bất Vi nuôi dưỡng trong nhà.

Đầu thời Xuân thu thị kĩ và kĩ viện nảy sinh, là một chuyện lớn trong lịch sử kĩ nữ Trung Quốc. *Chiến quốc sách*, *Đông Chu sách* chép Quản tử làm tướng nước Tề, từng đặt "Nữ lư bảy trăm người" để giúp quân phi⁽¹⁵⁾. Lại như *Hàn Phi tử*, *Nan nhì* nói "Ngày xưa trong cung Hoàn công có hai chợ, nữ lư hai trăm, là phụ nữ bị phế làm kĩ nữ". Tuy hai sách ấy ghi chép số lượng kĩ nữ khác nhau, nhưng thời Tề Hoàn công đã bắt đầu thiết lập Nữ lư (tức kĩ viện đời sau) là chuyện có thật không còn gì phải nghi ngờ.

(11) *Chiến quốc sách*, *Sở sách*.

(12) Nhiệm Phảng, *Thuật dị kĩ*.

(13) *Mặc tử*, *Quý nghĩa*.

(14) *Sứ ký*, *Bình Nguyên quân liệt truyện*.

(15) *Chiến quốc sách*, *Đông Chu sách* "Trong cung của Tề Hoàn công có bảy chợ, nữ lư bảy trăm, người trong nước cho là sai". Chữ "lư" đây chỉ nơi quý tộc sĩ dân tụ cư.

Tề Hoàn công thiết lập kỹ viện có bốn mục đích: một là để tăng thêm thu nhập của quốc gia, như Chử Nhân Hoạch thời Thanh trong *Kiên biều tục tập* quyển 1 nói "Quản tử làm tướng nước Tề, đặt Nữ lư bảy trăm, đánh thuế khách ngũ lại hàng đêm để sung quốc dụng, đó là bắt đầu việc thu Tiên son phấn của giáo phường". Hai là để điều hòa và giảm thiểu mâu thuẫn xã hội. *Quản tử, Quyền tu* nói "Phàm kẻ chăn dân phải làm cho kẻ sĩ không xấu xa, phụ nữ không dâm tà. Kẻ sĩ không xấu xa là giáo, phụ nữ không dâm tà là huấn, giáo huấn thành phong tục thì hình phạt sẽ giảm". Lại như *Hàn Phi tử, Ngoại trừ thuyết hữu hạ* chép Hoàn công thấy dân có người "bảy mươi tuổi mà không có vợ", bèn nói với Quản Trọng. "Quản Trọng nói: Thần nghe người trên tích chứa của cải thì dân ắt thiếu thốn, trong cung có oán nữ thì dân sẽ có người già mà không vợ. Hoàn công nói: Hay. Bèn cho những phụ nữ trong cung chưa từng hầu vua xuất giá, lại ra lệnh đàn ông hai mươi tuổi phải cưới vợ, con gái mươi lăm tuổi phải lấy chồng". Như vậy không những thỏa mãn tình dục cho một số lượng lớn đàn ông không vợ trong xã hội, mà còn khiến rất nhiều nô lệ phụ nữ được đặt vào vị trí thích hợp. Ba là ưu đãi du sĩ, chẳng lưới bắt nhân tài. Dương thời chư hầu tranh hùng, Tề Hoàn công để đạt được mục đích làm bá chủ thiên hạ bèn lợi dụng gái đẹp để dẫn dụ nhân tài. Bốn là để cung đốn lạc thú cho Tề Hoàn công. Theo sử sách ghi chép, Tề Hoàn công là một người hiếu sắc, "thích việc trong phòng, nhiều người được thương yêu, như bậc phu nhân có tới sáu người"⁽¹⁶⁾. Nhưng ông ta vẫn chưa thỏa mãn, thích tìm cảm giác mạnh. *Hàn Phi tử, Ngoại trừ thuyết hữu thương* nói "Ngày xưa Hoàn công làm bá chủ, việc trong thì giao cho Bão Thúc Nha, việc ngoài thì giao cho Quản Trọng, xõa tóc chơi bời, hàng ngày la cà ở chợ búa".

(16) *Sử ký*, quyển 32, *Tề Thái công thế gia*.

Việc Tề Hoàn công và Quản Trọng sáng lập thị kỵ và kỵ viện có ảnh hưởng rất sâu xa đối với việc nảy sinh và phát triển của nghề kỵ nữ ở Trung Quốc về sau. Dưới ảnh hưởng của điều đó, không những các nước thời Xuân thu đua nhau bắt chước mà kể thống trị phong kiến đời sau cũng coi đó là mẫu mực, từ đó khiến chế độ xướng kỵ hàng ngàn năm sau thủy chung vẫn duy trì không mất, nuốt sống tuổi xuân và tính mạng của hàng ngàn hàng vạn phụ nữ, đó cũng là điều mà nhà chính trị, nhà tư tưởng Quản Trọng thời Xuân thu không nghĩ tới.

Tư kỵ đã xuất hiện trong thời Xuân thu Chiến quốc. *Sử ký*, *Hoa thực liệt truyện* chép "Gái Triệu là Trịnh Cơ, trang điểm lộng lẫy, đánh đòn thổi sáo, mặc áo dài, đi hài đẹp, liếc mắt đưa tình, ra ngoài trong vòng ngàn dặm, không chọn già trẻ, chỉ ngủ với người giàu có". Lại nói "Vùng Trung Sơn đất xấu người đông, còn có dân ở đất Sa Khâu của vua Trụ, phong tục nóng nẩy, dựa vào cơ mưu mà sống. Đàn ông tụ họp rong chơi, bi ca khảng khái, động thì theo nhau làm bậy, thôi thì đủ việc đào mộ gian trá dâm đãng, nhiều người đẹp trai làm con hát. Đàn bà thì gây đàn cầm, nôi nhau rời quê, đi khắp nơi mê hoặc kẻ giàu có hay vào làm cung nữ ở khắp các nước chư hầu". Lại như *Thi kinh*, *Chu Nam*, *Hán quâng* nói "Hán hữu du nữ, Bất khả cầu tư" (Sông Hán có du nữ, Không thể mong cầu). Từ những sự liệu nói trên có thể thấy nàng Trịnh Cơ nước Triệu kia giỏi trang điểm, khéo ca múa, thông thạo mỹ thuật, quả có thể nói là sắc nghệ kiêm toàn. Nàng vì tiền bạc mà không nề nề vất vả, lặt lội đường xa, không tiếc đưa sắc đẹp và thân xác của mình ra bán. Từ phương thức kinh doanh của họ mà nhìn, chủ yếu là tới nhà phục vụ. Kinh *Thi* dùng từ "Du nữ", là cực kỳ làm sáng tỏ về đặc điểm kinh doanh của tư kỵ.

Doanh kỵ (hoặc gọi là quân kỵ) lúc bấy giờ đã bắt đầu xuất hiện. Theo ghi chép trong các sách *Việt tuyệt thư*, Ngô

Việt Xuân thu thì khoảng trước sau năm 470 trước Công nguyên, "Việt vương Câu Tiễn chở những góa phụ có tội lên núi cho tướng sĩ lo buồn giải trí, để họ vui lòng". Việt vương Câu Tiễn lợi dụng "góa phụ có tội" phục vụ tình dục cho "những kẻ lo buồn" trong quân đội để giải quyết vấn đề sỉ khí sa sút, đó rõ ràng là một loại doanh kỹ điển hình. Tuy việc Việt vương Câu Tiễn lúc bấy giờ bắt "góa phụ có tội" cung đốn tình dục cho quân sĩ có thể là một biện pháp chữa cháy mang tính nhất thời chứ hoàn toàn không làm thành một loại chế độ, nhưng chúng ta hoàn toàn có thể coi đó là sự hình thành chế độ doanh kỹ ở Trung Quốc. Ngoài ra, theo câu "Ra lệnh cho chợ búa trong quân không được có phụ nữ... Bọn dân lười biếng không vào chợ búa của quân, thì nồng dân không làm bậy" trong *Thương quân thu*, *Khẩn lệnh thiên* cũng có thể đoán rằng thời bấy giờ doanh kỹ không những phục vụ cho tướng sĩ mà còn mở rộng ra cho cả xã hội, đã hướng tới phục vụ thương nhân, thợ thủ công, nông dân để thu tiền bạc, cung cấp quân phí.

2. Nghề kỹ nữ thời Tần Hán

Nghề kỹ nữ thời Tần Hán trên cơ sở thời Xuân Thu Chiến quốc lại tiến thêm một bước. Đặc điểm của nó là Cung kỹ vô cùng phát triển, Gia kỹ bắt đầu thịnh hành, chế độ Doanh kỹ chính thức xác lập, Thị kỹ từ từ phát triển.

a. *Cung kỹ vô cùng phát triển*. Năm 221 trước Công nguyên Tần Thủy Hoàng không những thống nhất Trung Quốc, mà còn phát triển Cung kỹ tới mức cao độ. Theo sử sách, Tần Thủy Hoàng là một ông vua tàn bạo hoang dâm, ham mê túu sắc, lấy gái đẹp làm đồ chơi. Dương thời có "Ly cung ở Quan Trung ba trăm sở, Quan ngoại bốn trăm sở, đều có chuông khánh, màn trường, nữ nhạc ca kỹ", tổng cộng tới

"hàng vạn người, chuông trống dàn sáo không dứt"⁽¹⁷⁾. Những người "trẻ tuổi xinh đẹp" "làm kỹ nữ ca hát" không những hàng ngày dàn hát ca múa phục vụ Tân Thủy Hoàng mà thỉnh thoảng còn phải cung cấp đốn tình dục cho y. Vì thế người xưa từng có thơ rằng "Khắp dụ nhí yêu hè nạp kỳ thanh thanh, Lệ nhan ca trưởng tháp hè thần viết kỹ, Mỹ nhân ỷ ni phân thâu tiết" (Khóc lóc tiến cung chờ vắng vắng thanh âm, Rơi lệ hát ca lên giường chờ than thở, Giai nhân xinh đẹp đua kiều my)⁽¹⁸⁾. Thi nhân Đỗ Mục thời Đường cũng viết trong bài A Phòng cung phú rằng "Minh tinh huỳnh huỳnh, Khai trang kính dã, Lục vân ưu ưu, Sơ hiếu hoàn dã, Vị lưu trưởng nhị, Khí chi thủy dã, Yên tà vụ hoành, Phản thúc lan dã. Lôi đình sạ kinh, Cung xa quá dã, Lộc lộc viễn thính, Hương bất tri kỳ sở chi dã. Nhất cơ nhất dung, Tân thái cực nghiên, Mạn lập viễn thị, Nhi vọng tẽ yên. Hữu bất đắc kiến giả tam thập lục niên! Yên Triệu chi thu tàng, Hàn Ngụy chi kinh dinh, Tề Lương chi tinh anh, Kỷ thế kỷ niên, Phiếu lược kỳ nhân, Ý diệp như sơn. Nhất đán bất năng hữu, Thủ lai kỳ gian. Đỉnh đang ngọc thạch, Kim khuyết châu thước, Khí trích dī ly, Tân nhân thị chi, Diệc bất kham tích" (Sao sáng lập lòe, Ra gương trang điểm, Tóc xanh mượt mà, Chải rồi mới búi, Ông ả buông dài, Không cần dầu gội, Khói mờ sương giăng, Đốt lò xông xạ. Chợt nghe ầm ầm, Xe cung đi lại, Lộc cộc xa xa, Mùi thơm không rõ từ nơi nào tới. Làn da khuôn mặt, Vô cùng xinh đẹp, Trông vời ra xa, Mỏi mòn mong đợi. Có kẽ không được gặp suốt ba mươi năm! Thu từ Yên Triệu, Gom từ Hàn Ngụy, Tinh hoa Tề Lương, Mấy đời mấy năm, Cướp bắt bao người, Chồng chất như non. Một sớm không được hưởng, Gom về nơi đây. Đỉnh đang châu báu, Vàng tan

(17) Xem thêm *Thuyết uyển*, quyển 52 và *Sử ký*, quyển 6, *Tân Thủy Hoàng bản kỷ*. *Thoả chí dị* của Chu Quỹ nói "Tân Thủy Hoàng thật thiếp hơn trãm, nhạc kỹ hàng ngàn".

(18) *Giáng sử*, quyển 149, dẫn lại từ *Cẩm uyển yếu lục*.

ngọc nát, Vứt bỏ vương vãi, Người Tân nhìn thấy, Cũng không nuối tiếc).

Sinh hoạt của giai cấp thống trị thời Hán còn hoang dâm vô sỉ hơn. *Hán thư*, *Cổng Võ truyện* chép "Thời Vũ đế lại lấy thêm phụ nữ vài ngàn người đưa vào hậu cung. Đến khi bỏ thiên hạ, Chiêu đế còn nhỏ, Hoắc Quang chuyên quyền, không biết lễ chính, cứ vơ vét tiền bạc, của cải, chim thú, tôm cá, trâu ngựa, hổ báo, chim sống, mươi phần lấy chín, đều cất giữ riêng. Lại đem hết mỹ nữ trong hậu cung ra ở viên lăng, là việc rất thất lễ, trái lòng trời, chưa chắc đã là ý của Vũ đế. Chiêu đế yến giá, quan lại làm như thế. Đến thời Hiếu Tuyên hoàng hậu, bệ hạ (Nguyên đế) ghét lời bà, quần thần cũng theo chuyện cũ, rất là đáng buồn! Cho nên khiến thiên hạ học theo người trên, đều cưới vợ quá mức, chư hầu có khi có tới vài trăm thê thiếp, nhà giàu và quan lại nuôi ca kỵ tới vài mươi người, vì thế ở trong có nhiều oán nữ, ở ngoài có nhiều khoáng phu... Lỗi ấy từ người trên sinh ra, đều là tội của các đại thần theo lệ cũ". Lại như *Hậu Hán thư*, *Hoàng hậu kỷ* nói "Từ sau đời Vũ đế Nguyên đế, mỗi đời mỗi chi phí vào việc hoang dâm nhiều hơn, đến nỗi Dịch đình có ba ngàn người, chia làm mươi bốn bậc"⁽¹⁹⁾.

Sinh hoạt hoang dâm của Hán Vũ đế mang tính chất tiêu biểu nhất trong các vua nhà Hán. "Trong niên hiệu Nguyên Sóc, nhà vua dựng cung Quang Minh, đem hai ngàn gái đẹp Yên Triệu vào đó, đều từ mươi lăm đến hai mươi tuổi, đến ba mươi tuổi thì cho xuất giá. Theo sổ sách trong Dịch

(19) *Hán thư*, *Ngoại thích truyện* nói "Nhà Hán dây lên theo cách gọi của nhà Trần, mẹ nhà vua gọi là Hoàng thái hậu, bà ngoại vua gọi là Thái hoàng Thái hậu, vợ chính gọi là Hoàng hậu, các thê thiếp thì có các bậc Phu nhân, lại gọi là Mỹ nhân, Lương nhân, Bát tử, Thất tử, Trưởng sử, Thiếu sử, đến đời Vũ đế đặt ra các danh hiệu Tiệp dư, Khinh nga, Hoa dung, Sung y, đều có tước vị, đời Nguyên đế lại thêm Chiêu nghi, tất cả gồm mươi bốn bậc".

đình, các cung có tất cả 18.000 gái đẹp. Ba cung Kiến Chương, Vị Ương, Trường An đều có đường xe kiệu đi. Những bể tội được thương yêu thì chia phụ nữ cho, hoặc lấy làm Bộc xạ, quan lớn thì lãnh bốn năm trăm, quan nhỏ thì lãnh một hai trăm người. Những người thường được hầu vua thì ghi vào sổ, được nâng bậc, hưởng lương sáu trăm thạch. Cung nhân đã rất nhiều, người được hầu vua mấy năm mới đến phiên một lần. Những phụ nữ giỏi mỹ thuật rất đông. Chọn hai trăm người thường theo vua ra ngoài, chờ ở xe sau. Những người ngồi cùng xe với vua có mười sáu người, thường đủ số, đều xinh đẹp tự nhiên, không cần son phấn, được hưởng quần áo xe ngựa như nhà vua. Thường tự nói: Có thể ba ngày không ăn cơm, chứ không thể một ngày thiếu đàn bà. Rất giỏi thuật đạo dưỡng nên thân thể thường khỏe mạnh, ngủ với những người có thể có con, thường ghi lại ngày giờ, thường vàng trăm cân. Người có thai thì phong làm Dung hoa, sung vào hàng thị nữ⁽²⁰⁾. Rõ ràng trong 18.000 gái đẹp ấy có một bộ phận rất lớn thuộc loại Cung kỹ.

Ngoài Vũ đế, các vua nhà Hán cũng có hàng ngàn hàng vạn cung kỹ trong hậu cung, sinh hoạt hoang dâm đồi bại. Như Nguyên đế có thụy hiệu là Nhân nhu Cung kiệm mà phi tần thê thiếp trong cung phần nhiều "ít khi gặp mặt", đến nỗi chỉ còn cách "sai thợ vẽ vẽ tranh, theo đó gọi vào hầu"⁽²¹⁾. Thành đế lại càng hoang dâm "say mê túu sắc"⁽²²⁾, số người được yêu thương trong hậu cung còn vượt xa các vua trước, như Triệu Phi Yến mà ông ta sủng ái nhất là xuất thân từ ca kỹ⁽²³⁾. Hoàn đế thời Đông Hán cũng là một hòn quân cả ngày chìm đắm vào thanh sắc, Lý Hiển chú thích

(20) *Hán Vũ cố sự*.

(21) *Tây kinh tạp ký*, quyển 2.

(22) *Hán thư*, *Thành đế kỷ*.

(23) Xem thêm *Hán thư*, *Ngoại thích Ân Trạch hầu Biểu* và *Thái Thuần, Triệu Phi Yến biệt truyện*.

Hậu Hán thư, *Hiếu Hoàn đế ký* nói "Hoàn đế nạp ba hoàng hậu, lại thu thêm năm sáu ngàn cung nữ, mà không có con". Mà Linh đế còn hoang dâm hiếu sắc hơn Hoàn đế. Theo *Hậu Hán thư*, *Hoạn giả liệt truyện* thì thời Hán Linh đế, "Thể nữ trong hậu cung có mấy ngàn người, quần áo vật dụng hàng ngày tốn mấy trăm lượng vàng". Từ đó có thể thấy mức độ thịnh vượng của cung kỹ thời Hán.

b. Gia kỹ bắt đầu thịnh hành. Thời Trần Hán phong khí nuôi dưỡng gia kỹ bắt đầu dấy lên trong các nhà quý tộc sĩ đại phu, những sử sách có quan hệ tới việc kế thống trị hoang dâm vô sỉ, đắm chìm vào thanh sắc đều có rất nhiều, như *Hán thư*, *Nguyên Hoàng hậu truyện* nói "Năm em trai được phong hầu, tranh nhau xa xỉ... Cơ thiếp trong nhà đều có vài mươi người, gia đồng thì có hàng trăm hàng ngàn, giống chuông trống, nghe nữ nhạc, xem vũ kỹ, ruồi ngựa thả chó săn bắn". Trọng Trường Thống thời Hán trong *Xương ngôn*, *Lý loạn* cũng nói các nhà quý tộc "Mắt nhìn no cảnh đấu vật, tai nghe chán nhạc Trịnh Vệ... Nhà cửa của kẻ quyền hào, có hàng trăm gian nối nhau... Gia đồng mỹ nữ tràn ngập trong nhà, nữ nhạc con hát xếp hàng chất thêm".

Phong khí "Thích thanh sắc, chuộng xa xỉ, coi nhẹ liêm sỉ, mặc ý dâm loạn" của giai cấp thống trị thời Hán bắt đầu từ thời Vũ đế. *Hán thư*, *Cổng Võ truyện* nói "Đời Vũ đế... thiên hạ làm theo người trên, đều cưới vợ quá mức, chư hầu có khi có tới vài trăm thê thiếp, nhà giàu và quan lại nuôi ca kỹ tới vài mươi người, vì thế trong có nhiều oán nữ, ngoài có nhiều khoáng phu". Lại như Ban Cố trong bài *Tây Đô phú* nói "Vu thị ký thứ thả phú, ngũ lạc vô cương. Đô nhân sĩ nữ, Thủ dì hồ ngũ phương. Du sĩ nghĩ vu công hầu, Liệt tú xỉ vu cơ thiếp" (Từ đó người giàu kẻ khó, hưởng lạc không thường. Kinh đô trai gái, Khác hẳn mọi phương. Du sĩ học theo công hầu, Xa xỉ trong chuyện cơ thiếp). Ví dụ Vũ An hầu Điền

Phân đời Hán Vũ đế, "phòng sau có hàng trăm thê thiếp"⁽²⁴⁾. Đến đời Thành đế, sinh hoạt hoang dâm của giai cấp thống trị còn quá hơn trước, như ngoại thích Vương Đàm, Vương Thích, Vương Lập, Vương Căn, Vương Phùng năm anh em "đều được phong tước hầu, xây dựng phủ đệ ở kinh sư, tỳ thiếp còn đẹp hơn cung nữ... Việc kiêu xa dâm dật từ xưa chưa bao giờ tới mức như vậy"⁽²⁵⁾. Một số quý tộc sĩ đại phu khác cũng tranh nhau nuôi dưỡng gia kỹ, như Sử Chu đời Thành đế "Có hàng trăm gia đồng, vài mươi thê thiếp, trong nhà xa xỉ, thích uống rượu, chìm đắm trong thanh sắc"⁽²⁶⁾.

Thời Hậu Hán phong khí nuôi dưỡng gia kỹ ngày càng thịnh hành, không những quý tộc sĩ đại phu nuôi dưỡng gia kỹ mà cả một số địa chủ phú thương cũng nuôi dưỡng vài mươi gia kỹ. *Hậu Hán thư, Lương Thông truyện* chép "Nhân đi trên đường bắt kỹ nữ về hầu". Mà con Lương Thông là Lương Ký còn nuôi dưỡng trên một ngàn ca kỹ để hầu hạ, sử chép "lúc cưỡi xe ra ngoài chơi đều có tỳ thiếp ca kỹ thành đàn thành lũ theo sau xe, khua chuông thổi sáo, ca hát ầm ỉ trên đường"⁽²⁷⁾.

c. **Chế độ doanh kỹ chính thức xác lập.** Như trên đã nói, doanh kỹ bắt đầu hình thành cuối thời Xuân thu, đầu thời Chiến quốc đã xuất hiện, nhưng sự chính thức xác lập chế độ doanh kỹ xảy ra dưới thời Hán. *Chính tư thông* dẫn lại *Hán Vũ đế ngoại sử* nói "Hán Vũ bắt đầu đặt doanh kỹ, để tiếp dãi những tướng sĩ không có vợ". Theo sử sách ghi chép, Hán Vũ đế không những phong lưu thành thói, mà còn ưa thích vò công. Ông ta liên năm chinh phạt, khiến mấy mươi vạn tướng sĩ bận rộn chinh chiến, không sao đoàn tụ với người nhà. Để ổn định quân tâm, đề cao sĩ khí, bèn đặt

(24) *Văn tuyển*, quyển 1.

(25) *Vương Gia, Thập nhị kỷ*, quyển 10.

(26) *Hán thư, Vương Thích Sử Đan Phó Hỷ truyện*.

(27) *Hậu Hán thư, Lương Ký truyện*.

doanh kĩ trong quân doanh, để các tướng sĩ thỏa mãn nhục dục.

d. Thị kĩ dần dần phát triển. Tương tự cảnh tượng thịnh vượng của cung kĩ, gia kĩ và doanh kĩ, thị kĩ thời Tần Hán cũng dần dần hiện rõ, nhưng còn ở giai đoạn bắt đầu. Từ ghi chép trong sử sách mà nhìn, vào thời kỳ này thị kĩ vẫn noi theo di phong thời trước, ngoài việc cung cấp thanh sắc cho giới công thương quân dân, còn chủ yếu tới biểu diễn vào các dịp yến tiệc ở nhà các quý tộc sĩ đại phu và địa sĩ thân hào, cung cấp lạc thú cho họ. Có thị kĩ còn nhờ sắc nghệ kiêm toàn nên được kẻ thống trị sủng ái. Như em gái Lý Diên Niên vốn là kỹ nữ xuất thân ở Trung Sơn, vì Lý Diên Niên trước mặt Hán Vũ đế hát một bài ca ngọt ngào sắc đẹp của em gái, nên được Hán Vũ đế ưng ý, đưa vào trong cung, phong làm Lý phu nhân⁽²⁸⁾.

3. Nghề kỹ nữ thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều

Nghề kỹ nữ thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều cũng có mấy đặc điểm như sau: một là gia kĩ bắt đầu thịnh hành, hai là cung kĩ bắt đầu giảm sút, ba là doanh kĩ và thị kĩ tiếp tục phát triển.

a. Sư thịnh hành của gia kĩ. Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, phong khí nuôi dưỡng gia kĩ của quý tộc sĩ đại phu và địa chủ phú thương cực kỳ thịnh hành, trở thành một đặc điểm lớn của nghề kỹ nữ đương thời. "Công hầu khanh tướng,

(28) Xem thêm *Hán thư*, quyển 97. Lý Diên Niên ca rằng "Bách phương hữu giai nhân, Tuyệt thế nhi độc lập. Nhất cố khuynh nhân thành, Tái cố khuynh nhân quốc. Ninh bất tri khuynh thành dù khuynh quốc, gai nhân nan tái đắc" (Phương bắc có giai nhân, Tuyệt thế ở một mình. Ngoài nhìn là nghiêng thành, Nhìn nữa là nghiêng nước. Há chẳng biết nghiêng thành cùng nghiêng nước, Giai nhân khó mà được).

ca kỹ đầy nhà, phú thương quý tộc, vũ nữ thành đàn. Tranh nhau khoe khoang, ra sức giành giật, như sợ không bằng, không hề có cấm lệnh”⁽²⁹⁾. Đó không những biểu hiện gia kỹ trở thành công cụ thỏa mãn xác thịt cho quý tộc thân hào, mà còn trở thành phẩm vật cho họ khoe khoang, ganh đua giàu có, là một biểu trưng về quyền thế, địa vị, của cải của họ.

Nhìn từ ghi chép trong sử sách, thì trong thời kỳ này quý tộc sĩ đại phu nuôi dưỡng gia kỹ trong nhà, ít thì vài người, nhiều thì hàng trăm hàng ngàn. Ở đây căn cứ ghi chép trong sử sách sao ra:

Triều đại	Tên họ quan liêu quý tộc	Tình trạng nuôi dưỡng kỹ nữ	Nguồn tư liệu
Tây Tấn Bắc triều Bắc Ngụy	Mai Đào	Trong nhà xa xỉ, nhạc kỹ đồng dúc	<i>Tấn thư, Chung Nhã truyện</i>
	Hoàn Huyền	Hậu phòng có vài mươi kỹ nữ	<i>Thế thuyết tân ngữ, chú thích dẫn lại Tục Tấn Dương Thu</i>
	Nguyên Ung	“Kỹ nữ hầu hạ đầy trong phòng”, “có năm trăm kỹ nữ”	<i>Ngụy thư, Cao Dương vương Ung truyện và Lạc Dương già lam ký, quyển 3</i>
	Nguyên Thám	Kỹ nữ có ba trăm	<i>Lạc Dương già lam ký, quyển 4</i>
	Cao Thông	Kỹ nữ hơn mươi người	<i>Ngụy thư, Cao Thông truyện</i>
	Lý Nguyên Hộ	Kỹ nữ hơn mươi người	<i>Ngụy thư, Lý Nguyên Hộ truyện</i>
	Hạ Đạo Thiên	Kỹ nữ hơn mươi người	<i>Bắc sử, Hạ Hầu Đạo Thiên truyện</i>
	Tiết Chân Độ	Nữ nhạc vài mươi người	<i>Ngụy thư, Tiết Chân Độ truyện</i>

(29) *Thái bình ngự lâm*, dẫn lại *Thuật lược* của Bùi Tử Dã.

Nam triều Tống	Nhan Sư Bá	Kỳ nữ ca cơ tuyển trong khắp thiên hạ	Tống thư, Nhan Sư Bá truyện
	Nguyễn Điền Phu	Kỳ nữ vài mươi người, tài sắc đều đứng đầu đương thời	Tống thư, Nguyễn Điền Phu truyện
	Thẩm Bột	Kỳ nữ vài mươi người	Tống thư, Thẩm Điền Chi truyện
	Đỗ Ký Thẩm Khánh Chi	Kỳ nữ vài mươi người	Tống thư, Đỗ Ký truyện
	Trương Hoàn	Kỳ nữ hâu hạ đầy phòng	Nam sử, Trương Dụ truyện phụ Hoàn truyện
Tề	Tiêu Nghi	Kỳ nữ hơn ngàn người	Nam sử, Tiêu Nghi truyện
	Tào Cảnh Tông	Kỳ nữ tới vài trăm người	Nam sử, Tào Cảnh Tông truyện
Lương	Hạ Hầu Quý	Các kỳ nữ mặc lụa là đeo châu ngọc ở hậu phòng có hơn trăm người,	Lương thư, Hạ Hầu Đàn truyện phụ đệ Quý truyện cấp Ngư Hoàng truyện
Trần	Chương Chiêu Đạt	Mỗi khi ăn uống, ắt bày đủ nữ nhạc ca kỹ	Nam sử, Chương Chiêu Đạt truyện

Quý tộc, quan lại sỉ đại phu nuôi dưỡng gia kỹ không có hạn độ, buông thả phóng túng, ắt sẽ ảnh hưởng tới chính trị của quốc gia. Vì thế, Tuyên Vũ đế nhà Bắc Ngụy hạ lệnh lập ra chế độ, hạn chế sinh hoạt phóng đãng của quan lại. Nhà Tề thời Nam triều thậm chí còn quy định chính sách "Chưa làm tới chức Hoàng môn lang thì không được nuôi dưỡng gia kỹ". Nhưng những chính sách pháp lệnh ấy ở đương thời chỉ là nói suông, chứ trong thực tế không những phong khí nuôi dưỡng gia kỹ ở các quan lại cấp thấp tuy có lệnh vẫn không dứt được, mà ngay cả dân gian cũng có hiện tượng nuôi dưỡng ca kỹ. Như *Tùy thư, Địa lý chí* ghi lại

phong tục vùng Dự Chương có nói "Phong tục Dự Chương cũng giống Ngô Trung, quân tử giỏi trị việc nhà, tiểu nhân siêng năng cày cấy. Những người áo mao phần nhiều có vài vợ, chơi bời thị kỵ, lại trả tiền cho chồng họ. Đến như những kẻ được cử Hiếu liêm, vì muốn giàu có, tuy vợ trước đã nhiều năm vất vả, con cái đầy đàn vẫn bị đuổi ra, để cưới vợ khác".

b. Sự giảm sút của cung kỵ. Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, vì thế nước suy yếu, nên cung kỵ không thể sánh với thời Tần Hán, bộc lộ hiện tượng suy giảm. Nhưng sinh hoạt hoang dâm vô độ của kẻ thống trị phong kiến vẫn không vì thế mà giảm đi, ngược lại phong thái kiêu xa dâm dật còn ngày càng phát triển.

Ngụy Vũ đế Tào Tháo đồng thời với việc đưa ra câu "Đối túu đương ca, Nhân sinh kỷ hè" (Trước rượu nên ca, Đời người mấy lúc) cũng thu nạp "ca kỵ bên cạnh, thường từ sáng đến tối"⁽³⁰⁾, hy vọng thông qua thuật trong phòng đạt được kết quả kéo dài tuổi thọ. Con là Tào Phi cũng ưa thích nữ sắc không kém Tào Tháo, ông ta không những nuôi nhiều mỹ nữ trong nước, mà ngay cả những sủng thiếp của cha cũng nạp vào cung mình để thỏa mãn nhục dục.

Lưu Thiện Hậu chủ nhà Tây Thục và Tôn Hạo vua cuối cùng của Đông Ngô cũng là phường hiếu sắc. Lưu Thiện cả ngày trời hoa đất rượu, mê đắm nữ sắc, đến nỗi sau khi mất nước vẫn say đắm trong "kỹ nữ ca múa đất Thục", "vui vẻ không nhớ nước Thục", bị người sau gọi là "Cái đầu đỡ không đứng nổi" (A Đầu phù bất khởi). Tôn Hạo nỗi tiếng xấu "cùng dâm cực xi"⁽³¹⁾ trong lịch sử, hậu cung của ông ta có vài ngàn mỹ nữ, sớm tối truy hoan, thậm chí lúc đang để tang cha cùng mượn cớ tế thần để nghe hát xem múa⁽³²⁾.

(30) *Ngụy chí, Vũ đế kỵ* chú thích dẫn từ *Tào Man truyện*.

(31) *Tam quốc chí, Ngô thư, Tôn Hạo truyện*.

(32) *Kiến Khang thực lục*, quyển 4 và *Bảo Phác từ, Ngô thất thiên*.

Tần Vũ đế Tư Mã Viêm tuy là một nhà chính trị khá giỏi nhưng trong sinh hoạt cũng hoang dâm vô độ như thế, người đẹp trong hậu cung có hơn một vạn, cung cấp mọi lạc thú. Dương nhiên, trong hơn một vạn mỹ nữ ấy không thiếu những kỹ nữ dâm đãng kiều my⁽³³⁾. Các vua chúa thời Nam Bắc triều tuy chỉ chiếm cứ một góc thiên hạ nhưng phần nhiều cũng buông thả vào vòng thanh sắc. Ở phương Bắc, vua nhà Hậu Triệu là Thạch Hổ xây dựng cung thất to lớn, gồm hơn ba vạn mỹ nữ từ mười ba đến hai mươi tuổi, mặc ý hành lạc⁽³⁴⁾. Dương thời có truyền thuyết, "cướp vợ bắt con người ta, trong hậu cung có mười vạn người"⁽³⁵⁾. Ngoài ra vua nhà Tiền Yên là Mộ Dung Hoảng "Hậu cung có hơn bốn ngàn người"⁽³⁶⁾. Phù Kiên nhà Tiên Tần trong hậu cung gái đẹp như mây, có lần ban cho Vương Mạnh "mỹ nữ năm người, kỹ nữ hạng nhất mười người, kỹ nữ hạng vừa ba mươi tám người"⁽³⁷⁾.

c. *Doanh kỹ và thi kỹ tiếp tục phát triển*. Chế độ doanh kỹ thời Ngụy Tần Nam Bắc triều kế tục nhà Hán, lại phát triển thêm một bước. Như Hạ Hầu Đôn đánh Tôn Quyền có công, Tào Tháo vui vẻ thưởng cho ông ta "danh kỹ" hưởng dụng trong quân⁽³⁸⁾. Lúc Nguyên Thám nhà Bắc Ngụy giữ chức Thủ sứ Tần Châu, "Người Khương làm phản, mấy lần đánh dẹp không chịu đầu hàng, Thám sai Triệu Vân giả làm đàn bà nghèo thối ống trì xin ăn. Người Khương nghe thấy đều sa nước mắt, nói với nhau rằng: Tại sao bỏ làng xóm mà lên núi làm giặc cướp? Lập tức nối nhau quy hàng. Ngạn ngữ

(33) Xem thêm *Tấn thư*, *Vũ Nguyên Dương Hoàng hậu truyện* và *Tấn thư*, *Hồ Quý Tân truyện*.

(34) *Nghịệp Trung ký*.

(35) *Tấn thư*, *Thạch Lý Long tài ký*.

(36) *Tấn thư*, *Mộ Dung Hoảng tài ký*.

(37) *Thập lục quốc Xuân thu*, *Tiền Tần lục*.

(38) *Tam quốc chí*, *Ngụy chí*.

người đất Tân có câu: Khoái mã kiệt nhì bất như lão ấu xuy trì (Quân mạnh ngựa khỏe không bằng bà già thổi ống trì)"⁽³⁹⁾. Phế đế nhà Hậu Tống là Lưu Lạp thường tư thông với doanh kỵ trong doanh Hữu vệ, mỗi lần bỏ ra mấy ngàn đồng mua dâm⁽⁴⁰⁾. Tề Phế đế Úc Lâm vương thường giả dạng thường dân tới quân doanh hành lạc⁽⁴¹⁾. Những điều đó đều phản ảnh sự phát triển của doanh kỵ đương thời.

Thị kỵ trong thời kỳ này bắt đầu thịnh vượng dần. Như ở phương bắc đã xuất hiện kỵ nữ mang tính kinh doanh đơn thuần. *Thái bình quảng kỵ* dẫn lại sách *Thập tam châu chí* nói, đương thời vùng Quy Tư, Vu Diên "đặt nữ thị, thu tiền khách chơi đóng thuế"⁽⁴²⁾. Mà ở phương nam thì hiện tượng bán dâm mang tính thương nghiệp cũng ngày càng phổ biến, có thể thấy rõ điều này qua các thơ văn đương thời. Như bài *Ó thê khúc* của Lương Giản Văn đế nói "Thanh ngưu đan cốc thất hương xa, Khä linh kim dạ túc xương gia. Xương gia cao thụ ô dục thê, La duy thủy bị nhiệm quân đê" (Bảy cỗ xe thơm mấy nhịp cầu, Đáng thương tối rgù lai thanh lâu. Thanh lâu cây cao quạ muôn đỗ, Màn là đậm thủy tùy chàng ngũ). Bài *Tương Dương nhạc* nói "Triêu phát Tương Dương thành, Mộ chí đại đê túc. Đại đê chư nữ nhi, Hoa diễm kinh lang mục" (Sáng đi từ Tương Dương, Tối tới đê lớn ngũ. Trên đê các cô em, Xinh đẹp cùng quy tụ). Bài *Tầm Dương nhạc* nói "Hạc Đình cố nhân khứ, Cửu Lý tân nhân hoàn. Tống nhất khước nghênh luồng, Vô hữu tạm thời nhàn" (Hạc Đình người cũ đi, Cửu Lý khách lạ tới. Đưa một lại đón hai, Không lúc nào rãnh rồi). Bài *Thạch Thành nhạc* nói "Sinh trưởng Thạch Thành hạ, Khai song đổi thành lâu, Thành trung chư thiếu niên, Xuất nhập kiến y đầu" (Sinh

(39) *Lạc Dương già lam kỵ*, quyển 4.

(40) *Nam sử*, *Chương Chiêu Đạt truyện*.

(41) *Tống thư*, *Hậu Phế đế bán kỵ*.

(42) *Nam sử*, *Tề Phế đế Úc Lâm vương bán kỵ*.

trưởng dưới Thạch Thành, Mở song ra trước lầu, Thiếu niên trong thành quách, Nhìn thấy lúc ra vào). Bài *Dạ độ nương* nói "Dạ lai mạo sương tuyết, Thần khứ khởi phong ba. Tuy hữu tự ví tình, Nại nùng thân khổ hà?" (Tuyết sương đêm gấp bước, Sóng gió sáng rời chân, Tuy được chút tình nghĩa, Mà chuốc khổ vào thân). Bài *Tảo hành phùng cõi nhân xa trung vi tặng* nói "Tàn chu do hoảng hoảng, Dư phấn hưu phi phi. Tạc tiêu hà xú túc, Kim thần phất lộ quy" (Son tàn còn phớt phớt, Phấn sót vẫn rơi rơi. Đêm trước nơi đâu ngủ, Sáng nay đạp mòc về). Từ đó có thể thấy tinh hình thịnh vượng của thi kĩ đương thời.

III. Sự phồn vinh của nghề kĩ nữ

Từ Tùy Đường đến Tống Nguyên, là thời kỳ phồn vinh của nghề kĩ nữ ở Trung Quốc. Trong thời kỳ này nghề kĩ nữ có mấy đặc điểm dưới đây: một là thị kĩ quật khởi mau le, thể hiện cảnh tượng phồn vinh thịnh vượng, hai là cung kĩ từng bước chuyển biến thành quan kĩ, cuối cùng bị quan kĩ thay thế, ba là gia kĩ và doanh kĩ phát triển theo xu thế phổ biến hóa, đại chúng hóa.

1. Nghề kĩ nữ thời Tùy

Nhà Tùy tuy là một vương triều ngắn ngủi, chỉ tồn tại có ba mươi năm, nhưng trong lịch sử kĩ nữ Trung Quốc thì lại là một trong những thời kỳ cung kĩ phát triển nhất. Theo sử sách ghi chép, Tùy Dạng đế là một ông vua hoang dâm vô sỉ nhất trong vua chúa các đời ở Trung Quốc. Ông ta lên ngôi rồi, "rất thích dâm nhạc", vì thế Ngự sử đại phu Bùi Uẩn Sủy biết ý vua, "tập hợp bọn tử đệ nhạc công các nước Chu, Tề, Lương, Trần cùng những người giỏi ca hát trong dân gian, tất cả hơn ba trăm người, làm ban đại nhạc. Điệu mới đặt dùi, tiếng dâm uyển chuyển, đều hơn những khúc điệu thời vua

Cao Tề ở Nghiệp Thành cũ⁽⁴³⁾. Sau đó những kẻ giỏi ca hát có tài vặt đều đưa vào nhạc phủ, lại đặt chức Bác sĩ đệ tử, nối nhau truyền dạy, dần dần tăng lên tới hơn ba vạn người. *Tùy thư, Âm nhạc chí hạ* chép:

"Lúc đầu trong niên hiệu Vũ Bình nhà Tề, rồng cá lẩn lộn, có bọn Bài ưu, Thù nho, Sơn xa, Cự tượng, Phát tinh, Chủng qua, Sát mã, Tước lư, kỳ quái dị đoan, loại nào cũng có, gọi là Bách hý. Thời Chu Trịnh Dịch được Tuyên đế sủng ái, tâu xin chiêu mộ nhạc công các nơi đưa hết về kinh sư, đều là con hát đất Tân. Đầu niên hiệu Khai Hoàng, lại thả về. Đến năm Đại Nghiệp thứ 2, người Đột Quyết Nghiêm Can vào châu, Dạng đế muốn khoe khoang, bèn thu thập nhạc công bốn phương, tập hợp ở kinh đô... Từ đó họ đều do Thái thường dạy dỗ. Tháng giêng hàng năm các nước vào châu, giữ lại đến ngày rằm, ngoài cửa Đoan Môn, trong cửa Kiến Quốc cảng màn dài tám dặm, bày ra hý trường. Các quan chen chúc trên đường từ sáng đến tối để xem, đến ngày ba mươi thì ngưng. Người biểu diễn đều mặc gấm vóc, người ca múa phần lớn mặc quần áo phụ nữ. Những người đeo hoàn bội, đầu giắt hoa có trên ba vạn. Đầu tiên do Kinh triệu, Hà Nam may quần áo, mà hai kinh thêu thùa, gọi là Trung hư. Năm thứ 3 vua ra Du Lâm, người Đột Quyết vào châu ở hành cung, vua bày nhạc kỹ cho xem. Năm thứ 6 các nước rợ cống hiến rất nhiều phương vật, từ Đột Quyết trở xuống đều do quốc chủ các nước đích thân vào châu. Bèn bày trò Bách hý trên đường Thiên Tân, trong nước phàm có ai có tài lạ cũng đều tập hợp. Vật dùng xa xỉ, y phục lộng lẫy, đều dùng châu ngọc, vàng bạc, gấm lụa, vải thêu, phi tốn

(43) Xem thêm *Nguy thư, Quy Tư truyện*.

tới ức vạn... Tiếng nhã nhạc tiêu thiều trỗi lên vang xa vài mươi dặm. Những kẻ đánh đàn thổi sáo có một vạn tám ngàn người, đèn đuốc bày ra sáng rực trời đất. Trò Bách hý thịnh vượng từ xưa chưa từng được như thế. Từ đó hàng năm đều lấy đó làm lệ thường".

Lại nói:

"Nhạc công từ thời Hán đến Lương Trần số lượng không hơn nhau nhiều lắm. Đến thời Chu, Tề, Tùy, Trần thì các nhạc công phần lớn đều được ghi tên vào sổ. Năm Đại Nghiệp thứ 6, vua ra lệnh tập hợp nhạc công tử đệ ở Ngụy, Tề, Chu, Trần, giao hết cho Thái thường, đặt thành nhạc phường ở Quan Trung, số lượng vượt xa các đời trước".

từ đó khai sáng chế độ nhạc vũ giáo phường trong lịch sử Trung Quốc.

Tùy Dạng để không những lợi dụng cung kỹ để khoe khoang quốc thể, mà còn có ý gian dâm cung kỹ. Sau khi ông ta tức vị, lập tức lấy việc hưởng thụ làm tôn chỉ, tuyển gái đẹp khắp thiên hạ. Hậu cung ở Trường An ngoài hoàng hậu còn có 3 phi, 9 tần, 12 Tiệp dư, 15 Mỹ nhân Tài nhân, 24 Bảo lâm, 24 Ngự nữ, 36 Thủ nữ, tổng cộng 124 mỹ thiếp, ngoài ra còn có ba bốn ngàn cung nữ. Nhưng bấy nhiêu mỹ nữ vẫn không thể thỏa mãn ham muốn về thanh sắc của ông ta, ông ta vẫn sai xây thêm năm hồ, mười sáu viện ở Đông đô Lạc Dương, tập hợp gái đẹp cho vào đó, mỗi viện do một vị phu nhân tú phẩm đứng đầu, ngày đêm cung đốn lạc thú. Ông ta thường vào đêm trăng sáng suất lanh vài ngàn cung nữ cưỡi ngựa khỏe, mặc áo thêu ra đường tấu khúc *Thanh dạ du khúc* tới Tây uyển du ngoạn, ca cơ vũ nữ đi theo thường có hơn ba vạn người. Cùng lúc ấy ông ta lại xây dựng hơn bốn mươi hành cung trên đường từ Trường An tới Giang Đô, bắt ép gái đẹp trong dân gian vào đó để cung đốn lạc thú lúc

xuống nam tuần du. Nhất là trong hành cung tại Giang Đô càng đông đúc gái đẹp vùng Giang Hoài. "Trong cung có hơn trăm phòng, đều tràn thiết đẹp đẽ, cho mỹ nhân vào ở, mỗi ngày sai một phòng làm chủ nhân"⁽⁴⁴⁾. Lúc ông ta nam tuần không những có hơn một ngàn phi tần cung nữ tùy giá để cung đón lạc thú, mà còn tuyển thêm một ngàn gái đẹp vùng Ngô Việt mười sáu mười bảy tuổi làm Điện cước nữ để kéo thuyền, đây là cái mà sử sách gọi là "mày ngài thành đội, son phấn thành hàng". Trong hành cung Giang Đô, ông ta "hoang dâm ngày càng quá", suốt ngày chìm đắm trong tấu sắc, thường dùng dâm cụ "đồng xa" gian dâm thiếu nữ. Tùy Dạng đế sinh hoạt hoang dâm tột cùng như thế, sau cùng gặp kết cục nhục nhã bị phản tướng Vũ Văn Hóa Cáp thắt cổ giết chết, nhà Tùy cũng vì thế mà mau chóng diệt vong.

2. Nghề kỹ nữ thời Đường

Thời Đường là thời kỳ khai phồn vinh của nghề kỹ nữ ở Trung Quốc. Trong giai đoạn này nghề kỹ nữ có mấy đặc điểm dưới đây: một là cung kỹ thịnh hành không suy, lại chính thức hình thành chế độ kỹ nữ giáo phường, hai là quan kỹ ở các địa phương phát triển mau lẹ, ba là doanh kỹ và gia kỹ tiếp tục có sự phát triển.

a. Sự thịnh vượng và phát triển của cung kỹ thời Đường. Sự thịnh vượng của cung kỹ thời Đường không kém gì thời Tùy. Như năm Vũ Đức thứ 9 (626), lúc Đường Thái tông mới tức vị, cung nữ có ba ngàn người, nghe nói sau đó đến các năm Trinh Quan thứ 2 (628), Khai Nguyên thứ 2 (714) cũng đều có việc thả ra ba ngàn cung nữ. Mà đến đời Đường Huyền tông lại có lời nói "tám ngàn thị nữ của tiên đế", "ba ngàn người đẹp trong hậu cung"⁽⁴⁵⁾, điều đó cho thấy hậu cung

(44) Xem thêm *Tùy thư, Âm nhạc chí, Tùy thư, Bùi Uẩn truyện*.

(45) *Tư trị thông giám*, quyển 185, *Đường kỷ nhất*.

của Đường Huyền tông và các vua nhà Đường không thua kém gì Tùy Dạng đế.

Chế độ cung kỹ thời Đường căn bản bắt nguồn từ việc thi hành chế độ giáo phường thời Tùy, trong niên hiệu Vũ Đức (618 - 626) bắt đầu đặt ra Giáo phường, giao cho Thái thường tự quản lý. Năm Như Ý thứ 1 (692) đời Vũ Tắc Thiên đổi gọi là phủ Vân Thiều, đời Trung tông lại khôi phục tên gọi Giáo phường. Đến năm Khai Nguyên thứ 2 (714) thực hành chế độ phân ty quản lý đối với Thái thường tự và Giáo phường, đều có chức trách riêng, từ đó khiến cơ quan Giáo phường mở ra rất lớn. Ngoài Nội Giáo phường đặt trong cung, còn đặt bốn Ngoại Giáo phường ở Tây kinh Trường An và Đông kinh Lạc Dương, trực thuộc cung đình, do cung đình phái hoạn quan giữ chức Giáo phường sứ. Nghệ nhân trong Giáo phường đông, như đời Đường Huyền tông các Giáo phường nội ngoại ở Trường An có tất cả 11.409 người, các nữ nghệ nhân trong Giáo phường theo tài sắc cao thấp mà chia thành cấp bậc khác nhau. Cung kỹ trong Nghi Xuân viện chia ra cao thấp, vì họ thường biểu diễn trước mặt hoàng đế nên được gọi là Nội nhân hoặc Tiền đầu nhân. Nhưng số lượng Nội nhân tương đối ít, những lúc biểu diễn lớn trong cung họ thường đứng ở đầu hoặc cuối đội ca múa, những tiết mục họ biểu diễn lại thường khó hơn rất nhiều so với kỹ nữ giáo phường. Các kỹ nữ trong Giáo phường gọi là Cung nhân, phần lớn là con gái nhà thường dân, dung mạo xinh đẹp, không vào hậu cung, "Học đàn tỳ bà, đàn tam huyền, đàn không hầu, đàn tranh, gọi là Tảo đàn gia"⁽⁴⁶⁾. Giáo phường kỹ nói "Biểu diễn dưới lầu, đưa Nghi Xuân viện ra. Nếu thiếu

(46) Xem thêm Đỗ Phủ, *Quan Công Tôn đại nương vũ kiểm khí hành và Bạch Cư Dị*, *Trường hận ca*, lại theo *Tân Đường thư*, Hoạn giả liệt truyện thương thì con số thực tế về cung kỹ trong đời Khai Nguyên Thiên Bảo là hơn 40.000 người, đủ thấy hai cách nói trên đều khá bảo thủ.

người thì đưa thêm phủ Văn Thiều vào. Người trong phủ Văn Thiều gọi là Cung nhân, đều là nô lệ hèn hạ". Đủ thấy, trong các buổi biểu diễn lớn ở cung đình, tất cả các kỹ nữ Giáo phường (tức Cung nhân) là phụ diễn cho Nội nhân, họ thường đứng giữa đám ca múa, biểu diễn một số tiết mục dẽ.

Từ đời Đường Huyền tông trở đi, vì chính quyền suy yếu nên số kỹ nữ trong Giáo phường cũng dần dần giảm sút, tuy nhiên vẫn còn khá đông. Tháng 3 năm Trinh Nguyên thứ 21 (805), Thuận tông ra lệnh cắt giảm số người trong Giáo phường, "Thả sáu trăm kỹ Giáo phường trong hậu cung"⁽⁴⁷⁾. Đến năm Nguyên Hòa thứ 7 (812), "Giáo phường chot nhận được mật chỉ, lấy sỉ nữ con nhà lương dân và kỹ nữ trong các phủ đệ riêng của quan lại, kinh sư nháo nhác"⁽⁴⁸⁾. Tháng giêng năm Nguyên Hòa thứ 14 (819), Hiến tông suy nghĩ về kinh tế, đồng ý cho Giáo phường biểu diễn rộng rãi trong xã hội, nhưng phải bảo đảm việc biểu diễn trong cung. Sau khi Mục tông lên ngôi, "Ban cho Nội Giáo phường một vạn quan làm chi phí theo xa giá"⁽⁴⁹⁾. Dời Văn tông, Giáo phường có lần biểu diễn điệu múa Nghê thường vũ y gồm ba trăm người. Đồng thời nội dung và đối tượng phục vụ trong việc biểu diễn của kỹ nữ Giáo phường cũng có chỗ khác biệt và mở rộng hơn so với đời Huyền tông. Kỹ nữ Giáo phường ngoài việc biểu diễn ca múa âm nhạc, còn biểu diễn thêm các môn tạp kỹ như đi dây, đi sào. Đối tượng phục vụ mở rộng ra khỏi cung đình, kỹ nữ Giáo phường (đặc biệt là Ngoại Giáo phường) ra khỏi cung hầu rượu là chuyện thường thấy, thậm chí ở Kinh triều "Các bộ viện mỗi khi đến hai ngày Trung dương, Thương ty mở tiệc, hay các đại thần ra lanh phiến trấn, đều phải thuê âm nhạc của Giáo phường để tiếp đón khách"⁽⁵⁰⁾.

(47) Thời Lệnh Khâm, *Giáo phường ký*.

(48) Tân Đường thư, *Thuận tông kỷ*.

(49) Cựu Đường thư, *Lý Giáng truyện*.

(50) Tư trị thông giám, quyển 243.

Ngoài Giáo phường Lê viên đặt trong cung đình cũng tập trung hơn một trăm cung kỹ tài sắc kiêm toàn. *Tân Đường thư* quyển 22, *Lê nhạc chí* chép "Huyền tông hiếu âm luật, lại rất thích *Pháp khúc*, tuyển ba trăm tử đệ, dạy trong Lê viên. Nếu âm thanh có chỗ nào sai, át vua sẽ sửa cho, gọi là Lê viên đệ tử của hoàng đế. Có vài trăm cung nữ là Lê viên tử đệ, đặt ở Nghi Xuân Bắc viện. Lê viên Pháp bộ lại đặt tiểu bộ hơn ba mươi nhạc công". Mấy trăm cung nữ này cũng như kỹ nữ trong Nội Giáo phường, đều thuộc loại cung kỹ, chúng ta cứ tạm gọi chung là kỹ nữ Lê viên. Điểm khác biệt chủ yếu giữa họ với kỹ nữ Giáo phường là kỹ nữ Giáo phường nặng về biểu diễn ca múa còn kỹ nữ Lê viên thì nặng về biểu diễn nhạc cụ. Về nghề nghiệp chuyên môn đôi bên tuy có chỗ khác nhau, nhưng bổ sung cho nhau, giúp nhau phát triển. Đến năm Đại Lịch thứ 14 (709), Đại tông vì cung đình không đủ sức nuôi dưỡng một đội ca nhạc hoàng gia to lớn như thế nên hạ lệnh giải tán Lê viên, Ty Lê viên đổi thuộc Giáo phường.

b. Sức quật khởi của quan kỹ thời Đường. Người trên mà ưa thích, người dưới ắt làm theo. Dưới ảnh hưởng của chế thống trị tối cao nhà Đường, xã hội dâm dật thành thói. Trương Đoan Nghi thời Bắc Tống trong *Quý nhิ tập* nói "Người thời Đường thích văn nhã ưa chơi gái". Loại phong tục ấy biểu hiện trong giai cấp thống trị càng rõ ràng, bất kể là quan lại tiễn người cũ đón người mới, diễn lè yến tiệc mời khách hay quan viên tụ họp ngâm thơ, du sơn ngoạn thủy, đều phải lấy kỹ nhạc giúp hứng, vì thế hình thành một chi phái kỹ nữ to lớn lệ thuộc quan lại các cấp túc quan kỹ.

Quan kỹ thời Đường còn gọi là Phụ nữ của quan (Quan sử phụ nhân), Nữ tử của quan (Quan sử nữ tử), Nô lệ của quan (Quan nô) vân vân⁽⁵¹⁾. Đầu thời Đường họ đã thể hiện xu thế

(51) *Cựu Đường thư, Kinh tông kỹ.*

phát triển mau lẹ, *Đường hội yêu*, quyển 33 viết "Theo cựu chế, Tán nhạc có một ngàn người, số lượng này nhiều ít tùy theo các châu huyện, thay phiên theo tháng mà trực... Tháng 12 năm Trinh Quan thứ 23 hạ chiếu sai Tán nhạc các châu dâng lên Thái thường chỉ lưu lại hai trăm người, còn bao nhiêu giải tán". Từ năm Vũ Đức thứ 9 (618), "Quan ở ty Thái thường mượn hơn năm trăm bộ quần áo trong dân làm trang phục cho Tán nhạc"⁽⁵²⁾, một việc đó đủ cho thấy phần lớn nghệ nhân trong tán nhạc là nữ kỹ. Điều này cho thấy đầu thời Đường quan lại các địa phương đã có một số lượng quan kỵ nhất định, và lại còn có trình độ nghệ thuật khá cao, nếu không thì không thể nào dâng vào cung để phục vụ.

Đến giữa thời Đường quan kỵ địa phương đã trở thành khá phổ biến, ngoài quan kỵ do trưởng quan các châu phủ quận thiết lập, chính quyền địa phương cấp huyện cũng đặt quan kỵ. Như Thôi Hiệt trong bài tựa *Đắc thể ca* nói "Đầu niên hiệu Thiên Bảo, Vi Kiên làm Thái thú Thủy lục Chuyển vận sứ Thiểm quận, đào đầm Quảng Vận ở Sân Thủy phía đông Trường An để thông đường thuyền bè ở mấy mươi quận vùng Ngô Hội. Đầu tiên dân gian vui thích ca hát, gọi là Đắc thể, khi đầm đào xong, Huyện úy Thiểm huyện là Thôi Thành Phụ đổi điệu ấy thành Đắc bảo ca, tập hợp kỹ nữ ở hai huyện cho hát". Lại Lý Đức Dụ trong *Văn vũ lưỡng triều hiến tán ký* nói Lý Đức Dụ sau khi đã làm Tể tướng, "Hoàn toàn không ra lệnh cho hai huyện đặt quan kỵ mới", cũng chứng minh điều này.

Thời Văn Đường quan kỵ ở các địa phương lại càng hưng盛. *Đường yêu hội*, quyển 34 chép tháng 9 năm Bảo Lịch thứ 2 (826) Kinh triệu doãn Lưu Thủ Sở tâu "Lại thấy phương trấn các nơi cho tới châu huyện quân trấn bên dưới đều đặt nữ nhạc để giải trí, há có phải là để làm mạnh quân

(52) *Đường hội yêu*, quyển 43, *Luận nhạc*.

ngũ đâu, mà thật ra là để tiếp đai khách khứa. Các bộ viễn mỗi khi đến hai ngày Trung dương, Thương ty mở tiệc, hay các đại thần ra lanh phiến trấn, đều phải thuê âm nhạc của Giáo phường, để tiếp đai tân khách. Nay xin lấy trong số tiền ấy hàng năm hai ba mươi ngàn để chi lương thực quần áo cho nhạc công. Lại xin đừng sai giáo phường thu quản, để mong công tư đều được tiện lợi lâu dài". Từ đó có thể thấy sự thịnh vượng của quan kỵ.

c. *Sự thay đổi và phát triển của doanh kỵ thời Đường*.

Doanh kỵ thời Đường, còn gọi là Doanh tịch kỵ, vì hộ tịch của họ thuộc vào nhạc doanh trong quân trấn, nên còn gọi là Kỵ nữ nhạc doanh (Nhạc doanh kỵ nhân), Phụ nữ nhạc doanh (Nhạc doanh tử nữ) vân vân. Tất cả bọn họ đều sống tập trung trong doanh thự hoặc nhạc doanh của quân trấn, do Doanh tướng, Nhạc tướng (hoặc gọi là Doanh tướng sứ, Nhạc tướng sứ) phụ trách quản lý, không được tùy ý ra ngoài, cũng không được tùy ý tiếp khách. Nhưng hạn chế này không phải thật nghiêm khắc, hoàn toàn dựa vào sự thương ghét của quan trưởng mà định ra, như *Vân Khê hữu nghị*, quyển 12 chép:

"Trì Châu do Đỗ Thiếu phủ tạo, Hào Châu do
Vi Trung thừa ra lệnh, hai ông đều lớn tuổi, hâm mộ
đạo Thích đạo Lão. Phụ nữ trong nhạc doanh đều hậu
cấp lương thực quần áo, cho tùy ý ra ngoài ở, nếu có
yến tiệc mới gọi tới, đường hoa ngõ liễu cho tùy ý vui
vẻ. Cử tử đất Hoài Trung là Trương Lỗ Phong vì thế
làm thơ đùa gởi cho Lý Thương thư ở Đại Lương, thơ
rằng "Đỗ tẩu học tiên khinh huệ chất, Vi công sự Phật
úy thanh nga. Nhạc doanh khước thị nhàn nhân quản,
Lưỡng địa phong tình nhật tạm đa" (Họ Đỗ học tiên
khinh mỹ nữ, Ông Vi thờ Phật sơ giai nhân. Nhạc
doanh giao lại cho người quản, Hai xứ phong tình cứ
thế tăng).

Dưới sự cho phép của trưởng quan trong quân doanh, doanh kỵ cũng có thể đi lại giao thiệp với nhân sĩ ngoài quân doanh. Như doanh kỵ Tiết Đào nổi tiếng nhất thời Đường, năm mươi lăm tuổi đã được Trần thủ Tứ Xuyên Vi Cảo gọi vào làm thơ hầu rượu, rất được Vi Cảo thưởng thức và sủng ái. Ngoài ra lúc bấy giờ nàng còn đi lại xướng họa với các văn nhân sĩ đại phu như Nguyên Chẩn, Bạch Cư Dị, Lệnh Hồ Sở, Trương Hựu, Lưu Vũ Tích, Bùi Độ, Ngưu Tăng Nhụ, Nghiêm Thủ.

Nhưng cho dù là thế, họ chủ yếu vẫn phải cung đốn lạc thú cho tướng sĩ trong quân, điều này có thể nhìn thấy từ ví dụ dưới đây:

"Thượng thư Dương Nhữ Sĩ trán thủ Đông Xuyên, con là Tri Ôn thi đậu, Nhữ Sĩ mở tiệc ở nhà ăn mừng, các doanh kỵ đều hội họp ở đó. Nhữ Sĩ sai thưởng mỗi người một tấm hồng lăng, có thơ rằng "Lang quân đắc ý cập thanh xuân, Thục quốc tương quân hựu bất bần. Nhất khúc cao ca hồng nhát sắt, Lưỡng đầu nương tử tạ phu nhân (Lang quân đắc ý lúc thanh xuân, Đất Thục coi quân lấm bạc vàng. Một khúc ca xong lăng một tấm, Cúi đầu nương tử tạ phu nhân)"⁽⁵³⁾.

"Lúc đầu, Lý Thạnh Thường làm tướng quân Thần sách ở Thành Đô. Đến khi trở về, đưa doanh kỵ Cao Hồng Tự theo. Tiết độ sứ Tây Xuyên Trương Diên Thường tức giận đòi trả lại, vì thế có hiềm khích với nhau"⁽⁵⁴⁾.

"La Cử thi đậu, làm Tùng sự ở Phường Châu, có doanh kỵ tên Hồng Nhi, trước đó được quan trưởng trong quận cưới, người ta không ai dám gần. Cù cũng thích nàng, Quận tướng không chịu, Cù bỏ quan đi,

(53) Xem thêm *Cựu Đường thư*, Vũ Văn Dung truyện và bài Ký tịch của Lý Thương Ân.

(54) *Đường hội yếu*, quyển 43.

nhung vẫn không quên được Hồng Nhi. Nghĩ tới người dẹp, bèn làm một trãm bài thơ *Tý Hồng Nhi*"⁽⁵⁵⁾.

"Trương Tích Thượng giữ chức Tấn Châu mục, dan díu với doanh kỵ ở ngoài, sinh được con trai tên Nhân Quy"⁽⁵⁶⁾.

Vì từ thời Trung Đường tới Văn Đường các Phiên súy, mục thú trấn thủ biên cương không những nắm quyền quân sự mà còn quản lý cả việc dân sự, tài chính, nên người đương thời dần dần gộp quan kỵ và doanh kỵ làm một. Như *Thái bình quang kỵ* quyển 252 chép "Thượng thư Lý Diệu thời Đường thôi giữ Háp Châu, đi lại với Ngô Viên, có Tá tửu lục sự tên My Xuyên, thông minh mẫn tuệ, Lý rất để ý, nhưng đã cưới doanh tịch kỵ Thiều Quang". Rõ ràng mấy chữ doanh tịch kỵ ở đây là một loại quan kỵ địa phương (tức Châu kỵ). Điều đó cho thấy rõ ràng đến cuối thời Đường, phạm vi chức năng và nghiệp vụ của doanh kỵ đã hòa làm một với quan kỵ ở địa phương, nên trong danh xưng cũng có thể thay đổi qua lại với nhau!

d. Sư phổ biến của gia kỵ thời Đường. Như trên đã nói, "Người thời Đường chuộng văn nhã thích chơi gái", vì thế hiện tượng quý tộc sĩ đại phu và các phú thương địa chủ nuôi dưỡng gia kỵ trong nhà trở nên cực kỳ phổ biến. Câu thơ "Hoàng kim bất tích mãi nga my, Luyện đắc như hoa tứ ngũ chi" (Đốc hết ngàn vàng cưới mỹ nhân, Bốn năm dán đep rộn ràng xuân) của Bạch Cư Dị chính miêu tả chân thực về phong khí đương thời.

Về số lượng và quy mô nuôi dưỡng gia kỵ của quan liêu quý tộc, triều đình nhà Đường từng căn cứ vào cấp bậc của quan lại mà quy định rõ ràng. Tháng 9 năm Thần Long thứ 2 (706) Trung tông ra lệnh "Các quan tam phẩm trở lên

(55) *Bắc lý chí*.

(56) *Tư trị thông giám*, quyển 232.

có thể được một bộ nhạc kỹ, từ ngũ phẩm trở xuống không được có nữ nhạc quá ba người”⁽⁵⁷⁾. Ngày 2 tháng 9 năm Thiên Bảo thứ 10 (751) Huyền tông lại hạ chiếu nói “Các quan lại làm trưởng quan từ ngũ phẩm trở lên, Tiết độ sứ và Thái thú các đạo đều cho nuôi dưỡng nữ nhạc trong nhà để giải trí”⁽⁵⁸⁾. Từ đó đưa ra một sự bão đảo về mặt pháp luật cho việc nuôi dưỡng gia kỹ của quý tộc quan lại, khiến họ có thể công khai nuôi dưỡng gia kỹ, hưởng thụ lạc thú.

Từ tư liệu trong các sử sách mà nhìn, thì thời Đường không chỉ quan lại quý tộc có gia kỹ mà cả một số văn nhân, phú thương và địa chủ thân hào không có quan phẩm cũng rất nhiệt tình trong việc nuôi dưỡng gia kỹ. Ở đây căn cứ theo sử liệu, chọn ra một số ví dụ như bảng dưới đây:

Tên họ	Tình hình nuôi dưỡng gia kỹ	Xuất xứ tư liệu
Lý Hiến	Sủng kỹ mấy mươi người	Mạnh Khải, <i>Bản sự thi</i>
Lý Bác Nghĩa	Kỹ thiếp mấy trăm người, đều mặc lụa là	như trên
Quách Tử Nghi	Có “Ca kỹ mươi viện”	Bùi Hình, <i>Côn Luân nô</i>
Trịnh Chú	Cơ thiếp hơn trăm người,	<i>Thoa tiêu chí</i>
Chu Hạo	Có gia kỹ mấy mươi người	Bạch Cư Dị, <i>Đè Chu Hạo đại phu Tân định tử nhị thập nhị tần</i> , nguyên chú
Phù Tài	Lấy nữ kỹ hai mươi người làm vui	Tôn Quang Hiến, <i>Bắc mộng tòa ngô</i>
Tiết Triệu	Nữ nhạc hơn bốn mươi người	Thái Bình quảng ký, quyển 17
Chu Bảo	Nữ kỹ hàng trăm người	Thái Bình quảng ký, quyển 52
Lý Nguyện	Nữ kỹ hơn trăm người	Thái Bình quảng ký, quyển 273
Tôn Phùng Niên	Nữ kỹ áo gấm hơn hai trăm người	Trường An hậu ký

(57) Văn kiến hậu lục.

(58) Nam bộ tân thư, Định.

Trở lên đều là những con số có thể kiểm tra, còn như những sử sách ghi chép về hiện tượng người thời Đường nuôi dưỡng gia kỹ thì kể ra không hết. Như *Thoa tiếu chí* chép Đường Thân vương vào mùa đông sai cung nữ ngồi vây quanh để chống rét, gọi là Màn kỹ nữ (Kỹ vi). *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự* chép Kỳ vương Thiếu ham mê nữ sắc, mỗi khi đến mùa đông, không sưởi lửa mà luôn tay vào ngực kỹ nữ xoa bóp da thịt, gọi là Sưởi tay (Noan thủ). *Tân Đường thư*, *Hứa Kinh Tôn truyện* chép Hứa Kinh Tôn xây dựng nhà cửa hoa lệ, lầu gác liền nhau, sai kỹ nữ phi ngựa trên đó uống rượu tấu nhạc để làm vui. Từ những trò vui Màn kỹ nữ, Sưởi tay chơi bời hoang đường của số quý tộc đại thần này mà nhìn, thì số người nuôi dưỡng gia kỹ trong bọn họ nhất định không phải là ít.

e. *Sự phát triển của thị kỹ thời Đường.* Theo với sự phồn vinh của kinh tế thành thị thời Đường, thị kỹ cũng phát triển mau lẹ, trở thành một lực lượng không thể coi thường trong kỹ nữ thời Đường.

Thị kỹ đã phát triển nhộn nhịp từ đầu thời Đường, bài *Trường An cổ ý* của Lư Chiếu Lan nói "Yêu đồng ngọc mã thiết liên tiền, Xướng phụ bàn long kim khuất tất... Cụ yêu hiệp khách phù dung kiếm, Cộng túc xướng gia đào lý khê. Xướng gia nhật mộ tử la quần, Thanh ca nhất chuyển khẩu phân ôn. Bắc đường dạ dạ nhân như nguyệt, Nam mạch triêu triêu ky tự vân... La nhu bảo dối vị quân giải, Yên ca Triệu vũ vị quân khai" (Gia đồng tuấn mã chuỗi tiền đồng, Kỹ nữ rồng quanh nay uốn gối... Rú mời hiệp khách gươm phù dung, Cùng ngủ thanh lâu khe đào lý. Thanh lâu sớm tối mặc tình say, Sênh ca chuyển diệu tiếng vang dầy. Thêm bắc đêm đêm người tựa nguyệt, Bờ nam sáng sáng ngựa như mây... Áo là dai ngọc vì chàng cởi, Diệu Yên khúc Triệu vì chàng bày) phản ánh sinh động về sinh hoạt của thị kỹ ở thành Trường An thời Đường. Ngoài ra, đầu thời Đường các thi nhân Lạc

Tân Vương có bài *Để kinh thiên*, Kiều Như Chi có bài *Xương nữ hành* cũng phản ánh sinh hoạt nhộn nhịp của thị kỵ đương thời.

Đến thời Thịnh Đường, thị kỵ không những đã có quy mô nhất định mà còn đã hình thành hai phương thức phục vụ là ở nhà đón khách và theo lời gọi Ra cuộc. Trước hết nhìn từ quy mô thì số lượng thị kỵ và quy mô kỵ viện ở Trường An, Lạc Dương, Dương Châu đều rất khả quan. Như phường Bình Khang ở Trường An, từng có lời tán dương là Ao đầm phong lưu (Phong lưu tấu trạch). *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự*, quyển thương nói "Trường An có phường Bình Khang, là nơi kỵ nữ cư ngụ. Bọn du hiệp thiếu niên ở kinh đô tụ tập ở đó, các Tiến sĩ mới thi đậu hàng năm lấy giấy đó làm danh thiếp tới đó chơi bời, người đương thời gọi phường ấy là Ao đầm phong lưu". Thứ nữa, nhìn từ phương thức phục vụ của thị kỵ thì ngoài việc bán dâm trong kỵ viện còn có việc theo lời gọi Ra cuộc. *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự*, quyển thương chép "Những con em nhà giàu ở Trường An như Lưu Miễn, Lý Nhàn, Vệ Khoáng gia thế giàu có, lại thích tiếp đón kẻ sĩ bốn phương... Mỗi khi đến tiết Tam phục mùa hè đều vẽ tranh rùng quế trong vườn, kết lụa làm nhà mát, bày bàn ghế, gọi các danh kỵ ở Trường An tới lần lượt mời rượu, làm Hội Tránh nắng (Tỵ thử hội). Người đương thời ai cũng thích thú". Phương thức phục vụ này của thị kỵ thời Đường nảy sinh từ sự thích ứng với phong khí xã hội đương thời. Theo sử sách, các Tiến sĩ bằng vàng nêu tên thời Đường có tập tục gọi kỵ nữ tới hẫu tiệc. Tôn Khải trong *Bắc lý chí*, Tự nói các sĩ tử ứng thí "Dắt theo nhiều bọn con em giàu có..., dây tơ xe ngựa hào hoa, ăn chơi xa xỉ... Ca ngợi việc khinh bạc, càng ngày càng quá đáng". Một khi bằng vàng đề tên, lại càng uống rượu chơi gái, vô cùng xa xỉ. Như "Tiến sĩ ở Trường An là Trịnh Ngu, Lưu Tham, Quách Bảo Hành, Vương Xung, Trương Đạo Đức hơn mươi người, không giữ lề

tiết, coi chung quanh như không có người. Mỗi khi đến mùa xuân, thì chọn kỹ nữ lảng lơ năm ba người, dong xe nhỏ, tới vườn Khúc Thiều khỏa thân giữa đám cây cối, vứt hết khăn áo, cười nói ầm ĩ, tự gọi là Kẻ ở ẩn diên khùng (Diên ẩn)⁽⁵⁹⁾. Các thị kỵ cũng vui thích tiếp loại tài tử phong lưu như thế, một là vì hâm mộ họ tài diệu phong lưu, hai là có thể nhờ đó thu được nhiều tiền⁽⁶⁰⁾. Họ ngoài việc hầu rượu và bán dâm, có lúc cũng biểu diễn một số tài nghệ ca múa:

Ngoài Trường An, Dương Châu cũng là nơi thị kỵ vô cùng phát triển, nổi tiếng khắp cả nước. Vu Nghiệp trong *Dương Châu mộng ký* viết "Dương Châu là nơi thăng địa. Mỗi khi chiều xuống, các kỵ viện thường có hàng vạn chiếc đèn lồng sáng rực trên không... Trên đường Cửu lý thập bộ, châu ngọc tràn ngập, giống như cõi tiên". Tình trạng phồn vinh ấy được phản ánh trong rất nhiều thơ văn của người đương thời. Như bài *Giang Nam khúc* của Trương Tịch "Xướng lâu lưỡng ngàn huyền thủy sách, Dạ xướng Trúc chi lưu Bắc khách. Giang Nam phong thoả hoan lạc đà, Du du xứ xứ tận kinh qua" (Thanh lâu đôi bờ giăng xích sắt, Đêm hát Trúc chi lưu khách Bắc. Giang Nam chốn chốn rộn sênh ca, Sông dài nước cuộn thảy đi qua), bài *Tùng du Hoài Nam* của Trương Hựu "Thập lý trường nhai thị cộng liên, Nguyệt minh kiều thượng khán thần tiên. Nhân sinh chỉ hợp Dương Châu từ, Thiên trí sơn quang hảo mộ điền" (Mười dặm đường xa phố nối liền, Trên cầu trăng sáng ngắm thần tiên. Đời người nên chọn Dương Châu chết, Mộ đẹp non tươi mới thỏa nguyên), bài *Dạ khán Dương Châu thi* của Vương Kiến "Dạ thị thiên đăng chiếu bích vân, Cao lâu hồng tụ khách phân phân. Như kim bát thị thời bình nhật, Do tự sinh ca thiết hiếu văn" (Đêm xuống đèn cao sáng rực mây, Lầu cao áo đỏ khách vui vầy. Ngày nay không phải thời bình nữa, Vẫn tiếng sênh ca rộn

(59) *Dương hội yếu*, quyển 34.

(60) *Dương hội yếu*, quyển 34, *Thông điển*, quyển 35.

tối ngày).

3. Nghề kỹ nữ thời Ngũ đại

Ngũ đại là thời kỳ chiến tranh biến động trong lịch sử Trung Quốc, nhưng nghề kỹ viện hoàn toàn không vì thế mà suy giảm, mà ngược lại, nó còn có sự phát triển mới trên cơ sở thời Đường.

a. *Cung kỹ thời Ngũ đại*. Chế độ cung kỹ thời Ngũ đại Thập quốc phần lớn kế thừa chế độ thời Đường, nhưng vì chiến tranh, thế nước và thời gian lập quốc ngắn ngủi, nên quy mô và nhân số thua xa với thời Đường. So ra, triều đại có cung kỹ phát đạt nhất là nhà Tiền Thục và Nam Đường của Hậu Đường.

Chế độ cung kỹ nhà Tiền Thục lấy kỹ nữ giáo phường làm chủ, Vương Kiến có bài *Cung từ* nói “Thanh lâu tiểu phụ nhạ quần trường, Tổng bị sao danh nhập Giáo phường. Xuân thiết điện tiền đa vũ trận, Bằng đầu các tự thỉnh y thường” (Thanh lâu gái nhỏ quần dài loáng, Thảy được ghi tên nhập Giáo phường. Trước điện mùa xuân bày đội múa, Nghiêng đầu đều tự sắm y thường). Đủ thấy Vương Kiến thường dùng kỹ nữ giáo phường biểu diễn vũ điệu trong cung đình, và lại còn rất thường tìm kiếm các kỹ nữ hát hay múa giỏi từ lâu xanh để tham gia biểu diễn. Sau khi Vương Diễn con Vương Kiến lên ngôi, lại càng “Hoang dâm tửu sắc, chơi bời vô độ. Tùng lấy hàng vạn tấm lụa màu kết thành lâu trường, trên núi lập cung điện dài gác, đều như cung điện thường ở, Diễn ngồi trên lâu nhìn, gọi đó là Nhà bếp đối diện (Đường điện trù). Trước hòn núi màu lại đào một cái hào, thông vào trong cung. Diễn lúc say rượu xuống núi là chèo thuyền rồng nhỏ trong hào, sai cung nhân ngồi họa thuyền ngắn cầm hàng ngàn ngọn đuốc, soi xuống mặt nước để đón thuyền, tiếng ca nhạc vang dội trên hào. Về tối cung lại yến ẩm say xưa đến

sáng”⁽⁶¹⁾. Lại tự chế ra diệu *Chiết hồng liên trân vũ*, dùng múa trăm cung kỹ biểu diễn ca múa tập thể, sân khấu mười phần lộng lẫy⁽⁶²⁾. Lúc nhà Hậu Đường diệt nhà Tiền Thục, không ít tướng sĩ nhà Đường bắt cung kỹ của Vương Diễn làm gia kỹ của mình, như Quách Sùng Thao từng cướp được “sáu mươi ái kỹ của Vương Diễn”⁽⁶³⁾.

Trong cung nhà Hậu Đường, người đẹp nhu mây. Theo ghi chép của *Tân Ngũ đại sử*, *Ưu linh truyện*, Trang tông Lý Tồn Húc tới đất Nghiệp, từng “Thu hàng ngàn gái đẹp đất Nghiệp bổ sung vào hậu cung”. Ông ta cũng thiết lập Giáo phường trong cung, ngoài việc hưởng dụng còn thường dùng nhạc kỹ để chiêu đãi tân khách. Minh tông về sau tuy có giảm bớt nhưng hậu cung và Giáo phường cũng còn múa trăm người. Năm Thiên Thành thứ 2 (927) ông ta “Dùng nữ kỹ và Giáo phường trong cung” chiêu đãi Tân vương, lại vào ngày Thánh tiết “Dùng kỹ nữ Giáo phường hầu hạ yến tiệc tiếp đãi” chư hầu bốn phương. Vào dịp Thánh tiết thứ 2, lại “Dùng Giáo phường và Tạp kỹ Tả sương Hữu sương bày tiệc bồi tiếp” các quan⁽⁶⁴⁾.

Chế độ cung kỹ thời Nam Đường cũng ra sức mô phỏng thời Đường, nhất là sau khi Lý Lạp đa tài đa nghệ mà buông thả vào vòng thanh sắc lên ngôi, “chấn chỉnh lại Giáo phường, mở rộng cung điện”⁽⁶⁵⁾, suốt ngày yến tiệc vui chơi xa xỉ, tự minh say sưa. Đến nỗi sau khi mất nước, ông ta còn viết bài từ “Tôi thị thương hoàng từ miếu nhật, Giáo phường

(61) *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự*.

(62) Bắc Lý chí, Tự của Tôn Khải viết “Phàm các quan trong triều yến hôi, phải mượn chỗ các ty tào, sau đó mới có thể đưa tới chỗ khác. Duy các Tiết sĩ mới thi đậu bày tiệc tiếp khách thì có thể tùy ý, hỏi tới tiền thưởng, thì nhiều gấp đôi bình thường”.

(63) *Ngũ quốc cổ sự*.

(64) *Nho lâm công nghị*, quyển hạ.

(65) *Cựu Ngũ đại sử*, *Quách Sùng Thao truyện*.

do tấu biệt ly ca, Thùy lệ đối cung nga “(Xót nhất là ngày rời
diện gác, Giáo phường còn trỗi khúc ly ca, Sa lệ trước cung
nga)”⁽⁶⁶⁾, lưu luyến không quên được sinh hoạt xa xỉ dâm dật
trong cung đình.

Ngoài ba triều nói trên, các triều Hậu Thục, Nam
Hán, Ngô Việt, Ngô ở phía nam và nhà Hậu Lương ở phía
bắc đều có không ít cung kỹ. Như Mạnh Sưởng nhà Hậu Thục
“Thích đá cầu ruồi ngựa, lại vì học thuật trong phòng của
phương sĩ, tuyển rất nhiều con gái nhà lương dân để bổ sung
vào hậu cung”⁽⁶⁷⁾, “Mà dân gian sợ bị tuyển, đều lập tức nhờ
người mai mối gả con gái, gọi là Dám cưới vì sợ (Kinh
hôn)”⁽⁶⁸⁾. Hoàng đế Nam Hán Lưu Phân, lúc để tang cha, lại
“Sai con hát trỗi nhạc, uống rượu trong cung, cho nam nữ
trần truồng làm vui, hoặc mặc áo đen cùng kỹ nữ đi chơi ban
đêm, ra vào nhà thường dân”⁽⁶⁹⁾. Lưu Sưởng về sau lại càng
dâm dัง không sao kể xiết, thường “Cùng cung tỳ là gái Ba
Tư dâm dật vui thú trong hậu cung”⁽⁷⁰⁾.

b. *Quan kỹ thời Ngũ đại*. Chế độ quan kỹ thời Ngũ đại
cũng theo lối thời Đường truyền lại. *Thanh di lục* của Đào
Cốc chép “Năm Quảng Thuận (niên hiệu của Chu Thái tổ) thứ
3, lấy con Sài Thủ Lê là Vinh làm Hoàng Thái tử, phong Thủ
Lê làm Thái tử Thiếu bảo, cho về trí sĩ. Hoàng Thái tử lên
ngôi, chính là Thế tông. Thủ Lê ở đất Tây Lạc cùng các bạn
bè là cha bọn Vương Phổ, Vương Ngạn Siêu, Hàn Lệnh Khôn
đá cầu ruồi ngựa chơi bời, tiếm dùng nghi vệ nhà vua. Lúc
bấy giờ mỗi người bày tiệc chơi bời một ngày, thay phiên
nhau không dứt, gọi là Đinh xá. Đất Lạc có nhiều kỹ nữ xinh
đẹp, Thủ Lê chọn mười người, lấy vải viết chữ to bằng bàn

(66) *Sách phủ nguyên quy*, quyển 2, 7, 114.

(67) *Tục Tư trị thông giám trường biên*.

(68) Lý Lạp, *Phá trận tử*.

(69) *Tân Ngũ đại sử*, quyển 64, *Hậu Thục thế gia*.

(70) *Ngũ quốc cổ sự*.

tay, sai người đi gọi. Người được sai phái tới Phủ doãn trình lên, Phủ doãn ký tên bên cạnh. Kỹ nữ thấy giấy gọi thì tranh nhau tới đó". Sài Thủ Lễ là bậc tôn quý cha của nhà vua mà gọi kỹ nữ tới hầu rượu lại phải có sự phê chuẩn của Phủ doãn, đó chính là điều mà sách *Bắc lý chí* thời Đường chép về quy chế từ trước "Phàm quan lại trong triều yến tiệc, phải mượn tiếng các ty tào gọi kỹ nữ, sau đó mới có thể đưa qua chỗ khác", vẫn còn tồn tại đến thời Ngũ đại.

Từ các tư liệu sử sách mà nhìn, các nước thời Ngũ đại phần lớn đều thi hành chế độ quan kỹ. Như quan kỹ nhà Bắc Hán rất nhiều, "Năm Quảng Vận thứ 6, nhà Bắc Hán dâng biểu xin hàng, hiến hơn trăm quan kỹ để nhà Tống ban cho tướng sĩ"⁽⁷¹⁾. Mà danh kỹ Chuyển Chuyển và Hầu Thiếu Sư đương thời thì chia làm quan kỹ của nhà Hậu Đường và Hậu Tấn⁽⁷²⁾.

c. **Doanh kỹ thời Ngũ đại.** Thời Ngũ đại vì chiến tranh liên miên nên chế độ doanh kỹ lại phát triển hơn so với thời Đường. *Cựu Ngũ đại sử, Vương Tuấn truyện* viết "Cha là Phong làm Nhạc doanh sứ bản quận. Tuấn lúc nhỏ thông tuệ tinh ranh, giỏi ca hát. Lúc Trương Duân nhà Lương trấn thủ Tương Châu... bèn nuôi Tuấn". *Động vi chí* nói "Trong niên hiệu Cảnh Đức nhà Tống, Phùng Cảm hát bài *Hát đà tử*. Dì Mười bốn nói khúc ấy do Cát đại di giáo đầu doanh kỹ ở Đơn Châu soạn ra. Lương Tổ thêm lời để hát, gọi là điệu *Cát đại di*, về sau nói sai thành *Hát đà tử*". *Ngọc Đường nhàn thoại* nói "Năm Ất mùi, dân ở Trịnh Châu và phụ nữ trong quân doanh kéo ra chặt đường". Những ghi chép ấy cho thấy nhà Hậu Đường, Hậu Tấn đều có doanh kỹ.

(71) (72) *Tân Ngũ đại sử, Nam Hán thế gia*. Lại Thanh dị lục chép "Lưu Sưởng nhà Nam Hán chọn bọn ác thiếu sai giao hợp với cung nữ, bắt cởi hết quần áo, Sưởng cùng Mỹ Trú Diên tới xem, gọi là Thân đôi (Đại thế song)".

d. Thị kỵ thời Ngũ đại. Thị kỵ thời Ngũ đại Thập quốc tuy không nhiều bằng thời Trung Đường Văn Đường nhưng vẫn rất nhộn nhịp, ở các đô thị hơi phồn vinh như Thành Đô, Nam Kinh, Hàng Châu lại càng như thế. *Thanh dị lục* nói “Lúc Lý Lạp ở ngôi, vì hành tới nhà xưởng kỵ. Gặp Tăng Trương Tịch, Lạp lại nhẫn nha không chịu về, lúc say viết chữ lớn trên vách, kỵ nữ họ Tăng không biết là ai”. *Thục Dao Ngột* nói “Ngày rằm tháng giêng, Thục chủ Sưởng xem dài Đăng lộ, sai gọi vũ kỵ Lý Diêm Nương vào cung, ban cho mươi vạn quan”. *Thập quốc Xuân thu, Kinh Nam Thi trung Bảo Huân thế gia* viết “Triệu tập kỵ nữ trong phủ... chọn các binh sĩ khỏe mạnh sai giao hoan với họ, cùng các cơ thiếp hé rèm xem, lấy đó làm trò vui”. Điều này nói rõ rằng thị kỵ thời Ngũ đại vẫn rất phồn vinh.

e. Gia kỵ thời Ngũ đại. Thời Ngũ đại, phong khí văn thần võ tướng nuôi dưỡng gia kỵ vô cùng thịnh hành, như Đức Xương cung sứ Lưu Thủa Huân nhà Nam Đường cực kỳ dâm dật xa xỉ, “nuôi mấy trăm gia kỵ, mỗi người đều mua với giá vài mươi vạn, dạy cho đàn hát lại tốn vài mươi vạn, mà y phục trang sức vàng ngọc đều tương xứng, Lý Đức Thành, Hoàng Phủ Kế Huân ở Giang Nam nổi tiếng là xa xỉ hào hoa cũng không sánh được”⁽⁷³⁾. Tôn Thạnh được ca ngợi là kẻ sĩ trung trực tử tiết nhà Nam Đường cũng nổi tiếng xa hoa phóng túng. Ông ta “Cha con thờ Liệt tổ hơn hai mươi năm, nhà càng giàu có, không bày bàn ăn, sai các gia kỵ mỗi người bưng một món, đứng quanh hầu hạ, gọi là Mâm cơm thịt (Nhục đài bàn), các quý nhân ở Giang Nam nhiều người học theo”⁽⁷⁴⁾. Đại thần nhà Nam Đường là Hàn Hy Tải, “Phóng túng buông thả, không theo lề pháp, phá tán tiền bạc, mua gom nữ nhạc tới vài trăm người, hàng ngày cùng

(73) *Thập quốc Xuân thu*.

(74) Xem thêm *Cựu Ngũ đại sử, Mân Úc truyện và Tống sử, Vương Cảnh truyện*.

nhau hoang dâm, coi thường lề pháp trên dưới⁽⁷⁵⁾. Trần Trí Nghiêu “Chơi thân với Hàn Hy Tài, nhà không có một thạch gạo thừa mà có mấy trăm gia kỵ, từng vì chuyện trong phòng mà bị người dời mia mai”⁽⁷⁶⁾. Đại tướng Quách Sùng Thao nhà Hậu Đường có “bảy mươi gia kỵ tài sắc tuyệt vời, bảy mươi nhạc công”⁽⁷⁷⁾. Thời Nhuệ có gia kỵ hơn mươi người⁽⁷⁸⁾. Tống Ngạn Duân có lần bắt được ở Thành Đô “mấy mươi kỵ nữ, đều chiếm làm của mình”⁽⁷⁹⁾. Vương Tông Hàn nhà Tiền Thục, “Thích nuôi dưỡng kỵ thiếp; những người cài trâm giắt ngọc ở hậu đình có tới hàng trăm”⁽⁸⁰⁾. Lý Hạo nhà Hậu Thục “lại càng xa xỉ, kỵ nữ mặc gấm vóc lụa là ở hậu đường có tới vài trăm người”⁽⁸¹⁾.

Gia kỵ thời Ngũ đại không những mua vui cho chủ nhân mà còn thường phải vâng lệnh chủ nhân hầu hạ chăn gối cho khách khứa, đến nỗi gây ra không ít chuyện cười. *Nghiêu Sơn đường ngoại kỷ* nói “Đào Cốc phụng mệnh đi sứ Giang Nam, Hàn Hy Tài sai gia kỵ ngủ hầu. Đến sáng, Cốc làm thơ cảm tạ rằng: Vu Sơn chi lệ chất sơ lâm, hà xâm diểu đạo, Lạc Phố chi yêu tư tự chí, nguyệt mãn hồng câu (Vu Sơn xinh đẹp vừa lên, đường chim ráng chói, Lạc Phố yêu ma tự tới, ngồi đడ trắng tràn), cả buổi sáng không ai hiểu được. Hy Tài gọi người gia kỵ vào hỏi, nàng nói là đêm ấy đột nhiên có kinh”. Lại Vương Sĩ Trinh thời Thanh trong *Ngũ đại thi thoại*, quyển 3 dẫn lại sách *Tương sách tạp ký* nói “Hàn Hy Tài... phóng túng buông thả, không theo lề pháp, phá tán tiền bạc, mua gom nữ nhạc, tới vài trăm người, hàng ngày

(75) *Thập quốc Xuân thu*, quyển 30 *Nam Đường*, Lý Thủ Huân truyện.

(76) *Thập quốc Xuân thu*, quyển 27, *Nam Đường*, Tôn Thanh truyện..

(77) Vương Sĩ Trinh, *Ngũ đại thi thoại*, quyển 3 dẫn lại từ *Doan Khang tương sách tạp ký* của Hoàng Triều Anh.

(78) *Giang Nam dư tài*.

(79) *Cựu Ngũ đại sử*, Quách Sùng Thao truyện.

(80) *Cựu Ngũ đại sử*, Phạm Đình Quang truyện.

(81) *Cựu Ngũ đại sử*, Tống Ngạn Duân truyện.

cùng nhau hoang dâm, coi thường lẽ pháp trên dưới. Bao nhiêu tiền lương đều chia hết cho kỹ nữ, mà Hy Tài lấy việc không chế ngự được họ làm vui. Mà ngày nào không có tiền lại mặc áo rách đóng vai người mù, cầm đàn độc huyền, sai đầy tớ là Thư Nhã cầm phách dắt đi, tới các phòng ca hát xin cho đủ tiền ăn, sáng tối cũng không cấm đoán việc ra vào. Có người lén thông gian bừa bãi với Chư sinh, Hy Tài bắt gặp, lúc đi ngang cười nói: Không dám làm mất hứng đó thôi. Đến đêm tới phòng ngủ của khách, người khách ấy còn làm thơ rằng: Khổ thị ngũ canh lưu bất trú, Hướng nhân đầu bạn trứ y thường (Khổ nỗi năm canh lưu chẳng được, Áo quần cứ mặc lại như thường). Người đương thời cho rằng những kẻ khoát đạt tài năng thời Bắc Tề không ai bằng được”⁽⁸²⁾.

4. Nghề kỹ nữ thời Tống

Thời Tống là thời kỳ nghề kỹ nữ phồn vinh. Trong thời kỳ này, nghề kỹ nữ có những đặc điểm sau: một là trong quan kỹ và doanh kỹ xuất hiện xu thế hàng hóa hóa, hai là gia kỹ thịnh hành thời Đường đến thời Tống càng trở nên phổ cập hóa, đại chúng hóa, ba là cung kỹ thịnh hành một thời trong quá khứ đến thời Tống dần dần suy giảm.

a. Xu thế hàng hóa hóa của nghề kỹ nữ thời Tống.

Thời Tống ngoài thị kỹ thuộc tư kỹ, trong quan kỹ và doanh kỹ cũng xuất hiện xu thế hàng hóa hóa. Sự xuất hiện của hiện tượng này có liên quan mật thiết với sự phồn vinh về kinh tế của các đô thị thời Tống. Việc bỏ chế độ giáo phường và sự nảy sinh chợ đêm là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển diên cuồng của thị kỹ.

Đô thành Đông Kinh thời Bắc Tống (nay là Khai

(82) Lộ Chấn, Cửu quốc chí, quyển 6.

Phong Hà Nam) và Đô thành Lâm An thời Nam Tống (nay là Hàng Châu Chiết Giang) là khu vực phát triển nhất của nghề kỹ nữ thời Tống.

Đông Kinh “là nơi bốn phương thông tới, nên xây dựng làm kinh đô, vốn có chính giáo, người năm phương cư trú xen lẫn”⁽⁸³⁾. Biện Hà, Thái Hà, Ngũ Trương Hà, Kim Thủỷ Hà “bốn sông thông tới kinh đô”, nhất là Biện Hà “vắt ngang Trung Quốc, bắt nguồn từ Đại Hà, thông với sông hồ, ra tận Nam Hải, tài nguyên khắp nửa thiên hạ, hàng hóa ở núi ở chầm đều do đường ấy mà chở về”⁽⁸⁴⁾, “Vết của quý ngũ đô, Đầu hàng hóa chín châu”⁽⁸⁵⁾, là một đô thị lớn có một không hai trên toàn thế giới lúc bấy giờ, kinh tế phồn vinh, dân số lúc đông nhất có từ 1,4 tới 1,7 triệu⁽⁸⁶⁾, từ đó thúc đẩy nghề kỹ nữ ở Đông Kinh lên tới đỉnh cao.

Đào Cốc thời Tống trong *Thanh dị lục*, quyển thương, *Phong hoa thương mạch* nói “Bốn phương nói Nam Hải là nơi trăng gió thành phường, nói là phong tục dâm đãng. Nay ở kinh sư những nhà kỹ viện có tới hàng vạn, tới như đàn ông thì toàn thân là hàng hóa, tiến thoái thản nhiên, trở thành tố ong lối tắt, lại không chỉ là trăng gió thành phường nữa”. Con số hàng vạn kỹ nữ ấy phân bố khắp trong thành. Theo Mạnh Nguyên Lão trong *Đông Kinh mộng hoa lục* thì thành Đông Kinh có mấy mươi chỗ thanh lâu kỹ viện, như đường Khúc Viện “trở về phía tây đều là kỹ viện, người trong thành gọi là Viện nhai”. Ngoài cửa Chu Tước, đi về phía đông có ngõ Mạch Cật, lâu Trạng Nguyên, “đều là kỹ viện, kéo dài tới

(83) *Thập quốc Xuân thu*, quyển 52 *Hậu Thục*, Lý Hao truyện.

(84) *Tân Ngũ đại sử*, *Nam Đường* thế gia chép Hậu chủ nhà Nam Đường tới nhà Hán Hy Tài, vừa khéo “Mấy mươi kỹ thiếp trong hâu phòng của Hy Tài ra nhà ngoài tiếp dài tân khách ăn tiệc”. Ngoài ra, *Nam Đường* cận sự cũng chép chuyện này.

(85) *Tống sử*, Địa lý chí.

(86) *Tống sử*, Hà cù chí.

đường cửa Bảo Khang". Ngoài cửa Chu Tước về phía tây thông với Ngõa từ Tân Môn tới ngõ Giết Heo phía nam, "cũng là kĩ quán". Ngoài cửa Tào Môn cũ đi về phía nam là đường Bắc Tà, "hai bên đường đều là kĩ quán". Đường Ngưu Hành, "cũng có kĩ quán, kéo suốt tới Tân Thành". Phía đông chợ Liêu Nhi đường Mã Hành, ngõ Tây Kê Nhi, "đều là nơi kĩ viện đóng". Động Đào Nguyên trước chùa Cảnh Đức, "đều là kĩ quán". Ngõ Lục Sư phía đông, ngõ Tiểu Cam Thủy phía tây chùa Tướng Quốc, "cũng rất nhiều kĩ quán". Lại như ở ngõ Thê Hàng phía bắc, "đều là nơi kĩ quán ca hát nhộn nhịp". Ngoài ra, "còn có những phường vắng hẻm nhỏ, yên quán ca lầu, có tới hàng vạn".

Tới như tình hình hoạt động và sinh hoạt của kĩ nữ, thì *Đông Kinh mộng hoa lục* ghi chép càng tường tận:

"Phàm ngoài cổng các quán rượu ở Đông Kinh đều kết cổng chào sặc sỡ, để mặc cho vào cổng, đi một mạch qua hành lang khoảng trăm bước, hai bên nam bắc thiên tĩnh đều có lầu nhỏ, tối đến đèn lửa huy hoàng, trên dưới soi chiếu lấn nhau, kĩ nữ trang điểm đẹp đẽ có vài trăm người, tụ họp chỗ hành lang đợi khách gọi, xa trông như thần tiên"⁽⁸⁷⁾.

"Phàm đâu bếp trong quán gọi là Trà phan lượng tửu Bác sĩ. Đám trẻ trong quán đều gọi là Bác cả (Đại bá). Lại có phụ nữ ở phố phường lung buộk khăn tay xanh, búi tóc cao, rót rượu bưng canh cho khách, tục gọi là (Nấu hèm) Thuần tao. Lại có bách tính vào quán rượu, thấy đám thiếu niên con em uống rượu thì bước tới gần kính cẩn chờ sai các việc như mua hàng, gọi kĩ nữ, trả tiền, gọi là Bọn lêu lổng (Nhàn hán). Lại có những kẻ ca hát bưng canh rót rượu, hoặc bưng trái cây, lúc khách tan thì được tiền

(87) Chu Bang Ngạn, *Biên Kinh phú*.

thưởng, gọi là Sóng * (Tư ba). Lại có kỹ nữ hạng cuối, không gọi mà tới, ca hát trước tiệc, nhất thời tăng một ít tiền thì đi, gọi là Khách lùi (Tháp khách), cũng gọi là Dánh mâm rượu (Đá tưu tọa). Lại có loại bán thuốc và cù cải, không hỏi khách có mua hay không, cứ bỏ ra trên bàn, sau đó được tiền, gọi là * * (Tập tạm). Những loại ấy đâu đâu cũng có”⁽⁸⁸⁾.

Nhà Nam Tống định đô ở Lâm An, “dân bốn phương tụ tập như mây ở Lưỡng Chiết, đông gấp trăm lần trước đó”⁽⁸⁹⁾. Mà Hàng Châu lại là nơi sĩ dân từ phương bắc thiên cư xuống cho là thiên đường đệ nhất⁽⁹⁰⁾ nên có nhiều lưu dân ngũ cư nhất. Lục Du nói “Xa giá vừa tới Lâm An, sĩ dân và thương khách ở kinh đô cũ và bốn phương theo đó tụ tập”⁽⁹¹⁾. Tình hình ấy khiến Hàng Châu mau le trở thành đô thị lớn mang tính quốc tế có hàng triệu người, lại kích thích nghề kỹ nữ ở địa phương phát triển mau le.

Hàng Châu vốn có tiếng là “Tây Hồ thủy hoạt đa kiều nương” (Tây Hồ nước biếc nhiều nàng đẹp), và “Tửu thực địa ngục” (Địa ngục cơm rượu)⁽⁹²⁾, đến thời Nam Tống, nghề kỹ nữ càng đạt tới mức đăng phong tháo cục, về tình trạng phồn vinh thì đô thành Đông Kinh thời Bắc Tống không sao sánh được, đương thời có lời khuyen là “Sắc hải” (Biển sắc dục)⁽⁹³⁾. Hoàng Đình Kiên trong bài tựa *Tái họa Nguyên Lê xuân hoài thập thủ* nói “Tiền Đường là một đô hội ở Giang Đông, giò mây trăng hoa, không biết có bao nhiêu phường viện, dáng vẻ mờ ảo, khiến kẻ thiêu niên say mê quên về”. Nhà du hành

(88) *Trung Quốc lão đại cổ đô* (Đô thành lâu đời ở Trung Quốc), Trung Hoa thanh niên xuất bản xã, 1991, tr. 225.

(89) Mạnh Nguyên Lão, *Đông kinh mộng hoa lục*, quyển 2, *Tửu lâu*.

(90) *Đông kinh mộng hoa lục*, quyển 2, *Ẩm thực quả tú*.

(91) Lý Tâm Truyền, *Kiến Viêm dì lai hệ niên yêu lục*, quyển 158.

(92) *Tống sử*, quyển 178, *Thực hóa chí*.

(93) Lục Dú, *Lão Học Am bút ký*, quyển 8.

người Ý Marco Polo rất ngạc nhiên về điều đó, ông nói trong sách Du ký rằng:

“Kinh sư (tức Lâm An) chư vi một trăm dặm, có một vạn hai ngàn chiếc cầu đá, có ba ngàn nhà tắm, đều dùng nước ấm. Phụ nữ phần nhiều xinh đẹp, trông như thần tiên. Những người theo hầu nhà vua có hàng ngàn nam nữ, đều ăn mặc đẹp đẽ, vô cùng xa hoa. Trong thành có hồ (tức Tây Hồ), chung quanh đều là đài cao quán các, là nơi ở của các nhà quý tộc. Gần bờ hồ có nhiều chùa Phật, giữa hồ có hai bãi đất nhỏ, điện các cao vót, nhìn ra mặt nước trông như nơi vua ở, là nơi sỹ đại phu ăn yến, có vài bàn tiệc, cực kỳ hoa lệ. Có lúc có hàng trăm khách tụ tập. Thanh lâu rất nhiều, đều ăn mặc trang sức xinh đẹp, hương xạ thơm nức, ở trong hoa ốc, gái hầu như mây, rất giỏi đàn hát, khéo ứng đối, ai gặp cũng say mê, thậm chí túy sinh mộng tử, chìm đắm vào đó. Cho nên phàm kẻ tới kinh sư, gọi là lên thiên đường, trở về còn mong thấy kinh sư. Trong thành thì kỹ nữ không dám hoạt động, phần lớn họ đều ở một dải phía chợ. Số lượng rất nhiều, quả khiến người ta phải tắc lưỡi, cũng phải tới hai vạn người, đều nhờ vào đó mà sống”⁽⁹⁴⁾.

Các kỹ nữ vô cùng thông thạo việc ôn nhu thể thiếp, thủ đoạn kéo khách phi thường cao minh, kiều my đưa tình, chiều chuộng tâm lý của đủ loại khách. Nói chuyện với mọi loại người đều có thể thông cảm chan hòa, ánh mắt mơ màng, dáng đi uyển chuyển, giọng nói trong trẻo, đủ khiến người ta một sớm rơi vào mê hồn trạng của họ sẽ lập tức như say như ngây, xiêu hồn lạc phách, để họ bày bố, nấn ná quên về, chìm đắm trong làng Ôn nhu giấc hoa mộng liễu, đúng là

(94) Câu trên là thơ của Tân Quan, câu sau xem Chu Hàm, *Bình Châu khà đàm*, quyển 3.

có điều Vui không nhớ nước Thục đáng than thở⁽⁹⁵⁾.

Số kỹ nữ này phân bố khắp trong thành ngoài thành, hình thành môn loại chỉnh tề, tổ chức linh hoạt, phong cách đa dạng. Chu Mật trong *Vũ lâm cựu sự*, quyển 6, *Tiểu lâu* viết:

“Hòa Lạc lâu, Hòa Phong lâu, Trung Hòa lâu, Xuân Phong lâu, Thái Hòa lâu, Tây lâu, Thái Bình lâu, Phong Lạc lâu, Nam Ngoại khố, Bắc Ngoại khố, Tây Khê khố, trở lên đều là quan kỹ, thuộc Hộ bộ Điểm kiểm sở, mỗi nơi đặt quan kỹ vài mươi người, đều có bình chén uống rượu bằng vàng bạc cả ngàn lượng, để cung đốn cho thực khách. Mỗi nơi có vài người trực ban, gọi là Xuống phiên (Hạ phiên). Khách uống rượu lên lâu, thì lấy bài ghi tên ra chấm để gọi người ngồi cùng, gọi là Chấm hoa bài (Điểm hoa bài). Đêm rằm tháng giêng các kỹ nữ đều đổi chuyển qua nơi mới. Ban đêm người nào cũng đội mũ Hạnh hoa quan, ngồi trên ghế hoa cao. Nhưng những danh kỹ đều giấu kín bên trong không dễ mà gọi được. Phàm những thức ăn uống cũng đều cho tùy ý mang tới, lúc đầu không có đầu bếp. Giờ giấc trong quán, lúc đầu không cho ở lại đó, vốn là để trang sức cho đời thái bình mà thôi. Dần dần đều là trường học và nhà ở của sĩ phu, người ngoài không dễ bước lên.

Hy Xuân lâu, Tam Nguyên lâu, Ngũ Gian lâu, Thương Tâm lâu, Nghiêm trù, Hoa Nguyệt lâu, Ngân Mã lâu, Khang Đam lâu, Ông trù, Nhiệm trù, Trần trù, Chu trù, Xảo trương, Nhật Tân lâu, Đam trù, Trịnh trù, Ngật Ma nhän, Trương hoa, trở lên đều là tên gọi của các kỹ viện thị kỹ. Mỗi lâu chia ra hơn mươi tòa tiểu các, tất cả đồ dùng uống rượu đều bằng

(95) Hồ Tồn, Thiều Khê ngư ăn tùng thoại.

bạc, để phô trương hào hoa. Mỗi nơi đều có vài mươi danh kỵ, đều khéo trang điểm, giỏi đưa tình. Mùa hè cài hoa mặt lỵ trên đầu, mùa xuân đi chơi khắp nơi. Dưa vào lan can vẫy gọi, gọi là Mai khách. Lại có a hoàn nhỏ, không gọi mà tự tới, ca ngâm trước tiệc để xin tiền lẻ, gọi là Liêu tọa. Lại có những người thổi tiêu, gảy đàn, vận khí, gõ phách, ca hát, diễn tạp kỹ gọi là Hân sấn”.

Lại như điều *Ca quán* trong quyển 6 sách ấy nói:

“Các phường bình khang như Thượng Hạ Bảo kiêm doanh, Tất Khí đàn, Sa Bì hạng, Thanh Hà phường, Dung Hòa phường, Tân nhai, Thái Bình phường, Cân Tử hạng, Sư Tử hạng, Hậu Thị nhai, Tiến kiều, đều là nơi danh hoa tụ tập. Ngoài ra các loại quán trà, Thanh Nhạc trà phường, Bát Tiên trà phường, Châu Tử trà phường, Phan Gia trà phường, Liên Tam trà phường, Liên Nhị trà phường và Kim Ba kiều dọc theo hai bờ sông tới Ngõa thị, đều có đẳng cấp khác nhau, không đâu không trang điểm ra cửa, đua nhau làm duyên làm dáng, sáng hát tối đàn, làm người ta ngây ngất. Phàm vừa vào cửa, ắt có người dâng trà, tuy một chén trà cũng phải mấy ngàn đồng, gọi là Trà chấm hoa (Điểm hoa trà), lên lầu thì mời một chén rượu nhưng trước đó phải đưa ra vài quan, gọi là Rượu lẻ (Chi tửu). Sau đó gọi thực đơn, tùy ý bày tiệc. Đám Hân sấn bán hàng lặt vặt cũng nhao nhao kéo tới, những khoảng chi lẻ té rất nhiều. Hoặc muốn gọi thêm kỵ nữ khác, thì tuy có bên kia đường cũng gọi kiệu khiêng qua, gọi là Kiệu qua đường (Quá nhai kiệu). Những người lớp trước như Trại Quan Âm, Mạnh Gia Thuyền, Ngô Linh Nhi rất đông, đều lấy tài sắc đứng đầu một thời, trong nhà rất hào hoa. Những nhà được chính mắt nhìn thấy gần đây, chỉ có

nà Đường An An nổi tiếng thịnh vượng nhất, phàm đồ dùng uống rượu, sa la, thùng nước đá, bếp lò, hộp nữ trang đều làm bằng vàng bạc. Màn trường chǎn nệm phần lớn dùng gấm. Những đồ cổ ngoạn đều phù hợp với khung cảnh trong nhà. Những kẻ dưới mức đó tuy không bằng được, nhưng cũng tranh nhau phô trương sự hào hoa, những vật dùng như đồ uống rượu, trang sức, chǎn nệm, quần áo đều có người chuyên cho thuê. Cho nên phàm khách tới thì đồ dùng để cung đốn đều thay đổi, kẻ không quen chơi bời không sao hiểu được”.

Đó là nghề kỹ nữ ở các túu lâu, ca quán, trà tú và kỹ viện nổi tiếng, làm ăn rất khá, “Tiếng ca hát cười nói từ tối đến sáng sớm, thường hòa vào tiếng xe ngựa rầm rập. Tuy mưa gió nóng rét, vẫn không hề giảm”⁽⁹⁶⁾.

Không chỉ các túu lâu, ca quán, trà quán lớn có kỹ nữ mà một số quán rượu, Trà phường, Ngõa xá và nhà tắm nhỏ hơn cũng có kỹ nữ, như Quán viên Nại Đắc Ông thời Nam Tống chép trong *Đô thành kỷ thắng*:

“Quán rượu. Trừ Quan khố Tử khố cước điếm, còn lại đều gọi là Phách hộ... “Ăn mày túu điếm” nói trong có kỹ nữ, có thể gọi tới vui chơi mà trong gác uống rượu có ngâm đặt giường ngủ. Ngoài cửa treo đèn lồng đỏ, nếu bất ngờ có mưa thì dùng lồng tre úp lên làm dấu hiệu. Ở các quán rượu lớn khác, kỹ nữ chỉ ngồi hầu rượu mà thôi, muốn vui thú thì phần lớn về nhà họ. Đại khái uống rượu ở quán, muốn gì là tùy ý mình. Còn như ăn cơm gọi là Hạ thang thủy, ít tốn tiền, chỉ một ngàn năm trăm, gọi là Tiểu phân hạ túu. Nếu gọi kỹ nữ ăn phần đông đều đi kiệu rất đát, để ra

(96) Xem thêm bản dịch *Mā khả Ba la bút ký dịch Hàng Châu* (Hàng Châu theo Bút ký của Marco Polo) của Hướng Đạt.

giá cao. Tất cả đều phải có kinh nghiệm, mới không bị lừa”.

“Trà phường. Đại trà phường... Người tới trà phường, vốn không phải chủ yếu vì trà mà là lấy đó làm cơ, phần lớn chỉ là bỏ tiền trà ra. Lại có một hạng chuyên là nơi anh em trai của kỹ nữ tụ họp... Thủy trà phường là các kỹ viện bày ra bàn ghế, lấy trà làm cơ, bọn hậu sinh cam chịu tốn tiền, gọi là Can trà tiền”.

Ngõa xá, còn gọi là Ngõa tử, Ngõa thị, là một loại kỹ viện hạng thấp, phần lớn do quân đội hoặc quan lại địa phương kinh doanh. Ngô Tự Mục trong *Mộng luong lục* quyển 19 nói “Ngõa xá là ý nói tới như ngói hợp, di như ngói tan, dễ tu dễ tán. Không biết từ ấy bắt đầu từ lúc nào. Trong khoảnh khắc trở thành nơi sỹ thứ phóng dâng không chịu ràng buộc, cũng là nơi con em la cà làm bậy ở kinh sư. Hàng Thành là nơi trong niên hiệu Thiệu Hưng nhà vua trú tất ở đó, Dương Hòa vương vì quân sĩ phần nhiều là người vùng Tây bắc, nên lập ra Ngõa xá ở trong ngoài thành, chiêu mộ kỹ nhạc làm chỗ giải trí cho tướng sĩ khi nhàn rỗi. Nay lang quân con em các nhà giàu có vì thế du dâng, làm bậy còn quá hơn cả Biện Kinh”. Theo thống kê ở Lâm An có hơn hai mươi Ngõa xá⁽⁹⁷⁾. Tính chất của số kỹ nữ này, từ phuong thức kinh doanh mà nói thì thuộc loại doanh kỹ.

b. Sư phổ cập của gia kỹ thời Tống. Thời Tống là thời đại dâm dật phóng túng. Trong thời kỳ này kẻ thống trị ra sức cổ xúy chủ nghĩa hưởng lạc. Hoàng đế khai quốc nhà Tống là Triệu Khuông Dẫn học theo mối tệ thời Ngũ đại, công nhiên nói với các văn thần võ tướng “Hãy tích góp vàng

(97) Xem thêm *Mã khǎ Ba la du ký* (Bút ký của Marco Polo), bản dịch của nhóm Trần Khai Tuấn, Phúc Kiến Khoa học kỹ thuật xuất bản xã, 1981, tr. 177.

bạc, để tự hưởng thụ... Đặt nhiều ca nô vũ nữ, hàng ngày uống rượu cùng vui để trọn tuổi trời”⁽⁹⁸⁾. Các vua Nhân tông, Chân tông cũng khuyên trăm quan lấy thanh sắc để giải trí. Dưới sự lãnh đạo đê xướng của họ, phong khí nuôi dưỡng gia kỹ của quan liêu sĩ đại phu thời Tống càng ngày càng lan tràn, có xu thế phổ cập hóa, đại chúng hóa. Người đương thời nói “Lưỡng phủ lưỡng chế trong nhà đều có ca kỹ, chức quan hoai cao thì đều mua thêm gia kỹ không thôi”⁽⁹⁹⁾. *Dã khách tùng thư* của Vương Mậu thời Nam Tống nói “Các quý công tử ngày nay phần nhiều đều nuôi dưỡng cơ thiếp”. Mục đích nuôi dưỡng gia kỹ của họ phần lớn là để hưởng lạc, hoặc dạy ca múa, hoặc dạy hẫu rượu, để làm vui cho tân khách.

Quan liêu sĩ đại phu nuôi dưỡng gia kỹ nhiều ít khác nhau, tất cả đều theo tài lực trong nhà, ít thì vài người, nhiều thì vài mươi người. Như Dương Bao có “gia kỹ vài người”⁽¹⁰⁰⁾, Tô Thúc “có kỹ nữ ca múa vài người”⁽¹⁰¹⁾, Âu Dương Tu có ca kỹ “tám chín nàng”⁽¹⁰²⁾, Dương Chẩn “có mươi gia kỹ”⁽¹⁰³⁾, Hàn Giáng có “gia kỹ mươi mấy người”⁽¹⁰⁴⁾, Vương Phủ có “gia kỹ mươi mấy người”⁽¹⁰⁵⁾, Trương Uyên “mua tỳ thiếp trẻ đẹp hai mươi người”⁽¹⁰⁶⁾, Hàn Sá Trụ có “ái thiếp mười bốn người”⁽¹⁰⁷⁾, Hàn Kỳ “trong nhà có nữ nhạc hai mươi

(98) Chu Mật, *Vũ lâm cựu sự*, quyển 6 *Tiểu lâu*.

(99) Xem thêm Từ Cát quân, *Luận Nam Tống Lâm An sắc kỹ chí thịnh* (cập kỷ xã hội căn do (Bàn về sự phồn thịnh của kỹ nữ ở Lâm An thời Nam Tống và nguyên do xã hội của nó), in trong *Trung Quốc cổ đô nghiên cứu*, tập 7, Sơn Tây nhân dân xuất bản xã, 1991.

(100) *Hiên cũ lục*.

(101) *Vận ngữ dương thư*.

(102) *Bản sự từ*, quyển hạ.

(103) *Hầu tinh lục*.

(104) *Ngọc Chiêu tân chí*.

(105) *Di kiêm tam chí*, Tân, quyển 1.

(106) Từ Si Loan biên tập, *Tống diêm*.

(107) *Tống triều sự thực loại uyển*, quyển 8.

người”⁽¹¹¹⁾, Lý Sung có gia kỹ một trăm mươi mươi người⁽¹¹²⁾, nhà thân hào họ Lý “gia thiếp mặc lụa là có mấy mươi người”⁽¹¹³⁾... Đúng là không sao kể xiết. Họ rèn luyện cơ thiếp để thỏa mãn thú vui thanh sắc, hàng ngày bày rượu vui chơi. *Thanh ba tạp chí* chép “Sí đại phu muốn giữ phú quý, động một ty là kiêng kỵ, càng sợ nói tới chuyện chết. Chỉ chìm đắm vào thanh sắc, không ngó ngàng gì đến chuyện khác. Nghe nhà người khác có cơ thiếp xinh đẹp thì chờ lúc chủ nhân chết, tìm cách hối lộ cho Nha hội, chờ khi bán ra thì mua, tuy đang có tang cũng bất kể”. Trương Tư người Lâm An là dòng dõi của Trung liệt vương Trương Tuấn nhà Tống, giỏi thơ, danh sĩ đương thời ai cũng giao du. Vườn ao, thanh kỳ, trang phục đồ chơi của ông ta đứng đầu thiên hạ. Chu Mật trong *Tề Đông dã ngũ*, quyển 12, điều *Trương Công Phủ hào xỉ* nói “Vương Giản Khanh Thị lang từng tới hội Mẫu đơn nói: Khách khứa đã tể tạm, ngồi trong một phòng trống, yên ắng không có gì. Chợt hỏi tá hữu: Đã thấp hương chưa? Đáp: Đã thấp. Bèn sai cuốn rèm, mùi hương lả tả trong bay ra, phút chốc tràn ngập cả tiệc. Quần kỹ mang rượu thịt dàn sáo theo thứ tự bước ra. Lại có mươi danh kỹ đều mặc áo trắng, phàm trang sức trên đầu, cài ở áo đều là hoa mẫu đơn, trên đầu gắn một cành Chiếu điện hồng, cầm phách ca hát mời rượu, ca xong thì lui vào. Lại buông rèm trò chuyện như thường, hồi lâu mùi hương lại bốc lên, lại cuốn rèm như lúc nãy, lại có mươi ca cơ khác, quần áo trang sức đều khác trước bước ra, đại để cài hoa trắng thì áo màu tía, cài hoa tía thì áo màu vàng, cài hoa vàng thì áo màu hồng, như thế mươi vòng, áo và hoa thay đổi mươi lần. Những lời hát đều dùng những từ gọi hoa mẫu đơn của các bậc tiền bối. Tan cuộc rượu, người ca hát, người đánh đàn không dưới trăm người xếp hàng tiên

(111) *Long Châu biệt chí*, quyển Hạ.

(112) *Mặc khách huy tri*, quyển 8.

(113) Xem thêm Chu Hy, *Lạc Bí các Tu soạn y tiền quan tạ biếu*.

khách. Đèn sáng hương nồng, tiếng ca rộn rã, khách đều **bàng hoàng** như lên chơi cõi tiên". Vương Kế Tiên, Thừa **tuyên sứ** quân Chiêu Khánh về tri sỉ cùng thế, nhà ông ta "nhà cửa dài ta đều cao rộng đẹp đẽ, người ở kinh đô gọi là **Khoái lạc** tiên cung, sinh hoạt cực kỳ xa xỉ. Ông ta cùng con **trai** là Duyệt Đạo chia nuôi hai danh kỹ nổi tiếng ở Lâm An là **Lưu Thái Nô** và **Kim Miến Miến**, ngày đêm hành lạc. "Lại ra lệnh cho các kỹ nữ thỉnh thoảng ca múa. Đến khi nghe tin **Uyên Thánh** hoàng đế thăng hà, cả nhà vẫn yên ấm, lại sai **kỹ** nữ múa mà không hát, giơ tay nhấc chân làm vui, gọi là **Nhạc cảm** (Á nhạc)". Ông ta còn ra lệnh cho quan viên thuộc hạ "chuyên dò xét những nhà dân, thấy ai có sắc đẹp là tìm **mọi cách** cưỡng ép cưới về, để làm thiếp hầu. Tuy có cưới hỏi, **nhưng** nhất thiết không đếm xỉa gì tới". Có sĩ đại phu thậm chí **dã** gần đất xa trời vẫn còn ham mê thanh sắc rượu chè, **chơi** bời quá độ, mỗi khi ngủ đều phải có ca kỹ múa hát một **lúc mới** có thể yên giấc.

Đương nhiên sĩ đại phu nuôi dưỡng gia kỹ ngoài mục **dịch hành** lạc cũng có người nuôi dưỡng gia kỹ để mong có **con nối** dõi, có người tuổi già vợ chết mua tỳ thiếp hầu hạ **thuốc** thang, nguyên nhân thì nhiều loại nhiều vẻ.

Dưới phong khí ấy, ngay cả Lý học gia Chu Hy nổi **tiếng** "Át nhân dục di tồn thiên lý" (Đè nén dục vọng của người để giữ đạo lý của trời) cũng khó tránh khỏi tục lụy, "Dụ **dẫn** hai ni cô làm sủng thiếp, mỗi khi làm quan đều đưa họ **cùng đi**"⁽¹¹⁴⁾. Đường Tuân cũng thế, sử chép ông ta lúc trẻ còn có thể "khắc khổ tự tu dưỡng, sau đó không giữ được, khi làm **chức** Tri Hồ Châu, thích quan kỹ, cưới về làm thiếp"⁽¹¹⁵⁾. Đó là **hình ảnh** thu nhỏ về lề giáo của nho gia thời Tống, phản **anh** tính chất hư nguy giả trá của luân lý cương thường

(114) *Tống sử, Đường Tuân truyện.*

(115) *Tuyên Hòa di sự*, quyển 1.

phong kiến.

Điều đáng chú ý nhất là thời Tống còn xuất hiện hiện tượng tăng nhân đạo sĩ nuôi dưỡng gia kỳ. Theo Đào Cốc trong *Thanh dị lục*, tăng nhân trong chùa Đại Tướng Quốc ở Biện Kinh nuôi dưỡng gia kỳ, gọi là Phạn tấu. Dời Huy tông, đạo sĩ ở trong các đạo quán ở Biện Kinh cũng “đều nuôi vợ con bên ngoài, cưới vợ lẽ, đánh phấn tô son, ăn ngon mặc đẹp, có tới hai vạn người”⁽¹¹⁶⁾.

c. *Sự suy giảm của cung kỹ thời Tống*. Chế độ cung kỹ thời Tống phần nhiều noi theo chế độ thời Đường, tuy quy mô đã không thể sánh với thời Tùy Đường, nhưng vẫn có một số lượng nhất định. Như đời Nhân tông trước sau thả năm trăm cung nữ. Dời Huy tông cung kỹ càng thịnh, đến nỗi ông ta bị quản thần tấu nghị can gián, không thể không thả ra hai ngàn bốn trăm bảy mươi sáu cung nữ. Từ những sự kiện lịch sử ấy, chúng ta hoàn toàn có thể suy đoán dân số cung kỹ thời Tống cũng phải trên ngàn người.

Quy mô kỹ nữ trong giáo phường thời Tống khá lớn. Đầu thời Bắc Tống ngoài một số lượng nhạc công nhỏ do triều Hậu Chu lưu lại, trong chiến tranh thống nhất còn bắt được 32 nhạc công ở Kinh Nam, 139 người ở Tây Xuyên, 16 người ở Giang Nam (của nhà Nam Đường), 19 người của nhà Bắc Hán, ngoài ra còn thêm 83 nhạc công do các phiến trấn tiến công và 71 nhạc công vốn có của Tống Thái tổ. 360 nhạc công này cấu thành đội ngũ cốt cán của giáo phường nhà Bắc Tống. “Từ đó, những người có tài nghệ giỏi giang bốn phương đều bị ghi tên vào nhạc tịch”⁽¹¹⁷⁾. Các chi nhánh của giáo phường vốn chia ra làm Yến nhạc, Thanh nhạc, Tán nhạc tất cả bốn bộ, về sau vì tài năng sở trường và tính chất nghề nghiệp của nhạc công không giống nhau, lại chia làm

(116) *Tống史*, quyển 142 *Nhạc chí*.

(117) *Tống hagiographia*, *Chúc quan*, quyển 22, 28.

Tất Túc bộ, Đại Cồ bộ, Trương Cồ bộ, Phách bắn sắc, Địch sắc, Tỳ bà sắc, Tranh sắc, Phương hướng sắc, Sinh sắc, Vũ toàn sắc, Ca bắn sắc, Tạp kịch sắc, Tham quân sắc mười ba bộ. Số lượng cũng từ 360 mở rộng thành hơn 400 người. Cung kỹ chủ yếu biểu diễn “trận vũ”, lại chia làm mười đội nữ đệ tử là Bồ Tát man đội, Cẩm hóa nhạc đội, Phao cầu nhạc đội, Giai nhân tiễn mẫu đơn đội, Phất nghệ thường đội, Thái liên đội, Phương nghênh lạc đội, Bồ Tát hiến hương hoa đội, Thái vân tiên đội, Đã cầu nhạc đội, trong mỗi tiết mục số cung kỹ tham gia biểu diễn có tới 153 người. “Phàm Đại yến, Khúc yến, hoặc xa giá ra ngoài ắt đều dẫn theo, hoặc khi ban thường yến tiệc cho đại thần, tông thất đều dùng tới”¹¹⁸.

Sau khi nhà Nam Tống định đô ở Lâm An, từ năm Thiệu Hưng thứ 14 (1144) đã đặt Giáo phường, lúc bấy giờ có 460 nhạc công, vượt quá quy mô của nhà Bắc Tống lúc hưng thịnh nhất, vẫn lấy hoạn quan thống lĩnh. *Mộng lương lục* nói “Triều đình có yến tiệc thì do Ca bắn sắc của giáo phường hầu hạ”. *Thái Bình thanh thoại* cũng nói “Tiền Đường là hành đô, trai gái đều du mỹ, gọi là kiêu dân. Lúc Tư Lăng lên ngôi Thái thượng hoàng, Hiếu tông chúc thọ Thái thượng hoàng, nhất thời những người ứng chế trước mặt đều là phụ nữ, biên chép có Thẩm cô cô, Diễn sứ có Tống thị và Trương thị, Thuyết kinh có Lục Diệu Tình và Lục Diệu Tuệ; Tiểu thuyết có Sứ Á Mỹ, Đội trận có Lý Đoan Nương, Anh hý do Vương Nhuận Khanh, đều chọn ra từ những người khôn ngoan lành lợi trong cung”. Các kỹ nữ giáo phường này tuy về nguyên tắc là hiến nghệ không hiến thân, nhưng rốt lại là đồ chơi của hoàng gia, không ít kẻ cũng phải thỏa mãn lạc thú cho hoàng đế. Theo *Du ký của Marco Polo* thì cuối thời

(118) *Mã khâ Ba la du ký*, bản dịch của nhóm Trần Khai Tuần, quyển 2 chương 77 *Tái đàm đại thành thị Hàng Châu đích kỳ tha tường tể tình hướng* (Lại bàn về đô thị lớn Hàng Châu và những tình hình chi tiết khác).

Nam Tống, hoàng đế thường dắt một đám cung kỹ ra Tây Hồ tắm hoan tác lạc, lúc đã rong chơi mệt mỏi rồi, hoàng đế lại ra lệnh cho họ lui vào khu rừng ven hồ, cởi hết quần áo, khỏa thân nhảy xuống nước bơi lội, mà ông vua hiếu sắc thì đứng ở một bên ngắm nhìn, một phen sướng mắt⁽¹¹⁹⁾.

5. Nghề kỹ nữ thời Nguyên

Nghề kỹ nữ thời Nguyên trên cơ sở thời Tống lại phát triển thêm một bước, điều này biểu hiện ở mấy phương diện: một là màu sắc thương nghiệp hóa đậm hơn, hai là bắt đầu xuất hiện xu thế dung hợp giữa quan kỹ và thị kỹ ở địa phương, ba là cung kỹ và gia kỹ suy giảm mau lẹ.

a. *Thị kỹ thời Nguyên*. Theo phương thức phục vụ đại khái có thể chia Thị kỹ thời Nguyên làm hai loại: một là kỹ nữ Câu lan chủ yếu bán nghề, hai là kỹ nữ Bình khang chủ yếu bán thân.

Kỹ nữ Câu lan chủ yếu phát triển trong các Ngõa xá ở thành thị, là lực lượng chủ yếu trong thị kỹ, họ chủ yếu làm việc ca múa, biểu diễn tạp kịch, đồng thời cũng lấy sắc đẹp h้าu hạ người. Hạ Đình Chi thời Nguyên trong *Thanh lâu tập* nói “Triều ta thống nhất thiên hạ đã được trăm năm, kỹ nữ ca múa trong thiên hạ đâu chỉ ức vạn”. Đủ thấy tình hình phát triển của kỹ nữ Câu lan đương thời. Kỹ nữ Câu lan tập trung nhiều nhất ngoài khu vực Bắc Kinh, ở các thành trấn phồn hoa trên toàn quốc cũng đều có kỹ nữ Câu lan phân bố. “Trong thi kinh sư, ngoài thi quận ấp, đều có cái gọi là Câu lan, đều là kẻ giỏi ca múa, người xem vung tiền thường cho”⁽¹²⁰⁾. Tình hình ấy thì thời Tống không sao bằng được.

Kỹ nữ Bình khang chủ yếu phát triển trong các kỹ

(119) Hạ Đình Chi, *Thanh lâu tập chí*.

(120) *Mã khà Ba la du ký*, tập 2, chương 11.

viện, trà phường túu lâu và quán trọ ngoài thành trấn, họ chủ yếu làm việc bán dâm, dùng thân xác hấp dẫn khách chơi. Dương nhiên trong bọn họ cũng không thiếu những kẻ tài sắc kiêm toàn, nhưng bán nghề không phải là nghề nghiệp chủ yếu, chỉ là một cách khêu gợi tình thú mà thôi. Về tình hình hoạt động của họ, *Du ký của Marco Polo* chép:

“Số kỹ nữ công khai bán dâm để sinh sống ở đô thành mới và khu vực gần đó thành cũ đạt tới 25.000 người. Mỗi một trăm người và mỗi một ngàn người đều có một hoạn quan do triều đình đặc phái làm giám đốc, mà số quan viên này đều chịu sự quản hạt của Tổng quản”⁽¹²¹⁾.

“Số phụ nữ làm nghề bán dâm để sống này, ngoài loại ám xướng không ai biết được thì không cho kinh doanh trong thành trấn, toàn bộ đều bị hạn chế ở ngoại ô... Ở đó có 25.000 kỹ nữ. Vô số thương nhân và lữ khách khác bị kinh đô thu hút, không ngừng lui lui tới tới, nườm nượp không dứt. Số lượng kỹ nữ đông đúc như vậy vẫn không đủ để thỏa mãn yêu cầu của thương nhân và lữ khách”⁽¹²²⁾.

b. Quan kỹ thời Nguyên. Chế độ quan kỹ thời Nguyên phát triển thêm một bước trên cơ sở thời Tống.

Ban đầu quan kỹ toàn quốc thực hành thống nhất sổ sách, phân cấp quản lý. Tất cả hộ tịch nữ nhặt đều phải báo cáo đầy đủ về Ty Giáo phường, quan kỹ ở kinh sư thì trực tiếp do hoạn quan mà Ty Giáo phường cử ra thống lãnh, quan kỹ địa phương thì do quan lại địa phương quản lý. Kỹ nữ

(121) *Mā khă Ba la du ký*, tập 2, chương 22.

(122) *Nguyên sử*, *Hình pháp chí* nói “Các nhà xưởng kỹ mua con gái nhà lành làm kỹ nữ, mà quan lại không xét, cấp bừa chiêu bài, thuế vụ không có bằng cứ cũng cấp cho giấy đóng thuế, nên nghiêm cấm, người trái lệnh phải bị xử phạt”.

nhập tịch thì do quan hưu ty thẩm xét rồi phát cho văn bằng để làm ăn (tức công cử), nộp thuế theo pháp luật. Lúc nộp thuế cũng phải được quan phủ phát biên lai, để tiện tra xét⁽¹²³⁾. Loại chế độ Hoa quyền này đã duy trì được nhân số trong nhac tịch tương đối ổn định, làm tăng nguồn thu nhập tài chính của quốc gia, lại có lợi ở chỗ hạn chế được quan viên địa phương tùy ý cho dân làm kỵ nữ hoặc cho kỵ nữ hoàn lương.

Thứ nữa, về phương thức kinh doanh thì theo Chế độ nghĩa vụ và Chế độ mua bán⁽¹²⁴⁾. Cái gọi là Chế độ nghĩa vụ là chỉ việc quan kỵ phải vâng lệnh gọi tới công thự vô điều kiện để Thùa ứng theo phiên (Đương phiên thừa ứng, còn gọi là Ứng quan thân). Như quan kỵ ở kinh có hai cách thức Thùa ứng theo phiên: một là tham gia các loại hoạt động diễn lê ăn mừng của quan lại, biểu diễn ca múa, tức “Giáo phuường thừa ứng”. Chu Túc trong *Nguyên cung từ* nói “Niên niên chính đán tương triều hội” (Hàng năm mồng một khi triều hội), “Đan trì đại nhạc liệt ưu linh” (Bệ đỡ ưu linh đứng xếp hàng) “Giang Nam danh kỵ hiệu Xuyên Châm, Cống nhập thiên gia để vạn cảm (kim)” (Giang Nam danh kỵ hiệu Xuyên Châm, Dưa cống vào cung giá vạn kim) là chỉ tình hình ấy. Hai là để đón tiếp sứ giả ngoại quốc, “Mỗi khi có sứ giả nước ngoài tới Bắc Kinh, lại có sứ mệnh quan hệ lớn tối lợi ích của Đại hàn, thì theo lệ do hoàng gia chiêu dài. Để biểu thị thịnh tình khoản đãi khách nước ngoài, đặc biệt sai Tổng quản cấp cho mỗi người trong sứ bộ mỗi đêm một kỵ nữ hạng sang, mỗi đêm đổi một người. Các kỵ nữ cũng coi việc sai dịch ấy là nghĩa vụ phải hết lòng với hoàng đế, nên không nhận bất cứ khoản thù lao nào”⁽¹²⁵⁾.

(123) Xem thêm Vũ Chu Trung Quốc kỵ nữ sinh hoạt sứ, tr. 103.

(124) *Mã khă Ba la du ký*, tập 2, chương 11.

(125) Vương Ân, *Thu Động tập*.

Tới như quan kỵ ở địa phương đương phiên thừa ứng thì cũng như thời Tống, chí hạn chế trong việc ca múa mời rượu, không cho hiến thân với quan lại, cũng không cho quan lại ép kỵ nữ ngũ hầu. Nhưng hiện tượng quan lại quyền quý bức ép kỵ nữ ngũ hầu vào thời Nguyên vô cùng phổ biến. *Nguyên dién chương* chép “Quan lại nhà giàu bỏ ra món tiền không xót, mua thú vui không muộn, cưỡng ép các phụ nữ nổi tiếng ca hay múa giỏi biết trang điểm còn trẻ tuổi có thể thừa ứng, ngầm tạo ra chúng cờ mai mối, cưới họ làm thê thiếp”. Đối với quan kỵ địa phương thì Ứng quan thân là chức trách hàng đầu của họ, phàm quan lại có nhu cầu thì phải gọi tới là tới, kể nào dám cưỡng lệnh hay chậm trễ đều bị xử phạt.

Vì quan lại có quyền tự do gọi kỵ nữ, nên số người được gọi là “Thượng sảnh hàng thủ”, tài sắc siêu quần rủi ro hơn rất nhiều so với những quan kỵ khác, họ thường vì nổi tiếng bên ngoài, “được các nhà giàu mời tới, trình tài khéo mà giúp cuộc vui, không ngày nào được rảnh rỗi”⁽¹²⁶⁾, tóm lại là mệt mỏi trong việc ứng thù, vất vả trong việc hầu hạ, cực khổ không sao nói xiết. Như vở tạp kịch *Tạ Thiên Hương* của Quan Hán Khanh “Bạn tôi biết đàn hát, hàng ngày phải Ứng quan thân, người không biết đàn hát thì được tự tại. Tôi giận mấy vị Lệnh sứ ở bộ Lê, họ đều nắm vận mạng của tôi, trước hết xóa tên những người không biết đàn hát, nếu sớm biết thế này tôi đã làm Nao nhi cảm”. Cái gọi là Chế độ mua bán là chỉ quan kỵ đem thân xác ra bán cho những khách chơi không phải quan lại để thu tiền, về tính chất không khác gì **thị kỵ**.

c. *Gia kỵ thời Nguyên*. Gia kỵ thời Nguyên kém xa thời Tống, đã hiện rõ xu thế suy giảm mau lẹ. Tuy vẫn có hiện tượng một số quan lại sĩ đại phu nuôi dưỡng gia kỵ,

(126) Tạ Triệu Chiết, *Ngũ tạp trớ*, quyển 8, Nhân bộ tú.

nhưng đã không còn số lượng và quy mô như thời Đường Tống, cũng không còn phổ biến như thời Đường Tống. Sự xuất hiện của hiện tượng này có liên quan chặt chẽ với việc hàng hóa hóa nghề kỹ nữ và tình trạng quan kĩ thịnh hành. Ngoài ra gia kĩ thời Nguyên cũng thiếu mất tài nghệ thơ rượu, sự lăng漫 tình thú ca múa truyền tinh của gia kĩ thời Đường Tống, họ hoàn toàn trở thành công cụ thỏa mãn xác thịt của quý tộc sĩ đại phu, chỉ làm việc hầu hạ chăn gối mà thôi. Như *Ngọc chí đường đàm cối quyền* 3 chép đại thần Yên Thiếp Mộc Nhi thường “Chọn mỳ cơ da thịt mềm mại ấm áp trẻ tuổi hầu hạ chăn gối, gọi là Chiếu thịt thơm (Hương cơ tịch). Son hồng phấn trắng la liệt hai bên, tùy lúc lựa chọn, tha hồ say hoa luyến ngọc”.

IV. SỰ THỊNH VƯỢNG CỦA NGHỀ KỸ NỮ

1. Nghề kỹ nữ thời Minh

Nghề kỹ nữ ở Trung Quốc thời Minh Thanh phát triển tới mức cực thịnh, mà thời Minh lại càng là đăng phong tháo cực. Tạ Triệu Chiết thời Minh trong *Ngũ tạp trù* nói “Hiện nay kỹ nữ đầy rẫy thiên hạ, ở các đô hội lớn có tới hàng ngàn hàng vạn, còn ở các châu nhỏ huyện xa thường thường cũng có. Suốt ngày dựa cửa đón khách, bán dâm để sống, sinh kế tới mức ấy, kẽ cũng đáng thương! Mà giáo phường ở kinh sư thì quan thu tiền thuế, gọi là thuế phấn son. Ở các quận huyện thì là Nhạc hộ, chỉ nghe lệnh sai sứ mà thôi. Thời Đường Tống dùng quan kĩ hầu rượu, thời quốc sơ cũng theo đó. Đến đầu đời Tuyên Đức mới bắt đầu cấm, nhưng những người tấn thân ở nhà thì bất kể. Cho nên tuy là công đình ở nơi xa xôi, cũng thường tràn ngập nơi tường cõng. Lại có loại không lệ thuộc vào quan, bán dâm ở nhà,

tục gọi là Tư oa tử, nhiều không kể xiết”⁽¹²⁷⁾. Từ đó có thể thấy thời Minh là thời kỳ cực thịnh của quan kỵ và tư kỵ.

Từ địa khu mà bàn, thì kỵ nữ thời Minh có Nam Bắc hai kinh là thịnh nhất. Theo Lâm Hy Nguyên đời Gia Tĩnh nói, “Hiện nay số Cửu nhai (Kỵ nữ) ở hai kinh có tới hàng vạn” (128). Kỵ nữ Bắc Kinh đầy rẫy khắp thành, “Kỵ nữ phần lớn là con nhà lương gia”⁽¹²⁸⁾. *Tân dô mai sử* miêu tả “Giai nhân đất Yên Triệu, mặt đẹp như ngọc, từ xưa đã xinh đẹp. Dận đế đóng đô ở Kiến Đinh, đến nay thịnh vượng, mà phong khí người phương nam lại xen lẫn vào, về sự xinh đẹp làm người ta kinh ngạc không còn gì phải nghi ngờ. Từ năm Đinh dậu đời Vạn Lịch (Vạn Lịch thứ 25) đến năm Canh tý (Vạn Lịch thứ 28), lại càng quá hơn”. Nhưng so với Nam Kinh thì kỵ nữ Bắc Kinh vẫn kém xa. *Yên Kinh tạp ký* nói “Kỵ nữ ở kinh sư tuy đông nhưng so với Ngô Môn, Bạch Hà thì không sao bằng được”, đó là những ghi chép chân thực về lịch sử đương thời.

Nam Kinh từ thời Lục triều đã có tiếng “Bắc địa yên chi, Nam triều kim phấn” (Son đất Bắc, phấn triều Nam), đến đầu thời Minh, Chu Nguyên Chương lại xây dựng mười sáu tòa quan kỵ Khinh Yên Đạm Phấn để tiếp đón tân khách, phong lưu đứng đầu một thời⁽¹²⁹⁾. Từ giữa thời Minh

(127) Lâm Hy Nguyên, *Lâm Thủ Nhại tiên sinh văn tập*, quyển 2, *Vương chính phụ ngôn sớ*.

(128) Ta Triệu Chiết, *Ngũ tạp trù*, quyển 3 *Địa bộ nhất*.

(129) Như Tào Đại Chương trong *Tân Hoài sĩ nữ biểu* viết “Thời quốc sơ nữ kỵ còn lệ vào nhạc quan. Những quan lại sĩ đại phu, không thôi yến tiệc. Sau khi bị cách chức, lệnh cấm rất nghiêm. Dương thời phấn son đậm nhạt, uyên ương phì thúy, hai mươi bốn lầu, bày ra ở tầng ngoài, không ai ghi lại cảnh đẹp. Về sau lại phá hủy, chỉ còn sáu viện. Gọi là xinh đẹp, thì chỉ có Cựu viện mà thôi”. Lại như Dư Hoài trong *Bản Kiều tạp ký* nói “Đầu đời Hồng Vũ, xây mươi sáu lầu quan kỵ như Đạm Yên, Khinh Phấn, Trùng Dịch, Lai Tân, được khen là việc hay một thời. Thời thế thay đổi

trở đi, Nam Kinh càng trở thành trung tâm của nghề kỹ nữ trên toàn quốc. Người đương thời là Tiền Khiêm Ích viết trong bài *Kim Lăng xã tịch thi tự* "Thiên hạ thái bình, kinh thành tráng lệ. Người làm quan khoe chốn Tiên đô, kè du sĩ nhận miền Lạc thổ". Dư Hoài trong *Bản Kiều tạp ký* nói "Kim Lăng là đất đô hội, là nơi phấn son. Lăng tử mê say, thi nhân ngây ngất, lui tới du hý, ngựa như rồng bay, xe như nước chảy. Bên trong thì lâu dài gió trăng, sênh ca nhã nhạc, lại thêm đĩ đục khách chơi, kỹ nữ con hát, kiều my đưa tình, đua nhau tranh cạnh. Ngoài bóng dương xanh, trong hồ ngọc biếc. Sáo thu trỗi diệu, oanh xuân chợt vang. Tuy Tống Quảng Bình lòng như sắt đá, cũng không thể không vì hoa mai mà làm bài phú vậy". Cố Khởi Nguyên ở Nam Kinh lâu ngày cũng nói "Tôi còn nghe trước năm Vạn Lịch thứ 10 trong giáo phường phòng ốc hoa lệ, nhà cửa liền nhau, cơ hồ không còn chỗ hở"⁽¹³⁰⁾. Từ những ghi chép trong sử sách của người đương thời, chúng ta có thể tưởng tượng ra tình trạng thịnh vượng chưa từng có của kỹ nữ ở Nam Kinh.

Ngoài Nam Bắc hai kinh, kỹ nữ các địa phương trong thời Minh cũng rất thịnh vượng, trong đó Bà nương ở Đại Đồng, Sáu mā ở Dương Châu là nổi tiếng nhất.

Đại Đồng là trọng trấn về quân sự ở phương bắc của nhà Minh, nghề kỹ nữ thịnh vượng nổi tiếng trên đời. Thẩm Đức Phù trong *Vạn Lịch dã hoạch biên* viết "Ở các doanh trại kỹ nữ như mây, hơn cả kinh sư". Lại nói "Các Bà nương ở Đại Đồng, Đại Đồng là đất phong của Đại Giản vương, nhặc hộ nhiều gấp mấy lần các phiên trấn khác. Nay trong hoa tịch vẫn còn hai ngàn người. Những kỹ nữ không thuộc ba

lúc phế lúc giữ. Sau trăm năm vết cũ phôi pha, chỉ còn có lầu Nam Thị, Châu Thị và Cựu viện mà thôi. Nam Thị là nơi ở của bọn con hát hạng thấp, Châu Thị thì thẳng hoặc có người xinh đẹp, còn Cựu viện là nơi ở của thương sành hàng thủ".

(130) Cố Khởi Nguyên, *Khách tọa ngao ngữ*, quyển 7, *Nữ tú*.

viện trong ngoài kinh sư đại để đều là người Đại Đồng, tới đó lưu ngụ, chính là cái mà thời cổ gọi là Nhã nhạc trong hém (Lộ kỳ tán nhạc)”.⁽¹³¹⁾ Lại Tạ Triệu Chiết trong *Ngũ tạp trổ* nói “Vùng biên giới như Đại Đồng, về mặt phồn hoa giàu có không kém Giang Nam, mà phụ nữ xinh đẹp, vật dùng phong nhã, các phiến trán ở biên cương đều không bằng được. Đó là vì chợ búa mở ra đã lâu, không trải qua binh lửa. Lời ngạn gọi Thành quách Tô Châu, Giáo phường Tuyên phủ, Bà nương Đại Đồng là tam tuyệt”. Đã thấy kỹ nữ Đại Đồng lấy tướng sĩ ở biên cương làm đối tượng doanh nghiệp đã trở thành một đặc sản lớn của xứ ấy.

Kỹ nữ Dương Châu từ xưa đã nổi tiếng xinh đẹp trên đời. *Ngũ tạp trổ* nói “Duy Dương ở vào khoảng giữa đường từ kinh đô tới biên giới phía nam, sông hồ tươi sáng nên phụ nữ phần nhiều xinh đẹp, mà tính tình mềm mỏng, cứ chì dịu dàng. Vì khí đầm nước nhiều, cũng là khí sông nước ngưng tụ, các nơi khác không sao bằng được. Mà người Dương Châu lại quen lấy đó làm món hàng lạ, mua bán đồng nữ ở các nơi, trang điểm cho đẹp, dạy dỗ các môn thư họa cầm kỳ, để chờ bán với giá cao, gọi là Ngựa gầy (Sáu mã). Chỗ mà người đương thời gọi là Hai mươi bốn cầu trăng gió (Nhị thập tứ kiều phong nguyệt) là nơi kỹ nữ tập trung đông đúc nhất ở Dương Châu. Trương Đại trong *Đào am mộng ức* nói “Hai mươi bốn cầu trăng gió ở Quảng Lăng, ở Hàn Câu vẫn còn ý cũ. Qua khói Thiết Quan Hoành Cảng hơn nửa dặm thì có chín đường hém. Hém vốn có chín nhưng đường bốn phía chung quanh thông vào thì có hàng chục hàng trăm. Cửa hém chật mà quanh co, từng bước đều có phòng ốc chen chúc, danh kỹ và kỹ nữ hạng thấp cư trú xen kẽ. Danh kỹ thì thường không ra gặp khách, nếu không có người đưa đường thì không vào được. Kỹ nữ hạng thấp thì có tới năm sáu trăm

(131) Thẩm Đức Phù, *Vạn Lịch dã họach biên*, quyển 17.

người, chiêu chiêu tẩm rửa xông hương, ra khỏi hém quây quần trước các trà đình túu điểm, gọi là Đứng cửa (Điểm quan). Các trà đình túu điểm ở ven sông có hàng trăm chiếc đèn lồng, các kỹ nữ thấp thoáng trong ánh đèn lúc sáng lúc tắt. Tốt đẹp phô ra, xấu xa đậm lại. Trước đèn dưới trăng, có thể nói một màu trăng có thể che hết trăm vẻ xấu, đó là nhờ son phấn. Khách khứa qua lại như thoi, liếc mắt nhìn xem, có ai vừa ý là bước tới kéo đi. Mà kỹ nữ ấy chợt để lộ thân phận, để khách đi trước, mình thì thong thả đi sau, tới chỗ đầu hẻm có người canh gác, gọi vọng vào trong hẻm: Chị Mồ có khách. Bên trong tiếng dạ ran ran, lập tức thấp đèn duốc lên, tất cả đều rời đi, còn lại chẵng qua chỉ hai ba mươi người. Dần dần tới canh hai, đèn duốc tắt hết, trong quán trà không còn tiếng người. Trà bác sĩ không tiện mời ra, chỉ ngập dài, các kỹ nữ đưa tiền cho Trà bác sĩ mua nến để đợi đến lúc hết khách, hoặc cất tiếng hát các bài từ ngắn như *Tiễn phá ngọc*, hoặc trừng giòn nô đùa, nhưng lúc làm ra vẻ ôn ào náo nhiệt thì giọng nói tiếng cười nghẹn ngào, âm thanh dần dần mang vẻ thê lương. Đến nửa đêm không thể không về, gặp chủ chưa là chịu đói chịu đòn..."¹³². Từ sự miêu tả của Trương Đại, chúng ta không khó tưởng tượng ra tình cảnh thịnh vượng của Ngựa gầy ở Dương Châu. Ở Dương Châu đương thời này sinh nhiều danh kỳ, như Điền hoàng hậu của Sùng Trinh là xuất thân từ Ngựa gầy¹³³.

Ngoài ra trong một số đô thị lớn cũng có kỹ nữ đồng đúc. Như ở Khai Phong từ hàng cơm, quán rượu tới nhà tro

(132) Trương Đại, *Đào Am mộng ức*, quyển 4 *Nhị thập tú kiều phong nguyệt*.

(133) *Tư Lãng điển lê ký* chép "Hoàng Quý phi là con gái Điền Hoàng, sinh ra rất thông tuệ, Hoàng làm Bà tống ở Dương Châu, tìm người giỏi thư họa vẽ dạy dỗ, định già cho nhà thần sỉ làm thiếp, lấy đó làm món hàng lụa. Đến khi được tuyển, được yêu thương nhất hậu cung". Lại nói "Vợ Hoàng là kỹ nữ".

nơi nào cũng có kỹ nữ. Ở các túu lâu tại một dải Chung Cổ lâu trong thành, khách khứa đông đúc, “có kỹ nữ ca hát”, từ Thác Thành túu lâu phía nam tới Đại Sơn hóa diếm, “là nơi ở cửa kỹ nữ”, “về phía nam lại có Tân diếm, là nơi khách buôn ở, kỹ nữ càng đông”, trong các túu diếm phía nam, ngoài các cửa hiệu buôn bán, “trong có ba bốn nhà kỹ nữ”, phía tây đường Bản Quảng Hồ Đồng, “trong quán rượu có hai mươi bảy nhạc hộ”, lại trong Luy Mā đại diếm ở số 350 đường Tây Quan Sương, “bên trong kỹ nữ vô số”⁽¹³⁴⁾. Không chỉ thành thị mà một số thị trấn, bến cảng có kinh tế phát triển, giao thông thuận lợi, khách buôn tụ họp thì nghề kỹ nữ cũng phát đạt như vậy. Ví dụ Ô Trấn ở Hồ Châu, không những “sòng bạc giăng mắc”, mà “kỹ viện đầy đường”⁽¹³⁵⁾, đường sông Tương Dương ở Hồ Quảng “khách buôn bốn phương tụ họp như mây, thuyền kỹ nữ chen chúc trên sông”⁽¹³⁶⁾, mà trong các quán trọ ở châu Thái An, cũng “Khúc viện chen chúc, trong đó đều là kỹ nữ lả loi”⁽¹³⁷⁾.

2. Nghề kỹ nữ thời Thanh

a. *Sự tiêu vong của cung kỹ thời Thanh*. Chế độ cung kỹ đầu thời Thanh nối theo thời Minh. Năm Thuận Trị thứ 1 (1644) đặt ra Ty giáo phường để chưởng quản Nhạc bộ trong cung⁽¹³⁸⁾. Nhưng đến năm Thuận Trị thứ 8, có chiếu định chỉ nữ nhạc trong giáo phường, dùng bốn mươi tám thái giám để thay⁽¹³⁹⁾. Qua bốn năm, tức năm Thuận Trị thứ 12, vua Thuận Trị lại ra lệnh đặt lại nữ nhạc, mươi sáu năm sau lại đổi

(134) Xem thêm *Như mộng lục*, quyển 6, *Nhai thị ký*.

(135) *Hồ Châu phủ chí* đời Đồng Trị, quyển 17, *Dư địa lược*, Công giải.

(136) *Chúc Doãn Minh*, *Tiền văn ký*.

(137) *Trương Đại*, *Đào An mộng ức*, quyển 4, *Thái An châu khách diếm*.

(138) *Khâm định Bát kỳ thông chí*.

(139) *Khang Hy hội diễn*.

dùng thái giám, lại lấy đó làm định chế⁽¹⁴⁰⁾. Cho nên *Ung Chính hội điển* có chép “Thuận Trị năm thứ 16 sau khi cắt bỏ nữ nhạc, Ty giáo phường ở kinh sư hoàn toàn không còn phụ nữ”.

Qua hai lần cải cách ấy, Thanh Thế tông đã tiêu diệt quan kỵ ở kinh đô Bắc Kinh, nhưng quan kỵ ở các địa phương vẫn tồn tại, đặc biệt là ở Sơn Tây và Thiểm Tây.

Quan kỵ ở Sơn Tây và Thiểm Tây, theo sử sách ghi chép, chủ yếu xuất thân từ gia đình các quan lại có tội trong sự kiện quân Tĩnh Nạn thời Minh. Theo truyền thuyết, năm Hồng Vũ thứ 31 (1398) thời Minh, Chu Nguyên Chương chết, vì con trưởng là Chu Tiêu đã bệnh chết năm Hồng Vũ thứ 25, bèn cho Hoàng Thái tôn Chu Doãn Văn nối ngôi, tức vua “Kiến Văn”. Sau khi Chu Doãn Văn tức vị, cảm thấy “Chư vương cậy mình là chú, phần lớn không phục tùng”, bèn hạ lệnh bỏ chế độ phiền vương, dân tối vụ Yên vương Chu Lê dấy quân làm phản, quân Chu Lê đánh vào thành Nam Kinh là kinh đô đương thời, thẳng tay tàn sát các quan viên văn võ giúp đỡ Kiến Văn để mà không chịu theo mình, lại dày gia thuộc của họ ra một dải Sơn Tây, Thiểm Tây, biên làm Nhạc hộ, đời này qua đời khác không được làm lương dân, con cháu lấy vợ sinh con cũng bị ép làm kỵ nữ, vĩnh viễn làm nghề hèn hạ⁽¹⁴¹⁾. *Tháp huyền chí* đời Khang Hy, quyển 14 nói “Nhạc hộ ở đất Tấn không biết bắt đầu từ lúc nào. Có người nói thời Minh đặt vương phủ, về sau chia ra ở các nơi, đến nay vẫn không đổi nghề”. Cái gọi là “Nhạc hộ ở đất Tấn” ở

(140) *Hoàng triều thông khảo*, *Nhạc khảo* nói “Năm Thuận Trị thứ 12 vẫn đặt ra nữ nhạc, từ năm thứ 16 trở đi đổi dùng thái giám, lấy đó làm lệ”. Lại như *Thanh triều văn hiến thông khảo*, quyển 174 viết năm Thuận Trị thứ 16 “Định chỉ việc phụ nữ trong Ty Giáo phường vào cung ứng thừa, mà dùng bốn mươi tám nội giám trong cung”.

(141) (142) *Hoàng triều văn hiến thông khảo*, quyển 3.

dây chính là xuất phát từ đó. Theo truyền thuyết, đương thời những người bị biến tên làm Nhạc hộ, số mục cực lớn, đến đời Khang Hy ở Sơn Tây đã có tới “mấy ngàn nhà”^[142]. Địa vị của họ cực thấp, bị coi là “vô cùng hèn hạ”, không được coi như thường dân.

Ngoài ra quan kỵ ở vùng Tô Châu từ đời Khang Hy trở về trước cũng tồn tại như thế, mà rất thịnh vượng, hoạt động phồn vinh. Như Vương Sĩ Trinh trong *Hương Tố* bút ký từng chép một điển cố về quan kỵ đương thời ở Dương Châu:

“Lệ cũ ở Dương Châu, quan phủ đón xuân đi ngắm hoa, thì dùng kỵ nữ cưỡi ngựa đi trước kiệu, Thái thú, Tiết thái dùng bốn người, Đồng tri trở xuống dùng hai người. Đến khi đã xong, trở về ăn uống, vẫn sai ca hát hầu rượu, quan viên trong phủ nhân đó lạm dụng, tôi bảo Thái thú dẹp bỏ lệ ấy”.

Vương Sĩ Trinh làm Thôi quan ở Dương Châu năm Thuận Trị thứ 16 (1659), dù thấy đương thời chế độ quan kỵ ở địa phương vẫn còn tồn tại. *Dương Châu họa pháng lục* cũng chứng minh điều này:

“Quan kỵ thời quốc sơ, gọi là Nhạc hộ. Tục ở xứ ấy trước ngày Lập xuân thì đón xuân ở quán Phiên Lý phía đông thành, sai quan kỵ chia nhau xả hỏa, một người làm Xuân mộng bà, hai người làm Xuân thư, một người làm Xuân lại, hai người làm Nha lai, một người làm Xuân quan... Đến đời Khang Hy, bỏ nhạc hộ, không còn quan kỵ nữa, nên lấy những chức sắc trong hội đèn lồng thay vào”.

Việc Khang Hy bỏ nhạc hộ phát sinh năm Khang Hy thứ 12 (1673). “Bộ Lễ bàn định: các tỉnh phủ huyện đón xuân chỉ dùng trống kèn kiệu hoa, diễm kịch, sân khấu biểu diễn bày dàn trống, cẩm cờ xí, còn việc sai con hát dàn đầu xe

kiệu thì nghiêm cấm”⁽¹⁴³⁾. Lại như *Ung Chinh hội diễn* nói “Bộ Lễ dâng nghi thức mùa xuân, năm Khang Hy thứ 12 chuẩn cho tinh phủ huyện châu vào mùa xuân rước trâu đất, bỏ việc sai con hát xướng kỹ đi đầu, nghiêm hành cấm chỉ”. Từ đó trở đi, chế độ quan kỹ từ thời nhà Đường trở đi đã hoàn toàn bị quét sạch. Những ghi chép trong sử sách cũng phản ánh điều này, như Tô Châu “Nghi thức đón xuân: Các quan huyện quanh phủ thành đốc suất ủy nhiệm cho phường giáp, trang điểm để xả hỏa... Nghe nói thời quốc sơ còn dùng con hát, quan kỹ, hiện nay thì sai ăn mày làm thay”⁽¹⁴⁴⁾, dù thấy quan kỹ ở đất ấy từ năm Khang Hy thứ 12 trở đi đã bị tiêu diệt.

Đồng thời với việc thủ tiêu quan kỹ, kẻ thống trị đầu thời Thanh còn hạ lệnh cấm đem con gái nhà lương dân làm kỹ nữ, ví dụ Thuận Trị năm thứ 5 chế định và ban hành *Đại Thanh lục tập giải phụ lệ* nhắc lại điều cấm chỉ lấy con gái nhà lương dân làm kỹ nữ. Năm Thuận Trị thứ 9 Thanh Thế tổ lại ban chiếu cấm đem con gái nhà lương dân làm kỹ nữ. Trần Thượng Dụ trong *Thế Văn lâu tạp ký* nói “Năm Nhâm thìn niên hiệu Thuận Trị (Thuận Trị năm thứ 9) cấm con gái nhà lương dân làm kỹ nữ. Vì sau khi loạn lạc con gái nhà lương dân bị bắt, lưu lạc vào Nhạc hộ, nên Thế tổ đặc biệt có lệnh này. Những người không may rơi vào kỹ viện, cho phép được theo giá chuộc về, người trong kinh ai cũng mừng rỡ”. Đời Khang Hy, lại đem chiếu lệnh cấm “bán con gái nhà lương dân làm kỹ nữ” đưa vào sách *Khâm định Đại Thanh luật lệ*:

“Kẻ nào lén bán con gái nhà lương dân làm kỹ
nữ thì đóng gông ba tháng, đánh một trăm trượng,
bắt khổ sai ba năm. Người biết được mà vẫn mua cũng

(143) *Thanh triều văn hiến thông khảo*, quyển 155, *Nhạc nhất*.

(144) *Thanh gia lục*, quyển 1, *Chinh nguyệt, Hành xuân*.

cùng tội, người trung gian mua bán thì trị tội giảm đi một bậc, người bị bán thì cho về".

Phàm kẻ lanh mua phụ nữ để ép phải bán dâm thủ lợi thì đóng gông làm hiệu lệnh ba tháng, đánh một trăm trượng, đày tới các địa phương xa xôi hẻo lánh như Vân Quy Xuyên Quảng. Nếu không có ý làm gian thủ lợi nhưng không phải do quan giao mà nhận riêng, nuôi phụ nữ trong nhà lâu ngày, quá hạn không bán đi, định chờ được nhiều lãi thì đánh một trăm trượng, quan địa phương không ra sức điều tra bắt bớ thì theo lệ nghị tội.

Phàm bọn vô lại không có hộ khẩu và Sinh viên, Giám sinh, nha dịch binh lính chưa chấp kỹ nữ từ nơi khác tới hay kỳ nữ địa phương, dù dỗ để lừa dối hay nhận tiền bạc của nhà xuong kỹ ấy, đứng ra che chở thì đều đánh một trăm trượng. Sinh viên, Giám sinh thì lột hết áo mào, nha dịch binh lính thì không cho ăn lương làm việc nữa, láng giềng có ai biết mà giấu diếm thì đánh tám mươi trượng. Kẻ nhận tiền bạc trái phép thì xử theo tang vật nhiều hay ít. Quan địa phương phạm tội thất sát thì giao cho bộ theo lệ nghị tội".

Đến đời Ung Chính (1723 - 1735) Thanh Thế tông kế tục chính sách cấm kỹ nữ của tổ tiên. *Ung Chính hội diễn nói*, năm Ung Chính thứ 3 quan Hình bộ tâu "Lệnh cho các tỉnh đều không được giữ nhạc công trong quan nữa". Ngoài ra vua Ung Chính còn dùng một số biện pháp như hạ lệnh phế bỏ chính sách Nợ dân, Đản dân, Cửu tinh ngư thuyền là các tầng lớp hèn hạ nổi dậy làm kỹ nữ của tiền triều để lại, khôi phục cho họ được làm lương dân.

Tháng 3 năm Ung Chính thứ 1 (1723) Ngự sử Niên Hy cho rằng cảnh ngộ của Nhạc hộ "rất đáng thương xót",

dâng sớ đề nghị phế bỏ nhạc tịch, vua Ung Chính cho rằng lời tâu ấy của Niên Hy “rất hay”, bèn hạ lệnh cho Bộ Lễ bàn bạc. Bộ Lễ bàn bạc xong, cho rằng “nên theo lời tâu, ra lệnh cho quan Đốc Phủ các tỉnh Sơn Tây, Thiểm Tây súc cho thuộc hạ làm theo, phải phế bỏ hết” lại đề nghị các tỉnh ngoài Sơn Tây, Thiểm Tây có loại Nhạc hộ ấy phải theo quy định chấp hành. Tháng 4 diều đó được Ung Chính phê chuẩn. Về sau căn cứ vào lời tâu ấy của Bộ Lễ và tờ tâu của Cát Nhĩ Thái xin phế bỏ hạng Nợa dân ở Chiết Giang, bèn định ra diều lệ chung “Nhạc tịch ở các tỉnh, như Nợa dân, Cái hộ ở Chiết Giang, đều sai tra xét gạch tên khôi sổ, đổi nghề nghiệp làm lương dân. Nếu cường hào lưu manh ở các nơi vẫn dè nén lăng nhục như trước, hay kẻ cam lòng làm nghề hèn hạ như cũ, thì theo lệ trị tội. Quan lại địa phương làm việc này bất lực thì cho quan Đốc Phủ tra xét tham hặc, theo lệ xử trị”⁽¹⁴⁵⁾. Quan lại địa phương Sơn Tây cũng theo đó “ra lệnh cho các thuộc viên nghiêm hành cấm chỉ (Nhạc hộ), sai họ đổi nghề, làm lương dân”⁽¹⁴⁶⁾. Lại như *Hoàng triều thông chí*, *Thực hóa lược* nói “Năm Ung Chính thứ 1, ở tỉnh Sơn Tây có Nhạc tịch, ở phủ Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang có Nợa dân, ở phủ Huy Châu tỉnh Giang Nam có Bạn đương, ở phủ Ninh Quốc có Thế bộc, ở hai huyện Thường Thục, Chiêu Văn phủ Tô Châu có Cái hộ, ở Quảng Đông có Dản hộ. Các địa phương coi đó là loại người hèn hạ, không được sánh ngang với lương dân. Hoàng thượng rất thương xót, ra lệnh tiêu trừ hộ tịch, ngang hàng với người thường. Mà Giang Tây, Chiết Giang, Phúc Kiến lại có cái gọi là Bằng dân, Quảng Đông lại có Liêu dân, cũng theo phép Bảo giáp, theo từng hộ mà tra xét”.

Chính sách “bỏ thân phận hèn hạ cho về làm dân” của vua Ung Chính này đương nhiên hợp lòng dân, rất được

(145) *Ung Chính thực lục*, quyển 11 và *Đông hoa lục*, *Ung Chính tam*.

(146) *Phổ chính tạp yếu*, quyển 8 và *Thanh triều văn hiến thông khảo*, quyển 152.

hoan nghênh. *Hoàng triều văn hiến thông khảo*, Vương lê khảo, Thái Lăng Thánh đức thân công bi chép “Từ đầu thời Minh ở Thiệu Hưng có Nọa dân, sau vụ Tịnh Nạn chư thần có người kháng mệnh, con cái phần lớn bị phát phổi lên Sơn Tây làm Nhạc hộ, kéo dài suốt mấy trăm năm, một sớm được gạch tên khỏi sổ về làm lương dân, hôm lệnh ban hành, người ta đều rơi nước mắt”. Đây là lần đầu tiên dùng hình thức pháp luật để phủ định và tiêu diệt chế độ quan kỵ nhạc tịch liên tục được thực thi hơn một ngàn năm, đối với nghề kỵ nữ ở Trung Quốc (đặc biệt là quan kỵ) đã sản sinh một ảnh hưởng sâu sắc.

Nhưng vì kẻ thống trị đầu thời Thanh chỉ bỏ quan kỵ, không cấm tư kỵ, vì vậy điều cấm “bán con gái lương dân làm kỵ nữ” nói trên và chính sách phế bỏ nhạc tịch cũng chỉ rơi vào chỗ hình thức mà thôi. Như ở Thiểm Tây năm Khang Hy thứ 30 “Mất mùa rất nặng, trăm họ cùng đường hết cách, phần lớn bán con vào Nhạc hộ để kiếm miếng ăn trước mắt, kéo dài cuộc sống thêm niет ngày”⁽¹⁴⁷⁾. Mà quan lại nhà Thanh đối với điều lệnh “cấm bán con gái lương dân làm kỵ nữ” cũng nhìn mà không thấy, coi đó như một tờ giấy viết chui suông. Thẩm Gia Bản trong *Cấm cách mại mai nhân khẩu biến thông cựu lệ nghi* nói “Quan lại coi đó như tờ giấy lộn. Việc bán con gái lương dân làm kỵ nữ thỉnh thoảng lại xảy ra... cũng chưa nghe nói quan lại có hành động gì”⁽¹⁴⁸⁾. Pháp lệnh phế bỏ nhạc tịch của vua Ung Chính cũng không thấy có bao nhiêu hiệu quả thực tế, như Dời Bàn trong *Tây Chiết hoạn du kỵ lược* nói:

“Ngư khóa ở Kiến Đức Nghiêm quận bắt đầu từ đời Hồng Vũ nhà Minh. Chín họ Trần, Tiền, Lâm, Lý, Viên, Tôn, Triệu, Hứa, Hà, tương truyền là hậu duệ

(147) Lý Trung Phu, *Thiết Văn Trai văn tập*, quyển 19, *Dữ Bố Phủ dài*.

(148) Thẩm Gia Bản, *Ký Di tiên sinh di thư*, *Ký Di văn tồn*, quyển 1.

của Trần Hữu Lượng chống nhà Minh và con cháu thuộc hạ, bị biến làm dân trên thuyền, sai làm việc phục dịch hèn hạ, không khác gì giáo phường, những người ấy trên thuyền đều học tập âm nhạc ca hát, để mời rượu hẫu ngũ. Tiếng là quyến thuộc, nhưng thật là quan kỵ. Ngày tháng lâu xa, tên tuổi của những người trong chín họ đã khó khảo xét được hết, đến nay thuyền ấy có tên là thuyền Giang Sơn. Từ sông Tiền Đường tới Cù Cháu là đường sông thông đi tám tỉnh, dám thương nhân giàu có không phải thuyền ấy thì không đi, những nhà quan lại cũng thế, mê đắm chơi bời không chịu tĩnh ngộ, tổn kém tiền bạc, thật không biết bao nhiêu mà kể. Trong đời Đạo Quang, Hàm Phong, vẫn còn hơn một ngàn hộ, thuyền lấy tiếng là hẫu quan, quan lại đã đánh thuế thì sẽ có cái thế không sao cấm được”.

Từ đó có thể thấy, cho dù kẻ thống trị trừ bỏ nhạc tịch cho họ, nhưng vì không thu xếp được lối thoát cho họ sinh sống sau khi hoàn lương, phá bỏ tận gốc điều kiện xã hội của việc nảy sinh kỹ nữ, nên đại đa số trong bọn họ vì bị sinh kế bức bách lại chỉ đành trở lại nghề cũ.

b. Sự thịnh vượng của tư kỹ thời Thanh. Chế độ xướng kỹ thời Thanh nổi theo thời Minh nhưng có sự phát triển, kỹ nữ đã hoàn toàn từ chỗ chủ yếu là bán nghề chuyển qua bán thân xác, cảnh tượng kỹ nữ suốt ngày gảy đàn thổi sáo, ngâm xướng ca vịnh đã hoàn toàn không còn, kỹ viện thực sự trở thành hình ảnh thu nhỏ của một xã hội đèn tối hủ bại.

Thời Thanh, tuy chế độ quan kỹ đã bị tiêu diệt, nhưng tư kỹ lại thừa cơ phát triển mạnh, bộc lộ một cảnh tượng vô cùng phồn vinh thịnh vượng. Các thành phố ở Nam Kinh, Dương Châu, Tô Châu, Hàng Châu, Quảng Châu là khu vực phát đạt nhất của nghề kỹ nữ trên toàn quốc.

Nam Kinh từ trước đã nổi tiếng phong lưu, đến thời Thanh lại càng như thế. Châu Tuyền cư sĩ trong *Tục Bản Kiều* tóm ý chép:

“Nghe các bậc phụ lão ở Kim Lăng nói: Hà phòng trên sông Tần Hoài trước nay là nhà ở của kỹ nữ, bấm đốt ngón tay mà tính chẳng qua chỉ có vài nhà, cũng ít khi thấy mở tiệc dãi khách. Nhưng trong mươi năm nay cửa cửa là hoa, nhà nhà tựa ngọc, chơi bời không ngày nào vắng. Mùa hè hai năm Bính thân Đinh đậu (Càn Long năm thứ 41, 42) lại còn quá hơn. Từ cầu Nam Môn tới cửa Đông Thủy, đèn lửa du thuyền nối đuôi nhau như đàn kiến không ngớt. Trên dưới Hà phòng đèn được sáng rực như ban ngày. Các nhà danh kỹ mở tiệc lớn từ trưa đến khuya, khách khứa đầy tiệc, rượu trong chén không bao giờ cạn. Đại khái một ngày cũng phải tốn tới ngàn vàng. Đúng là ao chàm phong lưu, lâu đài trăng gió”.

Dương Châu trong lịch sử cũng là nơi nổi tiếng về thanh sắc, đến thời Thanh thì sơn phấn thịnh vượng vẫn không kém gì thời Đường, về địa vị so với kỹ nữ Tần Hoài khó phân hơn kém. Ngô Lan Tư trong *Dương Châu cổ xưa từ tự nói*:

“Các thành trong quận, kỹ viện giảng măc, hàng đêm có mấy vạn ngọn đèn lồng, sơn phấn lụa là đứng đầu thiên hạ”.

Nghề kỹ nữ ở Quảng Châu, từ xưa đã nổi tiếng thịnh vượng. Đến thời Thanh lại càng trở thành “yên nguyệt chi tác phường”. Sử gia Triệu Dực thời Thanh trong *Thiền năng tạp ký* quyển 4 chép:

“Đản thuyền ở Châu Giang Quảng Châu không dưới bảy tám ngàn chiếc, đều buôn hương bán phấn để sống, rất khó ngăn cấm. Dân hộ vốn làm nghề

đánh cá ngoài biển, có thể xuống nước phóng lao giết cá lớn, tục lệ của họ là không sống trên đất liền. Kê buôn hương bán phấn sinh sống cũng lấy thuyền làm nhà nên có tên gọi ấy, chứ thật ra thì không phải là Đản hộ. Châu Giang rất rộng, Đản thuyền tụ họp dài bảy tám dặm, la liệt mấy mươi lốp, đều là thuyền gỗ lớn, tuy sóng to gió lớn cũng không động, giữa có thủy nhai, mấy trăm thuyền nhỏ đi lại trong đó. Khách lên Đản thuyền đều dùng thuyền nhỏ chở ra. Đản nữ đều do chủ chưa mua làm con, năm mười ba mười bốn tuổi sai ra tiếp khách, quả thật ít có người đẹp. Sáng ra vê mặt vàng vọt, son phấn xong uống rượu mới hơi hồng. Bảy tám ngàn thuyền, ngày nào cũng có khách. Thuyền nhỏ đi lại trong thủy nhai bán bánh trái vật dùng, suốt đêm không ngớt”.

Ngoài Nam Kinh, Dương Châu, Quảng Châu, thì Bắc Kinh, Phúc Châu, Triều Châu, Ninh Ba cũng có nghề kỹ nữ phát triển. Như ở Bắc Kinh, *Thanh bị loại sao* nói “Từ đời Đạo Quang trở về trước, ở kinh sư rất trọng Tượng cô, rất ít có kỹ viện. Ở Kim Ngưu trì, là nơi xe kiệu tụ họp. Đời Hàm Phong phong khí kỹ nữ lan rộng, ở Yên Chi Hồ Đồng, Thạch Đầu Hồ Đồng, nhà treo đèn lồng, cửa dán thiếp đỏ, mỗi khi đến ngày tép thì xe kiệu nườm nượp, du khách như mây, tiếng gọi rượu mời khách râm ran, ầm ī suốt đêm. Sĩ đại phu học nhau thành thói, coi đó là chuyện bình thường. Thân bại danh liệt cũng có thể nhờ đó mà được làm quan”. Như ở Ninh Ba, sách *Thập châu xuân ngữ* của Tam Thạch Sinh chép “Thông Giang là đường giao thông thuận tiện, hàng này ra vào có tới hàng vạn người. Các thương nhân giàu có, phần lớn đều mượn giáo phường khúc viện làm nơi yến ẩm giao dịch. Ruổi xe sáng ghé, cầm đèn chơi đêm, cây có bạc tiền mặc sức hưởng lạc. Vì thế nên cờ phong lưu cẩm khắp phố phường, không sao ngăn cấm”.

Đến thời cận đại, nghề kỹ nữ ở Thượng Hải đột nhiên quật khởi trở thành trung tâm của toàn quốc. Vương Thảo trong *Tùng Tân tỏa thoại* nói:

“Đất Hộ là chốn phồn hoa, ở một dải vòng đua **ngựa** ngoài thành lâu gác lối nhố, san sát nối nhau, **không** đâu không phải là nhà dương liễu, viện tỳ bà. **Mỗi** khi đến lúc nắng nhạt chiều tà điểm trang đã **xong**, xe như nước, ngựa như rồng, dạo chơi ở khu **Thân Viên** Tây Viên. Xa xa đèn đuốc như sao, tiếng ca như sấm, rượu thịt thơm lừng, xạ lan sức nức. Lúc bấy giờ còn gì vui hơn. Trong đó lụa là thành đội, son phấn như mây, không ai không hết sức lá lơi, đua **nhanh** **nóng** nịu, đều tự cho rằng mình là gai nhân **tuyệt** **thế**, mỹ nữ khuynh thành. Nhưng tính lại thì **những** **kẻ** **chơi** bời nổi tiếng, vốn không biết là mình **tầm** **thường** tới mức nào”⁽¹⁴⁹⁾.

Ngọc Chẩm Sinh trong *Hải tuu đả du lục* nói:

“Đất Hộ ở một góc, tươi đẹp phồn hoa, đứng **dầu** **thiên** **hạ**. Chung quanh giáp với tám tỉnh, ngoài biển có mười bảy nước, đều tụ họp ở đó. Tuy trong **mười** **năm** nay mấy lần hưng suy, nhưng vẫn giữ được **vẻ** **phồn** **hoa**, **mỗi** **ngày** một thêm hưng thịnh. Hoa là **thế** **giới**, trắng ấy lâu dài, xe hương ngựa quý, ngoài cửa bụi bay. Đàm sáo ngân nga, xuân tràn trên tiệc, **tân** **khách** **yến** **ẩm**, vui vẻ suốt đêm. Từ trong tới ngoài **thành**, **kỹ** **viện** **càng** **đông**. Dời núi gò làm hoa ốc, lấp **bãi** **đất** **làm** **thị** **trấn**, năm tháng dần trôi, bể dâu mấy **độ**, mà **thế** **đạo** nhân tâm ngày càng sa sút. Từ năm **Quý** **sửu** (Hàm Phong năm thứ 3) trở về trước, kỹ viện **đều** **ở** **trong** **thành**, từ năm Quý sửu trở đi dần dời ra **ngoài** **thành** **xây** **đựng** quanh Mã Thành, ngày càng

(149) Vương Thảo, *Tùng Tân tỏa thoại*, quyển 7, Đàm diêm thượng.

dày đặc, lầu cao gác rộng, xán lạn nguy nga, lại được danh hoa điểm xuyết vào thêm, vì thế kẻ lui tới nườm nướp. Khoảng các năm Canh Tân, Giang Chiết bị hâm, sỉ nữ từ bốn phương đổ tới đông nghẹt, lại làm thành đô hội trăm dặm”.

V. Sự suy vong của nghề kỹ nữ

1. Nghề kỹ nữ thời Dân quốc

Nghề kỹ nữ thời Dân quốc so với thời Thanh càng phát triển hơn. Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu đều là nơi đô thị có nghề kỹ nữ phát đạt bậc nhất thế giới. Năm 1917, nhà xã hội học người Anh Bác Nhĩ (S. D. Gamble) từng làm một cuộc điều tra về tỷ lệ kỹ nữ công xướng trên số dân ở tám thành phố lớn trên thế giới, kết quả như sau⁽¹⁵⁰⁾:

Thành phố	Tỷ lệ kỹ nữ công xướng trên số dân
London	1: 906
Berlin	1: 582
Paris	1: 481
Chicago	1: 437
Danh cổ ốc	1: 314
Tokyo	1: 277
Bắc Bình	1: 258
Thượng Hải	1: 137

Như thế trong tám thành phố lớn trên thế giới nói trên tỷ lệ kỹ nữ công xướng trên đầu người ở hai thành phố Bắc Bình, Thượng Hải ở Trung Quốc là cao nhất. Ở Thượng Hải cứ 137 người dân thì có một kỹ nữ công xướng, Bắc Bình

(150) Xem thêm Bảo Tô Bảo, *Xướng kỹ vấn đê* (Vấn đề kỹ nữ), Thượng Hải nữ tú thư điểm, 1935, chương 3.

cứ 258 người dân thì có một kỹ nữ công xướng. Nếu còn tính thêm số tư kỹ thì con số lại càng đáng sợ. Theo thống kê, khoảng 1935 kỹ nữ ở Thượng Hải (gồm cả công xướng lẫn tự xướng) chiếm từ 80.000 đến 100.000 trên khoảng 500.000 phụ nữ ở Thượng Hải. Như vậy cứ khoảng trên dưới 20 phụ nữ Thượng Hải thì có một người là kỹ nữ. Bắc Bình hơi kém hơn Thượng Hải, nhưng cứ trong 81 người dân hay 21 phụ nữ thì có một người là kỹ nữ⁽¹⁵¹⁾, tỷ lệ cũng làm người ta phát sợ!

Về tình hình phát triển của kỹ nữ Bắc Bình thời Dân quốc thì *Kinh hoa xuân mộng lục* có ghi chép chi tiết như sau:

“Đô thành xuân sắc, riêng nghiện đào thửa.
Sớm thăng chiêu thua, cõi đời gió thổi. Nay ở đầm
Hàn Hà, ngõ Thiểm Tây đều là động tư xướng. Sau
khi thay đổi triều đại, mây tan gió nổi, trở thành đô
thành, vì thế kỹ viện hưng thịnh, tổ thơm chót vót.
Giai nhân nam quốc hâm mộ phong hoa thủ đô, nối
nhau tới ở. Gái Ngô Việt xinh đẹp, trên đường Trường
An khoe sắc khoe hương. Khảo tới nguyên do thì bắt
đầu từ Trại Kim Hoa hai mươi năm trước... Lúc bấy
giờ kỹ nữ phương nam gốc rễ chưa vững, chỉ ở hẻm Lý
Thiết Quải, Yên Chi Hồ Đồng. Đường quanh ngõ hẹp,
địa thế khó khăn. Đầm Hàn Hà về phía đông Bách
Thuận Hồ Đồng, hầu như đều là căn cứ của kỹ nữ
phương bắc, ranh giới rõ ràng không thể xâm phạm.
Nhưng thế đã dấy lên, người tới càng nhiều... Các Thư
ngụ ở phương nam, ngàn dặm cỏ bồng tụ họp. Mà
người phương bắc cũng thích dáng vẻ tha thướt dịu
dàng của họ, so với vẻ đẹp khỏe mạnh chất phác của
kỹ nữ địa phương thì đáng yêu hơn nhiều... Về sau kỹ

(151) Quách Châm Nhất, *Trung Quốc phụ nữ vấn đề* (Vấn đề phụ nữ ở Trung Quốc), tr. 133.

nữ phương nam lấn dần, kỹ nữ phương bắc chịu kém. Dần dà đến nay thì đầm Hàn Hà đã không còn đất cho kỹ nữ phương bắc đặt chân, Bách Thuận Hồ Đồng, hẻm Thiểm Tây cũng là kỹ nữ phương nam chiếm ưu thế. Duy chỉ còn vài nhà chỗ đường Vương Quán Phúc là còn kỹ nữ phương bắc ở. Như Thạch Đầu Hồ Đồng vốn dày đặc kỹ nữ phương bắc cũng đã thành nơi có người ngáy bên giường mình nằm, khách mạnh lấn chủ kề cũng lạ lùng”.

Thời kỳ cực thịnh của kỹ nữ ở Bắc Kinh là vào khoảng Dân quốc năm thứ 6 thứ 7. Theo thống kê năm 1917 Bắc Kinh có 460 kỹ viện, 3.869 kỹ nữ, trong đó kỹ nữ hạng sang có 781 người, kỹ nữ hạng hai có 986 người, kỹ nữ hạng ba có 1.814 người, kỹ nữ hạng tư có 308 người. Nếu tính thêm 7.000 kỹ nữ tư xưởng thì tổng số kỹ nữ ở Bắc Kinh có khoảng trên dưới 11.000 người. Lúc bấy giờ Bắc Kinh là trung tâm chính trị của toàn quốc, chính khách kéo về như mây nên nghề kỹ nữ cũng hưng thịnh dị thường. Đến năm Dân quốc thứ 16 dời thủ đô về nam, nghề kỹ nữ ở Bắc Kinh cũng sụt giảm đi. Đến ngày 21. 11. 1949 chính quyền nhân dân thành phố Bắc Kinh đóng cửa các kỹ viện, chỉ còn có 224 kỹ viện, 1.316 kỹ nữ⁽¹⁵²⁾.

Thời Dân quốc nghề kỹ nữ ở Thượng Hải thịnh vượng nhất vào lúc Thượng Hải bị quân Nhật chiếm đóng. Theo *Niên báo* năm 1942 của chính quyền xâm lược, năm ấy kỹ viện Thượng Hải (công xưởng) có hơn 3.900 nhà, nếu tính mỗi nhà có từ 8 tới 10 kỹ nữ thì tổng số kỹ nữ có trên 30.000 người. Về việc này tờ *Thượng Hải thị đại quan* ra ngày 1. 1.

(152) Xem thêm *Thân báo niên giám*, Cam Bổ Nhì, *Bắc Bình xưởng kỹ điều tra* (Điều tra về kỹ nữ ở Bắc Bình), Quách Châm Nhất, *Trung Quốc phụ nữ vấn đề và Bắc Kinh phong bế kỹ viện kỹ thực* (Ghi chép về việc đóng cửa kỹ viện ở Bắc Kinh), Trung Quốc Hòa bình xuất bản xã, 1988.

1948 cho biết “Trăng gió vùng Tân Hộ nổi tiếng thiên hạ, kỵ nữ ở thanh lâu trẻ trung xinh đẹp, đôi mắt mờ màng, nhiều không kẽ xiết... Thượng Hải từ dời Đồng Trị Đạo Quang nhà Thanh trở đi, kỵ viện hùng thịnh đứng đầu Giang Nam, đường lớn lâu xanh, rèm buông viện đóng, ca vang một khúc, tiền phấn mười ngàn, nuôi thành phong tục xa hoa một thời, trở thành thói quen xa xỉ ngày nay”.

Nghề kỵ nữ ở Hán Khẩu, Quảng Châu, Nam Kinh, Cáp Nhĩ Tân cũng rất phát triển. Kim Trọng Hoa trong quyển *Phụ nữ vấn đề dịch các phương diện* (Các phương diện của vấn đề phụ nữ) do Khai Minh thư điểm xuất bản tháng 6. 1934 nói “Hiện tại trong các thành thị ở nước ta có rất nhiều kỵ nữ, đó là một sự thật không cần che giấu. Ở những nơi thực hiện lệnh cấm thì tư xướng đặc biệt đông, ở những nơi nới lỏng lệnh cấm thì công xướng tư xướng cùng đông, mà ngoài công xướng tư xướng còn có rất nhiều hình thức mại dâm biến tướng và nhiều phụ nữ lấy việc bán dâm làm nghề phụ, thống kê cũng có thể thấy là một con số rất lớn. Ví dụ chỉ lấy số công xướng tư xướng mà nói, thì theo ước tính mới nhất gần đây, ở Thượng Hải đã có từ 60.000 tới 100.000, Nam Kinh có khoảng 3.000 kỵ nữ tư xướng, Bắc Bình có 2.000 kỵ nữ công xướng, số kỵ nữ công xướng ở Hán Khẩu là 1.735 người, mà tư xướng ở hai nơi ấy còn đông gấp mấy lần công xướng, còn các thành thị lớn nhỏ khác đều có khoảng trên dưới 1.000 kỵ nữ cả công xướng lẫn tư xướng”. Trên thực tế căn cứ vào một số điều tra của các học giả thì có thành thị số kỵ nữ vượt xa những con số ấy. Như từ tháng 10. 1919 trở về trước số kỵ nữ ở Hán Khẩu có khoảng 10.500 người (trong đó công xướng 2.533, tư xướng khoảng 8.000)⁽¹⁵³⁾, năm 1926 số kỵ nữ ở Quảng Châu có khoảng 4.000 (trong đó công xướng 1.362, tư xướng khoảng hơn 2.600)⁽¹⁵⁴⁾.

(153) (154) Quách Châm Nhất, *Trung Quốc phụ nữ vấn đề*, tr. 129-130.

2. Sự hưng khởi của cuộc vận động phế xướng hiện đại

Cuộc vận động phế xướng bắt đầu từ thời kỳ phong trào văn hóa mới. Trong phong trào này, mọi người lấy việc thảo luận vấn đề trinh tiết của phụ nữ làm then chốt, đề ra vấn đề phế xướng. Kể đó, năm 1918 tờ *Đại lục báo* ở Thượng Hải phát triển thành một loạt bài chuyên luận về tình hình kỹ nữ mắc bệnh hoa liễu, chủ trương đóng cửa kỹ viện, thu hút được sự hưởng ứng rộng rãi của toàn xã hội. Cùng lúc bấy giờ, rất nhiều báo chí cũng đua nhau đăng bài vạch trần sự nguy hại và tội ác của chế độ kỹ nữ. Ngày 27.4.1919, Lý Đại Chiêu có phát biểu bài *Phế xướng vấn đề* (Vấn đề phế xướng) trên *Mỗi chu bình luận*, cho rằng “Đến ngày nay, xã hội loài người vẫn có sự tồn tại của nghề mại dâm, pháp luật của quốc gia vẫn thừa nhận công xướng, đúng là một việc đáng đau xót đáng xấu hổ!”. Sự tồn tại của kỹ nữ, không những “làm mất mát nghiêm trọng nhân cách của phụ nữ trong xã hội”, mà còn “mở đường cho tâm lý coi thường phụ nữ, khinh rẻ phụ nữ của đàn ông”, đó là “điều đại si nhục của giới phụ nữ”. Vì vậy ông cật lực chủ trương phế bỏ chế độ xướng kỹ, lại cho rằng có năm lý do: Một là tôn trọng nhân đạo, hai là tôn trọng đời sống tình dục, ba là bảo vệ sức khỏe chung, bốn là bảo vệ sự tự do nhân thân về mặt pháp luật, năm là bảo vệ địa vị xã hội của phụ nữ. Vậy thì làm thế nào để phế bỏ chế độ xướng kỹ? Lý Đại Chiêu chủ trương:

“Thứ nhất là cấm buôn người, thứ hai là điều tra rõ ràng hộ khẩu của kỹ nữ, không cho tiếp tục gia tăng, ba là bỏ công quỹ ra xây dựng các Viện Cấm hóa lớn, chuyên thu nhận những kỹ nữ rời bỏ kỹ viện, qua một thời gian nhất định giáo dục cho họ nghề nghiệp và tri thức cơ bản cần thiết nhất trong cuộc sống, sau đó sẽ gả chồng cho họ, thứ tư là thực hiện chế độ cưỡng bách giáo dục đối với phụ nữ, vào các trường

học công lập thì nhất loạt không thu học phí. Thật ra đây đều là những phương pháp tiêu chuẩn, những biện pháp giải quyết cơ bản, mà còn không coi việc một bộ phận phụ nữ mại dâm như hiện tượng mà tổ chức xã hội về cơ bản không cải tạo được”.

Bài viết này của ông đã trở thành tài liệu mang tính cương lĩnh cho cuộc vận động phế xướng hiện đại, có ảnh hưởng sâu sắc lâu dài đối với phong trào vận động phế xướng về sau. Nguyệt san *Tân nhân* ra số đầu tiên tháng 4. 1920 trong số thứ 2 đã đăng bài *Thượng Hải dám nghiệp văn để chuyên hiệu*, đề xướng việc xây dựng “Phế xướng đại đồng minh”. Ngày 5. 8 năm ấy, Lý Tam Vô viết bài *Phế xướng vận động quán kiến* đăng trên *Phụ nữ tạp chí* tiến thêm một bước chỉ ra rằng “Nghề mại dâm là do nền kinh tế tư hữu và chủ nghĩa tư bản tạo thành. Vậy thì nếu muốn trừ diệt tầng lớp kỹ nữ mà không tiến hành việc cải tạo xã hội kinh tế tư hữu và tư bản chủ nghĩa thì không sao làm được”. Ông cho rằng “Thế giới văn minh hoàn toàn không đủ làm nguyên nhân phát sinh nghề mại dâm. Nhưng do tổ chức kinh tế đi cùng đường với thế giới văn minh quá nhiều, nên trở thành nguyên nhân chủ yếu của việc nảy sinh nghề mại dâm. Cho nên trong xã hội dân tộc cộng đồng tài sản hay đoàn thể gia tộc thì tuyệt đối không có đất cho nghề mại dâm đáng ghét nảy sinh. Chỉ có điều kiện kinh tế xã hội, tức chế độ tư hữu về ruộng đất, về tư bản vân vân mới có thể khiến nghề mại dâm dần dần phát sinh, cho nên không cải tạo ngay từ gốc rễ thì không được”, nhận thức ấy vô cùng sâu sắc.

Dưới sự đề xướng lãnh đạo của những người như Lý Đại Chiêu, phong trào vận động phế xướng dấy lên mạnh mẽ. Ngày 23. 8. 1922, Nữ quyền Vận động đồng minh hôi thành lập ở Bắc Bình, trong tuyên ngôn của họ đề ra rõ ràng “Cấm chỉ công xướng”. Mùa xuân năm 1923, Dân quyền Vận động nữ giới đại đồng minh ở Tứ Xuyên thành lập, trong thỉnh

nguyên thư mà họ gởi chính phủ có nêu ra yêu cầu “Đề cao nhân cách, Phế xướng kỹ, không cho thu thuế Hoa Quyên”. Ngày 25. 8 cùng năm, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Trung Quốc xã hội chủ nghĩa Thanh niên Đoàn thông qua *Quan vu thanh niên phụ nữ vận động đích quyết án* (Quyết nghị về việc vận động thanh niên phụ nữ) trong đó nêu ra rằng “Mục đích của phong trào phế xướng, nếu không xô đổ chủ nghĩa tư bản thì không được, mà ở Trung Quốc hiện nay, đó là con đường duy nhất đưa tới mục đích tối cao của cuộc cách mạng của quốc dân hiện nay”⁽¹⁵⁵⁾. Ngày 8. 3. 1924, Đại hội kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ ngày 8 tháng 3 lần đầu tiên của phụ nữ Trung Quốc do Hà Hương Ngưng triệu tập ở Quảng Châu đề ra khẩu hiệu “Bãi bỏ chế độ xướng kỹ”. Ngày 18. 5. 1927, Phụ nữ vận động ủy viên hội Bộ chính trị của Bộ nhì lộ quân thành lập ở Thượng Hải, trong tuyên ngôn của họ đề xuất “Thay đổi các chế độ xấu xa như tỳ thiếp kỹ nữ”. Mùa thu năm 1928, Bắc Bình Đặc biệt thị Phụ nữ biện hội thành lập, nêu rõ trong *Công tác kế hoạch đại cương* (Đại cương về kế hoạch công tác) “Về việc tuyên truyền cho phụ nữ sa ngã thì chia làm hai phương diện: 1. Cần phải giải phóng phụ nữ sa ngã, 2. Vấn đề đời sống của phụ nữ sa ngã được giải phóng”. Thiên Tân Đặc biệt thị Phụ nữ biện hội thành lập cùng lúc cũng đề xuất chủ trương phế bỏ chế độ xướng kỹ một cách thiết thực. Năm 1931, đại biểu phụ nữ toàn quốc đề xuất với Quốc dân hội nghị *Nghiêm lê cấm xướng án* (Chủ trương nghiêm cấm nghề xướng kỹ)⁽¹⁵⁶⁾.

(155) *Trung Quốc phụ nữ vận động lịch sử tư liệu (1921 - 1927)* (Tư liệu lịch sử về phong trào phụ nữ ở Trung Quốc 1921 - 1927), tr. 72.

(156) Xem thêm Đàm Xã Anh, *Trung Quốc phụ nữ vận động thông sứ* (Lịch sử phong trào phụ nữ ở Trung Quốc), Phụ nữ Hồng minh xã, 1936, dẫn lại từ Vũ Chu, *Trung Quốc kỹ nữ sinh hoạt sứ*, tr. 301 - 302.

3. Kết thúc của nghề kỹ nữ

Trước và sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã coi vấn đề thủ tiêu nghề mại dâm, giải phóng kỹ nữ là một nội dung quan trọng của việc giải phóng phụ nữ, mau chóng triển khai công tác ngăn cấm việc mại dâm. Ngày 4. 1. 1948 thành phố Thạch Gia trang hạ lệnh đóng cửa kỹ viện, giải phóng 72 kỹ nữ, tháng 7. 1949 thành phố Cát Lâm hạ lệnh đóng cửa kỹ viện, giải phóng 103 kỹ nữ, ngày 21. 11. 1949 thành phố Bắc Kinh trong một đêm đóng cửa toàn bộ kỹ viện giải phóng 1.268 kỹ nữ, ngày 30. 11. 1949 thành phố Phong Phụ đóng cửa 119 kỹ viện, giải phóng 175 kỹ nữ, tháng 12. 1949 thành phố Hàng Châu đóng cửa kỹ viện, giải phóng hơn 600 kỹ nữ, từ cuối 1949 đến đầu 1950 kỹ nữ ở Tô Châu, Nam Kinh, Dương Châu, Trần Giang cũng đều được giải phóng, nối nhau đổi nghề hoàn lương, ngày 26. 6. 1951 thành phố Tây An đóng cửa kỹ viện, giải phóng 1.049 kỹ nữ, ngày 20. 11. 1951 thành phố Nam Thông đóng cửa toàn bộ kỹ viện, ngày 22. 11. 1951, thành phố Thanh Đảo đóng cửa những kỹ viện còn sót, thu dung 296 kỹ nữ, ngày 25. 11. 1951 thành phố Thượng Hải đóng cửa 72 kỹ viện còn sót, giải phóng 501 kỹ nữ, cuối 1951 thành phố Thiên Tân đóng cửa các kỹ viện còn sót, tập trung thu dung kỹ nữ, ngày 11. 9. 1952 thành phố Vũ Hán ra lệnh đóng cửa kỹ viện, thu dung 297 kỹ nữ, từ ngày 25. 11. 1952 đến 1958 thành phố Thượng Hải lại nhiều lần tiến hành ngăn cấm hoạt động mại dâm, trước sau thu dung 7.513 kỹ nữ các loại. Đến đây, chế độ xưởng kỹ và hoạt động mại dâm kéo dài ở Trung Quốc mấy ngàn năm đã cơ bản tuyệt tích trên đại lục, đó là một hành động vĩ đại, làm toàn thế giới phải ngạc nhiên.

Mấy lần vận động phế bỏ xưởng kỹ trước sau ngày dựng nước ấy chủ yếu có hai nội dung: một là tiêu diệt chế độ xưởng kỹ, đóng cửa kỹ viện, giải phóng kỹ nữ, hai là tiến

hành cải tạo và thu xếp cho kỹ nữ, giúp đỡ họ đổi nghề hoàn lương, đổi mới tự lập. Về phương thức tiến hành, thì phần lớn các nơi đều căn cứ vào tình hình cụ thể mà chọn lựa cách thức thích hợp, trong đó có ba cách là lập tức ngăn cấm, từng bước ngăn cấm và liên tục ngăn cấm có ảnh hưởng lớn nhất. Lập tức ngăn cấm thì Bắc Kinh là tiêu biểu, cách làm là đầu tiên do chính quyền làm tốt công tác điều tra và chuẩn bị ngăn cấm, sau đó trong tình hình cực kỳ bí mật, tập trung một số lượng lớn nhân lực, vật lực, tiến hành đóng cửa tất cả các kỹ viện hiện có, bắt giam thẩm vấn Lão bản, Lãnh gia của kỹ viện, thu dung toàn bộ kỹ nữ để tiến hành giáo dục và chữa bệnh. Từng bước ngăn cấm thì Thiên Tân là tiêu biểu, cách làm là đầu tiên do chính quyền tiến hành nhiều biện pháp hạn chế hoạt động của kỹ viện, đồng thời cũng dần dắt kỹ nữ từng bước thay đổi cuộc sống, đến lúc điều kiện đã chín muồi thì ra tay đóng cửa tất cả các kỹ viện còn sót. Liên tục ngăn cấm thì Thượng Hải là tiêu biểu, cách làm là đầu tiên chọn thời cơ phù hợp, liên tục tiến hành hoạt động ngăn cấm tệ nạn mại dâm, vừa thu dung vừa cải tạo, đến khi nào chấm dứt được mới thôi⁽¹⁵⁷⁾.

Chính sách cơ bản trong việc thủ tiêu nghề xướng kỹ, đóng cửa kỹ viện ở các địa phương đều do Đại hội đại biểu nhân dân của thành phố ấy quyết định. Như ngày 21. 11. 1949 Hội nghị Đại biểu Nhân dân các giới lần thứ 2 ở Bắc Kinh thông qua *Quan vu phong bế kỹ viện đích nghị quyết* (Nghị quyết về việc đóng cửa kỹ viện) nội dung chủ yếu như sau:

"Xét kỹ viện là tàn dư của chế độ đà man của kẻ thống trị và bóc lột ngày trước giày vò tinh thần và thân xác kỹ nữ, khinh rẻ nhân cách phụ nữ, làm lây nhiễm các bệnh hoa liễu, gây nguy hại rất lớn đối với sức khỏe quốc dân. Mà

(157) Xem thêm Vũ Chu, *Trung Quốc kỹ nữ sinh hoạt sử*, tr. 350.

Lão bẩn, Lãnh gia của kỹ viện và bọn cho vay lãi lãi lại là tàn dư phong kiến cực kỳ dã man và tàn ác. Nay căn cứ nguyện vọng của nhân dân toàn thành phố, quyết định lập tức đóng cửa tất cả các kỹ viện, tập trung tất cả Lão bẩn, Lãnh gia, chủ chứa để thẩm tra và xử lý, lại tập trung các kỹ nữ để huấn luyện, cải tạo tư tưởng của họ, chữa trị bệnh tật cho họ, người có gia đình có thể về thì đưa về gia đình, có đối tượng kết hôn thì giúp cho kết hôn, người không có nhà mà về, không có chồng mà lấy thì tổ chức cho học nghề, tham gia sản xuất, tịch thu tất cả tài sản của kỹ viện làm chi phí cứu tế cho phụ nữ”.

Chính sách thủ tiêu nghề xướng kỹ ở Tây An, Thượng Hải, Thiên Tân đại khái giống như Bắc Kinh. Chính quyền các nơi ấy chủ yếu dùng hai cách thức để giúp đỡ giải phóng cho kỹ nữ: một là động viên và giúp đỡ kỹ nữ tự động bỏ nghề hoàn lương, một cách là thu dung kỹ nữ vào Viện (Sở) Giáo dưỡng từng bước tiến hành cải tạo và sắp xếp⁽¹⁵⁸⁾. Thông qua việc tẩy nhơ rửa bẩn, tuyệt đại đa số kỹ nữ đã đi vào cuộc sống mới, trở thành những người sống bằng sức lao động của mình.

(158) Xem thêm Vũ Chu, *Trung Quốc kỹ nữ sinh hoạt sử*, tr. 356, Dương Khiết Tăng, Hạ Uyển Nam, *Thượng Hải xướng kỹ cải tạo sĩ tử thoại* (Giai thoại về việc cải tạo kỹ nữ ở Thượng Hải), Cục Công an Bắc Kinh, *Bắc Kinh phong bế kỹ viện kỹ thực* (Ghi chép về việc đóng cửa kỹ viện ở Bắc Kinh).

Chương 2

Nguồn gốc của kỹ nữ

I. Tù nhân

Trong thời đại nô lệ thường phát sinh các cuộc chiến tranh xâm lược, những tù nhân nữ bị bắt trở thành nguồn gốc chủ yếu của kỹ nữ. Sở dĩ như vậy là do điều kiện lịch sử đương thời quyết định. F. Engels từng chỉ rõ: lúc việc thu hút lao động mới trở thành có ích thì “chiến tranh cung cấp nguồn sức lao động mới: tù nhân biến thành nô lệ”⁽¹⁾. K. Marx trong *Tư bản luận* cũng từng nói “Bản thân thị trường nô lệ là dựa vào chiến tranh, việc cướp bóc trên biển không ngừng biến sức lao động thành một loại hàng hóa”⁽²⁾.

Ở Trung Quốc từ thời Hạ Thương hay thậm chí trước đó tù nhân đã trở thành nguồn gốc chủ yếu của kỹ nữ, nên học giới gọi đó là “thời đại kỹ nữ nô lệ”. Sau đó hiện tượng lấy tù nhân làm kỹ nữ tuy dần dần giảm đi, nhưng tù nhân vẫn là một trong những nguồn gốc của cung kỹ, quan kỹ và doanh kỹ.

Kỹ nữ thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều càng có nhiều người có nguồn gốc là tù nhân trong chiến tranh. *Tam quốc*

(1) *Gia đình, tư hữu chế hòa quốc gia đích khởi nguyên* (Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước), Nhân dân xuất bản xã, 1972, quyển 4, tr. 157.

(2) *Mã Khắc Tư, Tư Cách Tư toàn tập* (Marx Engels toàn tập), Nhân dân xuất bản xã, 1972, quyển 2, tr. 539.

chí, quyển 50, *Ngô thư*, *Tôn Sách truyện*, phần chú thích dẫn lại *Giang Biểu truyện* chép lúc Chu Du phá được Hoàn Thành, bắt được “thợ thuyền và nhạc công, bộ khúc của Viên Thuật hơn ba vạn người”, rõ ràng trong số ấy có một bộ phận là kỹ nữ. Lúc nhà Bắc Ngụy diệt nhà Tiền Yên thì “thợ thuyền con hát có hơn mười vạn người, đưa về kinh sư”⁽³⁾, con số tù nhân bị bắt làm kỹ nữ càng lớn ghê người. Mà trong thời kỳ ấy những hiện tượng như thế rất nhiều. Như Thác Bạt Đào vào năm Thái Bình Chân Quân thứ 5 bình định được “dân Bắc bộ”, “giết người đứng đầu, số còn lại dời tới làm Doanh hộ ở ba châu Ký, Tương, Định”⁽⁴⁾, Lý Văn đế vào năm Kiến Hưng thứ 1 (471) trấn áp được “các vụ phản loạn ở hai trấn Ốc Dã, Thống Vạn”, “dời số còn lại tới làm Doanh hộ ở ba châu Ký, Tương, Định”⁽⁵⁾, năm sau Lý Văn đế lại trấn áp vụ mưu phản của Sắc Lặc ở Liên Thuyên, “dời đám đồng đảng tới làm Doanh hộ ở bốn châu Thanh, Từ, Tế, Bao”⁽⁶⁾, lúc Thẩm Khánh trấn áp được người Man, đem số tù nhân là người Man chống đối (Sinh Man), và số người Man đầu hàng (Hàng Man) hơn sáu vạn người, “đều dời về kinh sư làm Doanh hộ”⁽⁷⁾. Số tù binh và tù nhân bị bắt này làm Doanh hộ, thì việc sinh nhai của các phụ nữ trong đó cũng không khác doanh kỹ thời Hán bao nhiêu. Như Hậu Phế đế Lưu Lạp nhà Lưu Tống thường “tư thông với con gái trong Tả vệ doanh Dực liễn”⁽⁸⁾, Úc Lâm vương Tiêu Chiêu Nghiệp nhà Tề lúc ở Tây Châu, “Hàng đêm đều mở cổng sau, cùng bọn tiểu nhân du đãng tới doanh thự yến ẩm chơi gái”⁽⁹⁾.

Nhà Tống vì lực lượng quân sự suy yếu nên cũng ít

(3) *Ngụy thư*, quyển 2, *Thái tổ kỹ*.

(4) *Ngụy thư*, quyển 4, *Thế tổ kỹ ha*.

(5) (6) *Ngụy thư*, quyển 7, *Cao tổ kỹ thương*.

(7) *Tống thư*, quyển 77, *Thẩm Khánh Chi truyện*.

(8) *Tống thư* quyển 9, *Hậu Phế đế kỹ*.

(9) *Nam sử*, quyển 5, *Tề Phế đế Úc Lâm vương kỹ*.

thấy hiện tượng dùng tù nhân làm kỵ nữ. Nhưng trong thời Liêu Kim hiện tượng này lại rất thường thấy. Như *Trung Châu tập* nói “Người Liêu bắt người Trung nguyên và người các nước ở biển Hè Bột chia cho những người thân cận hoặc kẻ có công. Ở hai châu Thái Chí, ít ra cũng hàng trăm người, đều là nô tỳ”. *Tục Văn hiến thông khảo* nói “Theo chế độ nhà Kim thì người Nữ Chân làm Bản hộ, người Hán và người Khiết Đan làm Tạp hộ. Nô tỳ của An mục côn hộ người Minh thì tha làm lương dân, cho lệ thuộc vào Bản bộ làm Chính hộ. Những người không có quan chức lệ thuộc vào cung giám gọi là Giám hộ. Những nô tỳ chưa giao cho quan, do Đại phủ quản lý gọi là Quan hộ. Phàm người Hán người Bột Hải đều không được sung làm Minh an mục côn hộ”.

Thời Nguyên quân thiết kỵ của Mông Cổ dùng vũ lực chinh phục Trung nguyên, chiếm cứ toàn Trung Quốc, số tù nhân người Hán bị bắt làm nô lệ lại càng khiến người ta rùng mình. *Xuyệt canh lục* của Đào Tông Nghi, quyển 17 nói “Hiện nay những kẻ bị các chức sắc người Mông Cổ bắt, đàn ông gọi là nô, đàn bà gọi là tỳ, gọi chung là Khu khẩu. Lúc quốc sơ bình định các nước, hàng ngày cho các nam nữ tù nhân bắt được lấy nhau làm vợ chồng, mà con cháu sinh ra vĩnh viễn làm nô tỳ. Lại có kẻ gọi là Hồng Khiết Đan, là do vua Nguyên chuyên bán cho người khác. Lập khoán ước mà đóng thuế là những kẻ đó... Có khi nô tỳ giàu lên, chủ tham của cải át sẽ bới móc lối nhỏ đánh đập giam cầm, lấy hết của cải, gọi là Sao cô. Cũng có kẻ tự nguyện nộp tiền bạc xin xóa tên khỏi nô tịch thì người chủ sẽ giao giấy tờ cho, gọi là Phóng lương. Theo hình luật thì tự ý giết trâu ngựa bị đánh một trăm trượng, mà đánh chết Khu khẩu thì so với người thường kém một bậc, đánh một trăm lẻ bảy trượng. Như vậy là coi nô tỳ không khác gì trâu ngựa”. Tới như số nô lệ mà các quý tộc Mông Cổ dùng thì càng đáng sợ. *Nguyên sử, Trương Hùng Phi truyện* nói “Lúc A Lạc Cáp Nhã làm quan ở

Kinh Hồ đã chiêu hàng ba ngàn tám trăm hộ sung làm gia nô, tự đặt ra quan lại để quản lý, hàng năm đánh thuế, quan lại không dám hỏi tới". Trong tình hình như thế, địa vị của nữ gia nô không khác gì kỵ nữ, họ thường bị chủ nhân người dị tộc cưỡng hiếp giày vò, trở thành kỵ nữ mang hình thức gia nô thấp kém.

Thời Minh cũng thịnh hành truyền thống dùng tù nhân làm kỵ nữ. Như *Tam phong thập khiển kỵ*, *Ký sắc hoang* nói "Nhà Minh diệt nhà Nguyên, phàm những con cháu của bộ lạc Mông Cổ trôi dạt ở Trung Quốc đều sai các địa phương điều tra hộ tịch. Số ở tỉnh thành gọi là Nhạc hộ, ở châu quận gọi là Cái hộ".

Nhà Thanh cũng lấy tù nhân làm nguồn gốc chủ yếu của kỵ nữ. Ví dụ một trong mười võ công của Càn Long là cuộc chiến tranh đánh người Hồi ở phía tây, không chỉ tù binh mà cả những người Hồi đầu hàng (Hàng Hồi) đều theo nguyên tắc "Nên phân tán không nên cho tụ họp", "Không cho sinh sự", lập tức châm chước "chia thưởng cho các tướng sĩ trú phòng ở hai tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc và trong Lục doanh làm nô lệ"⁽¹⁾. Tự nhiên các phụ nữ trong số tù nhân người Hồi này cũng biến thành doanh kỵ để thỏa mãn nhục dục cho tướng sĩ nhà Thanh.

Tóm tắt những điều nói trên, chúng ta có thể thấy rõ ràng: Phụ nữ là tù binh và tù nhân đều là nguồn gốc chủ yếu của kỵ nữ ở Trung Quốc, lịch sử của nó có thể nói là sâu xa lâu dài, thịnh mài không suy!

II. Sung công

Cái gọi là Sung công (Tịch mệt) là chỉ việc quan phủ bắt các phụ nữ trong gia đình kẻ tội phạm làm kỵ nữ, cũng là

(10) *Càn Long Thực lục*, quyển 599.

một trong những nguồn gốc quan trọng của kỹ nữ thuộc quan lại ở Trung Quốc thời cổ.

Chính sách bắt phụ nữ trong gia đình tội phạm làm kỹ nữ hoặc nữ nô đã có một lịch sử lâu đời ở Trung Quốc. *Chu lỗ, Thu quan* nói “Nô tỳ thì đàn ông xếp vào hàng tù nhân sai phái, phụ nữ đưa vào làm việc xay lúa giã gạo”. Luật thời Hán quy định vợ và con gái tội phạm bị sung làm quan tỳ, làm công việc lao dịch ở các nha môn. *Hán cựu nghi* nói “Quan nô tỳ trong phủ Thừa tướng canh đêm báo thức. Nhữ mẫu trong cung lấy từ quan tỳ. Các quan lang trong cung đều dùng quan nô tỳ đưa tin. Thái quan Thang quan đều có ba ngàn nô tỳ”. Lại nói “Thái bộc mục súy có ba mươi sáu sở, chia ra ở biên giới và phía bắc và phía tây, lấy quan lang làm Uyển giám, quan nô tỳ chia nhau nuôi ba mươi vạn ngựa”. *Hán luật* còn quy định “Vợ của tội nhân làm nô tỳ phải thích chữ vào mặt, tổ tiên của nô tỳ có tội, tuy qua trăm đời vẫn phải thích chữ vào mặt để hầu hạ quan”. Đó tức nói không xóa tên trong sổ nô tịch, phải làm nô tỳ trọn đời. Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều cũng có điều luật chuyên quy định về việc bắt gia thuộc tội nhân làm nô lệ, như *Ngụy thư* quyển 111, *Hình phạt chí* nói “Trước đời Hiếu Xương, thiên hạ hỗn loạn, pháp lệnh không thường, có khi chặt chẽ có khi lỏng lẻo. Đến khi Nhĩ Chu cầm quyền, cân nhắc ý tứ pháp luật, những người làm quan phần lớn đều lấy sự tàn khốc làm tài năng. Đến khi thiên đô qua đất Nghiệp, trộm cướp ở kinh kỳ đua nhau nổi lên, quan hưu ty tâu xin đặt ra hình phạt nghiêm trị: Phàm kẻ cướp bóc giết người, kẻ đầu đảng và tòng phạm đều chém đầu, vợ con thì đưa vào Nhạc hộ, kẻ nào không giết người mà giá trị của tang vật không tới năm tấm vải, thì kẻ đầu đảng bị chém đầu, vợ con cũng làm Nhạc hộ, bọn trộm vật mà tang vật có giá trị từ mười tấm vải trở lên, kẻ đứng đầu xử tử, vợ con đưa vào làm lao dịch ở các dịch trại, kẻ tòng phạm xử tội lưu”. Lại như luật nhà Bắc Ngụy

quy định “Kẻ tòng phạm bắt sung vào Công hộ, Nhạc hộ, đều dùng giấy đỏ làm hộ tịch, lấy chì làm cuốn trục”⁽¹¹⁾. Từ đó chế độ Nhạc tịch đã chính thức hình thành. Luật nhà Đường nhà Tùy đại khái cũng thế, cũng quy định bắt phụ nữ gia thuộc của tội phạm phải sung làm kỹ nữ. Như *Đường lục điển*, quyển 6, điều *Hình bộ đô quan lang trung* nói “Phàm liên lụy tới việc phản nghịch thì gia thuộc đều sung làm quan nô tỳ, được miễn xá một bậc thì làm Phiên hộ, được miễn xá bậc nữa thì làm Tạp hộ, được miễn xá ba bậc thì là lương dân. Đều do có dịp đại xá mà được miễn giảm. Những người sáu mươi tuổi hay tàn tật, tuy không hợp với lệnh miễn xá, cũng miễn làm Phiên hộ, người bảy mươi tuổi thì xá miễn làm lương dân, biến phụ tên vào Nhạc tịch”. Lại nói “Phàm mới bắt đầu bị sung công, kẻ có tài nghệ thì theo khả năng mà giao về cho các ty. Phụ nữ giỏi nữ công thì đưa vào Dịch đình, số không có tài năng gì còn lại đều giao cho quan Tư nông”. Đến thời Tống đã không còn chế độ bắt phụ nữ trong gia đình người phạm tội làm quan nô. Phương Hồi cuối thời Nam Tống nói “Gần đây không theo phép sung công bắt gia đình người phạm tội làm nô tỳ, phương Bắc thì nhờ có tù nhân trong chiến trận mà có. Phép tắc gần đây không hay, tiến cử người làm hoạn quan thì thiến người vô tội, phụ nữ phạm tội thông gian bị giam ba năm trở lên nên sung làm Tạp hộ, xử đánh trượng, giao qua Ty Kỹ nhạc cai quản”⁽¹²⁾, tức thời Tống không còn hiện tượng đem tất cả gia thuộc của người phạm tội sung làm nô tỳ cho quan, chỉ có phụ nữ nhà bình dân phạm tội thông gian mà tình tiết nặng thì sung làm Tạp hộ, đưa tới Ty Kỹ nhạc cai quản. Thời Minh thì những người liên lụy với kẻ có tội đưa tới làm nô tỳ cho nhà các công thần nên có câu Nhà công thần không có nô tỳ. Thời Thanh thì ngoài việc hoàn toàn kế thừa điều luật có

(11) *Tả truyện*, Tương công nhị thập tam niên, Sớ dẫn.

(12) Phương Hồi, *Tục cổ kim khảo*, quyển 36.

liên quan tới việc cấp nô tỳ cho nhà công thần, trong pháp luật chính thức còn có hình phạt gọi là “Phát khiển vi nô”, là quy định gia thuộc của người phạm tội được cấp phát cho quan lại làm nô tỳ. Trong đó gia thuộc của những kẻ phạm tội mưu phản đại nghịch, bao gồm cả mẹ và con gái, thê thiếp, chị em gái, em dâu của kẻ chính phạm đều bị cấp cho công thần làm nô tỳ⁽¹³⁾.

Tuy tuyệt đại đa số gia thuộc của tội phạm bị sung công đều rơi rụng làm nô tỳ nhưng chắc chắn là cũng có một bộ phận lớn hoàn toàn không làm việc lao động sản xuất, một số người xinh đẹp hoặc “khéo léo nữ công” trong đó sẽ biến thành công cụ thỏa mãn dục vọng cho kẻ thống trị. Như *Hán thư*, *Vương Cống Lưỡng Cung Bão truyện* chép “Lại như nô tỳ của các quan có hơn mươi vạn người rong chơi không làm việc, đánh thuế lương dân để nuôi, hàng năm tốn năm sáu vạn”. *Hán thư*, *Cánh Thập tam vương truyện* chép “Chiêu Tín cùng hơn mươi nô tỳ đánh bạc uống rượu làm vui”. *Hán thư*, *Hoắc Quang Kim Nhật Đạn truyện* chép “Làm quan càng giữ tiết, dẫn quan nô hơn hai trăm người từ Xương Ấp đi theo tới chỗ làm quan, thường cùng vui chơi trong phủ”. *Hán thư*, *Thành đế kỷ* chép “Công khanh liệt hầu... có kẻ xa xỉ dâm dật, mở phủ xây vườn, nuôi nhiều nô tỳ, cho mặc lụa là, bày chuông trống, dàn nữ nhạc, xe ngựa quần áo cưới hỏi ma chạy đều vượt lề”. Rõ ràng các nữ nô làm việc thanh sắc này là già kỹ không còn gì phải nghỉ ngơi. Du Lý Sơ thời Thanh trong *Quý ty loại cảo*, *Trù nhạc hộ khảo* nói đời sống của quan nô tỳ thời Hán “giống như loại kỹ thiếp nhưng không có chồng nhất định” là vô cùng chính xác. Trong thực tế, nhà nước thời Hán đã sai quan nô tỳ làm công việc của xưởng kỹ. Thời Tây Hán, Ngũ quan Lang trung Diền Nghi tư thông với quan nô tỳ Trần Vi, Lạc Dịch, từng bị Dương Hùng chỉ trích là “chứng cứ dâm ô bộc lộ trong các quan ở triều đình”, thời

(13) *Hộ bộ tác lệ* đời Hàm Phong, quyển 1.

Đông Hán “Vương Quán Công nhờ sáng suốt được làm chức lang, mấy lần tâu bày không được dùng, bèn nghĩ ra kế tu thông với quan tỳ, được miễn chức về”⁽¹⁴⁾, “Trương An Thέ làm Quang lộc Huân lang, thông dâm với quan tỳ”⁽¹⁵⁾, cũng chứng minh về việc quan tỳ bị sung làm kỹ nữ.

Từ thời Hán trở đi hiện tượng vợ con tội nhân bị sung làm kỹ nữ lại càng phổ biến. *Xuyết canh lục* nói “Nay lấy kỹ nữ làm quan nô, tức quan tỳ thời cổ”. *Cựu Đường thư*, *Lâm Uẩn truyện* nói “Ra làm Thứ sử Thiều Châu, từng đánh chết mạc khách là Đào Nguyên Chi, ném xác xuống sông, bắt người vợ sung làm xướng kỹ”. Mà thời Tống còn quy định “Con gái nhà thường dân thông gian thì xử tội lưu ba năm trở lên, coi như tạp hộ, xử đánh trượng đưa vào Ty Ký nhặc quản lý”⁽¹⁶⁾. Ngoài ra đến thời Tống vẫn còn bảo lưu chế độ bắt gia thuộc của người phạm tội làm xướng kỹ từ thời Đường. *Tống sử*, *Nhân tông bản kỷ* nói “Năm Thiên Thánh thứ 1 hạ chiếu ra lệnh doanh kỹ được vào giáo phường nam bắc, cho được tùy ý chọn lựa”. *Tống sử*, *Trương Bang Xương truyện* nói “Lúc đầu Bang Xương ở trong nội đình, Hoa quốc Tinh cung Phu nhân Lý thị ủng hộ Bang Xương. Về sau Cao tông hạ ngục Lý thị, bà ta chịu tội, ban cho Bang Xương được tội chết. Lý thị bị xử đánh trượng đưa vào quân doanh”. Các sử liệu ấy đều phản ánh việc thời Tống vẫn bảo lưu chế độ thời Đường.

Thời Minh cũng thế, Chúc Minh Doãn trong *Ôi đàm* nói “Phụng Hóa có cái gọi là Cái hộ, tục gọi là Đại bần, tập trung cư ngụ ngoài thành, ăn ở với nhau, dân thường không thèm đi lại, được quan cấp lương thực quần áo. Phụ nữ ở đó hơi có sắc đẹp, làm việc hầu hạ chăn gối, lúc đầu đều là con

(14) *Hậu Hán thư*, *Phùng Mạnh truyện*.

(15) *Hậu Hán thư*, *Trương An Thέ truyện*.

(16) Phương Hồi, *Tục cổ kim khảo*, quyển 36.

nhà quan, phạm tội nên chồng bị giết mà vợ bị sung công. Quan giết chồng mà thu họ hầu hạ, đến mãi hiện nay. Giáo phường ở Kim Lăng gọi là mươi tám nhà chính là đó". Mà việc Minh Thành tổ phát phôi tất cả vợ con thân thích của các trung thần của Kiến Văn đế vào giáo phường làm kỵ nữ càng mang tính điển hình, như *Quốc triều diễn cố* chép "Vợ Thiết Huyền là Dương thị ba mươi lăm tuổi, đưa vào Ty Giáo phường, vợ Lao Đại là Trương thị năm mươi sáu tuổi đưa vào Giáo phường, Trương thị chết". *Lộ thư* nói "Con hát người Tru Thị là Từ Văn Vọng giỏi phân biệt đồ cổ, ông nội là Ngưu Mỗ không theo quân Tĩnh Nạn, con cháu bị phát phôi vào Giáo phường. Năm Giáp thân (Vĩnh Lạc năm thứ 22 đời Nhân tông) có chiếu cho tự trình bày, Văn Vọng nhân đó được trừ tịch, vẫn giữ họ cũ". *Cảng sử* nói "Tổ tiên Lâm Văn Nghi là Lâm Mỗ tuẫn nạn theo Kiến Văn đế, bị phát phôi vào Giáo phường. Nay dòng dõi dần dần suy bại, rơi xuống hạng cầm khăn nâng tráp". Có tiền lệ đó nên nhà sử học thời Thanh là Chương Học Thành trong *Phụ học* từng cảm thán nói "Triều trước chính sự bạo ngược, phàm kẻ tấn thân có tội thì cả vợ con cũng bị phát phôi, đến nỗi con nhà thi lễ phần lớn rơi vào chốn Bác lý".

III. Buôn người

Con gái nhà lành bị buôn bán làm nô tỳ chính là một nguồn gốc chủ yếu của kỵ nữ, nhất là tư kỹ ở Trung Quốc. Nó gồm hai loại là "tự bán mình" và "bị bán".

Cái gọi là "tự bán mình" chủ yếu là chỉ vào số đông những người lao động nghèo, vì bị kẻ thống trị bóc lột sưu cao thuế nặng, hoặc vì thiên tai nhân họa gây ra mất mùa đói kém, trong tình hình mất hết khả năng sinh sống, bị bức bách phải bán vợ con cho kỹ viện hoặc cho nhà giàu làm kỵ nữ. Tiếng là tự nguyện, nhưng trong thực tế là bị bức bách.

Lịch sử của việc này có thể truy tìm tới thời Tiên Tần, đương thời đã có một bộ phận nông dân phá sản hoặc dân tự do ở thành thị cho vợ con làm việc bán thâm xác. Đến thời Tần Hán, hiện tượng bình dân vì nguyên nhân kinh tế mà phải “tự bán” vợ con lại càng phổ biến, vì thế kẻ thống trị còn chế định ra “luật bán mình”. Hiện tượng dân nghèo thời Đường bị bức bách phải tự bán mình làm nô tỳ đã bắt đầu xuất hiện từ lúc trật tự xã hội khá ổn định, như năm Trinh Quan thứ 1 (627), “Quan Trung đói kém, đến nỗi bán con trai con gái”⁽¹⁷⁾. Năm Trinh Quan thứ 2, “Quan Trung bị hạn, đói lớn. Thái tông... nghe có người phải bán con... bèn sai Ngự sử Đại phu Đỗ Yêm đi kiểm tra, bỏ vàng bạc trong ngự phủ ra chuộc, trả lại cho cha mẹ”⁽¹⁸⁾. Đến giữa và cuối thời Đường, vì chiến tranh hoặc thiên tai, hiện tượng bán vợ con làm kỵ nữ lại càng thường thấy. Năm Quang Khải thứ 3 (887), “Quân Hội Tất đánh nhau lộn bậy, người ta bán nhau để ăn”, lúc bấy giờ có Chu Địch đói tới mức “sắp chết”, người vợ tự bán mình ở chợ, “được mấy ngàn đồng nuôi Địch”⁽¹⁹⁾. Lại như lúc Hàn Dũ giữ chức Thứ sử Viên Châu, từng dựa vào điều luật “Không cho cầm bán con cái lương dân làm nô tỳ để sai khiến” mà “Kiểm tra trong địa giới Viên Châu được 731 người đều là con cái của lương dân, chuẩn theo luật hủy bỏ việc mua bán, nhất loạt cho về. Tìm hiểu nguồn gốc, hoặc vì lụt vì hạn mất mùa, hoặc vì mắc nợ thiếu thuế nên bị cầm bán, dần dần trở thành phong tục. Danh mục tuy khác nhau nhưng đều là nô tỳ... Viên Châu tuy nhỏ mà có hơn 700 người, thì con số ở các châu quận trong thiên hạ át không ít”⁽²⁰⁾. Đến thời Tống việc bán người trở thành nguồn gốc chủ yếu nhất của kỵ nữ. Vũ

(17) *Cựu Đường thư*, quyển 2, *Thái tông kỵ thương*.

(18) *Trinh Quan chính yếu*, quyển 6, *Nhân trắc*.

(19) *Thái bình quảng ký*, quyển 270, *Chu Địch thê*.

(20) *Hàn Xương Lê tập*, quyển 40, *Ung sở tại diễn thiếp lương nhân nam nữ truyện*.

lâm kỷ sự nói “Thẩm Cấu tự Văn Thông, trong niên hiệu Gia Hựu lấy hàm Thượng thư bộ Lễ ra coi Hàng Châu, ra lệnh cấm chỉ. Những người nghèo chết không thể chôn cất, sống không thể cưới vợ thì dùng tiền công chôn cất cưới vợ cho, được mấy trăm người. Con gái nhà lành bị bán làm kỹ nữ thì dùng tiền công chuộc về cho cha mẹ”. Lại như *Tôn Đức tính trai tập* nói “Đằng Thủ là người cung kiệm hiếu nghĩa, có một con gái nhà sĩ tộc trẻ tuổi xinh đẹp, nhà nghèo mẹ bệnh, người cha bị Nha hội lừa dối nên phải bán con làm kỹ nữ. Người nghe đều bất bình nhưng không ai làm gì được, riêng ông cấm phẫn, bắt Xưởng hội phải trả cô gái về, nhà kỹ viện bè ngoài ứng thuận nhưng đưa cô gái tới nơi khác giấu diếm. Ông biết được, ra sức tố cáo lên quan, vẫn chưa phân xử. Nhà kỹ viện nguy tạo văn khế bán mình, viết tăng giá lên mấy lần”. Từ hai ví dụ nói trên chúng ta có thể thấy rằng thời Tống việc mua người làm kỹ nữ đã được quan lại thừa nhận hoặc lờ đi, mà việc xuất hiện của Xưởng hội thời Nam Tống phản ánh sự thịnh hành của phong khí mua con gái nhà lành làm kỹ nữ. Nguồn gốc của kỹ nữ thời Minh Thanh chủ yếu cũng là từ việc buôn người như vậy. Như *Triều Gia phong nguyệt ký* nói “Kỹ nữ trên thuyền ít người là con ruột của chủ chứa mà đều là mua từ các nhà nghèo”. Những ví dụ về mặt này kể ra không hết, như Trình Nguyệt Nga, “tuổi mới mười lăm, vì cha chết không sao trả được nợ, rơi vào thanh lâu”⁽²¹⁾. Kỹ nữ Trương Bảo Linh ở Nam Kinh “Vốn là con gái họ Phan ở Thái Châu, cha mẹ nối nhau qua đời, người anh không có nghề nghiệp gì, đưa nàng cùng lưu lạc giang hồ, rơi vào thanh lâu”⁽²²⁾.

Ngoài ra, còn phải nói rằng có một số trường hợp “tự bán” hoàn toàn không phải vì lý do kinh tế mà có quan hệ

(21) *Ngô Môn họa phảng tục lục*.

(22) *Tần Hoài họa phảng lục*.

với quan niệm phong kiến nam tôn nữ ty trong dân gian. *Dương Cốc mạn lục* của Hồng Tốn thời Nam Tống chép “Những nhà nghèo ở kinh sư không trọng việc sinh con trai, mỗi khi sinh được con gái thì nâng niu như châu ngọc. Nuôi đến lớn ắt tùy theo tư chất mà dạy cho đàn hát, chuẩn bị bán cho các sĩ đại phu mua vui. Tên gọi khác nhau, có Người hầu cận (Thân biên nhân), Người của mình (Bản thân nhân), Người hầu (Cung quá nhân), Người may vá (Châm tuyến nhân), Người dưới thềm (Đường tiền nhân), Người diễn trò (Kịch tạp nhân), Hầu đàn (Cầm đồng), Hầu cờ (Kỳ đồng), Nhà bếp (Trù tử) rất phân minh. Trong đó Trù nương là hạng kém nhất nhưng nếu không phải nhà thật giàu thì không thể dùng được”. Rất rõ ràng là “nhà nghèo” bán con gái cho “sĩ đại phu mua vui” hoàn toàn không phải vì không nuôi được mà vì bị ảnh hưởng bởi quan niệm nam tôn nữ ty truyền thống. Đối với họ toàn bộ giá trị của phụ nữ chỉ là công cụ sinh con nối dõi và đối tượng để đàn ông thỏa mãn xác thịt. Phụ nữ đã không thể làm việc lao động nặng nhọc như đàn ông thì chỉ có hai cách để chọn lựa: một là lấy chồng làm công cụ sinh con nối dõi, hai là bán cho nhà giàu hoặc kỵ viện để “mua vui” cho người ta, cam tâm làm tỳ thiếp hoặc gia kỵ. Vì thế Lục Du từng làm thơ rằng “Bích ngọc đương niên vị phá qua, Học thành ca vũ nhập hầu gia” (Bích ngọc năm nay vẫn trắng trong, Múa ca hầu hạ bậc vương công).

Chương 3

Kỹ viện

I. Tên gọi, đẳng cấp và cách cục của kỹ viện

Kỹ viện là nơi bán dâm chủ yếu của kỹ nữ. Nó có rất nhiều tên gọi, thường thấy nhất có **Thanh lâu**, Câu lan, Ngõa tử, Hoa dài, Hoa diếm, Hoa Hồ đồng, Hoa liễu doanh, Hoa phấn lâu, Hoa môn liễu hạng, Kê nhi hạng, Môn hộ, Môn hộ nhân gia, Phong trần, Phong nguyệt trường, Phong nguyệt sở, Phong nguyệt quán, Hỏa khanh, Hỏa viện, Thủy cục, Tiêu trà phường, Hàng viện, Quật tử, Kỹ quán, Kỹ xá, Bì giải khố, Xương gia, Dâm phường, Lê Xuân viện, Yến tử lâu, Liễu mạch hoa nhai, Oanh hoa trại, Oanh hoa thi, Phấn phòng, Yên hoa, Yên hoa trại, Yên hoa thi, Vân vũ hương, Cẩm tú vi, Cẩm dinh hoa trận, Bình khang, Bạc lý, Chương dài, Thư ngũ vân vân mấy mươi loại. Xin chọn ra giới thiệu như sau :

1. *Thanh lâu*. Vì cửa kỹ viện phần lớn sơn màu đen, nên gọi như thế. Đỗ Phủ thời Đường có câu thơ "Tuấn đậu khấu từ công, Thanh lâu hảo mộng, Nan phú thâm tình" (Tuấn đậu khấu từ công, Lầu xanh mộng đẹp, Khó tả thâm tình), Trần Quan thời Tống cũng có câu từ "Mạn doanh đắc thanh lâu, Bạc hanh danh tồn" (Được danh bạc hanh chốn lâu xanh).

2. *Câu lan*, còn gọi là Câu dương, Câu tú, vốn chỉ nơi giải trí, là chỗ biểu diễn tài nghệ của con hát thời cổ, nhưng về sau biến thành từ **gọi chung kỹ viện**. Như *Thanh lâu tập*

viết "Trong Câu lan chỉ múa hát bốn màn rồi tan, nhưng từ thời quốc sơ trở đi, không kế tục được nữa". *Cổ kim tiểu thuyết* quyển 15 "Nhân tới Ngõa lý xem, giết đệ tử trong Câu lan, rồi ngay trong đêm bỏ trốn".

3. Phong nguyệt trường, cũng gọi là Phong nguyệt sở, Phong nguyệt quán, chỉ kỹ viện. *Tạ Thiên Hương* "Lão thiên sinh ngã đa tài tú, Phong nguyệt trường trung khảng nhượng nhân?" (Trời sinh ta vốn nhiều tài tú, Phong nguyệt trường kia há dưới người?). *Thủy tiên tử* của Vương Diệp "Phong nguyệt sở thành văn án, Oanh hoa trại nghĩ tội danh, Lệ Xuân viện y lệ thi hành" (Sở Phong nguyệt làm văn án, Trại Oanh hoa định tội danh, Lệ Xuân viện theo lệ thi hành). *Khôi lan ký* màn 1 "Bèn không tới Phong nguyệt quán bán dâm truy hoan nữa".

4. Hòa khanh, cũng gọi là Hòa viện. *Lưu Hàng thủ* màn 3 "Mẹ cô ta dữ như rết độc... Gã ngốc, ai bảo ngươi tới Hòa khanh thả con gái của mụ ta!". *Phong quang hảo* màn 4 "Ta vì ngươi mà cả ngày lên quan tư, không trở lại Hòa viện chơi bời". *Thanh sam lẻ* màn 2 "Bây giờ cùng khổn trong hầm Hòa viện, chỉ đành lấy thân ta mà lấp".

5. Bì giải khổ, chỉ việc kỹ nữ bắn thân xác. *Kim tuyến tri* màn 1 "Cho dù nói nhà ta là Bì giải khổ thì cũng là vì người đời có tiền... Sinh được một con gái là Hàng thủ Đỗ Tảo Nương trên sảnh".

6. Thủy cục. *Kim tuyến tri* màn 2 "Ngủ lại thường hầu hạ chăn gối, đều là chuyện thường, đó là việc Thủy cục của nhà kỹ viện". *Khánh Séc đường* màn 3 "Bèn làm kỹ nữ Thủy cục, tường hoa ngõ liễu, cũng có kẻ thu về lá rụng".

7. Thủy trà phường. *Đô thành kỹ thăng* "Thủy trà phường là kỹ viện bày bàn ghế ra, lấy trà làm cớ, bọn hậu sinh cam chịu tiền".

8. Hàng viện, còn gọi là Hàng hộ, Viện tử, vốn có ý

cùng nghề nghiệp, về sau trở thành tiếng lóng của **kỹ viện**. *Thủy hử truyện* hồi 69 "Nhà kỹ viện của ta đây, đã chôn vùi hàng ngàn hàng vạn người, há chỉ một mình y!". "Tiểu đệ trước đây ở phủ Đông Bình, có quen biết với một **kỹ nữ** trong Viện tử tên Lý Thụy Lan". *Cảnh thế thông ngôn quyển 5* viết "Lữ Ngọc là thiếu niên ngông nghênh, cũng không khỏi lui tới Hàng hộ một hai lần, chuốc lấy một thân ghẻ chóc phong lưu".

9. Hoa dài. *Ta Thiên Hương* "Binh sinh lưu luyến túu sắc, nên cứ lên Hoa dài chơi bời tử đệ". *Ngọc hồ xuân* mản 2 "Tương công, chàng không nghĩ tới việc tiến thủ công danh, chỉ muốn lên Hoa dài chơi bời tử đệ, có chỗ nào hay?". *Bách hoa đinh* mản 3 "Học thành gia phong lăng tử, luyện nên tài nghệ Hoa dài".

10. Hoa hồ đồng. *Điểm giáng thần* của Vu Bá Uyên "Ta những muốn có gấm triền đầu chuỗi hạt châu trùm xuống một tòa Hoa hồ đồng".

11. Hoa phấn lâu. *Hoa lang đám* mản 3 "So với người thì ta tới đất Do Đinh muộn, so với ta thì người lên Hoa phấn lâu nhiều".

12. Hoa liễu doanh. *Đối ngọc sơ* mản 1 "Đem một tòa Hoa liễu doanh làm mê hồn trận". *Tân Thủy lệnh, Quốc lệ* của Kiều Cát "Ta không phải là con éch dưới đáy giếng lưu ly, mà là ngựa chiến quen xông pha trong Hoa liễu doanh".

13. Hoa môn liễu hộ, còn gọi là Hoa môn hoặc **Liễu hộ** Hoa môn. *Oan gia trái chủ* mản 1 "Biết y rất có tình, hàng ngày cứ tới Hoa môn liễu hộ vù tạ dài ca). *Thanh Bình sơn đường thoại bản*, *Tào Bá Minh* thố khám tang ký "Điệt nhi không thể cưới cô ta! Cô ta là người trong Hoa môn liễu hộ". *Thanh Hạnh tử, Ngộ mê* của Phùng Trí Viễn "Liễu hộ hoa môn trước nay tiêu sai, không cần xét nữa, cứ mặc người chia lòng cho đạo và tình nhiều hay ít".

14. Hoa nhai liêu hạng. *Thanh Bình sơn đường thoại bản*, *Liêu Kỳ Khanh thi túu ngoạn giang lâu ký* "Chuyên chơi bời ở chốn Hoa nhai liêu hạng, rất nhiều danh kỵ thích y".

15. Hoa nhai. *Hoạn môn tử đệ thố lập thân* bài 12 "Tại sao lại cùng người ở Hoa nhai yêu thương nhau?). *Tống Nguyên hý văn tập trát*, *Vương Nguyệt Anh* nguyệt hạ lưu bài "Làm sao có thể so ta với kỵ nữ ở Hoa nhai? Nếu muốn lấy chồng cũng không lấy người". *Trại nhi lệnh*, *Thát đê* "Chỉ làm lang quân trong mười mấy nhà Hoa nhai các nơi".

16. Oanh nhi hạng. *Đông Kinh mộng hoa lục*, *Phan lâu Đông nhai hạng* "Phía đông gọi là Đông Oanh nhi hạng, phía tây gọi là Tây Oanh nhi hạng, đều là kỵ viện". *Thủy tiên tử*, *Ưc tình* của Kiều Cát "Thuyết tương tư nan bát hồi đầu, Dạ nguyệt Oanh nhi hạng, Xuân phong Yến tử lâu, Nhất nhật tam thu" (Nói tương tư khó nỗi quay đầu, Dêm trăng xóm Oanh nhi, Gió xuân lâu Yến tử, Một buổi ba thu).

17. Môn hộ, Môn hộ nhân gia. *Khúc Giang trì* màn 3 "Môn hộ nhân gia ta đây, cái ăn cái mặc, chuyện gì lại không cần tiền? Người không tìm tiền cho ta, còn đợi gì nữa?". *Phong quang hảo* màn 1 "Ta nghĩ nhà Môn hộ nhân gia chúng ta phải coi sóc việc đón tiếp khách khứa, mấy khi được nghỉ ngơi!". *Kim tuyển trì* màn 1 "Môn hộ nhân gia ta đây không thể không tiếp con em nhà giàu, đó là rồng tiền vào cửa đấy".

18. Liêu mạch hoa nhai. Bài từ *Mân phượng đình*, *Kỵ nữ* của Hoàng Đình Kiên "Sơ quán vân mấn, Tài thăng la ỷ, Tiện hiềm Liêu mạch hoa nhai" (Tóc mây vừa búi, Lụa là gấm vóc, Chỉ hiềm Bờ liêu đường hoa). *Đông Pha mộng* màn 1 "Vưu vân trệ vũ tác sinh nhà (nhai), Tá vấn thiếp thân hà xứ trú, Liêu mạch hoa nhai đệ nhất gia" (Sinh nhai nhờ cậy việc phong lưu, Ướm hỏi đâu là nơi thiếp trú, Bờ liêu đường

hoa ấy ngô đầu).

19. Oanh hoa trại, còn gọi là Oanh hoa thị. *Thủy tiên tử*, *Nghị nghì* của Vương Diệp "Phong nguyệt sở làm văn án, Oanh hoa trại xét tội danh, Lê Xuân viện theo lệ thi hành". *Phố thiên lạc* của Vương Trọng Nguyên "Trại Oanh hoa ta nhận hàng, biến thị phi ai khuấy động", "Có thăng tiền miền Yên nguyệt, không đèn tiền chợ Oanh hoa".

20. Phấn phòng. *Cửu phong trần* màn 3 "Chu Xá nói : Người cứ tới Phấn phòng tìm ta. Tiêu nhị nói : Nếu không có trong Phấn phòng thì sao? Chu Xá nói : Thì tới sòng bạc mà tìm".

21. Yên hoa. Bài từ *Thuốc kiều tiên* của Tăng Nghiên viết "Yên hoa bất thị bất tầng kinh, Phóng bất hạ, Duy tha nhất cá" (Yên hoa không phải chưa trải qua, Không bỏ được, Chỉ có mình y). *Tuyên Hòa di sự* "Người đẹp này là Hàng thủ bậc nhất ở kinh sư, đứng đầu các nhà Yên hoa trong hai kinh, họ Lý tên Sư Sư". *Văn song mộng* màn 2 "Hài nhi, số người là trong chốn Yên hoa, cứ thế mà làm thôi".

22. Yên hoa trại, cũng gọi là Yên hoa thị. *Khúc Giang trì* màn 3 "Phong nguyệt sở được rảnh rang, làng mây mưa không dính dấp, Yên hoa trại bên tai yên ắng". *Ngọc hồ xuân* màn 4 "Hôm nay cáo biệt Yên hoa thị, cùng về màn gấm thêu".

23. Dâm phường. Bài từ *Giá cô thiên, Minh nhật độc* *chuốc tự trào trình Sứ Ứng Chi* của Hoàng Đình Kiên "Dâm phường tửu tú cuồng cư sĩ, Lý hạ hà phường dã chính quan" (Phường dâm quán rượu thân cuồng sĩ, Dưới mận nề chỉ cứ sửa khăn).

24. Cẩm doanh hoa trận, lại gọi là Cẩm trận hoa doanh, Hoa trận cẩm doanh. *Văn song mộng* màn 4 "Ta cứ cho rằng đất bắc trời nam, doanh gấm trận hoa, kè hồng dựa lục, hôm nay lại nước lặng chim bay". *Độ liễu thủy* màn 1

"Khuyên ngươi à, ta thấy như khuyên một người gỗ thôi. Này, Liễu ạ, ngươi là mê dắm chốn doanh gác trận hoa ấy rồi". Đối ngọc sơ màn 1 "Người bán hoa thì miệng bán hoa, đừng bước vào chỗ Doanh hoa trận gác này của ta".

25. Phấn đại vi, Oanh hoa trận. *Đào hoa phiến* quyển 1 "Sinh nơi màn Phấn đại, Bước vào trận Oanh hoa, một giọng ca này là tiền bạc của tôi).

26. Bình khang. Vốn là tên một xóm trong kinh đô Trường An thời Đường, là nơi kỹ nữ tụ cư, người sau dùng đó để chỉ chung kỹ viện.

2. Đẳng cấp của kỹ viện

Đẳng cấp của kỹ viện đều tương ứng với quy mô, tiếng tăm của kỹ viện mà chia ra. Từ thời Đường Tống đã chia làm ba loại thượng trung hạ. Đến thời cận đại, sự chênh lệch về đẳng cấp của kỹ viện càng rõ ràng, lấy kỹ viện ở Thượng Hải thời cận đại làm ví dụ thì có bốn loại dưới đây :

a. Kỹ viện hạng nhất. Kỹ viện hạng nhất ở Thượng Hải thời cận đại gọi là Thư ngũ, Trường tam Thư ngũ.

Thư ngũ thuộc loại cao cấp nhất trong kỹ viện. *Hải thượng hoa liệt truyện* hồi 2 miêu tả "Phác Trai phú quần áo, định về khách sạn, lại thấy trước mặt là hẻm Thương Nhân, nghe nói trong hẻm này đều là Trường tam Thư ngũ, bèn đi tới gần. Chỉ thấy trong hẻm nhà nào cũng có cầu thang sơn đỏ trước cửa, trên viết tên các Quán nhân. Trong đó có một nhà trụ cổng bằng đá, tấm biển hiệu viết chữ sơn đen đẽ năm chữ Ngũ Hà Tiên thư ngũ".

Thư ngũ Trường tam, vì khách chơi uống trà phải trả ba đồng tiền Tây dương, hầu rượu, Ngũ lại cũng đều trả ba đồng, nên có tên là Trường tam. Trường tam Thư ngũ không những có danh kĩ thu hút khách, mà trang trí tràn thiết

trong kỹ viện cũng vô cùng hoa lệ, đường hoàng lộng lẫy.

b. Kỹ viện hạng hai. Kỹ viện hạng hai gọi là Yêu nhị Đường tử. Ở đó uống trà một đồng, hầm rượu một đồng, giữ khách ngủ lại mỗi lần trả sáu đồng, lần thứ hai thì trả hai đồng nên gọi là Yêu nhị. Vì trên biển ngoài cổng của loại kỹ viện này thường có chữ Đường, như Song Phúc đường, Cao thăng đường, nên gọi là Yêu nhị Đường tử. Yêu nhị Đường tử ở Thượng Hải phần lớn đặt trong tô giới thời trước, như Hồng Vận viện trong phường Hồng Vận cạnh Nam Kinh đại hý viện (nay là Phòng hòa nhạc Thượng Hải) đường Ái Da Á, Nhị Hương viện, Thần Châu lữ quán đường Đông Tân Kiều (nay là đường Chiết Giang). Đào Công quán đường Lục Mã là một nhà Yêu nhị Đường tử nổi tiếng ở Thượng Hải thời trước. Trong "công quán" có một khách sảnh bài trí chỉnh tề, đó là nơi khách chơi bài Rượu hoa cho các "tiểu thư trong công quán". Rộng rãi sảnh ngang với khách sảnh các nhà giàu có. "Khuê phòng" của "tiểu thư trong công quán" thì có vẻ kém hơn nhiều. Chủ chứa Đào công quán chia toàn bộ phòng ốc làm bốn tầng trên dưới, chia làm hơn ba trăm phòng, như một cái tổ ong. Mỗi phòng chỉ có thể đặt một cái giường, một cái bàn phấn và một thùng xí, một cái ghế, người ta gọi là Lồng bồ câu (Cáp tử lung). Loại khuê phòng của tiểu thư được gọi là Lồng bồ câu này suốt ngày không thấy ánh sáng, cũng không có không khí trong lành, tối tăm ẩm thấp, bước vào phòng thì mùi hôi hám và mùi son phấn xộc vào mũi khiến người ta buồn nôn. So với Đào công quán, điều kiện ở các Đường tử Yêu nhị như Dạ đô hội, Dương Quý Phi, Kim Thành còn kém hơn một bậc, các đường tử này đều là phòng ốc một gian ba tầng, chủ chứa kỹ viện lát ván cơi thêm thành năm sáu tầng, có thể chứa vài mươi kỹ nữ.

c. Kỹ viện hạng ba. Kỹ viện hạng ba ở Thượng Hải thời trước chủ yếu là Trại thịt người (Hàm nhục trang), đường tử công khai (Khai môn đường tử), Phòng Khói hoa

(Yên hoa gian), thuộc loại kỹ viện hạng dưới.

Trại thịt người, vì người đầu tiên mở ra là họ Vi, nên còn gọi là Vi trang. Trong loại kỹ viện này, kỹ nữ cũng như "con thịt" bày bán ở sạp, giá cả rẻ mạt, mặc người ta tùy ý mổ xé. Bên trong đều treo ảnh kỹ nữ, do khách chơi lựa chọn. Những người ra vào loại kỹ viện này phần lớn là cẩn bã xã hội như lưu manh, du dăng trong xã hội đen và bọn trộm cướp.

Phòng Khói hoa là tiệm hút thuốc phiện có kỹ nữ hầu hạ khách chơi hút thuốc phiện và ngủ lại. Cuối niên hiệu Đồng Trị thời Thanh, ở hai thành phố Thượng Hải và Nam Kinh thuốc phiện rất thịnh hành, tiệm hút thuốc phiện san sát như rừng. Trong đó có một loại Phòng Khói hoa, thuê phụ nữ tiêm thuốc cho khách, để mời gọi khách khứa, gọi là Tiệm hút có gái (Nữ tử Yên gian). Khách chơi tốn một hai hào là có thể muốn làm gì thì làm. Đến cuối đời Quang Tự, chính phủ Hà Thanh nghiêm cấm thuốc phiện, chủ chứa bèn đổi đâm kỹ nữ tiêm thuốc phiện ấy vào tò giới, bí mật mở ra kỹ viện, làm việc mại dâm, lấy tên gọi Phòng Khói hoa cũ làm chiêu bài.

Tất cả Phòng Khói hoa đều chật hẹp, trong phòng trừ một cái giường thì cả ghế cũng không có. *Hải thương hoa liệt truyện* hồi 2 tả "Ngoài cửa treo một đĩa đèn pha lê khói ám đèn xì, bước vào cửa là cầu thang. Phác Trai theo đó bước lên, thấy chỉ có nửa gian lầu, vô cùng chật hẹp, bên trái đặt một chiếc giường rộng sơn đen, bên phải là một cái sạp hút thuốc phiện đối diện với cầu thang, có một cái bàn phấn bằng gỗ sam mộc dựa vào cửa sổ, hai bên có ghế cao hình chữ Xuyên, đó là đồ vật, trên giường có gối hoa nệm gấm".

d. Kỹ viện hạng tư. Kỹ viện hạng tư ở Thượng Hải thời trước, có Bàn đinh (Đinh băng), Hang sâu già (Lão trùng khoa).

Bàn định tương tự Phòng Khói hoa nhưng địa vị thấp hơn một bậc. Loại kỹ viện này mở trong Băng hộ, chủ yếu tập trung ở nột dải đường Áp Bắc Thiên Thông Am, cạnh Hồng Kiều chỗ Hồng Khẩu cũng có một số. Kỹ nữ trong đó một là không có nhan sắc, hai là không trang điểm, phần lớn mặt mày hốc hác, quần áo rách rưới. Vì họ già xấu không sao chịu nổi, nên ban ngày không dám công khai ra mặt tiếp khách, cho dù buổi tối cũng không thấp đèn nến. Khách chơi tới đó đều là loại những người lao động lớp dưới như phu xe, hầu bàn, cu ly, mục đích duy nhất của họ tới đó là để thỏa mãn nhục dục. Bất kể lúc nào, khách chơi chỉ cần bỏ ra ba hào tiền Tây dương là có thể trao đổi, tốc độ mau như đóng một cây đinh nên tục gọi là Đóng đinh (Đã đinh).

Hang sâu già tuy cũng gọi là Phòng Khói hoa nhưng có nhiều điểm khác biệt. Trong loại kỹ viện này khách chơi vừa bước vào cửa là có kỹ nữ bước ra tiếp đón. Khách chơi chỉ cần bỏ ra hơn hai hào là có thể lên đèn thỏa mãn nhục dục. Cách bày trí trong Hang sâu già cũng rất đặc biệt, ngoài cửa phòng một gian đặt ngay cửa một cầu thang nhỏ hẹp, các kỹ nữ đều ngồi một bên cầu thang, ngoài cửa treo một đĩa đèn dầu nhỏ loại các xe hàng thường dùng, để làm biển hiệu. Họ ngồi ở cửa kỹ viện, miệng hát những bài ca khêu gợi như *Thập bối tiếu*, thấy có người bước vào là cao giọng gọi "Lại đây!". Nếu khách đứng lại quay nhìn, họ sẽ lập tức sấn tới, nắm tay khách như bắt tù nhân kéo lên lầu.

3. Cách cục của kỹ viện

Cách cục của kỹ viện, lấy ở Thượng Hải thời cận đại làm ví dụ, có thể chia làm ba loại là Đại viện chế, Phân viện chế và Tự gia chế.

a. **Đại viện chế**. Đại viện chế tục gọi là **Đại trường oa**, cách cục là do chủ kỹ viện thuê mướn gian phòng, sau đó bài

trí thành tùng phòng thích hợp với việc kỹ nữ tiếp khách. Chủ chứa kỹ viện cẩn cứ vào tiếng tăm và đẳng cấp của kỹ nữ mà phân phối phòng ốc.

Kỹ nữ trong Đại viện chế gồm năm loại là kỹ nữ Bán dứt (Đoan trường kỹ nữ tức Thảo nhân - Bán mình), kỹ nữ Gán nợ (Áp trường kỹ nữ), kỹ nữ Bao trường (Bao trường kỹ nữ), kỹ nữ Trù nợ (Khốn trường kỹ nữ) và kỹ nữ Tự do (Tự gia kỹ nữ).

b. Phân viện chế. Phân viện chế là vì người bán mình trong kỹ viện không nhiều, việc làm ăn thưa thớt, nên đem phần lớn số phòng còn thừa cho các kỹ nữ tự do thuê, tức cái gọi là Bao phòng (Bao phòng gian). Kỹ nữ Bao phòng mỗi tháng ắt phải đúng lúc trả tiền thuê phòng, tiền cơm cho chủ chứa, chủ chứa cũng như chủ khách sạn. Nhưng kỹ nữ Bao phòng muốn Bày rượu hoa thì phải dùng rượu thịt của kỹ viện, nếu không mỗi mâm đều phải đưa cho chủ chứa một số tiền nhất định. Ngoài những điều đó ra, việc làm ăn của kỹ nữ Bao phòng ra sao không có liên quan với chủ chứa.

c. Tự gia chế. Tự gia chế, là kỹ nữ tự thuê phòng, tự chuẩn bị thức ăn, tự lập mén hộ mà buôn bán thân xác. Loại kỹ nữ Tự gia này phần lớn là sau khi hoàn lương lấy chồng lại rơi rụng vào chốn phong trần, họ cam tâm tình nguyện làm nghề bán dâm nhất bản vạn lợi, phóng túng không bị ràng buộc này để sinh nhai.

Phòng của kỹ nữ Tại gia đều khá sang trọng, phần lớn trần thiết đẹp đẽ, vả lại còn mang đậm không khí gia đình, khiến khách chơi vừa bước vào đã có cảm giác khách tới như về nhà. Khách chơi phần lớn là loại đàn ông trẻ tuổi đẹp trai thuộc loại thượng lưu trong xã hội. Có một số kỹ nữ ở nhà thậm chí còn có cha mẹ anh em giúp đỡ kinh doanh.

4. Việc mở kỹ viện. Mở kỹ viện, tục gọi là Phố phòng gian, cần có một số tiền bạc và đồ dùng nhất định. Trước tiên

phải chọn địa điểm thích hợp thuê một gian nhà, kế đó mời người trang hoàng sắp xếp, chuẩn bị vật dùng trong nhà và trang sức "ăn nói" cho kỹ nữ dùng khi tiếp khách (như kỳ bào, châu ngọc, trâm nạm ngọc châu, ngọc cài tóc, vòng vàng, nhẫn vàng), mời các loại nhân viên công tác (như Bà dì, Chị lớn, Vòng ngoài, Thầy dàn, Tiên sinh kế toán). Khi mọi việc đã sắp xếp xong, thì có thể chọn ngày tốt khai trương kinh doanh, mời các khách quen uống rượu mấy ngày, để được sang trọng, phát phong bao lì xì.

Hải thương hoa liệt truyện hồi 35 có miêu tả tường tận về tình hình kỹ viện chuẩn bị khai trương như sau :

"Nhị Bảo tự tới trả giá thuê phòng trong xóm Đinh Phong, rồi mang ba trăm đồng tiền Tây dương quay lại... Chọn được ngày mười sáu khai trương, thuê lại toàn bộ bàn ghế giường tủ gỗ hồng mộc trong nhà, lại đi mua sắm đồ dùng. Chị lớn A Xảo đi theo, lại thêm một Bà dì tên A Hổ, cả người Giúp việc cũng mất thêm hai trăm đồng. Phác Trai lấy giấy đỏ, viết bốn chữ đại tự Triệu Nhị Bảo ngụ dán ngoài cổng. Tối hôm ấy Thi Đoan Sinh tới uống rượu khai trương, khách mời có bọn Trần Tiểu Vân, Trang Lê... Triệu Nhị Bảo một khi khai trương đường tú, làm ăn thịnh vượng, la cà đánh bạc uống rượu, vô cùng vui vẻ".

II. Quy củ và tiếng lóng trong kỹ viện

1. Quy củ của kỹ viện

Nghề kỹ nữ tuy là việc sinh nhai мат hàng nhưng cũng có quy củ của nó. Trong quá trình bán dâm sinh nhai lâu dài, trong kỹ viện hình thành một hệ thống quy củ làm ăn riêng biệt, có khi gọi là Hàng quy.

Trước hết, theo quy củ của đường tú phàm có khách

tới, thì Giúp việc cao giọng gọi một tiếng, nhưng trong đó lại có chia ra khách lạ và khách quen : nếu là khách lạ, thì Giúp việc chỉ xướng một tiếng "Khách tới", nếu là khách quen thì đều gọi Lão gia Mồ, thiếu gia Mồ. Nếu khách Mồ bày vai thứ hai, Giúp việc sẽ gọi "Nhị thiếu gia". Nhưng muốn được Giúp việc kêu một tiếng "Nhị thiếu gia" ấy cũng rất không dễ, ít nhất cũng phải mất vài trăm đồng.

Thứ hai, nếu khách chơi không thiếu tiền kỵ viện thì kỵ nữ không được kiểm cờ (như viện cờ xấu xí, lớn tuổi) mà khinh mạn, không chịu ứng thù, lại càng không được khách đang trong phòng mà vô cờ đuổi ra, cho người khác vào Bày rượu hoa Ngũ lại.

Khách chơi bày tiệc trong kỵ viện, ngoài việc trả tiền theo quy định, còn phải cho tiền thưởng (tức Tiền giày dép), số lương nhiều ít tùy khách, kỵ nữ, Bà dì và người trong kỵ viện không được mở miệng đòi số mục cụ thể. Nếu khách bày tiệc trước ngày rằm tháng giêng, theo hàng quy của đường tử phải chi Tiền giày dép gấp đôi, ví dụ mươi đồng phải trả hai mươi đồng, hai mươi đồng phải trả bốn mươi đồng. Đương nhiên khách thưởng tiền ít sẽ bị Quán nhân, Bà dì và Chị lớn chế nhạo, vì vậy khách chơi bày tiệc đều tỏ ra vô cùng phóng khoáng.

Khách chơi trong kỵ viện không được tự ý đi bừa vào các phòng. Phàm các phòng có buồng rèm thì bất kể là khách nào cũng nhất định không được bước bừa vào.

Ngoài ra, theo quy cũ của Bắc bang, khách Gọi cuộc Quán nhân, Quán nhân ấy phải tới thăng chõ mọi người đang ăn tiệc mới được cáo từ. Nếu có người khác Gọi cuộc, hoặc có người đang uống rượu đánh bạc trong kỵ viện thì phải xin phép khách trước mặt đi vắng một lúc, tới chõ khác rồi sẽ trở về tiếp tục ứng thù.

2. Gia pháp của kỹ viện

Trong kỹ viện, chủ chứa hoặc Lãnh ban, Bản gia rõ ràng là kẻ thống trị tối cao, các thành viên trong kỹ viện bao gồm kỹ nữ và đàn ông đàn bà Giúp việc đều chịu sự chi phối của chủ chứa hoặc Bản gia. Việc họ trách phạt đánh đập kỹ nữ trước nay vẫn được coi là thiên kinh địa nghĩa, không còn gì phải bàn. Kỹ nữ đối với sự trách phạt phán xử của chủ chứa, Bản gia, bất kể có thích đáng hay không, cũng phải ngoan ngoãn vâng lời, không được chống đối. Vì chủ chứa và Bản gia phần lớn đều là bọn lưu manh, kỹ nữ xuất thân, mang nhiều tố chất ngu muội, dã man, lại thêm họ vốn có một hệ thống chuẩn mực hành vi khác hẳn với xã hội chính thống, vì thế gia pháp của họ càng mang tính tàn khốc. Nguồn gốc của từ Chủ chứa (Nha mẫu) chính là bằng chứng phụ về việc họ ngược đãi kỹ nữ. Thượng Bình Hòa trong *Lịch đại xã hội phong tục sự vật khảo quyển* 44 nói "Kẻ bộc thán, là nói dùng roi đánh đập kỹ nữ trẻ, cơn giận bộc phát như than (thán) bốc cháy (bộc). Cũng gọi là Nha mẫu, đại khái là chữ Bộc nói chêch đi". Gia pháp của họ có dùng que sắt nung đỏ đốt tay đốt ngực kỹ nữ, có dùng roi đánh vào lưng vào mông, có khi phạt quỳ đội gạch hay tảng đá giặt áo trên đầu, có khi trói chặt treo lên đánh đập, thậm chí có khi bỏ mèo vào đũng quần kỹ nữ cho cào cấu vân vân. Trong đó các loại gia pháp thường thấy nhất có :

a. *Tế roi* (Tế tiên). Cái gọi là roi, hàng thoại trong nghề kỹ nữ gọi là Roi vạn năng (Van năng tiên), dùng dây da bện thành, trong cẩm hòn trăm mũi kim lộ ra ngoài khoảng hai phân. Lúc tế thì đặt roi trước bài vị Ngũ đại tiên. Đến lúc đêm khuya vắng người, sai kỹ nữ thấp hơng quỳ cạnh bàn thờ, do bọn Đầy tớ rùa (Miết đầu) nói rõ bản sắc của kỹ viện, lấy "đại nghĩa" hiểu dụ, giờ trò mềm mỏng, kế đó lại dọa nạt, nếu dám chống đối, hoặc định bỏ trốn, át sẽ dùng tới "gia pháp". Sai kỹ nữ cầm Roi vạn năng lên nhìn kỹ, sau đó đưa

cho Đầy tớ rùa treo lên cái vòng trong mệt thắt, đến khi kỹ nữ tò vè phục tùng mới thôi. Nếu kỹ nữ bỏ trốn mà bị bắt về, hoặc tra xét được rõ ràng là có ý bỏ trốn, thì Đầy tớ rùa và Lão bản sẽ giam kỹ nữ vào phòng tối, cởi quần ra, trói giật cánh khuỷu treo lên xà nhà, dùng Roi vạn năng đánh đập, gọi là Thủ roi (Thí tiên). Có lúc cũng sai các kỹ nữ khác đứng ngoài cửa xem, có ý giết một người dọa trấn người. Cái gọi là Thủ hoàn toàn không phải là đánh nhẹ, mà đánh tới hàng trăm roi, khắp người tóe máu, hơi thở hoi thóp mới dừng. Kỹ nữ bị trừng phạt hôm sau vẫn phải tươi cười tiếp khách, không được để lộ nửa điểm dấu vết, nếu hơi hé ra cho khách biết, Đầy tớ rùa biết được sẽ đánh nữa, gọi là Lên gãm (Thượng dai khang - ý là ăn cơm hàng ngày). Một số Lão bản độc ác không những đánh đập kỹ nữ bỏ trốn bị bắt về mà còn cho kỹ nữ liên tiếp hai ngày không có khách Lên gãm. Đương nhiên vì đặc điểm nghề nghiệp nên theo lệ trước nay là đánh lên người không đánh lên mặt, đánh phía sau không đánh phía trước⁽¹⁾.

Về loại gia pháp Thủ roi này, tiểu thuyết *Song hạp hoan* của Thanh Tâm tài nhân thời Thanh chép như sau :

"Má Tú sai bọn tay chân lột hết quần áo Thúy Kiều ra, cả vải bó chân cũng lột sạch, lấy dây buộc chặt trước ngực, xỏ qua hai khuỷu tay, buộc chặt hai ngón tay cái, treo lên trên xà nhà. Cách đất ba tấc, chỉ cho mũi chân chạm đất. Trên vách tường cũng có một người giả bị trói treo lên, chỉ không cởi quần lót của y. Thúy Kiều không tấc vải che thân, trần truồng như nhộng, xấu hổ không có lỗ nể mà chui. Đến lúc ấy sống chết do người, một thân vô chủ, chỉ dành nhấm nghiem hai mắt, tùy theo ý họ. Má Tú chửi "Đồ dâm

(1) Xem thêm Ban Biên tập địa phương chí Thành phố Khai Phong, *Khai Phong dân tục* (Nội san).

phụ, quân tiện nhân! Ta bảo ngươi tiếp khách, ngươi lại lấy dao cưa cổ dọa ta, vậy ngươi theo người ta trốn đi làm gì? Loại hèn hạ như ngươi không đánh thì làm sao chịu sợ!". Bèn rút roi da ra đánh một mạch hai ba mươi roi. Đáng thương cho Thúy Kiều, chưa từng bị đánh đậm lần nào, tay bị buộc chặt treo lên, chỉ còn hai ngón chân cái chạm đất. Đánh một roi xoay một vòng, xoay chuyển không thôi. Đúng là Nhân tình tự thiết phi vi thiết, Hình pháp như lô khước thị lô (Lòng người tựa sắt không là sắt, Hình phạt như nung lại đúng nung). Thúy Kiều muốn chết không được, muốn sống không được, năn nỉ "Má ơi, đừng đánh nữa, con chết mất". Má Tú nói "A, ngươi muốn chết à, thì ta đánh cho ngươi chết", lại đánh một mạch hai ba mươi roi nữa. Thúy Kiều run sợ, nói "Má, thật là đừng đánh nữa, má cứ bán con đi". Má Tú nói "Ta đang muốn đánh ngươi rồi sẽ bán". Lại đánh thêm hai ba chục roi. Lúc ấy Thúy Kiều gần như tắt thở... Chịu đau không nổi, nài nỉ nói "Má, đúng là con không phải. Từ nay về sau không dám phạm lỗi nữa, xin nghe lời má dạy bảo. Xin má giơ cao đánh khẽ, Vương Thúy Kiều nhất thời nồng nổi, bị Sở Khanh lừa dối, bỏ má trốn đi, vốn không phải bẩn ý của con. Hôm nay hỏng việc roi vào tay má, sống chết tùy má, còn mất tùy má. Chỉ xin má thương con rời nhà xa quê, lưu lạc tới đây. Xin má ngoài hình phạt ban nhân đức, mở một mặt lưới. Má, Thúy Kiều quả thật không chịu đòn được nữa. Đáng thương Vương Thúy Kiều lên trời không lỗi, xuống đất hết đường, đau đớn nát lòng xé ruột. Má, có thể tha được thì nên tha, má không nghĩ tới người cũng nên nghĩ tới tiền, cũng nên tha con lần này. Má, lần này má có lời gì, nếu con không nghe hãy đánh cũng chưa muộn mà".

Nói tới chỗ đau lòng, người chung quanh ai cũng ứa nước mắt. Má Tú nói "Thế thì cứ đánh thêm một trăm roi nữa rồi sẽ theo lời ngươi". Bèn cầm roi lên định đánh tiếp. Thúy Kiều hoảng sợ nói "Thôi đi, không chịu nổi nữa đâu, sẽ chết đấy". Đầu lắc lắc ba lần, chân giật giật mấy cái. Chỉ thấy mười đầu ngón chân phun máu tươi, tóc tai xõa tung, miệng sùi bọt trắng, khóc mắt ứa máu. Mọi người nhìn thấy cảnh tượng như thế, nhất tề quỳ xuống van xin cho nàng, Má Tú thấy tình trạng như thế cũng sợ chết người, bèn ưng thuận nói "Vì mọi người xin, nên tha cho ngươi, từ nay trở đi mà trái lời ta thì chịu bao nhiêu roi?" Thúy Kiều nói "Nếu còn trái quy củ của má, xin nhận một trăm roi". Má Tú nói "Từ nay trở đi, thấy người phải bước ra đón, khách tới phải gọi pha trà, tươi cười lấy lòng, đón mời hầu rượu, đều không được trái lệnh. Nếu trái sẽ đánh một trăm roi da". Thúy Kiều rối rít nói "Thì đúng là thế"⁽²⁾.

Từ sự miêu tả trong tiểu thuyết, chúng ta không khó tưởng tượng ra sự tàn khốc của hình phạt đánh roi.

b. *Dánh mèo không đánh người*. Trong kỹ viện còn lưu hành hình phạt vừa tàn khốc vừa độc ác "đánh mèo không đánh người". Cái gọi là Dánh mèo không đánh người là trói chặt tay chân kỹ nữ đặt lên giường, bắt một con mèo bỏ vào đung quẩn nàng, sau đó buộc chặt lưng quần và ống quần lại, dùng gậy tre đánh mèo. Con mèo bị đau tự nhiên cào cấu trong quần kỹ nữ, dùng móng sắc cào bừa hạ thể của kỹ nữ, khiến kỹ nữ không sao chịu được, sau cùng đành phải khuất phục. Loại hình phạt tàn độc này đã khiến kỹ nữ bị hình phạt phải khuất phục chủ chứa, lại không ảnh hưởng tới việc kỹ nữ tiếp khách sau đó. Quả thật có thể nói là một

(2) *Song hợp hoan*, quyển 9, hồi 10.

"phát minh" tàn ác của kỹ viện.

c. **Nung đốt**. Cái gọi là Nung đốt (Hỏa chước), là dùng que sắt, kim sắt nung đỏ hoặc que tre đâm vào mông kỹ nữ. Loại hình phạt này còn tàn khốc, độc ác hơn hai loại đã nói trên. *Điểm thạch trai họa báo* cuối thời Thanh, tập Mão có chép về cực hình ngược đái kỹ nữ thê thảm này "Chủ chứa tàn ác là mụ Vương ở Thương Kiều Tô thành có con gái nuôi tên Nám Nám, rất xinh đẹp, mụ ta muốn lấy đó làm Cây tiền. Nhưng cô gái sống trong chốn Câu lan song nét na, không chịu tiếp khách, mụ ta giận vì không vâng lời, nung đốt cây tiêm thuốc phiện đốt hai vú".

3. Tiếng lóng trong nghề kỹ nữ

Ngôn ngữ riêng của nghề kỹ nữ đã nảy sinh từ thời Tống, như người đương thời gọi ca kỹ là Lược gỗ dầu (Du thủy sơ), khách chơi là Thằng già (Cô lão), Anh rể (Thu phu), chủ chứa là Liễu xanh (Liễu thanh), cha hờ của kỹ nữ là Quyết định, hai người đàn ông cùng ngủ với một kỹ nữ là Anh rể (Di phu), vào kỹ viện là Lén dài hoa (Thượng hoa dài), say mê kỹ nữ gọi là Thiệm biểu tử, vân vân. Đến thời Minh Thanh tiếng lóng chuyên dùng trong nghề kỹ nữ lại càng thịnh hành, đã xuất hiện những trước tác như *Kim Lăng lục viễn hàng ngữ*. Bước vào (Nhập mā) là tiếng lóng lưu hành đương thời, chỉ việc ngủ lại kỹ viện, như *Nam từ tự lục* của Từ Vị thời Minh viết "Nhập mā, là bước vào. Lối nói của kỹ viện". Nhảy máng (Khiêu tào) cũng là thuật ngữ lưu hành trong kỹ viện thời Minh, chỉ khách quen tới chơi bởi với một kỹ nữ khác. *Cánh thế thông ngôn quyển 31, Trọng Xuân Nhi trùng vượng Tào gia trang* "Xuân Nhi không yên tâm, ngầm bảo người đi gọi y, tuy không Nhảy máng nhưng vẫn đang ăn to uống lớn như cũ".

Đến thời cận đại tiếng lóng nghề nghiệp của kỹ nữ lại

càng phức tạp không sao kể xiết, như có khách tới cửa gọi là Xem sảnh (Khán sảnh), khách chọn kỹ nữ gọi là Khêu người (Khiêu nhân nhì), kỹ nữ được khách chọn gọi là Khách quẩy lên (Quái thượng khách), kỹ nữ ngủ với khách gọi là Quẩy khách (Quái khách), khách nhờ người giới thiệu giùm gọi là Khách bán vải (Bố khách), phòng của kỹ nữ được chọn gọi là Phòng minh (Bản ốc tử), khách không có một đồng gọi là Khuôn đồ gốm (Dao bì), theo người tới động gọi là Gặp mép (Yết biển), vài người cùng quen một kỹ nữ hoặc vài kỹ nữ cùng quen một người gọi là Hoa (Hoa tử), chọn kỹ nữ quen với bạn mình ở phương bắc gọi là Cắt hoa (Cát hoa), phương nam gọi là Xén mép (Tiễn biển), cùng ngủ với một kỹ nữ gọi là Anh em hoa (Hoa huynh hoa đệ), người cùng ngủ với một kỹ nữ gặp mặt nhau gọi là Hợp hoa (Hội hoa tử), khách nặng tình với kỹ nữ gọi là Khách quen (Thục khách), Khách nóng (Nhiệt khách), Khách có ơn (Ân khách), kỹ nữ nặng tình với khách chơi gọi là Người nóng (Nhiệt nhân nhì), khách hẹn ở lại uống rượu gọi là Khách ruột (Định khách), hẹn ở lại rồi sau đó lại nuốt lời gọi là Khách quay đầu (Hồi đầu khách), khách chơi già gọi là Thùng oan nghiệt (Oan thống), Gã mắc dịch (Ôn sinh), người Gặp mép theo bạn được giữ lại uống rượu Mượn giường khô gọi là Đùi ngủ (Thụy thoái), khách phá trinh kỹ nữ trẻ gọi là Khách xái nhất (Đá đầu khách) hoặc Lão già buộc lược (Sơ lộng cô lão), khách ngủ với kỹ nữ đã phá trinh gọi là Khách xái nhì (Đá nhì khách), người được giữ lại sau Khách xái nhất gọi là Kéo cửa thành (Ai thành môn), Rìa nồi (Loát oa), khách chơi vì bận việc không thể tới ngủ lại mà sáng tinh mơ đã tới ngủ với kỹ nữ gọi là Tới sớm (Hân tảo nhì), Tới lật thành (Đảo hân thành), Tới chăn nóng (Hân nhiệt bị trì), kỹ nữ tới kỳ kinh nguyệt gọi là Ra nệm (Lai điếm tử), kỹ nữ gặp kỳ kinh nguyệt hoặc đang mắc bệnh mà có khách quen tới chơi ra tiếp nhưng không giữ khách ngủ lại gọi là Giữ nệm (Thủ điếm tử) hoặc Giữ trời râm (Thủ

âm thiên), kỹ nữ tỏ vẻ kiều my thân thiết với khách gọi là Vận kình (Thượng kình nhi), kỹ nữ được gọi tới hiệu ăn hoặc nhà riêng của khách gọi là Lên mua bán (Thượng mại mãi), kỹ nữ và khách không hẹn mà gặp, khách viết thêm Phiếu gọi cuộc gọi là Thêm điều (Bổ điều tử), lúc kỹ viện mở cửa do khách đánh trống thường tiền gọi là Nghe đánh trống (Thính đả cổ), kỹ viện mỗi dịp lễ tết do khách bày cơm, đánh bài, nghe đánh trống một lần gọi là Mở chợ (Khai thị), kỹ viện trước ngày lễ tết vài hôm cho các kỹ nữ về nhà gọi là Lên xe (Thượng xa), kỹ nữ mỗi khi đến ngày lễ tết trở về kỹ viện gọi là Xuống xe (Hạ xa), kỹ nữ xuống xe xong được khách thường tiền gọi là Bưng xuống xe (Bồng hạ xa), kỹ nữ tới ngày lễ tết không về nhà gọi là Bán luồn (Liên thị), kỹ nữ và khách quan hệ đã thân thiết tới mức lưu khách ở lại gọi là Tới ban (Đáo ban nhi), kỹ nữ ngoài thu nhập thông thường còn vòi vĩnh tiền bạc của khách gọi là Kê thang thuốc (Khai phương tử), Kiếm hàng lẻ (Sao tiểu hóa), Chém búa (Trảm phủ đầu), kỹ nữ ra khỏi kỹ viện tiếp khách gọi là Qua ban (Quá ban nhi), kỹ nữ mới ra tiếp khách gọi là Vừa ra tay (Tân xuất thủ), kỹ nữ làm ra vẻ mặt lạnh lùng tiếp khách gọi là Thùng băng (Băng thống), khách chơi trong kỹ viện hất chân nhau gọi là Khách húc (Đỉnh khách), kỹ nữ hoàn lương gọi là Bay cao (Cao phi), khách chơi tuyệt giao với kỹ nữ gọi là Nồi bể (Liệt ỏa), khách chơi đã tuyệt giao với kỹ nữ nhưng sau khi điều đình hòa giải lại thân thiết với nhau gọi là Nồi hàn (Cư oa), kỹ nữ dùng mắt đưa tình gọi là Gợi ý (Điếu bàng tử), khách chơi đòi giấy đẻ mời khách gọi là Đòi tấm giấy (Nã chỉ phiến), kỹ nữ tư thông với Mã sư gọi là Khuôn dây đàn (Huyền tử sáo), kỹ nữ bồi tiếp chủ chứa hoặc đàn ông Lãnh gia qua đêm gọi là Tiếp quầy (Bồi quỹ), khách chơi tiẻ tuổi đẹp trai gọi là Mặt trắng nhỏ (Tiểu bạch kiềm), khách chơi xấu xí gọi là Chà và (Ấn Độ), khách chơi và kỹ nữ hôn môi nhau gọi là Cắn ngoan ngoan (Giảo quai quai), kỹ nữ ứng thù

không chu đáo để khách tức giận gọi là Khêu con mắt (Khêu nhän nhii), những đàn ông đàn bà giúp việc trong kỹ viện vào kỹ viện làm việc gọi là Nhận việc (Đối đương), Chị lớn tha thướt xinh đẹp gọi là Cái vỗ (Xác đầu) vân vân.

Đương nhiên trong các kỹ viện không cùng đẳng cấp thì tiếng lóng nghề nghiệp tự nhiên của khác nhau. Lấy kỹ viện ở Thượng Hải thời cận đại làm ví dụ, thì tiếng lóng nghề nghiệp trong các kỹ viện khác nhau tự hình thành hệ thống, đều có sự đặc sắc riêng.

a. Trường tam Thư ngũ

Chủ Thư ngũ Trường tam gọi là Bán gia, kỹ nữ là Tiên sinh, đầy tớ rùa là Giúp việc (Tương bang), con gái chủ chứa (con gái nuôi) là Tiểu bản gia, theo người khác vào kỹ viện là Tương biến đại thần, nhạc công đánh đàn cho kỹ nữ hát là Mã sư, kỹ nữ vừa được thu nhận vào kỹ viện là Hàng mới (Nguyên sinh hóa), kỹ nữ Bao trưởng là Bao thân thể, kỹ nữ Bán đứt là Thảo nhân, kỹ nữ Tự gia là Lõa kế, người có thế lực mà kỹ nữ dựa vào là Giữ cửa (Chưởng môn khẩu), khách chơi có tiền mà không biết gì, bị kỹ nữ và chủ chứa lừa gạt là Anh dê (Cái dương ca), khách chơi dè xén mà biết lễ phép là Thắt ống dẫn tinh (Quát tinh mả tử), khách chơi bỏ tiền ra không đáng là Gã mắc dịch (Ôn sinh), khách không giàu có nhưng thích chơi gái là Gã tham (Cực sinh), kỹ nữ nhờ chị em cùng kỹ viện tiếp khách thay là Thay kiệu (Đại kiệu), kỹ nữ đang ăn nên làm ra là Hồng quán nhán, kỹ nữ không có tên tuổi gì là Bếp lạnh (Lanh táo), tiền lẻ khách chơi thường cho người hầu hạ trong kỹ viện là Giày dép (Hạ cước) hoặc Tiền giày dép (Hạ cước đương tiền), kỹ nữ hoàn lương lấy chồng là Hạ bảng (Trừ bài tử), khách chơi chuộc kỹ nữ thường tiền cho những người hầu hạ trong phòng là Đưa mâm bạc (Tống ngân bàn), người làm trong kỹ viện chúc

mừng khách chuộc mình cho kỹ nữ là Dâng đào xuân (Hiến xuân đào), Mā sư chúc mừng khách chuộc mình cho kỹ nữ là Tặng áo đỏ (Tống hồng sam), lúc kỹ nữ có kinh nguyệt là Khóa sông (Phong giang), khách chơi đánh bài, ăn uống, ngủ lại trong kỹ viện là Ba vang (Tam hưởng đầu), khách chơi già nua là Lạy lẻ (Bái đơn), Lão gia ngồi (Ngõa lão gia), kỹ nữ bị động kinh là Ăn rau (Ngật tư thái), khách chơi thiếu tiền bỏ đi là Giặc chơi (Tiêu phi), khách chơi gian dâm với đầy tớ gái trong kỹ viện là Chấp chân (Tháp cước), khách chơi không hào sảng là Rút chỉ (Khiên ty), kỹ nữ thân thể to lớn thô kệch là Đại a phúc, khách chơi thân thể gầy nhỏ là Khỉ đầu (Du hổ tôn), kỹ nữ lớn tuổi hoặc chủ chứa tàn độc là Rết già (Lão bách cước), khách chơi có thân phận địa vị là Mâm trên (Thượng dài bàn), bán dâm để sinh nhai là Ăn cơm Bá thế (Ngật bả thế phan), chủ chứa ký kết khé ước với kỹ nữ là Viết giấy (Tả chỉ), khách chơi đánh mạt chược, ăn uống trong kỹ viện là Làm hoa (Tố hoa đầu).

b. Kỹ viện Xu kỹ

Giữa ban ngày hành dâm gọi là Đốt pháo (Đã pháo), ban đêm hành dâm là Làm cuộc (Tố cục), tiền khách ngủ lại qua đêm là Ném bàn (Phao bàn số), kỹ nữ đứng đầu đường kéo khách là Ngồi núi (Tọa sơn), kỹ nữ ở đầu đường rủ mời khách cùng về là Dâng hương (Hành hương), kỹ nữ bán dâm gọi là Làm ăn (Tố sinh ý), đầy tớ đàn ông quét dọn trong kỹ viện gọi là Giúp việc (Tương bang), đám du côn lưu manh mà kỹ nữ nhờ và lúc rảnh rỗi ghé lại ngủ qua đêm không trả tiền gọi là Chơi không (Trường bạch), kỹ nữ đã có khách bao vẫn tiếp khách khác gọi là Mặc áo tối (Phi soa y) vân vân.

c. Phòng Khói hoa

Kỹ nữ mà kỹ viện mới mua về gọi là Hàng khuôn (Sáo

hóa), kỹ nữ dựa cửa vẫy khách gọi là Đón Thần Tài (Tiếp Tài thần), kỹ nữ làm ăn không khá gọi là Cùn (Thất phong), kỹ viện hoặc kỹ nữ ăn nên làm ra gọi là Bén (Thượng phong), khách chơi không sành dùng tiền không đúng mức gọi là Lão sộp (Sung đầu tử), khách chơi hoặc kỹ nữ mắc bệnh dương mai gọi là Đỗ Trạng nguyên (Trúng Trạng nguyên), kỹ nữ bị chủ chứa đánh đập chửi mắng gọi là Ăn điếu (Ngật điếu tử), khách chơi mới tới Phòng khói hoa chơi gái gọi là Rơi núi (Lạc sơn), khách chơi bao tiền cho kỹ nữ gọi là Quẩy đở (Quái hông), phí tổn khách chơi thỉnh thoảng ghé lại kỹ viện ngủ qua đêm gọi là Tiền nhang (Hương đầu), khách chơi sướng ngất gọi là Đóng cửa phòng (Quan phòng môn) vân vân.

d. Bàn định

Khách chơi gọi là Mắm già (Lão bào), khách chơi lập tức sướng ngất là Phóng ngựa (Bão mã) hoặc Đóng định (Đá định), khách chơi qua đêm là Đến sáng (Thông tiêu), kỹ nữ đòi thêm tiền của khách là Gậy giải sâu (Đá muộn côn), phí tổn khách chơi ngủ lại qua đêm là Cái định (Định tử), kỹ nữ kéo khách là Kéo xác (Lao tử thi), kỹ viện hoặc kỹ nữ làm ăn không khá là Làm ngược (Đảo tác), người vừa làm kỹ nữ là Hàng mới (Tân sơn hóa).

e. Trại thịt người

Kỹ nữ trong kỹ viện gọi là Hàng (Trang hóa), Con thịt (Hàm nhục), chủ chứa gọi là Trang chủ, kỹ nữ mà kỹ viện thuê gọi là Ngồi trại (Tọa trang), kỹ nữ gà lè ở nhà gọi là Bão trang, lưu manh mà kỹ viện dựa vào hay vợ chồng của chủ chứa gọi là Cái then (San đầu), thông gian gọi là Ngửa bài (Lộ thiên bài cửu), giới thiệu khách làm quen với kỹ nữ gọi là Lột da (Lụp bì điếu), khách ít tiền mà thích chơi gái gọi là Đại thiếu Hoa sen (Hà hoa đại thiếu), khách bị thua

thiết mà không biết là Gã mắc dịch (Ôn sinh), khách chơi nhờ người khác chọn kỹ nữ giúp là Xem hàng (Định hóa) vân vân⁽³⁾.

Ngoài ra tiếng lóng nghề nghiệp của kỹ nữ ở nam bắc Trung Quốc cũng có sự khác biệt rất lớn. Như kỹ nữ Ra cuộc, phương nam gọi là Ra hát (Xuất đường xướng), phương bắc gọi là Ra điêu (Xuất điêu tử), đầy tớ rùa trong kỹ viện, phương nam gọi là Giúp việc (Tương bang), phương bắc gọi là Đàn ông (Nam ban tử), Bình trà lớn (Đại trà hồ), khách chơi chọn kỹ nữ thân thiết với bạn của mình, phương bắc gọi là Cắt hoa (Cát hoa), phương nam gọi là Xén mép (Tiễn biên), kỹ nữ thì Thượng Hải gọi là Quán nhân, một dải Thiên Tân gọi là Cô nương, kỹ viện thì Thượng Hải gọi là Đường tử, Thiên Tân gọi là Quật tử vân vân, phản ánh sự khác biệt về văn hóa giữa hai vùng nam bắc Trung Quốc.

III. Nhân viên trong kỹ viện

Ngoài kỹ nữ, kỹ viện còn có rất nhiều nhân viên làm những việc liên quan, như Lão bản, nam nữ Tương bang, Mã sư và Tiên sinh kế toán. Bọn họ trong kỹ viện ai lo việc người ấy, có tác dụng phối hợp với nhau.

1. Cha hờ mẹ hờ

Cha hờ mẹ hờ tức cha mẹ nuôi của kỹ nữ còn gọi là Can gia Can má. Họ là Lão bản, Bản gia trong kỹ viện, cũng là gia trưởng của kỹ nữ.

Cha hờ mẹ hờ phần lớn là kẻ âm hiểm xảo quyệt, mất hết nhân tính. Họ dưới sự hấp dẫn của tiền bạc, đều không

(3) Xem thêm Khúc Ngạn Bân, *Trung Quốc dân gian bí mật ngữ* (Tiếng lóng dân gian Trung Quốc), Tam Liên thư điểm, Thượng Hải phân điểm, 1990.

ngó ngàng gì tới đạo đức luân lý, tình nghĩa ruột thịt. *Thanh sam lê* thời Thanh miêu tả nhân vật Kiên bà như sau “Thi mang trong đồng bạc, yên thân trong tiền bạc, mờ kỹ viện đem con ra bán”, chính là miêu tả rất chính xác về mẹ hờ. Họ coi kỹ nữ là Cây tiền, Chậu cùa, không chọn thủ đoạn ép kỹ nữ bán dâm, diễn cuồng giày vò tinh thần và thể xác của kỹ nữ, là loại căn bã của xã hội, là kẻ bóc lột không làm mà ăn.

a. Cha hờ

Cha hờ còn gọi là Quyết định, Quy đầu, Miết đầu, Quật chủ, Đường chủ, Nam bản gia, Ngũ nô, Bát lão, Can gia, Phùn lão.

1. **Quyết định** còn gọi là Quyết (*quyết = tâm + quyết*) là từ gọi Quy nô. *Ung Hy nhac phủ*, *Điểm giáng thần*, màn Vũ ước vân tinh “Con ta đợi xem hàng mới, đời nào chịu tái giá với Quyết định”. *Nhất chi hoa*, *Tư tình* của Kiều Cát “Lão bà bà ngồi giữ hành giám, Quyết định ác sáng bốn chiều ba”. Từ việc đem lão bà đổi với Quyết định trên đây, có thể thấy đó là Lão bản, tức Cha hờ.

2. **Đại bá**. *Thủy hử truyện* hồi 69 viết “Tới nhà Lý Thụy Lan, Đại bá nhìn thấy Sứ Tiến, giật nảy mình”.

3. **Bản gia**. *Hải thương hoa liệt truyện* hồi 27 viết “A Toán ta là Bản gia”.

4. **Ngũ nô**. *Mộng lương lục* của Ngô Tự Mục thời Nam Tống, quyển 16 “Lai có quán trà, là nơi bọn Ngũ nô chuyện tụ họp”. *Lưu Hàng thủ* màn 2 “Thì nghe lời Kiên bà, Ngũ nô dạy, chứ đừng nghe lời thần tiên”.

b. Mẹ hờ

Mẹ hờ tức nữ chủ nhân trong kỹ viện. *Bắc lý chí giải*

thích “Mẹ của kỵ nữ phần lớn là Mẹ hờ. Tục gọi là Bộc thán, không biết nguyên do, có lẽ là điển cố cha mẹ chồng khó tính”. Còn gọi là Nha mẫu, Nha nhi, Nha kỵ, Quy bà, Phủ súc nương, Bạc mẫu, Má nhi, Thanh liễu, Bốc nhi, Bảo nhi, Kiền bà, Bác ma vân vân.

1. Nha mẫu. Chu Quyền thời Minh trong *Thái hòa chinh ám phố*, *Tù lâm tu tri* viết “Kỵ nữ già gọi là Nha. Nha giống con nhạn mà lớn hơn, không có ngón sau, sắc rắn ri, dâm dăng không chán, chim nào cũng nhảy được, người ta còn gọi là Độc báo. Người nay dùng chữ Nha là vì như thế”. Người sau dùng đó gọi Mẹ hờ (hoặc mẹ nuôi) của kỵ nữ là Nha mẫu. Nha mẫu còn gọi là Nha nhi, Lão nha, như Lưu Đình Tính trong *Trại nhi lệnh*, *Giới tiêu dăng* “Quyết định oai lầm lầm, Nha nhi ác lang lang” (Cha hờ oai lầm liệt, Mẹ nuôi tướng dữ dần). *Khúc Giang tri* màn 2 “Khă kham Lão nha thái vô ân, Phách hạ cô bần bán tử thân” (Nghĩ xem chủ chứa rất vô ơn, Bỏ mặc người nghèo cứ chết dần).

2. Bảo nhi. *Liễu doanh khúc*. *Phong nguyệt đám* của Vô danh thị “Bảo nhi tâm hùng cù củ, Quyết định kiểm lanh sưu sưu (Bảo nhi lòng mạnh mẽ, Quyết định mặt lạnh lùng).

3. Bạc mẫu. *Thanh hạnh tử*, *Ngộ mê* của Mā Trí Viễn viết “Cũng không sợ Bạc mẫu trách mắng, đám con xưa nay vẫn biết tinh nết”.

4. Bác ma. *Tống Nguyên hý văn tập dật*, *Trương Tư Uyên ương dăng* “Nô gia từ nhỏ rơi vào chốn yên hoa, bị người Bác ma này cấm đoán, chịu đủ sự hành hạ”.

5. Bốc nhi. *Mặc nga tiếu lục* quyển 14, *Hàng viện thanh thốc* “Nhân vật : Nam kỵ mẫu, Bốc nhi”.

6. Má nhi. *Cửu phong trân* màn 1 “Nàng dốc lòng lấy ta, ta dốc lòng cưới nàng làm vợ, nhưng Má nhi của nàng không chịu”. *Khúc Giang tri* màn 2 “Người không sợ người ngoài chê cười, Má nhi tức giận, gia già ta trách phạt sao!”.

7. Má má. *Tuyên Hòa di sự* viết “(Lý) Sư Sư nghe nói, sợ đến nỗi hồn bất phụ thể, vội rời chỗ tối nói với mẹ nàng... Lý Má má nghe câu ấy hoảng sợ chạy đi nói với hai dãy phòng tắm hữu tùng giết Tôn Vinh”. *Vân song mộng* màn 2 “Thiếp rơi vào nhạc tịch Lạc Dương, chỗ Trương Má má”.

8. Liễu thanh, vì chủ chứa sắc mặt âm trầm lạnh lùng mà thành tên. Như *Vân song mộng* màn 3 “Hận là hận gã Phùng Khôi xấu xa, bán ta cho Liễu thanh”. Vương Trọng Nguyên trong *Phổ thiên nhạc* “Liễu thanh nghiêm, oan gia tạm. Tình truyền nhân giác, hận ký mi tiêm” (Chủ chứa nghiêm, oan gia khắc. Tình đưa khóc mắt, hận gởi đuôi mày).

2. Bà dì, Chị lớn

Bên trong kỹ viện chủ yếu là Bà dì, Chị lớn, họ là đầy tớ gái trong kỹ viện, là người giúp việc cho kỹ nữ. Trong đó người có chồng gọi là Bà dì (Di nương), người còn trẻ chưa lấy chồng gọi là Chị lớn (Đại thư). Họ chủ yếu phụ trách việc tạp vụ trong phòng kỹ nữ, như quét dọn bàn ghế, bưng cơm rót nước, dọn dẹp giường chiếu, cho tới những việc chải đầu trang điểm cho kỹ nữ, khách tới kỹ viện thì do họ bưng trà, đưa khăn, kỹ nữ Ra cuộc thì họ mang đàn đi theo, phụ trách cả việc bảo vệ, kiểm soát kỹ nữ.

Bà dì còn có loại gọi là Bà dì tối cùng (Đả đê nương di), Bà dì theo cuộc (Căn cục nương di), Bà dì nặng nhọc (Thô tố nương di). Bà dì tối cùng là người giúp việc trong phòng kỹ nữ trẻ, vì kỹ nữ còn quá nhỏ tuổi không thể giữ khách ngủ lại qua đêm mà lại gấp lúc có khách nhất định đòi ngủ lại qua đêm trong phòng kỹ nữ, thì do Bà dì tối cùng thay thế kỹ nữ trẻ qua đêm với khách. Tuy ăn chén cơm Bà dì trong Đường tử nhưng có câu “Mại chủy bất mại thân” (Bán miệng không bán thân), vì tất cả các Bà dì đều đã có chồng, có nghĩa vụ “giữ trinh tiết”. Nhưng ở chốn dục vọng thị phi, Bà dì muốn

giữ trinh tiết, làm một người trong sạch thì không phải chuyện dễ. Vì thế, nghề Bà dì tới cùng cũng theo đó mà nảy sinh. Bà dì theo cuộc chuyên phụ trách việc theo kĩ nữ ra đường sai, như A Quế trong *Tục hải thương phồn hoa mộng* là Bà dì theo cuộc của kĩ nữ Kính Hoa. Bà dì nặng nhọc là người giao cho kĩ nữ sai bảo, phụ trách các việc nặng nhọc như giặt giũ, dọn giường, quét nhà nấu cơm vân vân.

Chị lớn cũng có những tên gọi như Chị lớn tới cùng (Đã đê đại thư), Chị lớn theo cuộc (Căn cục đại thư), Chị lớn nặng nhọc (Thô tố đại thư). Bọn họ đều còn khá trẻ tuổi, nhiệm vụ là hầu hạ kĩ nữ trong những việc sinh hoạt hàng ngày, ngoài ra còn phải giúp đỡ kĩ nữ tiếp khách, như tiêm thuốc phiện, mời trà bánh vân vân, cũng như các a hoàn bên cạnh tiểu thư trong nhà quý tộc. *Hải thương hoa my ảnh hồi* 5 miêu tả :

“Chỉ thấy một Chị lớn khoảng mười bảy mười tám tuổi, búi tóc theo kiểu mới, giắt một chiếc trâm vàng, bên cạnh cầm một cây lẩy ráy tai bạc, đeo một đôi hoa tai vàng, khuôn mặt trái xoan, mày tía mắt sáng, thoa một lớp phấn mỏng, khẽ nhún nhảy như chim sẻ, mặc một chiếc áo sa bó sát người tay bằng cổ rộng, thêm một chiếc áo khoác bằng sa mịn, một chiếc quần màu nguyên sắc, chân đi một đôi hài hố điệp màu hổ sắc, tay đeo vòng bạc dát mỏng, tay trái đeo một chiếc nhẫn vàng, cầm một chiếc tiêm thuốc phiện bằng bạc. Mọi người thấy Chị lớn này tuy không phải mười phần xinh đẹp, nhưng cũng khá phong tao, đều chăm chú nhìn chị ta”.

Ngoài ra, Chị lớn tới cùng còn phải thay kĩ nữ trẻ tiếp khách ngủ lại. Như Tiểu Thúy trong *Tục hải thương phồn hoa mộng*, “Từ trước đã làm Chị lớn tới cùng trong kĩ viện Di Tình Các phường Thanh Hòa, mặt mũi khá sáng

sửa⁽⁴⁾. Mà Chị lớn theo cuộc cũng phải Ra đường xuống với kỹ nữ, giúp đỡ kỹ nữ ứng thù với khách, vì vậy cũng thường bị đám khách chơi ha lưu lăng nhục vô lý. Địa vị của họ trong kỹ viện rất thấp, đời sống cực kỳ bi thảm. Ví dụ A Xảo trong tiểu thuyết *Hai thương hoa liệt truyện*, lúc mười bốn mươi lăm tuổi đã làm thuê trong kỹ viện, chịu đủ mọi sự vất vả và hành hạ, cô ta khóc lóc nói với chồng mới cưới rằng :

“Tôi làm Chị lớn, một tháng lãnh lương một đồng, từ tháng Giêng đến nay chưa được ba đồng Tây dương, đã gửi về quê, bây giờ chỉ còn hai hào tiền Tây dương”.

Cho dù là tiền công “mỗi tháng một đồng” như thế cũng không dễ có được, họ phải làm việc vất vả tới mức người thường không sao chịu nổi :

“Sáng sớm vừa dậy, ba cái bàn đèn, tám cái điếu hút thuốc lào thì phải tôi dọn dẹp. Lại thêm ba gian phòng, quét dọn, dọn bàn, đổ ống nhỏ, lục lý tất cả chưa làm. Suốt buổi chiều giặt quần áo, một đồng quần áo đều giao cho tôi, suốt cả ngày đêm không lúc nào được rảnh rỗi. Có lúc khách khứa đánh bạc, suốt đêm không nghỉ, đến sáng vẫn còn chơi, không hề mệt mít, tôi không thể dọn phòng”.

3. Giúp việc

Đây tố trai trong kỹ viện gọi là Ngoại trưởng, Ngoại thế, Tương bang, Quy nô, Quy trảo, Bát lão, Vương bát, Vong nhân, Nam lãnh ban, Đại trà hồ, Miết thoái, Nhị gia.

1. Quy nô. Từ Quy nô này bắt đầu từ thời Minh. Vương Sĩ Trinh đầu thời Thanh trong *Tri bắc ngẫu đàm*, quyển 22, *Danh quy* nói “Lân phụng quy long gọi là tứ linh, từ thời Hán

(4) *Tục hải thương phồn hoa mộng*, hồi 22.

Đường Tống trở đi những người lấy chữ Quy để đặt tên nhiều không kể xiết. Đến thời Minh lại coi đó là sự kiêng kỵ, thật không sao hiểu được". Lại căn cứ *Cai dù tùng khảo* của học giả Triệu Dực thời Thanh, quyển 38, *Huy quy* thì Quy nô là chỉ đàn ông cho vợ đi lang chạ, người đương thời lấy đó để gọi đám Giúp việc (Tương bang).

2. **Bát lão.** *Cổ kim tiểu thuyết* quyển 3 "Ngô Sơn vào cửa hiệu, mua hàng một lúc. Bát lão bên trong bước ra mời uống trà, mời vào trong".

3. **Nhị gia.** *Hải thương hoa liệt truyện* hồi 5 "Có Nhị gia bước ra đỡ kiệu".

Trong các kỹ nữ hạng sang ở Thượng Hải thời cận đại có đặt ra đám Giúp việc khiêng kiệu, kéo xe, Giúp việc trực trong phòng, Giúp việc phân phối kỹ nữ, mời trà khách chơi, Giúp việc canh đêm, ở phương bắc thường thấy có đám Đại trà hồ, Bão sảnh, Đại trà hồ chuyên phân phối kỹ nữ, mời trà khách chơi, Bão sảnh thì cũng tương tự đám Giúp việc đưa khách lên phòng trong các kỹ viện ở phương nam. Tóm lại nhiệm vụ của đám Vòng ngoài (Ngoại trường) chủ yếu là: đón khách, giúp khách chọn kỹ nữ, đưa Phiếu gọi cuộc, giục kỹ nữ Ra cuộc, Bày tiệc, đòi nợ, khiêng kiệu, đồ rác, mua trái cây, pha trà, canh cửa và bảo vệ trật tự trong kỹ viện, giám thị hoạt động của kỹ nữ. Địa vị của họ trong kỹ viện rất thấp kém, phàm người trong kỹ viện đều có quyền sai phái.

Vòng ngoài tuy là việc hèn hạ nhất trong kỹ viện, nhưng không phải bất cứ ai cũng làm được, nó cần có một kỹ năng nhất định. Phàm kẻ làm Vòng ngoài trong kỹ viện phần lớn đều là bọn vô lại ở chợ búa mềm nắn rắn buông, biết xem lời nói xét sắc mặt, biết ăn nói. Họ đều có một khả năng đặc biệt thế này : chỉ cần khách chơi vào kỹ viện một lần, thì lần thứ hai bước vào, bất kể là xa cách bao lâu, họ cũng nhất định nhớ được tên khách là gì, lần trước là ai tiếp đãi, quả có thể nói là huấn luyện có bài bản.

4. Bì điêu khách

Bì điêu khách là chỉ loại người ăn không ngồi rồi trong xã hội thường đi lại trong kỹ viện, làm mối lái cho kỹ nữ và khách chơi. Họ tuy không phải là người trong kỹ viện, nhưng có quan hệ mật thiết với kỹ viện.

Bì điêu khách trong tiếng lóng nơi chợ húa thời Tống Nguyên trở đi còn gọi là Nhàn gia, Mã bạc lục, Miệt phiến, Bang nhàn vân vân.

Mã bạc lục, còn gọi là Mã bách lục, Mã bá lục, Mã bác lục, là chỉ người chuyên làm việc quan hệ nam nữ bất chính. Chủ Nhân Hoạch trong *Kiên biêu tập*, *Quảng tập*, quyển 6 nói “Tục gọi kẻ làm mối lái là Mã bá lục, không rõ nghĩa, ngẫu nhiên thấy trong *Quần toái lục* chép : Đàn ngựa ở phương bắc, mỗi một con đực thì có hơn mươi con cái đi theo, con cái đều theo con đực, không vào bầy khác, nên gọi phụ nữ là Má má^(*). Nếu tính là ngẫu nhiên, cũng là mỗi con ngựa đực thì dùng sáu con ngựa cái, nên gọi là Mã bá lục chăng? Một thuyết nói khi ngựa giao hợp át dụng đứng lên như người đưa vào cửa ngựa cái, nên gọi là Mã bá lục”. *Thạch điểm đầu*, quyển 12 “Bạn ăn không ngồi rồi trong xóm làng, lại làm Mã bách lục cho người ta”. *Kim Bình Mai* hồi 57 “Y lại đi làm một gã Mã bát lục, kiếm được nhiều tiền”.

Ngoài dám Cha hờ Mẹ hờ, Bà dì, Chị lớn, Giúp việc, Bì điêu khách nói trên, một số kỹ viện hạng sang còn có các nhân viên như Mã sư, Tư trưởng, Tư thái, Xa phu. Mã sư tức thầy nhạc trong kỹ viện đều phổ biến trong cả kỹ viện ở hai vùng nam bắc, kỹ nữ theo lời gọi Ra đường xuống, Mã sư át cầm đàn đi theo, đàn giúp vui trong tiệc. Tư trưởng là tiên sinh kế toán trong kỹ viện. Tư thái tức đầu bếp trong kỹ viện.

(*) Chữ Má đây trong Hán tự viết với *nǚ + mā*.

Chương 4

Phương thức tiếp khách của kỹ nữ

I. Phương thức tiếp khách của kỹ nữ

Kỹ nữ tiếp khách có phương thức nhất định, trong đó phương thức của kỹ nữ hạng sang rất rắc rối, thông thường có Uống trà (Đá trà vi), Ra hát (Xuất đường xương), Uống rượu hoa (Ngật hoa tú), Ngủ đêm (Trú cục).

1. Uống trà

Uống trà còn gọi là Gặp uống trà (Đá trà hội), Mở mâm (Khai bàn nhỉ), Uống trà lớn (Yết đại trà), chỉ việc khách chơi tới kỹ viện nghe hát, chọn một kỹ nữ bồi tiếp, cùng là lợi vui vẻ, kỹ viện sẽ đưa lên một bình trà và một đĩa hạt dưa mời khách. Tục lệ này lưu hành ở các kỹ viện hạng sang.

Uống trà có nghi thức nhất định. Vòng ngoài vừa thấy có khách lạ tới, sê cao giọng gọi "Khách tới", dùng chén trong sảnh pha cho khách một chén trà. Chén trà trong kỹ viện rất có quy củ, loại chén nhỏ mà thô gọi là Chén trà đầu vườn (Viên đầu trà uyển), chuyên dùng để mời trà khách lạ với lần đầu. Khách lạ qua sự giới thiệu đã ưng ý kỹ nữ nào, kỹ nữ ấy sê vào phòng mình lấy một cái chén tinh xảo đẹp đẽ, pha trà ngon đích thân bưng cho khách, gọi đó là Thêm chén trà (Gia trà uyển), biểu thị việc đính ước giao du giữa kỹ nữ với khách, tục gọi là Vin tình (Phàn tương hảo). Kế đó, Vòng

ngoài sê bung Khô ướt (Can thấp, tức kẹo mứt) lên. Lúc ấy khách phải bỏ tiền ra, đặt lên khay trà, gọi là Tiền khay (Bàn tử tiền) hoặc Làm khay (Đã trà bàn). Tục lệ này trong *Cửu vĩ quy hồi* 143 có ghi lại rất chi tiết:

"Kim Quan sát dột nhiên nói với Thu Cốc "Ta quên mất một chuyện. Người vừa vào đây, chưa có người tình, thì chọn một trong những Thanh quán nhân ở đây được chứ?". Thu Cốc nghe thấy, gật đầu ưng thuận. Kim Quan sát lại nhìn Kim Lan nói "Mau gọi họ lên đây ra mắt". Kim Lan dạ một tiếng, bước ra ngoài phòng. Chỉ nghe Vòng ngoài cao giọng xướng một tiếng "Có khách!". Kim Lan liền quay người đi luôn. Trong giây lát, tiếng cười nói huyên náo, các kỹ nữ kéo tới, cao thấp lố nhố hơn mười mấy nàng bước vào, cũng có người lớn tuổi, có người nhỏ tuổi, có người đẹp, có người xấu, lũ lượt kéo vào, đứng đầy cả phòng. Có người liếc mắt đưa tình, có người tươi cười khêu gợi, có người cười khúc khích, có người cầu vén nhau. Người nào cũng làm duyên làm dáng, ra vẻ phong tình. Thu Cốc nhìn kỹ từng người một lượt, cảm thấy không có ai vừa mắt, toàn là bọn tầm thường, không có người nào xuất sắc. Chỉ có một nàng bước vào sau cùng, khoảng mười bảy mười tám tuổi, mặc một chiếc áo sa màu huyền thiết, một chiếc quần sa màu thanh thiên, đôi bàn chân nhỏ bốn tấc đi một đôi hài bảo lam bình kim cong vút, tóc trên đầu chỉ búi qua, không mang một món nữ trang nào nhưng càng rõ vẻ mặt sáng rạng rỡ, mặt ngọc môi son, mày như vầng trăng, má như ráng chiều... tư thái yêu kiều, dáng vẻ xinh đẹp. Thu Cốc nhìn nàng một cái, rồi chỉ vào nàng hỏi Kim Quan sát "Nàng kia tên gì?". Kim Quan sát vỗ tay cười nói "Quả nhiên nhân lực của người không kém! Nàng tên Vân Lan, cũng mới từ

Thượng Hải tới, ngũ lại trong ban Bảo Hoa này. Đến nay lại được người ưng ý". Thu Cốc nghe xong bèn bước qua nǎm bàn tay Vân Lan nhìn kỹ một lượt. Vân Lan bị Thu Cốc nǎm tay hơi bực mình, nguýt Thu Cốc một cái nói "Làm cái gì thế? Từ từ hãy nhìn có được không?". Thu Cốc cười khẽ, buông tay nàng ra. Vân Lan lướm Thu Cốc một cái, quay lại gọi khẽ một tiếng "Mang hạt dưa lên" chỉ nghe bên ngoài dạ một tiếng, mang vào hai đĩa hạt dưa. Vân Lan đón lấy, đầu tiên mời Quan sát, kế mời Thu Cốc, lại nhìn Thu Cốc cười khẽ một tiếng. Thu Cốc bèn kéo tay nàng bão ngồi xuống, nói hết chuyện nợ tới chuyện kia. Các nàng Thanh quán nhân lưu lạc kia lúc mới vào thấy Thu Cốc còn trẻ, dáng vẻ tiêu sái đều cảm thấy động tâm, đầu mày cuối mắt dưa tình, bây giờ thấy y chọn Vân Lan, mọi người đều biết mình không có phúc phận, vừa thẹn thùng vừa ganh ghét, đều hứ một tiếng bước ra".

Kỹ nữ thời cận đại Vin tình xong còn vui vẻ đưa cho bạn tình một số tấm danh thiếp nhỏ in hoa, xin họ thường thường chiếu cố. Nếu kỹ nữ không muốn đính ước với khách chơi, cũng lấy chén trà để tỏ ý, lại đều thường lấy cớ phải Ra cuộc để đuổi người khách lạ Uống trà, nói là Xua chó (Hán cầu tẩu). Nếu kỹ nữ đã có bạn tình mới, không muốn quan hệ với khách cũ, thì lúc khách cũ tới khôngThêm chén trà, tục gọi là Đổi chén trà (Cách trà uyển). Theo thông lệ trong kỹ viện thời cận đại, kỹ nữ tiếp khách Uống trà đều trong khoảng nửa giờ, quá giờ phải trả tiền thêm. Ngoài ra, khách Uống trà chỉ được trò chuyện cười nói, tán tinh lá lơi với kỹ nữ, không được ép buộc kỹ nữ quan hệ tình dục.

Tục lệ Uống trà này sinh khá sớm. Thời Tống gọi là Uống trà hoa (Ngật hoa trà). Dương thời tiền trà khách trả cho kỹ viện gọi là Tiền trà (Can trà tiền). Như *Đô thành kỹ*

thắng, Trà phường viết "Trà phường là do các kỹ viện bày bàn ghế ra, lấy trà làm cớ, bọn hậu sinh cam chịu tốn tiền, gọi là Tiên trà". Vũ lâm cựu sự, quyển 6, Ca quán viết "Phàm mới vào cửa lần đầu, ắt có người mang bình ra mời trà, tuy một chén cũng đòi tiền, gọi là Trà chấm hoa (Điểm hoa trà)".

2. Ra cuộc

Sau khi Uống trà, kỹ nữ đã có người tình mới. Khách chơi có thể tùy lúc tới vui thú, cũng có thể gọi kỹ nữ ra ngoài bồi rượu tiếp khách. Kỹ nữ được gọi ra ngoài bồi rượu ca hát gọi là Ra cuộc. Việc kỹ nữ Ra cuộc, ở Thượng Hải gọi là Ra đường xuống (Xuất đường xuống), ở Bắc Kinh gọi là Ra điệu tử (Xuất điệu tử).

Khách chơi gọi cuộc phải có Phiếu gọi cuộc (Cục phiếu), tức giấy gọi kỹ nữ tới ca hát bồi rượu trong tiệc, trên đó ghi rõ hoa danh của kỹ nữ, tên kỹ viện, địa điểm mở tiệc và tên khách. Có khi còn ghi rõ tên khách chơi trên danh thiếp của kỹ nữ quen. Kỹ nữ nhận được Phiếu gọi cuộc gọi Ra đường xuống, sẽ thay đổi quần áo, tô son đánh phấn, vội vội vàng vàng tới bồi tiếp. Gọi cuộc đều là ca hát, cũng có khi rất thanh nhã, tức kỹ nữ ngồi bên cạnh khách, rót rượu mời y. Lúc ấy, thường đều là cơ hội rất tốt cho kỹ nữ tỏ vẻ phong tình, họ cố ý lấy lòng, lưu ý mọi việc, ngàn phương trăm kế khêu gợi dục tình của khách để lấy lòng họ, khiến về sau họ thường Gọi cuộc.

Tiền Ra cuộc theo quy củ của các kỹ viện ở Thượng Hải thời cận đại thì khách quen có thể thiếu, vào ba ngày Đoan ngọ, Trung thu, Trừ tịch thì kết toán.

Theo tư liệu sử sách mà nói thì lệ Gọi cuộc đã bắt đầu hình thành từ thời Tống, đương thời gọi là Chấm hoa bài (Điểm hoa bài). Hoa bài là tấm bài mang danh hiệu của kỹ nữ. Đô thành kỹ thắng, Tứ tử viết "Nếu muốn chơi gái thì

tới Quan khố Chấm hoa bài". *Mộng lương lục*, quyển 10, *Điểm kiểm sở hữu khố* viết "Những kẻ phong lưu tài tử ở quận ấy, nếu muốn mua vui một phen thì thường tới Quan khố Chấm hoa bài, tùy ý lựa chọn".

Ra cuộc có Ra cuộc lần đầu, Ra cuộc lần kế. Cái gọi là Ra cuộc lần đầu là chỉ khách trên tiệc gọi một nhóm kỹ nữ tới ca hát mời rượu, Ra cuộc lần kế là chỉ khách trên tiệc gọi nhóm kỹ nữ khác tới ca hát mời rượu. Ngoài ra còn có Chuyển cuộc (Chuyển cục), Mang cuộc (Đổi cục), Trộm cuộc (Thâu cục). Chuyển cuộc, theo tục lệ ở Thượng Hải, là kỹ nữ theo lời gọi Ra cuộc, nếu không có khách nào khác đưa Phiếu gọi cuộc tới, thì tất cả đều phải chờ đến khi tan tiệc mới được về, nếu liên tiếp nhận được hai ba Phiếu gọi cuộc hoặc đang Ra cuộc mà có Phiếu gọi cuộc, thì phải giữa chừng rời tiệc, chuyển qua chỗ khách khác ca hát mời rượu, như thế gọi là Chuyển cuộc. Cách này rất được các kỹ nữ hoan nghênh, vì tất cả các kỹ nữ đều muốn chuyển qua vài cuộc, cách thức Chuyển cuộc khiến họ đi lại, tránh khỏi bị sàm sỡ. Mang cuộc là chỉ khách Uống rượu hoa từ tiệc này chuyển qua tiệc khác ở cùng một chỗ để tiệc bên kia khỏi phải gọi kỹ nữ khác. Trộm cuộc là chỉ kỹ nữ mượn cơ hội Ra cuộc để lên giường quan hệ tình dục với khách quen. Điều đó trong nghề mại dâm là hành vi "không quang minh", vì theo quy củ của kỹ viện, kỹ nữ Ra đường xuống chỉ được mời rượu ca hát, không được lên giường với khách. Cuộc câm (Á cục) là chỉ khách chơi gọi kỹ nữ không biết hát tới mời rượu. Cuộc giả dạng (Đả dạng cục) là chỉ khách chơi mạo nhận để gọi kỹ nữ không quen biết tới mời rượu ca hát trong tiệc.

Tuy việc kỹ nữ Ra cuộc là "món làm ăn nhỏ" trong nghề kỹ nữ, nhưng chủ chưa rất coi trọng, một là có thể mượn cơ hội đó để kỹ nữ làm quen với khách chơi, để về sau kỹ nữ có cơ sở giữ khách ở lại trong phòng, hai là để họ lấy số lượng thủ thắng, vì đối với các kỹ nữ đang nổi tiếng gấp

thời thì mỗi ngày Ra cuộc bốn năm mươi lần là chuyện thường, thu nhập trong một ngày Ra đường xướng cũng rất khả quan. Vì thế chủ chứa ra sức trang điểm cho các kỵ nữ Ra cuộc, cấp cho họ các loại nữ trang như vòng xuyến kiềng nhẫn, vòng phi thúy, trâm bạc, chuỗi hạt trai. Đường nhiên những nữ trang quý báu ấy, sau khi kỵ nữ Ra đường xướng trở về thì theo quy cũ của kỵ viện phải giao lại hết cho chủ chứa, hôm sau Ra đường xướng mới có thể lại nhận chìa khóa mở rương lấy ra dùng.

Đối với kỵ nữ thì Ra cuộc là một việc khổ sai. Kỵ nữ Úc Tiếu nói "Người ta ai cũng bằng xương bằng thịt, mà một ngày phải ra đường sai bốn năm mươi, năm sáu mươi lần, chỉ một chuyện lên cầu thang cũng đã mệt nhừ chân rồi. Đúng là chỉ biết có tiền, không kể gì tới tính mạng của người ta"⁽¹⁾.

3. Uống rượu hoa

Uống rượu hoa, còn gọi là Bày rượu hoa (Bài hoa túu), Bày cơm (Bài phan cục), Cuộc ăn (Ngật cục), là chi khách chơi bày tiệc trong phòng kỵ nữ để tiếp khách, nhờ kỵ nữ mời rượu làm vui. Khách chơi hoặc rót rượu mời nhau, hoặc xai quyên làm túu lệnh, hoặc tay trái ôm tay phải sờ, các kỵ nữ thì vừa tất bật mời rượu, mời thức ăn, xai quyên, vừa phải cầm khăn lau mồ hôi cho khách, cất tiếng ca hát, không ngừng hát những bài hát dâm dang cho khách nghe. Lúc bấy giờ mùi rượu bồng hoa lời ca tiếng nhạc, nói không xiết tình cảm ngọt ngào, nói không hết lòng dạ khoan khoái.

Tục lệ Uống rượu hoa đã có từ xa xưa lưu truyền lâu dài. Theo sử sách ghi chép, từ thời Tống đã rất thịnh hành. Thời bấy giờ khách trên túu lâu theo hoa bài gọi kỵ nữ bồi rượu, gọi là Chấm hoa bài. Như Vũ lâm cựu sự, quyển 6, Túu lâu chép "Khách khứa lên lâu, thì lấy hoa bài ra chấm gọi

(1) Nhân gian địa ngục hồi 63.

người mời rượu, gọi là Chấm hoa bài”.

Vì Uống rượu hoa lâu hơn Uống trà, nên khách chơi phải trả tiền nhiều gấp năm sáu lần lần Uống trà. Ngoài ra theo quy củ của các kỹ viện ở Thượng Hải thời cận đại, khách khứa mở tiệc mời khách trong kỹ viện phải đưa tiền mặt. Phí tổn ngoài mươi đồng cho mỗi bàn, còn phải có tiền thường, gọi là Tiền giày dép (Hà cước). Tiền giày dép nhiều ít tùy khách, mỗi bàn thì Tiền giày dép ít là hai ba chục, nhiều là tám chục, một trăm tiền. Nếu khách mở tiệc mời khách ngày rằm tháng giêng, thì phải trả Tiền giày dép gấp đôi tức mươi tiền phải đưa thành hai mươi, hai mươi phải đưa thành bốn mươi.

Uống rượu hoa có nghi thức nhất định, trong đó chủ yếu có hai bước là Đưa khăn tay (Khởi thủ cân) và Mời tiên sinh (Thượng tiên sinh). Đại khái khi khách đã tới đủ, chủ nhân bèn gọi “Đưa khăn tay”, Vòng ngoài bèn bưng mâm đựng khăn tay lên, bắt đầu vào tiệc. Mọi người lau mặt xong, thì theo vai vế ngồi vào tiệc. Các kỹ nữ sau khi món thứ nhất đã bưng lên thì lục tục vào tiệc, ngồi ở chỗ lệch về phuong sau của người khách gọi mình. Nếu là kỹ nữ Trường tam, thì có thể trước tiên đàn hát rồi sau đó vào tiệc, cũng có thể vào ngồi trước rồi sau đó sẽ đàn hát. Nếu là kỹ nữ Yêu nhị, thì tất cả chỉ mời rượu mà không đàn hát. Kỹ nữ vào tiệc gọi là Mời tiên sinh. Vì danh phận của kỹ nữ là mời rượu, không phải là khách nên không thể cùng ăn uống với khách. Nhưng nếu người khách của mình xai quyền bị thua hoặc làm trái túu lệnh, thì kỹ nữ theo lệ phải có “nghĩa vụ” uống rượu phạt thay khách, ngoài ra trước khi tan tiệc, khách khứa bắt đầu ăn cơm, các kỹ nữ cũng có thể cùng ăn cơm bồi tiếp với khách. Cho nên trước mặt mỗi kỹ nữ, theo lệ đều đặt một đũa.

Đổi mặt bằng (Phiên dài diện), Rượu tồn (Tồn túu) cũng là các danh mục trong việc Uống rượu hoa. Như khách Mỗ bày tiệc mời khách ở kỹ viện Mỗ, hoặc mọi người vẫn còn hứng, hoặc vì lý do nào khác (ví dụ trong tiệc phát hiện ra

khách nào có tình ý thăm thiết với kỹ nữ nào đó), thì người khách ấy sẽ làm chủ bày thêm một tiệc khác ở kỹ viện ấy hoặc kỹ viện khác, mọi người tiếp tục ăn uống, hết hứng mới thôi, gọi là Đổi mặt bằng. Rượu tồn là lúc chưa tan tiệc mà kỹ nữ Đổi cuộc về trước, có thể phải uống mấy chén rượu còn "tồn lai".

Đương nhiên quy củ Uống rượu hoa của kỹ viện ở những nơi khác nhau cũng không hoàn toàn giống nhau như ở Tô Châu thì khác rất nhiều so với Thượng Hải. *Cửu vĩ quy miêu tả:*

"Nguyên là quy củ trong Đường tử ở Tô Châu khác với Thượng Hải, uống rượu đánh bạc ở Thượng Hải đều phải trả hai mươi quan, vả lại khách khuya uống rượu, người trong phòng không được gì hay, chẳng qua chỉ dựa vào Vòng ngoài, nếu gặp khách đánh bạc, người trong phòng mới được chút ít, chuyện đó thì người trong chốn yên hoa đều biết. Đường tử ở Tô Châu lại khác hẳn, vốn chỉ có uống rượu, không có đánh bạc. Ngẫu nhiên có khách nào cao hứng, hẹn hò bạn bè, mở một sòng bạc, thì tiền đánh bạc có thể tùy tiện, có khi bốn quan, có khi sáu quan, không có số mục nhất định, về sau có kẻ tính toán nhỏ nhen, chỉ tới đánh bạc chứ không uống rượu, tuy không có tiền đánh bạc nhưng vẫn phải có thuốc trà cơm rượu, làm ấm cà lèn, kỹ viện và các kỹ nữ chịu không nổi mới theo lối các Đường tử ở Thượng Hải, định ra danh mục đánh bạc, mỗi sòng phải trả tám đồng Tây dương. Còn như khách uống rượu thì tình hình đại thể khác với Thượng Hải, mỗi mâm chỉ có hai mươi quan nhưng ngoài ra còn có rất nhiều khoản khác, người uống rượu bất kể là chủ hay khách cũng phải bỏ ra một số tiền mâm, mỗi người hai đồng, phải trả bằng tiền mặt, nếu Gọi cuộc thì phải trả tiền ghé cho kỹ

nữ, mỗi người một đồng, cũng phải trả bằng tiền mặt tại chỗ. Như trên mâm có tám người, mỗi người Gọi cuộc một lần thì phải trả mười sáu đồng, tám đồng tiền ghế, tính ra còn hơn cả hai mươi đồng tiền tiệc, đó là chỗ có lợi của các kỹ nữ. Cho nên Đường tử ở Thượng Hải chỉ thích khách đánh bạc chứ không thích khách uống rượu. Đường tử ở Tô Châu thì chỉ thích khách uống rượu chứ không thích khách đánh bạc, đó cũng là chỗ khác nhau trong phong khí kỹ viện giữa Thượng Hải và Tô Châu. Lại như ở Tô Châu, bày tiệc mời khách trong kỹ viện, khách được mời nhất định phải là người vẫn thân thiết với kỹ viện ấy mới chịu tới, vì tiền mâm đều phải chính mình bỏ ra, không như Thượng Hải không có khoản ấy, tức khách Gọi cuộc cũng phải là người quen biết kỹ nữ mới chịu ứng thử, vì tiền cuộc của người khách ấy đến ngày mới trả, mà tiền ghế của kỹ nữ Ra cuộc thì chính kỹ viện ấy phải bỏ ra⁽²⁾.

4. Ngủ lại

Ngủ lại tức kỹ nữ giữ khách lại ngủ qua đêm ở kỹ viện. Trong Thư ngụ Trường tam việc này được chia làm hai loại là Thuê giường khô (Tá can phố) và Thuê giường ướt (Tá thấp phố). Khách ngủ lại kỹ viện mà không có quan hệ tình dục với kỹ nữ thì gọi là Thuê giường khô, ngủ lại kỹ viện mà có quan hệ tình dục với kỹ nữ thì gọi là Thuê giường ướt.

Theo tục lệ ở kỹ viện, kỹ nữ vào hôm được khách chọn hoặc do người khác giới thiệu được khách mà lập tức giữ khách lại ngủ qua đêm trong phòng mình thì gọi là Ruồi ngựa nhận chức (Tầu mã phó nhiệm), khách ngủ lại trong phòng kỹ nữ từ hai đêm trở lên gọi là Lên dài liên tiếp (Tầu

(2) *Cửu vĩ quy*, hồi 54.

liên dài), kỹ nữ gặp kỳ kinh nguyệt hoặc đang bị bệnh có khách quen tới thì bồi tiếp nhưng không giữ lại thì gọi là Giữ đêm (Thủ điểm tử), Giữ trời râm (Thủ âm thiên) vân vân.

Bốn phương thức tiếp khách trên đây chủ yếu lưu hành trong các kỹ viện hạng sang ở phương nam (như Thư ngũ Trường tam ở Thượng Hải thời cận đại). Kỹ viện hạng vừa (như Kỹ viện Trī kỹ) tuy cũng có các phương thức tiếp khách này, nhưng nghi thức và tên gọi có khác. Như họ gọi việc khách chơi Uống trà là Ngồi trong phòng (Tọa phòng gian), khách ngủ lại qua đêm trong phòng kỹ nữ là Ở lại đêm (Trú dã sương), khách quan hệ tình dục với kỹ nữ giữa ban ngày là Đốt pháo (Đă pháo), ban đêm gọi là Làm cuộc (Tố cục). Ngoài ra kỹ nữ trong Đường tử Yêu nhí ở Thượng Hải ngẫu nhiên ra ngoài đương sai thì thu phí đắt hơn Đường tử Trường tam, phải là hai đồng. Tục lệ Uống rượu hoa cũng lưu hành trong Đường tử Yêu nhí, mỗi khi đến tháng chín, Đường tử Yêu nhí bày Núi hoa cúc (Cúc hoa sơn) trong phòng khách lớn dưới lầu, kết hoa cúc khắp bốn vách, trong phòng khách bày rất nhiều bàn ghế, để các khách khứa giàu có tùy ý lui tới mời khách. Lúc bấy giờ những khách chưa bao giờ đặt chân tới kỹ viện hạng sang như Đường tử Yêu nhí cũng nhao nhao tới xem Núi hoa cúc. Những khách xem Núi hoa cúc, còn gọi là Ăn hoa mai nǎm cánh (Ngật ngũ mai hoa), tức mỗi người uống rượu phải mất mười hay hai mươi đồng, khách làm chủ tiệc phải trả tiền rượu nǎm mâm cho kỹ viện, mỗi mâm mười hai đồng. Còn như các kỹ viện hạng dưới thì không có quy trình rắc rối phức tạp như vậy, họ chủ yếu lưu hành một phương thức là Kéo giường (Lập phô).

Cái gọi là Kéo giường là có ý kéo rèm lên giường ngủ, tức khách chơi vào cửa đưa tiền xong, kỹ nữ sẽ lập tức quan hệ tình dục với họ, khi khách đã thỏa mãn thì mời về ngay.

Kỹ nữ Kéo giường giá cả không những rẻ mạt mà còn

bị giày vò rất tàn tệ. Mỗi ngày họ phải tiếp mươi khách trở lên, nhiều thì thậm chí hai ba mươi khách. Có thể nói suốt đêm không được nghỉ ngơi, cơ hồ biến thành một cái máy thỏa mãn xác thịt.

Các kỹ viện phương bắc thì không có quy trình phức tạp như kỹ viện phương nam. Phương thức tiếp khách của họ đơn giản tiện lợi, trước đồng tiền thì cơ bản mọi người đều bình đẳng, nhất thị đồng nhân, bất kể xấu trai hay đẹp trai, quần áo sang trọng hay rách rưới, tuổi tác lớn hay nhỏ, thân phận cao hay thấp đều khoản đãi nồng hậu. Vì thế có người đã bình luận về chỗ khác biệt trong phương thức kinh doanh và tục lệ tiếp khách của kỹ viện giữa hai vùng nam bắc như sau "Đại khái phương nam thì phong phú nhưng không khỏi có chỗ phù hoa, phương bắc thì thành thực mà không khỏi có chỗ cố chấp. Phương nam thì dù loại nghi thức, tiếp đãi chu đáo, phương bắc thì ngoài lên giường không có tài năng gì khác, ngoài chuyện ôm ấp không có cách tiếp đãi nào khác hơn".

Phương thức tiếp khách của kỹ nữ phương bắc về đại thể như sau: vừa thấy khách vào tới kỹ viện là lập tức tươi cười bước ra chào đón, có khi mời lên lầu, có khi mời vào đại sảnh hoặc hậu viện, gọi là Ngôi quầy (Tọa quỹ tử). Đợi khách ngồi xong bèn cung cung kính kính hỏi "Có quen cô nương nào không?". Nếu khách nói có thì lập tức gọi kỹ nữ ấy ra tiếp khách. Nếu khách chơi ưng ý kỹ nữ nào, đưa tiền xong là có thể theo kỹ nữ vào phòng, gọi là Tới phòng riêng (Đáo bàn phòng). Lúc bấy giờ có thể Uống trà, cũng có thể Ngủ đêm. Uống trà thì có thể ngồi khoảng trên dưới một giờ, lúc sắp về, khách bỏ ra một đồng lên bàn, keng một tiếng, gọi là Bày mâm. Nếu muốn ngủ lại qua đêm, thì phải bỏ ra từ tám tới mười hai đồng.

II. Việc Buộc lược của kỹ nữ

1. Tên gọi của việc Buộc lược

Buộc lược (Sơ lộng) là chỉ kỹ nữ còn trinh trong kỹ viện tiếp khách lần đầu. Theo tục lệ của kỹ viện, Thanh quán nhân (tức kỹ nữ còn trinh) chỉ cài lược trên bím tóc, sau lần đầu tiếp khách ngủ lại qua đêm thì đổi thành búi tóc lên, nên gọi là Buộc lược (Sơ lộng).

Buộc lược có nhiều tên gọi khác nhau, thường thấy nhất có các từ Bổ đưa (Phá qua), Lên búi tóc (Thượng đầu), Mở báu vật (Khai bảo), Mở túi (Khai bao), Bày phòng (Bài phòng), Thắp nến lớn (Điểm đại lạp chúc) vân vân.

Bổ đưa là chỉ việc phá trinh của kỹ nữ trong kỹ viện. Thời cổ, mọi người thường gọi con gái mười sáu tuổi là tới tuổi Phá qua, vì chữ qua (dưa) có thể chiết tự thành hai chữ bát (tám), hai tám là mười sáu. Mà học giả Hà Lan Cao La Bội trong quyển *Trung Quốc cổ đại phòng nội khảo* (Khảo cứu việc trong phòng ở Trung Quốc thời cổ) thì cho rằng Bổ đưa nghĩa gốc là chỉ việc "bổ quả dưa còn tươi hồng", tức dấu hiệu về việc con gái trẻ có kinh nguyệt lần đầu hoặc xử nữ mất trinh.

Búi tóc lên cũng là từ chuyên dùng chỉ việc kỹ nữ tiếp khách qua đêm lần đầu. Nó vốn là dấu hiệu về việc phụ nữ kết hôn, tỏ ra là thời thiếu nữ đã kết thúc. Người sau dùng đó để biểu thị việc kỹ nữ phá trinh, như Đào Tông Nghi trong *Xuyết canh lục* quyển 14 viết "Ngày nay con gái tới tuổi cập kê gọi là Búi tóc lên, mà kỹ nữ trong kỹ viện lần đầu ngủ với khách cũng gọi là Búi tóc lên". Lại như *Đào hoa phiến* quyển 1 viết "Hôm nay là ngày tốt Búi tóc lên, hãy mở tiệc lớn, bày nhã nhạc, khách mời tới đủ, chị em cùng ra, đừng bỏ lỡ dịp".

Sự lưu hành của tục lệ Buộc lược có liên quan tới việc **nghiện** xử nữ của khách chơi. Việc khách chơi nghiện xử nữ chịu ảnh hưởng của hai yếu tố: một là thuyết dưỡng sinh

trong phòng của Đạo gia. Thuyết dưỡng sinh trong phòng của Đạo gia cho rằng giao hợp với xứ nữ có thể đạt được mục đích lấy âm bồ dương, khỏe mạnh sống lâu. Như đầu quyển *Ngọc phòng bí yếu* nói "Bành Tổ nói: Phàm đàn ông đều muốn khỏe mạnh mà không biết dùng con gái là tốt nhất. Nếu ngủ với đồng nữ thì diện mạo cũng sẽ như đồng nữ. Nhưng cô gái sẽ khổ vì y không còn trẻ. Nếu được người trên mười lăm dưới mười tám mươi chín tuổi, thì càng có ích... Tiên sư của ta truyền lại phép này, đã được ba ngàn năm". Thầy thuốc nổi tiếng thời Đường là Tôn Tư Mạo trong *Thiên kim phương*, quyển 27 *Phòng trung bổ ích* cũng nói "Phàm phụ nữ không cần có nhan sắc xinh đẹp, chỉ cần còn trẻ, chưa sinh nở nuôi con, da thịt đầy đặn là tốt". Thứ hai là quan niệm về trinh tiết của Nho gia. *Lễ ký, Tang phục* nói "Dùng lễ để trị, dùng nghĩa để sửa, thì cho dù là con mà có hiếu, em trai hiếu dẽ, phụ nữ trinh tiết đều có thể cúng tế được". *Lễ ký, Giao đặc sinh* nói "Tín là đức hạnh của phụ nữ. Một khi đã sánh đôi với người thì trọng dời không thay đổi, nên chồng chết thì không lấy chồng khác". Từ đó có thể thấy từ thời Tiên Trần Nho gia đã bắt đầu đề cao trinh tiết của phụ nữ. Đến thời Tống, nhà khai sáng Lý học là Trình Di cũng đề xuất quan điểm "Chết dối là chuyện nhỏ, thất tiết là chuyện lớn", vô hình trung càng làm tăng thêm sự ham muốn xứ nữ của đàn ông.

Chính vì sự đề cao của Nho giáo, Đạo giáo nên trong lịch sử có không ít kẻ thống trị nghiện xứ nữ. Tùy Dạng đế đặc biệt thích đồng nữ, có kẻ xu nịnh hiến dâm cụ là "đồng xa" chuyên cung đốn sự thỏa mãn xác thịt cho Dạng đế. Lúc Minh Vũ tông Chu Hậu Chiếu tuần thú Dương Châu, cũng từng sai thái giám tìm kiếm xứ nữ. Trong dân gian, người ta cũng rất có hứng thú với xứ nữ trẻ. Trong các tiểu thuyết bút ký thời Minh Thanh cũng có nhiều tác phẩm miêu tả việc phá trinh xứ nữ, đồng nữ.

2. Nghi thức Buộc lược

Không còn gì phải nghi ngờ là việc Buộc lược chiếm địa vị rất quan trọng trong nghề bán dâm sinh nhai của kỹ nữ, cũng như nghi lễ hôn nhân của người thường. Vì thế kỹ viện rất coi trọng việc này, chủ chứa cũng thường lấy đó làm món hàng lợ, coi đó là Cây tiền, "nếu không được nhiều tiền, sao có thể khinh dị bỏ ra?". Họ để lấy thêm nhiều tiền của khách chơi, nên đặt ra một quy trình phiền hà mà phức tạp.

Trước khi kỹ nữ Buộc lược, trước tiên phải Thắt dây (Kết tuyến đầu) với khách chơi, uống cạn Rượu hòa hợp (Hòa hợp túu). Như *Tục Kim Bình Mai* hồi 210 tả:

"Kể chuyện không cần rườm lời, đến ngày mươi tám tháng giêng, Dịch Viên ngoại sắp xếp đầy tớ xe ngựa chỉnh tề, y phục sang trọng, khách mời có Trương Đô Ích, Ngô Xuân Nguyên và một bọn con em lêu lổng như Trịnh Ngọc Khanh, Vương Tam Quan, Tôn Miệng nhọn, Trương Mắt lé, tất cả đều mặc quần áo mới, gọi hai ban nhạc, mang hộp đồ ăn, trà quả Tây dương, đều kết hoa vải sắc sỡ, kèn trống om sòm kéo tới. Nhà Sư Sư bày sáu bàn tiệc trong đại sảnh, mời Lý Vũ cử bồi tiếp, nhận lễ thiếp xong, mở đồ lễ ra xem, thì là hai mươi đinh Nguyên bảo (đinh bạc 50 lượng - ND.), vòng xuyến châu ngọc, quần áo vải vóc không thiếu món nào, ngoài ra còn có hai trăm lượng bạc vụn đựng trong một cái hộp đựng sách làm phí tổn tiệc ra mắt. Mọi người đều hoảng sợ, khen Dịch Viên ngoại vung tiền như rác, quả đúng là con em nhà giàu. Sư Sư nặng chén lên, mọi người đã yên vị, bèn nhận lễ vật... Tất cả khách khứa có mặt thấy lễ vật nhiều như thế, thảy đều vui vẻ. Đầu tiên ban nhạc của nhà là bọn Vu Văn sáu người hát xong, kế là bốn gã kép hát nhỏ cũng hát bài *Cẩm đường nguyệt*... Dàn nhạc hai bên tấu lên, đám gái hầu đỡ Ngân Bình, ra,

trải nệm dày lên chiếu, hướng lên trên lạy bốn lạy, ăn mặc như tiên nữ, thoa vàng vòng ngọc thì không cần phải nói. Ngân Bình lạy xong lui vào. Viên ngoại đưa ra hai tấm đoạn đại hồng kỳ lân, hai mươi lượng bạc trắng buộc tua dỗ làm lễ ra mắt. Ở tiền sảnh ca hát uống rượu, thấp nến hồng lên, khiến Dịch Viên ngoại say mềm. Mọi người đua nhau chúc mừng y, náo nhiệt một hồi đến canh hai mới chịu giải tán!".

Kế đó đôi bên chọn ngày tốt, tiến hành nghi thức Buộc lược. Theo tục lệ của kỹ viện, kỹ nữ giữ khách ngủ lại qua đêm lần đầu phải thấp một đôi nến lớn, còn sau khi phá trinh thì giữ lại chiếc khăn vẩy máu giao cho khách chơi để họ chứng minh mình mua được hàng thật⁽³⁾. *Tục Kim Bình Mai* hồi 213, *Dịch Viên ngoại đại tán mai hoa tiên*, *Trịnh Ngọc Khanh ốn ngọt tán hồng tửu* (Dịch Viên ngoại phung phí tiền mua hoa, Trịnh Ngọc Khanh yên ốn uống rượu cướp) cũng miêu tả tường tận về tục lệ này như sau:

"Đến ngày mười lăm, Dịch Viên ngoại ăn mặc chải chuốt, trên gấm thêm hoa, ngồi kiệu, trỗi nhạc, xách đèn lồng, khiêng rượu lê như đi dón dâu. Lại thêm một bọn lêu lổng đi theo. Nhà Lý Sư Sư bày tiệc lớn như hôm trước, đàn sáo inh ỏi, ăn uống đến tối mịt mới tan, lúc ấy mới dỗ Ngân Bình vào trướng. Nhưng bọn khách kia đòi nào chịu về sớm! Âm ỉ đến canh một, thấp đèn duốc lên... (Ngân Bình) trang điểm đã xong, mặc một chiếc áo bào bằng đoạn đại hồng kỳ lân, một chiếc quần bằng lăng màu thanh thiên, đeo thắt lưng kim tương khảm ngọc thạch mã não, dưới gắn lục lạc vàng, áo choàng khoác vai, gấm thêu như lối trong cung, búi tóc cao gắn thoa hình chim phượng, chân mang hài nhẹ, đúng là người tiên

(3) Loại khăn tay này thời cận đại ở Thượng Hải tục gọi là Khăn Trạng nguyên (Trạng nguyên cân).

Cô Xạ, thần nữ Phi kinh. Lúc ấy có mười người nữ nhặt ăn mặc lộng lẫy, đều cầm đàn sáo tiếng nhạc rộn rã đưa ra, cùng Dịch Viên ngoại làm lễ giao bái rồi mới vào phòng... Đến khi trời sáng, khách khứa đã tới cửa, hò hét đòi uống rượu mừng. Sư Sư cũng sai người tới chúc mừng, chỉ thấy Ngân Bình giấu một chiếc khăn lau mồ hôi trong tay áo không chịu đưa ra, bị Vu Văn giật lấy. Đám phụ nữ cười ầm lên, lúc ấy mới biết là chuyện vừa khéo. Dịch Viên ngoại bước ra cho Lý Sư Sư làm lễ, nhận một lạy của bà ta, bày rượu ở tiền sảnh, giữ khách khứa lại nghiệm hồng. Rượu được ba tuần, chỉ thấy vợ Vu Văn bưng một cái mâm sơn đen đựng chiếc khăn dính máu ra... Mọi người nghiệm hồng xong, lại phạt Dịch Viên ngoại ba chén lớn, nói y quá vô tình. Viên ngoại lại gói hai lượng bạc thưởng cho Vu Văn...”.

Theo tục lệ của kỹ viện, người phá trinh kỹ nữ gọi là Lão già Buộc lược (Sơ lộng cô lão), tất cả đều là phú thương thân hào có tiền có thế, hoặc là đầu mục bang phái xã hội đen, thủ lĩnh thổ phi. Nếu khách chơi trả lại tiền bán thân của kỹ nữ cho chủ chứa thì kỹ nữ có thể tự do tiếp khách, không ai quản thúc, đó gọi là Lão già chuộc thân (Tục thân cô lão). Nhưng nếu Lão già chuộc thân muốn qua đêm với kỹ nữ thì khách khác phải nhường lại cho y, mười đêm năm đêm cũng không nói chuyện tiền bạc gì cả. Về sau nếu muốn cưới kỹ nữ ấy về, cũng không phải tốn tiền sinh lě⁽⁴⁾.

Kỹ nữ Buộc lược xong, có thể chính thức tiếp khách. Tiếp đài người khách thứ hai và phát sinh quan hệ tình dục với y gọi là Bán lại (Phục trưởng).

(4) Cảnh thế thông chí, quyển 31, Triệu Xuân Nhi trùng vương Tào gia trang.

Chương 5

Gió trăng kỹ viện

I. Bí quyết tiếp khách của kỹ nữ

1. Kiều my

Bí quyết tiếp khách của kỹ nữ hoàn toàn nằm trong một chữ my. Cái gọi là my là chỉ việc kỹ nữ có ý làm cho khách ưa thích, lấy lòng, chiều chuộng khách chơi. Lý Ngư trong *Nhàn tình ngẫu ký* nói "Xưa có câu: Vưu vật dù có thể làm động lòng người ta. Vưu vật là gì? Chính là dáng vẻ kiều my... Dáng vẻ kiều my ở con người cũng như lửa có ánh lửa, đèn có ánh sáng, châu ngọc vàng bạc có sắc lóng lánh, là vật vô hình, không phải vật hữu hình... Phụ nữ một khi đã có dáng vẻ kiều my thì đẹp ba bốn phần cũng thành sáu bảy phần, ví dụ người có sáu bảy phần sắc đẹp mà không có dáng vẻ kiều my đứng cạnh người có ba bốn phần sắc đẹp mà có dáng vẻ kiều my, thì người ta sẽ yêu thích kể có ba bốn phần chứ không phải có sáu bảy phần, đó là mức độ kiều my làm tăng không chỉ gấp đôi gấp ba nhan sắc vậy".

Thuật kiều my của kỹ nữ thể hiện qua tư thế thân thể, nét cười giọng nói, trong đó nhân thần là quan trọng nhất, phải có công lực thu ba một chuyển là nghiệp phách cầu hồn. "Bất kể nhìn người nào ngó vật gì cũng đều phải lim dim mắt cười khẽ. Việc cầu hôn nghiệp phách đều ở lúc làn thu ba một phen chuyển động ấy... Tới như một cái cau mày một nụ cười mỉm, một lời nói một cử động cũng đều phải có ý

dựa vào chữ my, không hề để lộ băn tướng, thì đã có tất cả tài năng của kỹ nữ⁽¹⁾. Từ *Nữ hồng dư chí* của Long Phụ thời Nguyên có thể thấy, gia kỹ Sung Thư của Lý Hiến đời Đường Huyền Tông đã sở trường việc nhân ngữ (tỏ lời bằng ánh mắt) mỗi khi đôi mắt xinh đẹp của nàng chuyển động là Ninh vương Lý Hiến lập tức hiểu ý.

Việc huấn luyện nhân thần cho kỹ nữ, tất cả đều do chủ chứa giàu kinh nghiệm và kỹ nữ già đảm trách. Cách thức là sai các kỹ nữ trẻ một mình đứng ngồi trước gương, trước tiên nghiên cứu nhân thần nhìn từ phía chính diện làm sao cho tới lúc hai tròng mắt tròn chuyển động linh hoạt tùy ý mới thôi. Sau đó lại nghiên cứu dáng vẻ đôi mắt từ phía hai bên, liếc qua liếc lại, cùng người trong gương bốn mắt chuyển động, liếc nhìn lẫn nhau. Chủ chứa bên cạnh thỉnh thoảng chỉ điểm, dạy những kỹ thuật dùng ánh mắt tỏ ý, lấy khéo mắt đưa tình, đến khi nào kỹ nữ nhỏ đã đạt tới mức vận dụng như ý mới thôi.

Nói chung kỹ nữ đều phải giỏi thuật ấy, còn các danh kỹ vận dụng lại càng như ý, xuất thần nhập hóa. Như *Lục dã tiên tông* hồi 43 miêu tả kỹ nữ Kim Chung Nhi "Chỉ thấy Như Ngọc thiếu niên anh tuấn, cử chỉ phong lưu, lại là công tử đại gia, trong lòng chợt thấy rung động, trong mắt ngầm dùng rất nhiều lối ràng buộc". Mà *Tục Hải thương phồn hoa mộng* tập 1 hồi 5 miêu tả lúc khách chơi Ôn Như Ngọc ngũ đêm lại với kỹ nữ Thanh Linh, là khéo léo sinh động miêu tả việc kỹ nữ vận dụng my nhãn:

"Lúc ấy Như Ngọc tuy đã hơi say, vì sợ ngày mai cha khiển trách, quyết ý nhất định về nhà nhưng Thanh Linh ngàn phương chiêu chuộng, van cách lấy lòng, nắm chặt tay Như Ngọc, nhất định không buông. Dần dần đã đến nửa đêm... Như Ngọc cũng

(1) Giang Âm Hương, *Hội họa Cửu vĩ hồ*, hồi 21.

xiêu lòng, nói thật việc mình sợ cha mẹ quản thúc cho nàng biết. Thanh Linh cười nói "Chàng sợ cha mẹ quản thúc, có thể nói là có hiếu. Nhưng cha mẹ quản thúc chàng, chứ đâu phải là bắn bỏ? Hôm nay vốn mưa suốt ngày, đến tối vẫn chưa tạnh, chàng không tiện về nhà ban đêm, thì ngủ lại nhà bạn bè cũng không hề gì. Sáng mai cha mẹ có hỏi tới, chỉ cần nói là lúc tối mắng mưa, ngủ lại ở nhà bạn bè, cha mẹ cũng không thể ở liền sau lưng chàng, cứ tùy tiện bịa đặt một hai câu cũng không bị Thiên lôi đánh chết đâu". Nói xong lại đưa đôi mắt nhiếp phách câu hồn liếc Như Ngọc một cái. Lời tục có câu Nhân phong tối độc (Gió mắt rất độc), Như Ngọc không nhìn thấy còn khá, chứ nhìn thấy rồi thì chân tay bần rún, lúc ấy bị nàng giữ lại, đêm ấy ngủ lại trong phòng Thanh Linh".

Thuật kiều my của kỹ nữ ngoài nhăn thẳn ra thì dáng vẻ lúc đi, lúc ngồi, lúc đứng, lúc ngủ, lúc cười, lúc giận cũng rất quan trọng. Như *Tây sương* ký màn 1 viết "Người thấy cô ta như đào lý gập gió xuân vươn ra ngoài tường, nhưng thật ra là gái dựa cửa". *Bách hoa đinh* màn 1 viết "Cô gái mà người nhìn thấy làm ra vẻ lảng lơ, nhất định là một Nao ní bán xuân". Tất cả đều nói kỹ nữ làm ra vẻ kiều my để dẫn dụ khách chơi.

Dáng vẻ kiều my của kỹ nữ là một loại động tác có tính khêu gợi. Một cái nháy mắt, một nụ cười mỉm, một cái chau mày, một bước chân đi cũng đều mang dáng vẻ dương liễu lung thon, hoa lê mặt ngọc, càng hiện rõ vẻ nhu tình như nước, kiều my như xuân, có thể khiến khách chơi hồn xiêu phách lạc, lừa dối hùng thêm. *Cửu vĩ quy hồi* 30 miêu tả dáng vẻ kiều my của danh kỹ Lục Uyển Hương đất Hộ như sau:

"Thu Cốc thấy nàng vô cùng kiều my, lại liên

tiếp gọi hai tiếng, Uyển Hương mới đứng lên, thong thả nhẹ cất gót sen, uốn tấm lưng ong, thướt tha từng bước từng bước bước tới cạnh Thu Cốc, giống như chuồn chuồn điểm nước, lá sen theo gió, tấm thân mảnh dẻ nhẹ nhàng, bàn chân nhỏ nhắn rón rén, hơn cả Phi Yến nhà Hán, Lăng Ba Lạc Phố. Khiến người trong cả tiệc nhìn thấy ngẩn người, bất giác đều cùng hắng giọng một tiếng”.

Trong kỹ nữ Trung Quốc thời cận đại, người sử dụng my thuật nổi tiếng nhất phải suy tôn danh kỹ Lâm Mặc Ngọc ở Thượng Hải. Tiểu thuyết *Hội họa cửu vĩ hồ* miêu tả “Đúng là vưu vật trời sinh, dáng vẻ xinh xắn phong lưu, thướt tha uyển chuyển, mặt như trái đào, lưng như cây liễu, các chị em ít ai sánh được. Vâ lại ứng thù chu đáo, trò chuyện lưu loát, có dáng vẻ kiều my tự nhiên, từ đầu tới chân không chỗ nào không kiều my, bất kể nói một câu làm một việc, đi một bước không chỗ nào không có công phu nhu my. Cho nên kỹ nữ một thời có ai bằng đâu? Có thể gọi là đỉnh cao trong kỹ viện, đứng đầu chốn Bắc lý”. Nàng để lừa lấy số tiền lớn của phú thương Dương Tứ, “Việc gì cũng lấy lòng Dương Tứ, muốn dài là dài, muốn ngắn là ngắn, không chỗ nào không hợp ý. Vâ lại trước mặt Dương Tứ còn làm ra vẻ đoan trang, ngôn ngữ cẩn trọng, tính cách ôn nhu, cử chỉ e ấp, rất có phong thái đại gia. Tuy quen biết thân thiết hai ba tháng cũng không nhìn ra chỗ nào sơ hở, phảng phất như một lòng một dạ nhất định lấy y. Đến mấy hôm cuối, cả đường sai cũng không muốn đi, sớm chiều bồi tiếp Dương Tứ chơi bời, một bước không rời... Bằng vào kiến thức rộng rãi, kinh nghiệm lịch duyệt như Dương Tứ nhà ông rốt lại cũng khó mà không mắc câu, cho rằng kỹ nữ trong thiên hạ có tình có nghĩa như thế ngoài Lâm Mặc Ngọc ra chỉ e không tìm được người thứ hai, vì vậy quyết ý cưới nàng, có điều vẫn chưa nói ra miệng”. Từ đó có thể thấy my thuật của Lâm Mặc Ngọc đã cực kỳ cao

minh lợi hại.

Cửu vĩ quy hồi 19 miêu tả mỹ thuật của Kim Tiểu Ngọc, cũng hoàn toàn không thua kém Lâm Mặc Ngọc:

"Giấy gọi cuộc phát đi chưa đầy một khắc, người đi gọi cuộc vẫn chưa quay lại, Kim Tiểu Ngọc đã thoăn thoắt bước vào, bước qua cửa phòng, mùi hương đã tới, mấy bước đi ấy dồn cả sức nặng của toàn thân lên, bước chân cực kỳ vững vàng. Đi tới sau lưng Xuân Thụ mới đứng lại, cảm thấy như có hơi thở gấp, một tay vuốt tóc, một tay đặt lên lưng ghế, ngược cắp mắt lên, nhìn qua tất cả khách khứa một vòng. Mọi người cảm thấy đôi mắt xinh đẹp của Kim Tiểu Ngọc sáng như trăng thu như ánh ngọc lúa lén, vừa nhìn vừa liếc, đẹp đẽ phi thường. Lúc ấy Tiểu Ngọc vẻ mặt tươi cười, nhất nhất chào hỏi, lại trò chuyện với Thu Cốc mấy câu rồi mới ngồi xuống, lại quay qua Xuân Thụ, cúi đầu cười khẽ. Xuân Thụ cả mừng, đang định muốn nói chuyện với nàng, Tiểu Ngọc đã quay đầu đi làm như không biết, chỉ cúi đầu nghịch nghịch chiếc khăn tay lại thỉnh thoảng liếc liếc mắt nhìn, ngầm ngầm quan sát. Ánh mắt của mọi người trong tiệc đều dồn cả vào nàng, thầm khen ngợi công phu của Tiểu Ngọc đúng là giáng lưỡi tám bể, tràn ngập khắp chốn!"

2. Sen vàng thơm ngát

Bàn chân của loài người đều có một chức năng tự nhiên, loại chức năng ấy đã phản ảnh đầy đủ ở phụ nữ Trung Quốc trong lịch sử, đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của họ.

Mọi người đều biết, trong lịch sử Trung Quốc có truyền thống phụ nữ bó chân, lại lưu hành đã hơn ngàn năm. Gọi cái đẹp là Liên hoa cước (Sen vàng) hay Bách hợp cước.

Người xưa cho rằng bàn chân nhỏ của phụ nữ là bộ phận **nhạy cảm** nhất, khêu gợi nhất trong toàn bộ cơ thể phụ nữ, nó phản ánh nhân cách của một phụ nữ, là tiêu chí của sự **υυ nhã**, đoan trang trinh thực, có giáo dục hay tham chí cả có **tài trí**, vì vậy trong lãnh vực xã hội hay lãnh vực tình dục, **địa vị** của phụ nữ có bó chân và không có bó chân khác nhau **rất xa**.

Kỹ nữ Diễu Nương là người đầu tiên bó chân trong **lịch sử** Trung Quốc. Vì bó chân rất có thể đại biểu cho **nữ tính**, rất có **my lực**, nên từ sau khi Diễu Nương phát minh ra, nó đã thu hút sự hâm mộ rất phổ biến trong phụ nữ, mà các **kỹ nữ** lại càng đua nhau làm theo, hy vọng lấy đó để hấp dẫn **khách chơi**, thỏa mãn sự ham thích của khách chơi. **Nghệ lâm phạt sơn** thời Tống nói "Lời ngạn nói bàn chân người Hàng Châu, đều là kỹ nữ, mang tất hẹp đi hài mũi cong như con gái nhà lành". Đó chính là chứng cứ rõ ràng nhất. Các kỹ nữ sau đó cũng không ai không lấy ba tấc sen vàng để hiến **my** cho khách chơi. Ví dụ trang sức trên chân của kỹ nữ trong hai thời Minh Thanh: Cố My, chân đi hài cong, lưng ong mềm mại. Trương Nguyên Thanh lúc còn trẻ lưng ong bước nhẹ, cũng tự thoăn thoắt, người ta gọi là Trương Tiểu **cước**⁽²⁾. Vương Tiểu Hành búm tóc nhỏ nhô, búi tóc thoát tha. Dương Đa Tử eo nhỏ sáu tấc, mặt tươi rờ rờ. Tào Phượng Phẩm giọng hát ngân nga, bước chân uyển chuyển. Tưởng Ngọc Trân toàn thân đẹp đẽ, nhất là đôi hài song câu dưới gấu quần. Vương Tụ Văn lưng thon bước khẽ, quần là loáng **gương**⁽³⁾. Từ Nhị mặt hoa da tuyết, vóc dáng dầy dà, nhưng đôi bàn chân dưới quần thì nhỏ không đầy một nắm tay. Quách Tâm Nhi vui vẻ mà dịu dàng, đầy dặn mà nhanh **nhẹn**, da trắng bàn chân nhỏ, ấm áp như ngọc. Thi Tứ môi nhỏ như quả anh đào, đôi bàn chân nhỏ như búm tóc. Mã Tứ

(2) Trở lên xem Dư Hoài, *Bản Kiều tạp ký*.

(3) Xem *Tần Hoài họa phảng lục*.

mắt sáng khéo liếc, da như mõ đồng, duy hai bàn chân không nhỏ lấm, thường mang hài vuông nhỏ (tục gọi là Đà hài) để ngụy trang, che giấu chỗ xấu nhỏ. Kim Nhị mày thanh mắt sáng, chân nhỏ lưng mềm, dáng đi ẻo lả⁽⁴⁾. Tiêu Hưng Hoa họ Lý, sáng đẹp vào hạng trung thượng, thịt nhiều xương ít, để tóc xõa, bàn chân dài không đầy ba tấc, dáng đi thướt tha như bước trong mây⁽⁵⁾. Từ những ví dụ trên, chúng ta có thể nhìn thấy rõ ràng từ thời Tống trở đi tâm lý của phụ nữ đều lấy việc "Sen vàng nhỏ nhọn" làm vật trang sức duy nhất, họ hy vọng dựa vào đó để lấy được sự mến mộ của khách.

Không những kỹ nữ như thế mà tâm lý của khách chơi cũng lấy ba tấc sen vàng làm tiêu chuẩn thẩm mỹ duy nhất. Nếu bàn chân kỹ nữ hơi lớn thì họ lấy thơ văn để chọc ghẹo. Như ca kỹ Mã Tương Lan ở Kim Lăng thời Minh "Bàn chân không nhỏ mấy", nên Lục Vô Song ở Giang Đô làm thơ đùa rằng "Cát hoa ốc giác hướng xuân cưu, Trầm thủy hương tàn lại hạ lâu, Tiên dắc thạch lưu tân dạng tử, Bất giao nhân tự ngọc song câu" (Phòng hoa góc vắng tiếng chim cưu, Nước chảy hương phai dựa dưới lâu, Thạch lưu kiều quẩn theo lối mới, Không cho người thấy cặp song câu)⁽⁶⁾. Từ đó có thể thấy, khách chơi ưa thích kỹ nữ bàn chân nhỏ, đúng là có thể nói say mê thành nghiện! Vậy kỹ nữ làm sao dùng đôi bàn chân xinh đẹp của mình mà gợi tình khách chơi? Về điều này tác phẩm nổi tiếng về thanh lâu là *Cửu vĩ quy hồi* 18 Thiết cơ quan lanh manh truyền điện báo, Mại phong tình danh kỹ phỏng Tiêu lang (Bày cơ quan lưu manh gởi điện báo, Bán phong tình danh kỹ viếng Tiêu lang) có một đoạn miêu tả khá tường tận tì mỉ, xin dẫn ra dưới đây:

"Thu Cốc cũng khiêm nhượng vài câu rồi theo đó ngồi xuống, lúc đưa mắt nhìn, chỉ thấy Song Lâm

(4) Xem *Tục Bản Kiều tạp ký*.

(5) Xem *Dương Châu họ phảng lục*.

(6) Chu Đồng Viên, *Thư ảnh*

ăn mặc vô cùng tề chỉnh, lông mày vẽ xanh, làn môi son đỏ, đầy vẻ kiều my, châu ngọc sáng ngời, mặc một chiếc áo sa màu huyền sắc, một chiếc quần lụa màu thanh thiên, nhưng ống quần nhắc cao cao, lộ ra một đôi bàn chân nhỏ nhọn nhọn, song kiều dung là có dáng, một đôi ngọc mịn thu hồi, bước chân đẹp đắt không nghe, đôi đóa sen thu thấp thoáng. Thu Cốc thấy nàng trang điểm như thế, đã cảm thấy tâm đặng thần dao, không thể tự chủ, nghĩ thầm "Chẳng trách gì cô ta gặp khách lại không mặc quần, cố ý đem bán một đôi sen vàng của mình". Lại nhìn lên mặt Song Lâm chỉ thấy nàng ngập ngừng định nói, chỉ cười nụ để gởi tình, rón rén liếc nhìn, muốn trao lời mà chẳng dám. Đôi mắt đẹp nhìn chằm chằm vào Thu Cốc, hồi lâu không nói. Thu Cốc lúc ấy nhìn thấy tình trạng Song Lâm, không kiềm được lửa lòng bốc cao, bèn đứng lên bước qua, định ngồi chung với nàng. Song Lâm cười khẽ một tiếng, xoay người tránh qua, đôi hài nhỏ ba tấc dưới chân không biết hữu ý hay vô tình chạm vào chân Thu Cốc một cái, một cái chạm ấy càng khiến Thu Cốc trong lòng ngứa ngáy không yên".

Đoạn miêu tả nói trên đã tả tình trạng kỹ nữ lấy bàn chân đẹp gợi tình tới mức lâm ly tột cùng, cảnh tượng sinh động hiện ra trước mắt người đọc, quả có thể nói là tác phẩm kinh điển!

II. Bí quyết trong phòng của kỹ nữ

Bí quyết trong phòng của kỹ nữ chính là nắm vững cách thức làm cho khách chơi sung sướng tột đỉnh, nó là kỹ xảo cơ bản mà kỹ nữ phải chuẩn bị đầy đủ. Việc sinh hoạt tình dục đối với kỹ nữ không phải là một sự hưởng thụ xác thịt mà là một loại lao động thể lực, là con đường chủ yếu để sống còn.

Để khách chơi thỏa mãn, đồng thời để mình đỡ phải mệt mỏi quá độ, kỹ nữ ấy phải nắm vững một số kỹ xảo nhất định. Kỹ nữ chỉ có học được loại kỹ xảo trên giường này mới có thể hấp dẫn khách chơi, khiến khách chơi ưa thích, lung lạc khách chơi, đạt được mục đích lấy tiền. Như Ngọc Hương trong tiểu thuyết *Nhục bô đoàn*, chính dưới sự uy hiếp bằng roi vọt của chủ chứa Cố Tiên Nương, đã học được ba "tuyệt kỹ" tính giao để chiều lòng khách chơi. Nghe nói ba tuyệt kỹ này đối với đàn ông không khác gì thuốc bổ, "Không những Nhân sâm, Phụ tử khó bì mà thuốc trường sinh bất lão cũng không hơn được". Vì thế, "nhất thời nổi tiếng ở kinh đô, không có hương thân lão gia, vương tôn công tử nào không tới thưởng thức" tự nhiên thu nhập của kỹ viện cũng tăng vọt. Đoạn đối thoại giữa kỹ nữ Vương Thúy Kiều và chủ chứa Má Tú trong tiểu thuyết *Song hợp hoan* hồi 10 đã nói một cách triệt để rõ ràng tính chất quan trọng trong công phu trên giường của kỹ nữ:

"Thúy Kiều nói "Ngủ là ngủ, chẳng lẽ lại còn có mấy kiểu sao?". Má Tú cười nói "Con ngốc, nếu kỹ nữ cũng như con nhà lành thì ai mà tới chơi, trong đó có nhiều cảnh giới kỳ diệu lắm". Thúy Kiều nói "Xin má giảng kỹ qua một lượt". Tú má nói "Phàm khách ăn xong, sắp lên giường, phải để khách nằm phía trong, còn ngươi nằm ở phía ngoài. Phải hướng khuôn mặt vào khách, đưa tay cho y gối đầu. Nhất định y sẽ mò mẫm toàn thân ngươi, ngươi cũng sờ mó hạ thể của y. Nếu ngắn và nhỏ thì dùng phép Kích cổ thôi hoa (Đánh trống giục hoa), nếu dài và to thì dùng phép Kim liên song tỏa (Sen vàng khóa xiết), nếu là người tính cấp thì dùng cách Đại triển kỳ cổ (Mở cờ gióng trống), nếu là người tính hoãn thì dùng phép Mạn đà khinh xao (Đánh chậm gõ nhẹ), nếu không chịu nổi thì dùng phép Khẩn thuyên tam diệt (Xiết

nơm ba chặp), nếu chịu nổi thì dùng cách Tả chi hữu tri (Bên níu bên giữ), nếu là kẻ dịu dàng thì dùng phép Toản tâm truy hồn (Dùi tim bắt hồn), nếu là kẻ hiếu sắc thì dùng phép Nhiếp thần nột tọa (Thôi miên ngồi cưỡi). Những lối khác cũng có nhiều, nhưng đại thể không ra khỏi tám lối nói trên”.

Nói tóm lại, kỹ nữ phải làm sao để thuận theo tự nhiên, tùy ý mà làm, dịu dàng vâng chịu đem hết sở học bình sinh của mình để chiều chuộng khêu gợi khách chơi, khiến họ khoái lạc thỏa mãn. Chính vì thế nên về kỹ xảo trên giường kỹ nữ cũng tinh tường không kém gì khách chơi. Thời Minh có rất nhiều bức tranh hành lạc có gắn bó mật thiết với kỹ nữ. Các sách *Phong nguyệt cơ quan*, *Hoa cung cảm trận*, *Phong lưu tuyệt sướng*, *Uyên ương bí phẩy*, *Thanh lâu đoạt cảnh* vân vân đều có vẽ những tư thế giao hợp khác nhau của kỹ nữ và khách chơi. Như bài tựa *Phong nguyệt cơ quan* nói rất rõ ràng như sau:

Nam nữ duy dị, Ái dục tắc đồng. Nam ái nữ mỹ, Nữ mộ nam kiêm. Nha tử sáng gia, uy bức gai nhân sinh xảo kế, Quyết vu ái sao, thế thôi nữ tử lộng gian tâm. Thả như tầm thường thức kiến, gai do thăng chuẩn chi trung. Thiết nhược kỳ xảo cơ quan, Cảnh xuất thuyền đê chi ngoại. Nhược bất tiến trù, Định tao thiết võng. Điều tình tu tại vị hợp chi tiên, Doãn vật bất dài dī sách chi hậu. Nhược yếu nhận chân, Định nhiên trước giả. Đối tân kỹ vật đàm cựu kỹ chi phi tắc tân kỹ sinh nghi, Điều thương cơ vật linh trĩ cơ chi tiểu nhi thương cơ thất ý. Thống túu vật ẩm, Quả thố hưu thường.

(Trai gái vốn khác, Ham muốn lại cùng. Trai ưa gái đẹp, Gái thích trai sung. Chủ chứa mở nghiệp, bức ép gai nhân sinh kế kéo, Dốc lòng thích bạc, giục đòi nữ tử nảy lòng gian. Nếu là kẻ tầm thường, thì

phải theo mục thước. Giả như có cơ quan, càng xa nơi bẫy lưới. Nếu không tính kế, Sẽ bị mắc mưu. Gợi tình phải từ lúc chưa làm, Đưa vật không đợi khi đã hỏi. Nếu phải nhận chân, Ất nên quyết ý. Trước nàng mới chờ bàn điều sai quấy của nàng cũ mà nàng mới sinh nghi, Chơi gái già đừng tiếc sự trẻ đẹp của gái tờ khiến gái già thất ý. Rượu nặng chờ uống, Quả héo đừng ăn).

Không nghi ngờ gì, những bức tranh này đều vẽ cảnh gió trăng trong kỵ viện.

Tranh hành lạc đều đặt trong phòng ngủ của kỵ nữ. Như tiểu thuyết ăn chơi *Hương tai xuân tiêu kinh cuối thời Thanh*, hồi 2 miêu tả:

"Áp Hương đã say, lập tức theo Lệ Tiên vào phòng, nhìn bốn phía một lượt, kế tới phòng trong, chợt thấy trên bàn bày một tấm gấm màu hồng trên viết bốn chữ Vui mắt thỏa lòng, đang định mở ra thì bị Lệ Tiên hai tay giật lấy. Áp Hương trong lòng rất nghi ngờ, dốc ý muốn xem bằng được, Lệ Tiên miễn cưỡng đưa cho, Áp Hương mở ra xem té ra là một cuốn tranh hành lạc bốn bức, bên trên đều nêu rõ tên tranh, một là Hý điệp xuyên hoa, một là Linh tê xa nguyệt, một là Vũ yến quy sào, một là Bàng hoa tùy liễu, đều vẽ tới mức sinh động khéo léo phi thường, huống hồ lại thêm Lệ Tiên muôn điều kiều my, ngàn lối ôn nhu, bèn giúp nàng cởi bỏ quần là, nói lòng dai lung, nói "Đã say lắm rồi, đêm cũng đã khuya, mong nàng bầu bạn với ta!". Lệ Tiên lúc ấy nửa xô ra nửa áp vào, vừa thẹn thùng vừa thích thú, để mặc Áp Hương bế vào giường. Đúng là: Một cặp uyên ương xuân mấy giấc, Gối là chăn gấm biết bao xuân".

Từ đó mà xem thì tập tranh hành lạc này không

những là ông thầy vô danh dạy cho kỹ nữ học tập kỹ xảo trên giường, mà còn có tác dụng kích thích dục tình của khách chơi.

Chú chứa kỹ viện càng coi trọng việc bồi dưỡng huấn luyện kỹ xảo tình dục cho kỹ nữ. Tất cả việc huấn luyện đều bắt đầu từ lúc còn là kỹ nữ trẻ, về quy trình đại khái có ba bước: thứ nhất là học tập lý thuyết, tức do chủ chứa hoặc kỹ nữ già giàu kinh nghiệm giảng dạy cho họ thuật trong phòng, bắt họ học các từ ngữ dâm đãng khêu gợi, đọc các tiểu thuyết dâm thư như *Nhục bô đoàn*, *Tục tháp dã sử*, *Sĩ bà tử truyện*. Trong dân gian, cửa quan này được gọi là Đỗ thuốc mê (Trạc mê hồn thang). Như *Tục Kim Bình Mai* hồi 53 nói "Đến năm mươi bốn mươi lăm tuổi, lại dạy phấn son tẩm gội, bên gối phonx tình, mua một bức tranh hành lạc, như ý anh truyền, dâm thư lăng khúc, theo đó diễn tập các dáng vẻ kiều my". Hai là quan sát thực hành, tức dưới sự lãnh đạo của chủ chứa tới cạnh phòng kỹ nữ đang bán dâm, thông qua lỗ hồng hay cửa lùa bí mật mà quan sát thao tác của kỹ nữ trên giường. Ba là huấn luyện theo mô hình, tức cho kỹ nữ trẻ "khóa thân ôm ấp nhau, khép mở ôm đẩy cho tới các cách thở ra hít vào", chủ chứa đứng bên cạnh không gì không hết lòng chỉ bảo.

III. Chế độ hàng ngày của kỹ nữ

Theo tiểu thuyết diêm tình *Song hợp hoan* thời Thanh, kỹ nữ ngoài việc chuẩn bị công phu trên gối, còn phải học tập "chế độ hàng ngày", có bảy cách thức:

"Thứ nhất gọi là khóc (khóc). Tiếp khách chơi có tiền, ngồi mời vài giờ đã định đứng lên ra về, thì cô phải khóc nói "Tình lang, anh bỏ em đi rồi", làm ra vẻ nũng nịu diễm si mê, lưu luyến không buông. Cho dù ruột y có băng sắt cũng cứ khóc cho y tay mềm

chân nhũn. Nếu y là người lão luyện, nhất định sẽ nói với cô khách đến rồi khách đi, cần gì lưu luyến như thế. Ta và cô phùng trường tác hý, cô cần gì phải tưởng thật. Cô cứ nước mắt ròng ròng, sụt sùi nói "Đủ thấy đàn ông các anh lòng dạ độc ác, không cần nói hai người gặp nhau lưu luyến không rời, mà cho dù một cục đá ôm lâu cũng nóng lên chứ. Tiếp khách tuy nhiều chứ tình chỉ có một, quả thật là tôi có ý lưu luyến anh". Hai hàng lệ nhỏ sinh xuân sắc, một khóc thu ba đoạt phách người.

Thứ hai gọi là tiễn (cắt tóc). Khách ở lại lâu, y có ý lưu luyến cô, lúc ấy cô phải quyết kế để ràng buộc lòng y. Chỉ sợ người khác thấy y gắn bó với cô, đưa y Nhảy tường (Khiêu tường) hay bạn bè thấy hai người các cô gắn bó, bài xích chuyện trăng gió của hai người. Phải cùng y cùng cắt tóc thơm trộn chung thành một mớ, chia buộc vào hai cánh tay, ý nói kết tóc xe tơ. Có thơ làm chứng rằng: Nhất lù hương vân triệt hạ tân, Tặng dũ tình nhân chứng túc minh. Chỉ vị yên hoa không kết phát, Thanh lâu dã phú Bạch đầu ngâm" (Mớ tóc thơm này cắt với anh, Trao tặng tình nhân đủ chứng minh. Chỉ bởi yên hoa không kết tóc, Lầu xanh cũng đúc Bạch đầu ngâm).

Thứ ba gọi là thích (xăm). Hai lòng đã hợp, ắt dùng một việc để xiềng khóa lòng y. Nếu không bọn con em rất dễ thay lòng đổi dạ. Chẳng hạn nghe nói ai đẹp đẽ, ắt muốn qua chơi bời, nhìn thấy ai xinh tươi, là nghĩ cách vui thú. Đến lúc này phải ra tay, nhân lúc y còn tiễn, phải bắt y trong lòng không minh bạch, không những không chịu bỏ tiễn ra, mà còn khiến công phu trước đây của ta vứt hết. Bây giờ phải dùng thủ pháp nặng bắt y.¹ Hoặc trên hai cánh tay hoặc trên hai bắp chân, hoặc tạm ở lòng bàn chân

dùng kim châm ba chữ Mỗ phu nhân lên đó, lấy mực bôi lên, khiến y nhìn thấy cho rằng cô là người duy nhất có tình, y ắt roi vào thuật, dốc lòng với cô. Nếu y bỏ đi, sau này người khác nhìn thấy ắt sẽ nghĩ rằng Mỗ nhân không biết đối đãi với cô tốt thế nào mà cô lại lưu luyến y đến thế. Át lại tìm nhiều cách đối xử tốt với cô, muốn cướp đoạt sự yêu thương của người trước. Cô có thể nhân đó mà dùng kế, cau mày khóc nói "Mỗ nhân tiêu tốn cho tôi khá nhiều tiền bạc, tình cảm thế nào, tốt đẹp thế nào, vui tính thế nào, mà tôi chưa từng báo đáp được y". Nói xong, cúi xuống đánh rơi mấy giọt lệ. Bất giác người kia trong lòng sê xoay chuyển, tự nguyện bỏ tiền ra...

Thứ tư gọi là thiêu (đốt). Đốt là khổ nhục kế. Hiện nay vì vợ con đành hanh, nên bọn con em cũng gian xảo. Muốn được y thích, lấy được tiền của y mà không có cách thức khơi gợi lòng người, ràng buộc ý người, thì làm sao lung lạc cho y roi vào bẫy. Chỉ dành dùng khổ nhục kế này giúp y cùng thề thốt, đàn ông không chia lòng, đàn bà không chia ý. Nếu như phản phúc, quỷ thần cùng giết. Hai người cùng đốt, huyết thứ nhất chõ tâm oa, tình cảm nhiều nhất phải đốt, gọi là Công tâm trung nguyễn. Hai người cởi phanh áo, da bụng áp da bụng, ngực áp ngực, hương đốt vào đó. Kế đó hai người lê đầu vào nhau mà đốt, gọi là Kết phát đinh nguyễn. Huyết thứ ba tay trái mình áp vào tay phải y cùng đốt, gọi là Liên tình tả nguyễn. Huyết thứ tư tay phải mình áp vào tay trái y cùng đốt, gọi là Liên tình hữu nguyễn. Huyết thứ tư về trái mình áp vào về phải y cùng đốt, gọi là Giao cổ tả nguyễn. Huyết thứ sáu chân phải mình áp vào chân trái y cùng đốt, gọi là Giao cổ hữu nguyễn. Dương thời Tào Tháo tám mươi ba vạn người ngựa xuống Giang

Nam bị một mình Hoàng Công Phú dùng khổ nhục kế đánh bại. Loại đàn ông ngu xuẩn như thế trên đời rất hiếm, chưa từng đối xử tốt với y, y còn có thể mua vui trước mặt chị em mà tốt với mình. Nếu cô đã thiêu hương với y rồi, y sẽ dốc hết gia tài, ăn liêu nuốt hoa, chết cũng không hối hận...

Thứ năm gọi là giá (lấy). Khách chơi không nói cưới thì có gì thú vị, chị em không nói cưới thì có chỗ thắcm thiết. Nhưng chữ cưới này không giống như chữ cưới thật của con gái bình thường, phải theo vóc may áo, tùy lò rèn sắt, gấp cảnh sinh tình sử dụng cho khéo. Y là con nhà ngàn vàng, hỏi cô thân giá bao nhiêu, cô bèn nói tôi vốn là bán cho họ bao nhiêu tiền đấy, tiếp khách mấy năm cho họ, tìm được bao nhiêu tiền, cũng có mấy phần lãi rồi. Bây giờ bất quá đưa họ vài trăm lượng bạc là hết chuyện. Cả ngày bàn việc cưới gả, nói thề thốt nói tình nghĩa. Y trong lòng mờ mịt, tự nhiên bỏ tiền ra. Khi đã hết tiền, y cưới cô không được, không cần cô giã từ, y cũng tự yên lặng mà bỏ đi...

Thứ sáu gọi là tẩu (chạy trốn). Cách này là diệu pháp trong kế bày kế. Y chơi bời tới mức hết sạch tiền, muốn cưới thì không còn tiền, muốn chơi cũng không có tiền. Những cách trước đã thi hành, về sau khó dùng lại, phải đuổi y ra khỏi cửa, chỉ có một cách bỏ chạy có thể lừa được y động tâm. Hoặc hẹn y chạy trốn tới chỗ nào đó, hoặc bảo y thuê thuyền ở chỗ nào đó, làm sao cho y tin tưởng không ngờ vực. Đến hôm ấy thu thập đồ đạc ra đi, bị đánh vỡ đầu, phao ầm lên là phải giải lên quan, y tự nhiên không thích quay lại nữa. Đó là kế giải vây, y chỉ nói là số phận hẩm hiu, bị người ta làm hỏng việc tốt, chứ đâu biết bên trong có kế...

Thứ bảy gọi là tử (chết). Người ta chỉ chết được

một lần. Nếu tiếp một người khách mà chết một lần thì không biết phải có bao nhiêu mạng mà chết cho đủ. Đây là giả chết, không phải chết thật. Lúc hai người thân thiết, thấy lòng y đã lay động, liền nói tôi sống là vợ của anh, chết cũng là ma nhà anh, tôi nhất định sẽ lấy anh. Nếu anh không cưới tôi, tôi sẽ chết trên người anh. Nếu y đã có vợ lớn vợ nhỏ, biết rõ y không thể cưới cô, sẽ nói ta không thể cưới cô làm vợ thật, uổng công làm bạn với cô. Tôi tuy tiếp khách nhiều năm, nào được ai dịu dàng như thế, biết đau biết xót. Anh đã không cưới được tôi thì tôi với anh cùng chết, cũng còn hơn sống trên đời mà phải chia ly. Đúng là sống trên đời không thể kết đồng tâm, thì sau khi chết xin làm cây liền cành. Không sợ gì y không dốc lòng với cô...

Hiểu được bảy chữ Âm phù áy là có thể lên đàn thi thố tài nghệ. Đứng ở trước cửa khách khứa nhìn cô một cái là phải tươi cười bước lên đón, nếu trời sinh hàm răng đẹp thì cười khẽ để lộ răng, để khoe sự đẹp đẽ, gọi là Hiến răng bạc (Hiến ngân nha). Bàn chân không đủ nhỏ thì lấy chân đạp lên ngạch cửa cúi đầu nhìn xuống, gọi là Phượng gật đầu (Phượng điểm đầu). Nếu thân hình đầy đặn đẹp đẽ thì bước lên một bước gọi là Hiện thân thuyết pháp. Tay thì phải hơi lộ vẻ búp măng, hoặc khéo mắt đưa tình, hoặc ngâm khẽ làm duyên. Không điều nào là không muốn khơi gợi lòng xuân của họ, đánh động lòng ham muốn của họ. Thông thạo bảy điều áy thì có thể làm kỹ nữ vậy⁽⁷⁾.

Thuật dẫn dụ khách của kỹ viện mà chủ chứa Tú má nói với Vương Thúy Kiều này hoàn toàn không phải do nhà

(7) Thanh Tâm tài nhân, *Song hợp hoan*, Trung Châu Cổ tịch xuất bản xã, 1994. hồi 10, 11.

tiêu thuyết tùy ý nghĩ ra, bịa đặt thêu dệt mà có căn cứ thực tế, cũng có thể đối chiếu với *Tiêu kinh* thời Minh. *Tiêu kinh* thời Minh có cái gọi là "Tấu tử khóc giá thủ, tuy giả ý mạc ngôn dị đặc" (Trốn chết khóc lấy đợi, tuy giả ý chờ rằng dễ được), Chu Nguyên Lượng chú rằng "Năm việc ấy làm động lòng người nhất. Khóc lóc đòi đợi, dây tình vẫn vít, đã không thể giãy ra, bỏ trốn và chết càng không phải tiếng hay, lại quá càng không thể giãy ra. Con em đến lúc ấy phải bỏ tất cả kiến thức, chủ trương, mới không rơi vào lưới". Mà trong *Tiêu kinh* lại có cái gọi là "Tráo đã tiễn thích thiêu, tổng hú tình kỳ thực nan vi" (Cào đánh cắt xăm đốt, thảy hú tình kỳ thực khó làm), Chu Nguyên Lượng chú rằng "Cào, đánh là thói xấu, cắt tóc, xăm người thiêu hương tựa hồ chân tình nhưng nhất thời cũng có kẻ khảng khái làm theo. Duy bị trãm nỗi khổ vẫn không đổi ý mới đúng là chân tình".

IV. Những lối lừa gạt của kỹ nữ

Cẩm sáo đầu, còn gọi là Cẩm sáo nhí, Cẩm quý đầu, là chỉ thủ đoạn ràng buộc khách chơi của kỹ nữ.

Từ xưa đến nay, trong kỹ viện đã lưu hành một câu nói như sau "Không sợ người tới không sâu sắc khôn ngoan, chỉ sợ người sâu sắc khôn ngoan không tới". Ý nói không sợ anh kinh nghiệm phong phú, lão luyện từng trải mà chỉ sợ anh không tới kỹ viện. Quan Hán Khanh trong *Nhất chi hoa, Bát phục lão* "Cho dù tử đệ là ai người cũng dùi vào cho y giãy không dứt, chém không đổ, cởi không ra, mệt mỏi không thoát, ngàn tầng túi gấm trùng trùng".

Để lừa lấy tiền của khách, kỹ nữ dần dần hình thành những thuật lừa đảo đặc sắc có hệ thống. Những cách lừa gạt này không ngừng biến đổi theo thời đại, ngày càng tinh vi, khiến người ta phải khen ngợi.

Cách lừa gạt Cẩm sáo của kỹ nữ nhiều màu nhiều vẻ nhưng nổi tiếng nhất thì không ra khỏi mấy loại dưới đây:

1. Vở người đẹp

Cái gọi là Vở người đẹp (Mỹ nhân cục) chính là lấy sắc đẹp làm cạm bẫy dụ dỗ khách chơi để thu lợi. *Vũ lâm cựu sự*, quyển 6, *Du thủ* "Ở vùng Hạo Nhương, nhân vật lầy lùng, bọn du thủ gian hoạt rất đông. Có cái gọi là Vở người đẹp, lấy kỹ nữ làm thê thiếp, dẫn dụ bọn thiếu niên mắc câu".

2. Người tiên nhảy

Người tiên nhảy (Tiên nhân khiêu), là một cách lừa đảo mau lẹ của kỹ nữ, tất cả đều do kỹ nữ giả làm phụ nữ nhà lành, giả nói là vợ người khác, dùng sắc đẹp dụ người ta mắc câu, sau đó do lưu manh đồng bọn là đàn ông giả làm "chồng" hay "bà con" tới đòi người mắc lừa bỏ tiền ra.

Cách dùng sắc đẹp của kỹ nữ làm cạm bẫy để lừa đàn ông mắc câu mà thủ lợi này đã lưu hành từ thời Tống. Đến thời Minh, cách này còn được gọi là Nhóm mờ lửa (Trát hỏa đòn), đến thời Thanh lại gọi là Người tiên nhảy.

Người tiên nhảy rất thường thấy trong giới kỹ nữ. Tiểu thuyết ăn chơi *Hoa liêu mộng* thời Thanh, tập 2 hồi 6 *Kế Vạn Kim thiết kế tẩm cùu, Tiên Thủ Ngu phá tiền miến họa* (Kế Vạn Kim bày kế tẩm cùu, Tiên Thủ Ngu tốn tiền tránh tai họa) là chép về lối lừa gạt ấy. Chuyện kể Tiên Thủ Ngu là phú ông nhà quê ở Tô Châu, lúc ở Dương Long hội tại Thương Hải nhất thời không xét kỹ, lạc vào kỹ viện gà lè, ngủ với kỹ nữ gà lè Vương Nguyệt Tiên, không ngờ lại mắc kén Người tiên nhảy của họ: Đầu tiên Vương Nguyệt Tiên lừa cởi hết quần áo của Tiên Thủ Ngu, sau đó lén giường, thắp đèn hút thuốc làm hiệu, hẹn với bọn lưu manh vô lại Vạn Toàn phá cửa xông vào bắt gian phu, dùng nấm dấm gậy gộc ra sức dọa nạt, khiến Thủ Ngu lên trời không lối, xuống đất hết đường, không những bị đánh một trận no đòn, mà còn phải mất không bốn trăm đồng tiền Tây dương làm Tiên rửa nhục. Đó là ví dụ điển hình về Người tiên nhảy.

3. Thả bồ câu trăng

Thả bồ câu trăng (Phóng bạch cáp) chính là lấy sắc đẹp của kỹ nữ làm mồi câu thả ra cho đàn ông hiếu sắc, một khi có cơ hội thì sẽ vơ vét hết tiền bạc, như bồ câu bay về tổ cũ, nên có tên như thế. *Hộ du tạp ký* của người thời cận đại là Cát Nguyên Cù, quyển 2 nói "Nuôi bồ câu thả đi, ắt dắt đồng loại trở về, thu lợi gấp đôi. Gần đây có kẻ lấy người làm bồ câu. Như phụ nữ trẻ tuổi lai lịch bất minh, hoặc bán mình hoặc tình nguyện vào nhà người ta, không đầy một tháng, nếu không cuỗm hết của cải bỏ trốn, thì vu khống là kẻ bồ trốn, khiến người mua mất cả tiền lắn người, gọi là Thả bồ câu trăng".

4. Cởi ngược hài

Cởi ngược hài (Đảo thoát hài), cũng là một hành vi lừa đảo giống như Thả bồ câu trăng. Kỹ nữ trước hết chọn mục tiêu, sau đó lấy người ta làm Dì thái thái, dùng thân xác để người đàn ông ưa thích, sau đó cuỗm hết tài vật trốn đi.

Có tấm gương ở đó, mọi người coi việc chơi bời ở kỹ viện là điều đáng sợ, có người từng làm một bài thơ thất ngôn luật như sau:

*Mê hồn trận thể khởi bình khang
Mai phục đa ban tử tế phòng!
Liễu chúc hoa phan uy mạc địch
Khinh dao lạt phủ dũng nan đương
Tân thư tiếu kiểm câu hôn phách,
Khinh khải chu thản hấp não tương
Hâm nhập vông la thùy đả phá?
Nặng chinh mạc nhược bất lâm trường⁽⁸⁾.*

(8) Dật Danh, *Hải thương hoa my ảnh*, hồi 1.

(Mê hồn trận thế dấy bình khang
Mai phục đa doan cẩn thận phòng!
Dệt liễu giăng hoa oai khó địch
Đao nhanh búa nặng thế khôn đương
Hơi tươi mặt ngọc câu hồn phách,
Khẽ hé môi son hút tuy xương
Sa bẫy mắc dò ai thoát được?
Dẫu hơn cũng chớ tới sa trường).

Chương 6

Sinh hoạt thường ngày của kỹ nữ

I. Sinh hoạt thường ngày của kỹ nữ

Kỹ nữ tuy sinh hoạt ở dưới đáy xã hội nhưng vì lý do nghề nghiệp lại thường trải qua cuộc sống trời hoa đất rượu, mặc đẹp ăn ngon. Điều đó so với những phụ nữ lao động vất vả quanh năm mà không được no ấm, thậm chí còn có thể bị đẩy tới ranh giới giữa cái sống và cái chết thì hạnh phúc hơn rất nhiều. Đương nhiên mục đích cuối cùng của việc kẻ thống trị hay chủ chứa ưu đãi kỹ nữ hoàn toàn không phải vì họ, mà là có mục đích không thể nói ra, đó chính là để thỏa mãn trọn vẹn yêu cầu thưởng thức của khách chơi, để cho kỹ nữ từ dáng vẻ dung mạo tới y phục nhà ở thảy thảy đều phù hợp với thị hiếu và yêu cầu thẩm mỹ của mọi người.

Từ ngày诞生, kỹ nữ đã trải qua cuộc sống xa xỉ mà tất cả phụ nữ lao động không sao bén gót. Theo sử sách ghi chép ba vạn nữ nhạc của vua Kiệt nhà Hạ đều là “quần áo gấm thêu”, mà đám nhạc kỹ của vua Trụ nhà Thương, thì đều đeo “vàng ngọc châu báu”.

Thời Xuân thu Chiến quốc, kẻ thống trị để thỏa mãn yêu cầu thưởng thức của mình, dùng một số lượng lớn của cải mồ hôi nước mắt bóc lột được của nhân dân lao động nuôi nữ nhạc thành bầy. Hơn một ngàn cung nữ của Tề Tương công “ăn toàn thức ngon, mặc toàn gấm vóc”, mấy trăm cung kỹ của Bình Nguyên quân nước Triệu “mặc lụa là, thừa thức

ngon". Vì thế Cửu Phạm nước Tấn từng phê phán Bình Nguyên quân ưa thích ca kỹ, nói tình trạng đương thời là "Thù nho hữu dư túu nhì tử sĩ khát... Dân hữu cơ sặc nhì mā hữu túc trật"⁽¹⁾, ý nói đám con hát có rượu uống không hết mà các chiến sĩ giữ nước bảo vệ dân thì khát khô cổ, thức ăn nuôi ngựa sung túc như thế mà thứ dân bách tính lại đang đói. Giữa hai bên hình thành một khoảng cách rất lớn.

Thời Tần cũng thế. Sử chép Tần Thủy Hoàng nuôi mấy vạn ca nữ, đều là "ăn ngon mặc đẹp, quây quần trước mặt, y phục nhẹ ấm, xe kiệu lộng lẫy".

Phục sức của kỹ nữ thời Hán đẹp hơn của phụ nữ bình thường rất nhiều. Giả Nghị nói "Nay nhà cửa của thứ dân trang trí như của hoàng đế, bọn con hát hèn hạ thì trang sức như hoàng hậu"⁽²⁾. Theo đó chúng ta có thể biết phục sức của kỹ nữ thời Hán khá đẹp. Dương thời một số kỹ nữ được sủng ái thường mặc gấm vóc lụa là. Như trong cung thời Đông Hán "Thể nữ vài ngàn người, ăn ngon mặc đẹp, phấn son trang điểm, không sao kể xiết", kỹ nữ trong các nhà quý tộc cũng thế, như gia kỹ trong nhà Ngũ hầu thời Đông Hán "đều trang sức xa xỉ, bất chước cung nhân"⁽³⁾. Đúng như người đương thời - Hoàn Khoan nói trong *Diêm thiết luận*, *Thích quyền* "Nhà các quý nhân, gái đẹp Trung Sơn la liệt trên thềm, nhã nhạc vang lừng, ở dưới thềm thì phụ nữ mặc lụa là, tỳ thiếp khoác gấm vóc".

Thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, vì quân phiệt đánh nhau liên miên, đời sống kinh tế của xã hội bị phá hoại nặng nề, phần đông nhân dân lao động bị giết chóc, đói khống có cơm, rét không có áo. Nhưng sinh hoạt thường ngày của kỹ nữ lại không vì thế mà bị ảnh hưởng chút nào, vẫn ăn ngon mặc đẹp như ngày thường. Thạch Hổ nhà Hậu Triệu có mấy

(1) Xem *Thuyết uyên, Chính gián*.

(2) (3) *Hán thư, Giả Nghị truyện*.

ngàn cung kỹ, “đều y phục trang sức vàng bạc lấp lánh”, Thạch Sùng nhà Tây Tấn trong nhà có trên ngàn kỹ nữ, “đều xông lan xạ, mặc lụa là”, “khoác gấm vóc, deo trang sức. Nghe hết sáo ngọc phách vàng, ăn đủ sơn hào hải vị”⁽⁴⁾. Nguyên Ung nhà Bắc Ngụy, “có năm trăm kỹ nữ châu ngọc lấp lánh, gấm vóc lộng lẫy”⁽⁵⁾. Nguyên Hy có mấy mươi cơ thiếp “y phục gấm thêu, xe kiệu lộng lẫy”⁽⁶⁾. Nguyên Thám còn “Tạo quán Nghênh Phong ở hậu viên, cửa sổ treo tiền làm rèm, phượng ngọc ngậm nhạc, rồng vàng nhả ngọc, cành táo trắng mận đỏ chia vào trước thềm, kỹ nữ trên lầu, ngồi hái mà ăn”⁽⁷⁾. Nguyên Diên Phu nhà Lưu Tống thời Nam triều, “Có vài mươi kỹ tài sắc đứng đầu đương thời, vàng ngọc lụa là, cung kỹ cũng không bằng. Mỗi ngày may một kiểu quần áo, chế một kiểu đồ chơi, người ở kinh đô không ai không bắt chước”⁽⁸⁾.

Thời Tùy Đường, nước mạnh dân giàu lại càng nuôi dưỡng phong khí xa xỉ từ trên tới dưới. Theo *Triều dã thiêm tài* chép, tiết Thượng nguyên năm Tiên Thiên thứ 2 đời Duệ tông (684), làm một bánh xe đèn cao hai mươi trượng ngoài cửa An Phúc kinh đô Trường An, trang trí bằng vàng ngọc lụa là, chung quanh thắp năm vạn đĩa đèn, “Dày đặc như cây hoa. Cung nữ hàng ngàn người, mặc lụa là, khoác gấm thêu, châu ngọc sáng ngời, xạ lan sực nức, một cái mũ, một tấm khăn cũng đáng giá hàng vạn đồng, búi tóc của kỹ nữ cũng tới ba trăm quan”⁽⁹⁾. Mà sinh hoạt của một số danh kỹ thì còn sánh ngang với các mỹ thiếp của vương hầu quý tộc. Như danh kỹ Sử Phượng ở Tuyên Thành trong nhà có các phòng

(4) *Tấn thư*, *Thạch Sùng truyện*.

(5) *Lạc Dương già lam kỹ*, quyển 2.

(6) *Ngụy thư*, *Hàm Dương vương Hy truyện*.

(7) *Lạc Dương già lam kỹ*, quyển 4.

(8) *Nam sử*, *Nguyên Diên Phu truyện*.

(9) *Triều dã thiêm tài*, quyển 3.

ốc bảo vật hào hoa xa xỉ như Mê hương động, Thần kê chẩm, có một nhà giàu bỏ ra ba mươi vạn đồng mới được đi xem khắp nơi trong nhà⁽¹⁰⁾. Vì thế người đương thời có câu “Đương song khước mỹ thanh lâu xướng, Thập chỉ bất động y doanh xương” (Trước song gái đẹp thanh lâu hát, Không động tay chân đù áo cơm)⁽¹¹⁾. Sở Nương cũng là “Nầm giường đồi mồi, treo rèm phỉ thúy”⁽¹²⁾.

Sinh hoạt của kỹ nữ thời Tống cũng khá sung túc, một số danh kỹ còn có thể dùng từ hào hoa xa xỉ để hình dung. Chu Mật trong *Vũ lâm cựu sự* nói “Những người lớp trước như Trại Quan Âm, Mạnh Gia Thuyền, Ngô Linh Nhi rất đông, đều lấy tài sắc đứng đầu một thời, trong nhà rất hào hoa. Những nhà được chính mắt nhìn thấy gần đây, chỉ có nhà Đường An An nổi tiếng thịnh vượng nhất, phàm đồ dùng uống rượu, sa lả, thùng nước đá, bếp lò, hộp nữ trang đều làm bằng vàng bạc. Màn trường chăn nệm phần lớn dùng gấm. Những đồ cổ ngoạn đều phù hợp với khung cảnh trong nhà. Những kẻ dưới mức đó tuy không bằng được, nhưng cũng tranh nhau phô trương sự hào hoa, những vật dùng như đồ uống rượu, trang sức, chăn nệm, quần áo đều có người chuyên cho thuê. Cho nên phàm khách tới thì đồ dùng để cung đốn đều thay đổi, kẻ không quen chơi bời không sao hiểu được”.

Thời Minh Thanh sinh hoạt của kỹ nữ ở Thượng Hải cũng mười phần sung túc. Như chủ chứa trong *Hình thể ngôn*, hồi 1 *Liệt sĩ bất bội quân*, *Trinh nữ bất nhục phụ* bài trí phòng khách cho Thiết tiểu thư “Trong phòng bày chăn gấm màn thêu, danh họa lò hương cổ, tỳ bà đàn sáo, trong thiên tĩnh bày chậu cá cây cảnh, kỳ hoa dị thảo”. Trang phục trên người thì họ không kể gì tới lệnh cấm của triều đình, ngang

(10) *Văn Tiên tạp ký*, quyển 1.

(11) Vương Kiến, *Đương song chúc*.

(12) Long Phụ, *Nữ hồng dư chí*.

nhiên học theo lối nhà quý nhân, “không phải áo màu đại hồng không mặc”⁽¹³⁾. Về xe kiệu vốn kỹ nữ không được đi kiệu, nhưng có kẻ công nhiên ngồi kiệu tám người khiêng, nghênh ngang đi qua chợ. Ngoài ra những vật dùng trong nhà cũng vô cùng xa xỉ.

Kỹ nữ Thượng Hải đứng đầu toàn quốc thời cận đại lại càng chống báng quan niêm đẳng cấp truyền thống thời phong kiến. *Đại Thanh hội diễn* quy định rõ kỹ nữ không được dùng tơ lụa, quyến đoạn, sa la và các loại vải mịn, quần áo không được thêu kim tuyến. Nhưng ở Thượng Hải kỹ nữ lại “không ai không mặc tơ lụa”, “con hát kỹ nữ mặc gấm thêu đeo vàng ngọc là chuyện thường”⁽¹⁴⁾. Về vật dùng thường nhật thì kỹ nữ ở Thượng Hải thời cận đại đã không coi việc ra cửa là lên kiệu là đặc quyền của các bậc đạt quan quý nhân, cứ Ra cuộc là ngồi kiệu lớn, “sang trọng phi thường, không khác gì các quan phủ đạo, trước kiệu sau kiệu đều có đèn chiếu sáng, ghi rõ tên họ bằng chữ lớn, lấy việc nghênh ngang đi qua chợ làm điều vinh dự, có khi còn viết bốn chữ Chính đường công vụ, người trên đường nhìn thấy, đều không hiểu vì sao”⁽¹⁵⁾.

II. Phục sức trang điểm của kỹ nữ

1. Phục sức của kỹ nữ

Tục ngữ có câu rất hay là “Sĩ vị tri kỷ giả tử, nữ vị duyệt kỷ giả dung” (Kẻ sĩ chết cho người biết mình, phụ nữ trang điểm cho người yêu mình). Ở một mức độ nhất định mà

(13) *Duyệt thế biên*, quyển 8.

(14) Cát Nguyên Cù, *Hộ du tạp ký*, quyển 1, 1876

(16) Xem thêm Chu Phong, *Trung Quốc cổ đại phục trang tham khảo tư liệu* (Phần Tùy Đường Ngũ đại), Bắc Kinh Yên Sơn xuất bản xã, 1987, tr. 38

nói, quần áo trang điểm của kỹ nữ đều là nhằm mục đích làm vừa mắt khách khứa. Suy nghĩ trên phương diện nghề nghiệp, thì y phục trang sức của kỹ nữ thể hiện rõ đặc điểm hào hoa, hợp thời.

Phục sức của kỹ nữ từ thời Tùy đến Thịnh Đường chủ yếu thịnh hành kiểu áo tay hẹp, quần dài. Kiểu áo ngắn tay hẹp là từ thời Lục triều lưu truyền lại, như bài thơ *Mỹ nhân* của Hàn Ác thời Đường viết “Niễu ná yên chi đạm bạc trang, Lục triều cung dạng trách y thường” (Tha thướt yên chi má phớt hồng, Áo màu tay hẹp lối trong cung). Từ tư liệu thư tịch và khảo cổ học mà nhìn, thì từ thời Tùy đến thời Sơ Đường chủ yếu lưu hành loại áo tay hẹp này, như hình tượng nghệ kỹ mặc áo tay hẹp trong bức bích họa *Tử Thị lang phu nhân xuất du đồ* trong ngôi mộ thời Tùy số 1 khai quật được ở núi Anh Sơn Gia Tường Sơn Đông. Hình thức áo tay hẹp của kỹ nữ thời Thịnh Đường khác kỹ nữ thời Tùy, chủ yếu không xẻ tà, theo kiểu che kín ngực, vả lại còn thêu thùa rất hoa mỹ. Vật áo may kiểu hình hai quả đào ăn khớp với bộ ngực phụ nữ vun cao, ôm sát vào người làm hiện rõ vẻ đẹp hình thể của phụ nữ. Đây là lối trang phục hợp thời trang nhất thời Thịnh Đường, cũng là trang phục đặc biệt của cung kỹ.

Quần dài cũng là trang phục mà kỹ nữ thời Tùy Đường ưa thích, về màu sắc thì phổ biến các màu hồng, tía, vàng, lục. Như bài *Ngũ nhật quan kỹ* của Vạn Sở nói “Mi đại đoạt tương huyền thảo sắc, Hồng quần đố sát thạch lưu hoa” (Quần hồng hoa lụu ghét, Mày biếc cỏ huyền phai). Bài *Bồi chư quý công tử trượng bát câu huê kỹ nạp lương ngô vū* của Đỗ Phủ viết “Việt nữ hồng quần thấp, Yên cơ thủy mặc sâu” (Việt nữ quần hồng ướt, Yên cơ má phấn sâu). Bài *Lư thị tiểu kỹ khất thi tọa thương lưu tặng* của Bạch Cư Dị viết “Sơn thạch lưu hoa tạp vū quần” (Quần múa đỏ màu hoa thạch lụu). Từ đó có thể thấy kỹ nữ thời Đường mặc quần màu hồng

khá phổ biến. Ngoài ra quần màu tía, màu vàng, màu hoa liễu, màu trân châu, màu phỉ thúy, màu úc kim, màu thạch lựu cũng chiếm một thị trường nhất định trong giới kỹ nữ. Như câu thơ Đường “Xướng gia nhật mộ tử la quần” (Thanh lâu sớm tối quần là tía).

Hồ phục cũng là một kiểu trang phục lưu hành trong kỹ nữ thời Đường. Như bài thơ *Giá kỹ kỹ* của Bạch Cư Dị viết “Hồng lạp chúc di đào diệp khởi, Tử man sam động thạc chi lai. Đới thùy tế khóa hoa yêu trọng, Mạo chuyển kim linh tuyết diện hồi” (Nến đỏ vừa dời đào nảy lá, Áo là thoảng động nhánh to lay. Dai buông khóa nhỏ lưng hoa nặng, Mũ động ngù vàng mặt tuyết phơi). Tập tục kỹ nữ mặc Hồ phục này vẫn còn ảnh hưởng đến mãi thời Ngũ đại, Lưỡng Tống.

Từ những bài thơ nói trên, chúng ta còn có thể biết thêm về những châu ngọc mà kỹ nữ thời Tùy Đường đeo ở lưng. Như kỹ nữ Nghi Xuân viện thời Đường có tập tục đeo ngọc bội hình con cá, như *Giáo phường ký* chép “Kỹ nữ vào Nghi Xuân viện, gọi là Nội nhân, cũng gọi là Tiên đầu nhân, thường đứng ở đầu hàng... Biểu diễn dưới lâu, thì đưa đội Nghi Xuân viện ra, nếu thiếu người thì đưa ban Vân Thiều bổ sung. Vân Thiều gọi là cung nhân, đại khái là dám nữ nhạc tầm thường. Họ không hề xinh đẹp, nên dễ nhận ra. Nội nhân thì mang ngọc bội hình con cá, cung nhân thì không”.

Yếm (Bảo mạt) cũng là thời trang của kỹ nữ thời Tùy Đường. Thơ Tùy Dạng đế “Cẩm tụ Hoài Nam vú, Bảo mạt Sở cung yêu” (Áo gấm Hoài Nam múa, Yếm ngực Sở cung che). Thơ Lư Chiếu Lân thời Đường “Xướng gia bảo mạt xà long bí” (Thanh lâu trên yếm thêu rồng rắn). Cổ kim chú gọi là Yêu thái. Vương Kỳ xét: Yếm là áo lót của cung nhân, người ta không thấy, nhưng có màu đỏ tươi như hoa chuối, ngoài khoác áo Cúc y, Cúc y đã mỏng, lại không che được màu yếm, nên thấp thoáng màu hồng.

Kỹ nữ thời Ngũ đại phục sức cũng thay đổi nhiều. Như quan kỹ nhà Tiền Thục phần lớn mặc áo bào, đội mao Liên hoa, tô son đánh phấn, vẽ mặt, gọi là Trang điểm kiểu say rượu (Túy trang). Bài *Túy trang từ* của Vương Diễn viết “Giá biên tẩu, na biên tẩu, chỉ thị tầm hoa liễu. Nà biên tẩu, giá biên tẩu, mặc yếm kím bôi túu” (Đi bên này, đi bên kia, chỉ là tìm hoa liễu. Đi bên kia, đi bên này, chờ chán chén rượu vàng).

Ca kỹ thời Tống lưu hành loại Quần rộng tám mảnh, loại quần này trước sau đều có bốn mảnh, bó sát đùi, lúc múa nhắc chân lên trông rất xinh đẹp phong tình. Cao Hưu trong *Phục Lê Tuyên bút ký* quyển thương dẫn lại lời Tư Mã Công Văn “Thời Bắc Tống, phụ nữ không mặc quần rộng và xiêm, quanh quần trước sau đều xé để tiện cưỡi lừa, phong thái ấy bắt đầu từ kỹ nữ ở kinh đô mà nhà các sĩ大夫 lại rất hâm mộ”.

Kỹ nữ Yên Sơn thời Liêu, mùa hè mùa đông đều mặc quần bông, phong tục ấy đến thời Nguyên Minh vẫn không suy. Như Trang Xước thời Tống chép trong *Kê cân biên* “Kỹ nữ ở Yên Sơn..., bất kể mùa nóng mùa rét, cũng mặc quần bông”.

Thời Nguyên Minh, kỹ nữ vẫn mặc áo đen, đội giác cân. Như *Nguyên diễn chương* nói “Năm Chí Nguyên thứ 5 Trung thư sảnh ra lệnh kỹ nữ mặc áo đen, đội giác cân. Những người đàn ông thân thích trong nhà kỹ nữ thì đội khăn xanh”. *Tân Nguyên sử*, *Du phục chí* nói “Năm Diên Hựu thứ 1 đời Nhân tông hạ chiếu định về màu sắc quần áo: Kỹ nữ ra vào, chỉ được mặc áo đen, không được ngồi xe ngựa”. *Minh sử*, *Du phục chí* “Quan phục của Ty giáo phường đã định rõ năm Hồng Vũ thứ 3. Nhạc công ở Ty giáo phường đội khăn chữ Van màu xanh, thắt dây lưng đỏ, nhạc kỹ thì đội khăn đen mặc áo đen, không cho vợ thường dân ăn mặc như vậy... Con hát trong Ty giáo phường thường đội khăn

màu lục, để phân biệt với trang phục của sĩ dân". Lưu Thần thời Minh trong *Quốc sơ sự tích* viết "Thái tổ lập ra viện Phú Lạc ở cầu Càn Đạo, ra lệnh đàn ông đội khăn màu lục, thắt dây lưng đỏ, đi hài da heo màu đen, không cho đi giữa đường, chỉ được đi trên ven đường. Có khi sai mặc áo khoác như thợ thủ công, kỹ nữ đội mũ đen, mặc áo đen, ra vào không cho phép mặc y phục lộng lẫy". Từ đó có thể thấy thời Nguyên y phục của kỹ nữ vẫn là màu xanh và màu lục. Người sau gọi kẻ có vợ con bán dâm là Đội khăn xanh (Đối lục đầu cân) hoặc Đội mũ xanh (Đối lục mạo tử) chính xuất phát từ đó.

Quan sam phí tử (cũng gọi là Bối tử quan nhi) là lối trang phục đặc biệt của riêng quan kỹ thời Nguyên. Như *Khốc hàn đình* màn 1 "Từ nhỏ học trò chuyên ca múa... Ta nay nộp lại Quan sam phí tử, lấy chồng rời khỏi nơi này". *Hoàn lao mạt* màn 1 "Ta vốn là một Thượng sảnh hàng thủ ở đây, vì không Dương quan thân nổi, nên nộp lại quan sam, phí tử, đưa lề vật lên xin xóa tên". *Lưu Hàng thủ* màn 2 "Thì bắt ngươi mặc áo bối tử, đội quan sáo... ngõ liêu đường hoa chuốc lấy tội nghiệt". *Dư đông tự lục trich sao nội ngoại thiền* quyển 1 viết "Kỹ nữ đội bối tử, khác với thê thiếp thứ dân... Phụ nữ làm con hát không cho đội mũ, mà đội bối tử". *Phong quang hảo* màn 4 "Ông ta hứa cho phu nhân của ta làm thứ thiếp, xóa tên khỏi chốn yên hoa, thì không phải đội bối tử mà tới hầu các quan nữa". Điều *Hỷ xuân lai* của một tác giả vô danh viết "Quan nhi bối tử đa phong vận, Bao kế đoàn sam dã bất thôn" (Quan nhi bối tử nhiều phong vận, Búi tóc dù tròn cũng chẳng quê).

Đến cuối thời Minh, phục sức của kỹ nữ càng ưa chuộng lối Ngô Môn. *Tân cung di lục* nói "Chu hậu quê ở Tô Châu, Diên Quý phi quê ở Dương Châu (Chu, Diên đều là hậu phi của Sùng Trinh). Họ đều học lối phục sức ở Giang Nam, gọi là Tô dạng". Dư Hoài trong *Bản Kiêu tạp ký* nói "Lối phục sức quần áo của Khúc viện phương nam, đều được các

nơi lấy làm khuôn mẫu. Đại khái lấy sự đam mê đơn giản làm chủ”.

Phục sức của kỹ nữ thời Thanh cũng lấy lối Ngô Môn làm điển hình. *Tục Bản Kiều tạp ký* nói “Phục sức trong Khúc viện theo lối Tô Châu mà vạt áo bằng vải màu ống tay áo rộng, cũng gọi là lối Dương Châu”. *Họa phảng dư đàm* nói “Ở ngõ Diêu Gia, cầu Lợi Thiệp, bến Đào Diệp phần lớn là người Tô Châu mở cửa hàng dày đặc, bán các món thủ quyến phượng đậu, dù che mưa, guốc gỗ, guốc cao gót, túi hương, khăn tay in hoa Tây dương, mẫu thêu họ Cố, khăn hoa, đăng ten, đăng ten thêu, tua nẹp trên cổ áo tay áo, túi hoa, búi tóc giả, bộ dao (chuỗi hạt châu gắn vào vật trang sức trên đầu, lúc bước đi thì dong đưa), lóng lánh rực rỡ, vật dùng của phụ nữ mười món thì có tới chín món. Nên y phục trang sức của các kỹ nữ đều mua ở đó. Vì màu sắc hình thức khác nhau nên những món lạ bán với giá rất cao”.

Kỹ nữ ở Thượng Hải thời cận đại lúc đầu phục sức cũng học lối Tô Châu. Như *Hải tư dả du lục* nói “Lấy xu hướng của lầu xanh làm nhã hay tục. Kỹ nữ trong thành Thượng Hải đều từ Ngô Môn tới nên quá nửa ăn mặc theo lối Ngô Môn. Lúc bấy giờ kỹ nữ hạng thấp phần lớn gọi là Người may vá (Phùng nhân). Tiếp nhận lối mới sửa lại qua loa, vô cùng khéo léo. Nếu ăn mặc giản dị, phong vận độc tuyệt, thì nên nhìn bằng con mắt khác”. Tô Lợi Trạch Hành giả trong *Trúc tây hoa sự tiêu lục* viết “Trang phục trong Khúc viện đều theo lối Tô Châu. Quần Kim nê, áo Phù dung, bắt chước chưa hẳn đã đúng, nhưng về quy cách đại khái cũng đầy đủ”.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Thượng Hải trải qua một cuộc cách mạng tiêu dùng vượt thế kỷ. Lấy các thương nhân giàu phất lên và các kỹ nữ đứng đầu mà nói thì họ đã phát động cuộc tấn công có tính chất hủy diệt đối với quan niệm đẳng cấp phong kiến. Trước hết về phương diện trang phục, “bọn con hát kỹ nữ mặc lụa là gấm thêu cũng trở thành

chuyện bình thường". Mà Lâm Mặc Ngọc được gọi là một trong Tứ đại Kim cương ở Thượng Hải càng đặc biệt, vào đợt bình chọn người đẹp mùa thu năm 1896 đã mặc một chiếc áo bằng đoạn màu đại hồng thêu kim tuyến, gắn lục lạc vàng, lộng lẫy lóa mắt. Từ đó kỹ nữ đất Hộ tranh nhau bắt chước, lại càng ưa chuộng quần áo lộng lẫy mới mẻ, tranh nhau khoe đẹp trong Mười dặm ruột dê.

Trang phục của kỹ nữ cũng thay đổi liên tục, có sự biến động rất lớn. Gái thanh lâu ở Thượng Hải là người lãnh đạo trào lưu trang phục mới trong toàn quốc, họ ăn mặc theo lối Bát kỳ, lối nam trang, cũng có theo lối Quảng Đông, lối Nhật Bản. *Thân báo* nói "Hai mươi năm trước giữa phụ nữ bình thường với kỹ nữ còn có sự phân biệt, nay thì một kiểu áo cũng do kỹ nữ tùy ý đẽ xuống, vẽ vời thay đổi. Phụ nữ bình thường cố gắng học theo, chỉ sợ hơi có chỗ nào không hợp thời, nhất định phải làm cho làn da nét mặt cực kỳ xinh đẹp cho người ta nhìn thấy không phân biệt được ai là phụ nữ nhà lành ai là kỹ nữ mới thôi"⁽¹⁷⁾. Nói chung kỹ nữ hạng sang ở đất Hộ đều thích mô phỏng lối ăn mặc của nữ sinh, chân đi giày da, mắt đeo kính gọng vàng, búi tóc kiểu phương tây, buộc thêm băng vải màu. Mà kỹ nữ Giang Chiết cũng không chịu thua kém, cũng ra sức làm theo. Vì thế trang phục của nữ sinh đương thời xuất hiện trong chốn Bắc lý. *Tần Hoài cảm cựu tập* viết "Năm ba năm trở lại đây... thường thấy các danh kỹ ở Tần Hoài rất thích không dùng son phấn, lông mày vẽ nhạt, có người học lối trang phục của nữ sinh, giống hệt con nhà đại gia nên tân khách giang hồ, con em quý tộc không ai không hoa mắt xiêu lòng, chỉ sợ không lấy lòng kịp, tình dài khí ngắn, ngày càng mê đắm vào họ".

Đến đầu thế kỷ này, phục sức của kỹ nữ lại càng

(17) *Thân báo*, ngày 22. 4. 1898

khiến người ta hoa mắt, đã xuất hiện lối ăn mặc kiểu nam trang, như *Tục hải thương phồn hoa mộng* tập đầu quyển 5 miêu tả:

“Một kỹ nữ ăn mặc lối nam trang, mái tóc đen bóng buông xõa xuống, đầu đội nón rơm, chân đi giày da, mặc một chiếc quần dài màu bão lam băng sa ngoại quốc, áo khoác màu đen băng sa ngoại quốc, đeo một đôi kính gọng vàng, miệng ngậm một diều thuốc thơm; tay cầm một chiếc quạt Nhật Bản dài không tới năm tấc, vừa di vừa phe phẩy, phảng phất như một gã lưu manh. Phía sau có một Chi lợn cầm một cái ô ngoại quốc, cun cút đi theo”.

Lối trang phục ấy phản ánh thị hiếu và xu thế thẩm mỹ mới và tâm lý sùng ngoại của kỹ nữ sau khi mở cửa. Đúng là “Xuân thời phụ nữ cạnh tân trang, Hà diệp biên hề cốn mǎn thường, Sơ đặc thời tân nguyên bảo kế, Da gian quyền tác chấm hà phường” (Phụ nữ vào xuân đua điểm trang, Tà áo sen xanh lụa biếc viền, Học lối thời trang cùng búi tóc, Dêm khuya thay gối cũng an nhàn)⁽¹⁸⁾.

2. Trang điểm của kỹ nữ

Cũng như phục sức của kỹ nữ, mục đích duy nhất trong việc trang điểm của kỹ nữ cũng là để tăng cường sức hấp dẫn của mình, thu hút khách chơi chú ý.

Để đạt tới mục đích đó, các kỹ nữ không tiếc nhất thiết đại giới truy cầu thời hoàn dữ đặc biệt tân kỳ đích kết quả, hóa trang chính là một bộ phận cấu thành quan trọng trong sinh hoạt thường nhật của họ. Từ tư liệu sử sách mà nhìn, việc trang điểm của kỹ nữ chủ yếu có thể chia làm hai bộ phận là trang điểm mặt mũi và trang điểm đầu tóc.

(18) *Thân báo*, ngày 4. 8. 1912, *Tự do đàm*, tranh đề thơ.

Điện trang (trang điểm trên mặt) rất quan trọng trong việc trang điểm của kỹ nữ, vì mặt là nơi thể hiện tình cảm tập trung, rất dễ thu hút sự chú ý của người khác. Để được hảo cảm của khách, các kỹ nữ đều suy nghĩ rất nhiều về việc trang điểm má, lông mày, môi, tai.

Đến thời Ngụy Tán Nam Bắc triều, kỹ thuật trang điểm của kỹ nữ đã đạt tới trình độ cao, dần dần thành thục, trên cơ sở đánh phấn tó son vẽ mày vốn có, lại xuất hiện rất nhiều cách thức trang điểm mới, vẽ điêu này có thể tìm được bằng chứng trong câu “Bạc mấn vân vi hoàng, Khinh hồng đậm diên kiểm” (Bím nhỏ nét hơi vàng. Phớt hồng nhạt má xám) trong bài *Vịnh ca cơ* của Giang Hồng. Việc điểm trang của kỹ nữ thời Tùy trên cơ sở quá khứ lại tiến thêm một bước. Từ búi tóc mà nhìn, thì búi tóc của kỹ nữ thời Tùy khá thấp, có rất nhiều kiểu. Mã Cảo trong *Trung Hoa cổ kim chí* nói “Trong niên hiệu Đại Nghiệp thời Tùy ra lệnh cho cung nhân búi tóc kiểu Cận hương, Quy Tân, Phụng tiên, Tiết vựng”. Trong cung kỹ rất thịnh hành vẽ lông mày dài, Đỗ Bảo trong *Đại Nghiệp thập di ký* nói “Dạng đế xuống Giang Nam, các Điện cước nữ học lối kẻ lông mày dài. Quan Tư cung mỗi ngày cấp cho năm đấu mực Loa tử, gọi là Nga lục. Mực Loa tử xuất từ nước Ba Tư, mỗi giọt giá mười lượng vàng. Về sau thu thuế không đủ, nên trộn Đỗng mặc vào cấp cho”. Ngoài ra các kỹ nữ ca múa trong cung thời Tùy còn thường đeo châu ngọc ngoài quần. *Trung Hoa cổ kim chí* nói “Trong niên hiệu Đại Nghiệp thời Tùy, Dạng đế chế ra quần là ngũ sắc ống hẹp, ban cho cung nhân cùng mẹ và vợ của các quan, lại chế quần Hoa lung bằng là Đơn ty làm trang phục mới cho cung nhân hầu yến. Về sau lại cắt vải may hình chim phụng đính trên nẹp quần, giống như áo cánh thời cổ, đến năm Khai Nguyên vẫn còn dùng”.

Trang điểm của kỹ nữ thời Đường lại càng ngày thêm phát triển, đủ màu đủ vẻ. Như *Triều dã thiêm tái* thuật lại

trang điểm của cung kỹ thời Đường nói:

“Đêm 15, 16 tháng giêng năm Tiên Thiên thứ 2 đời Duệ tông, làm một bánh xe đèn cao hai mươi trượng ngoài cửa An Phúc kinh đô Trường An, trang trí bằng vàng ngọc lụa là, chung quanh thắp năm vạn đĩa đèn, dày đặc như cây hoa. Cung nữ hàng ngàn người, mặc lụa là, khoác gấm thêu, châu ngọc sáng ngời, xạ lan sực nức, một cái mũ, một tấm khăn cũng đáng giá hàng vạn đồng, búi tóc của kỹ nữ cũng tới ba trăm quan. Đàn bà con gái ở Trường An, Vạn Niên hơn ngàn người, áo quần, trang sức rất phù hợp với dáng vẻ yêu kiều, giẫm chân ca hát dưới bánh xe đèn ba ngày ba đêm, vô cùng vui vẻ, trước nay chưa bao giờ có”.

Chân mày là chỗ kỹ nữ thời Đường rất quan tâm trang điểm. Bạch Cư Dị trong bài *Thượng Dương bạch phát nhán* viết “Thanh đại điểm mi mi tế trường” (Mày vẽ mực xanh nhỏ lại dài), Nguyên Chẩn trong bài *Hận trang thành* viết “Ngưng thủy vụng nga mi” (Sắc biếc đọng mày ngài), Ôn Đình Quân trong bài *Nam ca tử* viết “Liên quyên tế tảo mi” (Tia mày theo nét nhỏ), Pháp Huyên trong bài *Họa Triệu vương quan kỹ thi* viết “Thành trung họa quảng đại” (Trong thành mày vẽ lớn). Từ những câu thơ này, chúng ta có thể thấy tình hình trang điểm chân mày của kỹ nữ thời Đường chia làm hai loại: một loại vẽ nhỏ mà dài, như Thôi Trọng Dung trong bài *Tặng ca kỹ* viết “Đại mi khinh súc viễn sơn vi” (Mày to nhẹ phớt nét non xa) là thuộc loại này, còn một loại khác thì vẽ rộng, như Thẩm Thuyên Kỳ trong bài *Lý Viên ngoại Tân Viên trách quan kỹ thi* viết “Phất đại tùy thời sản” (Nét mực tùy thời vẽ), Pháp Huyên trong bài *Họa Triệu vương quan kỹ thi* viết “Thành trung họa quảng đại” (Trong thành mày vẽ lớn), Trương Tịch trong bài *Xướng nữ tử* viết “Khinh mấn tùng sơ hoạt tảo mi” (Bím nhẹ trâm cài

vẽ rộng mày) vân vân, đều miêu tả loại mày này.

Đến cuối thời Đường, việc trang điểm lông mày của kỹ nữ biến hóa nhiều lối, đủ màu đủ vẻ. Đào Cốc trong *Thanh dì lục* chép:

“Oanh Thư là kỹ nữ chốn Bình Khang, ngọc đẹp hoa tươi, giỏi trang điểm chân mày, mỗi ngày vẽ một kiểu. Đường Tư Lập đưa nói “Ở Tây Thục có bức Thập mi đồ, nàng lại nghiện trang điểm chân mày như thế, có thể nói là Bách mi đồ. Vào ngày cuối năm, nên dắt những người cùng chí hướng làm Tu mi sứ”. Có Tế Trạch Xuân không thích Oanh Thư, cho đó là Keo than biến tướng. Từ đời Chiêu tông Ai tông trở đi không dùng mực xanh vẽ mày mà hay dùng mực đen nấu từ than đá, gọi là Mực hun biến tướng”.

Về sau, một số văn nhân sĩ đại phu xưng tụng kỹ nữ là Mi sứ, chính là bắt đầu từ câu chuyện này.

Việc trang điểm môi của kỹ nữ thời Đường cũng vì các kỹ viện tranh đua khoe đẹp khoe xinh nên ngày càng khéo léo, bắt đầu được ghi chép vào sách vở. *Thanh dì lục* nói “Đời Hy tông Chiêu tông các nhà kỹ viện ở kinh đô rất ưa chuộng việc trang điểm môi, phụ nữ lấy đó để phân chia sắc đẹp. Về việc tô điểm có nhiều tên gọi, đại khái có các lối Yến chi vụng phẩm, Thạch lưu kiều, Đại hồng xuân, Tiểu hồng xuân, Nộn ngô hương, Bán biên kiều, Vạn toàn hồng, Thánh đàn tâm, Lộ châu nhi, Nội gia viên, Thiên công xảo, Lạc nhi ân, Đạm công tâm, Chu long cách, Song đường my, Hoa nô dạng”. Đúng là có thể nói đủ màu đủ vẻ, khoe khéo khoe đẹp!

Đương thời kỹ nữ thịnh hành việc dùng Cao den tô môi (Ô cao chú thần). *Tân Đường thư*, *Ngũ hành chí* viết “Cuối niên hiệu Nguyên Hòa, những lối trang điểm kỳ dị lưu hành, không dùng son đỏ, chỉ dùng Cao den tô môi, trông như bi thảm kêu khóc”. Lại như Bạch Cư Dị trong bài *Thời*

thế trang nói “Thời thế trang, Thời thế trang, Xuất tự thành trung chuyển tú phuong. Thời thế lưu hành vô viễn cận, Tai bất thi chu diện vô phấn, Ô cao chú thần thần tự nê, Song mi họa tác bát tự đê. Nghiên sùy hắc bạch thất bản thái, Trang thành tận tự hàm bi đê. Viên hoàn vô mấn chùy kế dạng, Tà hồng bất vựng đổ diện trạng. Tích văn bị phát Y Xuyên trung, Hạnh hữu kiến chi tri Hữu Nhung. Nguyên Hòa trang sơ nhược ký thủ, Kế đôi diện đổ phi Hoa phong” (Lối thời trang, Lối thời trang, Dấy tự kinh thành ra bốn phương. Khắp chốn xa gần theo dó học, Cầm chặng thoa son mặt không phấn, Cao đen tô môi môi tựa bùn, Chân mày về thành chữ bát nghiêng. Đẹp xấu trắng đen mắt về gốc, Điểm trang xong rồi trông như khóc. Búi tròn không bím dáng cao cao, Má không phớt hồng lại đổ quach. Trước kia bị dày vào Y Xuyên, Nhìn thấy biết ngay người Hữu Nhung. Nguyên Hòa trang điểm nếu theo đó, Tóc cao mặt đổ khác Hoa phong).

Trang điểm màu hồng rất lưu hành trong kỹ nữ thời Đường. Hồng trang còn gọi là Dao hoa diện, tức dùng phấn đỏ xoa lên mặt, khiến mặt đẹp như hoa đào. Loại trang điểm bằng phấn hồng này, theo truyền thuyết đã bắt đầu xuất hiện trong cung thời Trần Thủy Hoàng. Đến thời Hán, kỹ nữ không những thoa phấn đỏ hai má mà còn thoa lên lưng và lên ngực. Tục lệ này đến thời Đường vẫn còn lưu hành, như Hàn Ốc trong bài *Tịch thương tặng kỹ* viết “Mấn thùy hương kính vân già ngẫu, Phấn trú lan hung tuyết áp đôi” (Bím rủ gáy thơm sen lấp ngó, Phấn thoa ngực mịn tuyết vun đồi), Nguyên Chẩn trong bài *Hìn trang thành* viết “Ngưng thùy vựng nga mi, Khinh hồng phất hoa kiểng” (Mày in màu mực biếc, Má phớt nét son tươi) , là nói về lối trang điểm áy.

Kỹ nữ thời Đường trong việc trang điểm đầu tóc cũng không thua kém người xưa. Trù Quang Hy trong bài *Dạ quan kỹ thi* viết “Hoa ánh thùy hoàn chuyển” (Bóng hoa theo tóc

chuẩn), Bạch Cư Dị trong bài *Đại thư thi bách vận ký* Vi Chi viết “Phong lưu khoa truy kế” (Phong lưu khoe búi thấp), Ôn Đình Quân trong bài *Nam ca tú* viết “Ủy truy đê sơ kế” (Búi thấp nghiêng nghiêng lược), Lưu Vũ Tích trong bài *Tặng Lý Tư không kỹ thi* viết “Cao kế vân hoàn cung dạng trang” (Tóc mây cao búi lối cung trang), Nguyên Chẩn trong bài *Lý Oa hành* viết “Kế mấn nga nga cao nhất xích” (Bím tóc nhô nhô cao một thước). Từ những thơ văn miêu tả đầu tóc kỹ nữ của thi nhân thời Đường, có thể thấy rất nhiều kiểu loại.

Từ tư liệu sử sách mà nhìn, kỹ nữ thời Đường còn thích giắt trâm, thoa, lược, bộ dao, khăn lên tóc. Trâm trong thơ Đường có câu “Thuyền quyền nhân truy ngọc tao đầu” (Thuyền quyền người ngã ngọc rung đầu), kiểu thức rất nhiều, lóng lánh rực rỡ. Như *Đường ngữ lâm* quyển 6 chép “Trong niên hiệu Trường Khánh, phụ nữ ở kinh thành trang điểm búi tóc, có người dùng vàng ngọc châu thủy, trâm tiết bộ dao, không món nào không đẹp, gọi là Bách bất nhu”. Thoa trong thơ Đường được miêu tả rất nhiều, như Dương Dung Hoa trong bài *Tân trang* có câu “Phượng thoa kim tác lũ, Oanh kính ngọc vi dài” (Thoa phượng cành vàng ánh, Gương oanh đế ngọc trong), Ngô Dung trong bài *Dục hiểu khán trang diện* viết “Hữu thuyền truy kế dạng, Vô yến trú song hành” (Có ve rơi búi tóc, Không én để bay đôi), Lý Hạ trong bài *Hồ trung khúc* viết “Yến thoa ngọc cổ chiếu thanh cù, Triệu nữ kiều nương tiểu tự thư” (Thoa loan vế ngọc rơi dòng trong, Gái đẹp tay xinh viết mấy dòng). Lược qua thơ Đường cũng có những câu như “Mãn đầu hành tiểu sơ, Dương diện thí viên diệp” (Khắp đầu đầy lược nhỏ, Trên má lúm đồng tiền) trong bài *Hận trang thành* của Nguyên Chẩn, “Mãn đầu vân ly kích tiết toái” (Lược bạc đánh nhịp gãy tan tành), “Ngân bí ẩn thảm ô la mạo” (Lược bạc vững trong khăn là đen) trong các bài *Tỳ bà hành*, *Trào tuyết trung chư kỹ* của Bạch Cư Dị đều miêu tả về việc kỹ nữ đương thời thịnh hành việc giắt

lược trên đầu. Vật liệu chế tác lược đều là loại hàng giá cao, chế tác tinh xảo. Theo *Thanh dị lục* chép thì Thôi Du ở Lạc Dương cuối thời Đường trong nhà giàu có, thích chơi bời, từng dắt làm Hồng nha ngũ sắc sơ (Lược ngà màu hồng ngũ sắc) cho kỹ nữ Vương Nhuận Tử, phí tổn tới hai mươi vạn.

Kỹ nữ thời Tống học lối trang điểm của kỹ nữ thời Đường, nhưng lại theo khuynh hướng đạm nhã, thi nhân thời Tống chế nhạo kỹ nữ nhan sắc không đẹp là Cổ tử hoa, tức Mễ nang hoa (một lối Anh túc hoa trang điểm lộng lẫy nổi tiếng). Vương Nguyên Chi được điều tới quận Tề An, lúc bấy giờ dân cư thưa thớt, doanh kỹ có kẻ dung mạo không xinh đẹp, bèn làm thơ rằng “Ức tích Tây đô khán mẫu đơn, Sáo vô nhan sắc tiện tâm lan. Nhi kim tịch mịch sơn thành lý, Cổ tử hoa khai diệc hỷ hoan” (Trước ở Tây đô ngắm mẫu đơn, Chỉ hơi không đẹp đã coi thường. Đến nay quanh quẽ trong thành núi, Cổ tử hoa ra cũng thấy mừng). Lại như từ nhân Trương Tiên Lão ở Hàng Thành, nhiều lần làm từ khúc giúp quan kỹ, mà không được hay lắm, nên làm bài *Hiến thi* rằng “Thiên dữ quần tài thập dạng hoa, Độc phân nhan sắc bất kham khoa. Mẫu đơn ước chước nhân đề biến, Tự phận thân như Cổ tử hoa” (Trời thường tài năng lầm dạng hoa, Riêng mình nhan sắc khó lòng khoe. Mẫu đơn rực rỡ người đua vinh, Tự thấy mình như Cổ tử hoa). Từ đó có thể thấy thời Tống thích trang điểm nhã đạm, chứ không chuộng sự lộng lẫy.

Nghệ thuật trang điểm của kỹ nữ đến thời Tống đã trở nên thành thực. Lấy việc trang điểm mày làm ví dụ, thì kiểu dạng phong phú, vật liệu đủ loại. Chu Lạp trong *Ý giác liêu tạp ký* nói “Phụ nữ thời Tống phần nhiều nhổ hết lông mày, lấy mực vẽ lên”. Danh kỹ Oanh Thư không những phát minh ra kỹ thuật vẽ nét mày mảnh mà còn trên cơ sở Thập mi đồ thời Ngũ đại sáng tạo ra Bách mi đồ nhiều kiểu mới, khéo léo biến hóa. Đào Cốc trong *Thanh dị lục* nói “Oanh Thư là kỹ nữ Bình Khang, ngọc trong hoa sáng, rất

giỏi trang điểm, vẽ mày mỗi ngày một kiểu, Đường Tư Lập đưa nói: Ở Tây Thục có bức Thập mi đồ, nàng lại nghiện trang điểm chân mày như thế, có thể nói là Bách mi đồ. Vào ngày cuối năm, nên dắt những người cùng chí hướng làm Tu mi sứ". Từ đó trở đi, Mi sứ trở thành một danh từ chuyên dùng chỉ kỹ nữ.

Kiểu thức tô mài của kỹ nữ thời Tống rất nhiều, lưu hành nhất có các lối Thạch lựu kiều, Đại hồng xuân, Tiểu hồng xuân, Vạn kim hồng. Phát minh ra nhiều kiểu độn tóc giả, lại lấy sự cao to làm đẹp. *Văn xương tạp lục* dẫn lại bài *Tịnh hành từ* của Từ Độ Long “Chu lâu phùng tịnh nữ, Giả kế hoàn..., Hồng nhan đại mi, Cao kế tiếp cách trang lâu ngoại” (Lầu son gấp gái đẹp, Búi tóc giả..., Mày đậm má hồng, Tóc cao theo lối ngoài trang điểm).

Kỹ nữ thời Minh thích xoa phấn trắng lên mặt. Như Trương Đại trong *Đào Am mộng ức*, quyển 4 từng miêu tả tình hình kỹ nữ Dương Châu dùng phấn trắng trang điểm như sau “Cái gọi là một màu trắng có thể che được trăm vết xấu, là nhờ phấn vây”. Loại phấn trắng kỹ nữ thường dùng này được Lý Thời Trần ghi trong *Bản thảo cương mục* “Kim Lăng (nay là Nam Kinh), Hàng Châu, Thiều Châu, Thân Châu đều chế tạo, mà phấn Thân Châu tốt nhất”. Cách chế tác là sau khi nung chì cho ôxy hóa, thì theo công thức “một cân Mỗi phấn, hai lượng Bát đậu phấn, bốn lượng Cáp phấn, cho vào nước hòa đều, lọc bỏ nước trong, dùng than nhô lửa cô lại, lấy mấy lớp giấy bắn chồng lên, đổ nước phấn ra đó cho ráo, cắt thành từng miếng như mảnh ngói, đợi khô hẳn thì cất đi”. Các kỹ nữ dùng phấn trắng xoa lên mặt, mục đích đương nhiên là để da mặt trắng trẻo tươi nhuận, giữ được vẻ mịn màng, thể hiện được dáng vẻ xinh đẹp trẻ trung của phụ nữ, từ đó chiếm được lòng thương yêu của khách chơi.

Việc diện trang của kỹ nữ thời Thanh phần lớn học theo thời Minh, lại bắt chước không ít cách thức trang điểm

của Lê viễn. Như Thái Hành Tử thời Thanh trong *Trùng minh mạn lục* chép “Bạn con hát nhỏ ở kinh sư, mỗi khúc bộ đều có hơn mười người, tập tành chẳng qua hai ba vở, cốt là phải tinh thông, lại pha thêm những màn khôi hài, nên rất dễ nổi tiếng, còn như việc mặt mũi sáng láng, da dẻ trắng trẻo, thì có thuật riêng... Sáng sớm, lấy nước thịt ép rửa mặt, ăn canh trứng gà, thức ăn cực kỳ ngon lành béo bổ, ban đêm thì thoa thuốc lên khắp thân thể, chỉ chừa chân tay, để tiết hỏa độc. Qua ba bốn tháng, thì thay đổi như phụ nữ, ánh mắt long lanh, dáng vẻ xinh đẹp, dù là Liễu Hạ Huệ, Lỗ Trọng Liên cũng không khỏi tiêu hồn”.

Sau khi bước vào thời cận đại, phẩm vật trang điểm của kỹ nữ dần dần phong phú, các loại nước hoa sương, nước hoa, Nha phấn đều là những vật họ thường dùng. Vòng tay, hoa tai, trâm cài tóc, như ý, nhẫn trên người kỹ nữ cũng cực kỳ phổ biến. Về hình dáng búi tóc thì thường thấy có các loại Nguyên Bảo thốc, Tô tháp tử thốc vân vân.

III. Bài trí trong phòng kỹ nữ

Trong con mắt người xưa, nơi ở của bậc giai nhân tuyệt sắc cũng như châu trống hoa cổ, phải tìm được loại đồ gốm đẹp đẽ, phải mười phần tinh tế, như thế mới làm tăng thêm dáng vẻ xinh đẹp của cô gái. Nếu quả không có được phòng ốc đẹp đẽ để người đẹp ở, thì nhất định cũng phải trang hoàng bài trí một chỗ ở cho họ. Hoặc là lâu gác thoáng mát tinh khiết, hoặc là mật thất thanh u, trong phòng phải bày những đồ dùng đẹp đẽ, cho tới những thư họa tương ứng phù hợp trong khuê phòng. Phía ngoài phòng ở, nhất định phải có hồ nước, có lan can quanh co khuất khúc, có đường trồng hoa cổ chạy vòng quanh phòng ốc. Trong đình viện phải trồng nhiều hoa tươi, để soi rọi với hoa dung của mỹ nhân, tươi đẹp chiếu nhau. Nếu trong viện không có đất

trống, không trống được hoa cỏ, thì những thứ như chậu kiểng tuyệt đối không được thiếu. Đó là vì người đẹp là chân thân của hoa, hoa là cái bóng của người đẹp, người đẹp và hoa gắn liền làm một.

Từ tư liệu sử sách mà nhìn, việc bài trí phòng ốc của kỹ nữ các đời (đặc biệt là phòng của kỹ nữ hạng sang) phần lớn đều theo sở thích của văn nhân. Ví dụ việc bài trí trong phòng của kỹ nữ thời Đường phải rất trang nhã tinh tế, đủ sánh với tất cả các nhà quý tộc. *Bắc Lý chí*, thiên đầu nói “Xóm Bình Khang vào cửa Bắc Môn, đi qua phía đông ba chặng đường, là nơi kỹ nữ tụ họp cư trú. Trong các kỹ nữ có người nổi tiếng, phần lớn trong Nam khúc, Trung khúc. Đi vòng theo tường một đoạn là nơi ở của các kỹ nữ hạng thấp, rất bị hai hạng trên khinh rẻ. Phía trước chỗ ở của các kỹ nữ Nam khúc thông với ngã tư, những người vừa vào Quán Các phần lớn lén lút tới đó chơi bời. Những nhà hai hạng trên đều là đường tử rộng rãi sạch sẽ, đều có ba tầng lầu sảnh. Trước sau trồng hoa cỏ, có khi có đá lạ ao hồ, hai bên đối xứng, sảnh đường nhỏ treo rèm, giường chiếu màn trướng đều sang trọng”.

Phòng ở của kỹ nữ thời Minh bài trí theo phong cách truyền thống, cốt đạt tới mức thanh khiết u nhã. Dư Hoài trong *Bản Kiều tạp ký* nói “Cựu viện người ta gọi là Khúc trung, cổng trước đối diện cầu Vũ Định, cổng sau ở đường Sao Khố. Kỹ viện san sát, xây dựng liền nhau. Nhà cửa sạch sẽ, hoa cỏ tiêu sơ, khác xa trần thế”. Như nhà Cố Mi có Mi lâu, cửa sổ hồng buông rèm thêu, đồ vật ngọc ngà chất đầy mấy bàn, các loại đàn sáo chia bày hai bên, mùi thơm thoang thoảng, rèm ngọc leng keng. Biện Trại mười tám tuổi, tới Ngô Môn ở lại Hổ Khâu, rèm Tương ghế Phi không vương hạt bụi. Đồng Bạch hâm mộ cảnh sơn thủy ở Ngô Môn, dời tới ở Bán Đường, xây một bến sông nhỏ, nhà tranh giậu trúc, người đi qua đó thường nghe thấy tiếng ngâm thơ. Lý Thập

Nương ở trong mật thất tại Khúc Phòng, màn trướng lớp lớp đều xinh đẹp, giữa xây lan can dài, bên trái trồng một cây Lão mai. Lúc nở hoa thì mùi hương và tuyết trắng bay phơ phất. Bên phải có hai cây ngô đồng, mươi mẩy gốc tre lớn. Sớm hôm tưới đồng rửa trúc, màu xanh ngắt rờ rờ, người bước vào đó đều ngỡ rằng không phải cõi trần⁽¹⁹⁾. Phùng Tương Lan cư trú ở thang cảnh tại Tần Hoài, ao vườn sạch sẽ tiêu sơ, non bộ cây cỏ u nhã, hành lang phòng ốc khuất khúc, vào đó rất dễ bị lạc⁽²⁰⁾. Tiểu thuyết truyền kỳ thời Minh cũng có miêu tả chuyện này, như truyện *Mại du lang độc chiếm hoa khôi* trong *Tinh thế hằng ngôn* từng miêu tả chi tiết về phòng ngủ của danh kỵ Mỹ Nương “Má Chín Vương đưa Tần Trọng vào, quanh co khuất khúc, đi qua rất nhiều phòng, tới một nơi ở, không phải là lầu, mà là ba gian nhà dưới đất, phòng ốc rất cao rộng. Bên trái là một gian phòng trống của a hoàn, tất cả đều có giường tủ bàn ghế, lại rất giống như trong phủ đệ nhà quan, gian bên trái là phòng ở của hoa khôi Mỹ Nương, cửa đang khóa chặt. Hai phòng lại có phòng ngách. Giữa phòng đối diện với bàn có treo một bức tranh sơn thủy của danh nhân, trên bàn bày lò đồng cổ Bác Sơn, bình Long diên hương, hai bên án thư bày rất nhiều cổ ngoạn, trên vách dán rất nhiều thi cáo. Tần Trọng thẹn không phải là văn nhân, không dám nhìn kỹ. Trong lòng nghĩ thầm: Phòng ngoài còn tề chỉnh thế này, thì trong nội thất ắt rất hoa lệ. Đêm nay đều là mình hưởng dụng. Mười lượng một đêm, cũng không phải là nhiều”.

Việc bài trí trong phòng ở của kỵ nữ thời Thanh theo lối thời Minh mà còn tiến thêm một bước. *Tục Kim Bình Mai* hồi 20 tả “Ngọc Khanh ngồi ở tiền sảnh, chỉ thấy hai bên bày bàn ghế bằng gỗ nam mộc, phía trước là một chiếc kỷ Thiên nhiên bằng gỗ thiết lê, rộng hơn hai trượng vuông,

(19) Trở lên đều theo Dư Hoài, *Bản Kiều tạp ký*.

(20) Xem thêm Tiên Khiêm Ích, *Liệt triều thi tập tiểu truyện*.

trên bày một cái bầu bằng đồng lớn thời Hán, cắm một cành lão mai đang nở, miệng bình lại cài một cành hoa trà bảo châu đại hồng, bên cạnh bày một chiếc đinh cổ có hoa văn đời Thương, chân cao hơn sáu tấc, khói hương nghi ngút. Ngọc Khanh ngồi một lúc... Lại phủi quần áo, bước vào mấy tầng cửa, qua hành lang quanh co, thì là một đám tùng trúc, bên cạnh non bộ hoa lạp mai đang nở rộ, lại có hai cây hồng mai. Bước vào thư phòng năm gian, Sư Sư còn trong gác chưa ra, nào có thấy đâu! Ngọc Khanh ngồi trên một chiếc ghế đá Đại Lý chân thấp, chưa thấy giai nhân, trước tiên hãy nhìn lối bài trí, chỉ thấy phía chính nam bày hai tấm bình phong bằng đá Đại Lý, cảnh mây nước thiên nhiên rờ rỡ, giữa treo một bức tranh vẽ chim ưng trắng của nhà vua, trên đóng ngọc chương bảo tỷ, vách trái treo một bức đại tự của Đông Pha, lời văn cùng nét bút lâm ly, vách phải treo một bức tranh đậm xuân của Mẽ Điện, mô phỏng bức Viễn sơn thương lão của Triệu Đại Niên. Chỉ thấy trên giường ngà chạm rồng khắc phượng, màn gấm treo cao, giống hệt cách bài trí trong cung, trên hương tháp treo màn là, tấm nệm phảng tháp thoáng chiếc gối Tương phi trúc, không vật gì là không phong lưu như cung vua. Thé ngà trực ngọc chất chứa trong hòm đạo rương tiên, nghiên đẹp đàm xinh la liệt trên ghế son án trắng. Lại có mấy chậu tùng trên giường, cành cao ba tấc có thể vẽ vào tranh, anh vũ trong lòng, chợt kêu một tiếng khách tới pha trà. Sáo đèn treo chêch bình phong ngọc, Trầm ngút hương thơm đỉnh vịt vàng". Tuy Đinh Diệu Khanh nói về chuyện thời Tống, nhưng ở đây rõ ràng miêu tả rất chân thực về lối bài trí trong phòng ốc của kỹ nữ thời Thanh.

Phòng ốc của kỹ nữ thời cận đại thì càng hào hoa xa xỉ, có thể nói văn tắt là giàu có sang trọng. Như sảnh đường của kỹ viện hạng sang ở Quảng Đông thời cận đại, "Riêng có sự phong lưu, vẽ vời kiểu mới, khác hẳn những Bả thế khác. Bình phong khung cửa nếu không chạm khắc thì khảm xà cừ, gồm những hình hoa lê, ngân hạnh, hoàng trường, tử đàn

tầng tầng lớp lớp tinh xảo, màn trường nếu không phải gấm vóc thì là hàng thêu, gồm cả the Hồ Châu, gấm Ninh Ba, lụa Hàng Châu màu sắc rực rỡ. Những vật lớn như rường cột, đá kê cột, tường vách, cổng ngõ đều sơn vẽ chạm trổ, xanh đỏ nối nhau, những vật nhỏ như bàn ghế, giường tủ đều bóng loáng như gương, đầy vẻ quý báu. Tới như hoa thơm cỏ lạ, danh họa thư thiếp, đồ cổ ngoạn vật, trà ngon quả tươi thì không cần phải nói". Lại như phòng ở "Hộ phương lâu" của kỹ nữ Chu Nguyệt Tố trong *Hương tai xuân tỏa kinh* hồi 5:

"Trong phòng bài trí u nhã, cột chạm rường vẽ, màn trường thêu thùa, dưới đất trải thảm ngũ sắc, vách treo thư thiếp cổ nhân, ở giữa treo đèn tương phi trúc, trên vẽ hình ảnh trong sáu bộ sách Lục tài tử, giữa bày một cái kỷ thiên nhiên bằng gỗ nam mộc, đá san hô, bàn tứ tiên, trong bình đồng cổ cắm một nhánh bích đào, bên vách đặt một chiếc giường chạm lá trúc khảm mã não, bục tròn bằng gỗ hồng mộc cũng rất tinh xảo, bên cạnh có một tấm màn sa, bên trong lại có trời đất riêng, là phòng ngủ của Nguyệt Tố, trong đó những vật dùng đều theo hình rẽ quạt, cạnh cửa sổ đặt một cái tủ gỗ tử đàn, trên bàn phấn dùng lồng thêu hoa đỗ chụp lại, lại có một chiếc giường gỗ, đầu giường treo một bức tranh đứng, vẽ cảnh Văn Quân lén theo trai, liền đối hai bên nét chữ rất đẹp, viết rằng "Nguyệt lý Thường Nga nguyệt lý quế, Tố tâm lan đối tố tâm nhân" (Hàng Nga trong nguyệt quế trong nguyệt, Lan thơm trước mặt kẻ lòng thơm). Rèm châu thấp thoáng, hơi thơm thoang thoảng, trang nhã nhất là một chiếc giường hướng ra ngoài, bằng gỗ hồng mộc chạm trổ toàn bộ truyện *Hồng lâu mộng*, bốn phía đều là thư họa. Phía trong cửa sổ treo đèn lồng kiểu lạ, phia ngoài treo rèm màu thanh thiên, hai bên buông móc câu bạc, phia trong bức màn

bằng tơ treo một biển ngạch nhỏ, viết “Ôn nhu hương”. Trương Lưu tô, chẩn Uyên ương, gõi Hợp hoan, đều khả ái vô cùng”.

Ôn nhu hương là ý nói vô cùng hương thơm ngọc ấm, còn gọi là Nhiếp hôn đài! Cho dù anh là anh hùng mà lên đài ấy rồi, thì hôn phách cũng sẽ bị kỹ nữ bắt mất.

Đến đầu thế kỷ này, bài trí trong phòng ở của kỹ nữ lại theo lối Trung Tây hợp bích. *Tục hải thượng phồn hoa mộng* tập 3, hồi 33 miêu tả:

“Nhìn thấy trang trí trong phòng đều theo lối nửa Trung Hoa nửa phương tây, vô cùng tinh tế: cạnh vách có bốn chiếc ghế gỗ hồng mộc, hai bàn trà gỗ hồng mộc, ở giữa có một chiếc bàn vuông gỗ hồng mộc, cạnh cửa sổ là một chiếc bàn viết kiểu phương Tây màu đỏ, một chiếc ghế xoay gỗ hồng mộc bọc vải. Trên bàn viết có hai cái bình hoa ngoại quốc, trong bình cắm hai nhánh thủy tiên ngoại quốc, vẫn còn hoa nở, lá xanh biếc trong rất khả ái. Hai bên bàn viết có bốn cái ghế gỗ dầu kiểu phương Tây, đối diện với một cái giường đôi bằng đồng kiểu ngoại quốc, ống nhỏ bằng đồng cạnh giường bóng loáng. Trước giường có một bàn phấn kiểu ngoại quốc, trên có một cái chuông đá, lại có hai bình hoa ngoại quốc, trong bình cắm hai cành lạp mai, tiếc là đã nở hết, không còn tươi đẹp. Bức vách cạnh bàn phấn treo một bức ảnh thời trang của Giả Đệ, y phục nền ẩn đều dùng lụa là chế thành, là phát minh mới của Xuân Sinh Hiên, trên vách cạnh bộ giao kỷ treo bốn bức tranh mỹ nhân khỏa thân, đặt trong khung kính màu hồng”.

Nhân gian địa ngục hồi 15 miêu tả:

“Giả đại nhân bước vào ngược mắt nhìn, thấy gian phòng này tuy không lớn lăm, nhưng bài trí theo

kiểu Tây dương, bốn vách tô vôi màu xanh nhạt, rất là sạch sẽ. Ở giữa treo một chùm đèn pha lê ba ngọn bằng đồng, tất cả đều bọc bằng lồng sa, nhất tè bật lên, soi sáng như ban ngày. Trên kệ bếp còn có hai ngọn đèn chưa bật, phía đầu đặt một chiếc giường đồng nhỏ không có rèm, sáng loáng như vàng. Trên giường chăn nệm tề chỉnh, hai cái gối dài kiểu Tây dương chồng lên nhau hờ hững. Trên đầu giường có hai cái dạ hồ sương nhỏ nhở, trên đặt một ngọn đèn. Giữa phòng có một chiếc bàn sáu cạnh có thể gấp lại, trên bàn trái một tấm thảm bằng tơ màu lam... Trên tấm thảm có hộp thuốc lá thơm bằng bạc và bật lửa. Dọc theo bàn có bốn chiếc ghế kiểu Tây dương, cạnh cửa sổ có một chiếc đàn piano, một mặt đặt một kệ sách tam giác nhỏ, trong kệ chất không ít sách vở tranh ảnh. Ngoài ra cạnh tường còn bày một bàn trà và hai chiếc ghế, trên tường ngoài mấy bức tranh sơn dầu còn có không ít tranh ảnh dán la liệt”.

Đương nhiên phòng ốc của kỹ nữ hạng thấp không có phong khí như vậy. Như phòng ốc của kỹ nữ hạng ba hạng tư ở Bắc Kinh thời cận đại, đều là Lão má đường, Bạch phòng tử, thấp hơn thì là loại phòng bằng đất dưới chân tường ngoài thành, bên trong có một hầm đất, hàng ngày lanh gia hoặc chủ chứa đưa vài đĩa thức ăn, một bình nước qua cửa sổ vào, bức bách họ phải tiếp khách suốt đêm.

Chương 7

Tôn giáo tín ngưỡng và tập tục của kỵ nữ

I. Tiên sư và Thần bảo hộ của kỵ nữ

Về tổ sư và thần bảo hộ của kỵ nữ, trước nay đã có nhiều tranh cãi, nhiều thuyết khác nhau. Nhưng từ tư liệu thư tịch các đời mà nhìn, thì chủ yếu có thần Bạch Mi, Quản Trọng, Câu Lan nữ thần (có khi gọi là Câu Lan thổ địa), Lữ Đồng Tân, Thiết bǎn kiều Chân nhân Tiên sư, Ngũ đại tiên, Kim tướng quân, Nữ Hồ tiên, Lưu xích kim mẫu, Câu Lan thổ địa, Giáo phường đại vương, Yên hoa sứ giả, Chi phấn tiên nương, Quan Âm Bồ tát, Phật Như Lai vân vân, xin chọn ra giới thiệu dưới đây:

1. Thần Bạch Mi

Thần Bạch Mi còn gọi là Bạch nhân thần, Áo thần, là thần linh được các kỵ nữ thời Minh Thanh kính ngưỡng nhất. Vị thần này theo tranh vẽ thì râu dài dáng lớn, cưỡi ngựa cầm đao, tướng mạo tương tự như Quan Vũ trong các tranh vẽ lưu hành đương thời, nhưng lông mày trắng mà mắt đỏ. Thẩm Đức Phù thời Minh trong *Tệ tảo trai thặng ngũ, Thần danh ngoa xưng nói* “Gần đây các nhà Hiệp tà phần nhiều thờ hình Quan Tráng mục, tôi trộm cho rằng đó là làm nhục bậc chính thần. Sau mới biết là không phải. Đó là thần

Bạch Mi, râu dài mặt đẹp, cưỡi ngựa cầm đao, hơi giống hình Quan công. Nhưng mày trắng mà mắt đỏ, ở kinh sư cãi cọ mà chửi người ta là Quán mày trắng mắt đỏ là vô cùng căm hận thù ghét, dù biết sự ty tiện. Hiệp tà kiêng kỹ điều đó, bèn giả danh Quan hầu. Kỹ nữ ở kỹ viện lúc bắt đầu ngủ với khách, ăn cùng khách thề thốt lạy thần ấy, sau đó định tình. Nam bắc hai kinh đều như thế⁽¹⁾. Trên thực tế việc sùng bái thần Bạch Mi không chỉ lưu hành trong các kỹ viện ở hai kinh Nam Bắc mà còn thịnh hành ở tất cả các địa phương trên toàn quốc. Như *Như mộng lục*, *Nhai thi kỹ đệ lục* chép về phủ Khai Phong thời Minh “(Đường Ngũ Thắng Giác trong thành) hướng về phía nam, có ba gian nhà lớn cổng sơn den, biển ngạch đê Phú Lạc viện. Trong có ba bốn chỗ thờ thần Bạch Mi, từng nhà xây cất cư trú, kính được nhà vua đê bạt hai mươi bảy nhà, theo xa giá chờ lúc tấu nhạc. Trong đó có rất nhiều kỹ nữ đặc biệt xinh đẹp, giỏi khôi hài, âm nhạc, vẽ tranh, đánh cờ vây, đánh trống gỗ phách, ca hát, đá cầu, nhảy múa, túu lệnh, xai quyền, môn nào cũng giỏi. Hàng ngày vương tôn công tử, văn nhân mặc khách ngồi kiệu cưỡi ngựa tìm tới truy hoan, không lúc nào vắng”.

Miếu thờ thần Bạch Mi đều dựng trong kỹ viện, như Bồ Tùng Linh thời Thanh trong *Tăng bổ Hạnh vân khúc* (còn gọi là *Chính Đức tiêu vien*), hồi 14 tả “Vạn tuế gia vào kỹ viện, ngược mắt nhìn lên thấy ở giữa có miếu Bạch Mi thần. Hai viện Nam Bắc chia ở hai bên, kỹ nữ áo hồng quần lục, người lòng dạ sắt đá nhìn thấy cũng thương yêu. Một bên là Thu thiên viện lạc, một bên là Ca quán lâu đài”⁽²⁾. Nhưng cũng có miếu thờ Bạch mi thần xây cạnh kỹ viện, như miếu Bạch mi thần trong *Như mộng lục*, *Quan sương kỹ đệ thất*

(1) Xem thêm Thẩm Đức Phù, *Vạn Lịch dã hoạch biên bổ di*, quyển 4 *Thần tiên, Thần danh ngộ xưng*.

(2) *Bồ Tùng Linh tập*, *Liêu Trai lý khúc tập*, Thương Hải cổ tịch xuất bản xã, 1986

xây cạnh ngõ Đại diếm nơi kỵ nữ tụ họp ở phủ Khai Phong thời Minh.

Kỵ nữ thời Minh Thanh rất kính ngưỡng thần Bạch Mi, ngoài nghi thức tế tự hàng ngày còn tiến hành một loại nghi thức ma thuật thần bí vào ngày mùng một và ngày rằm hàng tháng. Điền Nghệ Hành thời Minh trong *Lưu thanh nhật trát*, quyển 21, điều *Bạch Mi thần* chép “Kỵ nữ giáo phường đều thờ cúng thần Bạch Mi, mỗi khi đến ngày mùng một và ngày rằm thì lấy khăn tay khăn lau mồ hôi lau qua mặt thần một lượt, nếu gặp bọn con em có kẻ ngang bướng nuốt lời, thì dùng khăn ấy lau lên mặt họ, qua một lượt như thế thì tự nhiên họ sẽ thương yêu, lưu luyến không thôi, đại khái là ma thuật trong kỵ viện”. Đàm Thiên trong *Táo lâm tạp trả*, *Hòa tạp*, điều *Bạch Mi thần* dẫn lại *Hoa tảo chí* “Giáo phường thờ thần Bạch Mi, ngày mùng một và ngày rằm dùng khăn tay, kim thêu đâm lên mặt thần, khăn khứa rất trịnh trọng, gọi là Vãy khăn lên mặt người, thì có kẻ say đắm không bỏ đi”. *Khách tọa tân văn* chép “Nhà kỵ nữ ắt thờ thần Bạch Mi, gọi là Áo thần, sớm tối cầu khăn, đến ngày mùng một và ngày rằm thì dùng khăn tay phủ lên mặt thần, lấy kim đâm lên, thấy bọn con em kẻ nào gian hoạt thì làm ra vẻ giận dỗi vứt khăn vào mặt họ, khăn rơi xuống đất, bảo họ nhặt lên, ắt họ sẽ yêu thương mà không có ý khác”⁽³⁾.

Thần Bạch Mi tức Hồng Nhai tiên sinh trong truyền thuyết cổ đại của Trung Quốc. Đàm Thiên trong *Táo lâm tạp trả*, *Hòa tạp*, điều *Bạch Mi thần* dẫn lại *Hoa tảo chí* “Thần Bạch Mi tức Hồng Nhai tiên sinh thời cổ”. Lý Biệu Nguyên thời Thanh trong *Vạn trai tảo lục* nói “Kỵ là nữ nhạc. Kỵ nữ Hồng Nhai người thời Tam hoàng, là người đầu tiên mở ra kỵ

(3) Dẫn lại theo Chủ Nhân Hoạch, *Kiên biêu tập*, *Quảng vận*, quyển 1, *Xương gia ma thuật*. Lại theo *Thanh bị loại sau*, *Mê tín loại* cũng có điều *Xương gia ma thuật*, nội dung đại khái cũng tương tự, không kể ra ở đây.

viện, xem *Vạn vật nguyên thủy*". Châu TuyỀn cư sī thời Thanh trong *TuyẾt hỒng tiỂu kÝ*, *Tổng bẠt* nói "Khảo sách *Vạn vật nguyên thủy*, thì kỹ nữ Hồng Nhai là người thời Tam hoÀng, là người đầu tiên mở ra kỹ viện, là thủy tổ của nghề kỹ nữ". *Văn tuyỀn*, Trương HÀnh, *Tây Kinh phÚ* viết "Hồng Nhai lập nhi chỉ huy, bị mao vũ chi tiêm ky" (Hồng Nhai đứng mà vung cờ, khoác áo lông bay phát phơ). Bốn chữ Hồng Nhai trong các tư liệu thư tịch nói trên đều chỉ một người, tức Nhạc quan Linh Luân của Hoàng Đế trong truyền thuyết thần thoại. *Liệt tiỀn toàn trUYỀN* quyển 1 viết "Hồng Nhai tiên sinh, có người nói là Linh Luân bồ tÔi của Hoàng Đế. Có người nói thời vua Nghiêu ông đã được ba ngàn tuổi. Thần tiên thời Hán là Vệ Thúc Khanh đánh bạc với mấy người trên đỉnh Chung Nam, con là Độ Thế hỏi Khanh đánh bạc với ai? Thúc Khanh nói: Với bọn Hồng Nhai tiên sinh".

Về sự tích Linh Luân, các thư tịch thời cổ đều có ghi chép. *Lữ thi Xuân thu*, *Cố thi* nói "Ngày xưa Hoàng Đế sai Linh Luân chế ra nhạc luật. Linh Luân từ phía tây Đại Hạ lại từ phía tây Nguỵễn Du (Côn Luân)... Nghe tiếng chim phượng kêu, phân biệt làm mười hai luật... Hoàng Đế lại sai Linh Luân cùng Vinh Tương đúc mười hai chiếc chuông, để hòa với ngũ âm, để triển khai Anh thiêU". *Thế bẢN* nói "Linh Luân chế ra âm luật". *Lộ sử* chép "Linh Luân chế ra khánh để hòa với bát âm, điều hòa ngũ âm để lập ra lịch pháp, phối hợp bát âm để xếp đặt ngôi thứ". Từ đó có thể thấy kỹ nữ là do nhạc công phát triển mà thành, nên người sau gộp chung lại gọi là Xướng ưu. Cho nên kỹ nữ lấy thần Bạch Mi (tức Hồng Nhai tiên sinh, hoặc gọi là Linh Luân) làm tổ sư gia thì hoàn toàn không phải sai lầm, mà là có lý do.

2. Chích

Chích, có khi còn viết là Chích (*Túc + thú*) là lãnh tụ nô lệ khởi nghĩa thời Xuân thu Chiến quốc. Trong sử sách cổ

thời Tiên Tần đều gọi là Đạo Chích hoặc Kiệt Chích, theo truyền thuyết từng suất lãnh chín ngàn nô lệ đánh lên phương bắc, đánh đâu thắng đó, tung hoành thiên hạ, khiến kẻ thống trị tim đập chân run, nổi tiếng trên đời, về sau chết già.

Việc Chích được kể vào loại tổ sư gia của nghề kỹ nữ bắt đầu thấy trong các tiểu thuyết thời Minh Thanh. *Trăm quỷ truyện* hồi 8 viết “Trong nhà Liễu Kim Nương (chủ chứa) ta thấy y thờ một vị thần, lông mày màu trắng, tiểu nhân hỏi đó là thần gì. Y nói là thần Bạch Mi tổ sư gia... Liễu Kim Nương bước qua khâu đầu, Hàm Oan (tên thần) nói: Trong nhà ngươi có thần Bạch Mi không? Liễu Kim Nương nói: Bên trên thờ cúng chính là thần Bạch Mi. Hàm Oan vén rèm nhìn ra, quả nhiên là một tượng thần, hai hàng lông mày trắng. Hàm Oan lại hỏi Vị thần này xuất thân thế nào, lúc còn sống tên họ là gì? Liễu Kim Nương nói: Tiểu phụ cũng không biết rõ ràng, chỉ nghe lão chết giãm lúc còn sống nói là Liễu Đạo Chích”.

Đinh Diệu Khanh thời Thanh viết quyển *Tục Kim Bình Mai*, hồi 45 có chép việc Liễu Đạo Chích làm thần “Đã tới cổng lầu Lệ Xuân viện. Chỉ thấy giữa hẻm có một ngôi miếu thần, là thờ Liễu Đạo Chích, mặt đỏ mày trắng, đội khăn khoác áo. Vì y là một gã cường đạo, nên phong làm dâm thần. Ở đó đám vô lại thường tới thắp hương cầu tài, nếu có con em nhà giàu sang vào cửa, thì tới tạ thần”.

3. Quản Trọng

Quản Trọng (? - 645 trước Công nguyên), tự Kính Trọng, người Dĩnh Thượng (nay thuộc An Huy), là nhà chính trị nổi tiếng đầu thời Xuân Thu. Ông từng được Hoàn công dùng làm Thượng khanh, phụ chính hơn bốn mươi năm, theo thời thế đặt ra pháp luật phù hợp, thực hành cải cách, khiến

Tề Hoàn công trở thành bá chủ đầu tiên trong Ngũ bá thời Xuân thu. Theo sử sách ghi chép, một trong những cải cách mà Quản Trọng thi hành ở nước Tề chính là “Đặt Nữ lư bảy trăm, đánh thuế những khách ngũ đêm để giúp đỡ tài chính trong việc quân quốc”⁽⁴⁾. Vì thế ông cũng được các kỹ nữ tôn làm tổ sư gia của nghề mại dâm, đó là điều mà nhà chính trị Quản Trọng lúc sống không hề tính tới.

Kỹ nữ thờ Quản Trọng làm tổ sư, điều này trong các thư tịch từ thời Minh Thanh trở đi ghi chép rất nhiều, như *Binh Chúc lý đàm* quyển thượng chép ở Nam Kinh “Kỹ nữ thờ cúng Quản Trọng, con hát thờ Đường Minh Hoàng, là có ý không quên cội nguồn”. *Duyệt Vi thảo đường bút ký* quyển 4 nói “Kỹ nữ thờ Quản Trọng, vì ông mở ba trăm Nữ lư”.

4. Câu Lan nữ thần

Căn cứ vào truyền thuyết trong thư tịch, Câu Lan nữ thần cũng là Thần bảo hộ được kỹ nữ thờ cúng.

Trương Thủ Khê trong *Yên Kinh phỏng cổ lục*, điều Câu Lan nữ tương nói tại Bắc Kinh “Giữa hai phía đông tây Câu Lan Hồ Đồng tức chỗ Ngự câu thời Nguyễn có một phủ đệ lớn bỏ hoang, trong hoa viên có một ngôi miếu nhỏ, trong miếu thờ một tượng thần bằng đồng theo tư thế ngồi, cao bốn thước tám tấc, dáng vẻ tươi cười, khuôn mặt xinh đẹp, nghiêng về bên trái, trên đầu búi tóc, cầm hai cành thoa, mặc áo ngắn, vế phải xếp bằng, để lộ hài sen, tay phải chống thẳng xuống, ngón tay chấm đất, vế trái đưa cao, tay trái nắm hài sen, dáng dấp khêu gợi, làm động lòng người. Xét phủ đệ ấy là kỹ viện cũ, pho tượng ấy là Thần mà kỹ nữ thờ cúng”⁽⁵⁾.

(4) Tạ Triệu Chiết, *Ngũ tạp trỡ*, quyển 8, *Xướng kỹ bố mân thiên hạ*.

(5) Trương Thủ Khê, *Yên Kinh phỏng cổ lục*, Trung Hoa thư cục, Bắc Bình, 1934

Từ Quốc Khu người thời cận đại viết trong quyển *Yên Đỗ tục vịnh*, điều Câu Lan nữ thần cũng từng caép thần ấy “Chuyên được kỹ nữ thờ phụng”, lại làm thơ ghi lại như sau “Yêu dả phong tư triển tiểu tần, Hàm tình doan họa (hòa) hồi dâm thân. Kỹ gia cố chỉ Câu lan ngô, Thủy tin Tùy Viên khảo chứng chân” (Yêu điệu phong tư miệng mỉm cười, Ý tình khêu gợi khiến say người. Câu lan kỹ viện xưa mờ vết, Mới rõ Tùy Viên khảo đúng thay). Cuối bài thơ có lời án rằng “Từ khi Lý Thương Ân có câu thơ tả nhà xướng kỹ Liêm khinh mạc trọng kim Câu lan (Rèm thưa màn kín chốn Câu lan), người sau bèn theo đó gọi kỹ viện là Câu lan. Xem *Tùy Viên thi thoại*”⁽⁶⁾

5. Lữ Đồng Tân

Lữ Đồng Tân (798 -?) tên Nham (có khi viết là Nham - son + thạch), hiệu Thuần Dương tử, tương truyền là người Kinh triều thời Đường, có thuyết nói là người phủ Hà Trung (nay là huyện Vĩnh Tế Sơn Tây), là một trong Bát tiên trong truyền thuyết dân gian. Theo *Liệt tiên toàn truyện* quyển 6 tóm tắt, thì Lữ Đồng Tân hai lần đi thi Tiến sĩ không đỗ, năm sáu mươi bốn tuổi bắt đầu lâng du giang hồ, gặp Văn Phòng tiên sinh trong quán rượu ở Trường An, xin học thuật cứu đời. Văn Phòng thử Lữ Đồng Tân mười lần, ông đều không động tâm. Văn Phòng bèn đưa Lữ Đồng Tân về Sơn Hạc linh núi Chung Nam, truyền cho bí quyết Thượng thanh. Đồng Tân đã dắc đạo, bắt đầu ngao du ở vùng Giang Hoài, tự xưng là đạo nhân, ẩn hiện biến hóa hơn bốn trăm năm, người ta đều không nhận biết. Về các truyền thuyết thần thoại có liên quan tới ông, ngoài việc chém giao long ở Giang Hoài, cưỡi hạc ở Nhạc Dương say rượu trong khách điếm còn

(6) Lời Mộng Thủy biên tập, *Bắc Kinh phong tục tạp vịnh tục biên*, Bắc Kinh cổ tịch xuất bản xã, 1987, tr. 235

có rất nhiều, đều được miêu tả trong nhiều tiểu thuyết, vở kịch. Như Mã Trí Viễn thời Nguyên có vở tạp kịch *Lữ Đồng Tân tam túy Nhạc Dương lâu*, Cốc Tử Kính thời Minh có *Lữ Đồng Tân tam độ thành nam liễu*, Chu Hữu Đôn có *Lữ Đồng Tân hoa nguyệt thần tiên hội*, Giả Trọng Minh có *Lữ Đồng Tân khiêu liễu thăng tiên mộng*, một tác giả vô danh có *Lữ Thuần Dương điểm hóa Độ Hoàng long* vân vân. Từ các vở kịch nói trên mà nhìn, Lữ Đồng Tân rõ ràng từ thời Tống trở đi đã biến thành một nhân vật phong lưu được dân gian ca ngợi.

Từ các truyền thuyết trong thư tịch mà nhìn, các kỹ nữ rất thành kính trong việc thờ cúng Lữ Đồng Tân, tựa hồ có liên quan với việc Lữ Đồng Tân đã chỉ vẽ cho kỹ nữ, chữa các bệnh nan y cho kỹ nữ.

Theo *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí* dẫn lại *Bắc Kinh dù hiên lục* nói: Phong tục ở Bắc Kinh, hàng năm vào ngày 14 tháng 4 là ngày Đàn sinh của Lữ Đồng Tân, kỹ nữ túm năm tụm ba tới miếu Lữ Đồng Tân ở Lưu Ly xưởng ngoài cửa Tuyên Ngoại lê bái “Phía đông xưởng có miếu Lữ tổ, hương hỏa rất thịnh. Chị em thanh lâu tới đó không ai không vào thấp hương, cầu Lữ tổ gia phù hộ”. Lại theo *Tô Châu phong tục đàm* thì kỹ nữ Tô Châu cũng rất thịnh hành việc đến ngày Đàn sinh của Lữ Đồng Tân thì tới đạo quán Phúc Tế mua hoa cúng Lữ tổ, đương thời gọi là Hoa thần tiên (Thần tiên hoa). *Thanh gia lục* quyển 4, điều *Thần tiên hoa* “Bài từ *Úc Giang Nam* của Thẩm Triệu Sơ viết: Tô Châu hảo, Sinh nhật khánh Thuần Dương. Ngọc động thần tiên thiên thượng độ, Thanh lâu chi phấn miếu trung hương. Hoa thị nhiều hồi lang (Tô Châu đẹp, Ngày sinh nhật Thuần Dương. Thần tiên động ngọc lên trời thảm, Son phấn lâu xanh cúng khói hương. Hoa bán ngập hành lang). Chú: Ngày 14 tháng 4 là sinh nhật của Thuần Dương, kỹ nữ toàn thành đều tới chợ hoa ở hai bên hành lang mua hoa, gọi là Hoa thần tiên”.

Đương nhiên vì phong tục ở các địa phương trên toàn quốc đều có chỗ khác nhau, nên việc các kĩ nữ thờ tổ sư gia và Thần bảo hộ cũng có chỗ không giống nhau. Như kĩ nữ Triều Châu thích thờ cúng Thiết bản kiều đầu Chân nhân tiên sư và Địa chủ thần, kĩ nữ Khai Phong Hà Nam thì thờ cúng Ngũ đại tiên, kĩ nữ Thượng Hải thờ Kim tướng quân. Ngoài ra còn có kĩ nữ thờ Câu Lan thổ địa, Giáo phường đại vương, Yên hoa sứ giả, Chi phấn tiên nương vân vân.

Việc kĩ nữ Triều Châu thờ cúng Thiết bản kiều đầu Chân nhân tiên sư và Địa chủ thần có chép trong *Triều Châu dịch tập tục, Chức nghiệp chương, Kỹ quán* của Dương Duệ Thông. Từ các tư liệu có liên quan mà nhìn, Thiết bản kiều đầu Chân nhân tiên sư đại khái có quan hệ với Phong hóa viện Thiết bản kiều Lão lang quân mà các nghệ nhân kịch nghệ phương nam thờ cúng. Địa chủ thần đại khái là thần Thổ địa của kĩ quán.

Ngũ đại tiên mà kĩ nữ Khai Phong thờ cúng chỉ năm loại động vật là nhím, ba ba, chuột nhắt, chuột và rắn.

Kim tướng quân mà kĩ nữ Thượng Hải thờ cúng, cũng tế ở trong viện Hóa đạo tại phía nam Hồng Kiều. Vương Thao thời cận đại trong *Doanh nhu tạp chí quyển 2* chép “Mùa hạ năm Nhâm tý, người trong thanh lâu chợt lén Mao Sơn mang về một tượng gỗ nói là Kim tướng quân, gởi trong viện ấy. Từ đó giới son phấn trong toàn thành tới cầu nguyện hoàn nguyên, không ngày nào vắng”. Lại nói ở đất Hộ có nhiều dâm từ, như đền Tam Mao Chân nhân và Thi miếu ở Hồng Tử, người trong Câu Lan lại càng cung kính. Phàm kĩ nữ sợ mắc bệnh dương mai thì tới Thi miếu mổ heo rót rượu cúng tế, lại dùng ban nhạc hòa theo, nói là rất linh thiêng”.

Ngoài ra kĩ nữ Thượng Hải còn sùng bái Lôi tổ, mỗi khi gặp ngày đản sinh của Lôi tổ ngày 24 tháng 6, một số kĩ nữ mắc bệnh hơi đỡ lại tới dâng hương hoàn nguyên⁽⁷⁾.

(7) *Hải thượng hoa my ảnh*, hồi 15.

Quan công cũng là đối tượng thờ cúng của kỹ nữ Thương Hải thời cận đại, *Tục hải thương phồn hoa mộng* tập 1, hồi 18 chép “Kinh Hồng tiên quán vì tới công đường lần đầu không được may mắn, trở về viện thay quần áo, mua một ít hương nến và giấy tiền vàng bạc, tới miếu Quan đế ở đường Lục Mã thắp hương”.

II. Tôn giáo tín ngưỡng, mê tín và những điều kiêng kỵ của kỹ nữ

1. Tín ngưỡng Phật giáo của kỹ nữ

Kỹ nữ có quan hệ mật thiết với Phật giáo. Theo truyền thuyết lúc đầu Quan Âm đại sĩ thấy cõi trần dục cẩn quá nặng, bèn biến thành thiếu nữ xinh đẹp, vào kỹ viện. Phàm Vương tôn công tử nhìn thấy dung mạo không ai không say mê. Một lần ngủ với nàng, thì lòng dục giảm hẳn. Vì bà có đại pháp lực, nên tự nhiên có thể phá trừ lưỡi tà. Về sau không bệnh mà chết, người trong kỹ viện mua quan tài mai táng. Có nhà sư đất Hồ nhìn thấy ngôi mộ, chắp tay làm lễ, nói “Thiện tai, thiện tai!” người trong kỹ viện nói với nhà sư “Đây là mộ của kỹ nữ sư phụ nhận lầm rồi”. Nhà sư đất Hồ nói “Đó không phải là kỹ nữ, mà là Quan Thế Âm Bồ tát hóa thân, tới đây để cứu độ cho những kẻ tham dục trên đời về theo chính đạo. Nếu không tin thì cứ đào mộ lên mà xem, hình hài ắt có chỗ kỳ lạ”. Người trong kỹ viện không tin, vội vàng đào mộ lên xem, thấy xương cốt dính liền, không rời ra, lóng lánh như vàng, mới lấy làm kinh ngạc. Bèn lập miếu cạnh mộ, gọi là Hoàng kim tòa từ cốt Bồ tát. Đó gọi là hoa sen thanh khiết, gần bùn không nhơ⁽⁸⁾.

Đương nhiên câu chuyện Quan Âm Bồ tát vào kỹ viện này đều là lời người sau thêm thắt, không đủ để tin. Có điều

(8) Phùng Mộng Long, *Dụ thể minh ngôn*, quyển 29, *Nguyệt Minh hòa thượng độ Liêu Thúy*.

các quan niệm Sinh tử luân hồi, Nhân quả báo ứng, Phật quốc tinh thố, Ngã quý địa ngục mà Phật giáo đề cao lại có ảnh hưởng sâu sắc trong kỹ nữ, lưu truyền rất rộng.

Phật giáo ngăn cấm sự dâm dục, nên điều thứ ba trong Ngũ giới là không được trai gái⁽⁹⁾. Cho rằng người ta có sự dâm dục, thì đời đời kiếp kiếp đắm chìm trong bể dục, vĩnh viễn không có ngày siêu thoát khỏi vòng luân hồi. Lại cho rằng “Trước là nhân, sau là quả, điều làm là nhân, điều nhận là quả. Cũng như trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, trồng cây gì được quả ấy...” Nhân tốt thì được quả tốt, nhân xấu thì được quả xấu. Cho nên nói: Muốn biết nhân kiếp trước, hãy xem kiếp này nhận gì, muốn biết nhân kiếp sau, thì xem kiếp này làm gì⁽¹⁰⁾. Vì thế kỹ nữ muốn vượt ra khỏi biển khổ, ắt phải dốc lòng cầu Phật, ra sức bố thí.

Tập tục thờ cúng Quan Âm Bồ tát của kỹ nữ lưu hành mãi đến thời cận đại. Như kỹ nữ Thanh Linh trong *Tục hải thương phồn hoa mộng* tập 1 vô cùng sùng bái Quan Âm, nàng nói:

“Quan Âm là Phật sống cứu khổ cứu nạn, vô cùng linh thiêng, há có thể phỉ báng như vậy? Tháng hai, tháng sáu, tháng chín đều tới chùa Phổ Đà và chùa Thiên Trúc dâng hương là vì sao? Tôi mua bức tranh thêu này về, gấp những ngày Phật诞 tháng hai, tháng sáu, tháng chín thì dọn dẹp phòng sau sạch sẽ, thắp hương vái lạy, để cầu cho kiếp sau, khỏi phải hàng năm cứ gởi người ta dâng hương, có nhiều điều bất tiện”.

Từ việc kỹ nữ sùng bái Thần Phật mà nhìn, thì ngoài Quán Âm Bồ tát, còn có Phật Như Lai, Phật Di Lặc, Hộ pháp

(9) Ngũ giới gồm: đệ nhất giới là không sát sinh, đệ nhị giới là không trộm cắp, đệ tam giới là không trai gái, đệ tứ giới là không uống rượu ăn thịt, đệ ngũ giới là không bịa đặt.

(10) Phùng Mộng Long Dụ thể minh ngôn, quyển 29, *Nguyệt Minh hòa thương độ Liễu Thúy*.

Bồ tát. Có kỵ nữ còn dán tranh vẽ Đường Tăng lên đầu giường để thờ cúng.

2. Kỵ nữ với Đạo giáo

Kỵ nữ đối với Đạo giáo cũng cực kỳ tôn sùng, đó không những vì Lữ Đồng Tân nhân vật trong Đạo giáo là Thần bảo hộ của kỵ viện, mà vì chủ nghĩa hưởng lạc lấy cuộc sống làm vui của Đạo gia cũng ăn khớp với nhu cầu tâm lý của kỵ nữ.

Ngược lại với Phật giáo, Đạo giáo hoàn toàn không ngăn cấm việc dâm dục, mà chủ trương lấy sự hưởng thụ nhục dục để hấp dẫn người khác. Thích Minh Khai thời Đường trong *Khoái đối phó dịch phế Phật tăng sự* đã vạch trần thuyết của Đạo giáo, nếu vào Đạo giáo thì phải “Vào ngày mùng một và ngày rằm” vào phòng thầy để tu đạo. Vậy thì tu đạo gì? Đó chính là “Tinh ý tương thân, nam nữ tương tiếp, khiến bốn mắt hai mũi trên dưới tương đương, hai lưỡi hai miệng đối bên đối nhau, âm dương tiếp xúc, tinh khí thông suốt”. Đó là giáo nghĩa dùng nhục dục mời gọi tín đồ, không những được các khách chơi vô cùng hoan nghênh, mà cũng rất phù hợp với tâm lý của kỵ nữ.

3. Hoạt động mê tín của kỵ nữ

Việc mê tín của kỵ nữ có nhiều loại, trong đó chủ yếu có:

1. Đốt phong long (Huân phòng gian). Kỵ nữ gặp phải khách tính tình nhỏ mọn keo kiệt, sau khi y đi rồi, nhất định phải dùng giấy tiền vàng bạc hoặc bùa đốt để xông cửa, cho tới những thứ đồ dùng mà “gã khách keo kiệt” đã dụng tới, như bàn ghế, giường tủ. Cũng có khi đốt pháo tre. Kỵ nữ hy vọng thông qua cách thức ấy để xua đuổi vận xui. Như Hải

thượng hoa my ánh hồi 20 viết “Tiểu Bảo vì họ ngồi trong phòng của mình lâu, đợi họ ra khỏi cửa, bèn đốt hai tờ giấy tiền vàng bạc”.

2. Thắp hương cầu tài (Thiêu tài hương). Kỹ nữ làm ăn không khá, mỗi khi gặp những ngày mùng một và ngày rằm thường phải vào điện thờ Thần Tài thắp hương vái lạy, để cầu thần linh phù hộ cho phát tài.

3. Xua tà ma (Khu tà sùng). Kỹ nữ nào trong kỹ viện cổng nèo vắng tanh, làm ăn không khá, chủ chứa sẽ sai hai ba kỹ nữ đốt một đống lửa, cởi truồng, cầm lá bùa đốt cháy đi vòng quanh phòng của kỹ nữ ấy đến khi lá bùa cháy hết thì thôi. Họ cho rằng làm như thế sẽ xua đuổi được tà ma, bảo đảm làm ăn thịnh vượng.

4. Vịn chân lạnh (Phàn lạnh cước). Phàm những khách chơi hào phóng, thì kỹ nữ gọi là Khách tốt (Đại hảo khách nhân) hoặc Khách sang (Hảo hộ đầu). Nếu Khách sang chỉ là ngẫu nhiên tới cửa chứ không phải là khách thường lui tới, thì sẽ bị kỹ nữ coi là Ông khách chân lạnh (Lạnh cước khách nhân). Nếu Ông khách chân lạnh ngẫu nhiên tới ngủ lại kỹ viện, kỹ nữ ấy át sẽ chờ lúc khách say rượu ngầm đốt giấy tiền vàng bạc dưới giường, rồi đem giày tất của khách hơ lên trên lửa. Họ rất tin tưởng điều ấy có thể khiến Ông khách chân lạnh trở thành Ông khách chân ấm (Nhiệt cước khách nhân)⁽¹¹⁾.

4. Những điều kiêng kỵ của kỹ nữ

1. Kiêng kỵ trong từ ngữ. Nghề mại dâm mà kỹ nữ làm là một trong ba trăm sáu mươi nghề, là nghề nghiệp hạ lưu. Tự nhiên nó cũng như những nghề nghiệp giang hồ khác,

(11) Trở lên xem thêm *Thượng Hải than hắc mạc*, tập 4, Giáp biên: *Xưởng kỹ hắc mạc*.

có một số từ ngữ nghề nghiệp của mình. Những từ ngữ nghề nghiệp này đối với kỹ nữ mà nói, có một tác dụng đặc biệt, cần phải vận dụng cẩn thận, không thể có chút sơ xuất nào.

Trong từ ngữ nghề nghiệp của kỹ nữ, có một phần lớn là từ **kiêng ky**, loại từ kiêng ky này còn gọi là **Làm mảnh** (Tố khối). Căn cứ vào ghi chép trong sử sách, kỹ nữ phải kiêng ky có tám Mảnh lớn (Đại khối), tức Long, Hổ, Mộng, Đăng, Kiều, Tháp, Quý, Khốc (Rồng, Cọp, Mộng, Đèn, Cầu, Tháp, Ma, Khóc). Trong từ ngữ của nghề mại dâm, Rồng là Dây biển (Hải diều tử), Cọp là Mỏ biển (Hải chúa tử), Mộng là Cái chớp (Hoảng lượng tử), Đèn là Cái sáng (Lượng tử), Cầu là Cái trên không (Hải không tử), Tháp là Cái dùi (Chùy tử), Ma là Cái lưỡi lùn (Nụy la tử), Khốc là Bỏ sống (Phách tô).

Ngoài ra còn có bảy mươi hai Mảnh nhỏ (Tiểu khối), như đầu là Cái vỏ ngọn (Đinh xác tử), tóc là Mạ (Miêu), mắt là Cái máng (Tào tử), lông mày là Cái treo cao (Cao điếu tử), răng là Tiền bạc (Tài), mồm là Cái khép (Hợp tử), mặt là Trái đào (Đào), lưỡi là Cá (Ngư) vân vân.

Kỹ nữ quên tiếng nghề nghiệp, nói như bình thường gọi là **Phạm mảnh** (Phạm khối), người vi phạm cho là điều không may, chủ về việc suốt ngày không có khách, có khách cũng sẽ có chuyện. Ất phải lập tức tự kéo tai mình, nhổ nước bọt liên tiếp ba cái, hoặc xé rách vạt áo, bứt cúc áo, để làm phép hóa giải, gọi là **Phá khối** (Phá khoái). Vào ngày mùng một và rằm hàng tháng và trong mùa xuân thì việc kiêng ky lại càng nghiêm ngặt. Bình thường trong việc đổi nội đổi ngoại, tám Mảnh lớn phải được tuân thủ nghiêm ngặt. Bảy mươi hai Mảnh nhỏ thì yêu cầu không nghiêm ngặt lắm. Nhưng cũng phải xem tình hình cụ thể, như kỹ nữ mới tới, không tuân lệnh quản giáo, không dễ thuần phục, hoặc khách khứa thua thớt, làm ăn không khá, chủ chứa sẽ lấy cớ **Phạm khối**, hoặc túm tóc noặt kéo tai, dập đầu vào tường ba lần, đến lúc kỹ nữ vỡ đầu chảy máu mới thôi. Nếu kỹ nữ đang gặp vận may,

ngẫu nhiên có Phạm khối, thì sẽ có cách xử trí khác, nhưng cũng được giảm khinh kéo tai, hoặc nhắc nhở phải tự làm phép hóa giải, để biểu thị quy củ của kỹ viện. Khách chơi Phạm mảnh, phần lớn là phạm vào tám Mành lớn, kỹ nữ cũng phải ngầm ngầm hóa giải, phần nhiều là khạc nước bọt xuống nền nhà, hoặc dùng móng tay vạch dưới gầm giường. Nếu khách chơi Phạm mảnh quá nhiều, nhất là phạm vào chữ Mộng (như nói nầm mộng, mộng thấy chuyện này chuyện nọ), thì cố ý làm vỡ miệng bầu rượu, làm gãy vòi bình rượu, những việc như thế trong kỹ viện hạng sang rất ít xảy ra. Ví dụ đem chén trà sứt vòi mẻ miệng ra úp xuống mặt bàn, để tỏ ý nhắc nhở những người thông hiểu quy củ giang hồ. Có một số khách chơi lão luyện, lúc kỹ nữ úp chén trà lại sẽ cố ý lật chén trà trở lại cho miệng chén hướng lên trên, sẽ được coi là kẻ sành sỏi, kỹ nữ sẽ lập tức nhìn bằng con mắt khác, tiếp đai đặc biệt⁽¹²⁾.

2. *Kiêng kỹ trong nghề nghiệp.* Kỹ nữ cũng như thương nhân làm ăn, kỹ nhất là người khách đầu tiên trong ngày khai trương không chơi mà bỏ đi, tục coi đó là Vé đầu xấu (Đải đầu thái) trong chuyện hưng suy. Lại vì kỹ nữ đều làm ăn trên gối, nên kiêng dựng đứng chiếc gối, tục cho rằng đó là hiện tượng bất thường, chỉ sợ sẽ bất lợi trong việc tiếp khách⁽¹³⁾. Kỹ nữ cùng ân khách lén thề ước chuyện hôn nhân với nhau cũng là điều rất kiêng kỹ trong nghề mại dâm, vì kỹ nữ là Cây tiền của chủ chứa, chủ chứa sợ kỹ nữ bỏ trốn theo khách. Lại vì kỹ nữ là hạng tiện dân, nên kiêng kỹ việc ngủ chung với người trong những nghề hèn hạ như con hát,

(12) Trở lên xem thêm Ban Biên tập địa phương chí Thành phố Khai Phong, *Khai Phong dân tục và Trần Vũ Môn, Cổ Biện xướng kỹ huyết lệ lục*.

(13) Xem thêm Nhiệm Sinh, *Trung Quốc dân gian cấm kỹ* (Những kiêng kỹ trong dân gian Trung Quốc), Tác giả xuất bản xã, 1990, tr. 371

thái giám, cho rằng như vậy sẽ bôi xấu danh của mình, mất mối làm ăn. Như *Thanh bị loại sao* nói “Nếu kỹ nữ ngủ chung với con hát thì mọi người đều khinh rẻ, nếu ngủ chung với kẻ yêm hoạn thì người biết chuyện sẽ không chiếu cố nữa”. Lại như kỹ nữ trong chuyện làm ăn có những tin tưởng thế này, phàm lược rơi xuống đất ban đêm chủ về việc có khách chơi giàu có sang trọng vào phòng, lọ dầu chải tóc rơi xuống đất chủ về việc có khách chơi quấy nhiễu⁽¹⁴⁾.

III. Phong tục tập quán của kỹ nữ

1. Đón hướng Hỷ thần

Đón hướng Hỷ thần (Đâu Hỷ thần phương), còn gọi là Đón tiền (Đâu tài) là một trong các tập tục dân gian truyền thống của người Hán, lưu hành ở khu vực Giang Nam. Theo lịch nhà Hạ ngày mùng một tháng giêng là Lăng thần, mọi người mặc áo deo dai tề chỉnh theo lịch năm ấy chỉ thị mà đón phương hướng thần tài tới, trước bữa cơm sáng ra ngoài đồng dạo một vòng, để mong năm mới tiền bạc và điều vui sẽ tới cửa. Tập tục này cực kỳ thịnh hành trong kỹ nữ vùng ấy, như *Cửu vĩ quy hối* 132 thuật:

“Không đầy một lúc, đã nghe thấy xa xa có tiếng gà gáy sáng, ánh sáng đã mờ mờ xuyên qua cửa kính. Lục Lệ Quyên vội vàng ra trước gương rửa mặt, đánh phấn lại, rồi kẻ lông mày, thay một bộ quần áo khác, nhìn Thu Cốc cười nói “Chàng chờ đi thôi!”. Thu Cốc nghe xong, bèn cùng bọn Tân Tu Phố đứng lên theo Lục Lệ Quyên xuống lầu. Còn có mấy chị em trong viện Lục Lệ Quyên đi cùng. Trai gái lố nhố khoảng mươi mấy người. Thu Cốc vừa đi vừa nhìn kỹ trang phục của họ. Chỉ thấy họ người nào cũng đầu

(14) *Tục hải thương phồn hoa mộng*, tập 1, hồi 7.

đầy châu ngọc trên người khoác áo da, cũng có áo da chồn, ngoài mặc quần kiểu trong cung băng sa, thắt lưng buông xuống phết phơ. Lục Lê Quyên còn mang một đôi hài cong băng đoạn hồng. Người nào cũng mặc quần áo mới, giặt hoa cài lược. Một đám người đi ra khỏi cổng, Lục Lê Quyên đứng lại nói “Năm nay Hỷ thần ở phương đông nam, chúng ta đi qua hẻm Đồng Khánh được không?”. Mọi người đều theo lời nàng, đi thẳng vào hẻm Đồng Khánh. Tới đường Tứ Mã một người quay lại, ngẫu nhiên thấy trên đường có vô số kỹ nữ cũng đi về hướng Hỷ thần, ai cũng đầy mặt xuân tình, một thân xinh đẹp... Đi một vòng, mọi người lại trở về hẻm An Lý”⁽¹⁵⁾.

2. Mở mâm rượu ngày Nguyên đán

Ngày Nguyên đán đầu năm, theo phong tục của kỹ nữ Thượng Hải thời cận đại thì đều phải mời những khách chơi thân thiết với kỹ nữ tới Mở mâm rượu, phát tiền lì xì, mà kỹ nữ thì mở mâm quả chiêu đãi khách khứa. Tập tục này được *Nhân gian địa ngục* miêu tả khá tường tận chi tiết, sao ra dưới đây:

“(Diêu Túc Thu) vào hôm Nguyên đán, ăn sáng xong thấy buồn chán, bèn tới chỗ Bích Yên mở mâm quả, thấy Bích Yên đang mặc một chiếc áo lông điêu ngoài một chiếc áo màu vàng sẫm điểm hoa hồng. Ngày thường chỉ thắt bím tóc, hôm nay thì chải đầu một lượt, trên đầu cắm hai chiếc thoa Tiên nhân chuồng. Trong phòng đều thay nem gối màu đỏ, bước tới đình thì thấy chỗ giường căng một tấm màn tơ màu thiên thanh, trên giường là một chiếc chăn đại hồng bách quả. Trên giường buộc hai thanh gỗ cao

(15) *Cửu vĩ quy*, hồi 132.

hơn cây mía, ngoài bọc giấy đỏ, gọi là Đốt đốt cao (Tiết tiết cao). Trên bàn phẩn có hai cây nến đỏ chưa thắp. Lúc Diêu Túc Thu bước vào... người trong phòng vội vã tất bật mở trà Nguyên bảo, bưng ra bốn cái khay bạc lớn sắp xếp đầy đủ, đều là những món bánh mứt điểm tâm. Bà dì liền chạy vào nhà bếp nấu điểm tâm, A Thái thì cười hì hì bước tới bàn phẩn cắm một đôi nến long phương tuế thời. Túc Thu nói “Thắp nến làm gì?”. A Thái đáp “Hôm qua đã thắp hết một đôi nến rồi, đôi này là chúng tôi đều nói lúc nào Nhị thiếu tới sẽ thắp. Quả nhiên người đầu tiên tới là Nhị thiếu, tự nhiên là phải thắp chứ”. Túc Thu quay lại cười nhìn Bích Yên nói “Chẳng lẽ đầu năm chúng ta sẽ thắp một đôi nến lớn à?” Bích Yên như giận mà không phai giận, lườm Túc Thu một cái. Vốn quy củ trong Đường tử ở Thương Hải, năm mới có khách tới mở Mâm hoặc Mở mâm rượu đều phải thắp nến. Ai là người khách đầu tiên thì bắt đầu thắp nến. Túc Thu hôm nay tới đây, đương nhiên phải Mở mâm, nên A Thái vội thắp nến lên. Qua một lúc, chỉ nghe chỗ cầu thang có tiếng nhốn nháo, rất nhiều đàn ông kéo vào. Hôm nay ai cũng mặc áo bào màu lam, áo khoác màu đen, đội mũ quả dưa bước tới phòng trước nói “Chúng tôi phải chúc tết Nhị thiếu!”, kế có ba bốn người bước vào dập đầu lạy Túc Thu. Nguyên đó đều là Giúp việc của phòng Bích Yên, vì Túc Thu ra vào đã quen, nên họ đều tới chúc tết. Túc Thu nhân đó hỏi Bích Yên, những người Giúp việc chỗ cô tất cả đàn ông đàn bà có bao nhiêu người, Bích Yên nói “Trên dưới lầu tất cả có mười người”. Túc Thu bèn lấy ra hai mươi đồng nói “Nhờ cô phân phát giùm! Mỗi người một phong bao hai đồng”⁽¹⁶⁾.

(16) Nhân gian địa ngục, hồi 67.

Ngoài việc Mở mâm rượu ngày Nguyên đán, theo tập tục ở Thượng Hải thời cận đại, kỵ nữ đều lấy ngày mùng năm tháng giêng làm ngày Thần tài. Đến hôm ấy, “Tất cả các Quán nhân đều ăn mặc đẹp đẽ ra đón Thần Tài, nên xe ngựa trên đường Mã Lộ đặc biệt đông đúc so với các đường khác”⁽¹⁷⁾.

3. Hội Cái hộp

Hội Cái hộp (Hợp tử hội) là một tập tục họp mặt năm mới của kỵ nữ thời trước, lưu hành ở vùng Giang Tô Nam Kinh, cử hành vào trước sau ngày Thượng ty Thanh minh hàng năm. Đến hôm ấy các kỵ nữ chọn một nơi yên tĩnh, tất cả đều trang điểm, mỗi người mang một hộp thức ăn tới phó hội. Ai mang bánh trái thức ăn mới lạ nhất thì người ấy thắng. Trong tiệc từng người diễn tấu hoặc diễn xướng làm vui. Dư Hoài thời Minh trong *Bản Kiêu tạp ký* chép lại *Hợp tử hội từ tụ* của Thẩm Chu nói “Những người tài sắc kiêm toàn trong các kỵ viện cũ ở Nam Kinh, có khi hai ba mươi người kết làm Chị em khăn tay (Thủ phách tỷ muội)⁽¹⁸⁾. Ngày Thượng ty, lấy việc nấu nướng thức ăn để so tài, gọi là Hợp tử hội. Phàm người nào nấu được món lạ thì thắng, người thua thì bị phạt mời rượu người thắng. Trong đó có người có khách riêng, cũng tới góp tiền giúp việc họp mặt, đêm đêm uống rượu, cả tháng mới thôi. Trong tiệc thắp đèn tấu nhạc, mọi người đều trổ tài”. Lại như Khổng Thượng Nhiệm thời Thanh trong *Đào hoa phiến*, *Phóng thủy* chép “Các danh kỵ

(17) Trương Xuân Phàm, *Cửu vī quy*, hồi 165.

(18) Thủ phách tỷ muội, còn gọi là Hương hỏa tỷ muội, Hương hỏa huynh đệ. Trong giáo phường thời Đường, kỵ nữ gọi những chị em thân thiết cùng sảnh là Hương hỏa tỷ muội. Ví dụ *Giáo phường ký* của Thôi Lệnh Khâm viết “Các kỵ nữ trong giáo phường, lấy việc tính nết hợp nhau, đều kết làm Hương hỏa huynh đệ”.

trong viện này kết làm Chị em khăn tay, cũng như anh em kết nghĩa, mỗi khi gặp ngày lễ Tết thì hội họp vui chơi... Kết khăn là yên hoa bày hàng nhan, gặp ngày Tết mọi người đều điểm trang... Hôm nay là tiết Thanh minh nên đều đi phó hôi... Hôm phó hôi, mỗi người mang theo một cái hộp, đều là thức ngon vật lạ, có Hải thủ, Giang dao, Ngọc dịch tương. Đến lúc hội mọi người so tài nấu nướng, đánh dàn, thổi sênh náo nhiệt”.

4. Điều Liễu Thất

Viếng Liễu Thất (Điều Liễu Thất), còn gọi là Lên mộ phong lưu (Thượng phong lưu trúng), lưu hành ở một dải Biển Kinh thời Bắc Tống. Theo ghi chép trong sử sách, hàng năm đến trước sau Tiết thanh minh, gió xuân hiu hiu, các danh kỵ trong thành không hẹn mà đều mang lễ vật tới mộ Liễu Vinh đốt giấy tiền vàng bạc, quét dọn nhổ cỏ. Những người chưa Viếng Liễu Thất, Lên mộ phong lưu thì không dám du xuân chơi hội Đạp thanh ngoài đồng. Tập tục phong lưu ấy mãi đến sau khi Tống Cao tông nam độ mới chấm dứt. Người sau có thơ đề mộ Liễu Vinh rằng “Lạc du nguyên thượng kỵ như vân, Tận thượng phong lưu Liễu Thất vẫn. Khả tiểu phân phân tấn thân bối, Lân tài bất cập chúng hồng quần” (Du xuân kỵ nữ đạo trên đồng, Đầu tới mồ xưa viếng Liễu ông. Nghĩ thẹn những người mang áo mao, Thương tài lại kém kẻ quần hồng)⁽¹⁹⁾.

5. Thường nguyện

Kỵ nữ ở Thượng Hải thời cận đại vào Tiết thanh minh có tập tục Thường nguyện. Vương Thảo trong *Doanh nhu tạp chí* quyển 1 nói “Người đất Hộ vào ngày Thanh

(19) *Dụ thể minh ngôn*, quyển 12.

minh, răm tháng bảy và mùng một tháng mười hàng năm, theo lệ có tục dùng âm nhạc đưa thần Thành hoàng ra dạo ngoài đồng, đàn tế không thờ quỷ thần. Nghi trượng xe kiệu tùy tùng, ngựa hí vang đường, có đến vài trăm con. Kỹ nữ búi đầu xõa tóc, mặc áo đỏ, đeo gông bạc, đi phía sau kiệu, gọi là Thường nguyên. Trong đám có bọn lưu manh ở chợ, bọn thiếu niên khinh bạc chỉ trỏ đuổi theo cười nói cợt nhả. Đó không phải là kính thần, mà đúng là thành dâm phong vậy. Ôi!".

6. Tặng Mâm tết ngày Đoan ngọ

Ngày mùng năm tháng năm là ngày tết truyền thống của Trung Quốc, tục gọi là tết Đoan ngũ, cũng gọi là tết Đoan dương. Theo lệ kỵ viện, trong ngày Đoan ngọ kỵ nữ có hai việc lớn phải làm, một là Tặng mâm tết (Tống tiết bàn) cho khách chơi thân thiết, mời họ sau đó thường tới kỵ viện Uống rượu hoa, ngủ lại, để cầu được “song song đối đối, đoàn đoàn viên viên”, hai là nhân cơ hội này đòi tiền cho Đường tử. Như *Cửu vĩ quy hồi* 99 miêu tả:

“Chớp mắt đã đến ngày Đoan ngọ. Hoa lựu đỏ rực, khí nóng bức người. Các Bà dì Chị lớn trong Đường tử đi lại không ngớt trên đường Mã Lộ, lại có bọn Đầu tó rùa khiêng kiệu mang các lề vật đi lại đầy đường. Khách còn nợ tiền kỵ viện đến lúc ấy đều mất tăm mắt tích, báo hại đám Bà dì Chị lớn tìm kiếm muốn hôn mê”²⁰.

Phẩm vật trong Mâm tết đều gồm bốn món là đùi heo sấy, chà là, ngó sen tươi, quả tỳ bà. Ngoài lề vật kỵ nữ tặng biếu cũng có một số là chủ chứa hay đám Giúp việc của kỵ viện tặng biếu. Như *Cửu vĩ quy hồi* 18 miêu tả “Lại nói Thu Cốc về tới khách sạn, qua vài hôm đã sắp tới ngày Đoan ngọ.

(20) Trương Xuân Phàm, *Cửu vĩ quy*, hồi 99.

Thu Cốc thanh toán tất cả tiền bạc, mình cũng tới nhà Trần Văn Tiên ở vài hôm, đưa một cái khăn tay gói hai mươi đồng, Văn Tiên khuyên y không cần tốn kém nhưng Thu Cốc không nghe. Đến ngày Đoan dương, Thu Cốc đến trưa vẫn chưa ra, chợt thấy Trần Văn Tiên ăn mặc lỏng lẫy, chàm ngọc đầy đầu, trang điểm thướt tha bước vào, sau lưng là một người Giúp việc, gánh một gánh đồ vật. Thu Cốc kinh ngạc ngồi dậy, hỏi Văn Tiên “Mâm tép của các ngươi đã mang tới rồi, sao còn mang tới nữa?”. Văn Tiên mỉm cười đáp “Mâm tép lần sau là Giúp việc hiếu kính, không quan hệ tới tôi. Chàng là khách của tôi, nhận hay không là tùy chàng nhưng xin nhận cho tôi có thể diện”. Nói xong, gọi Giúp việc nhất nhát bày đồ lễ lên, Thu Cốc vô cùng kinh ngạc, nhìn tới lễ vật thấy là hai cái đùi heo sấy, mười giò bạch sa tỳ bà, một hộp thuốc lá Singapore, một tấm vải sa ngoại quốc, lại thấy Giúp việc xách ra một cái giỏ. Văn Tiên nói “Thức ăn ở khách sạn không ngon, đây là tự tôi làm, cũng mang tới đây”. Rồi mở nắp hộp lấy ra từng món từng món bày lên bàn. Thu Cốc nhìn qua, thấy là một đĩa thời ngu lớn, một đĩa bạch chuẩn ba kiều, một con vịt quay nguyên con, một chén bào ngư. Vốn Trần Văn Tiên nấu những món mà Thu Cốc thích ăn, đặc biệt đưa tới”.

Dương nhiên khách chơi không thể nhận không lễ vật của Giúp việc, ắt phải báo đáp trọng hậu, gọi là Tiền kiệu đưa lễ vật tới, cho kỹ nữ thân thiết được có thể diện.

7. Lão lang hội

Lão lang hội lưu hành ở vùng Giang Tô Nam Kinh, là một tập tục họp mặt trong năm của kỹ nữ. Theo sử sách, Lão lang hội mỗi năm cử hành ba lần vào ngày 11 tháng giêng, tháng 6, tháng 11 theo lịch nhà Hạ. Đến hôm ấy, các kỹ nữ đặc biệt diễm trang, cài hoa giắt lược, lại yêu cầu các khách

chơi quen biết hàng ngày bày yến nấu nhạc, gọi là *Làm thể diện* (*Tác diện tử*). Kỹ nữ càng nổi tiếng thì số bàn tiệc càng nhiều. Trong đó *Lão lang hội* ngày 11 tháng 6 là lớn nhất. Hai bên bờ sông *Tần Hoài* cho tới dưới thuyền đều là nơi tụ họp uống rượu đàm hát⁽²¹⁾.

8. Đả tiêu

Đả tiêu là một phong tục tế tự dân gian lưu hành trong người Hán, có từ rất sớm, Tống Ngọc trong bài *Cao Đường phú* đã ghi việc “Tiêu chư thần, lễ Thái nhất”. Về sau nó lại hấp thu nghi thức tế tự để tiêu tai cầu phúc, siêu độ vong hồn của Đạo giáo, dần dần chuyển biến thành phong tục dân gian. Đến thời Đường phong tục ấy rất thịnh hành trên đời. Diêu Linh Tê trong *Kim bình tiểu trát* chép “Gia huấn của Lục Du nói: Cái học của Hoàng Lão vốn thanh tịnh tự nhiên, chuyện địa ngục thiên đường nào thường nhắc tới? Bọn đạo sĩ mù vàng thấy đám sư sãi thu lợi bèn làm theo, đưa hồn lên trời, thay trời khoan hồng, gọi là Luyện độ, rất là đáng cười, như La thiên đại tiêu, Bình an đại tiêu, danh mục không sao kể xiết, tức tục Đả tiêu hiện nay”. Về sau mỗi khi đến trung tuần tháng bảy, lúc gió thu về, “Cả trong kỵ viện cũng đua nhau mở tiêu ba ngày. Toàn không nghĩ rằng ở đó đầy sự nhơ nhớp, đạo sĩ làm sao triệu được các thiên thần thiên tướng? Hòa thượng làm sao mời được bậc Đại từ đại bi? Nhưng lại đặc biệt thành kính, từ Bản gia tiên sinh tới Bà dì Chị lớn, mỗi khi đến ngày Đả tiêu thì ai cũng ăn chay, ai cũng muốn tiêu tai giải họa. Nhưng điều bất thông nhất là hôm ấy lại mời khách khứa tới đánh bạc, uống rượu, nhà bếp giết gà giết vịt, cũng không biết làm hại bao nhiêu sinh linh nhỏ, nói ra thật buồn cười”⁽²²⁾.

(21) Hồ Phác An, *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí (Hà thiêng)*, Giang Tô dẫn lại từ *Nam Kinh thái phong ký*, *Tuế thời tòa ký*.

(22) Cảnh Mộng si tiên thời Thanh, *Hoa liễu mộng*, hồi 20.

Tập tục Đá tiêu trong kỵ viện, trong tiểu thuyết ăn chơi thời Thanh *Hoa liêu mộng* (còn có tên là *Hải thương phồn hoa mộng*) đã miêu tả cực kỳ sinh động như sau:

“Bản gia trong kỵ viện của Nhan Như Ngọc chọn ngày mười một, mười hai, mười ba tháng bảy làm lễ Đá tiêu, tất cả ba ngày. Thiếu Mục bày một Bàn đôi cho Như Ngọc, lại chơi một sòng bạc, đến hôm mười bốn, mấy người đạo sĩ làm ầm lên một đêm, Thiếu Mục thức suốt một đêm nhiệt náo. Nhân thấy họ cầm lệnh bài vung vẩy rối lên, hiệu triệu các thần, không nhịn được phì cười. Như Ngọc trách y không kính thần linh, rất là có tội, không cho y cười. Thiếu Mục hỏi thần linh nào, Như Ngọc nói “Là Ngọc hoàng đại đế, Thái thượng lão quân, Thái ất thiên tôn, Đại phật đầu mẫu, Cửu thiên lôi tổ, Tam giới phù quan, vị nào không phải thần linh? Ta có nói nhiều cũng không hết được, sao ngươi lại cười cợt?” Thiếu Mục càng cười lớn nói “Những thần thánh ấy có thật à? Cho dù có thật cũng e dám đạo sĩ nghiện thuốc phiện kia không mời được. Ở chỗ nhơ nhớp không sạch sẽ này thì nhất định không thần nào chịu xuống. Tại sao cô ngốc như thế?”. Như Ngọc nói “Theo ngươi nói thì đường tử bọn ta Đá tiêu chẳng lẽ là vô dụng à?”. Thiếu Mục nói “Thì vốn có chỗ nào hữu dụng đâu? Chẳng bằng không làm còn hơn. Mà nếu quả muốn làm thì chẳng bằng giờ tờ *Thái phong báo* đọc chuyện *Hoa thiên diệm khẩu* của Tiền Ngộ Huyện Tử một hồi còn thú vị hơn”. Như Ngọc nói “Tại sao gọi là *Hoa thiên diệm khẩu*?”. Thiếu Mục nói “*Hoa thiên diệm khẩu* là mô phỏng theo *Du già diệm khẩu khoa*, trong đó cũng có đủ các danh mục thấp hương, mời thần, gọi quỷ, bố thí. Có điều thần được mời thì chủ dàn là Quản Trọng, số còn lại là Tạ Thái phó, Bạch

Hương Sơn, Đỗ Mục Chi, Trịnh Nguyên Hòa, đều là những người phong lưu tiêu sái thời cổ, những ma quỷ được triệu đều là loại dâm ma, sắc ma, cũng là do một người viết trong *Hương phấn địa ngục đăng khoa* trong *Tiểu lâm báo*. Đúng là Đường tử các cô nên làm theo cách ấy, tại sao lại không làm, lại phải làm cái đạo trường lạc đà này?".

9. Bình an hỷ lạc hội

Bình an hỷ lạc hội là một trong những phong tục phổ biến nhất trong kỹ viện, là một cách chủ chứa lấy cớ cầu đảo cho kỹ nữ khỏi bệnh, cầu phúc cho kỹ nữ tổ chức ra để lừa lấy tiền của khách. *Hải thương hoa mỹ ảnh* hồi 15 có đoạn:

"Thời gian thấm thoát, đã đến ngày mười một tháng sáu. Sau giờ Ngọ có bốn năm đạo sĩ, một người hương hỏa, gánh một gánh đồ vật, tới, gồm cả tranh thần, tới phường Nghênh Xuân. Ở giữa lầu dưới, treo thần tượng Đông nhạc Tề thiên Nhân nguyên Thánh đế, Đô thiên Ngọc hoàng Đại đế, Thái sơn Nương nương, lại bày ra các bộ tranh vẽ thần tượng, bài vị, cẩm phướn dài bảng văn, lại bảo Ngô lão má đưa ra rất nhiều gạo trắng và tiền bản mệnh buộc tua đỏ, kết thành một cái cân nhỏ, một mặt treo kín, định lập Đầu án... Hôm sau lúc rạng sáng, có tám chín đạo sĩ tới sớm, khua chuông gõ khánh, mở đàn mời thần... Đến đầu giờ ngọ, Giả Thư, Yển Vũ, Tống Trung, Tiêu Hóa nhất tề tới đó, mỗi người đưa một đồng Tây dương chúc mừng, Ngô lão má nhận lấy tạ ơn, rồi mời mọi người tới phòng Ngọc Châu. Cam Lương, Bảo Châu gọi vào ngồi, hút thuốc trò chuyện. Còn có khách khác, người nào cũng có phần tiền mừng, ngồi ở phòng Kim Châu, Tương Nga. Mặc Ngọc, Lan Phân, Như Ngọc, Tiểu Bảo đã sớm đưa phần lễ của mình,

Ngô lão má lại sai người đi mời... Lễ hạ hỷ đã xong..., đều mời xuống lầu dưới xem hội. Chỉ thấy một đạo sĩ đầu trùm khăn Nguyên điệu, đội mũ giấy, mặc pháp y đạo sĩ miệng niệm không biết những gì, nói là đang dâng biểu văn lên thần thánh. Lại có một đạo sĩ búi tóc buộc dây đỏ có treo mấy đồng tiền đồng, vung vẩy bím tóc, cởi trần mặc quần xanh buộc túm ống, cầm một con dao nhà bếp, nói là Mở cửa tiền, rạch cánh tay chảy máu ra, dùng chén trà hứng lấy lại bưng chén máu ấy bôi lên then cửa các phòng, nhảy nhót rồi lên ở các phòng... Đạo sĩ nhảy xong, buông roi xuống. Bảo Châu mời mọi người lên lầu ăn cơm trưa. Dám đạo sĩ khiêng một chiếc bàn vuông ra đặt chỗ thiên tĩnh, bày hương án, lại bày một bộ lòng heo lớn, gõ trống đồng, xoay chiếc bàn, tụng niệm ran ran, gọi là Xoay bàn hoa (Chuyển hoa bàn)... Buổi tối bày tiệc rượu, Tương Nga mời mọi người vào tiệc, cười nói ăn uống. Sau khi tiệc tan, Giả Thư, Yến Vũ, Tống Trung, Tiêu Hóa thay Mặc Ngọc, Lan Phân, Như Ngọc, Tiểu Bảo phân phát tiền bạc, thù lao đạo sĩ, lại tặng đạo sĩ lễ vật rất hậu, mọi người cáo từ. Kim Châu, Tương Nga, Bảo Châu lưu họ lại xem hội ban đêm, mọi người không chịu, từ biệt ra về. Còn có khách ở phòng khác bày tiệc buổi tối, thù lao đạo sĩ, kể đó cũng tan. Chỉ có Cam Lương chưa tới phòng Bảo Châu. Đến đêm, dám đạo sĩ lại nhảy nhót năm mươi ba lần nữa, đóng thần đóng quỷ, lật cân đấu, bày đài nến, diễn ảo thuật, các trò giải trí. Lại đóng giả hòa thượng thấp nhục hương, làm vui cho mọi người để lấy tiền, Cam Lương, Bảo Châu lại thưởng hai tờ sao phiếu, Kim Châu Tương Nga cũng thưởng tiền... Suốt đêm thanh la trống mõ ầm ĩ, đến mai trời sáng, mới kết thúc đạo trường. Cam Lương lại thay Bảo Châu đưa tiền mừng, dám đạo sĩ kia gồng gánh trả về”.

Dương nhiên, tất cả những phí tổn đều do khách chơi chi trả, số tiền không ít.

10. Rượu Đông chí

Theo tập tục của kỹ viện ở Thượng Hải thời cận đại, ngày Đông chí bắt kể là buổi tối hay buổi sáng cũng phải có một mâm rượu. Qua ngày Đông chí là đã vào lúc cuối năm. Mâm rượu ngày Đông chí giống như mâm rượu cuối năm, rất là quan trọng. Ngoài mâm rượu đầu năm, chỉ có mâm rượu ngày Đông chí là phải mở Bàn đôn, đủ thấy mức độ trịnh trọng. Vì thế vào vài hôm trước ngày Đông chí, các kỹ nữ bắt đầu tích cực hoạt động, mời các khách chơi thân thiết vào ngày Đông chí tới kỹ viện bày rượu mời khách, mâm rượu càng nhiều, kỹ nữ càng có thể diện. Nếu trong tiết mục lớn ngày Đông chí ấy mà khách nào không tới kỹ viện đặt một mâm sẽ bị kỹ viện coi là một điều nhục nhã rất lớn, rất là mất mặt.

Chương 8

Tài hoa và công lao của kỹ nữ

Trong con mắt mọi người, kỹ nữ là loại tiện nhân đem thân xác ra bán. Nhưng lúc chúng tôi tra cứu sách vở, tìm hiểu nguồn gốc của kỹ nữ, thì trong óc lại nảy sinh một cách nhìn hoàn toàn khác hẳn “Nguyên là gia kỹ ở Trung Quốc chính là truyền nhân về âm nhạc, hóa thân của văn học, cũng là biểu trưng về sự giàu có phồn vinh của xã hội”⁽¹⁾. Năm 1934, Vương Thư Nô tiên sinh có quyển *Trung Quốc xướng kỹ sử* do Thượng Hải sinh hoạt thư điểm xuất bản, trong đó nói:

“Tôi thấy kẻ rất không thủ cựu, thay đổi theo phong khí thời đại xưa nay không ai bằng kỹ nữ. Thời đại chuộng thơ thì họ có thể đọc thơ làm thơ, thời đại chuộng từ thì họ có thể ca từ soạn từ, thời đại chuộng khúc thì họ có thể hát khúc viết khúc. Tôi thấy thi kỹ, từ kỹ, khúc kỹ thời Đường Tống Nguyên nhiều như cá mè qua sông, mới biết kỹ nữ không những là bạn thơ văn với văn nhân mặc khách đương thời mà còn là công thần giúp đỡ học thuật văn hóa của thời đại. Chẳng lẽ chúng ta lại nhẫn tâm coi họ là loại người hèn hạ mà đối xử sao?”.

Lâm Ngữ Đường tiên sinh trong quyển *Trung Quốc nhân* (Người Trung Quốc) viết bằng tiếng Anh năm 1935

(1) Đông Quách tiên sinh, *Gia kỹ phong nguyệt*, Tự tự.

cũng đánh giá cao công hiến và công lao của kỹ nữ trong lịch sử văn hóa Trung Quốc, ông nói:

“Có nhấn mạnh sự quan trọng của kỹ nữ trong tình yêu, văn học, âm nhạc, chính trị Trung Quốc tới mức nào cũng không quá đáng. Đàn ông cho rằng để phụ nữ con nhà có thể diện đi học đánh đàn là không thích hợp, có hại cho việc bồi dưỡng phẩm đức của họ, cho rằng họ học nhiều sách quá cũng không hợp, có hại cho đạo đức của họ. Về hội họa và thơ ca cũng rất ít khuyến khích họ. Nhưng đàn ông lại không phải vì thế mà từ bỏ việc theo đuổi những bạn gái có thành tựu về văn học và nghệ thuật. Các ca kỹ thì đều phát triển trên những phương diện ấy, vì họ không cần tới thứ phẩm đức vô tri để tự bảo vệ mình... Có một phần lịch sử phụ nữ trí thức ở Trung Quốc phải được tìm hiểu từ thân thế của các ca kỹ này”.

Đúng là như thế. Tuy kẻ thống trị các đời và các lực lượng cũ giày vò, đè nén, kỳ thị kỹ nữ rất nặng nề, nhưng họ vẫn từ những kẽ hở của sự áp bức nặng nề ấy ngoan cường đứng lên, bộc lộ tài hoa nghệ thuật và tài trí thông minh đáng ngạc nhiên của họ, chiếm một địa vị trong lịch sử văn hóa Trung Hoa huy hoàng rực rỡ, nhiều màu nhiều vẻ.

I. Kỹ nữ với ngữ ngôn văn học

1. Kỹ nữ với thơ

Thành tựu của kỹ nữ về mặt thi ca chủ yếu thể hiện trên hai phương diện: một là những thơ ca do họ sáng tác, làm phong phú và phát triển thêm kho tàng quý báu của thơ ca Trung Quốc, hai là ảnh hưởng và sự thúc đẩy của họ đối với thi nhân Trung Quốc các đời.

a. Thơ của kỹ nữ sáng tác. Thơ của kỹ nữ sáng tác

trước nay có không ít tác phẩm hay. Vì thân xác và tâm tình của họ bị giày vò, đè nén nghiêm trọng nên họ có những tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng và nhu cầu đặc biệt, tác phẩm của họ trong khi phản ảnh hiện thực xã hội, cũng biểu hiện những nét đặc sắc về ý thức thẩm mỹ. Bài *Vịnh hạng ca* (còn có tên là *Xuân ca*) do súng cơ của Hán Cao tổ là Thích phu nhân sáng tác được người sau tôn là “Bài cổ nhất trong thơ thời Hán”⁽²⁾ phản ảnh sinh động mà chân thực số phận bi thảm của cung kỹ “Tử vi vương, Mẫu vi lỗ. Chung nhật xuân bạc mộ, Thường dữ tử vi ngũ. Tương ly tam thiên lý, Dương thùy sứ cáo nhũ” (Con làm vương, Mẹ là tù. Trọn ngày xuân ủ rũ, Thường với con cùng ở. Ba ngàn dặm chia lìa, Biết nhờ ai nhẫn nhú)⁽³⁾. Đến thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều, thơ ca của kỹ nữ sáng tác thường xuất hiện trên đời. Như Lục Châu súng thiếp của Thạch Sùng, vũ kỹ nổi tiếng thời Tây Tấn có bài *Áo nùng ca*, gia kỹ Đàm Phong của Thạch Sùng có bài *Oán thi*, gia kỹ Đào Diệp của Vương Hiến Chi có bài *Đáp Vương đoàn phiến ca tam thủ*, bài *Ca nhất thủ* của danh kỹ Tô Tiểu Tiếu ở Tiền Đường thời Nam triều, bài *Cảm tỳ bà huyền* của Phùng Thực Phi thời Bắc Tề vân vân, đều nổi tiếng đương thời, rất được các thi gia khâm phục. Lục Suồng trong *Lịch đại danh viên thi từ bình*: bài *Áo nùng ca* của Lục Châu “Âm cổ nghĩa cổ, là một nữ lang tài hoa”, bài *Oán thi* của Đàm Phong “Oán mà không giận, vẫn tự than thở là không thể trở lại tuổi xuân. Tả sự ngậm ngùi tối mức tột cùng, vô cùng đáng thương”, Tô Tiểu Tiếu “Lời thơ u uyển mà có khí phách, lời lẽ giản dị, theo đi phong Nhạc phủ”, bài *Cảm tỳ bà huyền* của Phùng Thực Phi “Lời thơ không nhiều nhưng ý tứ rất sâu xa, còn có ý truy niêm chủ cũ, giỏi về việc tả nỗi oán hờn”. Từ những lời bình luận ấy, có thể thấy thơ ca do kỹ nữ sáng tác đương thời đã đạt tới trình độ nghệ

(2) *Đời kinh đường thi thoại*.

(3) *Hán thư, Ngoại thích truyện*.

thuật nhất định.

Đến thời Đường, thơ ca do kỹ nữ sáng tác lại càng phong phú. Như *Toàn Đường thi* đã thu thập được thơ của 21 tác giả nữ, tất cả 136 bài, nổi tiếng nhất có các bài *Dáp Hàn Hoằng* của Liễu thị, *Đè Lạc uyển ngô diệp thương* của cung nhân niên hiệu Thiên Bảo, Ký Âu Dương Chiêm của kỹ nữ Thái Nguyên, *Tống Hàn Quỳ chi Giang Đông* của Lý Dả, *Xuân vọng từ tú thủ* của Tiết Đào, *Yến Tử lâu tam thủ* của Quan Miến Miến, *Dáp Triệu Tượng* của Bộ Phi Yên, *Kim lũ y* của Đỗ Thu Nương, *La Hồng khúc lục thủ* của Lưu Thái Xuân, *Đột quyết tam dài* của Thịnh Tiểu Tùng, *Đè hồng diệp* của Hàn thị, *Tặng lân nữ* của Ngư Huyền Cơ, *Tự hoài* của Từ Nguyệt Anh, *Hiến Lý Quan sát* của vũ kỹ, *Tặng Lư phu nhân* của kỹ nữ ở Thường Hạo, *Ký cố nhân* của Trương Yếu Diệu, *Tống Vũ Bổ khuyết* của kỹ nữ ở Tương Dương, *Đè Tôn Khải thi hậu* của Vương Phúc Nương, *Dáp tiểu đệ thi* của Dương Thái Nhì, *Tặng Trịnh Xương Đồ* của Sở Nhì, *Hoa Lý Tiêu* của Vương Tô Tô, *Lâm chung triệu khách* của Nhan Lệnh Tân, *Tặng Bùi Tư Khiêm* của kỹ nữ ở Bình Khang, *Mê hương động* của Sử Phương, *Tiêm chỉ* của Triệu Loan Loan vân vân. Đó đều là những thơ ca bày tỏ nỗi lòng, hoặc sâu oán, hoặc hào phóng, hoặc khéo léo, hoặc phong lưu, hoặc thanh nhã, rất được mọi người tán thưởng và đề cao, đến nay đọc lại vẫn cảm thấy tình cảm dạt dào, thỏa mãn lâm ly. Như *Lịch đại danh viên thi từ* bình thơ Liễu thị nói “Thơ của Liễu thi không nhiều lời nhưng tình ý vương vấn, trước sau đều tới. Câu chữ cũng chặt chẽ, cũng tuyệt diệu như thơ của Hàn Hoằng”, bài thơ của kỹ nữ Thái Nguyên “Lời thơ nồng cạn mà ý tứ sâu xa, thấp thoáng có ngắn nước mắt, đó đúng là chân thi, không thể thêm bớt một chữ”, thơ của Lý Dả “Bút lực cứng đep, từ khí thanh sái, rất có phong thái danh sĩ, không ai ngờ là do nữ nhân làm ra, có thể coi là nữ Quan đư”, Tiết Đào “Thơ văn nhiều tài tình, phong đặng nhưng

thường có vẻ nhàn安然, trong phụ nữ ít người sánh được”, thơ Quan Miến Miến “Thê lương ảm đạm, chữ chữ ngân nga, lời lẽ cũng kín đáo đẹp đẽ, rất xứng đáng được dời truyền tụng”, thơ Đỗ Thu Nương “Từ khí trong trẻo, lời lẽ tương ứng, các từ Chớ tiếc, Nên tiếc, Đáng bỉ, Nên bỉ, Luống bỉ, tầng tầng lớp lớp, đọc tới không thấy chán, có thể nói là tài giỏi”, thơ của Thịnh Tiểu Tùng “Bài Tam đài từ có khí thế mạnh mẽ, cách điệu đều giỏi, danh tác của danh sĩ thời Đường chưa chắc đã hơn được”, thơ của Trương Yếu Diệu “Bỏ được khí cách son phấn, lai láng tuôn trào, tự có sự đẹp đẽ sâu kín riêng”, từ đó có thể thấy thơ ca của kỹ nữ thời Đường đã đạt tới trình độ nghệ thuật khá cao, về mặt thành tựu thì có thể nói con gái nhà lành đương thời không sao sánh được.

Từ thời Đường trở về sau, kỹ nữ rất hay viết từ, nhưng phong khí làm thơ vẫn rất thịnh hành, như gia kỹ Thôi Tố Nga của Vi Tuân người nhà Lương thời Ngũ đại có bài *Biệt Vi Tuân Mỹ thi*, gia kỹ Thiến Đào của Tể tướng Khấu Chuẩn nhà Tống có bài *Trình Khấu công tam thủ*, kỹ nữ Hồ Sở ở Hàng Châu có các bài *Tống Chu Thiều*, *Ký nhân*, Đàm Ý Ca có bài *Ký Trương Thi*, cung kỹ Đào Cửu Thành ở Biện Kinh có bài *Cung từ thập ngũ thủ*, Mỹ nhân trong cung cũ nhà Liêu có bài *Ỷ lan ca* vân vân, đều lưu hành trên đời, được người sau đế cao. Như *Lịch triều danh viên thi từ* bình thơ Thiến Đào nói “Lời lẽ không cốt khéo léo, mà cốt biểu đạt ý tứ điều gì cũng tới mức tột cùng, đủ khiến người sau truyền tụng”, bình thơ Hồ Sở nói “Lời lẽ rõ ràng, ngữ khí cũng sống động”, bình thơ Đàm Ý Ca nói “Đúng là lời gan ruột, có chỗ thê nhiên không dứt”, bình thơ Đào Cửu Thành nói “Lời thơ ôn nhã giản dị mà tự nhiên bộc lộ vẻ phong lưu”. Nhưng nhìn chung về thơ thì kỹ nữ thời Ngũ đại Luống Tống và thời Liêu đều thua xa kỹ nữ thời Đường về cả thành tựu lẫn quy mô.

Kỹ nữ thời Nguyên sở trường về nghệ thuật tạp kịch,

nhưng cũng không ít người giỏi thơ. Như Trương Diệu Tịnh, Lý Thúy Nga, La Viên Viên, Trương Di Vân, Trương Ngọc Liên, Nhất Phân Nhi, Lưu Yên Ca, Lưu Bà Tích, đều có thể xuất khẩu thành thơ, đối đáp trôi chảy, văn từ cực kỳ mẫn tiệp.

Kỹ nữ thời Minh nổi tiếng về thơ có con gái thứ hai của họ Thiết với bài *Thượng phụ đồng quan thi*, Triệu Trai Đào với bài *Ức gia viên nhất tuyệt*, kỹ nữ niêm hiệu Chính Đức với bài *Vịnh cốt tử*, Chu Đầu Nhi với bài *Tống nhân*, Phùng Tương Lan với bài *Phú dắc Tự quân chi xuất hỉ nhị thủ*, Triệu Thái Cơ với các bài *Yến lai*, *Xuân mộng giang thượng tống biệt*, Chu Vô Hà với các bài *Thu khuê khúc*, *Du tử*, Trịnh Như Anh với bài *Xuân mộng ký hoài nhị thủ vân vân*. Từ tác phẩm của họ mà nhìn thì thành tựu quyết không kém thời Đường Tống. Như *Nghệ uyển ách ngôn* bình bài *Vịnh cốt tử* nói “Kỹ nữ cùng khách chia nhau đê vịnh, được đê tài về hạt xúc xác, lập tức ứng thanh đọc hai câu tuyệt cú. Tạp kịch của Quan Hán Khanh chép thơ trong vở *Tạ Thiên Hương*: Nhất lạp đê vi cốt, Trị quân chuồng ác trung. Liệu ưng hiềm điểm ọa, Phao trich diện đông phong (Một hạt xương hèn hạ, Chàng cầm trong nắm tay. Tính ra hiềm mặt bẩn, Vứt bỏ chẳng cau mày) ý tứ cũng tương tự, mới biết kỹ nữ ấy có tài thoát thai hoán cốt”. Chung Hoàng trong *Danh viên thi phu bình* “Tự trần tự ví, không cần tính chuyện khéo vụng”. Ngô Kiều trong *Vi lô thi thoại* nói “Chữ nào cũng gắn liền với đê, mà chữ nào cũng gởi gắm ý tứ, có kỹ nữ ấy trong làng thơ, há như Viên Khải chỉ có hai câu thơ tả bức tranh chim én trắng thôi sao!... Khải nên bái kỹ nữ ấy mà học thơ”. Lại như *Ngọc kinh dương thu* bình thơ của Chu Đầu Nhi nói “Trong sáng đẹp đẽ khả ái”, bình thơ của Thái Cơ nói “Như câu Ân cần chiết dương liêu, Hoàn hướng khứ niên chi (Ân cần bẻ dương liêu, Còn chọn nhánh năm xưa) vô cùng thiết tha sâu sắc. Các bài thất tuyệt như *Vịnh du nữ*, *Tống Trương*

Ấu Vu, Tống Thẩm Gia Tắc, Ký Trần Ngọc Anh cũng đều là tác phẩm hay, có di phong của Tiết Hồng Đô", bình thơ của Chu Vô Hà nói "Có nhiều ý hay lời đẹp, như đàn hát chợt trỗi, sáo ngọc vừa kêu, thơ Đường luật và thơ tứ tuyệt đều hơn người. Tôi thích nhất là câu Dạ phụng triêu loan (Phụng tối loan mai), công phu khác hẳn", bình thơ Trịnh Như Anh nói "Ý thơ mới mà có lời hay, như câu Quần công hân cộng tập, Nhất diệp tứ tương quy (Chư công vui họp mặt, Một lá ý thu về) trong bài *Phóng Hạc đình phân vận thi* hoàn toàn không có khí cách son phấn. Bài Tứ tuyệt *Trường Bản kiều* càng hay hơn, bồi hồi chuyên thiên cổ, mỗi khi đọc lên, lại như nghe thấy tiếng ca hát ngoài đồng nội", bình thơ Chu Hoạt nói "Như mây nhỏ sắp tan, thác trôi tự nasc". *Danh viên thi phụ* bình thơ Vương Tu Vi nói "Đẹp đẽ sâu kín, sánh với Lý Thanh Chiếu, Chu Thục Chân". Trần Kế Nho trong *Đề Tu Vi thảo* cũng nói "Tu Vi thơ giống Tiết Đào, từ giống Lý Dịch An, không nói là phụ nữ, cho dù là bậc mày râu nam tử cũng phải hổ thẹn".

b. Thơ vịnh kỵ nữ của văn nhân các đời. Ở Trung Quốc, thi nhân từ xưa đến nay có truyền thống làm thơ vịnh tả kỵ nữ. *Phục trai mạn lục* nói:

"Thi nhân ngày nay vịnh phụ nữ phần lớn đều xưng tụng việc ca múa. Bài *Kỳ ứng lệnh* của Nguyên đế nhà Lương viết "Ca thanh tùy động hưởng, Vũ ảnh hướng trì sinh" (Tiếng ca theo động dội, Bóng múa hướng ao sinh). Bài *Xuân kỵ* của Lưu Hiếu Trác viết "Yên cơ trăn diệu vũ, Trịnh nữ phát thanh ca" (Yên cơ tay múa đẹp, Trịnh nữ tiếng ca trong). Thơ *Đông dạ vịnh kỵ* của Tiêu Phóng nhà Tề viết "Ca hoàn đoàn phiến hậu, Vũ xuất kỹ hàng tiền" (Ca hoàn đoàn phiến hậu, Vũ xuất kỹ hàng tiền). Bài *Quan kỵ* của Chấp Cung thời Tống viết "Hợp vũ câu hồi tuyết, Phân ca cộng lạc trần" (Múa chung tuyết thảy rung,

Ca lẻ bụi đều rơi). Bài *Hầu Tư không trach vịnh kỵ* của Trần Minh Khanh viết “Oanh đê ca phiến hậu, Hoa lạc vũ sam tiền” (Sau quạt ca oanh hót, Trước áo múa hoa rơi), Trần Lưu San cũng viết “Sơn biển ca lạc nhật, Trì thượng vũ tiền khê” (Bên non ca nắng xế, Trên nước múa khe trong), bài *Xuân kỵ* của Giang Tống viết “Tịnh ca thời chuyển đại, Tức vũ tạm phân hương” (Ca chung cùng liếc mắt, Múa dứt tạm chia hương), bài *Dạ văn lân kỵ* của Lư Tư Đạo thời Tùy viết “Khủng ca thanh dị đoạn, Diệu vũ thái nan song” (Ca run lời dễ dứt, Múa đẹp đáng khôn tìm). Bài *Xuân viên thịnh kỵ* của Trần Nguyên Tháo nói “Hồng thụ dao ca phiến, Lục châu phiêu vũ y” (Quạt ca cây đỏ phát, Áo múa bái xanh bay). Bài *Quan kỵ* của Thích Pháp Tuyên viết “Vũ tụ phong tiền cử, Ca thanh phiến hậu kiêu” (Trước gió áo múa phát, Sau quạt tiếng ca vang), bài *Vịnh kỵ* của Vương Tích viết “Tảo thời ca phiến bạc, Kim nhật vũ sam trường” (Quạt ca khi trước mỏng, Áo múa đến nay dài). Có bảy người dùng ca đối với vũ, cũng có bảy người dùng Ca phiến (Quạt ca) đối với Vũ y (Áo múa). Tuy là vì có quan hệ với nhau, nhưng thường thức thật kỹ thì tự có sự khéo vụng riêng. Đỗ Tử Mỹ cho rằng câu “Thanh giang ca phiến đê, Khoáng dã vũ y tiền” (Quạt ca rung nước biếc, Áo múa rộn đồng không) là khúc hay.

Đến thời Đường, thi nhân không những tìm được nguồn tư liệu sáng tác không cạn ở kỹ nữ, mà còn nhờ các tác phẩm viết về kỹ nữ mà nổi tiếng trên đời. Theo thống kê, trong 49.403 bài thơ mà *Toàn Đường thi* thu thập được có hơn 2.000 bài có liên quan tới kỹ nữ. Điều đó cho thấy thơ văn đề vịnh kỹ nữ của văn nhân thời Đường chiếm một địa vị nhất định trong thơ Đường.

Thơ của kỹ nữ trong *Toàn Đường thi*, từ toàn bộ

phong cách và phương thức gởi gắm tâm tình mà nói, thì trong bốn giai đoạn Sơ Đường, Thịnh Đường, Trung Đường, Văn Đường biểu hiện rất khác nhau. Nói chung từ thời Trung Đường trở về trước có nhiều thơ viết kỹ nữ, nhưng các thi nhân trong những dịp lễ hội tết nhất yến tiệc đều từ góc độ bằng quan mà thường thức tài năng ca nhạc vũ đạo của kỹ nữ, tình cảm còn khá lạt lõe, việc lựa chữ chọn vẫn chủ yếu cũng chỉ là miêu tả trực quan. Như các bài *Ích Châu thành tây Trương Siêu đình quan kỹ*, *Tân Pháp Tập trach quan kỹ* của Vương Tích, *Phú đắc kỹ* của Trần Tử Lương, *Ôn Tuyền Phùng*, *Lưu nhị giám khách xá quan kỹ* của Trương Duyệt, *Dạ quan kỹ*, *Trường An đạo* của Trù Quang Hy, *Mỹ nhân phân hương*, *Yến Thôi Minh phủ trach dạ quan kỹ* của Mạnh Hạo Nhiên, *Hàm Đan Nam đình quan kỹ* của Lý Bạch vẫn vẫn, đều có đặc điểm chung là theo thứ tự kể việc một cách bình thường, thiếu sự gởi gắm. Ngay các hình ảnh trong thơ cũng phần nhiều tương tự hoặc giống nhau, như Áo múa, Mày xanh, Mày đỏ, Môi ca, Ánh mây, Vé tuyết, Ráng chảy, Mây trôi, Loan múa, Phượng ca, Dây xinh, Ngón ngọc (Vũ tụ, Lục vân, Hồng đại, Ca thần, Vân quang, Tuyết thái, Lưu hà, Hành vân, Hồi tuyết, Loan vũ, Phượng ca, Kiều huyền, Ngọc chỉ), việc thường thức tài sắc của kỹ nữ vẫn còn trong trạng thái bê ngoài, xa cách. Đồng thời, cũng có một số thi nhân mượn việc đề vịnh kỹ nữ để bày tỏ tâm tình cá nhân. Như các bài *Giang thương ngám*, *Đối túu* của Lý Bạch, *Trường An đạo* của Trù Quang Hy, *Khúc Giang nhị thủ* của Đỗ Phủ đều là các thi nhân gởi gắm tình cảm một cách sâu xa.

Sau loạn An Sử, thơ viết về kỹ nữ của thi nhân lấy nội dung phong phú, tình cảm tế nhị mà về phong cách đã khác hẳn trước kia. Từ đề tài mà nhìn thì đã xuất hiện khá nhiều những bài “Tống kỹ” (Tiễn kỹ nữ), “Tặng kỹ” (Tặng kỹ nữ), “Biệt kỹ” (Chia tay kỹ nữ), “Hoài kỹ” (Nhớ kỹ nữ), “Thương kỹ” (Thương kỹ nữ), “Điệu kỹ” (Khóc kỹ nữ), điều

này rõ ràng đối lập với việc “Quan kĩ” (Xem kĩ nữ) đơn thuần từ thời Trung Đường trở về trước. Điều đó cho thấy kĩ nữ có hình hài có tình cảm qua việc giao lưu tình cảm sâu đậm với thi nhân đã bắt đầu bước vào thế giới tâm tình của họ.

Trong các thi nhân thời Đường, những người có quan hệ mật thiết, xướng họa nhiều nhất với kĩ nữ không ai bằng Nguyên Chẩn và Bạch Cư Dị. Nguyên Chẩn có quan hệ mật thiết với các danh kĩ Tiết Đào, Lưu Thái Xuân, nhưng thường thay lòng đổi dạ. So với Nguyên Chẩn, thì trong chuyện này Bạch Cư Dị chân thành hơn nhiều. Trong suốt đời ông cơ hồ đều thủy chung với thanh sắc của kĩ nữ. Ông không những nuôi dưỡng rất đông gia kĩ, mà còn qua các dịp hoạn du quen biết và kết giao với hàng trăm kĩ nữ thanh lâu. Nhưng ông thủy chung vẫn coi các cô gái chốn yên hoa ấy là bạn phong trần tri kỷ của mình, đầy lòng nhiệt huyết tán thưởng tài nghệ ca múa của họ, đồng tình với số phận bi thảm của họ. Vì thế Chủ Nhân Hoạch thời Thanh trong *Kiên biều tân tập*, quyển 4 nói “Trần Hồng trong bài *Trường hận truyền tự* nói: Lạc Thiên giỏi thơ, phần lớn viết về tình cảm. Cho nên gặp gỡ là dựa vào đó để ngâm咏, chứ không phải có ý ở nữ sắc”. Lối kiến giải này rất đúng đắn. Thơ viết về kĩ nữ của Bạch Cư Dị có các bài *Giang Nam hỷ phùng Tiêu Cửu thiết nhân thoại* *Trường An cựu du hỷ tặng ngũ thập vận*, *Hàng Châu xuân vọng*, *Ẩm tán dạ quy tặng chư khách*, *Dương liễu chi nhị thập vận*, *Đại mại tán nữ tặng chư kĩ*, *Tỳ bà hành*. Trong đó *Tỳ bà hành* có thành tựu cao nhất, thể hiện số phận chìm nổi của kĩ nữ và tâm tình bị trích giáng của thi nhân, từ đó làm nảy sinh khí cách vượt lên trên loại thơ “Vịnh kĩ”, “Quan kĩ”, có sức hấp dẫn nghệ thuật lâu dài.

Thơ viết về kĩ nữ thời Văn Đường đã tới mức đẹp đẽ, mang thêm nhiều tâm lý bệnh hoạn của kẻ văn nhân đời loạn sống gấp hướng lạc, chán nản tìm quên. Điển hình có

bài *Khiển hoài* của Đỗ Mục, *Hữu tặng* của Thôi Giác, *Tặng mỹ nhân* của Phương Can, *Tịch thương hữu tặng* của Hàn Ác, *Vịnh thủ nhị thủ* của Triệu Quang Viễn. Loại thơ tình lấy thân thể của kỹ nữ làm đối tượng ca vịnh này rất phổ biến đương thời. Từ hình thức mà nhìn, thì lời lẽ đẹp đẽ, hình tượng kiều diễm, có thể coi cùng một dòng với loại thơ Cung thể thời Tề Lương. Từ nội dung tư tưởng mà nhìn thì khí cách bạc nhược, mềm yếu không xương, phản ánh tình cảm chán chường của văn nhân thời loạn tay trái ôm tay phải khoác, hướng lạc sống gấp⁽⁴⁾.

2. Kỹ nữ với từ khúc

a. Từ khúc viết về kỹ nữ của văn nhân các đời.

Từ khúc khởi từ thời Tùy Đường, lan tràn trong thời Ngũ đại, đến thời Lưỡng Tống đã rất khả quan, trở thành “văn học một thời”⁽⁵⁾.

Nhìn từ nguồn gốc thì từ khúc có mối quan hệ mật thiết với kỹ nữ. Mọi người đều biết thể loại từ khúc trong văn học Trung Quốc là do kỹ nữ thời Đường thay đổi thể cách luật thơ mà mau chóng phát triển thành. Như Thôi Lệnh Khâm thời Đường trong *Giáo phường kỹ* chép hơn ba trăm tên từ khúc lưu hành trong kỹ nữ thời Đường, trong đó rất nhiều đều trở thành những điệu từ khúc chính quy đời sau. Đôn Hoàng khúc tử lưu hành ở Trung Quốc thời Văn Đường có rất nhiều là do các kỹ nữ viết ra. Đường thời việc

(4) Trở lên xem thêm Đào Mộ Ninh *Thanh lâu văn học dù Trung Quốc văn học* (Văn học lầu xanh với văn học Trung Quốc), Đông phương xuất bản xã, 1993

(5) Vương Chuóc thời Tống trong *Bích kê mạn chí* nói “Đại khái từ thời Tùy trở đi, cái mà hiện nay gọi là khúc tử dần dần phát triển, đến thời Đường thì bắt đầu thịnh vượng. Ngày nay thì phồn thanh dâm tấu, không thể kể xiết”.

hát từ khúc cơ hồ đã trở thành nguồn lợi của riêng kỹ nữ, họ dùng từ khúc để trút tâm tình và oán hờn của mình, lấy “phiếm thanh” và “hòa thanh” lấp vào lời câu từ, từ đó đã phá cách luật nghiêm chỉnh của thơ Đường làm xuất hiện thể Trường đoản cú, đây là dạng từ khúc có trước nhất. Đến thời Trung Đường, các thi nhân như Lý Bạch, Lưu Vũ Tích, Bạch Cư Dị lại đem những “khúc điệu quê mùa” trong dân gian đưa vào thơ, làm định hình cơ sở thể loại văn học của từ khúc. Đến cuối thời Đường, phong khí thi nhân soạn từ khúc càng thịnh hành, như Trương Chí Hòa, Trương Tùng Linh, Cố Huống, Đới Thúc Luân, Vi Ứng Vật đều theo khúc phách mà viết các bài từ Trường đoản cú, khiến từ khúc xác lập được cơ sở vững chắc trong văn học sử Trung Quốc. Nhất là từ nhân Ôn Đình Quân thời Văn Đường, lại càng đẩy mạnh sự cách tân đối với thể loại văn học này tới mức cao.

Ôn Đình Quân xuất thân trong nhà thế gia quý tộc nhưng vì bất đắc chí trên phương diện chính trị, chỉ làm quan tới chức Quốc tử Trợ giáo nên sinh hoạt cũng dần dần theo hướng suy đồi phóng đãng. Ông thường ra vào thanh lâu kỹ viện, về sinh hoạt và tình cảm của các ca kỹ có sự quan sát và thể hội sâu xa, với số phận bi thảm của họ thì có sự đồng tình nhất định. Từ khúc của ông về nội dung rất hạn hẹp, chủ yếu là miêu tả nỗi khổ trong tâm tình và sự thành tâm tìm kiếm tình yêu cùng nguyen vọng về một đời sống tốt đẹp của các kỹ nữ, đặc biệt là giới miêu tả những thay đổi tâm lý tinh tế quanh co của phụ nữ. Nhưng về lời lẽ thì vô cùng hoa lệ, khiến người ta cảm nhận được phong khí phú quý lộng lẫy và phong khí son phấn dung tục, đó chính là sự phản ánh rõ ràng đời sống vật chất ở thành thị⁽⁶⁾.

Ngũ đại tuy là một thời kỳ biến động không ổn định, nhưng từ khúc thích hợp với nữ nhạc ca kỹ lại phát triển một cách kỳ lạ. Như Trang tông nhà Hậu Đường viết bài *Như mộng lệnh* “Tầng yến Đào Nguyên thâm động, Nhất khúc vũ

loan ca phụng. Trường ký biệt ly thời, Tương lệ xuất môn tương tống. Như mộng, Như mộng, Tàn nguyệt lạc hoa yên trọng” (Yến tiệc vui vầy trong động, Một khúc múa loan ca phụng. Nhớ mãi lúc chia tay, Sa lè tiên nhau ra cồng. Như mộng, Như mộng, Khói nặng trăng tàn hoa rụng), chúa nhà Tiền Thục là Vương Diễn viết bài *Tùy trang từ* “Giá biên tẩu, Na biên tẩu, Chỉ đắc tầm hoa liễu. Na biên tẩu, Giá biên tẩu, Mạc yếm kim bôi tút” (Đi bên này, đi bên kia, chỉ là tìm hoa liễu. Đi bên kia, đi bên này, chờ chán chén rượu vàng), từ đó chúng ta không khó tưởng tượng ra khung cảnh hoang dãm trong cung đình đương thời. Không chỉ bậc quân vương như thế mà từ khúc của các văn thần sĩ đại phu cũng miêu tả rõ ráo sự phong lưu kiều my. Họ dùng lời lẽ diễm lệ, màu sắc hoa mỹ, ra sức miêu tả dung mạo, đời sống và tâm tình của kỹ nữ. Âu Dương Quýnh trong *Hoa gian tập* tự bình “Thấy là từ khúc tuyệt vời, dùng giúp phong tư xinh đẹp. Từ Cung thể của Nam triều, dây xướng phong nơi Bắc lý”. Nhưng cần chỉ ra rằng ngoài những bài từ dâm ô trụy lạc, *Hoa gian tập* cũng có không ít tác phẩm chân thành tha thiết. Như từ khúc về tình yêu của Vi Trang, về nội dung thì có chỗ khác với các tác phẩm viết về ca cơ kỹ nữ lan tràn thời bấy giờ, quả có sự vương vấn đa tình, lại có sự cảm nhận về đời sống thực tế, đồng thời về mặt kỹ xảo tu từ và biểu đạt đã tách rời khỏi sự đẹp đẽ của Ôn Định Quân và sự khinh bạc của Trương Bí, Âu Dương Quýnh. Ông giỏi về việc vận dụng những câu chữ trong sáng, bút pháp miêu tả trực tiếp, lại thêm tình cảm thiết tha vương vấn, khiến trong *Hoa gian tập* ông nghiêm nhiên xác lập được một phong cách khác hẳn Ôn Định Quân⁽⁷⁾.

Thời Tống, kỹ nữ càng trở thành nguồn cảm hứng cho

(6) (7) Lưu Thái Kiệt, *Trung Quốc văn học phát triển sử* (Lịch sử phát triển của văn học Trung Quốc), Thuỵ Hải Cố tịch xuất bản xã, 1982, tr. 544, 551

từ nhân đương thời gởi ý nói tình. Văn nhân mặc khách nhao nhao lấy việc chơi gái làm đề tài, bài dài khúc ngắn. Án Thủ có *Cán khê sa*, *Xuân yến*, Âu Dương Tu có *Ngọc lâu xuân*, *Ký quán*, Tô Thức có *Hạ tân lương*, *Mãn đình phương*, Trương Tiên có *Giảm tự Mộc lan hoa*, *Tặng kỹ*, *Nam hương tử*, *Thính Nhị Ngọc cổ hồ cầm*, *Vọng Giang Nam*, *Tặng Long Nghiễn*, Hoàng Đinh Kiên có *Mãn đình phương*, *Ký nữ*, *Nguyễn lang quý*, *Mạch sơn khê*, Trần Quan có *Nam ca tử*, *Cán khê sa*, *Thủy long ngâm*, Khương Quỳ có *Giải liên bối*, Ngô Văn Anh có *Ngọc lâu xuân*, *Kinh thi vũ nữ*, Trương Viêm có *Thanh thanh mạn*, *Hoa Hán Trúc Gian vân*, *Tặng ca giả Quan Quan*, *Tại lưỡng vĩnh cử*, *Tích xuân y*, *Tặng kỹ Song Ba*, *Hảo sự cận*, *Tặng Tiểu Thiến*, vân vân. Cơ hô bài từ nào của các văn nhân cũng đều có nội dung phong hoa tuyêt nguyệt, dựa lục kè hồng. Như Vương An Thach không đẽ cập tới lãnh vực thanh lâu, trong các tác gia thời Tống có thể nói là long phượng sừng lân, lại bị người đương thời chê là “giả trá không thông đạt”⁽⁸⁾, từ đó có thể thấy thị hiếu của từ gia thời Tống!

Người soạn từ khúc về kỹ nữ nổi tiếng nhất thời Tống là Chu Bang Ngạn và Liễu Vinh. Chu Bang Ngạn trong đời Huy tông từng được đề cử làm việc ở phủ Đại Thạnh, thường sống ở ký quán giáo phường hoặc Ngõa xá Câu lan. Sở trường nhất của ông là bày tỏ mối hận biệt ly và nỗi lòng phụ nữ, nhất là về việc thể hiện tình cảm phong lưu ở chốn thanh lâu. Các bài *Thiếu niên du*, *Thanh ngọc án*, *Song điệu*, *Hoa tâm động* trong *Phiến ngọc tập* đều là những danh tác cực kỳ đẹp đẽ khinh bạc. So với Chu Bang Ngạn, Liễu Vinh càng giàn gũi ca kỹ hơn nhiều, tự lấy hiệu là “Phụng chỉ diền từ Liêu tam biến”, trở thành người phát ngôn cho mối chân tình và nỗi khổ nhục của kỹ nữ. Chính vì ông và kỹ nữ Cùng một

(8) Triệu Đức Lân, *Hầu tinh lục*, quyển 3.

lứa bên trời lận đận đều có tình cảm và ý nguyện như nhau, nên ông vứt hết những mặt nạ đạo đức giả, chìm đắm vào chấn tình nơi Bắc lý, khiến tài năng về từ khúc không ngừng được nâng cao, đạt tới đỉnh cao, liên tiếp viết ra nhiều tác phẩm hay, nổi danh trên đời. *Ty thử tục thoại* nói “Nhạc công ở giáo phường, mỗi khi được diệu mới, ắt xin Vĩnh làm từ, bắt đầu lưu hành trên đời”. *Nhạc phủ dư luận* nói “Kỳ Khanh thất ý, lưu lạc trong giáo phường, bèn nhặt hết những lời lẽ quê mùa đưa vào từ khúc để kỹ nữ dễ học tập, nhất thời nổi tiếng, truyền khắp bốn phương”. Đến nỗi sau khi ông chết, còn xuất hiện câu chuyện “Các kỹ nữ góp tiền mai táng Liễu Thất” làm xúc động lòng người.

Kỹ nữ thời Tống không những là đề tài sáng tạo vĩnh viễn không bao giờ hết của văn nhân từ gia mà còn có những cống hiến rất quan trọng về nội dung, âm vận, khúc điệu, cách luật và trong việc phổ biến từ khúc thời Tống. Trịnh Chấn Phong tiên sinh trong *Trung Quốc văn học sử* nói “Trong thời kỳ này từ khúc đã đạt tới giai đoạn hoàng kim. Tác giả viết từ khúc xong, có thể trao cho kỹ nữ ca hát ngay giữa tiệc. Nữ lang mười bảy mười tám tuổi cầm phách bắn hồng nha hát câu Bờ dương liêu trăng tàn gió sớm, tình cảnh ấy há không phải là điều mà các văn nhân học sĩ thích thú nhất sao? Phàm kẻ có thể làm từ khúc, bất kể là văn sĩ vũ phu, quan lai lớn nhỏ cũng không ai không thích làm từ. Như Trần Thất, Liễu Tam biến, Chu Thanh Chân còn lấy từ để dạy ca kỹ. Liễu Tam biến càng say đắm trong thanh lâu kỹ viện, lấy việc viết từ khúc cho họ hát làm vui. Cho nên chúng ta có thể nói Trong thời đại hoàng kim của từ khúc, từ là thể loại mà các văn nhân học sĩ thích dùng nhất, là ca khúc mà các ca kỹ vũ nữ ở cạnh văn nhân học sĩ thích hát nhất”. Kỹ nữ và từ nhân, rõ ràng là hai đại công thần trong việc đưa từ khúc thời Tống phát triển tới đỉnh cao.

b. Từ khúc của kĩ nữ sáng tác. Vì kĩ nữ sớm tối quanh quẩn quanh văn nhân mặc khách, dùng ty trúc quản huyền biểu diễn từ khúc do họ sáng tác, sau lúc hầu rượu ca hát cũng thường say sưa trong âm thanh vần điệu dùn đặt réo rắt của nó nên tự nhiên cũng học được cách thức làm từ khúc, đem nỗi khổ và tình cảm của mình phổ vào âm nhạc, trở thành một chi phái khiến người ta mở rộng tầm mắt, không dám coi thường trong từ uyển ở Trung Quốc.

Như trên đã nói, từ thời Đường các kĩ nữ đã bắt đầu soạn ca từ, có công hiến quan trọng đối với sự nảy sinh của từ khúc⁽⁹⁾. Đến thời Tống vì kĩ nữ dùng từ khúc làm cách thức mưu sinh, làm ngôn ngữ đặc thù trong việc giao tế với văn nhân sĩ phu nên từ khúc của họ càng xuất hiện nhiều hơn, trong đó nổi tiếng nhất có các bài *Mân phương đình* của Cầm Tháo, *Tây giang nguyệt* của Tô Lương, *Nhất lạc tố*, *Tống Thực thú Tường Long đồ* của Trần Phượng Nghi, *Bốc toán tử*, *Đáp thi* của Nhạc Uyển, *Giá cô thiên*, *Ký biệt Lý sinh* của Nhiếp Thắng Lương, *Bốc toán tử*, *Thước kiều tiên*, *Như mộng lệnh*, *Hồng bạch đào hoa* của Nghiêm Nhụy, *Hạ tân lang*, *Tống Thái thú* của kĩ nữ Bình Giang, *Ngọc lâu xuân* của Doãn Từ Khách, *Thị kiều liễu*, *Tống hành* của kĩ nữ đất Thực, *Thái thượng dẫn*, *Tiễn Tề Tham nghị quy Sơn Đông* của Lưu Yên Ca ván vân. Các tác phẩm từ khúc này đều đạt tới trình độ nghệ thuật sâu sắc, có khi không kém các bậc danh gia.

Sau thời Tống, phong khí kĩ nữ sáng tác từ khúc tuy

(9) Hồ Thích trong *Từ dịch khởi nguyên* (Nguồn gốc từ khúc) nói “Tôi ngờ khúc điệu này là loại ca khúc Trường đoàn cú, phong khí của nó bắt nguồn từ dân gian, bắt nguồn từ nhạc công ca kĩ”. Vương Thư Nô trong *Trung Quốc xướng kĩ sử* nói “Xướng kĩ thời Đường có thể làm thơ, có thể đọc thơ, có thể hiểu thơ, nên từ thời Trung Đường trở đi thì kĩ nữ có công lao lớn nhất trong việc nảy sinh của từ khúc”.

không bằng thời Tống, nhưng cũng có không ít người. Như các tác giả từ khúc mà *Minh từ tống* ghi chép có 216 người là kỹ nữ, ở những sách vở khác còn có thể tìm thấy nhiều hơn, trong đó nổi tiếng nhất có Khương Vũ Ngọc, Lâm Nô Nhi, Phùng Tương Lan, Tiết Tố Tố, Mã Như Ngọc, Chu Vô Hà, Cố Văn Anh, Biện Trại, Vương Thiếu Quân, Úc Văn Chu, Úc Trại, Lý Trinh Lệ, Lương Chiêu, Tôn Dao Hoa, Dương Hoa, Dương Huệ Nương, Dương Thục Khanh, Doãn Xuân, Vương Vi. Tác phẩm của họ cũng đạt tới trình độ nhất định, như *Nguyệt ba từ* của Chu Đầu Nhi, *Bốc toán tử* của Chu Vô Hà, *Đáo luyện tử*, *Úc Tân Nga* của Vương Vi, *Lãng đào sa*, *Hải đường* của Dương Uyển, *Tô mạc già* của Lưu Thắng, *Phượng Hoàng dài thương úc xuy tiêu* của Mã Như Ngọc, *Cốn tú cầu* của Khấu Ngai Như, *Điểm giáng thần* của Đốn Văn, *Thúy giá cô* của kỹ nữ ở kinh sư thời Minh, *Quá Tân lâu* của Cao Chi Tiên, *Nữ quan tử* của Phương Thị Tiên thời Thanh vẫn vẫn, phần lớn đều có di phong của Lý Thanh Chiếu, khiến người ta đề cao và tán thưởng.

II. Kỹ nữ với âm nhạc ca múa

1. Hoạt động và thành tựu ca múa của kỹ nữ

Vì kỹ nữ là biến thể của nữ nhạc, nên các kỹ viện từ xưa đến nay đều có truyền thống biểu diễn âm nhạc ca múa và kịch nghệ, đó cũng là một trong những kỹ năng cơ bản nhất của kỹ nữ các đời.

Từ *Thượng thư*, *Y huấn* “Có múa đẹp trong cung, ca hay ở điện, đương thời gọi là Phong khí đồng bóng” và *Cửu ca*, *Đông hoàn thái nhất* của Khuất Nguyên “Sơ viễn tiết hèle an ca, Trần vu cầm hèle hào xướng” (Thưa phách gái chừ ca hay, Bày đàn vu chừ hát lớn), có thể thấy kỹ nữ buổi đầu tức Vu xướng đã thành thực việc ca múa âm nhạc, trở thành người mở đầu cho nghệ thuật âm nhạc ca múa ở Trung Quốc.

Tổng Nguyên hý khúc sử của Vương Quốc Duy nói “Viên tiết an ca, Vu cầm hạo xướng (Phách gái ca hay, Đàn vu hát lớn) là cảnh ca múa rộn rịp, Thừa phong tài vân chi từ, Sinh biệt tân tri chi ngữ (Lời theo gió chở mây, Câu chia tay mới biết) là nói sự hoang dâm. Thị tắc linh chi vi chức, Hoặc yến kiến dī tượng thần, Hoặc bà sa dī lạc thần (Đó là chức trách Tắc linh, Hoặc nhún nhảy cho giống thần, Hoặc múa hát để mừng thần) đại khái là mạnh nha của hý kịch đời sau, kỹ nữ có công bảo tồn phát triển vậy”, khẳng định cống hiến to lớn của Vu xướng thời cổ đại đối với nghệ thuật âm nhạc ca múa Trung Quốc.

Cung kỹ thời Tần Hán, gia kỹ thời Ngụy Tấn, Giáo phường thời Đường, Câu lan thời Tống, thanh lâu thời Nguyên, kỹ quán thời Thanh, tất cả đều ra sức học tập ca múa, từ đó khiến nghệ thuật âm nhạc ca múa ở Trung Quốc ngày càng hoàn thiện, đạt tới mức tận thiện tận mỹ, trở thành tinh phẩm nghệ thuật không hổ thẹn với nền văn hóa lâu đời của dân tộc Trung Hoa.

Thời Tần Hán, kẻ thống trị phong kiến ra sức **hưởng** lạc trong thanh sắc. Tần Thủy Hoàng tập trung hàng ngàn hàng vạn danh ca vũ kỹ trong cung, “tiếng chuông trống ca nhạc, kéo dài không dứt”⁽¹⁰⁾. Hán Vũ đế không những thu nạp mấy ngàn cung kỹ, nữ nhạc, thường “diễn kịch, ca múa”⁽¹¹⁾ mà vào năm 112 trước Công nguyên còn thiết lập **cơ quan** Nhạc phủ chuyên trách, tập hợp hơn 800 nghệ nhân **biểu diễn** âm nhạc ca múa để thỏa mãn sự hưởng thụ. Đồng thời ông còn thường tiến hành các hoạt động biểu diễn **của cung kỹ**, năm 119 trước Công nguyên từng sai các cung kỹ “dùng thuyền khắc hình rồng biểu diễn *Trạc ca*, dùng *Cổ xuy điểm*

(10) Xem thêm *Thuyết uyển*, quyển 20 và *Sử ký*, quyển 6.

(11) *Hán thư*, *Đông Phương Sóc truyện*.

xuyết để rong chơi trên hồ Côn Minh”⁽¹²⁾. Đến khoảng trước sau năm 100 trước Công nguyên, đã có loại “kỹ nữ đánh trống thổi sáo” chuyên nghiệp⁽¹³⁾.

Thời Ngụy Tán Nam Bắc triều, xã hội biến động không yên, giai cấp thống trị say đắm vào ca múa vũ sắc, đó không những là điều kiện thuận lợi cho ca cơ vũ nữ đại hiển thân thủ sáng tạo mà còn đẩy mạnh sự dung hợp giữa nghệ thuật âm nhạc ca múa của các khu vực Nam Bắc và các dân tộc với nhau. Tào Tháo cùng với việc cảm thán “Đối tấu dương ca, Nhân sinh kỹ hè” (Trước rượu nên ca, Đời người bao lâu) cũng thu gom “ca kỹ con hát bên cạnh, thường từ sáng đến tối”⁽¹⁴⁾, lại đặc biệt xây dựng đài Đồng Tước để kỹ nữ biểu diễn ca múa. Lương Vũ đế Tiêu Diễn thời Nam triều trong hậu cung có hai bộ nữ nhạc Ngô thanh, Tây khúc, và lại còn đích thân sáng tác các vũ khúc *Tương Dương tạp đồng đê*, *Thượng vân nhạc*, *Giang Nam lộng* cho các cung kỹ biểu diễn. Tương tự, kẻ thống trị nhà Bắc Ngụy cũng thường sai cung kỹ biểu diễn dân ca Tiên Ty, tức các khúc diệu vẫn được gọi là Chân nhân đại ca hoặc Bắc ca⁽¹⁵⁾. Từ đó trở đi, Bắc ca phổ biến, hòa vào âm nhạc của phương bắc và phương nam, một số quý tộc vương hầu và quan lại sì đại phu du nhau học theo, như Dương Huyền Chi thời Bắc Ngụy trong *Lạc Dương già lam ký* nói Cao Dương vương Ung có “nữ kỹ 500 người”, “vào nhà thì ca cơ vũ nữ đánh phách thổi sênh, dàn sáo nhã nhạc, từ tối đến sáng”. Dưới ảnh hưởng của phong khí ấy, cả chùa chiền Phật giáo cũng thường lợi dụng nữ nhạc làm công cụ thu hút quần chúng. Như chùa Cảnh

(12) *Tam phụ hoàng đế*.

(13) *Hậu Hán thư*, quyển 72, *Tề Nam An vương Khang truyện* chép con Khang là Thố, ưa thích “kỹ nữ đánh trống thổi sáo Tống Nhuận” của Khang.

(14) *Ngụy chí*, Vũ đế kỹ, chú thích dẫn từ *Tào Man truyện*.

(15) *Cựu Đường thư*, Âm nhạc chí.

Nhạc ở Lạc Dương thời Bắc Ngụy, “thường bày nữ nhạc, tiếng ca vương vấn, điệu múa đặt dùu, đàn sáo rộn rã, đều rất thần diệu”, Vương Duyệt ở Giang Nam “triệu các nhạc công, đón kỹ nữ tới chùa, đóng giả chim lạ thú quý, nhảy múa trước đình điện, biểu diễn biến hóa, chưa ai từng thấy, những trò ảo thuật kỳ lạ hội họp cả ở đó”⁽¹⁶⁾. Loại hoạt động này bất kể nhằm mục đích gì thì về khách quan đều có hiệu quả là tạo ra cơ hội sáng tạo nghệ thuật cho các kỹ nữ, cổ vũ hoạt động, nâng cao tài nghệ ca múa của họ. Đó chính là điệu Đặng Khanh viết trong *Phụng họa Dạ thính kỷ thanh thi* “Kỹ nhi tề Trịnh nhạc, Tranh nghiên học Sở yêu, Tân ca tự tác khúc, Cựu sắt bất tu điều” (Khoe tài nhạc Trịnh tấu, Đua xinh gái Sở bày, Lời hay tự soạn khúc, Đàn cũ khỏi so dây). Cũng vì thế mới xuất hiện những tài năng ca múa như kỹ nữ dài Đồng Tước của Tào Tháo, già kỹ Lục Châu của Thạch Sùng, danh kỹ Tiền Đường Tô Tiểu Tiêu, hình thành sự phân công nghệ thuật giữa nhạc kỹ, ca kỹ, vũ kỹ.

Thời Tùy Đường kỹ nhạc trở thành nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật không thể thiếu của thiên tử công khanh tới thứ dân sĩ tử, vì thế vô cùng thịnh hành từ cung đình tới dân gian. Nội giáo phường, Nghi Xuân viện, Lê viên trong cung và Ngoại giáo phường ở hai kinh thời Đường đều tập trung một số lượng nhạc công, ca cơ vũ nữ lớn. Ngoài ra con em nhà quý tộc và các nhà giàu cũng phổ biến việc dùng già kỹ hầu rượu giúp vui trong những dịp ăn mừng chúc thọ và thù tiếp tân khách. Dưới phong khí xã hội ấy, thời Đường nảy sinh một số lớn những ca kỹ kiệt xuất về ca múa âm nhạc. Sở trường về vũ đạo có Thái Nương, Tạ A Man, Lưu Bôi

(16) Xem *Lạc Dương già làm kỹ*, quyển 1. Căn cứ theo khảo chứng của các học giả thì nữ nhạc trong chùa này phần lớn là kỹ nữ trong các nhà quý tộc tới, là vâng lệnh vào đạo. Như sau khi Cao Dương vương Ung chết, “Các kỹ nữ bị sai làm ni cô, cũng có kẻ di lấy chồng”.

Đinh, Quan Miến Miến, sở trường về ca hát có Hứa Vĩnh Tân, Niệm Nô, Trương Hồng Hồng, Đỗ Thu Nương, Mạnh Tài nhân, Phàn Tố, sở trường về kịch nghệ có Trương Tứ Nương, Thu Nương, Lưu Thái Xuân, sở trường về nhạc khí tỳ bà có Trịnh Trung Thừa vân vân. Những người này đối với sự phát triển của nghệ thuật ca múa thời Đường đều có tác dụng tích cực.

Việc ca múa âm nhạc của kỹ nữ thời Tống một mặt kế thừa thời Đường, mặt khác lại có sự đổi mới và phát triển. Từ hình thức kết cấu âm nhạc đại khái có thể chia làm bốn hình thức ca múa là Đại khúc, Khúc phá, Triển đạt và Đơn khúc, phân công chuyên môn càng chi tiết hơn thời Đường. Từ nhạc kỹ của giáo phường thì theo tài nghệ sở trường của mọi người có thể chia làm mười ba bộ là Tất lật bộ, Đại cổ bộ, Trượng cổ bộ, Phách bản sắc, Dịch sắc, Tỳ bà sắc, Tranh sắc, Phương hướng sắc, Sinh sắc, Vũ toàn sắc, Ca bản sắc, Tạp kịch sắc, Tham quân sắc⁽¹⁷⁾. Sự phân công theo chuyên môn này thúc đẩy thêm một bước sự phát triển của nghệ thuật ca múa âm nhạc ở Trung Quốc thời cổ, làm cơ sở vững chắc cho sự xuất hiện hình thức kịch nghệ mang tính tổng hợp.

Thời Nguyên là giai đoạn hoàng kim của nghệ thuật tạp kịch phồn vinh trước đó chưa từng có. Tuy sự phồn vinh của tạp kịch thời Nguyên có nhiều lý do, nhưng rõ ràng có quan hệ chặt chẽ với trình độ nghệ thuật cao của nghệ kỹ thời Nguyên. Đúng như Trịnh Chấn Phong tiên sinh nói “Hoạt động của các diễn viên cũng thường chủ yếu phát triển từ kỹ thuật ký khúc. Diễn viên là người truyền bá, phát huy tác phẩm văn học có hiệu quả nhất. Người đọc kịch bản thì ít, chứ người xem diễn kịch thì nhiều. Thường có chuyện quan hệ tới một vài diễn viên mà thay đổi cả sở thích và thói

(17) Đô thành kỹ thăng, Ngõa xá chúng kỹ.

quen của người xem”⁽¹⁸⁾. Vào thời Nguyên, các danh kỹ như Châu Liêm Tú, Trại Liêm Tú, Thuận Thời Tú, Khúc Nga Tú, Uông Linh Linh, Liên Chi Tú, Trương Ngọc Liên đều có tài nghệ cao siêu, rõ ràng phản ảnh một cách chân thực, có sức thuyết phục về sự phồn vinh và thành tựu của kịch nghệ thời Nguyên.

Về ca múa âm nhạc và kịch nghệ thì kỹ nữ thời Minh càng có những thành tựu nổi bật. Như sự hưng khởi của Côn khúc trong Nam hý cuối thời Minh, chính là lấy việc lưu hành trong kỹ viện làm đại bản doanh. Dư Hoài trong *Bản Kiều tạp ký*, thiên *Trật sự* nói “Kim Lăng là nơi đô hội, là quê hương của Nam khúc. Lăng tử nỗi trôi, văn nhân tiêu sái, lui tới chơi bời, ngựa đi như rồng, xe kiệu nối nhau. Ở đó phong nguyệt lâu dài, chén bầu tơ trúc, cho tới bọn Luyến đồng, khách chơi, tạp kỹ, con hát nổi tiếng đua đep khoe xinh, nườm nượp kéo về. Thùy dương ngoài bóng, mảnh ngọc trong hồ, sáo thu ngân nga, oanh xuân ríu rít. Tuy Tống Quảng Bình lòng dạ sắt đá cũng không thể không vì mai hoa làm phú vây. Một câu sen nở, người chịu nỗi sao? Về thấy hoa lê, ai làm được thế”. Đó chính là chỗ làm người ta say mê của thanh lâu kỹ viện, ai lại không muốn “Thưởng một hồi múa đẹp ca hay, nhìn một lúc mặt hoa da phấn”? Từ đó chúng ta cũng có thể không khó khăn gì để hiểu tại sao thời Minh lại nảy sinh được những ca kỹ tài sắc tuyệt vời như Đốn Văn, Cố My, Liễu Như Thị, Đồng Tiểu Uyển, Trần Quán Viên, Lý Hương.

Kỹ nữ thời Thanh vẫn lưu hành lối sinh hoạt truyền thống ca hát diễn kịch. *Tục Bản Kiều tạp ký* của Châu Tuyền cư sĩ nói “Trước kia yến tiệc ở Hà Định chỉ có tiểu đồng ca hát để thay đàn sáo sênh ca. Mấy năm nay dạy dỗ con hát, phàm từ mười đến mười lăm tuổi, mặt mũi xinh xắn, sai làm

(18) *Thanh đại Yên đô*, Lê Viên sử tư liệu.

Sinh đán. Người nào cũng có sở trường, trang phục đẹp đẽ, làm cả tiệc say mê, tiền thưởng gấp mười Lê viên. Còn các danh kĩ đều sở trường về từ khúc. Nếu không phải là kẻ tri âm gắn bó thì nhất định không khinh dị ra hát. Như các điệu dâm dật loại Ký sinh thảo, Tiễn điện hoa là lời của đám kĩ nữ dựa cửa mời khách hát, chứ các danh cơ thì khinh bỉ". Dương thời những tân điệu tiểu khúc mà các kĩ nữ ca hát rất được xã hội hoan nghênh. *Tục Bản Kiều tạp kí* còn ghi chép về quá trình tiểu khúc từ kĩ viện lưu hành ra xã hội "Điệu Tú hè bao không biết ai đặt ra. Nhưng thuyền vè lầu xanh, nhất thời tranh nhau coi trọng. Kế đó các kĩ nữ trẻ ở chợ búa cũng biết hát, thậm chí cả đám phu khuân vác cũng biết hát. Lâu ngày thì người trong các kĩ viện hạng dưới, đám ăn mày đi dọc theo phố xin ăn ai ai cũng biết hát. Thanh âm động người tới như thế là hết mức". Từ đó có thể thấy tiểu khúc là từ kĩ viện bắt đầu phổ biến ra xã hội thành thị.

2. Các nghệ thuật gia trong kĩ nữ

Như trên đã nói ca múa đàn hát là tài nghề của kĩ nữ, cũng là một trong những tài năng cơ bản của kĩ nữ, vì thế trong bọn họ có không ít các vũ đạo gia vũ bộ xinh đẹp, kĩ thuật điêu luyện, các âm nhạc gia sáng tác âm nhạc, tinh thông nhạc khí, cho tới nghệ thuật gia có tài năng trên nhiều phương diện.

Toàn Quyên và Đề Mạc thời Xuân thu Chiến quốc là hai nghệ thuật gia nhờ vũ bộ đẹp đẽ và giọng hát trong trẻo mà nổi tiếng trên đời. Sử chép họ "Làn da trắng muốt, thân thể nhẹ nhàng, hơi thở thơm tho, xinh đẹp yếu điệu, tuyệt cổ vô luân". Đầu tiên là vũ kĩ trong cung đình, về sau lưu lạc ra dân gian, lấy vũ đạo để sinh nhai. Họ sở trường nhất về ba điệu múa: một là Oanh trắn vũ, múa lên uyển chuyển tha thoát, như có mây lành khói nhẹ bốc lên, xoay chuyển pháp

phối, nhàn nhã nhu mỳ, bộc lộ vẻ “thân thể nhẹ nhàng như hạt bụi”. Hai là điệu Tập vũ vũ, tay áo dài vung múa, thuởt tha đẹp đẽ, vũ đạo uyển chuyển, giống hệt chiếc lông pháp phơi theo gió, nhẹ nhàng tiêu sái, phiêu dật động người, bộc lộ vẻ “uyển chuyển như chiếc lông bay trong gió”. Ba là điệu Toàn hoài vũ, trong bước chân xoay chuyển xinh đẹp, tay áo buông thõng, thần thái tha thuởt, như liễu non cạnh hồ soi bóng xuống nước, lại như tơ tằm mỏng mảnh mềm mại, thân thể thuởt tha như bông tơ có thể ôm vào lòng bỏ vào áo, nhịp nhàng khoan thai, lăng dâng như tiên, thể hiện vẻ “thân thể uốn éo, như rúc vào lòng”⁽¹⁹⁾.

Mỹ nữ Triệu Phi Yến thân thể mềm mại kinh người, “sắc đẹp đứng đầu hậu cung” cũng là một vũ đạo giai thân mang tuyệt kỹ. Nàng vốn là “quan tỳ trong sảnh”, tức gia kỹ, từ nhỏ đã luyện được một kỹ thuật cao siêu nhảy múa nhẹ nhàng. Thái Thuần thời Tống trong *Triệu Phi Yến biệt truyện* nói nàng “Xương hông nhỏ nhẹ, giỏi nhảy múa, nếu có ai nắm giữ thì run lên khe khẽ, người khác không sao học được”. Tương truyền thân thể nàng nhẹ như chim én, có thể nhảy múa theo gió, pháp phối như tiên, lại có thể đứng trên bàn tay mà múa, đứng trên mâm thủy tinh do cung nữ bưng tiêu sái ung dung phất tay áo nhảy múa. Bấy nhiêu đủ thấy sự tinh thâm về mặt vũ đạo của nàng, không hẹn là nhà biểu diễn nghệ thuật nhẹ nhàng đẹp đẽ, vũ đạo tuyệt luân.

Lục Châu là vũ đạo gia ưu tú nhất thời Tây Tấn, nàng nhờ xinh đẹp giỏi múa rất được Thạch Sùng sủng ái. Sử chép nàng giỏi biểu diễn điệu Minh Quân vũ, đây là điệu múa nổi tiếng nhất trong nhạc Thanh thương đương thời, diễn tả việc Vương Chiêu Quân ra ải. Trong bước chân, Lục Châu dung hợp cả nhảy múa lẫn ca hát, dùng vũ đạo như làm duyên như oán hờn biểu diễn sự đau khổ lo sợ và tâm lý không biết làm

(19) Vương Gia, *Thập di ký*, quyển 4.

sao của Vương Chiêu Quân lúc ra ái. Kỹ thuật múa của nàng rất được người sau đề cao và tán thưởng, như Dữu Kiên Ngô nhà Lương thời Nam triều viết trong *Thạch Sùng Kim Cốc kĩ* “Lan đường thương khách chí, Ý tịch thanh huyền phủ, Tự tác Minh Quân từ, Hoàn giáo Lục Châu vũ” (Thềm lan thương khách tới, Dựa chiếu đàn cầm vỗ, Đặt ra lời Minh Quân, Còn bảo Lục Châu múa).

Tạ A Man là một trong những vũ kỹ nổi tiếng nhất trong cung đình thời Đường. Sử chép nàng lấy việc biểu diễn điệu Lăng ba khúc mà nổi tiếng, trở thành vũ kỹ được Đường Huyền tông Lý Long Cơ sủng ái nhất trong giáo phường. Theo bộ lịch sử âm nhạc *Dương Thái Chân ngoại truyện* thời Tống, Đường Huyền tông từng tổ chức một cuộc biểu diễn cho riêng Tạ A Man biểu diễn điệu Lăng ba khúc trong cung, ban nhạc phụ diễn cho nàng múa đều là loại cao thủ hạng nhất, Đường Huyền tông đích thân đánh trống yết cổ được gọi là “Lanh tụ bát âm”, Dương Quý Phi tay ngọc gẩy đàn tỳ bà, Ninh vương Lý Hiến thổi sáo ngọc, các nhạc công nổi tiếng Mã Tiên Kỳ, Lý Quy Niên, Trương Dã Hô, Hạ Hoài Trí chia nhau đánh trống, thổi khèn, đàn không hẫu, gõ phách. Với ban nhạc toàn những người biểu diễn kiệt xuất tổ chức thành ấy Tạ A Man thướt tha nhảy múa, dùng vũ kỹ điêu luyện, vũ bộ mềm mại, vũ thái nhẹ nhàng làm khuynh đảo tất cả mọi người ngồi xem, quả thật có thể nói là “Lăng ba vi bộ mạt sinh trần, Thùy kiến đương thời yêu diệu thân” (Lăng ba khẽ bước điệu chơi vui, Yêu diệu hôm nay được thấy người).

Hứa Vinh Tân, Niệm Nô cũng là những ca kỹ cung đình được Đường Huyền tông yêu thích. Theo sử sách ghi chép, Hứa Vinh Tân không những hát hay mà còn có thể biến đổi giọng hát, mỗi lúc thu cao trăng sáng, dài điện quang đăng, giọng ca lại thay đổi, âm thanh ngân dài. Có một lần Đường Huyền tông mở đại yến ở lầu Cần Chánh, bày đủ các trò diễn, náo nhiệt phi thường. Nhưng lúc hàng ngàn

hàng vạn người huyên náo ca múa, âm nhạc không thể nghe được. Đường Huyền tông tức giận, định ra lệnh bãi yến. Lúc ấy Cao Lực Sĩ đề nghị để Vĩnh Tân lên lầu hát để dứt tiếng ôn ào. Quả nhiên Vĩnh Tân vừa lên tiếng hát, lập tức tất cả đều im lặng, người nghe bị tiếng hát của nàng hấp dẫn, “người vui nghe thấy hào hứng, người buồn nghe thấy khoan khoái”⁽²⁰⁾, biểu hiện rõ sức hấp dẫn nghệ thuật cực lớn.

Giọng hát của Niệm Nô cũng vô cùng say đắm lòng người, tương truyền mỗi lần nàng cất tiếng hát giữa tiệc đưa mắt, thu ba chuyển động, giọng ca nghe như phát xuất từ mây trời, chấn động sơn cốc, cho dù là ban nhạc đủ loại nhạc khí hòa tấu cũng không thể át đi được⁽²¹⁾.

Bốn con gái nhạc công giáo phường Nhiệm Trí Phương cũng giỏi ca hát, nhưng phong cách đều khác nhau. “Trong đó Nhị cô hít thở nhẹ nhàng, thu liêm hơi thừa, Tam cô dáng mạo cù chi hòa hoãn ôn nhuận, người xem ý không phải ở giọng hát, Tứ cô phát âm lặng lẽ, tiếng hát như từ trên không vang ra”⁽²²⁾. Đủ thấy về phương diện ca hát họ đã đạt tới trình độ cực cao.

Trương Hồng Hồng là âm nhạc gia thân mang tuyệt kỹ thời Đường. Nàng vốn là gia kỹ của Vi Thanh, sau nhờ tài nghệ được triệu vào cung, được Đại tông phong làm Tài nhân, người ta gọi là “Ký khúc nương tử”. Bài đậu ký phổ pháp mà nàng sáng tạo⁽²³⁾ thể hiện rõ ràng thành tựu âm nhạc cao thâm của nàng và là một cống hiến trong việc phát triển âm nhạc thời cổ ở Trung Quốc.

Quan Miến Miến là vũ kỹ nổi tiếng ở Từ Châu trong niên hiệu Trinh Nguyên, Nguyên Hòa (785 - 820). Theo bài

(20) Đoàn An Tiết, *Nhạc phủ tạp lục*.

(21) Khai Nguyên Thiên Bảo di sự, quyển thương.

(22) Giáo phường ký.

(23) Nhạc phủ tạp lục, Ca.

Yến Tử lâu tam thủ, Tự tự của đại thi nhân Bạch Cư Dị thời Đường, thì ông từng tới dự tiệc trong nhà Thượng thư Trương Kiến Phong trấn thủ Từ Châu, trong tiệc Bạch Cư Dị lần đầu gặp Quan Miến Miến và các gia kỹ biểu diễn, chỉ thấy Quan Miến Miến mặc quần áo bằng sa hồng, như tiên nữ phiêu nhiên nhảy múa, dáng vẻ nhẹ nhàng, kỹ thuật điêu luyện. Chợt như làn gió nhẹ thổi qua, lúc ẩn lúc hiện, chợt như pho tượng bằng ngọc đỏ, trong tinh có động. Điệu *Nghê thường vú y khúc* mà nàng biểu diễn, vũ bộ khoan thai ung dung, vũ thái mềm mại uyển chuyển, phong thái phiêu nhiêu như tiên, biểu lộ được hình tượng tiên nữ trong cõi hư vô xa thẳm, khiến người ta tâm thần lâng đâng, than thở vì điệu múa đã hết. Bạch Cư Dị không kìm được tình cảm lập tức làm thơ tặng, dùng câu “Túy kiều thanh bất đắc, Phong niễu mẫu đơn hoa” (Say vẻ yêu kiều quên tiếng hát, Chỉ hay trước gió mẫu đơn mềm) để ca tụng nàng.

Tần Nương là ca vũ kỹ được nuôi dưỡng trong nhà quý tộc thời Đường, vì hát hay múa giỏi nổi tiếng trên đời. Điệu Kinh hồng vũ mà nàng biểu diễn, từng lấy sự nhẹ nhàng, phiêu dật, mềm mại đẹp đẽ, khoan thai làm khuynh đảo vô số con em quý tộc ở kinh sư. Lưu Vũ Tích trong bài *Tần Nương ca tịnh dần* ca ngợi “Trường mán như vân y tự vụ, Cẩm khuẩn la tiến thừa khinh bộ. Vũ học Kinh hồng thủy tạ xuân, Ca truyền thượng khách lan đường mộ” (Bím tóc như mây áo tựa khói, Gấm lụa theo chân bay pháp phói. Múa học Kinh hồng điệu đẹp tươi, Ca xong thượng khách đều khen ngợi).

Những kỹ nữ sở trường ca múa âm nhạc thời Đường ngoài mấy người kể trên còn có cung kỹ Tiêu Luyện Sư rất giỏi Chá chi vũ, đương thời không ai sánh được, Trương Tứ Nga trong kỹ nữ giáo phường, nhờ điệu Đẹp dao nương mà nổi tiếng trên đời, Nhan Đại Nương, Bàng Tam Nương cũng đều là kỹ nữ múa giỏi hát hay, danh kỹ Giang Chiết Lưu

Thái Xuân nhờ điệu *La Hống khúc* mà nổi tiếng trong nước, cung kỹ Trịnh Trung Thừa cũng nhờ giỏi đàn tỳ bà nổi tiếng một thời, ca kỹ Trường An Đỗ Thu Nương nhờ điệu *Kim lũ y* nổi tiếng một thời, Thu Nương biểu diễn vở vũ kịch *Nghĩa dương chử* mà danh chấn trong ngoài.

Sau thời Đường, âm nhạc kịch nghệ phát triển cực điểm trong giới kỹ nữ, mà âm nhạc ca múa dần dần lui lại hàng thứ hai. Hiện tượng này khiến các kỹ nữ giỏi việc ca múa sau thời Đường ngày càng giảm đi, mà nhân tài biểu diễn hý khúc trong các nghệ kỹ nổi nhau xuất hiện.

Uông Linh Linh là giác kỹ ở Hồ Châu thời Nguyên, dung mạo xinh đẹp, nhờ biểu diễn vở *Đậu Nga oan* của Quan Hán Khanh mà nổi tiếng, người ta gọi là Đậu Nga sống (Hoạt Đậu Nga).

Đốn Văn là ca kỹ nổi tiếng cuối thời Minh, cháu nội của khúc sư Đốn Nhân nổi tiếng. Nàng đa tài đa nghệ, giỏi nhất là gảy đàn ca hát. Thường biểu diễn những từ khúc do mình sáng tác, bộc lộ số phận bi thảm của ca kỹ. Dư Hoài trong *Bản Kiều tạp ký* chép nàng “Cầm đàn mà gảy, hát khúc Biệt phượng ly loan, như vượn kêu hạc oán”.

Đồng Tiểu Uyên, Cố My, Lý Hương, Biện Ngọc Kinh trong Kim Lăng bát tuyệt và Trần Viên Viên, Đỗ Thập Nương, Cao Oa đều là ca vũ kỹ nổi tiếng thiên hạ. Như Vương Nguyệt Sinh ở chợ Ngọc Nam Kinh nhờ Ngô ca mà nổi tiếng, Khấu Bạch Môn có thể soạn từ khúc, Sa Tài giỏi thổi tiêu họa khúc, vân vân.

Danh kỹ đất Hộ thời Thanh Chu Tố Lan được tôn là nghệ thuật gia Nữ đàn từ đầu tiên mở ra Thư ngự. Vương Thảo trong *Tùng Tân tỏa thoại* quyển 12, *Hộ thương từ trường Trúc chí* từ ca ngợi “Việc khai sáng Thư ngự ở đất Hộ bắt đầu từ Chu Tố Lan, về sau phong khí ấy vẫn không suy. Đầu niên hiệu Đồng Trị, vô cùng thịnh hành”. Sự phát triển

bột phát của Nữ dàn từ có tác dụng đẩy mạnh sự phồn vinh hưng thịnh của nghệ thuật dàn từ. Vương Thao trong *Doanh nhu tạp chí* quyển 5 bàn tới Nữ dàn từ ở Thượng Hải nói “Từ đời Đạo Quang Hàm Phong trở đi, bắt đầu nhường cho phụ nữ, giọng chau dáng ngọc, ty trúc quản huyền, có thể khiến người nghe tiêu hồn”. Từ sự đánh giá rất cao của văn nhân đương thời về nghệ thuật của Chu Tố Lan như “đút ruột”, “người nghe say mê”, “đứng đầu từ trường”, chúng ta không khó tưởng tượng ra được thành tựu nghệ thuật cao siêu trác việt của nàng.

III. Kỹ nữ với nghệ thuật thư họa

1. Kỹ nữ với nghệ thuật hội họa

Xưa nay cầm kỳ thư họa vẫn là những kỹ năng cơ bản mà người trong kỹ viện phải nắm vững. Vì thế trên phương diện nghệ thuật hội họa, kỹ nữ cũng thể hiện tài năng khá cao. Trong đó Tô Thúy, Nghiêm Nhụy thời Tống, Tiết Tố Tố, Mã Thủ Chân, Phạm Ngọc thời Minh có thể làm đại biểu.

Tô Thúy, người Kiến Ninh Phúc Kiến. Trong niên hiệu Thuần Hựu (1241 - 1252) cung phụng ở nhạc bộ. Giỏi vẽ mặc trúc, cũng giỏi vẽ mai lan. Dày thừa sáng nhuận, đều rất tinh tế, rất tự hào. Mỗi khi vẽ xong một bức, át đế tám chữ lên đó.

Nghiêm Nhụy là doanh kĩ ở Thiên Thai thời Tống. Chu Mật trong *Tề Đông dã ngữ* nói “Nghiêm Nhụy, tự Ấu Phương, giỏi dàn cầm, cờ vây và ca múa, ty trúc thư họa, tài sắc đứng đầu một thời”.

Tiết Tố Tố, tự Tố Khanh, là kỹ nữ ở kinh sư thời Minh. Hồ Ứng Lân trong *Giáp át thăng ngôn* nói “Tố Tố có thể viết chữ tiêu khai kiểu Hoàng Đình, giỏi nhất là vẽ lan trúc, hạ bút mau lẹ, đều có phong cách, tuy hảo thủ hay bậc

danh họa cũng không thể hơn được". Tống Di Tôn trong *Bộ thư định tập* nói "Tôi tiếu tự Nhuận Nương, bày vai thứ năm, người ta gọi là có mười tài, làm thơ, viết chữ, vẽ tranh, đánh đàn cầm, đánh cờ vây, thổi tiêu, mà cưỡi ngựa, đi dây, bắn đạn lại càng là tuyệt kỹ. Tôi từng thấy nàng vẽ tranh thủy mặc và chân dung Quan Âm đại sĩ rất khéo léo. Lúc Đỗng Thượng thư chưa thi đậu, được nàng cho chữ viết ở Hòa Trung, ông nhìn thấy liền yêu mến, làm cho nàng bộ sách dạy bí quyết viết chữ tiếu khải, lại viết thêm lời bạt".

Mã Thủ Chân (1548 - 1604), tự Nguyệt Kiều, tiếu tự Huyền Nhi, hiệu Tương Lan, là danh kỵ ở Tân Hoài Nam Kinh thời Minh. Sử chép nàng giỏi thư pháp thông văn từ, giỏi nhất là vẽ lan, nên có hiệu là Tương Lan. *Lịch đại họa sử hối truyện* bình luận nói "Lan thì học theo Triệu Tử Cố, trúc thì học lối Quản Trọng Cơ, tiêu sái đậm nhã, tự có phong cách riêng". Nàng từng tự đề bức tranh vẽ lan như sau "Lý Thanh Liên bên rượu trọn mắt, Trác Văn Quân trước kính tươi mày, là có ý gì, vẽ nhánh u lan này, để lòng thường thức", đủ thấy gởi gắm rất nhiều vào việc vẽ lan vẽ trúc. Uông Trung thời Thanh trong *Kinh cự uyển điêu mã thủ chán văn* bàn về tranh của nàng nói "Tôi thường xem các bức họa của nàng, lan dày trúc rậm, mềm mại tươi đẹp, lay động ngoài nét mực, chưa từng không lúc nào không hâm mộ tài năng, than tiếc cho mình sinh sau không kịp gặp mặt", rất đề cao tài năng hội họa của Mã Thủ Chân. Uông Trung còn cảm thán nói "Trời sinh tài năng như thế, ở trong đám phụ nữ, trăm năm ngàn dặm còn không hẹn được, tại sao un đúc ra con người xinh đẹp như thế mà lại dày dặn hết mức như thế!". *Chung hương* từ đối với tài năng của Mã Thủ Chân cũng bình luận rất công bằng, khen nàng là "Chữ viết như tờ bay liêu yếu, tha thoát say người. Từ khúc như áo dưới bóng hoa, khói mây giăng mắc, như có như không. Mà giỏi nhất là vẽ lan, học được chỗ tinh thâm của Triệu Ngô Hưng, Văn Đai

chiếu. Dung mạo tuy không phải xinh đẹp nhất đời, nhưng thần thái tươi sáng, xinh đẹp kỳ lạ, so ra nào thẹn với các danh kĩ thời cổ như Tiểu Tô, Tiết Đào, Lý Oa, Quan Miến Miến!”. Họa gia nổi tiếng Phan Thiên Thọ trong quyển *Trung Quốc hội họa sử* (Lịch sử hội họa Trung Quốc) có bình phẩm về kỹ thuật hội họa của Mã Thủ Chân, khen rằng “Tuy bậc sĩ đại phu có khi cũng có chỗ không bằng được”, là người vẽ giỏi trong “những người nổi tiếng trong nghệ thuật” thời Minh, “Phụ nữ một thời không sao bằng được”. Trước tác của Mã Thủ Chân để lại có các bức *Quần tiên cao hội họa*, *Lan trúc đồ*, *Phỏng Triệu Mạnh Kim lan thạch đồ*.

Phạm Giác, tự Song Ngọc, là kĩ nữ thời Minh. *Bản Kiều tạp ký* nói “Phạm Giác tính thích sơn thủy, mê phỏng Đại Si (Hoàng Công Vọng), Cố Bảo Chàng (Nguyên), cây lớn chen chúc, núi xa động thẳm, trên bút mực có khí lực thiên nhiên”. Được người sau khen là “Phạm Hoa Nguyên (Khoan) trong phụ nữ”.

Phạm Châu tự Chiêu Thừa, kĩ nữ Kim Lăng thời Minh. *Tục Kim Lăng tỏa sự*, *Vô thanh thi sử* đều ghi chép nàng giỏi vẽ tranh sơn thủy, có thể vẽ ngay trước mặt khách.

Cố Mỹ, tự Mi Sinh, Mi Trang, còn có tên là Mi, vẽ sau đổi thành họ Từ, tự Hoành Ba, Mai Sinh, Thiên Trì, là một trong Tân Hoài bát tuyệt ở Kim Lăng thời Minh. Dư Hoài trong *Bản Kiều tạp ký* miêu tả dung mạo nàng “Trang Mi duyên dáng phong nhã, phong độ siêu quần, tóc như làn mây, mặt như hoa đào, bàn chân thon nhỏ, lưng ong mềm mại. Giới văn sử, khéo vẽ lan, nổi bước Mã Thủ Chân nhưng xinh đẹp hơn. Người đương thời tôn là đứng đầu Nam khú”. Các bức tranh vẽ lan của nàng có thể theo ý mình, không theo người trước, đẹp đẽ có tình, đưa người ta vào chỗ hay. Thái Vĩnh Tổ bình luận tranh của nàng rằng “Lan như gai nhán tuyệt thế, được phu nhân diệu bút truyền thần, ngõ hầu không phụ với danh họa”. Theo *Ái nhật ngâm lư thư họa tục*

lục thì Cố My có vẽ các bức Song câu lan, Phi bạch thạch, Cỏ chi trúc đẹp, cực kỳ thanh tú, lạc khoản viết “Mùa hạ năm Canh dần, vẽ ở Hồng Hà tiên quán, Cố My”. Có đóng ấn chữ nhật “Mi Sinh” chữ trắng, Lương Sơn Chu đề rằng “Xưa nay phụ nữ vẽ tranh, thần vận có thừa nhưng hàm súc không đủ, đây thì khác hẳn, lạc khoản cũng đẹp”, coi Cố My là người tiêu biểu. Tác phẩm của nàng lưu truyền trên đời chủ yếu có các bức *Cửu uyển đồ*, *Mặc lan đồ*.

2. Kỹ nữ với nghệ thuật thư pháp

Trong lịch sử Trung Quốc những phụ nữ giỏi về thư pháp nhiều không kể xiết, trong đó nổi tiếng nhất có kỹ nữ họ Mã thời Hậu Triệu, Tiết Đào, Tào Văn Cơ thời Đường, Mã Miến, Lý Kỳ thời Tống, Lương Viên Tú thời Nguyên, Tiết Tố Tố, Mã Thủ Chân, Biện Trại thời Minh.

Kỹ nữ họ Mã là gia kỹ của Thạch Hổ nhà Hậu Triệu, khuyết tên. Theo *Thư lâm ký sự* chép thì nàng giỏi thư pháp, mặc áo đỏ đội mũ đứng trên lưng ngựa lúc ngựa phi mà viết, nét chữ vẫn ngay ngắn, được khen là Phi kỹ thư.

Tiết Đào là danh kỹ đất Thục thời Đường, giỏi hàn mộc, về thư pháp có thành tựu riêng. *Tuyên Hòa di sự* thời Bắc Tống nói “Kỹ nữ Thành Đô Tiết Đào nhờ hay thơ mà nổi tiếng trên đời, tuy sa chân vào chỗ hèn hạ nhưng có phong thái phong nhã. Cho nên mỗi khi có một bài thơ một trang giấy đưa ra thì người ta tranh nhau chuyền tay thưởng thức. Viết chữ không có khí cách phụ nữ, bút lực mạnh mẽ, về chữ hành thư học được thể cách của Vương Hy Chi, lại học thêm chỗ khác, cũng là loại người như Vệ Phu nhân. Rất thích chép những thơ mình làm, lời lẽ công phu, ý tứ tuấn dật, thư pháp cứng cỏi, nhờ thế nổi tiếng. Không chỉ như Công Tôn Đại Nương múa kiếm, Hoành Tú Nương thêu hoa nhờ Đỗ Phủ mà được lưu truyền về sau. Nay trong ngự phủ vẫn còn lưu

giữ chữ viết của nàng". Hồ Chấn Hanh thời Minh trong *Dường âm quý thiêm*, *Tập lục*, *Tuyên Hòa thư phổ chân tích* nói "Bài thơ *Huyền thảo* của Tiết Đào viết theo lối hành thư". Đủ thấy thư pháp của Tiết Đào được lưu giữ trong ngự phủ thời Tống là bài *Huyền thảo* viết lối hành thư.

Tào Văn Cơ là danh kỵ ở Trường An thời Đường. Sử chép nàng lúc bốn năm tuổi đã thích văn tự, lúc mười lăm tuổi kỵ viện day ca múa, nàng nói "Đó là việc của kẻ hèn hạ, không đáng cho tôi làm. Cứ chuẩn bị cho tôi ao mục núi bút, cho tôi có thể thỏa chí ở chỗ văn tự thì đủ thỏa ước nguyện bình sinh rồi". Từ đó trở đi nàng chuyên học về thư pháp, tài nghệ ngày càng tiến, sau cùng có thể vung bút như rồng bay, thanh tân tuấn nhã, tự thành một thể. Nàng học theo lối Chung Diêu, Vương Hy Chi, khí độ không kém gì bọn Nhan Chân Khanh, Liễu Công Quyên đồng thời, nhất thời có hiệu là Thư tiên, có người làm thơ ca tụng nàng là "Ngọc hoàng điện tiên Chuởng thư tiên" (Tiên coi viết chữ ở cung trời)⁽²⁴⁾, đủ thấy thư pháp tuyệt diệu một thời.

Mã Miến là doanh kỵ ở Từ Châu thời Tống. *Mặc trang mạn lục* nói Đông Pha làm Thái thú Từ Châu, quen biết Mã Miến, Mã Miến học thư pháp của Đông Pha rất giống. Một hôm Đông Pha viết bài *Hoành lâu phú*, chưa xong có việc phải đi, Mã Miến phỏng theo bút pháp của ông, viết thêm bốn chữ Sơn xuyên khai hợp (Núi sông mở khép). Đông Pha về nhìn thấy cười lớn, cũng không đổi viết bản khác. Về sau bản ấy khắc lên bia đá, bốn chữ Mã Miến viết được vĩnh viễn lưu lại về sau.

IV. Kỹ nữ với những bộ môn khác

Ngoài văn học nghệ thuật, kỹ nữ cũng có những cống hiến trên các phương diện văn hóa ẩm thực, khoa học kỹ

(24) Nhiệm Sinh, *Đầu Tào Văn Cơ thi*.

thuật và thể dục của Trung Quốc.

1. Kỹ nữ với khoa học kỹ thuật

Nói tới cống hiến của kỹ nữ đối với lịch sử khoa học kỹ thuật Trung Quốc, trước tiên chúng ta sẽ nghĩ tới Giấy hoa tiên Tiết Đào (Tiết Dao tiên) nổi tiếng một thời trong lịch sử. Giấy hoa tiên là một loại giấy thủ công có màu dùng cho tư nhân viết thư, làm thơ tặng đáp và viết giấy tờ hóa đơn mua bán. Vào thời Đường có rất nhiều loại như Tùng hoa, Kim sa, Oanh sa, Đan vân, Kim hoa, Long phượng (màu đỏ thiếp vàng). Nhưng loại giấy nổi tiếng nhất đương thời chính là loại giấy vuông nhỏ để chép thơ do danh kỵ Tứ Xuyên là Tiết Đào thiết kế. Nguyên liệu của Giấy Tiết Đào là vỏ cây sen, cho bột hoa sen vào để tăng thêm độ bóng. Loại giấy này rất được các văn nhân sĩ đại phu đương thời ưa thích, trở thành trân phẩm của nghệ lâm. Tiết Đào chính dùng nó để tặng đáp với các đại thi nhân nổi tiếng đương thời như Nguyên Chẩn, Bạch Cư Dị, lại tặng cho Nguyên Chẩn hơn một trăm tờ do mình tự chế, Nguyên Chẩn viết bài *Ký tặng Tiết Đào* lên giấy ấy. Từ đó trở đi, hàng ngàn năm nay loại giấy hoa tiên lấy tên là Giấy Tiết Đào vẫn không ngừng được sản xuất, mau lẹ từ Tứ Xuyên lan truyền rộng ra các địa phương trên toàn quốc.

Trên phương diện dệt vải thêu thùa, kỹ nữ cũng thể hiện tài nghệ siêu tuyệt của mình. Như gia kỹ Trương Tinh Uyển của Dương Khản nhà Lương thời Nam triều dệt gấm hoa văn cực đẹp, nàng có thoi vàng, nhíp ngọc, còn có xa Ưu quỳ, đều là bảo vật hiếm có ở nhân gian⁽²⁵⁾. Gia kỹ Hoàn Phong của Thạch Sùng, vì bị chủ nhân bỏ rơi, bèn dệt một tấm chăn có hình con dế rét dâng Thạch Sùng⁽²⁶⁾.

(25) (26) Long Phụ, *Nữ hồng dư chí*.

2. Kỹ nữ với tạp kỹ ảo thuật

Tạp kỹ ảo thuật phong phú ở Trung Quốc đã có lịch sử lâu dài và truyền thống tốt đẹp. Trên phương diện này, các kỹ nữ cũng có cống hiến của mình.

Từ ghi chép trong *Liệt nữ truyện* của Lưu Hướng “Vua Kiệt nhà Hạ đã bỏ lễ nghi, tìm bạn con hát làm hề, để diễn những trò kỳ lạ” mà nhìn, có thể ngay từ thời Hạ cách nay trên dưới năm ngàn năm, các kỹ nữ đã bắt đầu có những tiết mục tạp kỹ để giải trí.

Đến thời Tân Hán, hoạt động biểu diễn tạp kỹ của kỹ nữ đã trở nên phong phú, từ yến tiệc trong cung đình tới tiệc tùng của sĩ dân đều có thể thấy bóng dáng của họ. *Sử ký*, *Lý Tu liệt truyện* chép Tân Nhị thế Hô Hợi ở cung Cam Tuyền xem hát xướng và đấu súng, cả Tể tướng Lý Tư tới cũng không thèm tiếp, đến nỗi sứ gia Ban Cố phải buông lời cảm thán như sau “Lẽ pháp của tiên vương mất hết vì dâm nhạc”⁽²⁷⁾. Tình hình này đến thời Hán còn quá hơn, *Hán Vũ cố sự* chép Hán Vũ đế thích “âm nhạc tử di, pha thêm ảo thuật”. Năm Nguyên Phong thứ 3 (108 trước Công nguyên) ông từng cử hành một buổi biểu diễn tạp kỹ to lớn chưa từng có trong lịch sử để chiêu đãi sứ thần các nước Tây Vực. Trong tiệc, một số kỹ nữ giỏi ảo thuật biểu diễn các tiết mục đẹp đẽ mà hùng tráng⁽²⁸⁾. Không chỉ trong cung đình mà loại tạp kỹ ảo thuật này cũng trở thành một tiết mục giải trí không thể thiếu trong sinh hoạt của các đạt quan quý tộc, cường hào địa chủ, phú thương nhà giàu. Ngự sử đại phu Tang Hoằng Dương nói “Phàm dân thường có khách cũng có đám con hát làm trò ảo thuật biểu diễn làm vui, huống hồ quan huyện sao?”⁽²⁹⁾. Thậm chí cả trong lúc ma chay cũng có “ca múa con

(27) *Hán thư*, *Hình pháp chí*.

(28) *Sử ký*, *Đại Uyển liệt truyện* và *Hán thư*, *Tây Vực truyện*.

(29) *Diêm thiết luận*, *Sùng lê thiên*.

hát, khôi hài ảo thuật”⁽³⁰⁾.

Đi dây (Tấu sách) là một hạng mục tạp kỹ mà các kỹ nữ thời Hán rất sở trường, đương thời còn gọi là Đạp sách, Hý thăng, Cao hăng, Vũ hăng, cũng như trò đi dây trong tạp kỹ ngày nay. *Hậu Hán thư*, *Lễ nghi chí* do Lưu Chiêu chú dẫn lại *Hán nghi* của Thái Chí nói “Lấy hai sợi dây lớn buộc giữa hai cái cột, cách nhau vài trượng, hai kỹ nữ đối diện với nhau nhảy múa, đi trên sợi dây, tới chỗ gặp nhau, vai vẫn không nghiêng, lại đạp xuống nhảy lên, nau thân trong cái thùng”, thể hiện rõ kỹ xảo cao siêu siêu nhẫn nhã của kỹ nữ đi trên dây. Việc đi dây của thăng kỹ thời Hán, ngoài những ghi chép trong sách vở cũng được tái hiện trong những bức họa trên đá. Như bức tranh đá phát hiện trong mộ thời Hán ở Tế Nam Sơn Đông có vẽ cảnh thăng kỹ biểu diễn đi dây: hai kỹ nữ tay cầm sào múa mỗi người từ một đầu dây đi tới, ở giữa còn có một kỹ nữ treo người trên dây, dưới dây có bốn lưỡi dao nhọn cắm ngược chia lên, mũi dao chia vào giữa sợi dây, khiến người ta càng cảm thấy nguy hiểm, phản ánh truyền thống ưu tú ổn, hiếm, mỹ, chuẩn (vững chắc, nguy hiểm, đẹp đẽ, chính xác) trong kỹ thuật tạp kỹ của Trung Quốc.

Kỹ thuật tạp kỹ của kỹ nữ thời Đường càng đạt tới mức lư hỏa thuần thanh. Lấy việc đi dây làm ví dụ, thăng kỹ thời Đường biểu diễn đi dây không những đi lại thoái mái, mà còn có thể nhảy tung lên, chồng người tới ba bốn tầng trên dây, trong sự nguy hiểm lại thêm sự nguy hiểm, làm người ta khiếp sợ. Vương Đảng trong *Đường ngữ lâm* chép “Ngày 5 tháng 8 năm Khai Nguyên thứ 24 đời Minh Hoàng cho thăng kỹ biểu diễn trong ngự lâu. Người biểu diễn trước tiên kéo dây dài, hai đầu buộc dưới đất, chôn ròng roc để buộc, trong ròng roc có trụ đứng nhô lên mấy trượng, buộc

(30) *Diêm thiết luận*, *Tán bất túc thiền*.

dây qua thảng như dây đàn. Sau đó kỹ nữ từ đâu dây nhảy nhót đi lên qua lại mau lẹ, nhìn như tiên bay. Có khi giữa đường gặp nhau, nghiêng người tránh qua, có khi lê hài mà đi, ung dung ngẩng lên cúi xuống, có khi cầm gậy gần tới ống chân, dài sáu tấc, có khi đạp vai đạp đầu nhau chồng lên tới ba bốn tầng, kế đó lật người rơi thảng xuống, chạm dây lại đứng, không hề sẩy chân rơi xuống, đều theo đúng tiếng trống làm nhịp, rất là đẹp đẽ. Thi nhân Trương Sở Kim thời Đường trong bài *Láu hạ quan thảng kỹ phú* cũng ghi lại một cách sinh động như sau "...Hoành cảng bách xích, Cao huyền sổ trượng, Hạ khúc như câu, Trung bình tự chướng. Sơ xước chước nhi tà tiến, Cánh bàn san nhi trực thương... Yếu điệu tương ngộ, Thiên thiên khuốc bộ..." (...Giăng ngang trăm thước, Treo cao mấy trượng, Dưới như móc cong, Giữa tựa mặt phẳng. Lúc đầu tha thoát đi lên, Kế đó lắc lư thảng vượt... Yếu điệu gấp gỡ, Nghiêng nghiêng lại bước). Ở đây các thảng kỹ biểu diễn trên dây cao, quả có thể nói là tinh mỹ tuyệt luân, nguy hiểm vô cùng, khiến mọi người ai cũng tấm tắc khen ngợi. Lưu Ngôn Sử thời Đường trong *Quan thảng kỹ thi* viết "Thái lăng di nhạc hà tối trân? Thái thảng nhiễm nhiễm thị tiên nhân. Quảng trường Hàn thực phong nhật hảo, Bách phu phạt cổ cầm kiên tân. Ngân họa thanh quyến phù vân phát, Cao xú ý la hương cánh thiết. Thùy kiên tiếp lập tam tứ tầng, Trú lý bối hành nhưng ứng tiết. Lưỡng biên vi hiểm tạm tương nghênh, Trắc thân dao bộ hà khinh doanh. Nột nhiên dục lạc khuốc thu đắc, Vạn nhân nhục thương hàn mao sinh. Nguy cơ hiểm thế vô bất hữu, Trắc quải tiêm yêu học thùy liêu. Hạ lai nhất nhất phù dung tư, Phấn bạc diễn hy thái chuyển kỳ. Tọa trung hoàn hữu triêm cân giả, Tăng kiến tiên hoàng sơ giáo thì" (Thái lăng di nhạc mục gì hay? Dây màu lên xuống tựa tiên bay. Hàn thực quảng trường phong cảnh đẹp, Trăm người khua trống gõ quàng vai. Loang loáng dây xanh mây nổi tiếp, Gõm lụa trên cao càng thơm phức. Chồng vai liên tiếp ba bốn tầng, Mang hài

giật lùi vẫn đúng nhịp. Hai bên nguy hiểm cứ chông chênh, Nghiêng người cất bước sao nhẹ tênh. Chợt như muốn ngã lại đứng vững, Da gà rợn rợn vạn người xem. Thế hiểm cơ nguy gì cũng có, Nghiêng uốn lưng ong học liêu rủ. Xuống rồi thảy thảy áo sen bày; Phấn mỏng hoa thưa rất lạ kỳ. Người xem có kẻ còn sa lệ, Từng thấy tiên hoàng dạy trước đây). Đú thấy tài nghệ siêu tuyệt của kỹ nữ đi dây.

Sau thời Đường, các kỹ nữ vẫn phát triển nghề tap kĩ, làm nên những giá trị mới trong kho tàng sáng tạo của văn hóa Trung Hoa, đó là điều chúng ta phải khẳng định.

3. Kỹ nữ với hoạt động thể dục

Thể dục là một bộ phận cấu thành văn hóa truyền thống Trung Quốc. Về mặt này, kỹ nữ trong các môn cờ vây, đá cầu, thu thiên, song lục, võ thuật đều có những biểu hiện hơn người.

Lấy cờ vây làm ví dụ, trong kỹ nữ các đời không ít người giỏi môn này. Hiện sao chép các tài liệu có liên quan ra dưới đây:

Thái Bình thanh thoại chép Tiền Đường là hành đô của nhà Tống, trai gái đều đua my, gọi là kiêu dàn. Lúc Tư Lăng lên ngôi Thái thượng hoàng, Hiếu tông chúc thọ Thái thượng hoàng, nhất thời những người ứng chế trước mặt đều là phụ nữ. Về cờ có Thẩm Cô Cô nổi tiếng một thời.

Tề Đông dã ngữ chép Nghiêm Nhụy ở Thiên Thai tự Ấu Phương, giỏi đàn và cờ vây, ca múa đàn sáo thư họa, tài sắc đứng đầu một thời.

Hương Tử Yên trong *Tưu biên* từ viết Triệu Tống Linh có thể đánh cờ chia trà, viết chữ đánh đàn, đưa quạt xin Hương Lâm Hương Tử Yên viết cho bài từ. Tử Yên đưa tặng bài *Cán sa khê* "Diễm Triệu khuynh Yên hoa lý tiên, Ô ty lan

tả Vĩnh Hòa niên, Hữu thời gián lặng tĩnh tâm huyền. Dánh uyển phân vân vi túy hậu, Văn thu tà ý kết hoàn thiêng, Phong lưu mô dạng tổng kham liên" (Yên Triệu người tiên nhất giáo phường, Vĩnh Hòa tranh chữ nét còn hương, Có khi nắn phím dạo cung đàn. Ngơ ngẩn chén trà sau cuộc rượu, Gốc cây ngồi dựa tóc nghiêng buông, Phong lưu dáng vẻ thấy là thương).

Thức tiếu lục chép kỹ nữ đất Ngô Lương Chiêu, tự Đạo Chiêu, nhờ hát hay mà nổi tiếng. Là người phong nhã đúng mực, dáng vẻ như tiên, đàn hay cờ giỏi, viết chữ tiểu khải có bút pháp của Đông Phương Tân trên bia Tào Nga.

Triều Gia phong nguyệt ký chép "Diêm Muội không biết họ gì, có người nói là em Bộc Tiểu cô. Dung mạo xinh đẹp, cử chỉ nhàn nhã, rất có phong thái của Tiểu Cô. Thẩm Tình Thường người đất Chiết tùng tặng thơ rằng: Lan thang thí bài ý tân trang, Hồi ức Vu Sơn kỷ đoạn trường, Bảo thụ tự quy san vồng hậu, Nhất chi hồng diêm độc ngưng hương (Tấm gội vừa xong lại điểm trang, Đau lòng nhớ lại chuyện Vu Sơn, Từ khi cây quý về trong núi, Một nhánh hoa hồng tự giữ hương). Bình sinh không biết đàn hát, rất thích đánh cờ. Khách tới thuyền nếu có ai giỏi cờ vây, nàng sẽ lập tức pha tra bày cuộc, suốt ngày không mỏi. Tình Thường khuyên nàng thoát tịch, Muội im lặng, Thường để thơ lên bàn cờ gửi nàng rằng: Tàn kỳ nhất cục phí tư lường (lượng), Tiểu kiếp tần kinh vị tán trường. Khốn đáo cai tâm tài hồi thủ, Mân bình hoa ảnh dì tà dương (Cờ tàn một cuộc uống lo lường, Nạn nhỏ nhiều phen chưa chán chường. Đến lúc khốn cùng rồi ngoảnh lại, Bóng hoa trong chậu đã tà dương). Muội được thơ rơi nước mắt, nói: Tình Thường quả tình yêu thương ta, xin kính cẩn vâng theo, không phụ lời dạy. Nhưng kẻ đồng tâm khó gặp, đến nay vẫn còn trong khúc viện".

Ngô Môn họa phảng lục chép Thịnh Uyển Hương bày vai thứ nhất, ở trong thành. Người gầy nhỏ xinh xắn, giỏi ca

từ, biết đánh cờ, sống trong khúc viện hèn hạ, nệm sạch rèm thừa, ké lui tới phần lớn là bậc danh sĩ.

Ngô Môn họa phảng tục lục chép Thạch Tiêu Mật, bày vai thứ tư, vốn ở lâu Thúy Vũ trong ngõ Vĩnh Ninh, tên Muội. Xinh đẹp dịu dàng, cổ cao mặt đẹp, lưng thon tóc dài, người thấy dung mạo đều tiếc là không có ngòi bút tuyệt diệu của Trần Tư để tả lại. Giỏi đánh đàn làm thơ, kiêm giỏi cờ vây, cho tới thuật mồm Thương chính, thấy đều hơn người, không hề khoe tài.

Tú Cầm ở Kim Lăng, học cờ vây với Am Định Am ở Thi Chiếu. *Di phổ* của Định Am có ghi lại các thế cờ Thập nhất tử, Thủ cửu tử của Tú Cầm. Có người nói Tú Cầm vốn họ Trương, hiệu Phương Lâm, bày vai thứ hai, là bậc thượng thừa trong cả Nam khúc Bắc khúc.

Hải túu đá du lục chép Thái Vận Khanh quen biết nhiều danh sĩ, Thái Thứ Du, Diêu Mai Bá đều cho là xinh đẹp. Vận Khanh người dong dỏng cao, giỏi cờ vây, thạo đàn cầm, trà kinh tửu phổ không gì không thông hiểu.

Về phương diện đá cầu, thì danh kỹ Nhiếp Đàn Hương thời Nguyên có thể làm đại biểu. *Thuyết tập, Thanh lâu tập* nói nàng “Đá cầu trong dinh quan, đời khen là đứng đầu” dù thấy nàng có tài nghệ đá cầu cao siêu.

Chương 9

Số phận bi thảm của kỹ nữ

I. Cái chết thê thảm của kỹ nữ

1. Thảm cảnh tuẫn táng vô nhân đạo

Tuẫn táng là một hiện tượng xã hội đã từng tồn tại phổ biến trong lịch sử các nước trên thế giới, thường xuất hiện từ cuối thời kỳ xã hội nguyên thủy đến đầu thời kỳ xã hội có giai cấp. Ở Trung Quốc, thời gian lưu hành chế độ tuẫn táng dường như dài hơn các nước khác, hơn nữa ảnh hưởng cũng sâu xa hơn.

Nhìn từ tư liệu khảo cổ và thư tịch, ngay từ thời Hậu Thương, quý tộc chủ nô bắt đầu thịnh hành việc dùng kỹ nữ tuẫn táng. Lấy ngôi mộ số 1001 trong Hầu gia trang ở di chỉ thời Ân thuộc An Dương Hà Nam làm ví dụ, từng phát hiện ở đó có vài mươi bộ xương cơ thiếp. Hiện tượng tuẫn táng này phản ánh sự áp bức của kẻ mạnh đối với kẻ yếu, "sự nô dịch của đàn ông đối với phụ nữ". Ngoài ra, quý tộc chủ nô còn thích giết nữ nô để cúng tế tổ tiên và thần linh. Các từ Chi nữ, Chi thiếp, Hựu nữ, Hựu thiếp, Dụng thiếp, Phật thiếp, Hựu thê, Sách thê, Hựu vũ, Mão vũ, Chi cơ, Hựu nhu, Quyện tiểu thiếp vân vân... trong bối cảnh ở di chỉ thời Ân đều là tên gọi các nữ nô tế tự⁽¹⁾.

Đến thời Xuân thu Chiến quốc, hiện tượng kẻ thống trị dùng kỹ nữ tuẫn táng rất phổ biến. *Mặc tử, Tiết táng hạ* nói

(1) Hồ Hậu Tuyên, *Trung Quốc nô lệ xã hội đích nhân tuẫn hòa nhán tế* (*Thượng hạ thiên*), Văn vật số 7, 8 năm 1974

"Thiên tử chư hầu tuẫn táng, nhiều thì vài trăm người, ít là vài mươi người; các quan văn võ bị chôn theo, nhiều thì vài mươi người, ít cũng vài người". Lại nói "Nay các vương công đại thần tuẫn táng... đủ cả xe ngựa, nữ nhạc". Nhìn từ nguyên tắc tuẫn táng mà đương thời gọi là "(Vua) thích người trong cung thì nữ nhạc phải chết, thích người bên ngoài thì kẻ sĩ phải chết"⁽²⁾ thì trong những kẻ đáng thương ấy chắc chắn có một số kỹ nữ ca múa được chủ ngôi mộ lúc sinh tiền sủng ái. Tư liệu khảo cổ cũng chứng tỏ điều này, như mộ ở Lôi Cổ Tùy huyện tỉnh Hồ Bắc, ngoài phần lớn hiện vật khai quật được là những nhạc khí băng đồng xanh tinh xảo còn phát hiện có 21 người bị tuẫn táng, đều là con gái trẻ, trong đó có 8 người dường như là hầu thiếp, 13 người dường như là nhạc kỹ.

Kỹ nữ tuẫn táng thời Tần càng đạt tới cao trào. Năm 210 trước Công nguyên, Tần Thủy hoàng chết, "tháng 9, chôn Tần Thủy hoàng ở Ly Sơn... Nhị thế nói: Những kẻ không có con trong hậu cung của tiên đế cho ra khỏi cung thì rất bất tiện, sai chôn cả theo, số người chết rất nhiều"⁽³⁾. Như trên đã nói, hậu cung của Tần Thủy hoàng ngoài thê thiếp ra còn có mấy vạn nữ nhạc nổi danh và cung kỹ, vì vậy việc tuẫn táng lần này có quy mô lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Sau thời Tây Hán, hiện tượng dùng kỹ nữ tuẫn táng có giảm nhưng vẫn còn tồn tại. Như đời Hán Tuyên đế, Triệu Mậu vương Lưu Nguyên "ra lệnh các nô tỳ biết đánh đòn chết theo, số bị bức tử có tất cả 16 người"⁽⁴⁾.

Hiện tượng tuẫn táng cung kỹ hoặc gia kỹ đến thời Minh vẫn lưu hành không giảm. *Minh sử*, *Hậu phi truyện* nói "Lúc đầu Thái tổ băng hà, nhiều cung nhân phải chết theo. Trong các niên hiệu Kiến Văn, Vĩnh Lạc, những kẻ được ưu

(2) Quốc ngữ, Lỗ ngữ ha.

(3) Sử ký, Tần Thủy hoàng bản kỷ.

(4) Hán thư, Mậu vương Nguyên truyện.

tuất nỗi nhau như các nhà Trương Phụng, Lý Hành, Triệu Phúc, Trương Bích, Uông Tân đều từ các chức Thí bách phòng, Tân ky đời dao xá nhân trong Cẩm y vệ được thăng tới chức Thiên hộ Bá hộ, đời đời thế tập, người ta gọi là "Nhà thiên nữ triều Thái tổ". Trải qua các đời Thành tổ, Nhân tông, Tuyên tông đều dùng người tuẫn táng, vua Cảnh đế khi Thành vương chết vẫn dùng lệ này. Các vương phủ đương thời đều như thế, đến khi Anh tông ra di chiếu mới bắt đầu bãi bỏ.

2. Sự dâm sát đáng sợ

Ngoài việc thi hành tuẫn táng vô nhân đạo đối với kỹ nữ như đã nói trên, trong lịch sử Trung Quốc còn tồn tại hàng loạt chuyện cưỡng đoạt rồi giết kỹ nữ khiến người nghe phải rùng mình.

Tào Tháo thời Tam quốc có một kỹ nữ nhan sắc tài nghệ siêu quần, nhưng Tào Tháo chê tính tình không tốt, bèn tàn nhẫn giết chết⁽⁵⁾. Thạch Sùng thời Tây Tấn mỗi lần mời khách tới nhà ăn tiệc là sai tất cả các gia kỹ xinh đẹp rót rượu hầm, nếu khách nào uống rượu không thật say liền giết ngay người kỹ nữ hầm rượu⁽⁶⁾. Vương Khải thời Tây Tấn có lần mời bạn Vương Đôn tới làm khách trong nhà, trong tiệc sai một kỹ nữ thổi sáo, người kỹ nữ thổi hơi sai khúc điệu, Vương Khải liền đánh chết⁽⁷⁾. Dời Đường Văn tông, kỹ nữ Trịnh Trung Thừa trong cung giỏi đánh đàn tỳ bà, vì sơ ý xúc phạm ý chỉ của hoàng đế, liền bị that cổ chết rồi ném xác xuống sông.

Tuy nhiên so với các hành vi bạo ngược nói trên, hình phạt "lột da" của Dương Chính thời Nam Tống phải được kể là tàn nhẫn nhất. Theo sử sách, danh tướng Dương Chính thời Nam Tống có "mấy chục cơ thiếp, đều giỏi ca múa". Nhưng

(5) Thể thuyết tân ngũ, Phản quyền.

(6) Thể thuyết tân ngũ, Thái xi.

(7) Thể thuyết tân ngũ, Thái xi, dẫn từ Vương Thừa tướng đức âm ký.

Dương Chính "tính vốn tàn nhẫn, thích giết người", "cơ thiếp hơi có chuyện không vừa ý ắt dùng gậy đánh chết rồi lột da từ đầu đến chân, đóng đinh lên vách, đến khi khô cứng mới gỡ ra ném xuống sông". Số kỹ nữ bị giết như thế có tới hơn hai ba chục người, thật khiến người ta phát sợ, thảm tuyệt nhân hoàn. Thậm chí trước khi sắp chết ông ta còn sai tráng sĩ dùng dây siết cổ các kỹ nữ được sủng ái để tuẫn táng⁽⁸⁾. Từ những hành vi bạo ngược cho đến vô cùng tàn nhẫn của vài gia chủ dã nói trên, chúng ta không khó hình dung ra số phận bi thảm của các kỹ.

Nhưng điều ghê rợn nhất là một số hoạn quan hoàn toàn mất hết khả năng tính dục còn ngược đãi tính dục đối với kỹ nữ. Ví dụ *Van Lịch dã hoạch biên* quyển 6, mục *Hoạn tự tuyên dâm* chép "Gần đây ở kinh đô có một tiểu thái giám ương bướng, lấy dương vật giả nhét vào âm đạo tiểu xương không rút ra được, nàng bị trưởng bụng mà chết, bị xử phài bồi thường. Chuyện kỳ quái trên đời cái gì không có?". Cái gọi là "tiểu xương" ở đây chỉ kỹ nữ nhỏ ở giáo phường. Loại bi kịch thê thảm vô nhân đạo này chính phản ánh chân thực tâm lý bạo dâm và sự méo mó trong sinh hoạt tình dục của khách chơi.

3. Tìm cái chết để giải thoát

Từ xưa đến nay, kỹ nữ vì không chịu nổi bị lăng nhục và giày vò mà phẫn uất tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc thắt cổ, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc đập đầu vào tường, hoặc nhảy xuống lầu mà chết, không biết tất cả bao nhiêu. Chết trở thành một con đường để họ tự giải thoát khỏi những tao ngộ phi nhân, kết thúc cuộc sống dưới địa ngục.

Vụ tự sát của danh kỹ Triệu Phi Yến thời Tây Hán mang đủ tính hài kịch. Nàng vốn là kỹ nữ ca múa của chủ quý

(8) Phùng Mộng Long, *Tình sử, Tình si loại*.

tộc Dương A Công, vì lọt vào mắt xanh của Hán Thành đế nên được triệu vào cung, ban hiệu là Chiêu nghi "Chiêu hiến kỳ nghi, thị long trọng dã. Chiêu nghi vị thị Thừa tướng, tước tý chư hầu vương" (Làm sáng nghi lễ, bày tỏ sự long trọng. Ngôi vị Chiêu nghi ngang với Thừa tướng, tước sánh với các vua chư hầu)⁽⁹⁾. Từ đó Triệu Phi Yến trở thành người được sủng ái nhất trong các phi tần trong điện Chiêu Dương. Ngày Bính dần tháng 6 năm 16 trước Công nguyên (Vịnh Thủy nǎm thứ 1), do Triệu Phi Yến có nhan sắc tài nghệ và cơ trí xuất chúng nên giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành sự sủng ái trong Hán cung, được Hán Thành đế lập làm hoàng hậu. Năm 7 trước Công nguyên (Tuy Hòa nǎm thứ 2) Hán Thành đế vì dâm dục quá độ chết trong vòng tay em gái của Triệu Phi Yến là Triệu Hợp Đức. Năm sau Hán Ai đế Lưu Hân nối ngôi, vì lúc tranh ngôi thái tử Lưu Hân từng được Triệu Phi Yến giúp đỡ nên tôn phong Triệu Phi Yến làm hoàng thái hậu, nhưng lúc bấy giờ quyền lực của Triệu thái hậu đã không còn cơ sở gì, chỉ có trên danh nghĩa. Sau khi Hán Ai đế băng hà, Hán Bình đế Lưu Thích dưới sự tôn lập của Vương Mãng là cháu của Vương thái hậu lên kế vị, không bao lâu, Hán Bình đế ban chiếu thư lên án Triệu Phi Yến "không giữ đạo làm vợ, không phụng thờ lễ nghĩa, mà lòng dạ còn độc ác như lang sói, phế truất làm thứ dân"⁽¹⁰⁾. Triệu Phi Yến làm hoàng hậu 16 năm, ngay sau hôm biết được tin này liền tự sát chết trong cung.

Kỹ nữ nổi danh thời Tây Tấn Lục Châu là gia kỹ của Thạch Sùng, rất được Thạch Sùng sủng ái. Thời Triệu vương Luân chuyên quyền, bè đảng Vương Luân là Tôn Tú nêu đích danh đòi Thạch Sùng phải giao Lục Châu, bị Thạch Sùng cự tuyệt, về sau Thạch Sùng bị bắt, Lục Châu bị bức nhảy xuống lầu Kim Cốc mà chết⁽¹¹⁾.

(9) Cổ kim đồ thu tập thành, Tân phi bộ.

(10) Hán thư, Ngoại thích truyện.

(11) Tân thư, Thạch Bao truyện.

Hầu phu nhân, kỵ nữ trong cung Tùy Dạng đế. Cuối đời Tùy Dạng đế lo xây dựng lâu dài, kiến tạo "mê lâu", chọn mấy ngàn mỹ nữ trong cung cho vào ở đó. Nhưng cung nữ Hầu phu nhân dung mạo xinh đẹp tài hoa lại không được tuyển, vì vậy nàng oán hận tự thắt cổ chết. Trước lúc chết làm bài thơ *Tự thương*, thở lô việc bắn thân gấp bát hạnh sau khi bị thắt súng:

*Sơ nhập thừa minh nhật, Thâm thâm báo Vị Ương.
Trường Môn thất bát tải, Vô hạ kiến quân vương.
Xuân hàn nhập cốt thanh, Độc ngoại sâu không phòng.
Táp lý bộ định hạ, U hoài không cảm thương.
Bình nhặt thân ái tích, Tự dâng khước phi thường.
Sắc mỹ phản thành khí, Mệnh bạc hà khả lường.
Quân ân thực sơ viễn, Thiếp ý tung bàng hoàng.
Gia khởi vô cốt nhục, Thiên thân lão bắc đường.
Thử thân vô vũ dục, Hà kể xuất cao tường.
Duy mệnh thành khả trọng, Khi cát lương khả thương.
Huyền bạch chu đồng thương, Can trường như phi thang.
Dẫn cảnh hữu tự tích, Hữu nhược ty khiên tường.
Nghị nhiên tựu địa tử, Tùng thử quy minh hương⁽¹²⁾.

(Vào cung đang buổi sáng, Ôn sâu chốn Vị Ương.
Bảy tám năm cung cấm, Không được thấy quân vương.
Xương gầy xuân lạnh run, Một mình sâu trong phòng.
Kéo dép trước đình viện, Luống u hoài cảm thương.
Bình nhặt được yêu dấu, Tự nghĩ cũng phi thường.
Sắc đẹp bị ruồng bỏ, Phận bạc thật khôn lường.
Ôn vua thật xa thăm, Ý thiếp vẫn bàng hoàng.
Há không còn cốt nhục, Đơn độc xót huyên đường.
Chẳng như chim có cánh, Làm sao vượt khỏi tường.
Vâng mệnh thật đáng trọng, Dứt tình thật đáng thương.
Dây lụa treo rường chạm, Tan nát cả can tràng.*

(12) Toàn Hán Tam quốc Tấn Nam Bắc triều thi.

Vươn cổ lại tự tiếc, Tơ mềm còn vẩn vương.
Dốc lòng quyết ý chết, Từ nay lìa nhân gian)

Danh kỵ Trường Anh thời Đường là Lý Muội, xinh đẹp tuyệt thế, ca múa hơn người, được Tiết độ sứ Đồng Châu bỏ ra mười vạn lượng bạc mua về làm thiếp, sủng ái một thời. Về sau vì nàng chen vào việc chính sự, bị Tiết độ sứ nhốt vào trong một ngôi nhà riêng ở một nơi đơn độc, nhờ Long Châu Tiết độ sứ Trương Hầu quản thúc thay. Trong thời gian đó, Lý Muội nhiều lần bị Trương Hầu "bốn cột lá loi". Lý Muội bị ô nhục, trượng phu lại lâu không tới, suốt ngày tự than thở hồng nhan bạc mệnh, thân hoa không nơi gởi gắm, tài nghệ một đời không nơi thi thố nên bi phẫn thành bệnh, lại không có ai bầu bạn chăm sóc, đau chuyện xưa xót chuyện nay, than thở đời người dăng dặc, nhân tình thế thái bạc bẽo, sau khi đau buồn, tự thắt cổ chết⁽¹³⁾.

Hàn Hương là danh kỵ Từ Châu thời Tống, "tài sắc đứng đầu một thời", rất thân thiết với con Diệp Đại tướng quân trấn thủ Từ Châu, sớm tối không rời. Diệp tướng quân chỉ có một con trai, chỉ mong y học hành làm quan, làm rạng rỡ tổ tiên, nay lại thấy y say mê gái thanh lâu, cả nhà cũng không về, vì vậy tức giận bắt Hàn Hương tới quân doanh, tặng cho một lão lính già lấy làm vợ. Hàn Hương không chịu nổi nhục nhã, tự đâm cổ chết⁽¹⁴⁾.

Danh kỵ Gia Hưng thời Nguyên là La Ái Ái, xinh đẹp tuyệt trần, tài nghệ siêu quần, rất được danh sĩ Giang Nam khâm phục, gọi là La Ái Khanh để bày tỏ sự mến mộ. Năm Chí Chính thứ 16 Trương Thành đánh chiếm Tô Châu, năm sau triều đình cử Dương Súng xuất binh trấn áp. Quan quân nhà Nguyên là Lưu Vạn hộ nhân lúc binh lính cướp phá Gia Hưng, ép La Ái Ái làm thiếp, La Ái Ái không chịu được nhục nhã nên thắt cổ tự tử.

(13) (14) Mai Đinh Tộ, *Thanh nê liên hoa ký*, quyển 5.

Danh kỵ thời Minh là Vương Kiều Nhi từng giúp Đốc phủ Giang Nam chiêu hàng bọn Nuy khấu Từ Hải, nhưng sau khi thành công lại bị Đốc phủ lăng nhục, đem tặng cho tù trưởng Vinh Thuận. Vương Kiều Nhi căm phẫn, nhảy xuống sông tự vẫn.

Danh kỵ Trần Viên Viên thời Minh Thanh rất được Ngô Tam Quế sủng ái, trở thành Trần nương nương ở Vân Nam, tôn quý hết mức. Sau khi quân Tam Quế bại trận, Trần Viên Viên không chịu nổi việc bị quân Thanh làm nhục, miệng niệm kinh Phật, chạy theo đường tắt đến ao Hà Hoa trong am Tam Thánh, nhẹ nhàng kết thúc một đời đau khổ.

Danh kỵ Tô Châu Trương Ý Nương, "tài nghệ đứng đầu một thời", bị khách chơi nhà giàu độc ác là Tưởng Mỗ bắt giam, Tưởng Mỗ làm nhục, bức nàng phải xuất gia làm ni cô, nhưng vẫn không buông tha, sai tuyệt đường lương thực. Ý Nương cùng quẫn, cuối cùng tự thắt cổ chết.

4. Gái phong trần chết yếu

Các phụ nữ phong trần xuất thân kỵ nữ ắt phận bạc như giấy, thường chết từ lúc trẻ. Danh kỵ Tiên Đường thời Nam triều là Tô Tiểu Tiểu lúc chết chỉ mới 22 tuổi. Diệu Ngọc Kinh, Chân Nương, Trương Hồng Hồng, Quan Miến Miến, Nhan Lệnh Tân, Thời Vi, Khấu Bạch Môn, Phàn Hương Ca, Triệu Mai Ca, Tiểu Ngọc Mai, Dương Mai Nô, Phùng Ái Sinh vân vân phần lớn đều chết lúc trên dưới 20 tuổi. Những kỵ nữ này "tuy nổi danh mà không sống lâu", có kẻ "rạng rỡ mà chết", có kẻ "tiểu tụy mà chết", có kẻ "ôm hận mà chết", khiến người ta than tiếc, phù hợp với câu danh ngôn "má hồng phận bạc" của Trung Quốc thời cổ.

Đối với những kỵ nữ gặp cảnh không may này, mọi người có mối thương cảm sâu sắc. Như Tiên Ngu Sơn có thơ thương tiếc Khấu Bạch Môn rằng:

*Tùng tàn hồng phấn niệm quân ân,
Nữ hiệp thùy tri Khẩu Bạch Môn
Hoàng thổ cái quan tâm vị tử,
Hương phong nhất lũ thị phượng hồn*
(Son phai phấn nhạt nhớ quân vương
Nữ hiệp ai bằng Khẩu Bạch Môn
Xuống cõi tuyễn dài lòng chúa chết
Gió thơm thoang thoảng ấy anh hồn).

II. Sự thống khổ của kỹ nữ

Sự thống khổ của kỹ nữ biểu hiện trên nhiều phương diện, hoặc từ sự áp bức của quan phủ hoặc do tú bà ngược đãi, hoặc vì khách chơi coi khinh, hoặc do sự khinh khi của bọn lưu manh hạch sách, thậm chí có khi còn kéo dài tới cả những lúc vợ chồng tranh cãi sau khi hoàn lương lấy chồng.

1. Quan phủ áp bức

Đối với kỹ nữ mà nói, họ không những phải biểu diễn tài nghệ ca múa miễn phí cho quan mà còn luôn luôn đảm nhiệm việc làm công cụ thỏa mãn nhục dục cho kẻ thống trị. Trong thời Đường Tống có rất nhiều kỹ nữ trở thành vật hy sinh trong cuộc tranh quyền đoạt lợi của những kẻ thống trị, bị đù cợc hình tàn khốc như Sở Nhi thời Đường, Tiết Hy Dao, Nghiêm Nhụy... thời Tống.

Tình trạng bị đè nén của kỹ nữ thời Nguyên nặng nề hơn so với thời Đường Tống. Họ một sớm bước vào lầu xanh thì khó thoát khỏi bể khổ. Cho dù đóng thuế đúng pháp luật cũng khó có thể tránh khỏi bị cưỡng ép trưng dụng vào cung vua, vào phủ các quan, trở thành công cụ mua vui cho kẻ thống trị. Rất nhiều người trong số họ bị kẻ thống trị cưỡng ép và bá chiếm, khiến gia đình chia lìa. Thuận Thời Tú được gọi là Giai nhân đất Yên là một trong những người bị cưỡng bức vào cái

gọi là "Trương trung nhạc bộ năm ngàn người", tới như quan lại lớn nhỏ lại càng coi việc chơi gái mua vui như cơm bữa, động một chút là đem kỹ nữ đi bồi tiệc hầu rượu, đương thời gọi là Gọi hầu quan (Hoán quan thân), giả sử kỹ nữ nào Lỡ việc hầu quan (Thất ngộ quan thân) liền bị trách mắng xử phạt.

Quan lại quý tộc, những nhà quyền thế giàu có không chỉ cậy thế đùa giỡn lăng nhục kỹ nữ mà có kẻ còn cưỡng ép họ làm thiếp thỏa mãn thú tính. *Nguyên khúc chương* nói "Các nhà quan lại cường hào giàu có vung tiền như rác, cưỡng ép các phụ nữ nổi tiếng giỏi ca múa làm cái mà người khác không muốn làm, biết trang điểm, trẻ tuổi về hầu hạ, ngầm bịa đặt chúng cớ mai mối, cưới làm thê thiếp". *Thượng cao giám từ* của Từ khúc gia thời Nguyên Lưu Thời Trung cũng vạch rõ hiện tượng này "Nhà nhà dốc ngọc trút vàng lấp tiền bạc, kẻ kẻ mổ dê chơi gái khoe phong lưu. Khách chơi khắp chốn xưng nhân vật, Sắc đẹp đa mang cưới phấn hương".

2. Chủ chứa ngược đãi

Phần lớn kỹ nữ hoàn toàn không có quyền tự do cá nhân, họ là bò dê cho người ta tùy ý mổ xẻ, không có sự đảm bảo tính mạng, tự nhiên cũng không tránh khỏi sự ngược đãi của chủ nhân hay chủ chứa.

Đa số chủ chứa trong kỹ viện đều tâm địa tàn độc thủ đoạn độc ác, quả thật có thể gọi là mặt người dạ thú. Họ chỉ cần có lợi là làm, về cơ bản mặc kệ sự sống chết của kỹ nữ. Người kỹ nữ trong "địa ngục trần gian", không thể nói tới nhân cách, chẳng qua chỉ là Cây tiền của chủ chứa. Kỹ nữ tiếp khách ít, không kiểm được tiền, hoặc chiêu đãi khách không chu đáo, hoặc đãi khách quá nhiệt tình, hoặc tham ngủ dậy trễ, hoặc không cẩn thận làm trái quy định của kỹ viện, hoặc không làm vừa lòng chủ chứa vẫn vẫn đều nhất định bị đánh đập tàn nhẫn. Đến đúng giờ, chủ chứa ngồi chêm chệ trên

công đường riêng của mình thiết lập, tay cầm roi da, nghiêm như phán quan của Diêm vương, vô cùng hung ác, ra oai làm bậy. Mà kĩ nữ chỉ có thể quỳ dưới chân chủ chứa, bão sao làm vậy, để mặc chủ chứa xử phạt thế nào cũng được. Mỗi lúc chịu xử phạt, kĩ nữ tuy bị đánh đập tàn nhẫn vẫn phải cắn răng chịu đựng, xé lòng nát ruột, khiến người ta thương tâm không chịu nổi, tai không nỡ nghe. Kĩ nữ tuy bị đánh đập tàn khốc vẫn phải nín nhịn chịu đựng, nếu dám to gan kể lại với người ngoài sẽ gặp họa sát thân. Vả lại mỗi khi kĩ nữ ra vào nhất định phải có một hai người cùng đi, theo sát giám thị, sợ họ không chịu nổi giày vò sẽ bỏ trốn.

Kĩ nữ không chỉ thường bị chủ chứa hành hạ thân xác mà về mặt sinh lý cũng bị giày vò rất lớn. Nhưng dám chủ chứa không có chút nhân tính này vì đồng tiền nên ngay cả kĩ kinh nguyệt của kĩ nữ cũng không cho họ được nghỉ ngơi⁽¹⁵⁾. Vì không muốn kinh nguyệt của kĩ nữ ảnh hưởng đến tâm tình của khách chơi, chủ chứa kĩ viện tìm đủ cách làm kĩ nữ tắt kinh. Họ ép kĩ nữ uống thật nhiều giấm chua, hoặc cô đặc cho uống, hoặc đun sôi bắt xông, thủ đoạn rất dã man tàn bạo. Phương pháp này khiến kĩ nữ thường bị bệnh về huyết, đến kĩ kinh nhưng không thấy kinh nguyệt mà máu miệng máu mũi không ngừng chảy ra. Thời gian kéo dài, khả năng sinh đẻ của kĩ nữ cũng tự nhiên mất hẳn.

Sự ngược đãi của chủ chứa còn khiến đa số kĩ nữ bị bệnh về dạ dày vì ăn uống không có giờ giấc. *Nhân gian địa ngục* hồi 23 đã ghi chép nỗi khổ này của kĩ nữ:

"Liên Tôn thấy khách đã về hết, trả tiền rượu xong cũng định đi. Thu Ba kéo lại nói "Má má và dì Năm đi rồi, bây giờ tôi cũng không phải ra hát nữa, sao

(15) Theo quy củ của kĩ viện, lúc kĩ nữ có kinh nguyệt, chỉ được nghỉ vào ngày ra nhiều nhất, thời gian còn lại vẫn phải tiếp khách như thường. Vả lại trong hôm được nghỉ ấy, cũng chỉ là không tiếp đái khách Ngủ lại, chứ vẫn phải Ra cuộc.

anh không ngồi cạnh tôi một lát, đợi tôi ăn cơm xong
hãy đi được không?". Liên Tôn hỏi "Tại sao đến giờ cô
còn chưa ăn cơm? Không đói bụng à?". Thu Ba nói
"Thường như vậy, đói quen nên cũng không thấy đói
nữa". Bà dì A Mao nói xen vào "Sao không đói? Tại
không nói ra thôi. Đừng nói các cô từ chập tối đến nửa
khuya ra hát mấy chục lần, lên lầu xuống lầu rất mệt,
ngay chúng tôi ngồi yên ở nhà chờ các cô về cùng ăn
cơm mà có lúc cũng đói bụng sòi ống ọc". Kha Liên Tôn
nói "Thật ra chín mười giờ có thể về ăn cơm, ăn xong
lại Ra cuộc cũng không muộn". Thu Ba nói "Chưa đến
khuya ăn cơm không yên, thường vừa bụng chén cơm
lên, một hồi chuông reo lên, người gọi tới Đường xướng,
đành phải buông chén dũa để đi. Nán ná một chút kể
giục Ra cuộc đua nhau tới thúc hối, có ăn cũng nuốt
không trôi, có lúc ăn cơm xong lau mặt rồi mới đi,
khách đã về hết, rời Đường xướng trở về bị má má
chửi. Vì vậy quen rồi, tóm lại dù thế nào cũng chuông
đánh 12 giờ khuya mới ăn cơm".

So với kỹ nữ thành niên, cuộc sống của kỹ nữ trẻ càng
bi thảm hơn. *Nhân gian địa ngục* hồi 75 chép lại những lời tố
 cáo đầy máu và nước mắt của kỹ nữ trẻ Lão ngũ Sở Quán:

"Trong kỹ viện phong khí được coi là hàng đầu,
những người Bán mình họ mua về đều không bó chân,
dĩ nhiên tôi cũng không bó chân. Không bó chân thì
làm việc tiện hơn một chút, họ chỉ nói một câu Tay
chân các ngươi thô kệch làm sao làm việc tốt được?
Đáng thương thật! Tôi lúc bấy giờ bất kể xuân hạ thu
đông, cả ngày cứ đi chân trần. Đáng thương nhất là
mùa đông, bàn chân bị nứt nẻ không đi nổi, nhưng họ
vẫn không buông tha, vẫn bắt làm việc. Đêm khuya họ
không ngủ, cô cũng không thể ở khôn. Đến sáng họ có
thể ngủ nướng, tùy tiện dậy lúc nào cũng được. Cô lại

đúng 7 giờ phải dậy, đồ thùng xí, mua điểm tâm, quét nhà, lau bàn ghế, cứ thế bắt cô phải làm, cô nào hơi có việc trái ý một chút thì sống dở chết dở. Lúc ấy tự mình cũng cảm thấy ba phần không giống người, bảy phần không giống quỷ, ngay việc tới trước mặt người ta cũng không dám, người ta thấy mình như vậy cũng thấy chán ghét. Ma quỷ dưới địa ngục cũng chỉ chịu khổ đến thế là cùng. Đến 12, 13 tuổi dần dần họ cho tôi giày cũ đã đi, bắt luận chân lớn hay nhỏ cũng cho một hai đôi. Giày hơi lớn, tôi cũng đành phải kéo lê để đi, giày hơi nhỏ, không cách nào xỏ vào được, đành phải đạp bếp gót giày. Năm mới gặp ngày Tết ngày lễ cũng thất một bím tóc, khó có được một hai bộ đồ mới. Đến 14 tuổi tôi lớn lên rất nhanh, bà ta cũng dần dần nhìn tôi bằng con mắt khác. Trước mặt mọi người bà ta nhận tôi là con gái, bảo tôi đổi gọi bà ta là má. Cuối nửa năm đó bà ta đưa tôi đến Đường tử, lúc đầu thử làm một Chị lớn nhỏ, ở trong phòng hầu hạ khách, có lúc theo lên Đường xướng. Tôi cũng mơ hồ không biết Đường xướng là nơi thế nào nhưng có điều cũng cảm thấy so với quanh năm suốt tháng đi chân không, đêm không được nghỉ ngơi, suốt ngày phải làm đầu tắt mặt tối còn đỡ hơn nhiều! Đường tử là một nơi khoái hoạt, chị em lại đóng, mọi người hi hi hô hô, so với trước đây thì được rảnh rỗi hơn, tôi cũng cảm thấy tốt. Năm 15 tuổi, má bèn đưa tôi đi, đổi qua Đường tử khác. Họ bắt tôi làm tiểu tiên sinh ra Đường xướng, tôi giống như lại cao thêm một bậc, có điều thân xác hoàn toàn không phải của tôi nữa. Mùa này vào Đường tử này, mùa sau lại ôm gói tới Đường tử khác. Tôi phải nghe người ta chỉ huy, ăn chén cơm Đường tử, bà ta an nhiên đòi lấy phần của bà ta".

3. Khách chơi ức hiếp

Vì kỹ viện là nơi mua bán xác thịt, một khi khách chơi bỏ tiền ra thì có quyền sai khiến, chi phôi quyền lợi kỹ nữ. Họ thường nói ra miệng "Lão già có tiền mua thân xác của người, thích chõ nào thì cắt chõ đó". Khách chơi để tìm cảm giác khoái lạc tột đỉnh thường dùng được vật hoặc dâm cụ để tiến hành tính giao. Như khách chơi thời Minh Thanh thường dùng các phương thuốc, dâm cụ như Đàn thanh kiều, Lưu hoàng quyền, Tỏa dương hoàn, Cổ tinh hoàn, Hứng dương hoàn, Yết bì hương và Đằng tân. Điều này đúng như kỹ nữ Kim Chung Nhi nói "Đem xương thịt toàn thân thí cả ra, cho bọn họ đêm đêm giày vò"⁽¹⁶⁾. Kim Bình Mai hồi 59 tả cảnh Tây Môn Khánh uống thuốc cường dương giao hoan với kỹ nữ Trịnh Ái Nguyệt, sau khi Tây Môn Khánh uống thuốc, Trịnh Ái Nguyệt chau mày cố chịu đựng, không chịu nổi vì quá to, liên tiếp van xin. Nhưng Tây Môn Khánh "có cảm giác lâng lâng bay bổng, cứ thế làm tới, khôn xiết vui sướng". Từ đó đủ thấy khoái cảm của khách chơi được xây dựng trên sự đau đớn xác thịt của kỹ nữ.

Không chỉ vậy, một số khách chơi khi nỗi cơn cuồng dâm thường thi hành ngược đai tính dục với kỹ nữ. Họ thông qua việc đấm, đá, cắn, cào, đánh roi kỹ nữ để phát tiết sự dâm dục, hiện tượng này rất thường thấy trong lịch sử. Ở đây nêu ra hai ví dụ về cách ngược đai tính dục bằng roi vọt.

Hầu tinh lục của Triệu Đức Lân đời Tống chép:

"Thái thú Tuyên Thành Lã Sĩ Long rất thích vì một tội nhỏ mà phạt đánh trượng các ca kỹ trong doanh. Về sau trong nhạc tịch gặp được một kỹ nữ, tên là Lê Hoa, giỏi ca hát, nổi tiếng ở Giang Nam, Sĩ Long rất yêu mến. Một hôm, lại định đánh gậy quan kỹ, kỹ nữ khóc nói: Tôi không dám tránh tội, chỉ sợ người mới tới không yên tâm ở lại thôi. Sĩ Long cười mà tha".

(16) *Lục dã tiên tông*, hồi 54

Du Việt thời Thanh trong *Hữu dài tiên quán bút ký* chép:

"Đời Càn Long có Mô Giáp được phong chức Huyện úy tới làm việc ở Vân Nam, chưa đầy một năm đã chết, không có con, chỉ có một vợ, một em vợ, một đầy tớ và một bà vú. Ở đó không bao lâu, em vợ cũng chết, đầy tớ và bà vú bỏ đi hết, vợ còn trẻ đẹp ở nhờ nhà dân, lâu quá không có gì ăn, đi giặt quần áo thuê cho người ta để sống, mười ngón tay rướm máu vẫn không tránh khỏi rét. Có bà già hàng xóm chuyên làm mồi giới cho quan, một hôm qua nói với nàng: Sao tự làm khổ mình như vậy? Nay ta có một cách, có thể tạm qua cơn rét, có thể làm theo không? Người đàn bà hỏi cách nào, bà già nói: Quan huyện mới trẻ tuổi may mắn thành đạt, lại hâm mộ Đạo học, thích đánh các kỹ nữ, lúc đánh át lột hết quần áo, kỹ nữ lấy làm nhục nhã, bỏ ra nhiều tiền xin tha không được, bèn lấy nhiều tiền tìm người chịu đòn thay cũng không ai chịu làm, nếu có thể chịu đòn thay họ, tôi sẽ hẹn với các kỹ nữ, chịu một gậy thì được một ngàn đồng, người trong dinh đều được kỹ nữ hồi lộ, át là đánh đập nhẹ tay, và lại thân xác thì đúng nhưng tên họ thì sai, cũng không làm nhục người dưới suối vàng. Người đàn bà vì nghèo thất chí, bèn theo kế ấy. Từ đó trở đi trong huyện có kỹ nữ nào bị giải lên quan, đều do bà già ấy giới thiệu người đàn bà chịu đòn thay, đám nha dịch trong huyện đều biết rõ, đều cười người đàn bà ngu xuẩn vô sỉ. Nhưng người đàn bà nhờ đó dành dụm được hơn hai trăm lượng vàng, đưa linh cữu chồng về quê chôn cất".

Trong lịch sử Trung Quốc còn có khách chơi sử dụng cách thức để bức hại kỹ nữ bằng cái gọi là Phong lưu trấn, Nhục bình phong, Kỹ vi, Noãn thủ, Nhục dài bàn... Thân vương Hải thời Đường gấp ngày mùa đông đòi kỹ nữ ngồi vây

xung quanh mình để cảm khì lạnh, gọi là Màn kĩ nữ (Kỹ vi)⁽¹⁷⁾. Kỳ vương Thiếu thời Đường hiếu sắc, mỗi khi đến mùa đông giá lạnh, không chịu sưởi lửa cho ấm tay mà áp tay vào ngực kĩ nữ, xoa bóp da thịt, gọi là Sưởi tay (Noãn thủ)⁽¹⁸⁾. Tôn Thịnh thời Nam Tống làm quan tới chức Tư không, mỗi khi ăn không bày bàn ghế, sai các gia kĩ mỗi người bưng một món đứng quanh hầu hạ, gọi là Mâm cơm thịt (Nhục đài bàn)⁽¹⁹⁾. Lúc Đường Minh hoàng và Dương Quý phi yến ấm uống rượu, thường "sai Phi tử thống lĩnh cung kĩ hơn trăm người, mình thống lĩnh hơn trăm tiểu thái giám, xếp thành hai hàng ở trong Dịch đình, gọi là Phong lưu trận, giao đấu qua lại làm vui"⁽²⁰⁾. Nghiêm Thế Phòn thời Minh càng hoang đường hơn, lão chơi cờ Song lục mà không cần động tay, dùng nệm gấm để dệt thành bàn cờ, bảo 32 gia kĩ đứng theo vị trí quân cờ khác nhau, lão hô quân nào tiến hoặc lùi, các kĩ nữ liền vâng dạ chạy đến vị trí đó, gọi là Song lục thịt (Nhục Song lục), lão khạc đờm cũng không dùng ống nhỏ mà sai gia kĩ há miệng ra hứng, nên gọi là Ông nhỏ thơm (Hương thoa mảnh).

4. Lưu manh hạch sách

Kĩ nữ có quan hệ vô cùng mật thiết với lưu manh xã hội đen, đây không chỉ vì đại đa số kĩ viện đều do lưu manh mở ra, mà họ còn là "thân bảo hộ" của kĩ nữ. Kĩ nữ cần nhờ lưu manh bảo hộ vì thân cô thế yếu, tính mạng không hề được đảm bảo, thường phải nhờ họ giúp đỡ, lấy họ làm chỗ nương tựa, ứng phó với muôn vàn phiền phức không thể tránh khỏi như quan địa phương gây khó dễ, khách chơi phá phách vân vân. *Thượng Hải hắc mạc hối biến* của Tiền Khả Sinh chép:

(17) Vương Nhân Dụ, *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự; Xoa tiêu chí*

(18) *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự.*

(19) *Xoa tiêu chí*

(20) *Khai Nguyên Thiên Bảo di sự*

"Kỹ viện gà lẽ phải dựa vào một ông trùm (Đại bài đầu) làm bùa hộ mệnh, nếu không thì không thể đứng được, như lôi kéo khách ngoài đường là phạm pháp, theo lệ cũ phải bắt vào phòng Tuần bổ phạt một đồng bạc, theo luật mới ban hành năm ngoài sau khi bị bắt vào phòng Tuần bổ giữ lại một đêm, sáng hôm sau giải lên công đường phạt từ năm đến mười đồng, nhưng nếu có ông trùm thì không bị bắt".⁽²¹⁾

Cái gọi là "ông trùm" ở đây tức thủ lĩnh lưu manh bang hội. Dương nhiên, kỹ nữ mời bọn lưu manh ác bá đảm nhiệm vai trò chủ đạo, che chở nghề kỹ nữ phải trả một cái giá rất đắt. Có rất nhiều lưu manh ác bá thường thừa cơ hạch sách lường gạt để lấy tiền mồ hôi nước mắt của kỹ nữ, ngồi giữa thu lợi. *Cửu vĩ quy hồi* 90 đã miêu tả tình trạng này rất sinh động.

Nguyên quy củ của vùng Tô Châu, người đứng đầu Đường tử đứng ra mở bảng hiệu, thường có rất nhiều lưu manh địa phương tìm tới để kiểm xác. Chủ kỹ viện thấy bọn lưu manh này ắt phải đưa vài đồng hay phải ngọt ngon với họ, họ mới chịu bỏ đi. Nếu không họ sẽ đập phá kỹ viện, đắc tội với khách. Những khách này đều là người có gia đình, thấy bọn lưu manh kia làm sao không sợ? Dĩ nhiên tất cả bị dọa đều sẽ không dám tới nữa. Bọn lưu manh này luôn luôn liều mạng náo loạn, quậy phá tới mức trời long đất lở, nhất định phải có tiền mới chịu thôi. Ngoài các Đường tử trong tô giới mà chúng sợ bị Tuần bổ bắt nên không dám tới quậy phá, những nhà Đường tử còn lại trong thành ngoài thành đều là chén cormanh áo của chúng. Chủ chứa gấp bọn lưu manh này không ai không sợ run bần bật, không những không dám có chút đắc tội mà còn phải vui vẻ cho qua chuyện. Nếu là tư xưởng Cửa khép hờ, vốn không có bao nhiêu khách, nếu bọn lưu manh không biết thì thôi, chứ nếu bị chúng đánh hơi thấy thì nhất định sẽ

(21) *Thượng Hải hắc mạc hối biên*, tập 2, quyển 8, trang 3

dẫn mấy người đến gây chuyện, dọa dẫm khách để lấy tiền.

Lại như *Hải thương hoa my* hồi 20 nói:

"Theo phong tục Thượng Hải, thân xác kẻ làm kỹ nữ đều rơi vào tay Bá thế. Đám Bá thế này mười người có đến chín kẻ không tốt, vừa muốn ăn không, vừa muốn sai khiến, phải luôn luôn kính cẩn vâng lời, nếu có chút gì không vừa ý sẽ thình lình trở mặt, làm chuyện tàn ác, không ai chịu nổi. Nếu không rơi vào tay Bá thế, thì người này muốn thân thiết, người kia sẽ phá bình, làm âm ī lên. Hiện nay xuất hiện một bọn Bá thế, ba tên thành bầy, năm gã thành đảng, diệu vô dương oai, không biết độc ác tới mức nào, tới đâu cũng muốn uống xù hút quyt".

Quá đáng hơn, một số ăn mày cùng đường cũng tìm tới kỹ nữ hăm dọa đòi tiền. Như gã ăn mày Dương Ma Tử trong *Nhân gian địa ngục*, "Trong Đường tử không ai không sợ y, cũng không kỹ viện nào không ghét y, nhưng không có cách nào bắt y. Y nghèo xác xơ nên chẳng sợ ai cả. Anh không đắc tội với y, y cũng tìm đến anh, nếu muốn đắc tội với y nữa, trong miệng y không từ ai, bất cứ lời gì cũng chửi ra được. Nếu chửi đã miệng thì cũng thôi, lỡ mà kết oán thù với y, trên đường trong hẻm y sẽ giờ trò ma để anh ném mùi nhục nhã trước, bị y ám hại". Vì thế kỹ nữ thấy y tìm đến cửa, phải đưa cho y một ít tiền tiêu.

Ngoài việc hạch sách tiền bạc, bọn lưu manh này còn muốn giày vò kỹ nữ, tìm cách chiếm hữu họ. *Thượng Hải hắc mạc* có chép lại chuyện gọi là "Diệu pháp chiếm đoạt kỹ nữ của bọn lưu manh":

"Loạn nhân (tức lưu manh) là người ăn mặc tiêu pha đều dựa vào kỹ nữ đứng đường. Họ muốn lợi dụng kỹ nữ nào, thì đầu tiên phải thăm dò rõ xem kỹ nữ là Chiết trưởng theo việc hay Áp trưởng... Lưu manh muốn giờ trò với kỹ nữ Chiết trưởng, đầu tiên nhất

định dùng thủ đoạn lúc mềm lúc cứng, cho biết lợi hại, tới cưỡng bức dụ dỗ kỹ nữ ấy cho rơi vào vò của y. Hết kỹ nữ chịu theo thì y liền giao ước với chủ chứa kỹ viện ấy, trước tiên mượn mấy chục đồng, thanh toán tiền bạc thay kỹ nữ. Trong lúc chuyên tay ấy kỹ nữ đã là sở hữu của lưu manh. Như vậy tiền kỹ nữ lấy được hàng tháng đều cung cấp cho lưu manh phung phí, có chút gì không vừa ý thì tay đấm chân đá”.

Có chuyện như vậy, nên tác giả sách ấy cảm thán nói “Than ôi! Thân làm kỹ nữ, như bị dày xuống địa ngục, hiện phải chịu sự đè nén dày dọa của bọn ác ma, đúng là đến muôn kiếp cũng không sao thoát ra được. Nay kéo bức màn đen ấy ra, không kìm được vì vậy mà chạnh lòng thương xót cho họ”.

III. Lối thoát của kỹ nữ

1. Hoàn lương lấy chồng

Cái gọi là “hoàn lương” là chỉ người kỹ nữ thoát khỏi cảnh đời cũ thuộc mình lấy người lương thiện. Thoát tịch, còn gọi là lạc tịch, tức xóa tên trong sổ nhạc hộ của quan

a. *Điều kiện kỹ nữ thoát tịch hoàn lương*. Kỹ nữ thoát tịch, ắt phải phù hợp với những điều kiện sau:

Một là tuổi cao thoát tịch. Chu Hy trong *Án đường Trọng Hữu đệ tam trang* viết “Trọng Hữu ưa thích danh kỹ Nghiêm Nhụy, muốn đưa về, bèn giả nói là già, xóa tên nàng trong sổ”. Từ đó có thể thấy kỹ nữ khi tuổi cao sắc kém có thể hoàn lương.

Hai là dùng tiền thuộc mình. Như quan kỹ thời Tống muốn lạc tịch, ắt phải tốn rất nhiều vàng bạc mới thoát tịch được. *Tống bị loại* sao nói “Phạm Văn Chính công làm thái thú quận Phiên Dương, lập ra Khánh Sóc đường, trong kỹ tịch có kỹ nữ Tiểu Hoàn còn nhỏ, ông thích nàng ấy, lúc ra đi gởi Nguy Giới một bài thơ rằng “Khánh Sóc đường tiền hoa tự tài,

Tiên huề hoa khứ vị tằng khai, Niên niên trường hữu biệt ly hận, Dĩ thác Đông phong cán đáng lai" (Trước sảnh vun trồng một khóm hoa, Hoa còn chưa nở đã đi xa, Năm liền mang mãi hờn ly biệt, Đem ý xuân về gửi gió xa). Thời Nguyên cũng thế, như vở *Tiểuтан đồ* màn 3 "Đợi tiểu sinh kiếm nhiều vàng bạc châu báu, tới quan ty trên dưới đưa ra, đưa nương tử ra sổ hoàn lương". Các kỹ nữ ở thành thị thường theo cách dùng tiền chuộc mình. Như Trần Nguyên Kiều thời Nguyên yêu kỹ nữ Vương Xảo Nhi, đưa nhiều vàng cho chủ chứa, mới lấy được nàng làm thiếp. Sĩ nhân Thái Như Hoành cuối thời Minh bỏ ra 3.000 lượng vàng mới được cưới danh kỹ Kim Lăng là Vương Nguyệt về thành thân⁽²²⁾. Những chuyện loại này, không sao kể xiết.

Nhưng kỹ nữ muốn thoát tịch hoàn lương không phải chuyện dễ. Điều tối cần thiết của người trong kỹ viện chính là vấn đề thân thể, nếu như là loại tự do bản thân, nhất thiết là điều hay, nếu là loại thân phận Trú nợ hoặc Gán nợ, thì rất phiền phức. Muốn thoát ly quan hệ, khôi phục tự do rất không dễ, nhất định phải tốn một món tiền lớn mới có kết quả.

Dầu tiên, ắt phải giải quyết vấn đề phí tổn chuộc mình của kỹ nữ. Theo quy củ của kỹ viện, phàm ai muốn chuộc thân phải trả tiền gấp đôi giá lúc đầu chủ chứa mua. Ví dụ lúc đầu mua là 400 đồng, ắt phải bỏ ra 800 đồng để chuộc. Lúc ấy chủ chứa thường ra sức làm tiền. Như trong tiểu thuyết *Chàng bán dầu riêng chiếm á hoa khôi* kể chuyện lúc Mỵ Nương chuộc thân, chủ chứa má Chín Vương nói "Trong nghề của chúng ta chỉ có mua rẻ chứ không có bán rẻ. Huống hồ con Mỵ vài năm nay nổi tiếng ở Lâm An, ai không biết là hoa khôi nương tử, chẳng lẽ ba bốn trăm lượng là đem nó đi được sao? Ít ra cũng phải một ngàn lượng mới được". Câu nói này rất điển hình, phản ánh đầy đủ tâm lý tham lam không chán của chủ chứa.

(22) *Bản kiều tạp ký*

Trước số tiền chuộc rất cao ấy, rất ít người bỏ tiền ra được, nên kĩ nữ rất ít có cơ hội chuộc mình.

Kế đó, át phải tìm một hảo hộ thủ chịu chuộc mình cho kĩ nữ. Trong lịch sử, đa số người bỏ tiền ra là thương nhân, thân hào và gia đình quan lại, nhưng bọn họ ai tình nguyện bỏ ra số tiền lớn để lấy loại đàn bà tàn hoa bại liêu, không biết làm sao để sống qua ngày? Ở đây có cách, một số kĩ nữ khôn ngoan sớm bắt đầu qua mặt chủ chứa lén lút dành dụm, nhân lúc còn xuân cố gắng tìm kiếm, gặp được người tốt có thể nương tựa suốt đời thì sẽ chuộc mình hoàn lương, ra khỏi hầm lửa. Đây chính là cách hoàn lương lấy chồng kiểu Bù thêm (Đảo thiếp) thông thường trong kĩ nữ. Như Vương Mỹ Nương trong *Tinh thế hằng ngôn* quyển 3, truyện *Mai du lang độc chiếm hoa khôi* thì "chỉ vì chuyện hoàn lương đã tích góp trước vài món, tạm gởi ở ngoài". Về sau, phí chuộc thân "ngàn vàng" của chủ chứa má Chín Vương đặt ra, toàn do Vương Mỹ Nương bỏ ra.

Nhưng chủ chứa không khinh dị để kĩ nữ hoàn lương, nhất là lúc kĩ nữ đang đắt khách họ sẽ lập tức đề phòng ngăn chặn kĩ nữ phát sinh ý niệm hoàn lương, rất sợ khách chơi và một kĩ nữ nào đó trong kĩ viện quá thân thiết. Vì nếu một sớm có chuyện ấy, kĩ nữ sẽ khó tránh khỏi nảy ra nguyện vọng theo khách hoàn lương, cắt đứt đường kiếm tiền của chủ chứa, gây ra ảnh hưởng tiêu cực trong kĩ viện. Một khi gặp tình huống loại này, chủ chứa sẽ bức bách kĩ nữ từ chối khách, nếu không có kết quả thì sai bọn lưu manh họ nuôi tới hăm dọa người khách ấy, khiến y không dám tới cửa nữa⁽²³⁾.

Đối với việc này, kĩ nữ sợ nhất là nói muốn lấy chồng. "Lấy được thì không sao, lấy không được thì nhất định khách

(23) Ví dụ khu vực phía bắc thời cận đại gọi loại lưu manh đánh mướn này là "Dao bì", vì họ đều không có nghề nghiệp đàng hoàng, suốt ngày cứ la cà ở các kĩ viện, chuyên lửa dối hiếp đáp lấy tiền mồi hôi nước mắt của kĩ nữ, nên người ta còn gọi là "Hỗn hỗn nhi".

đồn dâi ra sẽ không ai tới, chịu nạn không nhở”⁽²⁴⁾. Cho dù phải hoàn lương lấy chồng cũng bí mật tiến hành, sau khi định mưu kế xong thường là xuất kỳ bất ý, làm chuyện bất ngờ, nhất định không bao giờ dán thiếp thông báo cho khách chơi biết.

b. Cách thức hoàn lương. Kỷ nữ hoàn lương có mấy bậc không giống nhau. Có hoàn lương thật, có hoàn lương giả, có hoàn lương khổ, có hoàn lương sướng, có hoàn lương nhân cơ hội tốt, có hoàn lương bất đắc dĩ, có hoàn lương trọn vẹn, có hoàn lương không trọn vẹn. Rốt lại những cách hoàn lương này có gì khác nhau? Về điều này tiểu thuyết gia thời Minh Phùng Mộng Long trong *Tinh thế hằng ngôn*, quyển 3, *Chàng bán dầu riêng chiếm á hoa khôi đã miêu tả rất cặn kẽ nhưng sinh động*, ở đây không ngại gì dài dòng mà chép ra:

“Thế nào là hoàn lương thật? Phàm tài tử át phải có giai nhân, giai nhân át cần có tài tử, mới thành giai ngẫu. Nhưng phàm việc hay thì khó thành, thường cầu không được. Nếu may mắn tương phùng, kẻ muốn người thích, chia cắt không rời, một người muốn cưới, một người muốn lấy, như con đối đối, chết cũng không rời nhau. Đó là hoàn lương thật. Thế nào là hoàn lương giả? Có con em nhà giàu yêu tiểu nương, tiểu nương lại không yêu y. Lòng vốn không muốn lấy y, chỉ đem chữ cưới làm y nóng lòng mà vung tiền ra. Đến khi đã giao hẹn xong, có hối thúc cũng không chịu cưới. Lại có bọn con em nhà giàu si mê, biết lòng dạ tiểu nương không ưng y nhưng vẫn cứ cưới về. Chồng một món tiền lớn, làm chủ chứa nảy lòng tham, không sợ tiểu nương không theo. Miễn cưỡng vào cửa, trong lòng không muốn, cố ý không giữ gia quy. Nhỏ thì bừa bãi phóng

(24) *Tục Hải thương phồn hoa mộng*, hồi 26
Thanh nê liên hoa ký, quyển 4

túng, lớn thì công nhiên ngoại tình. Người ta cũng không chứa được, nhiều thì một năm, ít thì sáu tháng, cho ra khỏi cửa, lại làm kỹ nữ. Chỉ lấy hai chữ hoàn lương làm cớ kiếm tiền, như thế gọi là hoàn lương giả. Thế nào là hoàn lương khổ? Tất cả bọn tử đệ yêu tiểu nương, tiểu nương không yêu họ, lại bị họ dùng thế lực khinh khi. Chủ chứa sợ tai họa, tự ý thỏa thuận. Tiểu nương thân làm kỹ nữ không thể tự chủ, đành phải nuốt lệ làm theo. Một khi bước vào, cửa hầm sâu như bể, gia pháp lại nghiêm, không ngẩng đầu lên được. Nửa thiếp nửa tỳ, nhịn nhục qua ngày. Đó là hoàn lương khổ. Thế nào là hoàn lương sướng? Tiểu nương đang lúc chọn người, ngẫu nhiên quen biết một người nhà giàu. Thấy y tính tình ôn hòa, gia sản sung túc, và lại vợ lớn hiền lành, không có con cái, chỉ mong ngày sau được theo về, sinh con cho y thì cũng có thân phận chủ mẫu. Đem mong muôn ấy lấy y, mong rằng hiện tại thoát khỏi cảnh khổ, ngày sau nở mặt với đời. Đây gọi là hoàn lương sướng. Thế nào là hoàn lương nhân cơ hội tốt? Người làm tiểu nương phong hoa tuyết nguyệt đầy đủ đã quen, nhân lúc đang nổi tiếng, nhiều người đeo đuổi, tùy mình chọn lựa một người chồng thật vừa ý, liền nắm lấy thời cơ hoàn lương cho sớm, không đến nỗi bị người ta khinh rẻ. Đó là hoàn lương nhân cơ hội tốt. Thế nào là hoàn lương bất đắc dĩ? Người làm tiểu nương vốn không có ý hoàn lương, hoặc bị quan lại bức bách, hoặc bị bọn ngang ngược khinh rẻ, hoặc vì mắc nợ quá nhiều, trong tương lai không trả nổi, bèn làm bừa đi, bất kể tốt xấu, lấy chồng được là lấy, bán rẻ cho xong, tìm cách ẩn thân, đó là hoàn lương bất đắc dĩ. Thế nào là hoàn lương trọn vẹn? Tiểu nương lúc đứng tuổi, từng trải sóng gió, vừa khéo gặp được người lớn tuổi cô độc, đôi bên tâm đầu ý hợp, chấp

nối với nhau, chung sống đến trọn đời, đó là gọi là hoàn lương trọn vẹn. Thế nào là hoàn lương không trọn vẹn? Tất cả người mê kẻ thích, nhiệt tình theo ý, lại chỉ là ham thích nhất thời, chưa hề tính toán chuyện lâu dài. Hoặc giả bậc trưởng bối không đồng ý, hoặc giả vợ lớn ghen ghét, làm ầm lên mấy phen, trả lại kỵ viện, đòi lại đủ tiền. Lại có người gia đạo nghèo khó, hoặc không nuôi được, chịu khổ giữ tiết không được, bước ra làm lại nghề cũ, đó là hoàn lương không trọn vẹn".

Đoạn trên tuy là lời của má Tư Lưu, nhưng đã giải thích rất thấu đáo việc hoàn lương.

c. *Kết cục sau khi kỵ nữ hoàn lương.* Từ tư liệu sử sách mà nhìn thì phải suy tôn em gái Lý Diên Niên, ca kỵ thời Tây Hán là người kỵ nữ may mắn nhất. Nàng nhờ tài sắc siêu quần được vào cung, được Hán Vũ đế phong làm phu nhân, rất sủng ái một thời, sau khi chết lại được truy phong là Hiếu Vũ hoàng hậu, lưu danh sử sách.

Kỵ nữ Biện thị ở Tiêu quận thời Tào Ngụy cũng có số phận rất may mắn. Nàng vì được Tào Tháo sủng ái nên trở thành Vương hậu. Sau khi Tào Phi lên ngôi, tôn làm Hoàng thái hậu.

Ngoài ra Tiết thị là tần phi của Thế tông thời Bắc Tề, Mao phu nhân, Bành phu nhân... của Hậu chủ mà sử sách ghi chép cũng đều là kỵ nữ được đưa vào cung, hưởng vinh hoa phú quý.

Kết cục của Lý Quế thời Đường và Lương Hồng Ngọc thời Tống cũng rất hoàn mỹ. Lý Quế là danh kỵ Trường An, lúc ân khách Trịnh Sinh hết tiền bị đuổi ra ăn xin trên đường, nàng chân tình giúp đỡ Trịnh Sinh cầu công danh, cha Trịnh Sinh làm tới chức Kiếm Nam Thái phỏng sứ cảm động, cuối cùng thành "mối duyên Tân Tấn". Về sau Trịnh Sinh làm quan

lớn, Lý Quế cũng nhờ đó được phong là Thiên Quốc phu nhân⁽²⁵⁾.

Lương Hồng Ngọc là danh kỵ ở Kinh Khẩu, thấy công tử Hàn Thế Trung mắc nạn khí độ phi phàm, "bèn mời tới nhà, thiết đãi cơm rượu, vui vẻ suốt đêm, thâm giao đính ước, tặng cho vàng lụa, ước hẹn làm vợ chồng". Sau Hàn Thế Trung lập được quân công, được phong là Kỳ vương, trở thành danh tướng, Lương Hồng Ngọc nhờ đó được phong là An Quốc phu nhân. Nàng từng giúp chồng đại phá quân Kim ở Hoàng Thiên Đăng, suýt bắt được Ngột Truật, trở thành hào kiệt trong nữ lưu, oai chấn nước địch, danh vang thiên hạ⁽²⁶⁾.

Nhưng các kỵ nữ trở thành phu nhân trong lịch sử Trung Quốc có thể nói như lông phượng sừng lân, vô cùng hiếm có, còn tuyệt đại đa số là bị kẻ có thế có tiền mua về làm thiếp. Một là để làm vật trang điểm trong nhà, hai là họ "đón kẻ có tài về hầu rượu", ba là để thỏa mãn xác thịt, sinh con nối dõi.

Số người lấy kỵ nữ phần đông là thương nhân, vì tất cả họ có thực lực kinh tế khá mạnh. *Ngũ tạp trả* của Tạ Triệu Chiết nói "Những cự phú xứng hùng thì Giang Nam có Tân An, Giang Bắc có Sơn Hữu. Đại thương nhân Tân An buôn cá và muối, tiền bạc có tới hàng trăm vạn. Những kẻ có hai ba mươi vạn là bậc giàu vừa. Ở Sơn Hữu thì có kẻ buôn muối, có kẻ vận tải buôn bán, có kẻ buôn thóc, còn giàu hơn cả Tân An. Người Tân An xa xỉ mà người Sơn Hữu dè xén. Người Tân An ăn mặc rất bùn xỉn, cháo trắng với chao cũng vui vẻ ăn no một bữa. Duy trong việc cưới thiếp, chơi gái và kiện tụng thì vung tiền như rác"⁽²⁷⁾. Lý Mộng Dương bàn về thương nhân buôn muối ở Dương Châu thời Minh nói "Những nhà buôn hiện

(25) *Thanh nê liên hoa ký*, quyển 3

(26) *Ngũ tạp trả*, quyển 64, *Địa bộ nhì*

(27) *Không Động tiên sinh tập*, quyển 39, *Tự xử trí diêm pháp sự nghi trang*

nay... tàng trữ các kĩ thiếp giỏi ca múa và những đồ quý báu, lấy đó kết giao với các nhà giàu có để nhờ họ che chở⁽²⁸⁾. Kỹ nữ tuy đối với thương nhân "trọng lợi khinh ly biệt" không có hảo cảm, càng không thể nói chuyện tình yêu chân chính, nhưng ngoài cách ấy ra thì còn gì để lựa chọn? Nhan sắc tàn phai, tuổi đã cao, trước cửa vắng người, ngựa xe thưa thớt, thường xuyên ảnh hưởng đến tiền đồ và số phận của họ. Vì vậy, họ cũng chỉ có thể tuân theo sự an bài của số phận làm lẽ thương nhân, như thế vẫn tốt hơn là ngồi trong hầm lửa. Nhưng sau khi họ làm thiếp thương nhân, không bao lâu thì bị thương nhân nhìn kiểu thành kiến, lạt léo, vứt bỏ một cách vô tình, đây là vấn đề mang tính xã hội rất phổ biến trong lịch sử, như Bạch Cư Dị trong Tỳ bà hành viết:

*Tự ngôn bản thị kinh thành nữ,
Gia tại Hà Mô lăng hạ trú.
Thập tam học đặc tỳ bà thành,
Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ.
Khúc bãi tàng giao Thiện Tài phục,
Trang thành mỗi bị Thu Nương đố.
Ngũ Lăng niên thiếu tranh triền đầu,
Nhất khúc hồng tiêu bất tri số.
Điền đầu ngân tì kích tiết toái,
Huyết sắc la quần phiên tửu ô.
Kim niên hoan tiêu phục minh niên,
Thu nguyệt xuân phong dǎng nhàn đô.
Đệ tử tòng quân, a di tử,
Mộ khứ triều lai nhan sắc cố,
Môn tiên lanh lạc xa mā hy,
Lão đại giá tác thương nhân phu,
Thương nhân trọng lợi khinh biệt ly,
Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ*

(28) Hán thư, Hiếu Vũ Lý phu nhân truyện

*Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,
Nhiều thuyền guyệt minh giang thủy hàn,
Đạ thảm hốt mộng thiếu niên sự,
Mộng đê trang lệ hồng lan can.*

(Tự nói vốn là người kẻ chợ
Hà Mô cồn ấy vẫn cư ngụ
Mười ba dã giỏi đàn tỳ bà
Tên thuộc Giáo phường đệ nhất bộ.
Cung bậc thầy đàn chịu kém phần
Trang điểm chị em ghen tốt số
Thiếu niên Ngũ Lăng tranh thường tài
Một khúc bao nhiêu người mến mộ.
Lược bạc đánh nhịp gãy tan tành
Quần hồng sắc rượu vương hoen ố
Năm nay vui vẻ lại năm sau,
Gió xuân trăng thu vèo mấy độ
Em trai đi thú dì qua đời
Tháng ngày nhan sắc khó như cũ
Trước sân quạnh vắng ngựa xe thưa
Già cùng lái buôn kết phu phụ
Lái buôn trọng lợi khinh biệt ly,
Tháng trước buôn trà lên xứ nợ
Trở về bến vắng giữ thuyền không
Quanh thuyền trăng sáng nước linh lung
Đêm khuya chót mộng chuyện thời trẻ,
Bất khóc lan can lệ nhuốm hồng)

Đoạn thơ chính đã miêu tả sinh động cảnh vinh dự vẻ vang ngày xưa và cảnh tượng cô quạnh thê lương ngày nay của kỹ nữ ấy. Bài *La Hồng khúc* của danh kỹ Lưu Thái Xuân thời Đường cũng phản ánh sự thống khổ tinh thần và cảnh ngộ bi thảm của kỹ nữ sau khi lấy thương nhân, thơ rằng "Bất hỷ Tân Hoài thủy, Sinh tăng giang thượng thuyền, Tải nhi phu tế khứ, Kinh tuế hưu kinh niên, Mạc tác thương nhân phụ, Kim

thoa đương bốc tiền, Triệu triêu giang khẫu vọng, Thố nhận kỵ nhân thuyền" (Tần Hoài con nước vô duyên, Trông ra lại ghét con thuyền trên sông, Chẳng thương người vợ mong chồng, Lệnh đênh tú xứ ruồi rong tháng ngày, Vợ thương nhân nghỉ túi thay, Thoa vàng dùng để bói thay tiền vàng, Bến sông mòn mỏi trông chàng, Mấy phen lầm nhận bẽ bàng thuyền ai).

Từ tiếng ai oán thể hiện ra trong đầu bài thơ "Không làm vợ thương nhân", có thể thấy số phận của họ sau khi hoàn lương lấy chồng cũng vô cùng bi thảm, đáng thương.

2. Tuổi già bị bỏ rơi

"Phàm kẻ lấy sắc đẹp để thờ người, lúc sắc kém thì tình yêu nhạt phai, ân nghĩa đoạn tuyệt"⁽²⁹⁾, câu danh ngôn ấy thật chí lý. Theo tuổi tác ngày càng cao của kỹ nữ, dù cô có tài năng như Tiết Đào, Tô Tiểu Tiểu, phong vận như Phàn Tố, Tiểu Man cũng không tránh khỏi kết cục ngựa xe thưa thớt, cống ngõ lạnh tanh. Dường nhiên khi kỹ nữ tuổi cao sắc kém, cũng khó tránh khỏi số phận thê thảm bị ruồng bỏ.

Hiện tượng kỹ nữ bị bỏ rơi rất phổ biến. Ví dụ Huyên Phong thời Tấn vốn là ái kỹ của Thạch Sùng, về sau tuổi cao sắc kém, bị gièm pha bỏ rơi, coi là quá lứa, sai cai quản đám kỹ nữ. Trong *Oán thi* nàng cảm thán nói "Xuân hoa thùy bất mỹ, Tốt thương thu lạc thì. Đột yên hoàn tự đẻ, Bí thoái khỏi sở kỳ, Quế phương đồ tự đố, Thất ái tại nga mi. Tọa kiến phương thời khát, Tiều tuy không tự sùy" (Xuân xanh hoa thay đẹp, Rơi rụng lúc thu sang, Đài nhụy vươn trên khói, Đầu hẹn lúc điêu tàn, Quế thơm nén bị ghét, Mày ngài ai vể vang, Lúc thơm nghĩ khao khát, Tiều tuy thận dung nhan), đã tố cáo về sự tao ngộ bất hạnh của mình, nỗi khổ mất mát tình yêu và nỗi lo khi tuổi cao sắc kém. Giống như gia kỹ này, thường khi tuổi già sắc kém bị đẩy xuống địa vị nô tỳ, có kẻ phục dịch

(29) Ngọc Đài tân vịnh, quyển 8

trong nhà, có kẻ chuyển bán cho người khác. Nhưng so với gia kỵ thì số phận cung kỵ càng bi thảm hơn, sau khi nhan sắc sút kém bị bỏ rơi cũng không được tự do lấy chồng, chỉ có thể hy vọng được phỏng xuất khỏi cung, nếu không thì chỉ có thể oán hận trong cung đến chết, u uất cả đời. Bài thơ *Oán* của Lưu Hiểu Uy chính phản ánh sự thê lương và đau buồn của cung kỵ sau khi tuổi cao sắc kém bị thất sủng "Thoái sủng từ Kim ốc, Kiến khiến xích Cam Tuyền. Chẩm tịch thu phong khởi, Phòng lung minh nguyệt huyền. Chúc ty song trung ánh, Hương hồi lô thượng yên. Đan đình tà thảo kính, Tố bích điểm đài tiền. Ca khởi bồ sinh khúc, Nhạc tấu hạ sơn huyền. Tân thanh tích quảng yến, Dư bôi kim tự truyền. Vương Tường hương tuyệt mạc, Tông nữ nhập kỳ liên. Nhạn thư do vị phản, Giác mā vô quy niên. Chiêu đài tĩnh đằng ngự, Tăng bản vô khí quyên. Hậu tân tùy phục tích, Tiên ngư thùy phục liên" (Thất sủng rời Kim ốc, Bị tội tới Cam Tuyền. Gối chiếc gió hiu hắt, Rường cao nguyệt chập chờn. Nến ngại vách in bóng, Khói vờn lò lạnh hương. Đình son đường cỏ loáng. Vách biếc nét rêu vương. Ca vắng lời chua xót, Nhạc trỗi điệu bi thương. Lời hay tiếc tiệc cũ, Chén rót riêng nỗi buồn. Kỳ Liên tủi tông nữ, Sa mạc xót Vương Tường. Thư nhàn non nước thăm, Sùng ngựa tháng năm trường. Lên đài luống than thở, Xuống dốc nghĩ chán chường. Cùi sau tùy kẻ chất, Cá trước biết ai thương)⁽³⁰⁾.

Còn có một loại vì tình hoặc vì ân khách sáng ba chiêu bốn, kỳ thị thành kiến mà bị ruồng bỏ. Bài thơ *Ưc tình nhân* của kỵ nữ Tân Ngọc Loan thời Tùy đã đả kích hiện tượng xã hội này, đồng thời cũng phản ánh sự oán hận và sự bất lực của kỵ nữ.

3. Xuất gia nhập đạo

Việc kỵ nữ xuất gia làm ni hoặc làm đạo cô, cũng rất

(30) *Bắc sử, Cao Thông truyện*

phổ biến trong lịch sử Trung Quốc, về nguyên nhân và cách thức đại khái có hai loại:

Một là bị bức ép xuất gia. Thời cổ, một số đế vương quý tộc và sĩ đại phu vì muốn chiếm hữu ái kỵ suốt đời, không muốn sau khi mình chết cô ta bị người khác làm nhơ nhấp, bại hoại danh tiết, bèn ép bức kỵ nữ xuất gia, để họ giữ gìn trinh tiết. Như thời Nam Bắc triều, Cao Thông có mười mấy kỵ nữ, "đến khi bị bệnh, muốn họ không đi lấy người khác, bèn sai đốt ngón tay nuốt tro, xuất gia làm ni"⁽³¹⁾. Lại, Dương Huyền Chi thời Bắc Ngụy trong *Lạc Dương già lam ký* quyển 3 chú: Cao Dương vương Ung có "năm trăm kỵ nữ", "vào thì ca cơ vũ nữ, ra thì tơ trúc quản huyên, nhã nhạc thâu đêm suốt sáng", "sau khi Ung chết, các kỵ nữ bị sai làm ni cô, cũng có kẻ đi lấy chồng".

Hai là "tự nguyện" xuất gia. Trong lịch sử có rất nhiều kỵ nữ thấy rõ chốn hồng trần, trốn vào cửa Không, hy vọng có chỗ thanh tâm tịnh ý đến cuối đời, thoát khỏi cuộc sống bị khinh khi không phải con người. Như danh kỵ Lý Thúy Nga ở Hoài Dương trong tiểu thuyết truyền kỳ *Thúy Nga ngũ lục* thời Minh từng nói "Cưới kỵ nữ làm vợ, ai chịu tôn trọng? Nếu lấy chồng để họ thỏa mãn thân xác, sao không tự thủ tiết mà ở vậy suốt đời". Vì thế nàng búi tóc đội mũ, khoác áo đạo sĩ... suốt đời ở quán Động Chân⁽³²⁾. Từ đó đủ thấy kỵ nữ xuất gia loại này trên danh nghĩa là "tự nguyện" nhưng thực chất là bị bức bách.

Nhưng kỵ nữ xuất gia cũng không phải chuyện dễ, kẻ tay không thì các chùa chiền đều không chịu thu nhận. Cho dù đã xuất gia cũng phần nhiều bị người đời không dung. Như danh kỵ Uông Liên Liên sau khi "cạo đầu làm ni", công khanh sĩ đại phu vẫn cứ quấy rầy không thôi, ép nàng phải tự "phá

(31) *Mịch dăng nhân thoại*, quyển 1

(32) *Xuyệt canh lục*, quyển 12

hủy dung mạo, để cát đứt lòng ham muốn của mọi người mà yên ổn suốt đời". Còn như Giác kĩ Liên Chi Tú ở kinh sư thời Nguyên về sau rời rụng làm đạo cô, lưu lạc tới Tùng Giang, định tới ngoài cửa Đông Môn hóa duyên dựng am, Lục Trạch người trong quận viết một bài sớ mộ duyên với nội dung rất hạ lưu để châm chọc. "Sớ văn một khi đưa ra, xa gần truyền tụng, lấy đó làm chuyện cười" ⁽³³⁾ khiến Liên Chi Tú "làng dâng vào đất Ngô", "về sau không biết kết cục ra sao".

Dĩ nhiên, có kỹ nữ tự nguyện xuất gia chỉ vì muốn tìm một chỗ ăn chỗ ở trọn đời mà vào chùa chiền đạo quán. Ví dụ trong đạo quán An Quốc do Ngọc Trinh công chúa thời Đường xây dựng có rất nhiều đạo cô vốn là cung kỹ hát hay múa giỏi, nên Lư Luân trong bài *Quá Ngọc Trinh công chúa ảnh điện* nói "Quân khan bạch phát thông kinh giả, Đa thi cung trung ca vũ nhân" (Nhiều người tóc trắng lầu kinh kê, Xưa ở cung đình vẫn múa ca).

4. Lưu lạc giang hồ

Những người tuổi già sắc kém trong đám kỹ nữ lưu lạc giang hồ, số lượng không ít. Như danh kỹ Ngọc Mãng Nhi thời Nguyên "lưu lạc giang hồ", dạy nghề đến hết đời; Kim Thú Đầu "trôi nổi giữa Thái Hồ và Tương Giang"; Trần thị học trò giỏi của Thuận Thời Tú, người ta khen là tài nghệ không kém thầy, nhưng nàng lúc cuối đời vì nhan sắc tài nghệ đều giảm sút, "từ đó lưu lạc khắp nơi, rời kinh đô làm khách ở phương xa. Xuân tàn đóng cửa không người hỏi, Tóc bạc quần xanh chẳng điểm trang" ⁽³⁴⁾, cuối cùng chết rất đáng thương. Từ đó có thể thấy, cho dù là danh kỹ một thời, đời sống cũng hoàn toàn không có gì bảo đảm, nhất là lúc "người già ngọc tối", kết cục

(33) Cao Khải, *Thính giáo phường cựu kỹ Quách Phương Khanh đệ tử Trần thị ca*

(34) *Ngọc chiêu tân chí*

dều rất thê thảm bi thương.

Có rất nhiều kỹ nữ lưu lạc giang hồ, bôn ba khắp nơi, ăn xin sống qua ngày, cuối đời cô độc thê lương. Như danh kỹ Tân Diệu Quan ở Đông Kinh thời Bắc Tống từng nổi tiếng một thời, ngoài cổng đông như cái chợ, nhưng cuối cùng vẫn không tránh khỏi số phận ăn xin đầu đường ở thành Lâm An⁽³⁵⁾. Chu Quế Bảo thời cận đại "danh tiếng lẫy lừng, là Trạng nguyên trong Hoa bảng Thương Hải", nhưng lúc đầu thì đúng là kỹ trang đầy người, xe ngựa như mây, mọi người đều muốn cưới", nhưng khi tuổi cao sắc kém, "nghèo tới mức không biết làm sao, đành ở trong ngõ Hồng Sảnh đường Tứ Mā, xách một cái giỏ tre bán hoa quả sống qua ngày", gần như ăn mày⁽³⁶⁾.

5. Trốn lánh tha hương

Bỏ trốn cũng là một trong những con đường để kỹ nữ thoát ly bể khổ. Đối với tuyệt đại đa số kỹ nữ bị bắt ép bán dâm bắt đầu từ ngày đầu tiên bước vào kỹ viện, đã mong mỏi được mau rời khỏi hang động ma quỷ thảm tuyệt nhân hoàn này. Nhưng ngoại trừ việc hoàn lương như được lên trời xanh ra, chỉ còn một biện pháp duy nhất là mạo hiểm bỏ trốn.

Kỹ nữ muốn trốn ra khỏi hầm lửa thật không phải dễ, vì ngoài sự giám sát và canh giữ nghiêm ngặt của chủ chứa ra, họ còn bị dám tòi tòi thủ hạ của chủ chứa ngầm giám thị. Kỹ nữ đi đâu đám này cũng đi theo sát gót, nghiêm ngặt theo dõi. Huống chi lộ phí cần thiết để kỹ nữ bỏ trốn phần lớn cũng bị chủ chứa lột sạch, lại càng ít có cơ hội ra ngoài, điều này khiến việc bỏ trốn lại càng khó khăn.

Chính vì vậy nên các kỹ nữ phải cố nghĩ ra vô số biện pháp, mạo hiểm bí mật trốn chạy. Một số kỹ nữ khôn ngoan, trước khi bỏ trốn thế nào cũng trung thành phục tùng chủ

(35) *Cửu vĩ quy*, hồi 29

(36) *Vương Án*, *Thu Động tiên sinh đại toàn tập văn*, quyển 43

chứa, ngoan ngoãn tiếp khách để đánh lạc hướng họ. Đồng thời tích cực chuẩn bị bỏ trốn, lén lút gom góp quần áo lộ phí tùy thân hoặc tìm chỗ ẩn náu. Qua một thời gian dài, việc cai quản của kỵ viện lỏng lẻo, lúc ấy mới tìm cách thửa cơ bỏ trốn. Như có cơ hội đào tẩu là lợi dung Hý điêu tử. Cái gọi là Hý điêu tử là một trong những phương thức chơi gái, ngay cả khách chơi vì thích kỵ nữ, đem kỵ nữ ra khỏi kỵ viện, để họ bồi tiếp trong quán ăn, vũ trường hoặc ăn cơm hý viện, khiêu vũ, xem kịch, thậm chí ngồi xe Đầu phong đi chơi. Những kỵ nữ được khách dẫn đi Hý điêu tử phần nhiều được chủ chứa coi là ngoan ngoãn, yên tâm kỵ nữ ấy không biết bỏ trốn. Nhưng chính vì vậy mà kỵ nữ đi Hý điêu tử cũng phải có Bà dì, Chị lớn hoặc người tin cậy, thậm chí người thân của chủ chứa đi theo để phòng bất trắc.

6. Ăn cữ không ra ngoài

Một số kỵ nữ, sau khi biết rõ hồng trần, ăn cữ nơi thôn quê. Ví dụ danh kỵ Tao Cẩm Tú thời Nguyên "tài sắc xinh đẹp, phong vận nhàn nhã, nổi danh Kinh Kha". Nhưng nàng "giữa đời lầm nạn, mỗi khi cảm xúc hứng hoài, lên cao làm phú, để bày tỏ nỗi lòng", cương nghị khi tuổi cao sắc kém, lúc "lòng như tro nguội" rời khỏi giang hồ, chỉ "nhấp mắt tĩnh tâm ngồi yên thấp hương mà thôi" (37).

7. Trở lại nghề kỵ nữ

Một số kỵ nữ giữ mình trong sạch từng phản kháng, đấu tranh cho số phận không may của mình, nhưng cuối cùng không thể thay đổi được số phận bi kịch. Như Thiên Nghiên Tú "cao khiết ngung trọng" thời Nguyên, vì sinh kế bức bách, hai lần lấy chồng, hai lần chồng chết, sau cùng lại "trở lại nhạc tịch". Tình trạng ấy rất phổ biến trong lịch sử kỵ nữ Trung Quốc. Trong *Thanh lâu tập* đã chép rất nhiều chuyện như vậy, như Lý Chi Tú "lại làm kỵ nữ", Cổ Sơn Sơn "trở về nhạc tịch", Trường Ngọc Liên "trở lại nhạc tịch" vân vân.

Theo tâm tư của những kỹ nữ này, đời này kiếp này nhất định không sống kiếp Thần nữ sinh nhai nữa. Nhưng thực tế cuộc sống luôn bức họ đến đường cùng, không còn sự lựa chọn nào khác. Sau khi trải qua bao sóng gió, rất nhiều người trong họ đành trở lại xóm yên hoa txa cửa đón khách, làm lại nghề bán dâm.

Cũng có một số kỹ nữ đã quen hòa mình với đời sống kỹ viện, một khi lấy chồng thì phải theo quy củ nhà lành, có rất nhiều người không thể tự do di lại. Vì chịu không nổi sự bó buộc, cuối cùng lại rơi vào thanh lâu, trở lại nghề cũ.

LỊCH SỬ KỶ NỮ

Tử Quân, Dương Hải

Cao Tự Thanh dịch

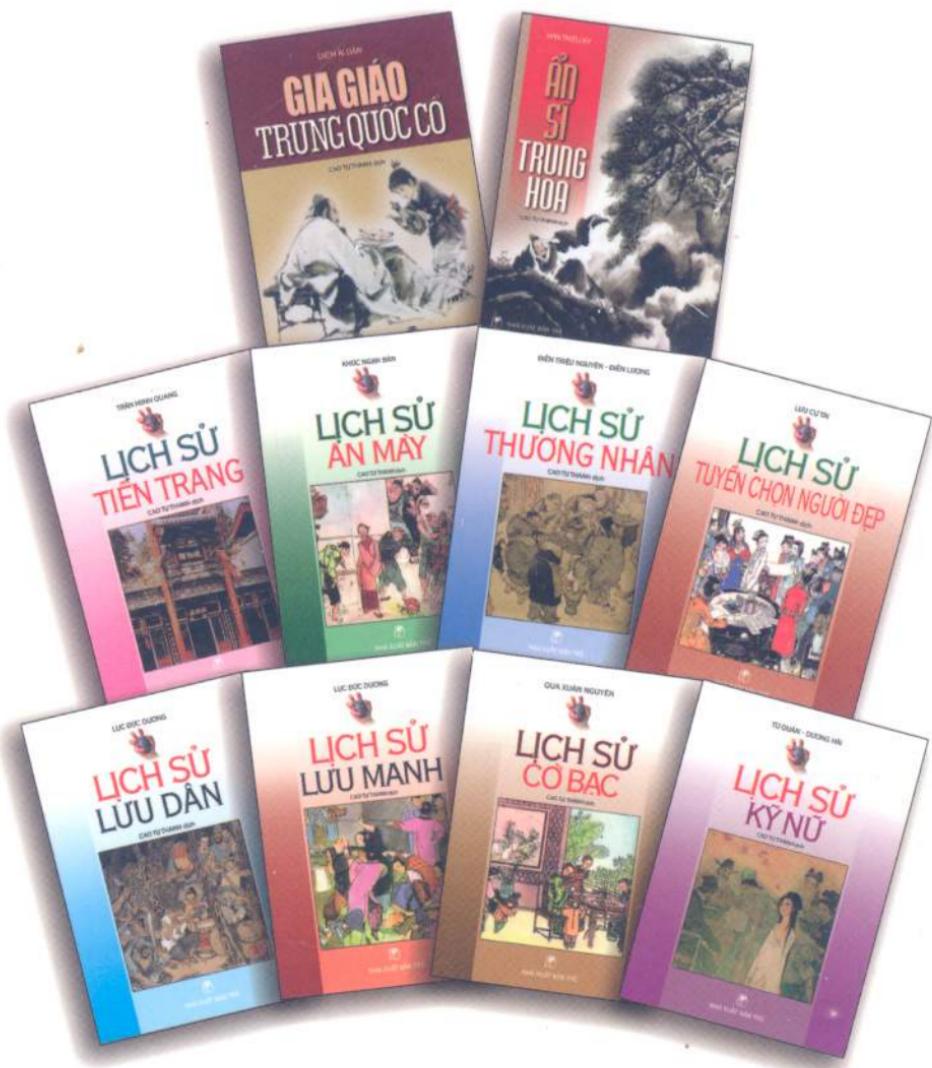
<i>Chịu trách nhiệm xuất bản:</i>	LÊ HOÀNG
<i>Biên tập:</i>	THANH LIÊM
<i>Sửa bản in:</i>	NGUYỄN TRUNG
<i>Vẽ bìa:</i>	DUY NGỌC
<i>Đơn vị liên doanh :</i>	Cty TNHH phát hành sách Sài Gòn

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B LÝ CHÍNH THẮNG – QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

In 1000 khổ 14,5 × 20,5cm. Tại CTy In Chuyên ngành LĐXH.
Số đăng ký KHXB: 297/75. Giấy trích ngang KHXB số: 248/2001.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2001

Mời các bạn tìm đọc :



GIÁ: 35.000đ